CẢM
ỨNG
THIÊN
VỰNG
BIÊN

CẢM ỨNG THIÊN VỰNG BIÊN

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo chánh: **Đức Phong - Huệ Trang**

【 PHẦN III 】

THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN CHÚ GIẢNG CHỨNG ÁN VỰNG BIÊN

【 Phần III 】

Khinh miệt thiên dân, nhiễu loạn quốc chánh.
輕蔑天民。擾亂國政。
Khinh miệt dân chúng, nhiễu loạn nền chánh trị trong nước.

Mạng lệnh của Thượng đế lấy lòng dân làm chủ. Phàm những người dân đen đều là con đỏ của Thượng

đế. Vì thế gọi là "thiên dân" (天民, dân của trời). Trời yêu dân tột bậc; lập ra vua, lập ra Tể tướng, lập ra các quan chức, không gì chẳng vì dân chúng! Sanh ra bậc hào kiệt, sanh ra thánh hiền, thành tiên, thành Phật, thành thần minh, cũng không gì chẳng vì dân vậy! Xếp đặt ngũ hành, tăng trưởng muôn vật, đặt định núi, sông, ấn định kiếp vận, mở mang thời thế bình trị hay loạn lạc, xét đoán báo ứng, cũng không gì chẳng vì dân vậy! Do đó, sách Chu Lễ chép: "Hễ có người dâng lên vua bản ghi chép về số lượng dân chúng, vua ắt lạy rồi tiếp nhận"[1]. Trọng Ni (Khổng Tử) đang ngồi trên xe bèn khom mình phủ phục xuống tấm ván chắn ngang trước xe để tỏ lòng kính trọng người cầm bản đồ lãnh thổ. Như vậy thì há có nên khinh miệt dân chúng hay chăng?

Vua Nghiêu nói: "Ta quan tâm thiên hạ, dốc lòng lo nghĩ cho dân nghèo, đau xót vì nỗi hiểm nguy của muôn họ, lo lắng vì những điều bất thuận lợi của mọi

1 Điều này được chép trong thiên Tiểu Tư Khấu, phần Thu Quan của sách Chu Lễ. Chu Lễ là bộ sách chép về hệ thống quan chức đời Chu, cũng như cách tổ chức triều đình và các chánh sách cai trị thuở ấy. Sách này thường được coi là bản hiến pháp đầu tiên của Trung Hoa. Đời Hán, sách này được gọi là Chu Quan, hoặc Chu Quan Kinh. Đến cuối thời Tây Hán, Lưu Hâm chỉnh lý, và dùng lại danh xưng cũ là Chu Lễ. Theo sách ấy, quan chức Đời Chu được chia thành sáu loại là Thiên, Địa, Xuân, Hạ, Thu, Đông. Chẳng hạn như Thiên Quan là chức quan coi về việc hành chánh, Địa Quan coi về nông nghiệp, quản lý đất đai, Xuân Quan coi về lễ nghi, tôn giáo và văn hóa, Hạ Quan coi về việc binh bị, quân đội, giao thông, quản trị chư hầu, Thu Quan trông nom hình phạt, lao ngục, Đông Quan quản trị việc kiến thiết, đê điều, thủy lợi v.v…

người, thi hành điều nhân mà đạo nghĩa được thành lập, truyền rộng đạo đức, cảm hóa dân chúng rộng rãi. Vì thế, chẳng tưởng thưởng mà dân siêng năng vâng giữ đạo nghĩa, đức hạnh; chẳng trừng phạt mà dân yên ổn".

Đường Thái Tông nói: "Dân là cội gốc của đất nước, đức là cội rễ của thân[2]. Đức dày thì mọi người sẽ mến mộ, dân yên ắt nước vững. Vì thế, kẻ đứng đầu nhân dân mà có đạo đức nhân hậu, dân sẽ nương về như cha mẹ, lẽ tự nhiên là sẽ có lãnh thổ, có tài sản vậy".

Xét từ những lời này, ta thấy các bậc thánh vương xưa nay còn chẳng nỡ lòng khinh miệt dân chúng như thế ấy, huống hồ những kẻ thay vua cai trị dân mà chẳng thấu hiểu ý này ư?

Đời Tống, Trịnh Thanh Thần tánh hà khắc, làm huyện lệnh ở Hòe Lý, ngược đãi dân chúng. Đến khi hắn rời nhiệm sở, dân chúng chặn đường thóa mạ. Thanh Thần dâng sớ về triều, hạch tội dân chúng thuộc vùng hắn cai quản đã dám khinh nhờn, nhục mạ trưởng quan. Tống Chân Tông nói: "Cai trị cốt yếu là được lòng người. Lòng dân đã như thế, có thể biết ngươi cai trị theo kiểu nào rồi! Ngươi còn dám oán hận dân chúng, để rồi dám ôm lòng khinh nhờn triều đình mà

2 Ông Hoàng Bách Lâm chú giải: Câu này phải hiểu là "đức hạnh chính là căn bản để làm người".

tấu trình ư?" Hắn bèn bị hạch tội, bị biếm trích.

Đời Minh, ông Đào Đại Lâm nói: "Bọn ta đã được dự vào hàng quan lại, dẫu niệm nào cũng luôn nghĩ giúp người, lợi vật, nhưng đối với tội nghiệp trong cả một đời, vẫn chẳng thể chuộc một phần vạn được! Ta trước kia được vua sai phái đi công cán, bèn rời kinh thành, từ kinh thành đến đất Nghi, đất Việt, rồi từ đất Việt trở về kinh đô. Phàm mấy ngàn dặm, đường thủy, đường bộ, ngồi thuyền, ngồi xe, sử dụng phu phen khiêng vác, chuyên chở, lôi, dắt ngựa, lừa, chẳng biết là bao nhiêu người. Nghĩ tới dân chúng xanh xao, bụng rỗng, quần áo tả tơi, toàn là con cái của người ta. Đang trong lúc nóng hừng hực, mồ hôi tuôn đầm đìa như mưa, thở hồng hộc như sấm động. Gặp cơn rét buốt, họ bươn bả trên đường băng, xông pha mưa tuyết; do vậy trượt ngã, mất mạng trên đường, chẳng thể kể xiết! Những tội lỗi ấy đều do ta tạo. Nếu cái thuyết báo ứng chẳng phải là bịa đặt, há chẳng đáng kinh sợ ư?"

Năm Đại Lịch[3] thứ hai (767) đời Đường, mùa thu bị mưa dầm, mùa màng tổn hoại. Huyện lệnh Vị Nam là Lưu Tảo trình báo thóc lúa trong huyện chẳng bị hư hao. Quan trên nghi ngờ, sai người đến xem, phát hiện hơn ba ngàn khoảnh ruộng bị hư hoại. Quan trên than: "Huyện lệnh là quan cai quản dân chúng, dẫu không

3 Đại Lịch là niên hiệu được sử dụng từ năm 766 đến năm 779 trong đời Đường Đại Tông (Lý Dự), tức vị vua thứ mười một của nhà Đường.

bị tổn thất, vẫn nên nói là bị tổn thất. Thế mà hắn bất nhân như thế đó", bèn phạt hắn tội lưu đày!

Đời Tùy, vào thời đầu niên hiệu Nghĩa Ninh[4], vùng Du Lâm bị đói to. Quận Thừa là Vương Tài chẳng lo cứu đói. Quách Tử Hòa hiệu triệu dân đói, bắt Vương Tài, hạch mấy tội, chém chết Vương Tài rồi khởi loạn. Tuy đấy là hành vi của lũ đạo tặc, rốt cuộc chúng cũng bị triều đình giết chết, nhưng chuyện này cũng đủ để răn dè những kẻ chẳng dốc sức cứu tế dân chúng vậy.

Nước nhà cần phải bồi dưỡng phước khí hòa bình, chớ nên mặc sức biến cải chánh sách. Nếu có những đề nghị cải cách, phải mười phần suy xét tường tận, thận trọng. Nếu chỉ vì ý kiến riêng tư của một kẻ mà thay đổi, cứ bộp chộp, bàn bạc qua quýt rồi thi hành một phen, ắt dân chúng sẽ có một phen bị nhiễu hại. Huống hồ các pháp tắc là do tổ tông đã định, những người có chức trách phụng hành đã lâu, dân cũng quen lệ tuân hành, cớ gì bày vẽ sửa đổi, gây nên nhiễu loạn vậy thay?

Đời Tống, Lý Hàng làm Tể tướng. Mã Lượng nói:

---

4 Nghĩa Ninh là niên hiệu chỉ tồn tại bảy tháng từ tháng Mười Một năm 617 cho đến tháng Năm năm 618 dưới thời Tùy Cung Đế (Dương Hựu). Ông này là con thứ ba của Dương Chiêu (con trưởng của Tùy Dượng Đế), chỉ là vua bù nhìn do Lý Uyên (Đường Cao Tổ) đưa lên ngôi, hòng khỏa lấp cuộc chánh biến lật đổ nhà Tùy do Lý Uyên chủ xướng. Ông làm vua được vài tháng, bèn xuống chiếu "nhường ngôi" cho Lý Uyên.

"Người ta nghĩ ông là cái hồ lô không có miệng"[5]. Lý Hàng đáp: "Ta đối với việc cai trị chẳng có tài cán sở trường gì, nhưng trong ngoài hễ có ai trình bày điều lợi, lẽ hại, phàm là những kiến nghị thay đổi xuất phát từ tình tự xung động nhất thời, hết thảy đều bác bỏ, ngõ hầu có lợi cho nước nhà. Nay những pháp chế của quốc gia đã hết sức chi ly, nếu cứ nghe theo những kiến nghị ấy, thực hành từng điều một, ắt sẽ gây tổn hại rất nhiều cho đất nước và nhân dân. Những gã gian ngụy may mắn được bổ dụng, có chịu suy nghĩ: [Do họ đề xướng những trò canh tân, cải cách ấy] mà dân chúng bị nhiễu loạn hay chăng?"

Lý Lâm Phủ ra sức đề xướng cách sử dụng quân Khoắc Kỵ[6]. Triều đình bàn luận rất nhiều phen, Lâm Phủ vẫn dốc sức duy trì, cho nên quân đội đời Đường

---

5 Đây là một thành ngữ, nguyên văn là "vô khẩu bào" (無口匏). "Bào" (匏) là cái hồ lô, hồ lô phải có miệng thì mới có thể đựng rượu hay các chất lỏng. Hồ lô không khoét miệng, sẽ chỉ có hình dáng, chẳng dùng được gì. Do vậy, từ ngữ này có ý nghĩa chê trách những kẻ bất tài vô dụng, chỉ nói suông, không làm được gì!

6 Khoắc Kỵ (彏騎) là danh xưng của quân túc vệ (quân thủ hộ hoàng thành). Kể từ thời Đường Huyền Tông, do quân túc vệ thường đào ngũ với số lượng lớn, Tể tướng Trương Thuyết bèn đề nghị lấy quân từ kinh sư và các châu Bồ, Đồng, Kỹ, Hoa, bắt thanh niên đến độ tuổi quân dịch sung vào quân túc vệ, gọi là quân Khoắc Kỵ với thời hạn làm túc vệ hai tháng mỗi năm. Khoắc (彏) có nghĩa là "kéo căng cung tên". Do vậy, Khoắc Kỵ tức là kỵ binh bắn tên. Do mang tánh chất tạm bợ, ô hợp, quân Khoắc Kỵ thiếu hẳn sức chiến đấu, thiếu kỷ luật; đồng thời, do phải liên tục chuyển quân từ các châu quận về nên chi phí rất tốn kém. Vì vậy, triều thần nhiều lần đề nghị bãi bỏ, nhưng Lý Lâm Phủ kiên quyết áp dụng chánh sách này.

rời rã, chán nản. Vương An Thạch sáng chế, thực hiện tân pháp, phiền nhiễu dân chúng, nguyên khí của nhà Tống từ đấy bị suy vi. Những trường hợp ấy đều là do những "sáng kiến" nhiễu loạn mà gây nên tai hại vậy!

Thưởng cập phi nghĩa, hình cập vô cô.
賞及非義。刑及無辜。
Khen thưởng kẻ phi nghĩa, trừng phạt người vô tội.

Cách tưởng thưởng đúng lẽ vốn nhằm để đề cao phẩm đức, báo đáp công huân. Đấy là điển lễ to lớn của triều đình, nhằm khích lệ, khuyến dụ lòng người vậy. Không đáng thưởng mà cứ thưởng thì gọi là "phi nghĩa". Trái nghịch là phi (非). Lơi lỏng pháp lệnh, kỷ cương, tăng trưởng điều ác, a dua lẽ riêng tư, nâng đỡ kẻ gian tà, gạt bỏ kẻ chánh trực, sẽ khiến cho lòng trời tức giận nhất. Do vậy, kẻ trông coi việc tưởng thưởng thăng chức, há có nên chẳng thận trọng ư?

Đời Chu, có thị thần[7] theo hầu Tấn Văn Công thuở còn lưu vong[8], hỏi Tấn Văn Công: "Chúa thượng định

7 Nguyên văn là "tiện thần" (賤臣), còn gọi là "thị thần" tức những bầy tôi thân cận của nhà vua.

8 Nguyên văn là "tùng vong" (從亡), tức là những người theo hầu một vị vua lưu vong. Tấn Văn Công (Cơ Trùng Nhĩ) là con thứ hai của Tấn Hiến Công (Cơ Quỷ Chư), là em trai của Thái tử Thân Sanh. Do Tấn Hiến Công sủng nịch thứ phi Ly Cơ, bèn tính phế Thái tử Thân Sanh, để đưa con trai của Ly Cơ là Hề Tề làm Thái tử. Do triều thần can gián dữ dội, vua phải bỏ ý định này. Ly Cơ lập mưu hại chết Thái tử Thân Sanh, hai người con trai khác của Tấn Hiến Công là công tử Trùng Nhĩ và công tử Di Ngô phải lén trốn về đất phong nhằm

ra ba bậc thưởng công, chẳng thưởng cho thần. Dám xin hỏi thần mắc tội gì?" Tấn Văn Công nói: "Kẻ hướng dẫn ta hành xử đúng nhân nghĩa, khuyên ta dùng đức để ban ân, kẻ ấy được thưởng theo bậc thượng. Kẻ giúp ta thực hiện chánh sách, thành lập nước nhà, hạng người ấy được thưởng theo bậc trung. Gian khổ nơi tên đạn, dốc sức hãn mã[9], kẻ ấy được thưởng bậc thứ. Nếu là kẻ dốc sức phụng sự ta, mà chẳng bù đắp cho những chỗ ta thiếu sót, sau khi đã ban thưởng ba hạng người ấy rồi sẽ ban thưởng hạng người như ông". Người nước Tấn vui vẻ. Về sau, Tấn Văn Công làm bá chủ chư hầu. Có thể nói Tấn Văn Công đã có thể ban thưởng phù hợp đạo nghĩa. Hễ là như thế, thì ban thưởng một chức quan, một tước vị, một sợi tơ, một hạt gạo, há có vướng thói tệ sơ sót chút nào ư? Tự nhiên là những gã bại hoại chánh sự, dùng các mối quan hệ để lo lót sẽ không thể do đâu mà chen chân được! Những người đang giữ chức vụ sẽ đều khuyên bảo nhau dũng mãnh, ra sức lập công vậy!

---

bảo đảm tánh mạng. Tấn Hiến Công thấy họ bỏ đi không từ biệt, rất tức giận, cộng thêm sự xúc xiểm của Ly Cơ, bèn sai quân chinh phạt khiến cho hai công tử phải lưu vong. Về sau, Tấn Hiến Công chết, Lý Khắc giết chết Hề Tề, đón Di Ngô về làm vua, tức Tấn Huệ Công. Công tử Trùng Nhĩ phải lưu vong sang các nước Tề, Tào, Tống, Trịnh, Sở, Tần. Về sau, nhờ vợ là Hoài Doanh (con gái vua Tần) vận động vua cha giúp sức, công tử Trùng Nhĩ mới trở về Tấn, giành ngôi từ tay Di Ngô, trở thành Tấn Văn Công.

9 "Hãn mã" (汗馬) nghĩa là "ngựa toát mồ hôi". Từ ngữ này hình dung những người tận tụy dốc sức lập chiến công.

Hình phạt để trừng trị kẻ ác, thánh nhân bất đắc dĩ phải lập ra, vốn chẳng phải là chuyện cát tường, tốt đẹp! Xử phạt đúng tội trạng mà còn buồn thương, chẳng vui. Vì thế, cổ nhân thận trọng trong việc xử phạt, trước khi dụng hình luôn thẩm tra tường tận, biện định rành rẽ. Nếu lạm dụng hình pháp đối với kẻ vô tội, không chỉ là đánh mất công năng xét xử nghiêm minh thích đáng, mà còn trái nghịch ý hiếu sanh của Thượng đế. Huống hồ kẻ giết người phải bị phạt tội chết, pháp luật đã có điều khoản quy định rõ ràng. Nay hành hình kẻ vô tội, không chỉ là giết chết một người, nhưng kẻ hứng chịu báo ứng chỉ có một thân ta! Cách thức đền mạng chẳng biết sẽ là như thế nào! Ôi! Tội nghiệp như thế đó, dẫu là kẻ chuyên hành xử công bằng, liêm khiết, thật khó tránh gặp lúc ngờ vực, lưỡng lự. Nếu như cứ khăng khăng chấp chặt ý kiến của riêng mình, chẳng trống lòng suy xét tường tận, sẽ đến nỗi có kẻ nuốt hận chốn dạ đài, oan oan chẳng xả! Huống chi kẻ lơ là, chẳng chú tâm ư? Đáng sợ thay!

Đời Minh, Lữ Khôn tên tự là Thúc Giản, đã biên soạn Hình Giới Bát Chương, trong ấy đã viết:

- Một là năm loại người chẳng đánh, tức chẳng đánh người già, chẳng đánh trẻ nhỏ, chẳng đánh bệnh nhân, kẻ nghèo túng cơm áo chẳng đủ thì không đánh. Người khác đánh chứ ta không đánh.

- Hai là năm hạng người đừng tùy tiện đánh: Tông thất[10] đừng không xét kỹ mà đánh. Hai là người thuộc giới quan chức, đừng tùy tiện đánh. Ba là sanh viên[11] đừng tùy tiện đánh. Bốn là những người được cấp trên sai khiến đừng tùy tiện đánh. Năm là đối với phụ nữ đừng tùy tiện đánh.

- Ba là có năm tình huống đừng nên đánh ngay: Người đang gặp lúc gấp rút đừng đánh, người đang giận dữ đừng đánh, người đang say đừng nên đánh, người đi đường xa đừng nên đánh, người chạy đến còn đang thở hổn hển đừng đánh.

- Bốn là có năm trường hợp hãy khoan đánh: Ta giận hãy khoan đánh, ta say hãy khoan đánh, ta bệnh hãy khoan đánh, ta thấy có chỗ nào trong hồ sơ điều tra chẳng đúng thì hãy khoan đánh, ta chẳng thể phân xử hãy khoan đánh.

- Năm là có ba trường hợp đừng đánh lần nữa: Đã bị phạt kẹp ngón tay thì đừng đánh nữa. Đã bị hình phạt kìm kẹp thì đừng đánh nữa. Đã bị gông cùm thì đừng đánh.

- Sáu là có ba trường hợp bèn thương xót không

---

10 "Tông thất" (宗室) là những kẻ có mối quan hệ họ hàng với nhà vua.

11 "Sanh viên" là những người đã được vào học trường huyện hay trường Quốc tử giám, tức là những người là lẫm sanh, phụ sanh v.v… đều được gọi chung là sanh viên.

đánh: Lúc trời rét buốt hoặc khi nóng bức dữ dội bèn thương xót chẳng đánh. Vào những dịp lễ lạc bèn thương xót không đánh. Đối với những kẻ mới gặp chuyện thương tâm sẽ thương xót không đánh.

- Bảy là có ba trường hợp đáng nên đánh mà không đánh: Kẻ trưởng thượng, tôn quý đáng bị đánh, nhưng bị kẻ kém vai vế hơn hoặc kẻ còn thơ ấu kiện tụng thì không đánh. Dân chúng đáng bị đánh đòn, nhưng kiện tụng với kẻ thuộc về nha môn thì sẽ chẳng đánh. Nhân viên tạp dịch, kẻ làm cho các cửa tiệm đáng bị đánh, nhưng vì sửa chữa cửa tiệm, hoặc mua bán vật dụng để tự dùng mà phát sanh tranh chấp với người khác thì chẳng đánh.

- Tám là có ba trường hợp cấm đánh: Cấm đánh bằng gậy nặng, cấm đánh kẻ dưới quyền, cấm thuộc hạ đánh người khác trái phép.

Mã Bỉnh làm huyện lệnh huyện Gia Ngư. Có lũ cướp trộm đốt phá quan phủ, cướp đoạt công quỹ rồi chạy mất. Kẻ cầm đầu bọn cướp lắm râu. Bỗng có tin báo tại trấn Đoàn Phong có chiếc thuyền chở từ mười đến hai mươi người, tung tích đáng ngờ. Trong số đó, có một gã râu dài, nhưng thật ra gã ấy chẳng phải là kẻ trộm. Rốt cuộc, họ Mã bắt họ về, trình báo quan trên "đã bắt được kẻ cướp". Họ bị chết trong ngục. Họ Mã nhờ báo công láo khoét mà được phong làm Ngự sử.

Về sau, kẻ trộm thật sự bị bắt tại một huyện khác. Do quan huyện ấy thấy họ Mã là đồng liêu, nên không truy cứu. Sau đấy, họ Mã được thăng làm Đô ngự sử; lên đường phó nhậm, thuyền đậu tại trấn Đoàn Phong, ban đêm gặp cướp, cả nhà chết sạch!

Ông Diêm làm Tuần phủ Nam Kinh. Có kẻ vu cáo người dân ở Trấn Giang là Chu Chí Liêm cầm đầu lũ trộm cướp. Chí Liêm là kẻ giàu có, sợ bị tra khảo, bèn hối lộ kẻ quyền quý, cậy nói với ông Diêm nương tay. Ông Diêm càng ngờ, rốt cuộc do phạt trượng mà giết chết Chí Liêm. Về sau, ông Diêm rốt cuộc bị Chí Liêm hóa thành lệ quỷ đòi mạng mà chết. Do ngờ vực chuyện ông ta (Chí Liêm) hối lộ mà giết chết, tợ hồ vẫn đúng lẽ công chánh, nhưng vì giết chẳng đúng tội, oan hồn vẫn có thể biến thành lệ quỷ đòi mạng ông Diêm. Há có nên tự cậy chính mình vô tư để rồi quyết đoán xằng bậy ư?

Lý Quy Chánh làm hiến chức[12] đã lâu. Từng có một hôm ra ngoài, tới cầu Tam Tỉnh, trông thấy mười mấy người đầu tóc rũ rượi, kêu gào oan uổng, dần dần ép sát ông ta. Họ Lý sợ hãi, vội vàng quay về răn con cái: "Các con mai sau khi phải chọn lựa ngành nào để làm quan[13], đừng làm quan hình tào. Bởi lẽ, ta thanh

12 "Hiến chức" (憲職) là cách gọi khác của chức Đô ngự sử.

13 Nguyên văn là "phệ sĩ" (筮仕). Đây là một tục lệ thời cổ. Trước khi sắp ra làm quan, thường tự bói, hay nhờ người khác bói để chọn làm quan trong

liêm, cẩn thận, dè dặt, kiêng sợ, luôn noi theo luật định; mà còn đến nỗi khiến cho kẻ khác bị oan uổng như thế. Nay hối hận sao kịp!" Không lâu sau, ông chết. Xem chuyện này thì kẻ chẳng thanh bạch, chẳng cẩn thận, chẳng kiêng sợ sẽ thành như thế nào đây?

Sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ vị.

殺人取財 。傾人取位 。

Giết người cướp của, lật đổ người khác để chiếm đoạt địa vị.

Giết người đoạt của, chưa chắc đã toàn là kẻ cường đạo. Như quan lại tham lam đoạt của, khiến cho kẻ khác chết trong hình ngục. Kẻ giàu có ham tiền, bức bách kẻ khác trong cơn khốn đốn. Kẻ tàn nhẫn ham cầu tiền tài, hại kẻ khác lâm vào nơi hiểm nạn. Thầy thuốc bất tài vì tiền bạc mà đẩy người khác vào cảnh nguy cấp, đều là do tiền tài mà ra! Chuyện ấy giống như giết người vậy, nhưng chẳng có kẻ nào không bị lệ quỷ đòi mạng rồi cũng tử vong. Thế mà tiền tài đoạt được, rốt cuộc cũng chẳng có lúc nào không bị mất sạch! Những tấm gương quan lại tham lam đã được trích lục khá nhiều trong những phần trước, ở đây chỉ kể đại lược.

Lưu Thược Thi làm nghề cho vay nặng lãi. Có những kẻ vay nợ nhiều năm hắn chẳng hỏi tới. Bỗng có

---

ngành nào thì sẽ thành công, thăng tiến.

một hôm, hắn xách bằng khoán vay nợ đến tính toán, món nợ đã tăng rất nhiều lần so với món nợ ban đầu. Đối với món nợ còn thiếu, hắn liền tính lãi theo từng năm, thường là chẳng có kỳ hạn, đến nỗi người vay nợ mất sạch gia sản. Kẻ mắc nợ thường bị ép uổng đến nỗi phải chết. Về sau, Thược Thi chết. Nhà hàng xóm có một con nghé sanh ra, trên bụng có ghi tên họ của Thược Thi. Hằng ngày nó bị người thiếu nợ đánh đập, sai khiến, thân thể con nghé không có chỗ da nào lành lặn! Những kẻ cho vay lời trong nhân gian, nếu có thể giữ tấm lòng khoan dung, cũng tùy lúc, tùy chỗ tạo thuận tiện cho người khác. Hiềm rằng có kẻ biết lẽ ấy nhưng chẳng chịu làm, là vì cớ sao vậy?

Người lái thuyền trên sông Dương Tử là Cung Soạn, nương theo trận gió lớn, dìm chết một thương gia giàu có, chiếm đoạt tài sản của người ấy, trở thành người giàu có. Hắn sống tại Duy Dương, sanh được một trai. Con đã lớn bèn coi cha như kẻ thù. Cung Soạn tức tối, phẫn nộ, cầu tiên giáng cơ chỉ dạy. Tiên phán rằng:

Canh Tý bát nguyệt Tây phong ác,
Dương Tử giang trung ba lãng tác.
Nhị thập niên tiền nhất niệm sai,
Quý quân thí bả tâm đầu mạc.

(Canh Tý, tháng Tám, gió Tây giật,
Trường Giang sóng cuộn đã làm gì?
Hai mươi năm trước một niệm quấy,
Thử xét lòng ngươi chẳng thẹn ư?)

Cung Soạn hết sức kinh hãi, bỏ nhà đi, chẳng được chết yên lành. Ôi! Mưu chiếm đoạt tài sản mà chẳng thể tự dùng, rốt cuộc vẫn do oán gia sở hữu. Cái giành được là suốt hai mươi năm bận lòng lo lắng và chẳng thể chết an lành. Đã thế, còn chưa tính nợ trong cõi âm ty, nỗi khổ ấy biết làm sao được?

Một gã công sai xuất hành từ sớm đến vùng đồng hoang gai góc. Có kẻ mang theo một món tiền, thấy gã công sai đi tới, ngờ hắn có dị tâm bèn trốn trong đám cây rậm. Gã công sai cũng mờ mịt, chẳng biết là gì, vừa mới nghe tiếng bước chân, đến gần chẳng thấy ai, sợ là hổ báo, bèn lấy ngọn thương đâm khắp lùm cây. Đâm trúng bèn lôi ra thì người ấy đã chết, mới biết là lầm lẫn. Đã không biết làm sao, bèn lấy tiền trong bọc người ấy, vứt xác kẻ ấy vào rừng gai, không ai hay biết. Nhờ đó, nhà gã công sai giàu lên. Vợ hắn sanh được một gái. Một hôm, gã công sai ở cửa chính, bỗng thấy người bị đâm mò tới, liền đóng chặt cửa, dòm lén. Rốt cuộc, người đó vào nhà người thợ da đối diện, người thợ da ấy bèn sanh được một trai. Gã công sai biết nhân duyên, đãi đằng người thợ ấy nồng hậu, yêu thương

con trai người ấy, gả con gái cho. Người thợ da mừng rỡ, bảo con hãy phụng sự gã công sai như cha. Về sau, gã công sai uống rượu nằm ngủ, trời nắng gắt, hắn đổ mồ hôi đầm đìa. Đứa con trai người thợ da đứng hầu bên cạnh, nhẹ nhàng dùng lưỡi dao gạt mồ hôi. Trong cơn say, gã công sai không biết là vật gì, bèn lấy tay đập, đao cắm phập vào bụng, chưa chết ngay, bèn gọi người nhà, kể rõ nguyên cớ. Đứa con gái xuất giá, đem hết tài sản trong nhà trả lại cho người ấy (đứa con người thợ da).

Tôn giả Mục-liên sáng sớm ra khỏi thành, thấy một ngạ quỷ khóc lóc, thưa rằng: "Thân này của con giống như một khối thịt, chẳng có tay, chân, mắt, tai, miệng, mũi, v.v… bị các loài chim và loài trùng thường xuyên cắn, nuốt. Do tội gì mà nên nỗi?" Ngài Mục-liên bảo: "Đời trước, ngươi làm thầy lang, chẳng tinh thông y thuật, cắt thuốc xằng bậy, khiến cho bệnh nhân chẳng thể sống nổi. Vì thế, thành ra nông nỗi này".

Đời Tống, ông Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) chẳng làm Tể tướng, bèn nguyện làm danh y, vì sẽ cứu được nhiều người. Những gã thầy thuốc dốt trong thời gần đây, chẳng biết ý này, chỉ biết coi trọng tiền bạc, phần nhiều phạm vào bảy điều sát hại:

1) Như chứng bệnh vốn có hoãn và cấp, nay họ dùng thuốc dành cho bệnh hoãn đãi để chữa chứng

bệnh cấp tốc, dùng thuốc dành cho chứng bệnh cấp tốc để chữa bệnh hoãn đãi. Đấy là điều giết hại thứ nhất.

2) Coi bệnh vặt là bệnh ngặt, coi bệnh nhẹ là bệnh nặng. Vì thế, dùng thuốc độc khiến cho bệnh nhân chịu đau khổ, mà chỉ thu được công hiệu chậm chạp. Đó là điều giết hại thứ hai.

3) Thấy bệnh nhân có giàu, nghèo. Đối với kẻ giàu bèn dụng tâm, xem nhẹ kẻ nghèo. Đấy là điều giết hại thứ ba.

4) Lười nhác, ham chơi, ham ngủ, né tránh lạnh, nóng chẳng chịu đi thăm bệnh, đánh cờ, nhậu nhẹt, cờ bạc. Đấy là điều giết hại thứ tư.

5) Ra toa, chẩn mạch chẳng tinh tường, đoán mò bệnh tật để thử thuốc. Các thầy thuốc gặp nhau bèn gièm báng lẫn nhau. Đấy là điều giết chóc thứ năm.

6) Thấy người bệnh mà chẳng chữa trị, người ta đến mời chẳng đi, khiến cho bệnh tình của bệnh nhân nặng hơn. Đó là điều giết chóc thứ sáu.

7) Chẳng tinh thông dược vị, chẳng bào chế đúng cách, hoặc tăng, hoặc giảm, đến nỗi lầm lạc gây tổn thương cho bệnh nhân. Đấy là điều giết chóc thứ bảy.

Có bảy điều ấy, sẽ giết người còn hơn cầm dao bén đâm người! Dao bén đâm lút cán mà nếu chẳng

phạm đến chỗ yếu hại, người bị hại còn có thể sống sót. Thế nhưng một viên thuốc lọt vào miệng, ngũ tạng đều bị nứt toạc. Vậy mà vẫn tự phụ bảo: "Ta là bậc danh y". Còn như kẻ uống thuốc, càng chớ nên ẩn giấu gốc bệnh. Nếu giấu diếm chẳng nói thì cũng như do thấy thuốc men đắt đỏ bèn bỏ chẳng dùng, thậm chí dùng bạc xấu vì tiếc tiền trả công thầy thuốc, ắt cũng là tự tìm đường chết đó thôi, còn oán trách thầy thuốc nỗi gì!

Một quan, một chức đều có mạng trời. Kẻ thuộc hạ cấp thấp, do tu thiện mà có thể hiển đạt tốt vời, kẻ bình dân làm lành có thể hưởng quan lộc. Nếu âm hiểm, khuynh đảo lẫn nhau, hãm hại người khác để chiếm đoạt địa vị, thì kẻ khuynh đảo vẫn bị kẻ khác khuynh đảo, kẻ chiếm đoạt của người khác rốt cuộc lại bị kẻ khác tước đoạt. Báo ứng mau chóng, có thể trông thấy trong một thời gian ngắn!

Đời Tống, Di Đức Siêu thấy quan Xu mật Tào Bân công huân, danh vọng long trọng. Do vậy, hắn bèn vu cáo ông Tào âm mưu phản nghịch. Vì thế, Tào Bân bị bãi chức, còn Đức Siêu được phong làm Xu mật sứ. Chẳng lâu sau, do Triệu Phổ tận lực biện định, xóa nỗi oan cho ông Tào. Vua hiểu ra, bèn đày Đức Siêu đi xa, đãi ngộ Tào Bân như cũ. Xem chuyện này sẽ thấy "khuynh đảo người khác thật ra là khuynh đảo chính mình", chẳng càng đáng tin ư? Nhưng hãm hại kiểu

này vẫn còn nhỏ nhoi!

Còn như Lý Lâm Phủ đời Đường ở ngôi Tể tướng, phản phúc, khuynh đảo, hãm hại để củng cố địa vị của chính mình. Thuở ấy, những vị tướng soái ngoài biên cương đều là bậc danh thần. Những người có công lao rạng rỡ sẽ được vời về triều làm Tể tướng. Lâm Phủ muốn chặn đường họ, bèn tâu rằng: "Các quan văn khiếp sợ tên đạn, xin hãy dùng người Hồ[14] để thay thế, họ sẽ có thể dốc trọn sức đến chết". Do vậy, dẫn đến cuộc biến loạn của An Lộc Sơn. Đấy là vì ý niệm lo lắng cho tước vị mà làm hại người trong toàn thể thiên hạ vậy. Rốt cuộc, do mắc tội tư thông với kẻ phản nghịch, hắn bị triều đình xử phạt bửa quan tài, chém xác. Vốn hắn chẳng phạm tội ấy, nhưng vì khuynh loát bậc hiền tài để củng cố địa vị, trọng dụng An Lộc Sơn,

14 Người Hồ, còn gọi là Hồ Tộc, là từ ngữ phiếm chỉ những dân tộc du mục sống ở phía Đông và Bắc Trung Hoa. Vào thời Hán, chữ Hồ thường dùng để chỉ các bộ tộc Hung Nô. Về sau, chữ Hồ được sử dụng hẹp hơn để chỉ những người có nguồn gốc từ Trung Á, sống tại thảo nguyên, như Ngạn Tông Độc đời Đường đã định nghĩa: "Từ Thông Lãnh trở về phía Tây là Phạm chủng, ở bên trái của Thiết Môn thì gọi là Hồ". Từ đời Đường, nói chung các sắc dân du mục hoặc Tây Vực thường gọi chung là Hồ. Nói chung, người Hồ bao gồm nhiều sắc dân như Đông Hồ (sống tại Nội Mông), Nhục Chi (nổi tiếng với đế quốc Quý Sương), Ngô Hoàn, Tiên Ty, Hung Nô, Khương, Đê, Yết, Đinh Linh, Cao Xa, Sớ Lặc, Nhu Nhiên, Đột Quyết, Hồi Hột, Thổ Phiên, Khiết Đan, Khố Mạc Hề, Thất Vi, Thát Đát, Đảng Hạng, Mạt Hạt, Nữ Chân. Trong đó, năm dân tộc là Tiên Ty, Hung Nô, Khương, Yết, Đê đã vào Trung Hoa, thành lập các triều đại mà sử Hoa thường gọi là Ngũ Hồ Loạn Hoa (chẳng hạn triều đại Diêu Tần do Diêu Tràng vốn là người Khương sáng lập). Người Khiết Đan và Nữ Chân đã lập nên hai triều đại lớn trong lịch sử Trung Hoa là nhà Liêu và nhà Thanh.

cho nên Lý Lâm Phủ rốt cuộc bị kết tội phản nghịch! Há chẳng phải là hoàng thiên đã âm thầm ấn định bản án đấy hay chăng? Than ôi! Kẻ làm bầy tôi ăn lộc vua, phụng sự như thế nào mà đến nỗi ấy? Người xưa nói: "Khuất thân phụng sự vua, hãy nên coi tấm thân ấy chẳng phải là của chính mình nữa. Vì thế, niệm nào cũng nghĩ đến vua, đến đất nước, há còn nặng lòng vì gia đình của chính mình ư? Há còn lo lắng chính mình bất trung nữa ư!" Lời ấy có thể coi như là dược thạch[15] cho hạng người trên đây!

Tru hàng lục phục, biếm chánh bài hiền.

誅降戮服。貶正排賢。

Giết hại kẻ đã đầu hàng, lưu đày người ngay, gạt bỏ người hiền.

Binh đao hung ác, chiến tranh nguy hiểm, thánh nhân bất đắc dĩ phải dùng. Vì thế, người xưa do giết địch quá nhiều, bèn đau buồn, thương xót. Khi đã chiến thắng, bèn mai táng địch nhân theo đúng lễ. Đối với những kẻ đã đầu hàng, quy thuận, sẽ càng xót thương, phủ dụ. Nếu họ đã đầu hàng mà lại còn tàn sát, nhẫn tâm tạo nghiệp, họa lớn chẳng gì bằng!

15 Dược thạch (藥石): Theo chế định của đức Phật, tỳ-kheo chỉ ăn một bữa ngọ. Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, do khí hậu lạnh lẽo, cũng như do thức ăn trong tự viện đơn bạc, để đỡ đói, chư tổ cho phép chư tăng ăn nhẹ vào bữa tối cho khỏi đói, nên gọi bữa tối là dược thạch với ý nghĩa dùng như một vị thuốc để chữa căn bệnh đói.

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: Nếu nói "người có lòng nhân từ không nắm giữ binh quyền", tức là kẻ làm tướng ắt sẽ tàn sát ư? Thưa, chẳng phải vậy. Người làm tướng do cứu dân mà ngăn dứt sự tàn bạo, dẹp loạn, giữ yên đất nước, ắt dân chúng sẽ có hy vọng sống còn trong ấy. Do vậy, vì sự sanh tồn của toàn dân mà giết kẻ phản loạn thì không ai có công hơn người làm tướng được! Vì sao? Giết một kẻ để cứu vạn người; so với chuyện làm lành lúc bình thường, cố nhiên là có sai khác! Nếu vì giết chóc mà giết chóc[16], ắt tội cũng không ai hơn kẻ làm tướng được! Cớ sao? Hễ thất bại thì phần nhiều là giết chính mình, hễ thắng lợi thì sẽ giết nhiều quân địch. Quân luật chẳng nghiêm ắt quân lính sẽ giết nhiều người vô tội, toàn là trách nhiệm của chủ tướng vậy. Do đó, sai tướng cầm quân chinh phạt, chẳng thể không thận trọng, mà vị tướng sai phái thuộc hạ lại càng chớ nên không thận trọng.

Cổ nhân nói: "Ba đời làm tướng là điều kiêng tránh của Đạo gia". Nhưng dùng giết chóc để ngăn dứt giết chóc cũng là chuyện do tình thế bắt buộc phải như vậy. Vì thế, tùy thuộc cách sử dụng như thế nào đó thôi!

1) Thứ nhất là sợ vô sự mà sanh sự, dùng xương khô của trăm vạn người để đổi lấy cái ấn phong hầu!

16 Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Nếu vì công danh, lợi lộc riêng tư mà tàn sát, do thích giết người mà tàn sát, thì gọi là *"dĩ sát dụng sát"*.

2) Thứ hai là sợ dùng hung bạo này thay cho sự hung bạo khác, lạm sát dân chúng, vì tranh công mà chặt đầu kẻ khác.

3) Thứ ba là sợ đôi bên giao chiến kịch liệt, ra sức tàn sát, phe ta lẫn phe địch đều phải hứng chịu. Kẻ chỉ huy có thể nói: "Do lệnh ta mà giết người để phô trương oai thế". Lại có thể nói: "Giết người là chuyện của kẻ khác, cho phép thuộc hạ lạm sát, cướp bóc để phô trương thanh thế. Vì đó, ta có thể coi đấy là chiến công của chính mình". Bởi lẽ, đạo làm tướng thì trước hết là phải nghiêm cấm quân đội giết hại, chế ngự binh lính nghiêm ngặt, ắt binh sĩ sẽ chẳng gây hại, mà còn là có công. Do vậy nói "dùng sống còn để hướng dẫn giết chóc" (vì mục đích bảo vệ sanh mạng của người dân mà giết địch hoặc kẻ phản loạn) là như thế đó.

Đời Hán, Lý Quảng tay dài như vượn, có tài thiện xạ. Dân Hung Nô kiêng sợ, đặt biệt hiệu cho ông ta là Phi Tướng Quân (tướng quân bay). Nhưng ông ta vận số trắc trở, chẳng được phong tước hầu, đã từng nói với Vương Sóc là một tay tướng số chuyên xem khí sắc: "Quảng kể từ lúc búi tóc (hai mươi tuổi), giao chiến với Hung Nô, chưa hề chẳng giành đi trước. Hễ quân Hán đánh Hung Nô, Quảng chưa hề không tòng chinh. Nhưng những kẻ thuộc lớp sau đều được phong hầu, riêng mình Quảng chẳng thể! Vì lẽ nào?" Vương Sóc hỏi: "Tướng quân có chút gì ân hận hay không?"

Lý Quảng đáp: "Đã có tám trăm người Hồ đầu hàng, Quảng đều giết sạch, khá là hối hận". Vương Sóc nói: "Họa không gì lớn bằng giết kẻ đã đầu hàng. Đấy là lý do khiến cho ngài chẳng được phong hầu vậy!" Về sau, Lý Quảng cũng vì đánh trận thất bại bèn tự sát. Cháu nội là Lý Lăng lại vì chuyện đầu hàng quân giặc mà cả họ bị tru di.

Đời Nguyên, khi quân Mông Cổ vừa mới chiếm được vùng Giang Lăng[17], Liêm Hy Hiến[18] trông coi[19] vùng Kinh Nam, hạ lệnh: "Phàm kẻ nào bắt được tù binh mà dám tàn sát, sẽ bị luận tội giống như cố ý giết hại dân thường". Trong quân đội, những tù binh do

17 Giang Lăng là vùng đất ở phía Đông huyện Chi Giang tỉnh Hồ Bắc, nằm ở phía Tây huyện Tiềm Giang và phía Nam huyện Kinh Môn.

18 Liêm Hy Hiến (1231-1280) là một vị đại thần thời Nguyên, tự là Thiện Phủ, hiệu Dã Vân, vốn là con trai của Liêm Phóng Sứ Bố Lỗ Hải Tà, thuộc bộ tộc Úy Ngột Nhi (Uighur). Trong xu thế Hán hóa đời Nguyên, ông đổi họ thành Liêm. Ông từng được phong làm Kinh Triệu Tuyên Phủ Sứ. Trong khi đang theo phò Hốt Tất Liệt (Kublai) tấn công Ngạc Châu của nhà Tống, bỗng nghe tin Nguyên Hiến Tông (Mông Kha) chết, ông đã khuyên Hốt Tất Liệt đem quân về Bắc, giành quyền thống trị Trung Hoa. Khi quân Nguyên hạ thành Giang Lăng, ông được phong làm Bình Chương Kinh Nam Hành Tỉnh, An Phủ Kinh Châu Giang Lăng. Khi mất, ông được phong là Ngụy Quốc Công, tước Hằng Dương Vương. Liêm Hy Hiến đặc biệt coi trọng giáo dục, nhất là giáo dục Nho gia, thường khuyên Hốt Tất Liệt chú trọng đào tạo, nâng đỡ nhân tài, vỗ yên dân chúng, tái thiết cơ sở kinh tế, vận dụng nhân nghĩa để cai trị. Hốt Tất Liệt thường gọi ông là Liêm Mạnh Tử.

19 Nguyên văn là "tỉnh Kinh Nam" (省荊南). Tỉnh (省) là gọi tắt của chức vụ Bình Chương Hành Tỉnh (平章行省), tức cơ cấu quản trị cao cấp nhất trong một châu huyện thời ấy. Liêm Hy Hiến đứng đầu cơ quan Bình Chương Hành Tỉnh của vùng Kinh Nam thuở ấy nên nói là "tỉnh Kinh Nam".

bệnh tật mà được chủ nhân thải ra, cho phép người khác nhận về nuôi. Khi người tù ấy đã lành bệnh, chủ cũ chẳng được giành lại. Nếu có kẻ nào gán vợ bán con sẽ bị phạt tội nặng, mà còn chẳng nhận được món tiền gạ bán ấy. Ấy là vì Liêm Hy Hiến chẳng thích tàn sát, cho nên có thể làm như thế. Ông mất, thụy hiệu là Văn Chánh. Một người em trai của ông có sáu đứa con trai đều quý hiển.

Đày đi xa thì gọi là biếm (貶); hãm hại khiến cho kẻ khác bị mất địa vị thì gọi là bài (排). Bậc chánh nhân hiền sĩ là rường cột của nước nhà, đáng nên trọng dụng, ngõ hầu triều đình có người, trong ngoài biết sợ. Nếu đố kỵ vì người ấy khác biệt ý kiến, chí hướng với mình, bèn dùng nhiều phương cách khiến cho người ấy bị đuổi, bị đày đi xa, trở ngại người hiền, khiến cho nước nhà suy vi, chẳng có tội ác nào lớn hơn thế!

Đời có Bá Nhạc[20], sau đấy mới có thiên lý mã (ngựa ngàn dặm). Thiên lý mã luôn có, nhưng Bá Nhạc chẳng thường luôn có. Gặp gỡ nhân tài, cũng giống như vậy đó. Nếu kẻ đang nắm giữ địa vị đều như Bá Nhạc, ắt là bậc có khí lượng đạo đức, sẽ có thể làm Tể tướng. Người hiểu biết đại thể sẽ có thể làm gián quan. Kẻ thông hiểu pháp tắc, sách lược sẽ có thể giao cho

20 Bá Nhạc là người sống vào thời Xuân Thu, dưới thời đại Tần Mục Công. Ông tên thật là Tôn Dương, giỏi xem tướng ngựa, hễ nhìn ngựa liền biết ngay con nào là tuấn mã có thể chạy nhanh và dai sức.

binh quyền. Kẻ có thể trấn thủ, vỗ yên sẽ có thể trao giữ chức vụ một phương. Kẻ có khí phách sẽ có thể làm quan giám sát. Kẻ liêm khiết đối với tiền tài, có thể làm quản lý tiền bạc, thóc gạo. Kẻ biết yêu dân sẽ đều có thể làm Thái thú hoặc huyện lệnh. Như thế thì các chức vụ lớn nhỏ sẽ đều có người xứng đáng đảm nhận, ngoài đồng nội chẳng bỏ sót nhân tài, mà trăm việc đều được thực hiện tốt đẹp vậy!

Đời Minh, Nhan Mậu Do nói: "Phàm là kẻ mưu toan để biếm trích, hãm hại người khác mất chức và kẻ có thể rộng dung người hiền, vốn chẳng khác biệt cho mấy, sở dĩ có khác biệt chỉ vì ngã kiến gây lụy. Có trường hợp nghe danh tiếng, khá là yêu mến, hâm mộ, cho đến khi gặp mặt, cư xử sẽ có một, hai chuyện chẳng thể nhẫn nại được. Chất chứa càng lâu sẽ trở thành oán cừu, hiềm khích. Vì thế, rộng dung người hiền ở xa sẽ dễ dàng, rộng dung người hiền gần kề sẽ khó khăn. Dung thứ kẻ hèn kém dễ dàng, dung thứ người sang cả khó khăn. Dung thứ tạm thời sẽ dễ dàng, dung thứ lâu dài sẽ khó khăn. Vì sao? Tánh khí va chạm nhau, tài năng xung đột, danh vọng lấn át nhau, oai thế chèn ép nhau. Nhưng người hiền ấy cũng chẳng thể hoàn toàn bình tâm tĩnh khí, vô ngã được. Sau khi giao du lâu ngày sẽ thật sự thấy kẻ hiền ấy có chỗ chẳng đúng, bèn nghĩ ngợi: "Xưa kia hâm mộ đức hạnh của kẻ ấy, chính là vì đã nhận biết sai lầm rồi sanh lòng kính

trọng!" Ngày nay ghét kẻ hiền, vẫn cảm thấy là tâm ta đã lắng lòng cân nhắc kỹ càng rồi. Hễ kẻ nào nói "thật sự chẳng thể dung thứ", thật ra là do kẻ đó chẳng thể tiêu trừ cái tâm đố kỵ ấy. Vì thế, có khi bậc quân tử gặp gỡ, rốt cuộc trở thành oán cừu, chống trái. Thói tệ khởi nguồn chính từ chỗ này. Thường ngày, cần phải chế ngự những thói xấu của chính mình, nhẫn nhục, vô danh, vô tướng, thật sự có thể xả thân vì nước, đối với hết thảy khen chê, yêu ghét chẳng bận lòng mảy may, thì mới có thể tạo phước cho con cháu và lê dân vậy!"

Đời Tống, Tạ Bí hiểu biết người khác nhất, chẳng dễ dãi nhận lời ai để tiến cử kẻ khác. Suốt đời, ông chỉ tiến cử không quá vài người. Mỗi lần gởi thư tiến cử, ông ắt thắp hương, bái vọng cửa khuyết, lễ bái rồi tâu: "Lão thần lại vì bệ hạ cầu được một người". Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) và Vương Đán đều do ông ta tiến cử. Ngày ông sắp mất bèn tắm gội, đốt hương, ngồi ngay ngắn, qua đời, đầu chẳng nghiêng vẹo tí nào! Đấy chẳng phải là đã "thi giải"[21] ư?

Vào thời Xuân Thu nhà Chu, Yến Tử tâu với Tề Cảnh Công: "Nước có ba điều bất tường, nhưng chẳng dính đáng đến chuyện thần kỳ, quái dị! Hễ có người hiền mà không biết, đó là một điều bất tường. Đã biết mà chẳng dùng, đấy là hai điều bất tường. Dùng mà

21 "Thi giải" (尸解) là thành ngữ của Đạo giáo, chỉ người đã đắc đạo thành tiên, lìa bỏ xác phàm.

không tín nhiệm là ba điều bất tường. Nói "bất tường" chính là như thế đó"[22]. Vậy thì có nên biếm trích người chánh trực, có nên bãi chức người hiền hay chăng?

Đời Đường, Lô Kỷ ghét Nhan Chân Khanh, muốn trục xuất ông ta. Khi ấy, Lý Hy Liệt làm phản, Lô Kỷ bèn tâu vua: "Thần mong có bậc trọng thần tánh tình nho nhã, sẽ vì hắn ta (Lý Hy Liệt) phân tích lẽ họa phước, ắt sẽ có thể chẳng nhọc sức xuất quân mà hắn chịu phục. Xét ra, Chân Khanh là bậc cựu thần đã ba triều vua, trung trực, cương quyết, danh tiếng vang rền cả nước, mọi người tin phục, đúng là người đáng sai đi vậy". Vua cũng nghĩ là đúng, xuống chiếu sai Chân Khanh đến khuyên nhủ Hy Liệt. Về sau, Hy Liệt muốn giữ Chân Khanh ở lại làm Tể tướng, Nhan Chân Khanh bèn chết (tự sát). Cuộc biến loạn Phụng Thiên[23] thật sự

---

22 Theo sách Yến Tử Xuân Thu, Tề Cảnh Công đi săn trên núi. Trông thấy trên núi có cọp. Xuống núi, thấy có ao chuôm, trong ao có rắn. Vua trở về, vời Yến Tử đến hỏi ý, cho rằng đó là những điềm bất tường. Yến Tử nhân đó bèn giảng cho vua biết: Bất tường thật sự là như thế nào?

23 Sử thường gọi cuộc biến loạn này là "Nhị Đế Tứ Vương chi chiến" (cuộc chiến giữa hai đế và bốn vương). Vào thời Đường Đức Tông, các quan Tiết độ sứ thế lực rất mạnh, hầu như chỉ nghe theo lệnh triều đình trên danh nghĩa. Đường Đức Tông cực lực mưu tính dẹp bỏ Tiết độ sứ tại các phiên trấn. Lúc bấy giờ, Tiết độ sứ Thành Đức là Lý Bảo Thần chết, con trai là Lý Duy Nhạc xin nối vị cha. Đường Đức Tông cự tuyệt. Lý Duy Nhạc bèn liên kết với Truy Thanh Tiết độ sứ Lý Chánh Kỷ, Sơn nam đông đạo Tiết độ sứ Lương Sùng Nghĩa, Ngụy bác Tiết độ sứ Điền Duyệt, cũng như một số Tiết độ sứ khác khởi binh phản Đường. Khi Lý Chánh Kỷ chết, con trai là Lý Nạp xin nối ngôi cha, dĩ nhiên Đường Đức Tông từ chối. Các phản tướng tấn công ráo riết, lại thêm Lý Hy Liệt và Chu Thử làm phản. Điền Duyệt xưng là Ngụy Vương, Lý Nạp là Tề

là do Lô Kỷ gây ra. Lý Hoài Quang tấu trình, hạch tội Lô Kỷ tàn hại bậc trung lương, gian nịnh gây hại cho đất nước. Hắn bị đày ra Tân Châu rồi chết ở đó.

Nhan Mậu Do nói: "Phường tiểu nhân đố kỵ, chỉ vì sợ người khác sẽ công kích mình, lấn lướt mình, chẳng biết mưu mẹo trí trá chẳng chống nổi tạo hóa. Khi số mạng đã suy bại, dùng hết mọi mánh khóe, chẳng thể làm gì được nữa! Những gã như Lô Kỷ chẳng phải là không biết lẽ ấy, chỉ vì không biết làm thế nào được nữa! Thoạt đầu chỉ là một niệm mong cầu củng cố ân sủng của nhà vua. Chuyện đã đến nước ấy, lâm vào tình thế cưỡi cọp, chẳng thể xuống được! Vẫn là hãy nên thận trọng ngay từ lúc đầu!"

Lăng cô bức quả.
凌孤逼寡。
Lấn hiếp con côi, bức hại bà góa.

Đối với ý này, trong phần chú giải cho câu *"căng*

Vương, Vương Vũ Tuấn là Triệu Vương, Chu Thao là Ký Vương, Chu Thư là Tề Đế, Lý Hy Liệt xưng là Sở Đế. Họ tấn công các nơi trọng yếu, Đường Đức Tông gọi Diêu Lệnh Ngôn về bảo vệ kinh đô. Do bị các quan trọng thần như Lô Kỷ gièm báng, quân Diêu Lệnh Ngôn khổ cực mà không được tưởng thưởng xứng đáng, họ tức giận quay giáo tấn công kinh đô. Vua phải bỏ Trường An, chạy về Phụng Thiên lánh nạn. Chu Thử trọng dụng Diêu Lệnh Ngôn, dùng quân của họ Diêu thừa cơ đánh tới Phụng Thiên. May nhờ có viện binh của Lý Hoài Quang chống chọi, vua Đường mới kịp từ Phụng Thiên chạy về Lương Châu lánh nạn. Mãi cho đến Hưng Nguyên nguyên niên, dưới sự lãnh đạo của tướng Lý Thịnh, quân Đường mới chiếm lại được Trường An, dẹp tan quân phản loạn.

cô tuất quả" (thương xót con côi, chu cấp bà góa) trong phần trước đã có nhắc đến. Đức Thái Thượng đã khuyên thương xót, giúp đỡ trong phần trước, lại còn răn đe về chuyện lăng nhục, bức bách trong phần sau. Dặn đi, dặn lại, dụng ý đúng là tha thiết tột bậc. Bởi lẽ, mẹ góa, con côi là nỗi bất hạnh trong đời người, họ là những người được trời đất coi trọng. Há có nên rắp tâm vì họ không có nơi nương tựa, mà thừa cơ lường gạt, hãm hại. Hoặc là xâm chiếm, tước đoạt tài sản, hoặc dùng quỷ kế, cấu kết với bọn sai dịch, cậy thế khủng bố, dọa nạt, khiến cho mẹ góa con côi lưu lạc, chẳng thể nào kêu cứu, kiện cáo. Hãy khoan luận quỷ thần luôn dò xét, báo ứng chẳng khoan dung; hãy nghĩ "trẻ mồ côi cũng là con kẻ khác, bà góa cũng là vợ người khác", xin hãy coi họ như con ta, vợ ta để xét lại.

Củng Cố ở Phương Thành làm hàng xóm của một người nhà giàu họ Chu. Bỗng nhà họ Chu trai gái đều chết sạch, chỉ còn sót lại một bà già và đứa cháu bé bỏng. Củng Cố bèn mở tiệc rượu, dụ dỗ: "Cháu của cụ trơ trọi, yếu đuối, giữ lấy gia sản để tự sanh nhai, chẳng phải là kế sách vẹn toàn. Sao bằng bán hết cho tôi, tôi sẽ nuôi già, chăm trẻ". Bà cụ mừng rỡ, lập bằng khoán, giá bán chưa đến một nửa giá trị thật sự. Củng Cố vừa nắm được bằng khoán, bèn trở mặt, bức bách họ dọn nhà. Củng Cố mộng thấy một người quở trách: "Mày mưu toan chiếm đoạt cơ nghiệp của ta, xua đuổi

vợ và cháu ta, ta đã tố cáo lên Thượng đế. Sang năm, cả nhà mày chết sạch". Năm sau, quân giặc kéo tới. Quả nhiên, cả nhà họ Củng đều chết hết. Bà cháu nhà họ Chu do lìa khỏi sản nghiệp, nên tránh khỏi tai nạn. Họ trở về lấy lại tài sản, sản nghiệp trở về nguyên chủ. Họa giáng xuống cả nhà, những kẻ lấn hiếp mẹ góa con côi hãy nhìn vào gương này thì cũng có thể phản tỉnh, sửa đổi. Còn như anh em, người cùng họ lấn hiếp, bức bách nhau, diệt tuyệt mối thiên luân, sự báo ứng thê thảm càng to lớn hơn nữa, chẳng đành lòng nhắc tới!

Khí pháp thọ lộ.
棄法受賂。
Coi thường pháp luật, tiếp nhận hối lộ.

Từ chỗ này cho tới câu *"kiến sát gia nộ"* (thấy người khác mắc tội đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ), đều là nói về chuyện thẩm vấn, xử phạt. Phàm là nha dịch, thư lại, cũng đều được gộp vào trong ấy, chẳng phải là chỉ nói riêng về những vị hình quan[24]. Đức Thái Thượng nói đến chuyện đúng sai, nặng nhẹ, trước hết nhắc đến chuyện coi thường luật pháp, nhận hối lộ. Bởi lẽ, đúng sai, nặng nhẹ đều có pháp tắc nhất định, nhưng kẻ xét án chỉ mong sao được tiền. Vì thế bèn nghe theo lời xin của kẻ đã hối lộ mình mà hành xử điên đảo. Nếu chẳng biết đến pháp luật, mặc tình phán đoán lẽ sống chết của

24 Hình quan (刑官): Quan viên trông coi về tư pháp.

người bị tố tụng theo ý riêng, thì dân chúng sẽ chẳng thể làm gì được! Cớ sao chẳng nghĩ đến chuyện trời giận, người oán, ắt sẽ vướng phải tai nạn lạ lùng vậy thay?

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: "Kẻ làm quan, gia sản vốn từ thi, thư, lễ, nhạc mà có, há chẳng biết sự liêm khiết đáng nên tôn sùng ư? Chỉ vì đã quen thấy chuyện mưu cầu quan tước, trả nợ, biếu xén để được thăng thưởng, đề bạt, bèn nghĩ "chẳng làm như vậy sẽ không được!" Thoạt đầu là mới nhúng chàm, nhưng tích tập lâu ngày tiêm nhiễm, tánh tình đã lậm thói tanh hôi. Hơn nữa, lòng người có bao giờ chê chán! Đã được trăm lạng, ắt mơ ngàn lạng. Đã có được ngàn lạng, ắt mong vạn lạng. Thậm chí kẻ quyền thế lừng lẫy, vàng lụa chất đầy tận nóc. Đã chất chứa đến nỗi bỏ mặc cho nó cũ nát, mà vẫn cảm thấy chưa đủ. Kẻ bàng quan trông thấy tình cảnh ấy chẳng ai không nực cười, nhưng kẻ trong cuộc vẫn không hay biết. Ấy là vì thật sự mắc bệnh mê tiền vậy! Phần lớn [những kẻ say mê tích lũy tiền của như vậy] đều là vì tính kế lâu dài cho con cháu, chẳng biết bao nhiêu con em của những kẻ si mê làm giàu đã gây họa diệt môn, bao nhiêu kẻ thanh bạch, nghèo túng, đạm bạc mà lại khá lên. Huống chi, phước lộc có vận số, cứ thu đoạt của cải bất nghĩa cho lắm, để lại món nợ oan nghiệt cho con cháu đền trả! Chẳng thể nói là phước được!

Còn như lập miếu thờ phụng tổ tiên, giúp đỡ dòng

họ, cứu giúp họ hàng nghèo túng, cố nhiên là chuyện tốt đẹp. Nhưng nếu có cái tâm mong cho sự việc được hoàn thành trọn vẹn mau chóng, ắt sẽ phải thu nhập trái lẽ quá đáng, làm sao có thể "tích đức, ngưng tụ cát tường, làm quan lâu ngày sẽ tự nhiên giàu có" dài lâu cho được? Phàm kẻ làm quan mà mê rượu, chuộng dâm, ưa giết chóc đều bắt nguồn từ sự tham mê tiền tài. Căn bệnh mê tiền là do buông lung ý niệm đã thành thói quen. Khi thói quen đã hình thành, ruột gan sẽ thay đổi, sẽ liều chết theo đuổi, chẳng màng [tiền bạc có được do sự tham ô ấy] sẽ là hữu dụng hay vô dụng! Có kẻ khi mới chập chững bước vào quan trường, vẫn còn có thể kiềm chế, nhưng đến khi đã lõi đời bèn hoàn toàn đảo ngược. Chỉ vì dần dần đã coi quan trường là nhà, coi tiền tài là tánh mạng, nhưng đông hơn cả vẫn là những kẻ vừa chen chân vào chốn vinh hoa, phú quý bèn cầm ngay chiếc cuốc, cái ky, cái mai [để sẵn sàng đục khoét.

Hễ nhận hối lộ ắt sẽ tàn khốc. Những kẻ đó cho rằng: "Chẳng đánh ắt trong tâm quần chúng sẽ chẳng kinh hãi, sẽ chẳng có kẻ đút lót". Nhận hối lộ ắt sẽ ngang ngược. Kẻ đó cho rằng: "Chẳng điên đảo lẽ đúng sai ắt lý lẽ sẽ thắng quyền thế, người dân do có chỗ nương cậy, sẽ chẳng sợ oai thế của quan". Những kẻ ăn hối lộ ắt sẽ xun xoe những kẻ thân tín, quen biết của cấp trên để nắm bắt ý chỉ của bề trên. Họ cho rằng,

nếu chẳng tụ tập thành bầy hổ đói ắt oai lệnh sẽ chẳng được coi trọng. Không bẻ cong sự thật, bao che, thiên vị kẻ khác ắt khi phạm lầm lỗi sẽ chẳng có kẻ thân tín để trông cậy. Như thế thì khi phán quyết án lệ, ruột gan đã ngầm chứa điều khuất lấp. Do một điều tham mà sanh ra trăm nỗi khốc liệt! Một gã quan hung ác, lại sanh ra trăm gã nanh vuốt! Ôi! Há lẽ nào dân chẳng vì nghèo túng mà làm trộm cướp ư?

Điều khó thể chịu đựng nhất chính là kẻ cướp bóc, cưỡng đoạt đã bị tống giam mà vẫn có thể dùng tiền hối lộ để chuộc ra. Kẻ nhận hối lộ đã làm trái pháp luật, lại ngược ngạo ra oai hòng lấp liếm lỗi ấy. Đối với những tội trộm cắp hàng hóa tại tiệm buôn là những tội vặt vãnh, bèn sử dụng những hình phạt tột cùng tàn độc thấu xương! Còn như kẻ quan tước càng to, cai quản dân chúng càng đông, một người ăn hối lộ ắt ngàn người bẻ cong pháp luật. Mười người đùa bỡn với pháp luật ắt vạn người làm tượng đất để chôn theo! Như tám trăm thạch hồ tiêu của Nguyên Tải[25], tám mươi vò đường sương (糖霜) của Giả Tự Đạo[26]. Cố

25 Nguyên Tải là một đại thần dưới đời Đường Đại Tông. Ông ta từng làm Hành Quân Tư Mã, được phong làm Trung thư Thị lang. Ông ta cũng là kẻ chuyên quyền, thích ăn hối lộ, hãm hại bậc trung lương, xa xỉ, hoang phí, làm rất nhiều chuyện ác. Thuở ấy, hồ tiêu (black pepper) là một thứ gia vị quý hiếm phải nhập từ Tây Vực, hoặc lấy từ các nước phương Nam như Mã Lai, Nam Dương. Thế mà ông ta tích trữ đến tám trăm thạch hồ tiêu!

26 Giả Tự Đạo là người xứ Thai Châu, sống vào đời Tống. Thuở trẻ là một gã lông bông, thích cờ bạc, chơi bời, chẳng ra gì. Do chị hắn được tuyển làm quý

nhiên là khiến cho thiên hạ loạn lạc; nhưng những gì bọn chúng nó đã chất chứa, há có còn hay chăng?

Phàm là bậc trưởng quan, há nên nghĩ "ta cốt sao giữ mình trong sạch" là được rồi! Hãy nên nghiêm cấm thuộc hạ và những quan lại dưới quyền tham ô. Vì sao? Trưởng quan tai mắt hữu hạn, mọi chuyện toàn là do những nha lại trong công môn lo liệu. Nếu như trưởng quan luôn đối chiếu, luôn tra xét tường tận mọi vụ án, mọi hình phạt, xét xem trong ấy có những vụ nào mà người nghèo bị mắc lụy, oan uổng gánh tội, hoặc kẻ ngu bị lừa gạt, kẻ yếu thế bị kẻ khác khống chế, gào trời vỗ đất, không cách nào tố cáo được! Chỉ có người trong công môn, dưới là tiếp nhận nỗi đau của người dân, trên là thông hiểu những mối quan hệ trong chốn quan trường. Khi người dân đang lúc gian khổ, trơ trọi, nguy ngập, mà nâng đỡ một phần, sẽ hơn tạo phương tiện cho người khác mười phần! Khoan dung một phần, sẽ

---

phi của Tống Lý Tông, hắn bèn nhờ chị vận động giành được một chức quan trong triều đình. Nhờ lắm mánh khóe, thủ đoạn, hắn ngoi lên tới chức Tham tri chánh sự. Khi quân Nguyên đánh Ngạc Châu, vua sai hắn dẫn binh cứu viện. Văn dốt, vũ dát, hắn bị tướng soái quân Nguyên bắt được, phải xưng thần, hứa cống nạp, đút lót để được thả ra. Trở về, hắn tâu dối là đã đại thắng. Về sau, do khéo bợ đỡ, đón ý, hắn còn làm tới chức Hữu thừa tướng, khuynh loát triều chánh, gạt bỏ những kẻ chống đối, trừ khử những bậc trung lương. Giả Tự Đạo sống rất xa xỉ, ăn hối lộ không biết chán. *"Đường sương"* chính là đường cát trắng. Thuở đó, tại Trung Hoa chưa có mía. Đường mía phải nhập, hay bắt các nước phương Nam như Việt Nam, Mã Lai, Nam Dương, Xiêm La… cống nạp. Đường thô đã rất đắt, thế mà hắn nghiễm nhiên chiếm riêng tám mươi vò đường cát trắng tinh luyện!

hơn tạo phương tiện cho người khác mười phần! Nếu có thể cứu giúp kẻ bần cùng, giải trừ oan ức, dạy kẻ ngu, nâng đỡ kẻ yếu thế, chẳng thừa dịp họ gặp nguy mà gạt gẫm, chẳng vì ăn của hối lộ mà đánh đập phạm nhân hoặc nghi can tàn khốc, chẳng cần hiểu biết cặn kẽ tình tiết mà đã cố ý oan uổng họ, chẳng điên đảo văn từ (chơi chữ, gài bẫy để kết tội), rối loạn pháp luật, ắt trong một ngày có thể làm được mười mấy việc thiện. Tích lũy ba năm sẽ có mấy vạn điều thiện. Người ta đang trong cơn khốn khó, ai mà chẳng biết cảm kích? Thần minh ở cách đỉnh đầu ba thước, có vị nào chẳng phù hộ? Tự nhiên hằng ngày chuyện cát khánh (tốt lành) sẽ xảy tới, con cháu hưng thịnh. Nếu chẳng như vậy, tài sản tom góp bằng sự oán độc, dẫu đạt được cũng chẳng phải là phước!

Lại có kẻ nghèo túng chẳng có tiền tài để quan trên, nha lại có thể lừa gạt được; vì thế, bèn dùng hình phạt tàn khốc để hành hạ họ, làm như thế chỉ tổn âm chất, chất chứa oán hận để làm gì? Bất luận xưa kia hay trong hiện thời, bậc hào kiệt ẩn thân trong chốn nha môn cũng luôn cúng tế cô hồn, làm trai đàn, thu nhặt chôn cất đầu lâu, hoặc cũng có kẻ thương xót người già cả cô quạnh, nghèo khó, bèn kêu gọi quyên góp chu cấp, nuôi nấng. Những người như vậy toàn là người tốt tâm lành, có ai chẳng phải là con hiếu, cha nhân từ? Chỉ sợ những kẻ coi tiền tài quá nặng, chắc là cõi âm sẽ

quở phạt chẳng nhẹ! Sao bằng châm chước tài lực của chính mình có thể giúp đỡ những kẻ nghèo khổ hay không, lòng luôn nghĩ tạo thuận tiện cho người khác, dẹp bớt oai thế hùng hổ, đừng buông lung tàn độc? Trong mạng mà có thì đến thời rốt cuộc sẽ có, mai sau ắt hưởng phước lâu dài! Trong ấy (trong số các quan lại, nha dịch), có những vị thiện tín, diệu nhân, hãy nên dùng ý này để khuyên bảo các đồng liêu, công đức càng là vô lượng.

Phàm là những kẻ làm sai dịch trong chốn cửa công, quen thói bẻ cong pháp luật[27], quen tật đánh đập tội nhân, giống như những kẻ làm nghề đồ tể, tích tập lâu ngày, ý niệm giết chóc ngày càng thêm lừng, ý niệm cứu sống ngày càng ít ỏi. Vì thế, có kẻ lúc mới vào nha môn, vẫn còn có lòng trắc ẩn, lâu năm bèn biến thành gã giặc giảo hoạt, quên sạch tánh hiền lương, nhân từ thuở trước. Lại có kẻ chính mình còn là người tốt, nhưng do bị mọi người công kích, rốt cuộc đọa trong ác đạo. Vì thế, đối với tâm thuật của chính mình, chẳng thể không cẩn thận. Những kẻ táng tận lương tâm quá mức, cáo mượn oai hùm, tự cho mình là bậc hào kiệt, làm những chuyện gian trá trái pháp, tranh nhau khoe khoang ta là kẻ đảm lược, mưu trí, chẳng biết là đang tạo ác, tạo nghiệp, con cháu sẽ phải hứng chịu, đời sau phải đền

27 Nguyên văn *"quán hãn văn võng"* (慣捍文網). Ông Hoàng Bách Lâm giảng: *"Hãn là xúc phạm, vi phạm. Văn Võng là pháp võng, tức pháp luật"*.

trả, cũng ích chi đâu? Khoan hãy nói đến những điều xa xôi ấy, hãy nhìn vào những gì ta có thể thấy nghe trước mắt. Kẻ hại người đã nhiều, lừa gạt quá mức, bị dân trong huyện cùng nhìn bằng nửa mắt[28], có kẻ nào chẳng mắc vào lưới pháp luật? Trong số đó, có kẻ ăn chay, tụng kinh để chuộc tội trước. Cố nhiên cũng là do lương tâm chớm nảy, có thể giải trừ một, hai phần, nhưng nếu ỷ vào đó, bảo là "có thể chuộc lỗi ác" rồi cứ mặc sức làm bậy chẳng màng thì sai mất rồi! Tiền của do bất nghĩa mà có, bố thí vô ích! Hơn nữa, sám hối tội lỗi mà vẫn tạo tội, tội càng nặng thêm. Chẳng thà làm phương tiện này, khoan dung đối với kẻ bần cùng, cứu vớt người oan khổ. Mọi người biết kẻ như vậy là bậc trưởng giả trung hậu ắt sẽ nương cậy nhiều, mà tài vật đạt được cũng khá. Gần thì là có pháp luật của nước nhà, xa thì là cõi âm trách phạt, hãy suy nghĩ thật kỹ!"

Đời Minh, ông Cảnh Cửu Trù giữ chức Lưỡng Hoài Diêm Vận Ty[29], nổi tiếng liêm khiết. Có lần ông

---

28 Nguyên văn *"vi ấp dân cộng trắc mục giả"* (kẻ bị dân trong huyện cùng liếc xéo). *"Trắc mục"* (側目) là nhìn bằng khóe mắt, hoặc liếc xéo, không thèm nhìn thẳng, biểu thị phẫn nộ, căm ghét.

29 Hiểu thông thường, Lưỡng Hoài (兩淮) là vùng bắc sông Trường Giang thuộc tỉnh Giang Tô, thuộc hai miền Nam và Bắc của lưu vực sông Hoài. Ở đây, Lưỡng Hoài có thể hiểu là hai lộ Hoài Đông và Hoài Tây đời Tống. Nhà Tống chia Trung Hoa thành nhiều lộ, mỗi lộ tương đương với một tỉnh trong hiện thời. Chức Diêm vận sứ có tên gọi đầy đủ là Đô chuyển diêm vận sứ ty diêm vận sứ (都轉鹽運使司鹽運使), đôi khi chỉ gọi là Diêm vận ty, được đặt ra từ đời Nguyên, chỉ áp dụng vào những tỉnh sản xuất muối như Lưỡng Hoài, Lưỡng Chiết, Phước Kiến v.v... Do muối là một nguồn lợi rất lớn, nên triều đình đặc

ngồi bên bờ nước, một đứa bé trai thưa: "Nước thanh khiết chẳng bằng sự thanh liêm của sứ quân". Đầu niên hiệu Thiên Thuận[30], vua muốn đề cử quan viên liêm khiết để tuyên cáo cùng thiên hạ, bèn xuống chiếu phong ông làm Đô ngự sử. Về sau, ông làm Thượng thư. Con ông là Dụ, tuân thủ lời cha giáo huấn, suốt đời vâng giữ sự thanh tu, cũng làm quan đến chức Thái tử Thái bảo, Lại bộ Thượng thư.

Phàn Quang làm Quận tá tại Giao Chỉ, đang làm việc tại nha môn, bỗng gió giật, sấm đánh dữ dội. Phàn Quang, con trai hắn và con chó đều bị sét đánh chết.

---

biệt lập ra một cơ quan trông coi việc vận chuyển, đánh thuế, cũng như trừng trị những kẻ buôn lậu muối. Đến đời Thanh, cả nước Trung Hoa có bảy Diêm vận sứ tại các tỉnh Trực Lệ, Sơn Đông, Lưỡng Hoài, Lưỡng Chiết, Quảng Đông, Tứ Xuyên và Phụng Thiên.

30 Thiên Thuận là niên hiệu của Minh Anh Tông (Chu Kỳ Trấn) từ năm 1457 đến năm 1464. Minh Anh Tông sử dụng hai niên hiệu là Chánh Thống (1436-1449) và Thiên Thuận (1457-1464). Sở dĩ có sự gián đoạn là vì năm 1449, bộ tộc Ngõa Lạt (Oirats) xâm lăng Trung Hoa, Vương Chấn khuyên vua thân chinh. Khi quân Minh kéo đến Thổ Mộc Bảo, đã bị Thái sư Dã Tiên của quân Ngõa Lạt đánh tan tác, Minh Anh Tông bị cầm tù. Trước tình thế nguy ngập đó, Hoàng thái hậu Tôn Thị đã lập em trai của Minh Anh Tông là Chu Kỳ Ngọc làm giám quốc. Không lâu sau, Kỳ Ngọc xưng đế, tức Minh Cảnh Tông. Minh Anh Tông bị cầm tù mãi cho đến năm 1450, do Hồng Lô Tự Khanh Dương Thiện bán sạch gia sản, chạy vạy, lo lót, thuyết phục Dã Tiên cho phép đón Minh Anh Tông về Yên Kinh. Về lại Yên Kinh, nhà vua lại bị Minh Cảnh Tông dùng quân cẩm y vệ giam lỏng ở Nam Cung. Vua sống hết sức đói khổ, thường xuyên thiếu ăn. Mãi cho đến năm Cảnh Thái thứ tám (1457), Minh Cảnh Tông bị bệnh nặng, không thể thiết triều, Phó Đô ngự sử Từ Hữu Trinh, Vũ Thành Hầu Thạch Thuần v.v… thừa cơ dẫn quân tấn công Nam Cung mới cứu được Minh Anh Tông ra, đưa lên ngôi như cũ. Do vậy, vua đổi niên hiệu thành Thiên Thuận.

Vợ hắn trong lúc sấm sét thấy một đạo sĩ nắm lấy thân bà ta đặt sang chỗ khác, bèn được thoát nạn. Mọi người hỏi duyên cớ, bà vợ đáp: "Từng có hai người thưa kiện nhau, cùng bị tống giam. Kẻ đuối lý bèn hối lộ Phàn Quang, Phàn Quang liền thả kẻ ấy. Người đúng lý lại bị tra khảo dữ dội nhằm ép người ấy nhận tội oan uổng. Những thức ăn do người nhà gởi cho người ấy, Phàn Quang đều tước đoạt, đem cho con trai và chó ăn. Người tù ấy vì đói sắp chết, nghe nói ông ta ở trong ngục bèn xõa tóc tố cáo lên cõi trời. Chẳng đầy mấy bữa bèn xảy ra chuyện này".

Hầu Giám làm huyện lệnh ở Giang Hạ, làm bạn với một vị tăng, mỗi khi rảnh rỗi ắt đến thăm. Hễ đến thăm, vị tăng ắt đã bày tiệc sẵn. Ngẫu nhiên có một hôm đến thăm, Sư đãi đằng thiếu sót. Hầu Giám hỏi nguyên cớ, vị tăng đáp: "Mỗi lần ông đến, thần Thổ Địa ắt báo trước. Lần này chẳng báo, do vậy sơ sót trong tiếp đãi". Hầu Giám kinh ngạc, bảo vị tăng hãy hỏi Thổ Địa nguyên do chẳng báo. Đêm ấy, vị tăng mộng thấy thần Thổ Địa nói: "Hầu Giám vốn đáng lẽ làm đến Tể tướng, nhưng gần đây hắn đã nhận sáu mươi lượng bạc đút lót của họ Hồ để xét xử oan uổng một chuyện. Thiên tào đã tước bỏ chức vị Tể tướng của hắn, chỉ được làm đến chức Giám ty[31], chẳng thuộc

31 Giám ty (監司) là chức quan trông coi việc giám sát ở châu huyện. Thời Tống, các chức vụ Chuyển vận sứ, Chuyển vận phó sứ, Chuyển vận phán quan

quyền thống nhiếp của tôi nữa, cho nên chẳng báo". Ôi, dùng sáu mươi lượng tiền hối lộ để đổi lấy địa vị Tể tướng, là có trí hay ngu si vậy? Hơn nữa, thần minh không vị nào chẳng tận lực khuyên dạy con người "nhận của đút lót sẽ bị giảm phước", nhưng kẻ chẳng tự biết đông lắm!

Lại như thôi quan (推官, vị quan trông coi về hình pháp) là Ngụy Chiêu từng nhận của đút lót bốn trăm lạng, cố ý gỡ tội cho kẻ nọ, khiến người đã bị hại chết phải ngậm oan chẳng giãi bày được. Thượng đế tước bỏ bổng lộc, ngạch trật và tuổi thọ của hắn, năm sau Ngụy Chiêu chết ngắc. Người thời nay thường bảo *"gỡ tội đỡ hơn buộc tội"* để bào chữa. Theo đúng pháp, chẳng thể dung túng kẻ có tội, chẳng thể oan uổng người vô tội!

Hạ Xán Nhiên ở Tú Thủy, làm nha lại trông coi hình sự[32], liêm khiết chẳng tham. Xét án công bằng, khoan dung, xét theo tình cảm lẫn pháp luật đều thích đáng. Đối với những tội nhân đáng thương, ông thường rộng dung, khoan hồng. Gặp lúc hai tỉnh Sơn Đông và Hà Nam bị mất mùa, ông Hạ lại viết sớ, khuyên Diêu Tư Nhân [đang làm Công bộ Thượng thư thuở ấy] hãy xin vua phát chẩn, cứu sống ngàn vạn người. Về sau,

---

và Đề điểm hình ngục đều gọi chung là Giám ty.

32 Nguyên văn là "hình mạc" (刑幕), đây là từ ngữ gọi chung những người làm nha lại giúp đỡ vị hình quan xét xử, điều tra, thẩm vấn, lập án từ, bảo quản công văn v.v…

ông Hạ đỗ tiến sĩ lúc bốn mươi tuổi, làm quan đến chức Lại bộ Thượng thư.

Ông Trần Tài từng nằm mộng thấy thần bảo: *"Tử túy khôi*[33] *dã, thả liên đệ, quan chí Tuần phủ"* (Con trai của ngươi sẽ đỗ đầu khoa Tân Dậu, đỗ đạt liên tiếp, làm quan tới chức Tuần phủ). Ông tỉnh giấc bèn kể với người khác. Có người nói: "Túy là Tân Dậu". Đến năm Tân Dậu, quả nhiên con ông thi đậu, nhưng thi Hội chẳng đỗ. Ông hoài nghi giấc mộng chẳng ứng nghiệm. Lại mộng thấy thần bảo: "Số trời là cố định, có sự chuyển dời là do con người. Như thiên tử sủng ái một đại thần, ban cho tước lộc trọng hậu. Nếu đại thần chẳng tận lực trung thành, há có thể nào chẳng bị đoạt mất chức tước, bổng lộc ư? Hoặc là cậy được vua sủng ái mà chuyên phóng túng dụng hình, giết chóc, ắt họa sẽ xảy đến thân! Số trời và phép nước giống nhau. Sau khi con trai của ngươi đỗ kỳ thi Hương, ngươi đã làm năm chuyện sai trái, nhận tiền hối lộ của kẻ khác, tổn đức nhiều lắm! Há có nên oán trời tước đoạt phước của ngươi ư? Từ nay hãy nên tu đức, may ra còn giữ được tuổi thọ. Nếu không, sẽ đoạt mất tuổi thọ của ngươi!" Ông Trần khóc lạy, tỉnh giấc, hối lỗi hướng lành, rốt cuộc con trai ông ta chỉ làm tới chức Huấn

33 Túy khôi (醉魁): Khôi (魁) là người đỗ đầu trong một cuộc thi. Chữ túy nếu tách ra sẽ là do hai chữ tốt (卒) và dậu (酉) ghép lại. Chữ Tốt trông giống như chữ tân (辛), nên mới có người đoán túy khôi có nghĩa là con trai ông Trần Tài sẽ đỗ đầu trong khoa thi năm Tân Dậu.

Đạo[34] là hết mức!

Phàm là người đã đỗ cử nhân, hãy nên tu thân như ngọc, chuyên chú làm những việc gieo bồi đức hạnh ắt sẽ đỗ đạt và thăng chức đều dễ dàng. Hiềm rằng, kẻ đã bước chân vào chốn quyền thế, lợi lộc, chỉ mong thỏa lòng khoái ý, chẳng biết dẫu tài văn chương cao sâu mà chẳng gặp thời, công danh vẫn bị trở ngại! Thậm chí còn bị giảm thọ, chết yểu, đều thuộc hạng người này. Xin những ai có chí, hãy liền phản tỉnh tu thân. Còn như bậc hương thân là những người được dân chúng ngưỡng vọng, họ đã từ quan về nghỉ, hễ làm lành sẽ có thể khiến cả quận huyện bị cảm hóa, hưng khởi phong tục tốt đẹp cho cả châu lý[35], vun bồi cho thế hệ sau gấp trăm lần những kẻ đang làm quan. Vì thế, kẻ có thể thân cận người hiền, tuyên dương điều thiện, chủ trì phong tục, những người ấy là bậc thượng. Người giữ cho bản thân chánh đáng hòng hướng dẫn mọi người noi gương, tự giữ sự điềm tĩnh, sẽ kém hơn một bậc. Kém hơn nữa là hạng lo tậu ruộng mua nhà. Kém hơn

34 Huấn Đạo (訓導) là chức quan phụ tá lo quản trị các sinh viên (học sinh đã vào học tại các phủ, châu, huyện). Chẳng hạn, vị quan trông coi về giáo dục của một phủ sẽ được gọi là Giáo thụ (教授), có bốn người phụ tá gọi là Huấn đạo. Viên quan trông coi việc giáo dục tại một châu gọi là Học chánh (學正), có ba viên Huấn Đạo phụ tá. Tại cấp huyện thì có một người trông coi việc giáo dục gọi là Giáo dụ (教諭), có hai viên Huấn đạo làm phụ tá.

35 Thời cổ, nơi nào có hai ngàn năm trăm hộ trở lên thì được gọi là một châu (州), nơi có hai trăm năm mươi hộ được gọi là một lý (里). Về sau, châu lý được hiểu theo nghĩa rộng là những người đồng hương.

nữa là hạng người lường gạt con côi, đối xử hung bạo với bà góa. Kém hơn nữa là hạng người mưu cầu tài lợi, nói đến chuyện gì cũng vòi tiền, khiến cho phong hóa biến đổi ngày càng tệ hơn, chẳng dám nhắc tới nữa!

Vương Tảo làm nha lại thuộc về hình pháp, mỗi ngày đều cầm tiền về. Bà vợ ngờ chồng ăn hối lộ trong khi thẩm tra, bèn sai đứa tớ gái đem mười cái móng giò lợn đem biếu. Đến khi chồng về, bèn nói: "Tôi sai người biếu ông mười ba cái". Vương Tảo giận đứa tớ gái lấy trộm, bèn tra khảo nghiêm ngặt, đứa tớ gái bị ép uổng phải nhận tội. Bà vợ bèn nói: "Ông hằng ngày cầm tiền về, tôi ngờ ông giở mánh khóe gán ghép kết tội, cho nên dùng chuyện đứa tớ gái để thử ông. Hễ bị tra tấn thì nghi can có chuyện gì mà chẳng thừa nhận! Xin ông từ nay đừng đem một đồng nào về nữa! Nhận vật bất nghĩa, sau khi chết ắt phải chuốc lấy tội vạ". Vương Tảo run sợ, tỉnh ngộ, mồ hôi ướt đẫm lưng, đề thơ rằng:

Già khảo truy lai chỉ vị câm (kim),
Chuyển tăng oán nghiệp kỷ hà thâm.
Tùng kim bất nguyện cố đao bút,
Phóng hạ quy lai du trúc lâm.

(Khảo tra rốt cuộc vì tiền,
Tăng sâu bao nỗi oan khiên dường nào.

Từ nay nguyện bỏ bút đao[36],
Quay về rừng trúc tiêu dao tháng ngày).

Ông liền chia hết của cải, bỏ nhà học đạo. Về sau chứng đạo, thành Bảo Hòa Chân Nhân.

Trương Nhất Tác làm sai dịch cho một vị hình quan ở kinh đô, luôn mưu mô để được lãnh trát đi bắt người. Hắn thường cầm theo một cái xích sắt rất lớn. Hễ nhận được tiền thỏa ý, mới thả cho đi. Hễ có chút gì chẳng vừa ý, nếu chẳng lén tra khảo, thì sẽ bịa chuyện bẩm báo quan trên: "Kẻ này tung tích quỷ dị, bí hiểm, hãy nên giam chặt". Lại còn trên là cấu kết với bọn thư lại[37], dưới là cấu kết với bọn cấm binh[38], vu cáo, bịa đặt, đe dọa, dối trá, không chuyện gì chẳng làm. Ba năm hắn giàu sụ, ai nấy đều sợ. Cái danh hiệu Nhất Tác (一索, một sợi dây xiềng) do đó mà có. Hắn bị Khổng Tuần án[39] bắt giữ, xử tử, tịch thu tài sản giao cho quân đội,

36 Do nha lại bên hình pháp viết án từ định tội người khác như dao chặt xuống không khoan nhượng, nên gọi là "đao bút" (刀筆).

37 Thư lại (書吏) là những kẻ giữ sổ sách biên soạn văn từ, hồ sơ, và các bản án trong công môn. Từ ngữ này còn dùng để chỉ các quan chức trong giới hành chánh.

38 Cấm binh (禁兵) còn gọi là Cấm Quân, hoặc Cấm Vệ Quân, tức quân bảo vệ Hoàng đế và hoàng cung. Ở đây, chỉ nên hiểu theo nghĩa hẹp là bọn lính canh ngục.

39 Tuần án (巡按) chính là chức Tuần án ngự sử được thiết lập từ đời Minh, tức là vị Ngự sử thường đi tuần tra các nơi, có quyền hạn rất lớn. Vị này phụ trách khảo hạch các quan viên và bọn nha lại, chủ trì xét xử những vụ án lớn, tái thẩm những vụ nghi án. Từ tri phủ trở xuống đều phải nghe theo lệnh vị này.

vợ và con gái bị giao cho giáo phường[40]. Nay những kẻ làm quan lại, sai dịch trong các nha môn đang mài răng hút máu dân chúng như Trương Nhất Tác rất đông. Do vậy, đối với kẻ chưa gia nhập giới quan lại, sai dịch, xin khuyên hãy dốc sức cày bừa, buôn bán. Đối với kẻ đã gia nhập, xin khuyên hãy sửa ác theo lành. Đối với thân thích, bằng hữu cũng đều nên khuyên họ lưu ý.

Trương Hòa Tư làm ngục quan (quan trông coi nhà tù, thẩm tra phá án), tham ăn hối lộ, tàn khốc. Mỗi khi hắn thẩm vấn ắt dùng đủ mọi cách tra khảo, gông cùm, xiềng xích, hành hạ tội nhân khốn khổ, đau đớn tột bậc. Tù nhân trông thấy, ai mà chẳng vỡ mật. Do vậy, hắn có biệt hiệu là Sanh La-sát (La-sát sống). Hắn sanh ra con trai, con gái đều đeo gông thịt, cùm thịt, rơi xuống đất chết tươi. Về sau, Hòa Tư cũng do phạm tội mà bị tru lục.

Lại có một gã lính canh ngục, tham lam, đối xử bạo ngược với tù nhân. Tù nhân chịu khổ chẳng thấu! Gã canh ngục ấy ắt phải nhận được tiền mới bớt hành hạ. Về sau, hắn sanh con, đứa con cũng đeo cái gông bằng thịt, chẳng đầy mấy năm chết ngắc. Gã canh ngục ấy cũng bị phạt trượng mà chết.

---

40 Giáo phường (教坊) là cơ quan quản lý âm nhạc, chuyên trách quản lý những thể loại âm nhạc ngoài Nhã Nhạc (nhạc tấu trong các dịp lễ trong cung đình như khi tế lễ hoặc thiết triều), cũng như các hình thức nghệ thuật diễn xướng, kể cả những trò biểu diễn khác, gọi chung là Bách Hý. Nói riêng đào hát, kép hát, vũ công đều trực thuộc sự cai quản của giáo phường. Những người làm nghề giải trí này có địa vị rất thấp kém trong xã hội thuở trước.

Trong những nỗi khổ của đời người, lao ngục là khổ sở nhất. Trong ấy, nỗi khổ vì bẩn thỉu, hỗn tạp, dịch bệnh, kiết lỵ nặng nề nhất vào những tháng nóng. Tại kinh đô, mỗi năm các quan vâng chỉ tiến hành nhiệt thẩm[41], nhưng chưa có người thật sự thực hiện đúng. Nếu là bậc quân tử có lòng nhân, xin hãy nhất quyết ấn định theo lệ, đối với những án chưa được giảm khinh, hãy giải quyết trọn vẹn một phen. Đối với những tù nhân phạm trọng tội đang bị xiềng xích, hãy chú trọng sai những nha lại thích đáng đến quét dọn nhà tù, rửa sạch gông cùm, ngõ hầu lòng nhân hiếu sanh của thánh chúa được lan rộng. Trong tháng nóng, chẳng được lạm dụng quyền hạn để lấy khẩu cung, chẳng được tùy tiện câu lưu nghi can, chớ nên không thường xuyên xem xét sổ bộ của nhà tù, tra xét số lượng tù nhân. Nghiêm cấm bọn nha lại, sai dịch không được lạm quyền gán tội cho người khác, phải chú trọng sao cho hầm lửa trước mắt hóa thành thế giới thanh lương. Chuyện này chỉ cốt sao kẻ đang nắm giữ quyền hành, do ý niệm dấy động mà thốt lời, nhấc bút, chỉ trong chốc lát [sẽ có thể giải quyết những tệ nạn tồn đọng] đó thôi!

Than ôi! Những chuyện vừa nói trên đây, tệ nạn

41 Nhiệt thẩm (热審, xét xử vào tháng nóng) là quy định từ đời Minh. Theo đó, từ sau ngày mồng Mười tiết Tiểu Mãn cho đến ngày mồng Một trước tiết Lập Thu, do khí trời quá oi bức, các quan tuần án hoặc giám sát, sẽ xét lại những hồ sơ vụ án để quyết định mà giảm nhẹ án phạt cho những kẻ bị phạt tội lưu đày, phạt trượng v.v… Chuyện này được gọi là Nhiệt Thẩm.

đối xử tàn khốc đối với dân chúng của bọn nha lại, sai dịch, không đâu chẳng có! Kẻ cai trị dân đang ngủ say mộng yên trong chốn nha môn cũng nên suy lường chuyện này! Lành thay, ông Chu Thắng đã nói: "Bọn thư lại tham lam, ta chẳng giao án từ cho họ. Bọn sai dịch tham lam, ta chẳng xằng bậy giao cho họ bắt bớ. Kẻ canh ngục tham lam, ta chẳng dễ dãi giao cho họ giam giữ tù nhân".

Dĩ trực vi khúc, dĩ khúc vi trực.
以直為曲 。以曲為直 。
Coi đúng là sai, coi sai là đúng.

Hai bên kiện tụng lên quan, đúng hay sai chưa định, phán quyết sống hay chết do một lời của ta, há nên khinh suất? Nay đúng sai điên đảo, nếu chẳng phải là do được kẻ khác hối lộ, ắt là vì xử sự theo tình cảm riêng tư. Nếu không, sẽ là vì ơ hờ, lỗ mãng! Hễ vướng vào thói ấy, há có đáng làm quan cai trị dân nữa chăng?

Người họ Trương nọ làm quan ở đất Thục, xử sự tàn khốc hòng thỏa lòng tham. Hễ xử án cho dân, chẳng quản đúng sai, kẻ có thể đút lót, ắt hắn sẽ từ vô lý biến thành hữu lý. Kẻ chẳng thể hối lộ, dẫu đúng cũng thành sai! Dân chúng đều nghiến răng căm hận! Về sau, hắn bị bãi quan, về quê, bị thưa kiện về tội hại mạng người. Con hắn chẳng ra gì, tài sản trong nhà

mất sạch. Hắn mắc bệnh ngặt nghèo mà chết.

Lưu An Dân là một huyện lại, giữ lòng công bằng, được mọi người kính trọng. Hễ dân có chuyện kiện cáo, sẽ chẳng đến huyện ngay, mà ắt sẽ tìm đến ông trước để ông phán quyết đúng sai, vạch ra có nên thưa kiện hay không rồi mới làm theo. Ông ắt sẽ đảm nhận, tiếp nhận vụ án chẳng nề hà. Hễ đúng lý liền nói là đúng lý, đi thưa được. Hễ sai, sẽ phê rằng: "Chuyện này sai rồi! Có kiện cũng thua!" Do vậy, chuyện thưa kiện trong cả huyện giảm thiểu rất nhiều. Về sau, hai đứa con trai của ông đều đỗ đạt, cho đến nay vẫn là vọng tộc.

Triệu Thời làm Giáo Thọ tại châu Vô Vi. Ông mộng thấy một tù nhân nói: "Tôi bất hạnh bị Tổ Tường làm hại". Triệu Thời nói: "Tổ Tường thông hiểu pháp luật, lại liêm khiết, cẩn trọng, làm sao oan uổng ông cho được?" Tù nhân nói: "Tôi chết tuy chẳng do ý ông Tổ, nhưng vì ông ta hoài nghi, cho nên đến nỗi chẳng thể phân biệt đúng sai, rốt cuộc luận định tội chết cho tôi. Nỗi oán hận chẳng bắt nguồn từ Tổ Tường thì là ai đây? Tôi đã tố cáo dưới âm ty, Tổ Tường chẳng còn được bao lâu nữa đâu!" Hơn một tháng, quả nhiên Tổ Tường chết. Gần đây, chuyện thưa kiện vu khống người khác rất phổ biến, dẫu chẳng thể dùng đức cảm hóa, nhưng nếu luật lệ "kẻ vu cáo sẽ bị phạt tội nặng thêm ba cấp" được thực hiện nghiêm ngặt, ắt kiện tụng sẽ giảm bớt. Dẫu có kiện cáo, cũng sẽ chẳng đến nỗi

phán quyết sai lầm quá nhiều! Sợ nhất là kẻ thuộc hạ đứng về phía nguyên cáo, tùy tiện sửa đổi nội dung thẩm vấn, hòng dấy động thói kiện cáo, bọn họ chỉ sợ các vụ án sẽ được giải quyết dễ dàng!

Nhập khinh vi trọng.
入輕為重 。
[Kẻ đáng phán] tội nhẹ mà phán định nặng hơn.

Kinh Thư chép: *"Tội nghi duy khinh"* (Khi có nghi ngờ, thì nên kết tội nhẹ). Lại nói: *"Ninh thất xuất, vô thất nhập"* (Thà tha tội sai, đừng kết tội sai). Vậy thì cố ý ghép tội nhẹ thành tội nặng, tâm ý thận trọng trong hình pháp của thánh nhân há còn hay chăng? Mạng người quan trọng bằng trời, đấy là chuyện hàng quan lại đáng nên lưu ý nhất. Trong cõi đời, vu cáo là chuyện thảm khốc cùng cực. Kẻ dưới dùng chuyện này để chơi đểu người bề trên, cho đến kẻ nô bộc lấn hiếp chủ nhân, tá điền ngoan cố quịt nợ chủ ruộng, thê thiếp khống chế chồng, không kẻ nào chẳng dùng thủ đoạn này. Hễ chẳng cẩn thận, làng nước, họ hàng sẽ thừa dịp nhúng tay, bọn tấn thân[42] do vậy sẽ mài

42 "Tấn thân" (縉紳) có nghĩa là "cắm cái hốt vào đai lưng". Hốt (笏) là một vật dụng thường có hình dạng dài và hẹp, làm bằng ngọc, bằng ngà, hoặc chỉ đơn giản bằng gỗ. Khi vào tâu trình nhà vua, họ thường viết những điều cần tâu trên đó để khỏi quên. Khi tâu vua, hai tay cầm hốt, giơ lên trước mặt nhằm tỏ lòng cung kính. Về sau, vua cũng cầm hốt khi mặt triều phục ngồi trên ngai khi các quan triều bái. Trong trang phục của các quan, đai lưng thường có chỗ phồng lên ở ngang eo, để các quan cắm hốt vào đó khi quỳ lạy vua, hoặc nhằm

răng, xâu xé gia sản, làm nhục phụ nữ, giam trói thi thể dẫu xác chết đã rữa nát[43], xúm nhau đánh đập tàn nhẫn để đòi hối lộ. Do đó, những đối tượng dễ bị vu hãm nhất là[44] con vì kích động mà giết chết mẹ, vợ vì quá giận mà giết chồng. Có kẻ ỷ mình có nhiều con trai để nương cậy bèn giết trẻ nhỏ để làm bằng cớ vu cáo người khác, nhắm đến những nhà giàu có như miếng mồi thơm béo. Kẻ có học hoặc bậc thân sĩ tằng tịu với bọn nô tỳ, đúng là bọn ăn mày trong phường áo mũ[45], ngấm ngầm lập mưu tính kế, công khai giở trò, sáng giận, chiều vui[46]. Cho nên mới có chuyện ngược đãi thi thể, đốt xương, đạp cửa, phá nhà, kẻ nghèo cùng chỉ đành oán hận, khoanh tay đứng nhìn[47], hàng thân thích giàu có cũng bị liên lụy gặp phải tai ương, mắc tội. Đủ mọi lẽ chẳng dễ thuật trọn!

---

rảnh tay khi đi đường. Do vậy, "tấn thân" là từ ngữ phiếm chỉ các quan chức lớn.

43 Nguyên văn "phược thi quán trấp" (縛屍灌汁). Theo ông Hoàng Bách Lâm, "phược thi" (trói xác người chết), có nghĩa là người đã chết không được phép chôn cất, cứ quàn tại đó. "Quán trấp" (rỉ ra chất lỏng) là một thành ngữ của vùng Kinh Tương, có nghĩa là thi thể bắt đầu rữa nát, tuôn máu chảy mủ. Thành ngữ này có nghĩa là vì người nhà không hối lộ, bọn quan lại, chức dịch, cường hào không cho phép chôn cất người đã chết, cứ bắt giữ lại đó để làm tang chứng.

44 Chúng tôi thêm vào câu này theo cách giải thích của ông Hoàng Bách Lâm.

45 Đây là một cách nói khác của từ ngữ *"y quan cầm thú"* (lũ cầm thú mặc áo, đội mũ), nhằm thóa mạ những kẻ bề ngoài ra vẻ học thức, đạo đức, tuân theo lễ nghĩa thánh hiền, nhưng hành vi xấu xa, tồi bại.

46 Ý nói thái độ thay đổi bất thường, tráo trở, chỉ cốt sao đạt được mục đích.

47 Theo ông Hoàng Bách Lâm, câu này phải hiểu là kẻ nghèo túng, chẳng biết làm sao, đành bó tay, cam lòng oán hận, trơ mắt nhìn kẻ khác hung hăng, lấn hiếp.

Bậc trưởng quan trong cõi đời cứ riêng cho rằng hễ kiểm nghiệm thi thể và hiện trường vụ án sẽ đủ để luận định kết án, hòng được ca ngợi là phá án mau chóng. Nào có biết bọn "cá rỉa thịt nát, kình ngư nuốt chửng, hổ xơi tái" đã đến mức cùng cực như thế ấy! Chẳng ngăn dứt thói tệ ấy, không chỉ là xô đẩy người khác tự sát, mà còn khiến cho cha con, anh em do ôm lòng cầu lợi từ cái chết [của người thân, dẫn đến những hành vi bạo ngược] như phơi thây, hủy diệt luật pháp! Xét theo những tình tiết ấy, có khác gì chính tay đâm chết nạn nhân, những kẻ gây tạo những hành vi bạo ngược ấy thật sự đáng bị lăng trì xử tử! Nay đã khó thể nhất loạt gạt đi chẳng quan tâm tới, chỉ cần nghiêm ngặt phạt tội vu cáo nặng thêm ba bậc. Chẳng luận đến những trường hợp bị oan uổng tột bậc hay bị áp bức cùng cực, phàm là do thuốc mà chết, chẳng thể kết luận là chết vì dùng thuốc; đối với kẻ treo cổ, hay tự gieo mình xuống nước, chẳng thể kết luận người ấy chết vì tự treo cổ hay tự trầm[48]. Phải thẩm vấn theo đúng luật, cốt sao trừng trị một người, sẽ khiến cho

48 Ông Hoàng Bách Lâm giảng câu này có nghĩa là phải tìm cho ra nguyên nhân, động cơ dẫn đến vụ án, chứ không phải chỉ quan sát trên hiện tượng rồi kết luận vụ án. Chẳng hạn, người bị trúng độc chết vì thuốc thì không thể kết luận đơn giản nguyên nhân là chết vì trúng độc, mà phải tìm ra hung thủ, ai là người đã dùng thuốc độc mưu sát nhằm mục đích gì, vì sao lại dùng độc, cách hạ độc như thế nào, ai sẽ có lợi khi người ấy chết v.v… Tương tự như vậy, đối với những người tự tử chết, phải tìm cho ra nguyên nhân nào đã ép họ phải chọn phương cách tự tử, hoặc họ có thật sự tự tử hay không, hay là bị người nhà giết chết rồi dàn cảnh như tự tử?

trăm người kiêng dè, yết bảng thông cáo: Người này bị thân nhân bức tử để mong ngụy tạo chứng cứ hòng vu cáo người khác để kiếm lợi. Đã khám phá sự tình, sẽ càng phải nên xử phạt nghiêm trọng. Có kẻ thừa dịp rối ren để lường gạt, mạo nhận, hòng kìm kẹp, đánh đập người khác, đối với những trường hợp như vậy, phải nghiêm ngặt chiếu theo pháp lệnh để thẩm tra thì sự tình mới được sáng tỏ. Đã thấu hiểu sự tình, sau đấy mới có thể luận định đúng sai, xét tội nặng nhẹ, [làm như vậy thì tội nhân hoặc nghi can] sẽ sống chẳng đau khổ, chết sẽ chẳng ôm hận, thân thích chẳng ôm lòng kiếm lợi từ cái chết của người nhà, phong tục sẽ chẳng có thói ác điên đảo thị phi, cướp đoạt tài vật. Âm đức ấy há có hạn lượng ư?

Người thời nay hễ có chuyện liên quan đến án mạng, quan lại, nha dịch điều tra vụ án chẳng cần biết tình tiết là nặng hay nhẹ, chẳng chú trọng xem xét sự việc là thật hay giả, đã đánh đập bằng roi cật tre chưa đủ, lại còn chuyển sang kẹp ngón tay, lại chuyển sang dùng côn kép[49], thậm chí còn có trường hợp đánh hơn

49 Những thứ này toàn là hình cụ, tức dụng cụ để tra tấn thời cổ. Trúc bản (竹板, tạm dịch là roi cật tre) là dùng những miếng cật tre già bó thành roi, dùng để đập vào đùi, hoặc mông tội nhân khiến cho họ bị nát thịt. Hình phạt đầu tiên trong ngũ hình (năm hình phạt) thời cổ là Xuy Hình (笞刑), tức là dùng trúc bản để đánh. Kẹp ngón tay (拶指, tạt chỉ) là một thứ hình cụ bằng gỗ gồm năm miếng gỗ dài bảy tấc, rộng năm phân, dùng dây buộc lại thành hình ống. Khi hành hình, sẽ đút ngón tay của tội nhân vào đó, rồi xiết chặt dây, khiến cho tội nhân đau đớn thét lên. Hình phạt này dành cho phụ nữ. Giáp côn (夹棍,

trăm gậy! Dưới sự thống khổ ấy, muốn cho tội nhân khai gì mà chẳng được! Sau đấy liền kết án thành tội tử hình. Lúc đó mới cho tội nhân được thong thả chốc lát. Những người có lòng nhân trong cõi đời có thể động lòng thương xót đối với chuyện này hay chăng?

Ông Chu Nhật Thăng nói: "Cái thói ngụy tạo những vụ án liên quan đến nhân mạng để vu cáo người khác hòng kiếm lợi hết sức sâu đậm ở phương Nam. Lúc tôi làm huyện lệnh ở Ô Trình, đã đau đáu trừng phạt để ngăn dứt thói tệ này. Ngoài ra còn ban hành mẫu đơn thưa trình án mạng, trong đó viết thẳng thừng ngày giờ, lời khai, chẳng cho phép sử dụng những từ ngữ thêm thắt, điêu ngoa. Về sau, tờ cáo trạng được in thành hai mặt, lại chia thành bên trái và bên phải. Tờ đơn ghi những chỗ thương tích nơi tử thi do người đâm đơn tố cáo tự điền vào đó, khi nha môn nghe tiếng trống báo án sẽ cho phép người ấy vào nạp đơn. Chẳng câu nệ thời khắc, hễ nghe báo án, tôi tức khắc đích thân tới chỗ có thi thể, chiếu theo lời cung khai trong đơn báo án để thẩm vấn, chiếu theo hình vẽ [những chỗ thương tích do người đâm đơn vẽ ra] để kiểm nghiệm sơ qua, trọn chẳng giao phó thuộc hạ khám nghiệm mà cậy ngỗ tác[50] kiểm nghiệm thi thể. Nếu quả thật là do

tạm dịch là côn kép) là côn được chế bằng hai thanh gỗ to, cứng ghép lại. Phạm nhân bị đánh côn kép thường sẽ bị què quặt suốt đời.

50 Ngỗ tác (仵作) hoặc còn gọi là "lại ngỗ" (吏仵) là nhân viên chuyên mổ xẻ, kiểm nghiệm thi thể trong các cơ quan hình pháp thuở trước, tức là nhân

thương tích mà chết, bèn theo đúng luật định tội. Nếu là vu cáo, dối gạt, sẽ quở phạt nghiêm ngặt. Còn như những trường hợp tự thắt cổ, gieo mình xuống nước, sảy chân ngã chết v.v… bèn chiếu theo tình huống của mỗi trường hợp mà phân định, sẽ phê công văn cho chôn ngay để dứt trừ nỗi khổ vì có kẻ mưu toan cướp đoạt, dối trá, cố tình kéo dài. Dẫu gặp lúc nắng gắt hay rét buốt, góc núi xa xôi, hay nơi đọng nước, cũng chẳng ngần ngại, chậm trễ chút nào! Vì thế, trong vòng hai năm, trọn chẳng có chuyện dùng án mạng để cáo giác kẻ khác. Ôi, chuyện mạng người liên quan đến sanh tử, há chẳng nên cẩn thận ư?"

Lý Nhược Thủy làm Tư Lý[51] ở Hoài Nam. Khi ấy, có năm tên giặc cướp, do sự tình bại lộ bị tống giam. Chúng lại khai đã từng kết bè đảng với một nhà sư. Khi năm gã ấy bị hành hình, vị sư mới xuất hiện thưa: "Tôi thật sự chưa từng trộm cướp". Đối với chuyện này, Lý Nhược Thủy có thể bỏ qua, nhưng ông ta chấp chặt lời bọn cướp là thật, bèn thảm sát nhà sư. Hơn một tháng sau, gã lính canh ngục tên là Lý Năng vô cớ kêu ầm lên: "Hòa thượng ơi! Tôi chẳng liên can đến chuyện này, chỉ vì quan Tư Lý sai khiến tôi mà thôi!" Nói xong, chết ngắc. Hôm sau, viên Thôi tư[52] là Lưu Nguyên cũng

viên pháp y trong hiện thời.

51 Tư Lý (司理) là chức quan thuộc về hình pháp, chưởng quản nhà tù, tố tụng, khám nghiệm, điều tra.

52 Thôi tư (推司) là chức quan đặc trách điều tra phá án, phụ tá của huyện lệnh.

chết. Hôm sau nữa, Nhược Thủy chết bất ngờ. Cả một nha môn chết gần hết!

Đời Tống, ông Triệu Thanh Hiến[53] làm Tiết độ thôi quan[54] ở huyện Vũ An. Dân chúng có kẻ ngụy tạo ấn tín của quan chức, bọn nha lại đều nói: "Đáng tội chết!" Chỉ riêng ông là nói: "Tạo ấn trước khi có lệnh đại xá, sau khi đại xá mới dùng. Trước khi đại xá chẳng dùng, sau khi đại xá chẳng tạo. Xét theo pháp luật, đều chẳng đáng chết". Ông bèn coi đó là tội tình nghi, tha cho. Cho đến khi ông làm tri phủ Thành Đô, có gã Lý Hiếu Trung tụ tập hơn hai trăm người, tạo riêng phù điệp[55] để độ người khác làm tăng. Có kẻ cáo giác hắn âm mưu phản nghịch, bọn họ đều bị bắt giam. Ông không nghe lời bọn pháp lại (法吏, nha lại

53 Vị này tên thật là Triệu Biện, có hiệu là Duyệt Đạo, Thanh Hiến là thụy hiệu, biệt hiệu là Tri Phi Tử. Ông nổi tiếng với chuyện hằng ngày thắp hương tấu trình thiên đình những chuyện đã làm trong một ngày. Ông thường nói: "Chuyện đã làm trong một ngày không gì chẳng thể tấu trình Thượng đế". Ông đỗ tiến sĩ dưới thời Tống Nhân Tông, giữ chức Điện trung thị ngự sử, đàn hặc bọn tham quan không e ngại, nên người đương thời gọi ông là Thiết diện ngự sử (vị Ngự sử mặt sắt). Về sau, dưới thời Tống Thần Tông, do chống đối tân pháp của Vương An Thạch, ông bị đổi làm tri phủ Hàng Châu.

54 Đây là quy chế đã có từ đời Đường, dưới quyền các chức quan Tiết độ sứ, có các chức quan Quan sát sứ, Đoàn luyện xứ, Phòng ngự sứ, Thái phỏng xử trí sứ. Dưới những chức quan này, lại đặt một chức Thôi quan để làm quan tòa, chưởng quản hồ sơ vụ án, và những sự việc liên quan đến tố tụng và nhà tù. Chức vụ này thường được gọi là Tiết độ thôi quan.

55 Phù điệp (符牒) còn gọi là giới điệp hoặc độ điệp là giấy chứng nhận chánh quyền xác minh một tăng sĩ đã đậu khảo hạch về kinh giáo, và có tư cách xứng đáng làm tăng sĩ.

trông coi về hình pháp) đề nghị [phán án tử hình toàn thể bọn họ], chỉ xử Hiếu Trung về tội lén tạo phù điệp, những kẻ khác đều được miễn tội chết. Chuyện bị đồn thổi ầm ĩ đến kinh thành, đồn ông tha cho lũ phản nghịch. Triều đình tái xét hồ sơ vụ án, rốt cuộc cũng phán quyết chẳng khác ông. Về sau, ông được phong làm Thái tử thiếu bảo rồi hồi hưu. Con ông là Hoàn và Ngột đều quý hiển. Mạo Khởi Tông nói: "[Bọn nha lại cố ý kết tội] chẳng luận theo chuyện trước khi đại xá, mà dùng chuyện sau khi đại xá, chính là gán tội nhẹ thành tội nặng". Ân Văn Trang đã nói hay lắm thay: "Vua đã xuống chiếu tha cho người có tội, thế mà bọn nha lại vẫn phán quyết theo lệ cũ. Vua xuống chiếu xóa tội thiếu thuế, mà bọn nha dịch vẫn thúc giục thuế má cấp bách. Ân đức của Hoàng đế bị ngăn lấp, dân chúng không cách nào được hưởng ân trạch nhân từ. Đấy chính là điều khiến cho những vị chánh nhân quân tử đau lòng, nghiến răng vậy".

Đời Hậu Hán, Quách Hoằng học tập tinh thông bộ luật của Tiểu Đỗ[56]. Thái thú Khấu Tuân cử Quách Hoằng giữ chức Quyết tào duyện[57]. Ông xử án suốt

56 Tiểu Đỗ là Đỗ Diên Niên. Cha ông ta là Đỗ Châu là một tay quan lại khét tiếng tàn ác đời Đông Hán, nhưng Đỗ Diên Niên lại là người nhân từ, thông hiểu tình lý. Đỗ Diên Niên phù tá Tể tướng Hoắc Quang. Hoắc Quang áp dụng pháp luật quá khắt khe, Đỗ Diên Niên thường dùng lời lẽ mềm lỏng khuyên lơn. Tiểu Đỗ Luật chính là bộ luật nhà Hán do Đỗ Diên Niên tu chỉnh.

57 Quyết tào duyện (決曹掾) là chức vụ xử án, thẩm phán trong một châu huyện thời Hán.

ba mươi năm, vận dụng pháp luật công bằng, khoan dung. Dân chúng chẳng hề oán thán. Họ sánh ví ông giống như ông Vu ở Đông Hải[58]. Ông mất lúc chín mươi lăm tuổi. Con ông là Cung, nối nghiệp cha từ trẻ, về sau được phong làm Đình úy[59]. Gia tộc Quách Cung nhiều đời nắm giữ pháp luật, chú trọng khoan dung, công bằng. Khi ông làm quan phán xử, hễ phán án phần nhiều là thương xót, khoan dung. Ông lại thấy trong pháp luật đương thời có những điều khoản quá nặng, có thể giảm nhẹ, bèn tấu trình bốn mươi mốt điều luật đáng nên sửa đổi, đều được vua chấp thuận, cho phép thi hành, trở thành pháp lệnh. Những đề nghị sửa đổi về luật lệ do Quách Cung tấu trình đã cứu sống nhiều người. Mấy đời sau đều nối nghiệp theo ngành tư pháp, quý hiển, hưng thịnh khôn sánh.

Bài Tỉnh Hình Châm (省刑箴, châm ngôn về giảm thiểu tra tấn) viết: "Đừng mặc sức ra oai, hòng thỏa thích lòng riêng, chớ vận dụng phép nước thỏa lòng ta mừng, giận. Chớ thuận theo tình riêng mà vặn vẹo

58 Đông Hải chính là Đàm Huyện thời Hán, tức vùng đất thuộc huyện Phí tỉnh Sơn Đông ngày nay. Ông Vu chính là cha của Vu Định Quốc, một nhà luật học lừng danh đời Hán. Cha Vu Định Quốc làm phán quan rất công minh, chánh trực. Do vậy, những phạm nhân bị ông phán tội đều phục, không oán thán chút nào.

59 Theo quy chế đời Hán, Đình úy (廷尉) là chức quan cao nhất chưởng quản tư pháp cả nước, tương đương Bộ trưởng Tư Pháp hiện thời. Đến đời Hán Cảnh Đế, chức vụ này được đổi thành Đại lý, về sau lại gọi là Đình úy, mãi cho đến thời Bắc Tề mới đổi thành Đại lý tự khanh. Các quan phụ tá được chia thành ba cấp là Đình úy giám, Đình úy bình và Đình úy sứ.

luật pháp, coi sanh mạng dân chúng hệt như lũ ruồi bọ. Đừng vì kẻ phạm nhân giận dữ trừng mắt nhìn, cứng cổ không chịu phục, nói năng chậm chạp, hoặc lắp bắp, bèn cố ý gài bẫy, trí trá gán tội họ. Đầu ngọn trượng giáng xuống, người sống biến thành ma. Dưới ngòi bút phán quan, phạm nhân đành chết ngóp. Bứt sợi tóc biết đau, cắn ngón tay biết xót. Một ngày bị đánh đấm, ba mùa nghỉ cuốc cày. Một chồng bị tống ngục, nhà tám mạng đói rách. Động vật hay thực vật, thảy đều là sanh mạng, huyết nhục thảy rền trời. Vì thế, Vu Đông Hải, tiếng nhân ức vạn năm!"

Bài Tỉnh Phạt Châm (省罰箴, châm ngôn khuyên giảm thiểu hình phạt): "Đừng dùng tiền bán con gán vợ của dân để nuôi béo vợ con ta! Đừng phạt dân tan nhà phá sản để tăng thêm ruộng nương, nhà cửa cho ta. Đừng cướp đoạt tài vật khiến dân oán thán, gào khóc vì đói lạnh, dập đầu than trời để cung ứng cho tiệc tùng ca múa, cười cợt. Để chuộc tội, dân phải tốn món tiền bằng khoản thuế cho trăm mẫu ruộng. Để nạp một tờ đơn, phải húp cháo mười ngày! Một hạt gạo đổi bằng máu của nông phu, bao nỗi gió sương chua xót, khổ sở. Một đoạn the là nước mắt của người phụ nữ dệt cửi, biết bao đêm quên ăn, bỏ ngủ! Kể từ ngày quan phủ tích chứa máu mỡ của dân, chính là lúc bắt đầu nỗi oán ghét của dân nghèo. Chẳng giấu diếm thần minh nổi đâu, đạo trời sẽ báo đền nhanh chóng! Do vậy, Dương

Bạch Khởi[60] muôn năm tiếng thơm truyền".

Kiến sát gia nộ.

見殺加怒。

Thấy [người khác mắc tội] đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ.

Tăng Tử nói: *"Như đắc kỳ tình, tắc ai căng nhi vật hỷ"* (Nếu thấu hiểu sự tình, ắt sẽ buồn bã, xót thương, chẳng vui). Đấy là nói đối với kẻ có tội, khi kẻ ấy bị hành hình, vẫn nên tha thứ cho những chuyện kẻ ấy đã trót phạm, chớ nên tùy tiện tăng thêm hình phạt. Huống hồ kẻ đã chết sẽ không thể sống lại. Tuy tội lỗi do kẻ ấy tự chuốc lấy, nhưng mục kích kẻ ấy bị hành hình, tâm sẽ đau đớn. Do vậy, bưng mặt gạt lệ còn không xuể, tăng thêm lòng giận dữ để làm gì? Kẻ giận dữ tấm lòng tàn nhẫn cùng cực! Còn như đối với lục súc[61], chim cá bị người khác giết mổ, hãy càng thêm thương xót chúng chẳng có tội tình gì, bèn tìm phương tiện cứu giúp, che chở. Nếu trông thấy mà càng thêm tức giận ắt là kẻ tàn

60 Dương Bạch Khởi chính là Dương Chấn, ông có tên tự là Bạch Khởi. Dương Chấn sống vào thời Đông Hán, thông hiểu kinh điển Nho gia, đặc biệt là sách Âu Dương Thượng Thư, cho nên được người đương thời xưng tụng là Quan Tây Phu Tử. Ông làm quan đến chức Thái thú đông lai. Vương Mật là huyện lệnh Xương Ấp cảm kích ông đã đề cử, đến đêm, bèn mang mười cân vàng tới biếu tạ. Dương Chấn kiên quyết cự tuyệt, Vương Mật năn nỉ: "Đêm sâu có ai biết đâu mà!" Dương Chấn quát to: "Trời biết, đất biết, ta biết, ông biết, sao lại nói là không ai biết".

61 "Lục súc" (六畜) là sáu loài gia súc, tức ngựa, trâu hay bò, dê, gà, chó, lợn.

ác, bạo ngược, ham giết chóc mà thôi.

Đời Tống, Lô Đa Tốn[62] bị đày đi Châu Nhai. Gián Nghị Đại Phu Lý Phù vào gặp Triệu Phổ thưa: "Châu Nhai tuy ở ngoài biển, nhưng thủy thổ không ác hiểm cho lắm, những kẻ bị lưu đày tới đó, phần nhiều vẫn sống sót. Xuân Châu tuy ở trong đất liền, kẻ đến đó ắt phải chết. Mong ngài hãy sửa lại lệnh trước, bề ngoài là ra vẻ khoan dung, nhưng thật ra là đẩy hắn vào tử địa". Triệu Phổ gật đầu. Hơn một tháng sau, Lý Phù do phạm tội, bị biếm trích tới Xuân Châu. Hắn mới tới nơi bèn chết.

Dương Đạo Sanh làm Tham quân[63] cho Thiệu Lăng Vương (Tiêu Luân), có người anh tên là Hải Trân làm Thứ sử tại Trá Châu. Ông xin nghỉ phép về thăm anh. Khi chia tay, người nhà mở tiệc tiễn hành.

---

62 Lô Đa Tốn là người xứ Hoài Châu, tỉnh Hà Nam, là cháu đời thứ mười bốn của thứ sử Lô Thượng Chi. Ông ta đỗ tiến sĩ dưới thời Hậu Chu, về sau theo nhà Tống. Khi làm Hàn lâm học sĩ, ông đã cùng Lưu Hàn biên soạn bộ Khai Bảo Bổn Thảo. Ông được phong làm Trung thư Thị lang Bình chương sự, rồi làm Binh bộ Thượng thư. Do bất hòa với Triệu Phổ (vị này là khai quốc công thần của nhà Tống, nổi tiếng với câu nói: "Thần dùng nửa bộ Luận Ngữ mà đã đủ sức để phò tá bệ hạ lên ngôi cửu ngũ"), Lô Đa Tốn bèn bịa chuyện tố cáo Triệu Phổ đã tung tin Tống Thái Tổ không hề muốn truyền ngôi cho Tống Thái Tông. Do vậy, Tống Thái Tông ghét bỏ Triệu Phổ. Khi Triệu Phổ được phục chức Tể tướng, đã kiếm cớ hạch tội, khiến cho Lô Đa Tốn bị mất sạch quan tước, cả nhà phải bị đày đi Châu Nhai (nay thuộc đảo Hải Nam). Lại quy định: Dẫu triều đình đại xá, cũng không đến phiên Lô Đa Tốn được hưởng ân xá. Về sau, Lô Đa Tốn bị bệnh chết tại Châu Nhai.

63 Tham quân (參軍) gọi đầy đủ là Tham mưu quân vụ, tức chức quan phụ tá, làm cố vấn tham mưu cho các tướng quân hoặc những quan chức cầm quyền quân sự.

Ông thấy một người bị trói ở gốc cây, khóc lóc, van xin Đạo Sanh: "Thứ sử Trá Châu muốn giết tôi, xin ngài hãy giải cứu". Đạo Sanh hỏi: "Ngươi phạm tội gì?" Thưa: "Xúi giục người khác bỏ trốn, làm loạn". Đạo Sanh giận dữ, quát: "Chuyện ấy đáng căm phẫn nhất". Liền lấy đao giắt nơi thắt lưng khoét tròng mắt người ấy, nuốt chửng. Trong chốc lát, anh ông ta tới, dặn thuộc hạ xử trảm phạm nhân ấy. Đạo Sanh bèn cảm thấy con ngươi của gã tử tội đó mắc nghẹn ở cổ họng, chẳng nuốt xuống được, dần dần nó phình lên, gây tắc nghẽn. Trên đường đi, ông ta không ăn uống gì được bèn chết ngắc.

Thời Xuân Thu, Cao Tử Cao[64] là người nước Vệ, khi phải chặt chân tù nhân, lúc sắp hành hình, bèn buồn bã. Về sau, gặp nạn Khoái Hội[65], Tử Cao phải chạy trốn. Lúc đó, người bị chặt chân đang canh giữ cửa thành,

64 Cao Tử Cao là người nước Vệ, tên thật là Cao Sài, tên tự là Tử Cao. Lúc trẻ, từng sống tại nước Lỗ, theo học với Khổng Tử. Về sau, ông trở về nước Vệ, làm người canh ngục. Nguyệt (刖, chặt chân) là một hình phạt thời cổ, tù nhân phạm tội sẽ bị chặt đứt cả bàn chân hay các ngón chân tùy theo tội trạng.

65 Khoái Hội (蒯聵, sách Cảm Ứng Thiên đã khắc sai thành Khoái Quý, 蒯聩) là vua nước Vệ, là con trai của Vệ Linh Công (Cơ Nguyên). Khi còn là Thái tử, Khoái Hội tính giết phi tần của Vệ Linh Công là Nam Tử. Âm mưu bất thành, Khoái Hội phải trốn sang nước Tấn. Khi Vệ Linh Công đã chết, con trai Khoái Hội là Cơ Triếp lên làm vua, tức Vệ Xuất Công. Nước Tấn muốn đưa Khoái Hội về làm vua, nhưng dân nước Vệ không chịu. Về sau, Khoái Hội nhờ chị là Khổng Cơ giúp sức, trở về nước Vệ, đánh đuổi Vệ Xuất Công phải chạy sang nước Lỗ. Khoái Hội lên làm vua, tức Vệ Trang Công, lại bội ước với nước Tấn, nên nước Tấn vây đánh nước Vệ. Bị nhân dân nước Vệ chống đối, Khoái Hội đành phải chạy sang Nhung Châu lánh nạn. Sử gọi sự kiện này là *"Khoái Hội chi nạn"*.

bảo: "Ở chỗ kia có chỗ tường thành bị khuyết". Tử Cao nói: "Quân tử chẳng trèo tường". Người đó lại nói: "Ở chỗ kia có lỗ hổng". Ông đáp: "Quân tử chẳng chui qua lỗ hổng". Lại nói: "Ở chỗ kia có một gian nhà". Tử Cao bèn nấp vào đó, những kẻ đuổi theo chẳng tìm thấy bèn bỏ đi. Tử Cao nói: "Ta đích thân chặt chân ngươi, ngươi lại ba lần giúp ta bỏ trốn là vì lẽ nào?" Người bị chặt chân đáp: "Bị chặt chân cố nhiên là vì tội của tôi. Nhưng khi ngài sắp hành hình bèn ủ dột, chẳng phải là ngài có lòng cảm thông cho tôi hay sao? Ngài trời sanh là bậc quân tử, cố nhiên sẽ hành động như thế. Vì vậy, tôi cứu ngài".

Trương Khánh là một nha lại coi ngục, luôn vâng giữ lòng thương xót, thận trọng. Đối với các đồ dùng trong nhà tù đều rửa sạch. Tháng nóng, ông càng siêng năng quét dọn. Thường răn dạy mọi người: "Người ta phạm pháp, há chẳng phải là chuyện bất đắc dĩ ư? Thức ăn, đồ trải đắp, ắt giữ cho sạch sẽ". Ông luôn thờ Phật, mỗi khi có tù nhân bị tử hình, ắt sẽ vì kẻ ấy ăn chay, kiền thành tụng kinh, niệm Phật, nguyện cho người ấy được thoát khổ siêu sanh. Ngoài ra, ông còn có rất nhiều âm công, thọ tám mươi ba tuổi, không bệnh mà mất. Con cháu đều thành quan lại quý hiển!

Đời Minh, Lưu Tích Nguyên từng mộng thấy một người bái lạy thưa: "Tôi là Tào Hàn làm tướng đời Tống. Xưa kia, làm một gã nha lại nho nhỏ đời Đường;

do nghe pháp sư giảng kinh bèn cảm ngộ, cúng dường trai tăng một bữa. Từ đó, cảm được báo ứng, đời đời luôn làm quan, dần dần tích tập nhân lành. Tới đời Tống, làm Phó tướng, do tàn sát dân chúng trong thành, giết hại bừa bãi, đời đời làm lợn để đền tội giết chóc. Năm trước, có người tá điền đã đem tôi nạp cho ngài để bù vào số địa tô bị thiếu, mong ngài thương xót cho tôi được sống. Nay lại phải đền bồi quả báo ở nơi đây, đặc biệt đến cầu cứu nơi ngài". Ông Lưu hỏi: "Dùng cách gì để có thể cứu được?" Thưa: "Mỗi khi bị mổ xẻ, sẽ đau khổ không chịu đựng nổi. Chỉ có nghe tiếng niệm Phật thì mới giải trừ nỗi khổ ấy. Mong ngài trong lúc thấy tôi bị giết mổ, hoặc trong lúc chặt xẻ, nấu nướng, hãy phát lòng đại bi, chỉ niệm A-di-đà Phật, hoặc trì chú Đại Bi, hay chú Chuẩn Đề, không chỉ là giải trừ nỗi khổ cho tôi, mà tôi còn được lợi ích siêu thoát". Nói xong, buồn bã từ tạ ra đi.

Lại nữa, Trình Lân bị chết bất thình lình. Do cõi âm bắt lầm, nên lại được thả về. Diêm vương bảo: "Ngươi trở về dương gian, hãy nỗ lực làm lành. Thấy kẻ khác sát sanh, chỉ niệm Nam-mô A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát, những con vật ấy đã được thọ sanh, mà ngươi cũng được phước". Bèn biết là niệm Phật có thể siêu độ người chết, hiện đời có thể tăng phước thọ, sau này ắt sanh về Tây Phương. Có kẻ nói: "Chỉ niệm danh hiệu Phật, có sao ta lẫn người đều được lợi?" Đáp:

"Chúng sanh mê muội bản tánh, chẳng có thuở giác ngộ, vừa nghe danh hiệu Phật, như đang mê chợt tỉnh. Huống hồ kẻ kia vì lòng tàn nhẫn mà sát sanh, mà ta do từ bi bèn niệm Phật, tức là con đường để "xả ác theo thiện" ở ngay tại đấy. Vì thế, thấy giết chóc bèn niệm Phật, công đức vô lượng".

Đời Minh, Hám Sơn đại sư nói: "Tôi trong lúc thường nhật, hễ nghe thấy tiếng giết chóc, bất giác đau lòng liền niệm Phật và chú Vãng Sanh, tự nhủ là trọn hết tấm lòng này mà thôi!"

Nay xem những chuyện ấy, bèn biết là những kẻ chịu khổ đó, do nghe tiếng niệm Phật hay trì chú, sẽ thật sự được lợi lạc. Từ đó mà suy, hễ thấy giết chóc, hoặc nghe tiếng giết chóc, hoặc thấy những con vật bị mổ xẻ, chém chặt, đun nấu, ở bất cứ lúc nào, ở bất cứ nơi đâu, đều phát ra cái tâm này, mắt trông thấy bèn dấy lòng từ bi, ngay lập tức nghĩ tưởng dẹp khổ. Nếu hết thảy người đời có thể phát khởi từ tâm tam-muội như thế, sẽ toàn là chuyện độ sanh của Bồ-tát, công đức ấy há có thể nghĩ bàn được ư?

Hình ngục là đại sự của đất nước, liên quan đến sự sống chết của dân chúng. Vì thế, đức Thái Thượng ban lời giáo huấn, trước hết là nghiêm cấm hối lộ. Còn như chuyện cân nhắc đúng sai, nặng nhẹ, ngài lại càng chú trọng nhắc nhở những kẻ đang giữ quyền tra vấn,

hành hình, vì đang nắm quyền lực sẽ dễ tạo phương tiện. Nhưng mỗi người thấy nghe hữu hạn, kẻ làm nha dịch, thư lại có thể trừ khử thói quen xấu ác, nhờ vào chức vị để hành thiện, cứu người trong cơn hoạn nạn sẽ tạo công đức vô lượng vô biên. Phàm thiện ác phân chia đôi đường, chỉ trong một niệm. Nương theo gió để xoay cánh buồm, càng dễ ra sức. Kẻ khác nói "đừng vào chốn công môn", ta nói "công môn dễ tu hành". Cổ nhân dạy như thế, há lừa dối ta ư? Còn như giết người, giết vật, người khác giết, ta giết, đều là giết hại! Dẫu chẳng thể trông thấy con vật bèn cứu sống, chẳng lẽ dốc lòng kiền thành niệm Phật cũng sẽ tốn phí tài lực đến nỗi chẳng thể làm ư? Hãy suy nghĩ nhé!

Kiến quá bất cải, tri thiện bất vi.
知過不改。知善不為。
Thấy lỗi mà chẳng sửa, biết điều lành mà chẳng làm.

Văn-thù Bồ-tát bạch Phật: Tuổi thiếu niên tạo nên oan nghiệt, về già tu hành, có được thành Phật hay không? Đức Phật dạy: "Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ!"

Thiền sư Viên Ngộ nói: "Ai mà chẳng có lỗi? Có lỗi mà có thể sửa, không gì tốt đẹp bằng!" Chỉ có bậc quân tử là có thể sửa lỗi, hướng lành, cho nên đức mỗi ngày một mới. Kẻ tiểu nhân giấu ác, che lỗi, vì thế điều ác đầy dẫy. Tiểu nhân có điều ác thì cũng giấu diếm. Vì

thế, đức Thái Thượng ra rả răn dạy.

Ông Hà Long Đồ nói: "Có lỗi nơi miệng, có lỗi nơi thân, có lỗi nơi tâm. Kẻ khéo sửa đổi điều ác, chỉ nên linh mẫn, tỉnh táo, tận lực trừ khử thói chấp trước, keo kiệt, nghiên cứu, xem xét đến tận chỗ vi tế để trừ khử, sửa đổi tập khí xấu ác đến cùng. Tu sửa chuyên ròng chẳng ngơi, ắt sẽ chuyển tà vạy thành chân thành. Thánh học (Nho học), Phật học, huyền học (Đạo học), hễ nói đến chỗ uyên áo, vi tế, đều chẳng dễ gì diễn tả được, nhưng đối với cách thực hiện căn bản nhất thì xuyên suốt khắp cả ba giáo chỉ là sửa lỗi đó thôi!"

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công lúc năm tuổi, lột vỏ quả hồ đào chẳng được. Đứa tớ gái đem quả hồ đào ngâm qua nước nóng bèn lột được. Chị ông ta từ bên ngoài bước vào hỏi han, ông nói: "Tự em lột được". Cha liền quở: "Thằng nhóc này sao lại nói láo?" Ông kinh sợ, hối hận, suốt đời chẳng dám nói dối.

Đời Tống, ông Tiết Hiếu Từ Tích[66], lúc mới đến gặp tiên sinh An Định[67], đầu cổ hơi ngoẹo, An Định lớn

66 Ông này tên là Từ Tích, là người xứ Sơn Dương, Sở Châu (nay thuộc thành phố Hoài An, tỉnh Giang Tô), đỗ tiến sĩ dưới đời Tống Anh Tông, làm Giáo thụ tại Sở Châu. Khi mất, ông được vua đặt thụy hiệu là Tiết Hiếu Xử Sĩ. Do vậy, sách Cảm Ứng Thiên mới ghi tên ông là Từ Tiết Hiếu Tích (tức là lồng thụy hiệu vào giữa tên thật) nhằm tỏ ý kính trọng.

67 Tiên sinh An Định là Hồ Viện. Ông này là một học giả và là nhà giáo dục lừng danh thời Bắc Tống. Lầu tàng thư ở Như Cao và Hồ Châu là nơi ông dạy học, thường được gọi là An Định Thư Viện. Về sau, ông được mời giữ chức

tiếng răn: "Đầu phải thẳng". Ông liền tỉnh ngộ, thưa: "Đầu mà còn phải thẳng, há đâu tâm chẳng thẳng?" Từ ấy, cái tâm chưa hề cong vạy chút nào. Nếu có kẻ hỏi về yếu quyết để lập thân xử sự, ông ắt viết hai chữ Chánh Trực to đùng trao cho!

Đời Tống, Tăng Tử Cố[68] chơi thân với Vương Kinh Công[69]. Tống Thần Tông hỏi Tử Cố về văn tài, phẩm hạnh, bản lãnh của Vương An Thạch như thế nào? Tử

Quốc tử giám Trực giảng và chủ trì trường Thái học. Do sự giáo hóa của ông, học thuật tại Giang Tô, Hồ Châu, Tô Châu đều nổi danh nhất Trung Hoa thuở đó. Triều đình nhà Tống đã phái người đến khảo sát, đúc kết kinh nghiệm, biên soạn thành bộ sách Học Chánh Điều Ước.

68 Tăng Tử Cố chính là Tăng Củng, vị này có tên tự là Tử Cố. Ông là người xứ Lâm Xuyên, xuất thân từ gia đình thư hương, ông nội và cha đều là những người học giỏi. Ông nội làm Hộ bộ Thị lang, cha làm Thái thường Bác sĩ. Tăng Củng mới mười hai tuổi đã có thể viết văn lưu loát, thốt ra những câu khiến người khác kinh hãi và thán phục. Âu Dương Tu hết sức ưa thích ông. Tăng Củng được xếp vào Bát Đại Văn Gia thời Đường - Tống.

69 Vương Kinh Công chính là Vương An Thạch, là một tay chánh trị gia đã đề xướng khá nhiều tân pháp táo bạo, khiến cho sĩ phu thời ấy chống đối dữ dội. Ông cũng là người nổi tiếng hẹp hòi và độc đoán, chẳng dung thứ những kẻ có ý kiến khác mình. Để chuyển hướng sự công kích của sĩ phu và đại chúng, ông chủ trương xua một vạn quân sang đánh nhà Lý của Đại Việt, với mục đích muốn biến Đại Việt thành thuộc địa Giao Châu như thuở trước. Chiến cuộc dằng dai gần cả năm, tốn kém rất lớn, rất nhiều tướng lãnh tài ba tử trận, vẫn không dứt điểm được Đại Việt. Dưới sự chỉ huy tài tình của Lý Thường Kiệt, quân Tống không cách nào vượt qua sông Như Nguyệt. Lý Thường Kiệt lại khôn khéo áp dụng chiến tranh du kích, công phá hậu tuyến của quân Tống, lại dùng các biện pháp chiến tranh tâm lý khiến cho sĩ khí quân Tống giảm sút nghiêm trọng. Cuối cùng, nhà Tống phải chấp nhận lời cầu hòa của Đại Việt, rút về nước. Uy tín của Vương An Thạch mất sạch! Do Vương An Thạch lúc còn được vua sủng ái, đã được phong là Kinh Quốc Công, cho nên ở đây sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên gọi ông ta là Vương Kinh Công.

Cố tâu: "Văn tài, phẩm hạnh, tài năng của An Thạch chẳng kém Dương Hùng đời Hán, nhưng do keo kiệt nên chẳng bằng". Vua nói: "An Thạch coi rẻ phú quý, sao lại nói hắn keo kiệt?" Tử Cố thưa: "Thần nói keo kiệt là vì An Thạch tài năng có thừa, nhưng ít chịu sửa lỗi". Tống Thần Tông gật đầu. An Thạch có đủ tài năng làm Tể tướng, rốt cuộc do không chịu sửa lỗi, đến nỗi gây họa cho tông miếu, xã tắc, bị muôn đời thóa mạ, huống hồ người đời nay ương bướng, bất tài, hằng ngày luôn sái quấy, mà chẳng biết sửa đổi ư?

Do gom từ cái nhỏ mà thành cái lớn, do tích tập từ một mà thành ức. Vì thế, quý ở chỗ tích lũy. Hễ biết bèn làm, hễ làm bèn dốc sức. Lão Tử nói: "Cái đài chín tầng khởi đầu từ dồn chứa đất. Đi ngàn dặm, bắt đầu từ một bước". Người nếu mỗi ngày sửa một lỗi, ắt sẽ tiêu một tội nghiệp. Mỗi ngày làm một việc thiện, ắt sẽ tăng trưởng một nền phước.

Tử Hư Nguyên Quân[70] nói: "Đạo từ an tĩnh mà

70 Tử Hư Nguyên Quân là một vị thần trong Đạo giáo. Bà còn được gọi là Nam Nhạc Phu Nhân, Thượng Chân Tư Mạng Nam Nhạc Phu Nhân, hoặc Ngụy Phu Nhân, tên thật là Ngụy Hoa Tồn, là đạo sĩ sống vào đời Tấn, quê ở Nhiệm Thành. Bà là con gái của Tư đồ Ngụy Thư, từ nhỏ đã thích tu tiên, thông hiểu kinh sách Đạo giáo, kiêm tinh thông Nho học, đặc biệt ưa thích tư tưởng Lão Trang. Bà thích ăn các thứ dược vật như Hồ Ma Tán, Phục Linh Tán v.v… để mong thành tiên. Bà mong sống đời độc thân, nhưng khi hai mươi bốn tuổi bị cha mẹ ép gả cho ông Lưu Văn, sanh được hai con là Phác và Hà. Khi hai con đã lớn, bà tĩnh cư riêng biệt, chuyên tâm tu đạo. Tương truyền bà được Thanh Hư Chân Nhân dạy đạo. Sau khi Lưu Văn mất, do tỵ nạn, bà dẫn hai con xuống Giang

sanh, đức sanh từ khiêm tốn, nhường nhịn, phước sanh từ thanh liêm, tiết kiệm, mạng sanh từ hòa thuận, thông suốt. Họa hoạn sanh từ lắm ham muốn, lỗi sanh từ sự khinh mạn. Hãy kiềm giữ mắt, đừng thấy kẻ khác sai trái. Kiềm giữ miệng, đừng bàn khuyết điểm của kẻ khác. Kiềm giữ tâm, đừng mặc sức tham, sân. Kiềm giữ thân, đừng theo bạn ác! Tánh mạng như ngọn đuốc trước gió, luôn nghĩ đến thân đời sau. Thân thể tạm gởi trong vòng trời đất, đừng ở trong nghiệp lại tạo thêm nghiệp. Vì thế, thiện và ác đều ở trong cái tâm của chính mình, sáng ngời chẳng có mảy may tăm tối! Dẫu người có thể mưu mẹo xảo trá, trời càng khéo báo ứng hơn!"

Do vậy thấy rằng: Nếu ai trong một ngày mà được nghe một lời lành, thấy một hạnh lành, làm một việc lành, ngày ấy mới chẳng luống uổng! Nếu kẻ nào biết điều thiện mà chẳng làm, không biết ruột gan người ấy như thế nào? Tự cam lòng ruồng rẫy chính mình, phung phí tháng ngày, tự dứt tuyệt sự che chở của cõi trời, cũng là kẻ ngu muội lắm thay!

Trong bài Phổ Thuyết của thiền sư Thiên Như Duy Tắc đời Nguyên có đoạn như sau:

Cổ nhân dạy: "Ta thấy người khác chết, lòng ta nóng như lửa. Chẳng phải nóng ai khác, hãy xem đến

---

Nam. Khi các con đã ra làm quan, bà uống thuốc tiên, bay lên trời, thành tiên.

phiên ta". Những lời giống như vậy, có ai mà chẳng biết! Biết thì dĩ nhiên là biết, chỉ là không chịu tu hành. Nói quý vị "không chịu tu hành", cũng là oan uổng cho quý vị lắm! Các vị đại đức trong hiện tiền, phần nhiều là hạ thủ công phu đến cùng, chỉ là chưa đạt đến chỗ ngàn phần trọn vẹn, trăm phần thỏa đáng, lỗi ở chỗ nào? Lỗi ở chỗ không dũng mãnh, không tinh tấn, không kiên cố, không lâu dài. Tạm thời phát quyết tâm, chẳng bao lâu lại lui sụt. Vì thế nói: *"Phật pháp vô đa tử, trường viễn nan đắc nhân"* (Phật pháp ít có kẻ khai ngộ, người có chí dài lâu khó có lắm). Học đạo mà giữ mãi cái tâm giống như thuở đầu sẽ thành Phật có thừa! Từ đầu đến cuối bất biến, thật sự là đại trượng phu, nay có được mấy người? Từ đầu đến cuối bất biến, thường là mười người thì có năm người biến đổi, toàn là đạo tâm lui sụt. Xét đoán nhân duyên khiến cho đạo tâm lui sụt, cũng là vì ai nấy đều có những điều phiền lụy riêng mà thành ra như vậy. Những điều phiền lụy riêng là gì? Có ba loại phiền lụy. Thứ nhất là bất luận tăng tục, nam nữ, ai nấy đều bị thân và miệng liên lụy. Kế đến là kẻ có quyến thuộc sẽ bị quyến thuộc phiền lụy. Kẻ có gia sản sẽ bị gia sản phiền lụy. Ba thứ phiền lụy ấy đã liên lụy chết người trong thiên hạ. Trọn hết người trong thiên hạ do gặp phải ba thứ phiền lụy ấy mà bận bịu suốt một đời, ầm ĩ suốt một đời, khổ sở suốt một đời, bợ đỡ suốt một đời, luống uổng suốt một đời. Huống hồ lại vì ba thứ phiền lụy ấy, dấy lên vô

lượng tham, sân, si, tạo ra vô lượng ác nghiệp lớn nhỏ. Do nghiệp báo ấy, đọa lạc trong biển khổ tam đồ bát nạn, sanh tử luân hồi, chịu vô lượng khổ não, chẳng được giải thoát. Tuy gặp phải vô lượng khổ não, chỉ là từ đầu đến cuối chẳng tỉnh. Kẻ chẳng tỉnh ấy là vì có những điều chẳng ngộ!

Chẳng ngộ những gì vậy? Chẳng ngộ thân thể, quyến thuộc, gia sản đều chẳng phải của quý vị! Nếu nay nói với quý vị "thân thể chẳng phải là của quý vị", quý vị còn chưa tin! Sơn tăng tận tình vì các vị nói huỵch toẹt từ đầu. Thuở ban sơ, quý vị còn ở trong bụng mẹ, lúc đầu thai chỉ là một thần thức trơ trọi, chưa hề có thân thể. Thân thể ấy do xích bạch của cha mẹ hòa hợp, kết thành một khối thịt trơ trơ, vốn chẳng có tri giác, chẳng biết đau, chẳng biết ngứa, chẳng biết lạnh, chẳng biết nóng, chẳng biết đói, chẳng biết no, chẳng biết khổ, chẳng biết sướng. Do thần thức của quý vị chấp vào một khối thịt trơ trơ ấy, từ đấy trở đi, biết đau ngứa, biết lạnh nóng, biết đói no, biết khổ sướng. Cho đến khi ra khỏi thai mẹ, một mực thừa nhận, gọi đó là thân ta. Nếu bảo "thân chẳng phải là của ta", chắc chắn quý vị sẽ không chịu tin. Do vậy, Phật, tổ xót thương, lại rát miệng bảo ban quý vị: "Đấy chẳng phải là thân của quý vị. Đấy là cái đãy da thối do tinh huyết kết thành, chẳng do quý vị cai quản, chẳng do quý vị xếp đặt. Cho đến lão, bệnh, tử, đều chẳng do quý vị quyết đoán!"

Vì sao biết là như vậy? Lại như thuở ban đầu, sau khi quý vị đã đầu thai, ở trong thai mẹ, cứ bảy ngày bèn biến đổi một lần. Lần lượt sanh trưởng, tức là ngũ tạng, lục phủ, bách hài (trăm lóng xương), chín lỗ, tứ chi, sáu căn, gân, xương, da, thịt, dần dần thành hình, cho đến khi được đẻ ra, đều là gió nóng thổi đến, do nghiệp lực sai khiến. Quý vị bất tri bất giác, chưa hề có điều gì do quý vị sắp đặt. Sau khi đã được sanh ra, trưởng dưỡng tới ba, bốn mươi tuổi bèn tóc bạc, răng lung lay, mặt vàng, bắp thịt teo tóp, dần dần biến đổi, dần dần già đi. Tướng già hiện hữu, từ đấy sanh bệnh. Bệnh đã đến, cái chết sẽ đến. Sự biến hoại như thế đó, mỗi mỗi đều chẳng do quý vị! Quý vị vốn chẳng mong như thế, hiềm rằng quản nó chẳng được! Xét ra, quý vị từ thuở sanh ra cho đến chết, đối với cái đãy da thối này, đã trút vào bao nhiêu ân ái tình nghĩa, đủ mọi thứ chăm chút nó, đủ mọi cách bảo vệ, trân quý, đủ mọi cách điều trị, an bài, thế mà nó vong ân phụ nghĩa. Như thế đã là đáng bị người khác ghét, huống hồ còn có chỗ khiến cho người ta càng ghét hơn!

Ví như trong tháng mùa hè nóng bức, có một chàng trai tráng kiện, bỗng vào lúc hoàng hôn bị bệnh nguy cấp, chết ngóp. Chết đến lúc canh hai nửa đêm, người khác sẽ cảm thấy thối bẩn không ai chịu nổi, chẳng thể đến gần được. Vội vã dùng quan tài đựng lấy, đậy chặt nắp hòm, đợi chưa đến lúc chuông khua báo sáng, đã

vội vã khiêng đi thiêu. Dẫu là quyến thuộc thân ái nhất, cũng chẳng chịu ngăn giữ lại. Cứ nhìn vào đó, buổi tối hôm qua, vẫn còn là một người đàn ông khỏe mạnh, sáng nay thức dậy, đã là một vốc tro cốt! Biết thần thức của người ấy sẽ lại đến nơi đâu? Biến đổi cấp tốc như thế, hoàn toàn chẳng do quý vị! Đã là thân thể của quý vị, lẽ ra phải do quý vị cai quản. Đã chẳng do quý vị cai quản, sao lại lầm lạc ngỡ nó là tấm thân của quý vị? Uổng công bị nó phiền lụy, lui sụt đạo tâm. Quyến thuộc của quý vị cũng thế, đây kia đều là những cái đãy da thối tha. Đây kia chẳng tự do, chẳng quản lẫn nhau được! Vô thường ập đến, đôi bên chẳng thể thay thế cho nhau. Trước mắt là suốt cả một đời, đôi bên bị những mối ân tình quấn trói, gọi nhau là quyến thuộc. Sau khi đã nhắm mắt, đôi bên chẳng biết nhau! Cớ sao lầm lạc ngỡ họ là quyến thuộc, bị họ phiền lụy, lui sụt đạo tâm? Gia sản của quý vị cũng thế. Lúc mắt sáng, chân mạnh bèn so sánh, tính toán, lo toan, keo kiệt, canh giữ, cứ ngỡ là trăm ngàn vạn năm luôn hưởng thụ nó. Ai biết một hơi chẳng hít vào được, một xu cũng chẳng thể mang theo! Cớ sao lầm lạc ngỡ nó là gia sản của quý vị, bị nó phiền lụy, lui sụt đạo tâm?

Nay mọi người ơi! Đã nghe lời này, hãy nên hồi quang soi thấu, thống thiết tự tỉnh ngộ. Đối với ba thứ phiền lụy ấy, đừng nên lầm nhận, đừng lưu luyến, đừng tham đắm, hãy xuôi theo phần phước do nghiệp báo

đã định phân, tùy thuận cho qua ngày. Hãy nên xoay chuyển ý niệm, hướng về sự sanh tử, để phấn chấn, dũng mãnh, tinh tấn, kiên cố, lâu dài, thấu hiểu rành rẽ, ắt bậc thượng tọa sẽ tự thẹn bất tài, đã trót lảm nhảm, huyên thiên, thốt ra khá nhiều lời nông cạn, thô lậu, dung tục, hủ bại, chuốc lấy tiếng cười của bậc thông hiểu. Tuy vậy, nếu là bậc thông hiểu sẽ chẳng thấy đáng cười, một khúc nhạc đồng quê, buồn vui ai nấy tự nghe!

Đời Đường, Tô Thành tánh ương ngạnh, hèn kém, suốt đời chẳng làm một điều thiện nào! Hễ thấy trong sách vở có chép một lời tốt lành, hay một hạnh cao đẹp ắt cho là nói tô vẽ. Thấy kẻ khác siêng tu thiện sự ắt cười nhạo là phường gian tà. Tới tuổi tráng niên, thân thể dần dần rút nhỏ, dùng hai tay chống lê thân trên đất để đi, ăn ngủ cùng với chó. Được một năm, hắn bèn chết.

Đời nhà Chu, Tề Hoàn Công đi qua mộ của họ Quách, hỏi người già rằng: "Vì sao họ Quách bị diệt vong?" Họ đáp: "Ưa điều thiện, ghét điều ác!" Tề Hoàn Công hỏi: "Ưa điều thiện, ghét điều ác, vì sao lại diệt vong?" Họ đáp: "Ưa điều thiện mà chẳng thể làm, ghét điều ác mà chẳng thể trừ". Do vậy, có thể thấy là người thời nay tự mê muội thần thức, chẳng tỉnh ngộ bản tánh. Muôn duyên cùng nhau quấy nhiễu, thù tạc tám mặt (chỉ lo thù tạc về mọi phương diện). Một niệm vừa đi, một niệm khác liền đến. Một ngày một đêm, có tám ức bốn ngàn niệm, như gió thổi trên hư

không, chẳng có nơi nương tựa. Như đá đè cỏ, vừa dứt lại sanh. Há có ngày nào chuyên tâm làm lành? Vì thế, dẫu biết là chuyện đáng nên làm, nhưng vì bị lòng ham muốn vật chất xoay chuyển, dẫu suốt ngày đàm kinh thuyết pháp, vẫn thường là *"tốt lá, thối gốc"*, rốt cuộc đổ nhào mà thôi, há chẳng đáng tiếc nuối sâu xa ư?

Tự tội dẫn tha, ung tắc phương thuật.

自罪引他。壅塞方術。

Tự mình có tội, khiến cho kẻ khác liên lụy. Cản trở nghề nghiệp của kẻ khác.

Tội do ta phạm, tới khi đổ bể bèn lôi kéo, khiến cho kẻ khác bị liên lụy. Ngạn ngữ nói là "kéo kẻ khác xuống nước". Ý kẻ đó chẳng phải chỉ là mong lấp liếm sai sót, mà còn là nhằm trả thù! Nào có biết rốt cuộc sẽ trọn chẳng thể che đậy lỗi của mình được, rốt cuộc chẳng thể vu vạ cho kẻ khác! Chỉ là tạo thêm oan nghiệt trong những nỗi oan nghiệt mà thôi! Dẫu trốn khỏi phép vua, khó tránh bị trời diệt!

Triệu Nghiệp từng xem Giả Dịch giết trâu. Giả Dịch chết, [bị Diêm vương xử tội giết chóc, hắn đổ lỗi, xin Diêm vương bắt] Triệu Nghiệp phải chia bớt tội lỗi. Hồn của Triệu Nghiệp bị bắt tới cõi âm, gần như chẳng thể biện định. Bỗng thấy một cái gương, đường kính to hơn cả trượng, treo trên không trung. Cõi âm thấy Giả Dịch vung đao, Triệu Nghiệp núp sau cửa

nhìn, có ý bất nhẫn. Khi ấy, Giả Dịch mới chịu phục, Triệu Nghiệp mới được tha về. Xét theo lời đức Phật dạy: "Hết thảy thế gian, sanh tử nối tiếp, khi sắp mạng chung, trước khi xả noãn xúc[71], thiện ác trong cả đời đều cùng một lúc hiện ra". Đại khái cảnh giới hiện ra trong lúc lâm chung chính là cảnh giới nơi tâm địa trong thường nhật của chúng ta. Viên tội châu của ngài Địa Tạng chính là tâm châu của chúng ta. Nghiệp kính của Diêm vương chính là tâm kính của ta. Nếu nay làm một chuyện bất thiện, có bao giờ chẳng in dấu trong tâm ta, há có thể lôi kéo người khác liên lụy ư?

Phương thuật (方術) là như nghề thuốc, bói toán, chiêm tinh, xem tướng, và mỗi kỹ năng, mỗi tài nghệ đều là phương thuật. Người bản lãnh nông cạn thì nhờ vào đó để nuôi thân, kẻ cao sâu thì có thể giúp đời. Nếu ngăn trở, khiến cho họ chẳng hành nghề thì cũng là tâm lượng của ta chẳng rộng rãi, mà bốn phương sẽ có lắm kẻ đói rét, thất nghiệp! Còn như lũ tà sư, thầy thuốc dốt nát, làm tổn thương chánh giáo, hay khiến cho kẻ khác mất mạng, cũng như những lũ phương sĩ[72]

---

71 Noãn xúc (煖觸): Noãn là hơi ấm, xúc là sự nhận biết, cảm xúc. Noãn (煖) chính là độ ấm của cơ thể, ở đây dùng để chỉ tứ đại, vì noãn tương ứng với hỏa đại. Xúc (觸) là nói chung sáu thức. "Xả noãn xúc" tức là khi tứ đại chia lìa, tiền lục thức chẳng còn hiện hành.

72 Phương sĩ (方士), còn gọi là thuật sĩ (術士) là những kẻ tự xưng là tu luyện thuốc tiên, thường đốt lò nấu kim đan, tiên đan, tự khoe là biết những bài thuốc trường sanh bất tử, uống vào phàm thân sẽ đổi thành thánh thai, đăng tiên v.v… Hoặc những gã đạo sĩ chuyên đề xướng những thuật tu tiên quái đản,

đốt lò luyện đan, đều chẳng thể viện cớ này để tự tung, tự tác, những hạng người ấy đáng nên bị ngăn cấm. Mà trong mọi nhà dân chúng hãy đều nên xét giữ nghiêm ngặt môn hộ, phàm là đối với bọn tam cô, lục bà[73] đều nên răn nhắc người nhà trọn chẳng giao du. Nếu có lui tới, cũng nên xét đoán phẩm hạnh của kẻ đó. Đấy mới là phương cách để giữ nghiêm căn bản, dứt tuyệt những mầm họa vậy.

Lúc ông Trạch Càn Hữu[74] tại thế, do phù phép[75] mà nổi tiếng. Ông từng nghĩ cả huyện Vân An có đến mười lăm chỗ sông ngòi có đá ngầm bãi cạn, bèn triệu tập các vị thần nơi các bãi cạn giữa sông (thần sông) để san bằng. Ứng theo lời triệu thỉnh, có mười bốn chỗ đã san bằng. Chỉ riêng có một bãi cạn do một nữ thần cai

---

như dùng bùa chú để sai khiến âm binh hãm hại người khác, dùng phòng trung thuật, nam nữ thái âm bổ dương hòng kéo dài tuổi thọ v.v…

73 Tam cô (三姑) là ni cô, đạo cô và quái cô (卦姑, bà thầy bói). Lục bà (六婆) gồm nha bà (牙婆, tức là những người đàn bà chuyên môi giới mua đi bán lại), mưu bà (媒婆, bà mối), sư bà (師婆, hoặc vu bà (巫婆), những người đàn bà để ma quỷ nhập xác, thường gọi là "cốt", hoặc "xác", hoặc làm nghề thầy mo, lên đồng), kiền bà (虔婆, những phụ nữ làm nghề bất chánh như chủ chứa, còn gọi là bảo mẫu - 鴇母), dược bà (藥婆, những bà lang vườn, chuyên cắt, giác, lể), và ẩn bà (穩婆, mụ đỡ).

74 Trạch Càn Hữu quê ở Vân An, Tứ Xuyên, là một đạo sĩ nổi tiếng đời Đường. Tương truyền ông đích thân được thần tiên từ núi Hoàng Hạc chỉ dạy nên phù chú rất linh, có bản lãnh chế ngự hổ, báo, giao long. Dân gian xưng tụng ông là Thông Linh đại sư.

75 Nguyên văn là "khảo triệu" (考召). Đạo gia do dùng phù chú để khảo quỷ triệu thần (tra hỏi quỷ, triệu thỉnh thần), nên phù chú được gọi bằng từ ngữ "khảo triệu".

quản, cô ta đội mũ cao, mặc áo rộng tay, cảm khái thưa rằng: "Xét ý ông chẳng qua là muốn cho thuyền bè buôn bán qua lại thuận tiện. Nhưng ông chẳng biết những người kinh doanh bằng thuyền bè, thường ngày kiếm lợi rất nhiều, dẫu có tốn kém đôi chút, chẳng đáng gây tổn hại cho họ. Những dân nghèo ven sông, cả ba, bốn trăm nhà không có ruộng để cày cấy, không có dâu để nuôi tằm, hoàn toàn cậy vào chuyện kéo thuyền, vác thuyền qua bãi cạn để kiếm sống. Nay nếu san bằng hết những bãi cạn hiểm trở, đối với thuyền bè, cố nhiên hết sức thuận tiện, nhưng cơm áo của những người dân nghèo ấy thì sao? Ý của đức Thái Thượng ắt chẳng phải là như vậy! Tôi rất sợ khi khác, ông sẽ bị mắc tội, mà tôi cũng chẳng khỏi bị liên lụy, xin hãy cân nhắc thêm!" Thiên sư thở dài nói: "Điều bà lo lắng tôi chẳng nghĩ tới!" Do vậy, mười bốn vị thần đã vâng mạng san bằng bãi cạn đều hồi phục chỗ bãi cạn như cũ. Nhìn vào chuyện này, chẳng phải là riêng phương thuật chớ nên ngăn trở. Hễ là những người vắt sức kiếm chút cháo để sống qua ngày, càng phải nên tìm cách khiến cho họ được thuận lợi. Đừng vắt kiệt sức họ, đừng khiến cho kỹ năng của họ bị phôi pha. Chỗ nào cũng đều chừa lại đất sống, khiến cho họ chẳng bị vây hãm trong cảnh đói rét. Đấy là cái tâm của người có lòng nhân vậy.

San báng thánh hiền.
訕謗聖賢 。
Chê bai, báng bổ thánh hiền.

San (訕) là hý lộng, khinh miệt. Báng (謗) là phủ nhận, báng bổ. "San báng" thì có hai loại người:

1) Một là vì ngu si, khiến cho họ mê mờ, chẳng hiểu sức ảnh hưởng của thánh nhân. Hạng người ấy đáng gọi ở trong vò nhìn trời rồi đâm ra oán ghét trời cao hẹp hòi.

2) Hai là hạng có tài ăn nói khuấy động sóng gió. Hạng người này đáng gọi là "mò trăng trong nước".

"Thánh hiền" là nói đến tam giáo Nho, Thích, Đạo. Nho dùng Chánh để lập giáo, Thích dùng Đại để lập giáo, Đạo dùng Tôn để lập giáo. Nhìn theo phương diện "hiếu sanh, ghét giết chóc" thì là cùng một lòng nhân. "Coi người khác như chính mình" là cùng một niềm công bằng. "Khắc chế lòng phẫn nộ, dứt trừ ham muốn, ngăn lỗi, ngừa sai" là cùng một sự luyện tập, tu dưỡng vậy. Giáo pháp như sấm rền thức tỉnh kẻ u mê, chân lý sáng tỏ như nhật nguyệt chiếu sáng lũ mù, có cùng một công năng giáo hóa vậy. Luận định theo những sự tướng thô thiển, thì lý trong thiên hạ chẳng qua là hai đường thiện và ác. Dụng ý của tam giáo không gì chẳng nhằm dạy mọi người sửa ác, theo lành! Luận định theo pháp môn tâm địa, ắt chẳng khỏi

quy về một. Vì thế, trong tác phẩm Nguyên Đạo Biện[76], Tống Hiếu Tông đã nói: "Dùng Phật trị tâm, dùng Đạo trị thân, dùng Nho trị thế", đúng là đã hiểu biết cái tâm vậy. Thân cũng vậy, mà cõi đời cũng vậy, chẳng thể có một thứ nào không điều phục. Vậy thì tam giáo, há có giáo nào mà có thể chẳng lập ư? Những nho sĩ trong hiện thời, hoặc là dùng Nho để bài bác Phật, hoặc là dùng Phật giáo để chèn ép Nho. Tăng sĩ, đạo nhân ngày nay hoặc là vì Phật mà diệt Đạo, hoặc vì Đạo mà phê phán Phật giáo. Nói chung là vì ngã kiến năng sở, lầm lạc phân chia đại đạo, nào có biết tam giáo vốn chẳng có đồng hay dị. Chỉ lo kẻ lầm lạc nảy sanh ý kiến ức đoán, dùng ý riêng để suy lường, dùng cái tâm hời hợt để biện định cưỡng từ đoạt lý. Bậc thượng trí nếu thật sự có thể bình tâm dung hội, tham cứu thẳng thừng vào cội nguồn, ắt sẽ biết Phật là "minh tâm kiến tánh, trừ mê, cầu ngộ"; Đạo là giữ cho tâm thanh tịnh, giảm thiểu ham muốn, tích lũy công hạnh; Nho thấu hiểu nguồn tâm, trừ khử vật dục, chánh tâm, thành ý. Nhiều phương diện nhiếp hóa, chẳng có gì trái nghịch! Nói chung, đều nhằm tiếp dẫn con người nhập đạo mà thôi, có danh tướng gì để có thể chấp chặt nữa ư? Vì thế biết chánh pháp của tam giáo đều cùng là nhãn mục

76 Nguyên Đạo Biện (原道辨) là một bài viết của Tống Hiếu Tông (Triệu Thận) vào năm Thuần Hy thứ tám (1181) để bác bỏ những luận điệu đả phá Phật giáo trong bài Nguyên Đạo Luận của Hàn Dũ. Tác phẩm này về sau được gọi là Tam Giáo Luận.

muôn đời cho các sanh linh. Kẻ khinh miệt, gièm báng chẳng phải là tự tạo cái nhân bị rút lưỡi hay chăng? Còn như kinh điển, sách vở, giấy có chữ viết, chính là những thứ ký thác tinh thần của thánh hiền, kẻ giẫm đạp sẽ có cùng một tội với kẻ khinh miệt, gièm báng.

Từng thấy Trung Hoa có Tam giáo. Do thiên, địa, nhân gọi là Tam tài, "vua tôi, cha con, vợ chồng" là Tam cương, những thứ ấy chẳng thể có một khắc nào không có. Ấy là kể từ khi Phục Hy vạch ra các quẻ của Bát Quái, Nho giáo đã được khởi đầu. Tại Trung Hoa, Nho có thể khiến cho cương thường được chánh đáng, các mối quan hệ chánh đáng của con người được tỏ rõ, lễ, nhạc, hình pháp, cai trị, bốn món ấy đều được phổ biến rộng khắp, chẳng trái nghịch, rốt cuộc cho tới muôn vật trong trời đất đều đâu vào đấy. Đạo Nho đã có công giúp đỡ cõi đời to lớn. Vì thế, Tần Thủy Hoàng muốn trừ bỏ đạo Nho, mà rốt cuộc chẳng thể trừ bỏ Nho được. Chẳng thể trừ khử, há có nên gièm chê, báng bổ hay chăng? Có kẻ vì thấy học vấn cong vạy của Công Tôn Hoằng nhằm a dua cõi đời, Chúc Khâm Minh khiến cho ngũ kinh lè tè quét đất, Dương Tử Vân ngộ được lẽ huyền diệu của Thái Huyền, mà lại xiểm nịnh phụng sự Tân Mãng, Hứa Kính Tông đã biết đạo nghĩa trung thành với vua, mà lại thất thân phụng sự Ngụy Vũ[77], những kẻ đó đều xuất phát từ

77 Công Tôn Hoằng sống vào đời Tây Hán, làm Thừa tướng dưới thời Hán

Nho, bọn họ thật sự là tội nhân trong làng Nho. Há có nên vì những kẻ ấy là phường không ra gì, bèn gièm chê, báng bổ những bậc thánh hiền lập giáo ư?

Kể từ khi Lão Tử vào cửa ải, Đạo đã được khởi đầu. Đạo tại Trung Hoa có thể khiến cho người học tự

Vũ Đế. Do ông ta đã vay mượn tư tưởng của pháp gia (học thuyết dùng hình luật nghiêm khắc để dân chúng sợ hãi mà tuân phục) để chủ trương tập trung quyền hành vào tay Hoàng đế, chú trọng đạt đến mục đích, bất cần thủ đoạn, nên đã bị các nhà Nho sau này coi là kẻ đã giải thích cong vạy tư tưởng của Nho gia.

Chúc Khâm Minh giữ chức Quốc tử giám tế tửu (tương đương với chức Hiệu trưởng) đời Đường Trung Tông. Ông là người thông hiểu Ngũ Kinh, nhưng tánh ưa xu nịnh. Có lần Hoàng đế đãi tiệc đại thần, nhằm bợ đỡ vua, ông khoe là mới chế ra khúc múa Bát Phong Vũ, xin vua cho phép biểu diễn. Tiếc là ông vừa mập ụt ịt, vừa xấu trai, vừa di chuyển lạch bạch, vừa lắc lư đầu, trợn tròn hai mắt, lúng liếng liếc qua liếc lại làm duyên không giống ai, khiến cả triều đình cười lăn cười bò. Lại bộ Thị lang Lô Tạng Dụng cảm thán: "Ngũ Kinh đã bị đem quét đất mất rồi", ngụ ý chê trách Chúc Khâm Minh chẳng biết giữ dáng vẻ tôn nghiêm tối thiểu của một người thầy.

Dương Tử Vân chính là học giả Dương Hùng (53-18 trước Công Nguyên), tên tự là Tử Vân. Ông là một học giả, văn gia và là nhà ngôn ngữ học trứ danh đời Hán. Ông đã đề xướng Thái Huyền là căn nguyên của vạn sự vạn vật trong vũ trụ, chủ trương con người vốn thiện ác lẫn lộn. Trở thành thiện hay ác là do tu tập như thế nào mà thôi! Do khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, lập ra nhà Tân, đã trọng dụng ông, phong cho ông làm Trung tán đại phu, Dương Hùng bèn viết một bài văn dài ca tụng Vương Mãng. Bài văn này thường được người đương thời gọi châm biếm là Kịch Tần Mỹ Tân vì ông phê phán dữ dội Tần Thủy Hoàng nhằm tô chuốt những ưu điểm của nhà Tân.

Hứa Kính Tông làm Trung thư xá nhân dưới đời Đường Thái Tông. Khi vua mất, Đường Cao Tông (Lý Trị, con trai Đường Thái Tông) u mê, bị Vũ Tắc Thiên lung lạc, giao hết quyền chánh cho bà ta. Sau khi Cao Tông mất, Vũ Hậu cướp ngôi của Đường Trung Tông, lập ra nhà Đại Châu. Thay vì tận tụy phục hồi nhà Đường như các vị trung thần khác, Hứa Kính Tông lại ra sức tận trung với Vũ Tắc Thiên. Do vì đánh mất khí tiết trung nghĩa, nên sách Cảm Ứng Thiên chê ông là "thất thân". Lại do Vũ Tắc Thiên tiếm ngôi, nên sách gọi bà ta là Ngụy Vũ ("ngụy" ở đây là hư ngụy, dối trá).

gìn giữ sự thanh hư, đạm bạc danh lợi, khiêm nhượng để tu trì, gột sạch những tập khí rối ren, chằng chéo, cốt sao đạt đến tĩnh lặng, vô vi, khôi phục thiên chân. Do vậy, Đạo có công tột bậc đối với sự giáo hóa trong cõi đời. Vì vậy, Lương Vũ Đế tận lực muốn diệt trừ Đạo, mà Đạo chẳng thể trừ. Đã chẳng thể trừ, há có nên gièm báng hay chăng? Hoặc là do chỉ thấy gã đạo sĩ chuột nhắt dùng Tý Dạ Thuật (子夜術) lừa gạt Tô Đông Pha[78], hoặc Lâm Linh Tố dùng chuyện Thần Tiêu để mê hoặc Tống Huy Tông[79] nhằm giải thích câu thơ *"thiên*

78 Tô Đông Pha lúc làm tri huyện Dương Châu, có lần nằm mộng thấy lên núi, bỗng có một con hổ nhảy xổ đến toan cắn. Đột nhiên có một gã đạo sĩ mặc áo tía, đội mũ vàng, dùng tay áo che cho Tô Đông Pha, quát lớn khiến con hổ bỏ chạy. Hôm sau, gã đạo sĩ tìm đến nha môn, vênh váo hỏi: "Đêm qua ngài có sợ hay không?" Tô Đông Pha quát: "Thằng đạo sĩ chuột nhắt kia! Mày dám vác mặt đến đây ư? Có muốn bị đánh trượng gãy xương sống hay không? Ta chẳng biết mày giở trò Tý Dạ Thuật hay sao?" Gã đạo sĩ kinh hồn, lủi mất. Tý Dạ Thuật là một loại pháp thuật để đi vào trong giấc mộng của người khác hòng giở trò.

79 Lâm Linh Tố là đạo sĩ thời Bắc Tống, người xứ Ôn Châu, tỉnh Chiết Giang, tên thật Linh Ngạc. Do Tống Huy Tông mê thích thuật trường sanh của đạo sĩ, Lâm Linh Tố bèn thừa cơ mê hoặc, nói: "Cõi trời có chín tầng, tầng cao nhất là Thần Tiêu. Bệ hạ là con trưởng của Thượng đế, tước hiệu là Thần Tiêu Ngọc Thanh Vương, pháp hiệu là Trường Sanh Đại Đế Quân", còn hắn chính là Thần Tiêu Phủ Tiên Khanh giáng hạ để phù tá Tống Huy Tông. Để lấy lòng bọn quyền thần, hắn nói các gã gian thần như Thái Kinh, Vương Phủ, Thịnh Chương, Vương Cách, Trịnh Cư Trung, cũng như một số thái giám có quyền uy thời đó đều là thần tiên giáng hạ để phò tá nhà vua, ngay cả sủng phi của Tống Huy Tông là Lưu Thị cũng là Cửu Hoa Ngọc Chân An Phi giáng thế! Tống Huy Tông mê muội tin theo, ban cho hắn ngự hiệu Thông Chân Đạt Linh Tiên Sinh, xây cung Thượng Thanh Bảo Lục cho hắn ở. Linh Tố bèn thừa cơ khuyên vua phế Phật. Vua bèn xuống chiếu bắt dân gọi Phật là Đại Giác Kim Tiên, các vị Bồ-tát gọi là Tiên Nhân, tăng sĩ bị đổi thành "đức sĩ", chùa Phật không được dùng

thượng thần tiên trịnh hóa cơ" do nhà vua đã nằm mộng thấy, bất quá là nói lớn lối để dối đời, hắn nói *"địa hạ thần tiên hà đắc nhất"* (dưới đất, thần tiên há được ai), rốt cuộc là bịa đặt để trộm danh. Những gã ấy đều xuất phát từ Đạo, mà thật ra là bọn tội nhân trong Đạo. Há có nên vì bọn chúng thuộc vào tà thuật, bèn gièm chê, báng bổ những bậc thánh hiền hưng khởi giáo pháp ư?

Cho tới thời Hán Minh Đế, trong mộng cảm ứng người vàng, Phật giáo bèn hưng khởi tại Trung Hoa. Có thể nói là Phật giáo ở Trung Hoa đã khiến cho dân chúng vứt bỏ những thứ hoa mỹ để hướng về chân thật, bỏ hư ngụy, giữ lấy chân thật, do nỗ lực hành trì mà đạt tới an trụ, từ thuở đầu là tự lợi, sau khi tu tập đã lâu, đến cuối cùng là lợi tha. Rốt cuộc là đạt tới mức từ bi "coi muôn loài và bản thân ta như một, oán thân bình đẳng". Đấy là chỗ nương tựa cao tột của dân chúng vậy. Vì thế, Ngụy Vũ Đế[80] cực lực toan diệt Phật,

---

chữ Tự mà phải gọi là Cung, các tự viện gọi là Quán, các tăng sĩ bị xua đuổi, bị coi như hạng người hèn hạ trong xã hội!

80 Ngụy Vũ Đế chính là Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đào) nhà Bắc Ngụy, khác với Ngụy Vũ Đế (Tào Tháo). Thác Bạt Đào thuộc tộc người Tiên Ty, là vua thứ ba của nhà Bắc Ngụy. Ngụy Thái Vũ Đế say đắm Đạo giáo, nghe theo lời xúi giục của Thôi Hạo (Thôi Hạo vu cáo Phật tử đã ủng hộ loạn quân Cái Ngô) và đạo sĩ Khấu Sĩ Khiêm, nên nhà vua kiên quyết tiêu diệt Phật giáo. Đây là họa diệt pháp đầu tiên trong tai họa Tam Vũ Diệt Phật (Bắc Ngụy Vũ Đế, Bắc Châu Vũ Đế và Đường Vũ Tông) của Phật giáo Trung Hoa. Vua xuống chiếu cấm ngặt vương hầu và dân chúng cúng dường sa-môn, triệt hạ tự viện, tịch thâu tài sản của nhà chùa, sát hại các vị cao tăng Huyền Cao và Huệ Sùng. Thôi Hạo lại thôi thúc nhà vua tàn sát tăng sĩ tại Trường An rồi ban lệnh diệt Phật,

nhưng Phật chẳng thể diệt! Chẳng thể diệt, há có nên gièm chê, báng bổ ư? Hoặc là do chỉ thấy chú thuật của Hồ tăng chẳng thể ảnh hưởng đến Phó Dịch (Phó Dịch[81] báng Phật, xằng bậy bịa chuyện; người đời sau chẳng thông đạt, tưởng là kinh sách thật sự, đáng thương xót thay), tượng Phật bằng đá hiện quang chẳng thể khiến cho ông Trình Di động lòng[82], răng Phật là vật linh thiêng, mà bị sừng linh dương phá nát[83]. Răng Phật là thần vật mà bị hư hoại dưới búa của Triệu Phượng. Lại còn bọn Bạch Liên, Vô Vi[84] tung hoành, các tín đồ tin theo, quy phục những lời lẽ hư vọng, dối trá của họ La (La Thanh)[85]. Một kẻ xướng suất, bao người hùa

---

đuổi Tăng khắp toàn quốc, khiến cho các tăng sĩ phải trốn lánh hay hoàn tục.

81 Phó Dịch sống qua ba triều đại Chu, Tùy, Đường, tinh thông thiên văn và lịch pháp. Trước khi làm quan, ông ta là đạo sĩ. Ông ta làm Thái sử lệnh dưới thời Đường Cao Tông, dâng sớ nói: "Phật giáo có hại cho chế độ phong kiến, giúp dân trốn lính, chẳng thờ phụng cha mẹ, sư sãi toàn là bọn du thủ du thực trốn việc quan, ăn bám, phải nên phế trừ chùa chiền, bắt hết thảy tăng ni hoàn tục". Ông ta liên tiếp dâng mười một tờ sớ đề nghị phế Phật.

82 Trình Di làm chủ bạ ở Ngạc Châu. Có người khuyên ông ta hãy nên đến xem tượng Phật bằng đá phóng quang. Ông lấy cớ bận bịu công việc để thoái thác, bảo người ấy hãy mang tượng đến cho ông ta xem. Rồi khi có người kể chuyện linh dị, ông đều bác bỏ: "Ta cũng có chuyện lạ lắm, ăn vào bèn no!"

83 Trong niên hiệu Trinh Quán đời Đường, có một vị tăng người Ấn Độ tự xưng có răng Phật, tuyên bố không gì có thể phá hoại được. Phó Dịch bèn bảo con: "Đó không phải là răng Phật mà là đá kim cang. Kim cang cứng nhất, chỉ có sừng linh dương mới phá vỡ được". Do vậy, con trai Phó Dịch bèn đến xin thử. Sừng linh dương vừa đụng vào, "răng Phật" vỡ nát.

84 Vô Vi Giáo là chi phái của Bạch Liên Giáo, còn gọi là La Tổ Giáo.

85 La Thanh (1442-1527), tự là Mộng Hồng, hiệu Tư Phù, người huyện Tức Mặc, tỉnh Sơn Đông. Hắn xuất thân là quân nhân, chuyên vận tải lương thực cho quân đội. Sau khi xuất ngũ, hắn trở về quê nghiên cứu Phật giáo, thật ra là

theo. Những thứ đó đều xuất phát từ Phật giáo, mà bọn chúng thật sự là bọn tội nhân trong nhà Phật. Há có nên vì bọn chúng thuộc hạng tà ma, ngoại đạo, bèn gièm chê, hủy báng bậc thánh hiền truyền giáo ư?

Đời Minh, Lý Trác Ngô thích phủ nhận, hủy báng thánh hiền, thường chế ra lời hai người đối đáp. Một người nói: "Trời chẳng sanh Trọng Ni (Khổng Tử), muôn đời như đêm dài". Người kia đáp: "Vậy thì kể từ thời Hy Hoàng[86] trở đi, toàn bộ mọi người đều phải đốt đuốc mà đi à?" Kế đến châm biếm Mạnh Tử, đối với

---

vay mượn cách tu tiên, luyện đan, pha trộn vào một ít tư tưởng Phật giáo (theo kiểu diễn giải xằng bậy), thừa kế phần lớn giáo nghĩa của tà giáo Bạch Liên. Hắn tự xưng thừa kế các giáo nghĩa Thiền tông, Tịnh độ, giáo nghĩa của các phái Chánh Nhất và Toàn Chân trong Đạo giáo. Đến năm bốn mươi mốt tuổi, hắn tự xưng là đã chứng ngộ Phật pháp, đắc pháp chánh truyền, và đưa ra tà thuyết: "Sau thời Lục Tổ, thiền pháp bị thất truyền, Thiền pháp chánh truyền được duy trì bởi hàng tại gia cư sĩ", chủ trương niệm Phật, lạy Phật là pháp hữu vi, cách tu của hắn mới là pháp vô vi chân chánh, sáng lập ra "tôn giáo" mới, gọi là La Giáo, thực chất chỉ là vận dụng những giáo thuyết của Bạch Liên, và tự xưng rất khoa trương là Vô Tướng Chân Nhân, Hóa Thiện Tổ Sư, Yết Không Cổ Phật.

86 Hy Hoàng chính là Phục Hy Thị. Phục Hy được tôn xưng là thỉ tổ của nền văn minh Hoa Hạ. Cổ thư ghi tên ông gọi theo nhiều lối khác nhau: Bào Hy, Mật Hy, Bao Hy, hay Hy Hoàng. Sử Ký nói ông là con của Hoa Tư, cha của Thiếu Điển, là ông nội của Viêm Hoàng. Theo truyền thuyết, ông dạy dân đan lưới bắt cá, săn bắn, nuôi dưỡng gia súc, chế ra Bát Quái, chế ra văn tự và đàn cổ cầm. Ông còn được xếp vào Tam Hoàng. Thần thoại nói ông thân có vảy, còn em gái của ông là Nữ Oa có thân rắn. Truyền thuyết khác lại nói họ là vợ chồng. Có thuyết nói Phục Hy chính là Bàn Cổ. Theo các nhà khảo cứu, sau khi Hoàng Đế thay thế Viêm Đế, đánh bại Si Vưu, do thấy tổ tiên của các bộ lạc Viêm Đế và Si Vưu là Phục Hy rất được kính ngưỡng, bộ tộc của Hoàng Đế bèn vay mượn truyền thuyết về Phục Hy, sáng tạo ra nhân vật Bàn Cổ, dần dần dẫn đến truyền thuyết Bàn Cổ mở mang trời đất.

Trình, Chu, hắn gièm chê, báng bổ càng dữ dội hơn! Về sau, hắn phạm tội chết trong ngục.

Văn Xương Đế Quân nói: "Kẻ sĩ được ghi danh vào sổ bộ của ta đều là do kính trọng văn tự mà ra". Đời Tống, cha của Vương Nghi Công (Vương Tăng) hễ trông thấy giấy tờ có chữ viết bị vứt bỏ ắt nhặt lấy, dùng nước thơm rửa sạch rồi đốt. Một tối, ông mộng thấy đức Tuyên Thánh (Khổng Tử)[87] vỗ lưng ông ta bảo: "Ngươi kính trọng giáo pháp của ta, tiếc là ngươi đã già, ta sẽ sai Tăng Sâm sanh trong nhà ngươi". Lúc tuổi già, ông Vương bèn sanh con, do vậy đặt tên là Tăng. Vương Tăng là một vị Tể tướng hữu danh. Lại như Dương Bách Hạnh ở Lô Châu do ngồi trên kinh văn mà cả nhà bị cùi. Tiên Ư Khôn ở Xương Quận do tàn hại sách Mạnh Tử mà cả nhà diệt vong. Dương Toàn Thiện do chôn giấy có chữ bị người khác vứt bỏ mà năm đời đều đỗ đạt. Lý Tử Tài do chôn giấy có viết chữ mà được làm quan vinh hiển. Báo ứng chói ngời trước tai mắt mọi người, há có nên chẳng kính trọng, quý tiếc giáo huấn, sách thánh hiền, giấy chữ ư? Thơ rằng:

Thế gian tự chỉ tạng kinh đồng,
Kiến giả tu tương phó hỏa trung,
Hoặc tống trường lưu, mai tịnh thổ,

87 Dưới thời Hán Bình Đế, nhà vua đã dâng thụy hiệu cho Khổng Tử là Bao Thành Tuyên Ni Công. Do vậy, các đời sau thường gọi Khổng Tử là Tuyên Thánh.

Tứ quân phước thọ vĩnh vô cùng.

(Giấy chữ trong đời hệt Phật kinh,
Nếu như trông thấy đốt cho nhanh,
Hoặc bỏ xuống sông, chôn đất sạch,
Thì ngươi phước thọ mãi khôn ngằn.)

Lại nói:

Kính tích tự chỉ phó thủy hỏa,
Nhân nhân tri đạo thiện nhân quả,
Giáp hài dạng bạc ná gia vô,
Hoán tương bạch chỉ phương vi thỏa.

(Kính tiếc giấy chữ, nhặt thiêu đốt,
Hoặc bỏ trong sông ở chỗ sâu,
Ai nấy đều biết nhân quả lành,
Lột sổ lót giày ai chẳng phạm?
Đổi thành vải trắng, ắt yên lành.)

Cao Chi Thụ chẳng tin tiên, Phật, phỉ báng hết mức. Hắn từng dùng kinh Pháp Hoa để dán vách. Có người tặng hắn một pho tượng Phật bằng ngọc. Chi Thụ nói: "Khối ngọc này có thể làm thành đồ vật". Do vậy bèn cưa tượng làm thành mười cái nhẫn. Về sau, do hắn gièm chê, phỉ báng việc triều chánh, vua xuống chiếu sai Hình bộ tra vấn. Hắn bị xử chém ngang lưng ở giữa chợ.

Đời Minh, Thích Kế Quang chuyên trì kinh Kim Cang. Bỗng mộng thấy một người lính đã chết, xin ông tụng giùm một quyển để giúp phước cho kẻ ấy trong cõi âm. Buổi sáng, ông thức dậy, tụng xong, lại thấy người ấy báo mộng: "Đội ân đức to lớn của ông, nhưng chỉ được nửa quyển vì trong ấy xen tạp hai chữ chẳng dùng". Ông ngẫm nghĩ nguyên cớ, thì ra là đứa tớ gái mang trà, bánh lên trong khi ông đang tụng kinh. Ông phẩy tay từ chối, miệng tuy chưa nói, trong tâm đã sẵn có hai chữ "chẳng dùng". Sáng hôm sau, ông đóng cửa tụng kinh, lại mộng thấy người lính cảm tạ: "Đã được siêu độ rồi!" Một niệm xen tạp mà còn không được, huống hồ hý lộng, khinh miệt ư?

Triệu Cư Dịch trì kinh Ngọc Hoàng, chưa kiêng rượu thịt, bỗng chết đi. Vua cõi âm hỏi: "Thường ngày nhà ngươi làm điều gì tốt lành?" Thưa: "Trì kinh Ngọc Hoàng từ nhỏ". Vua đứng dậy, chắp tay nói: "Công đức như thế thật là bậc nhất, sẽ được tăng tuổi thọ thêm một kỷ (mười hai năm)". Lại nói: "Trọng tội sát sanh, sao lại nấu nướng lợn, dê?" Do vậy, vua bèn sai ngục tốt lấy đinh dài đóng vào đầu Cư Dịch. Cư Dịch thầm niệm bảo hiệu của Ngọc Đế, kim quang trùm khắp thân, quỷ sứ chẳng thể đóng đinh được. Đã tỉnh lại, ông bèn bỏ nhà nhập đạo, về sau thành tiên.

Lại nghe nói Cánh Lăng Vương (Tiêu Tử Lương) bệnh tình nguy kịch, do ông ta tin tưởng, ngưỡng mộ

kinh Lăng Nghiêm, mà Kim Tý thần (thần có cánh tay bằng vàng) rưới thuốc liền lành bệnh.

Lô Cảnh Dụ bị nhốt vào ngục, do chuyên tụng Tâm Kinh mà tự thoát gông cùm. Do sớm chiều nương theo kinh Kim Cang mà người phu đào quặng thoát khỏi tai ương khi sụp hầm. Do tâm niệm kinh Pháp Hoa chẳng ngớt mà người thiếp nhà họ Tô thoát khỏi tai ách sóng bủa trên sông[88]. Ấy là vì kẻ tin tưởng, ngưỡng mộ thánh hiền, chẳng có ai không được thánh hiền báo đáp!

Xâm lăng đạo đức.
侵凌道德。
Xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức.

Bậc đạo đức trong thế gian như Nho sĩ đọc sách hiểu lý, tăng nhân hay đạo sĩ khắc khổ tu hành, lời nói là pháp tắc, hạnh là khuôn mẫu, vượt trỗi những kẻ cùng hàng, do chánh khí trong thiên địa hun đúc, kính yêu còn chẳng xuể, há nên xâm phạm, lăng nhục ư?

88 Theo Pháp Hoa Kinh Trì Nghiệm Ký quyển thượng, trong niên hiệu Vũ Đức đời Đường, có một viên Đô thủy sứ họ Tô. Vị này chuyên trông coi công tác vận chuyển trên sông ngòi, tu bổ cầu bến, nạo vét sông rạch, đắp sửa đê điều… Về sau, ông ta làm Thứ sử tại Ba Châu (Tứ Xuyên), đi qua sông Gia Lăng, sóng to rất lớn, thuyền bị lật, mọi người đều bị chết đuối. Chỉ có một người thiếp do thường đọc kinh Pháp Hoa. Khi rớt xuống nước, cô bèn đội rương đựng kinh lên đầu, nguyện có chết thì sẽ chết cùng kinh. Lạ thay, thuyền không chìm mà lừ đừ trôi tới, cô bèn trèo lên thuyền, từ từ bị dạt vào bờ. Lên tới bờ, cô kiểm lại, ngạc nhiên khi thấy kinh không hề bị ướt chút nào.

Thiền sư Quốc Thanh[89] thuyết pháp, có gã giữ chức Phân thủ đạo[90] trọn chẳng tin Phật, trói Sư, đánh hai mươi trượng. Đến đêm, gã đó mộng thấy người vợ đã mất, vừa khóc vừa giận dữ nói: "Sao ông dám làm nhục thiền sư? Vua cõi âm phạt tôi hai mươi roi sắt, lại còn tước bỏ chức quan của ông!"

Thuần Vu Sùng Đức lúc hai mươi tuổi vào trường huyện, tánh tình tà vạy, ngang ngược. Hễ bậc nho sĩ nào có đạo đức, Sùng Đức ắt sẽ mặc tình hiếp đáp, vu vạ. Một đêm, hắn bỗng nhiên mộng thấy một vị thần nói: "Mày trăm kế xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức. Vì thế, tao đến đoạt trí tuệ của mày!" Nói xong, cầm đao chém xuống. Sùng Đức ngã lăn ra hôn mê rồi tỉnh lại. Rốt cuộc sau đấy, hắn như kẻ ngu đần, được mấy năm bèn chết ngóp.

Đời Hán, khi Trương Lương còn trẻ, sang chơi Hạ Bi. Trên cầu có một cụ già, làm rơi dép xuống gầm cầu, bảo Trương Lương: "Này nhóc! Mày xuống lấy dép cho ông". Trương Lương nghĩ cụ già cả, ráng nhịn,

---

89 Thiền sư Quốc Thanh là ngài Phổ Minh Quốc Thanh, sống vào đời Nam Triều, quê ở huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, là cao tăng của tông Thiên Thai. Năm Thái Kiến thứ năm (582) đời Trần, Sư vào núi Thiên Thai, gặp Trí Giả đại sư giảng kinh, ngộ được tâm yếu, bèn tôn ngài Trí Giả làm thầy, tu tập các phép tam-muội Bát-nhã và Phương Đẳng, kiêm trì tụng kinh Pháp Hoa.

90 Phân thủ đạo (分守道) là một chức phụ tá của quan Bố chánh. Do chức vị này có nhiệm vụ quản trị, phân phối, tích trữ lương thực, quản trị ruộng nương, cũng như coi sóc việc truyền phát công văn giữa cách dịch trạm, nên gọi là Phân thủ.

xuống nhặt lên. Ông lão lại giơ chân bảo: "Nhóc tì! Mang dép cho ta". Trương Lương bèn quỳ xuống đi dép cho cụ. Cụ già bảo: "Nhóc con dễ dạy!" Lấy ra một quyển sách, bảo: "Đọc rồi sẽ có thể làm thầy vua chúa" rồi bỏ đi không quay lại. Xem sách ấy, thì ra là Thái Công Binh Pháp. Do vậy, Trương Lương học tập, giúp Hán Cao Tổ lấy thiên hạ, được phong là Lưu Hầu. Xem chuyện này, ắt biết là bậc nhân tài thành tựu đạo đức trong thiên hạ đông lắm. Những kẻ xâm phạm, lăng nhục ví như ngược gió tung bụi, toan dùng tay ngăn trời, phần nhiều là kẻ chẳng biết lượng sức vậy.

Xạ phi trục tẩu, phát trập kinh thê, điền huyệt phúc sào, thương thai phá noãn.

射飛逐走。發蟄驚棲。填穴覆巢。傷胎破卵。

Săn bắn chim thú, phá tổ côn trùng, kinh động nơi chim đậu, lấp hang, lật tổ, phá thai, hại trứng.

"Xạ" (射, bắn) không chỉ là dùng cung, tên. Phàm là súng ngắn, súng trường, nỏ máy[91], ná, gậy dính[92], bẫy rập, lưới chăng, đều thuộc trong phạm vi này. Hoặc bán để lấy tiền bạc, hoặc vì tham ăn tục uống, vì ý niệm giết chóc mà xếp đặt [các thứ dụng cụ săn bắt, bẫy rập] khắp nơi. Loài chim bay bị mất mạng, có con bị gãy cổ,

91 Nguyên văn Dược Nỗ (藥弩) là một loại cung bắn tên tự động.

92 Gậy dính (粘竿, niêm can) là một thứ dụng cụ để bắt chim, thường làm thành hình sào dài, một đầu có gắn chất keo dính.

khiến cho cả bầy kinh hoảng. Có con vật bị đâm thủng ức, chảy cả tủy ra, khổ sở đến mức nào? Người có lòng nhân hãy nên phát lòng từ gấp bội. Kẻ ăn chúng, sao nỡ kết thành mối oán cừu ắt bị đền trả chỉ nhằm thêm vào cỗ bàn thịnh soạn một vài món mà ta có thể giảm bớt? Kẻ sống bằng nghề ấy, sao lại khổ sở tạo nên oán nghiệt vô cùng để đầy túi tiền hữu hạn của ta?

Người họ Đổng nọ thích giăng lưới bắt chim. Hễ bắt được, bèn dùng tre xuyên qua não chim, dùng rơm để thui sạch lông đem bán. Hắn giết chóc không biết bao nhiêu mà kể! Tuổi già, hắn mắc bệnh lạ, khắp mình sanh lớp da thô tháp, nổi vảy sần sùi như vỏ cây. Hễ bị ngứa bèn đốt rơm dí vào chỗ ngứa để nướng. Lại còn bị nhức đầu, thường bảo kẻ khác lấy tre đập vào đầu cho đỡ đau. Rốt cuộc, hắn do chứng bệnh ấy mà chết.

Lại có gã Lưu Đông Nhi chuyên dùng nỏ và tên, tổn thương các sanh mạng rất nhiều. Một hôm, gã tựa cửa bắn chim sẻ. Ngẫu nhiên tai bị ngứa, bèn dùng đầu mũi tên để gãi chỗ ngứa. Bỗng gió thổi cánh cửa đập vào tay, mũi tên đâm xuyên qua lỗ tai, tuôn máu như trút nước mà chết. Ôi chao! Nỏ tự bắn mình, rơm tự đốt thân, mỗi mỗi đều đúng như những gì đã làm, sao mà báo ứng được thể hiện xảo diệu làm vậy?

Đời Đường, Vi Cao nuôi một con anh vũ (két, vẹt). Mỗi lần nghe niệm Phật, nó bèn thôi lăng xăng,

ngoan ngoãn. Bảo nó niệm Phật, nó bèn lớn tiếng niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Một hôm, nó đứng yên qua đời, chẳng ngã lăn quay. Đem thiêu, thu được mười hạt xá-lợi. Vi Cao bèn lập tháp để chôn cất.

Lại nữa, trong niên hiệu Nguyên Hựu[93] đời Tống, có vị tăng nuôi một con cù dục (鴝鵒, con sáo mỏ ngà). Nó thường niệm Phật theo vị tăng. Một hôm, nó cúi đầu, xếp cánh, đứng qua đời. Vị tăng chủ nhân của nó thương xót, đem chôn, bỗng từ chỗ chôn mọc lên một đóa hoa sen xanh, thơm ngát lạ thường. Đào lên xem, hóa ra hoa mọc từ cái lưỡi của con sáo mỏ ngà. Cả quận kéo đến xem. Viên quan Thái thú viết kệ rằng:

Thiên sản linh cầm bát bát nhi,
Giải tùy tăng khẩu niệm A-di,
Phi cầm thượng chứng Vô Sanh Nhẫn,
Ngã bối vi nhân khởi bất như!

(Trời sanh con sáo tánh khôn lanh,
Biết niệm Di-đà theo tiếng tăng,
Loài chim còn chứng Vô Sanh Nhẫn,
Lũ ta làm người sánh nổi chăng?)

93 Nguyên Hựu là niên hiệu của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1086 đến năm 1094. Tống Triết Tông sử dụng ba niên hiệu là Nguyên Hựu, Thiệu Thánh và Nguyên Phù.

Gộp lại những chuyện ấy để xem, sẽ thấy loài vật lớn bé trong thiên hạ đều là những chúng sanh có linh tánh, đức Phật từ bi, bình đẳng phương tiện che chở, mà sao con người tàn sát như thế đó, vì lẽ nào vậy?

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: "Người thời nay ai nấy đều nói: "Tạo hóa sanh ra muôn vật để nuôi con người, theo đúng lẽ, hãy nên săn bắt để ăn". Chẳng biết con người cũng là một sinh vật trong vòng trời đất, có thể tu chân, hiếu sanh, thì mới là thông linh hơn các loài vật. Nếu không, có khác gì những loài động vật tăm tối? Hơn nữa, người chưa theo lẽ chánh để tu tập, sẽ khó tránh khỏi luân hồi trong các nẻo. Những chúng sanh nay mang thân dị loại, có thể là đời trước làm thân người. Kẻ nay đang làm người, đời trước có thể là dị loại. Tham sân, tham giết, mượn tay kẻ khác giết chóc để ăn. Nẻo đường sanh tử, đáng kinh sợ nhất! Vừa vào cõi âm, những kẻ săn đuổi trong hiện thời, lẽ đâu chẳng bị săn đuổi? Hãy suy nghĩ nhé!"

Có kẻ bảo: "Nếu ai nấy đều chẳng giết, ắt cầm thú đầy ắp thế gian, còn như các loài sài lang, hổ, báo sẽ lại ăn thịt con người, há chẳng phải là nuôi dưỡng những con vật để hại người ư?" Đáp rằng: Đức Phật dạy: "Nếu là người có từ tâm, có công đức, hết thảy binh đao, nước, lửa chẳng thể tổn thương, hết thảy ác thú, độc trùng chẳng thể làm hại". Xưa kia có gã vua ác xua voi hung dữ toan hại Phật, nhưng đức Phật khởi từ

tâm thương xót, lũ voi thấy năm ngón tay của đức Phật hóa thành sư tử rống to. Do vậy, các con voi đều phủ phục xuống đất, quy hàng. Vì lẽ này, kinh Niết-bàn tột bậc tán thán công đức của người có từ tâm. Ấy là vì lòng từ tột bậc có thể cảm hóa kẻ tàn bạo nhất trong thiên hạ.

Xưa kia, vào thời Hán Quang Vũ Đế, tại quận Hoằng Nông[94] có nhiều hổ. Thái thú ra lệnh cho dân chúng đặt bẫy rập, dùng cung nỏ để trị. Nạn hổ càng dữ dội hơn! Đến khi Lưu Côn làm Thái thú, bèn nói: "Do chánh sách tàn bạo mà ra!" Ông truyền dân chúng lấp các hầm bẫy, phá bỏ cung nỏ, chỉ chú trọng cai trị bằng lòng nhân từ, giải quyết những nỗi đau khổ của dân. Hổ bèn cùng nhau vượt sông bỏ đi. Lưu Côn chưa hề đích thân chứng đại đạo, chỉ vì một niệm có lòng nhân mà có thể nhanh chóng dẹp hết loài hổ tàn bạo, huống hồ người học theo lòng từ bi của đức Phật ư?

Lại như bậc thánh tăng khuất phục hổ, hàng phục rồng, chói ngời tai mắt người đời, chẳng phải là chuyện bịa đặt vậy. Nếu ai nấy đều có thể học Phật, học theo thánh tăng, dẫu hổ, báo… đầy dẫy thế gian, chúng nó vẫn chẳng thể gây hại, lo chi cầm thú sẽ hại người

94 Bản in của Phật-đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ghi là Hồng Nông, nhưng các bản khác đều ghi là Hoằng Nông. Ông Hoàng Bách Lâm nói rõ Hoằng Nông là tên một huyện vào thời Hán, nay thuộc phần phía Bắc của thành phố Linh Bảo, tỉnh Hà Nam.

vậy thay? Bởi lẽ, kẻ tàn bạo đều hóa thành từ bi hết rồi, những loài vật độc hại cũng đều hóa thành lân, phượng. Do vậy biết con vật tuy là hung mãnh, tàn độc nhất, cũng đều có chỗ có thể cảm hóa, chỉ sợ con người chẳng thể từ bi đó thôi.

Họ Trình ở Đức Hưng nhiều đời sống bằng nghề săn bắn, giết hại sanh mạng chẳng thể kể xiết. Một ngày vào chợ, hắn mua mấy cái mặt nạ quỷ, cho mỗi đứa cháu nội đeo một cái. Bỗng trong chốc lát mấy chục con chó săn do hắn nuôi trông thấy lũ cháu đeo mặt nạ bèn tranh nhau cắn xé, đuổi cách nào chúng cũng chẳng chịu lùi. Mấy đứa cháu đều chết!

Một người vào núi bắt vượn con đem về, vượn mẹ đuổi theo đến tận nhà. Kẻ ấy trói vượn con trên cây để chơi. Vượn mẹ dập đầu tha thiết cầu xin, chỉ là miệng chẳng thể nói được. Rốt cuộc kẻ đó chẳng thả, đập chết vượn con, vượn mẹ ngồi chồm hổm, đau đớn chết đi. Nhà ấy trong vòng nửa năm, bệnh dịch dấy lên cả nhà chết sạch!

Dù thông minh hay ngu xuẩn đều cùng có giác tánh, người hay thú đều có cha con, há có nên dấy lên nhân duyên sát hại? Quả báo trong đời sau chẳng sai chạy, có khi cũng thấy ngay trong tình hình hiện tại, ở ngay trước mắt, đáng sợ thay! Hơn nữa, dân chúng các ngươi chẳng có gia đình ư? Chẳng có cha mẹ, vợ

con ư? Giả như ra lệnh cho những kẻ làm quan dùng chánh sách tàn bạo để phá nhà của ngươi, dùng hình cụ độc dữ để tàn phá thân thể ngươi, khiến cho các ngươi chồng chẳng còn vợ, cha chẳng còn con nữa, có kẻ nào chẳng ngửa mặt lên trời gào khóc, oán hận sâu đậm chẳng thể cởi gỡ ư?

Loài trùng kéo kén ngủ đông, hễ đào xới ắt chúng sẽ bị tổn thương. Vì thế, đức Thái Thượng viết lời răn dạy người đời, mà chư Phật càng thêm yêu tiếc chúng. Con người chớ nên không lãnh hội ý này để rồi cứ đào xới bừa bãi vậy! Đời Tống, Tào Bân hễ trời rét buốt bèn chẳng sửa chữa tường nhà. Có kẻ hỏi nguyên do, ông bảo: "Sợ tổn thương những loài trùng đang ngủ Đông". Dòng họ ông Tào đời đời được phong vương chính là vì đã gieo cái nhân không chịu làm tổn thương những loài trùng đang ngủ Đông. Nay thì có kẻ vô cớ đốt đồng hoang nhằm thỏa thích thói vui đùa trong chốc lát, tổn thương muôn loại sanh linh. Sao không dùng chuyện ông Tào để thưa trình, răn nhắc họ? Nếu gặp phải, hãy nên dập tắt ngay. Còn như dân quê, trẻ nít, do vì họ vô tri, càng phải nên khéo léo chỉ bảo. Nếu có kẻ nào đổ tro nóng, hoặc nước nóng xuống đất, và kẻ do cúng bái tổ tiên bèn đốt giấy tiền vàng mã, hãy đều nên lưu tâm trong lúc ấy để giữ vẹn mạng sống cho các loài trùng nhỏ, lòng nhân sẽ to lớn không gì bằng!

Chim đã đậu, như người đã ngủ, bỗng dưng bị

kinh động, há chẳng phải là cả nhà nhiễu loạn ư? Đức Thái Thượng răn nhắc có cùng một ý với lời dạy "dặc bất xạ túc" (chẳng bắn chim đã đậu) của Khổng Tử. Tiên kinh chép: "Hễ ai tùy thời tạo phương tiện cứu loài vật, ắt sẽ được quả báo phước đức, trường thọ".

Lý Hề Tử là một bà cụ ở trong núi, mỗi khi tuyết đổ dày, chim không có chỗ trú, thường cho chúng núp trong nhà, lấy gạo cho chúng ăn, lại còn chẳng dám kinh động chúng. Thượng đế bảo bà cụ có lòng nhân, cụ thọ tới năm trăm tuổi.

Người họ Dương nọ, sống bằng nghề bắt chim. Một hôm, có một con chim khách tránh rét đậu trên cây, bèn cầm gậy dính trèo lên cây toan bắt nó. Cành cây bị gãy, hắn ngã xuống, đầu đâm vào cành trúc, máu chảy ồ ạt mà chết.

"Huyệt" (穴) là chỗ tụ tập sinh sống của hết thảy các loài hàm linh. Nhìn theo phía con người, nơi đó cố nhiên chỉ là một cái hang mà thôi, nhưng đối với chúng, đó là chỗ cư trú an ổn, chẳng khác gì nhà cửa đối với con người. Há có nên san lấp, cắt đứt đường sống, đoạn tuyệt đường ra, lại còn vùi lấp tông tộc của chúng, tàn nhẫn đến cỡ nào?

Xưa kia có một vị tỳ-kheo đắc lục thần thông, ở chung với một chú bé sa-di. Từ trong định, sư thấy bảy ngày nữa chú sa-di sẽ chết. Do vậy, sư tạo phương tiện,

bảo chú trở về thăm nhà. Tám ngày sau, chú sa-di quay lại. Vị tỳ-kheo lấy làm lạ, nhập định để xem, biết là chú sa-di trên đường trở về, thấy một tổ kiến sắp bị nước xoáy vào, bèn vội cởi ca-sa hốt đất ngăn nước, không cho nước xoáy vào ổ kiến. Vì nhân duyên ấy, chú sa-di được tăng thọ mười hai năm. Do vậy, chú sa-di tinh tấn, chứng đắc Tứ quả.

Ở Hàng Châu có một người đàn bà nọ thích sát sanh, rất ghét kiến. Hễ chúng làm bẩn, làm hư thức ăn, liền đốt lửa giết chúng. Tìm thấy ổ kiến, nếu chẳng lấp phá, ắt sẽ dùng nước sôi dội vào, giết kiến khôn xiết! Về sau, bà ta sanh được một đứa con, mới còn ẵm ngửa. Nó bị lũ kiến cắn xé, khắp mình phù nề, lở loét mà chết. Chu Cơ nói: "Phụ nữ thường coi con cái như tánh mạng, hãy khuyên họ kiêng giết. Hãy nên nói cho họ biết câu chuyện này, ắt họ sẽ tự biết sợ". Vì thế, trong lời thề Giới Sát (đừng giết chóc) của ông Chu Cơ có hai câu: "Nếu lại vung dao, sẽ giống như giết con cái của ta vậy". Hai câu nói ấy một là tự răn dè mình, hai là răn dè vợ vậy!

"Sào" (巢) là chỗ hết thảy chim chóc lớn nhỏ nương náu, bú mớm, sanh nở, nhờ vào đó mà tránh gió mưa, sương tuyết, hoặc dùng để ẩn náu tránh bẫy rập, ná bắn, tên bay. Nếu kẻ nào bất nhân phá đổ tổ chim, có khác gì phá cửa, đốt nhà? Há chẳng đến nỗi dồn chúng vào chỗ chết ư? Trong bài Bảo Tự Chương (

保嗣章, chương sách dạy về cách bảo vệ con cháu), đức Thái Thượng đã bảo: "Con cháu của phàm nhân suy vong, tuyệt diệt đều là do những kẻ trong đời trước đã lật tổ, hủy trứng, đốt núi, tát cạn chuôm, đầm, phá thai, giết con, phạm vào quy định gồm một ngàn sáu trăm hai mươi điều vậy". Xét theo lời ấy, những kẻ không có con nối dõi, hãy càng nên dũng mãnh tỉnh ngộ!

Đức Phật dạy: "Nếu thấy hết thảy người trong cõi đời trèo lên cây lấy trứng, xuống nước bắt cá, hãy nên thầm niệm danh hiệu Bảo Thắng Như Lai mấy chục câu, chúng nó sẽ được thoát chết. Đấy cũng là phương cách để cứu sống vậy". Có người nói: "Nhân từ với người rồi mới yêu thương loài vật, nay sao lại chỉ dạy yêu thương loài vật?" Thưa: Nhân từ với người dễ dàng, yêu thương loài vật khó lắm! Tàn nhẫn hại loài vật, ắt sẽ tàn nhẫn hại người. Chẳng nỡ lòng hại vật, ắt đối với loài người cũng sẽ biết từ bi. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy: "Ta còn chẳng nỡ lòng làm khổ một con kiến", huống chi đối với con người? Vua Thành Thang[95] mở

95 Thành Thang, còn gọi là Thiên Ất, Đại Ất, Cao Tổ Ất, hoặc Thành Đường. Vua họ Tử, tên là Lý, là lãnh tụ của bộ tộc Thương. Vua trọng dụng Y Doãn và Trọng Hủy, đóng đô tại đất Hào, tích cực biến Thương thành một quốc gia hùng mạnh. Khi vua Kiệt nhà Hạ tàn ác, hôn ám, bóc lột dân chúng tàn bạo, vua Thành Thang đã hiệu triệu chư hầu đứng lên lật đổ nhà Hạ, lập ra nhà Thương. Theo Lã Thị Xuân Thu, vua thấy có kẻ giăng lưới bốn phía ước nguyện: "Những con vật từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên, từ bốn phương đến, đều mắc vào lưới ta". Vua than: "Ôi! Bắt sạch hết, nếu chẳng phải là Kiệt thì có ai làm như thế ư?" Bèn bảo người ấy chỉ căng lưới một phía, để cho các con vật còn có chỗ thoát thân.

rộng tấm lòng "do thương xót loài vật mà mở lưới" đến tận con người, vì thế lòng nhân bao trùm thiên hạ. Vua Tề (Tề Tuyên Vương) chẳng nỡ lòng hạ lệnh giết một con trâu đang sợ hãi, run rẩy[96], lòng nhân từ đầy ắp đủ để bảo vệ bốn biển. Nếu Bạch Khởi[97] có lòng yêu thương muôn vật, ắt bốn mươi vạn người ở Trường Bình sẽ chẳng bị hãm hại! Vì thế, kẻ yêu thương loài vật sẽ yêu thương con người, có cùng một lòng nhân. Đức Như Lai khi tu nhân, thương xót một con bồ câu bị chim ưng săn đuổi, bèn tự cắt thịt mình thí cho chim ưng. Mở rộng đến tột cùng, lòng từ bi tràn ngập mười phương, dạt dào trong muôn kiếp. Ai có thể nói là kẻ yêu thương loài vật, chẳng thể yêu thương con người ư? Nhưng tâm luôn nghĩ cứu khổ sẽ chính là đức Quán Âm xuất hiện. Niệm nào cũng nghĩ hành từ, tức là Phật Di-lặc hạ sanh vậy!

---

96 Thuở xưa, khi đúc chuông xong, người ta tin phải giết một con trâu lấy máu nó bôi vào chuông thì tiếng chuông mới vang xa, chuông không bị rè. Tục lệ này gọi là Hấn Chung (釁鐘). Theo sách Mạnh Tử, vua Tề thấy con trâu run lẩy bẩy khi sắp bị "hấn chung", bèn hạ lệnh thả nó đi.

97 Bạch Khởi là một danh tướng của nước Tần, vốn tên là Công Tôn Khởi. Ông ta là vị tướng giỏi, gần như đánh đâu thắng đấy, đã tham dự hơn bảy mươi trận chiến. Tánh Bạch Khởi tàn nhẫn, thích tàn sát, nên bị người đương thời gọi là Nhân Đồ (gã đồ tể giết người). Trong trận Trường Bình, Bạch Khởi dùng kế khích cho liên quân Triệu và Hàn dưới sự lãnh đạo của Triệu Quát khinh địch mà đánh tan quân Triệu. Số quân Triệu bị bắt lên tới bốn mươi vạn người. Sợ có biến, Bạch Khởi cho quân Triệu ăn uống no say, quân Tần sẽ thừa cơ xông vào, hễ thấy người nào không có vải trắng buộc trên đầu như đã ngầm ấn định trước, cứ giết thẳng cánh. Bốn mươi vạn hàng quân nước Triệu bị giết sạch trong một đêm.

Đời Tống, Tô Thức tên tự là Tử Chiêm, do dựng nhà ở Đông Pha[98], bèn lấy hiệu là "cư sĩ Tô Đông Pha". Trước cửa phòng sách, có tre, bách, các loại hoa mọc um tùm khắp sân, các loài chim làm tổ trên đó. Do vậy, ông cấm con cái, tôi tớ không được săn bắt. Trong vòng mấy năm, chim đều làm tổ ở những cành thấp, hễ cúi xuống có thể trông thấy trứng của chúng. Xưa kia, nghe nói các loài chim hễ làm tổ ắt gần người để tránh rắn, chuột, cú, diều; người thời nay ăn thịt chim non, phá tổ của chúng, há chẳng phải là bất nhân hơn các loài rắn, diều hâu ư?

Một đứa trẻ nhà họ Tiết ở Kế Châu trèo lên cây, thăm dò tổ chim thước để bắt chim non. Trước đó, đã có con rắn to ăn chim non nằm sẵn trong tổ. Đứa trẻ vừa trông thấy rắn bèn kinh hãi, há hốc miệng. Rắn bò vào trong miệng đứa trẻ, nó ngã rơi xuống nước. Cứu lên, rắn đã cắn tim nó, đứa trẻ và rắn đều chết.

Lại vào đời Tống, có gã họ Chu thích phá tổ, rất ghét ong. Hễ thấy tổ ong, dẫu ở chỗ cao, ắt bắc thang để phá nát. Về sau, hắn sanh hai đứa con, hậu môn đều bị bít chặt, chúng đều chết ngay, rốt cuộc tuyệt tự. Thiền sư Từ Thọ nói: "Người đời do sát sanh nhiều nên mới có đao binh kiếp. Do ngươi thiếu mạng bèn giết thân ngươi, do ngươi thiếu tiền bèn đốt nhà ngươi,

98 Đông Pha nay thuộc huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc.

ly tán vợ con ngươi. Từng phá sào huyệt của chúng sẽ bị ảnh hưởng gần giống như vậy! Hãy rửa tai nghe lời đức Phật dạy".

Ông Nghiêm Thiệu Đình nói: "Thánh nhân răn kiêng giết, tâm hết sức thiết tha. Kỳ lân là một con thú, do nó không giẫm đạp cỏ tươi, không ăn các con trùng còn sống, nên được coi là điềm lành, được xếp đứng đầu tứ linh[99]. Bậc vương giả có lòng nhân đức ắt kỳ lân sẽ tới".

Lại nói: "Chỗ nào có kẻ mổ bụng lấy thai, giết trẻ nhỏ, ngay cả nơi lân cận chỗ ấy, kỳ lân cũng chẳng tới. Tát cạn đầm để bắt cá, ắt giao long chẳng ở nơi vực sâu ấy. Lật tổ, phá trứng, ắt phượng hoàng chẳng bay đến huyện ấy. Vì thế, những điều đó cho thấy phường hiếu sát chẳng sánh bằng cầm thú! Như thế mà nói là "thánh nhân chẳng kiêng giết" ư? Từng thấy phường vô lại hôm nay trộm cắp, ngày mai bị trói, vẫn cứ trộm cắp chẳng ngơi, ắt là vì kẻ ấy nghĩ là "do trộm cắp, sẽ ngay lập tức có được tiền bạc, của báu; còn bị trói là chuyện của ngày mai, cứ mặc kệ, rảnh đâu mà lo tới! Ăn uống sẽ ngay lập tức sướng bụng miệng, còn tội lỗi ở tận đâu đâu ngoài hình hài trong kiếp sống

99 Chúng ta thường nói Long, Lân, Quy, Phụng là Tứ Linh, đó là nói cho thuận miệng, chứ theo sách Lễ Ký, thiên Lễ Vận chép: *"Hà vị tứ linh? Lân, Phụng, Quy, Long, vị chi tứ linh"* (Tứ linh là gì? Lân, phụng, rùa, rồng là tứ linh) thì rồng được xếp vào hạng chót trong tứ linh.

này!" Chẳng trách những lời khuyên "đừng giết" dẫu nói tường tận cách mấy, vẫn chẳng thể cứu vãn nổi chuyện tàn sát! Chỉ mong những ai trong lúc cầm đao đuổi bắt, hãy tạm thử hồi tâm quan sát, xét xem những chúng sanh ấy trốn chạy, tung bay tán loạn, chạy vào chỗ tối, chui vào kẽ nứt, chẳng có thang để trèo lên trời, không có lỗ nào để rúc xuống đất, giống như lũ chúng ta kinh sợ phép vua, hễ nghe có lệnh truy bắt, bay hồn bạt vía, có khác gì chăng? Hãy xem những chúng sanh ấy như cùng một loài với chúng ta mà thương xót, ăn ở cùng với nhau. Như cắt cổ một con gà, cả bầy gà ré lên kinh hãi. Mổ một con lợn, cả đàn lợn bỏ ăn. Giống như chúng ta bị bắt lên quan, cả nhà bàng hoàng, hoặc trong lúc sanh ly tử biệt (lúc bị hành hình), cả họ khóc rống. Thường ngày yêu thương, quyến luyến, khó thể chia cắt, khó lòng bỏ lìa, có gì khác chăng? Xem những chúng sanh ấy, bị trói, bị chém, quằn quại, gào thét bi thương, chỉ mong được tha, máu me đầm đìa, mạng đã dứt rồi, tiếng gào vẫn còn bi phẫn. Có lúc còn co giật, giống như chúng ta bệnh tật không biết làm sao được, gào thần, niệm Phật mong được bảo vệ. Thần thức lìa khỏi, mắt trợn trừng, môi mấp máy, quơ tay nắm níu mong sao được sống, có khác gì chăng? Suy xét kỹ càng, chẳng cần phải luận định quả báo ngàn đời vạn kiếp, mà ngay trong một niệm hiện tại, há còn dám nhẫn tâm giết hại, thương tổn nữa chăng?"

Bạch Quy Niên có được một bộ sách lạ, học tập theo sách ấy có thể hiểu ngôn ngữ của loài chim trong chín phương trời và tiếng nói của loài thú trong chín phương đất. Một ngày, họ Bạch ngồi cùng Thái thú Lộ Châu, nhằm lúc có người xua bầy dê đi qua sân. Trong ấy có một con dê, dẫu bị đánh đập vẫn không chịu đi, còn kêu lên bi thương. Thái thú hỏi: "Dê nói gì vậy?" Họ Bạch thưa: "Dê nói trong bụng có dê con, chờ sanh xong sẽ cam tâm chịu chết". Thái thú bèn giữ dê lại, chẳng giết. Quả nhiên nó sanh ra hai con dê con.

Văn Lập sống bằng nghề giết mổ, nấu nướng, đã từng giết một con nai. Con nai quỳ khóc, ông ta cho là điềm bất tường. Con nai ấy có thai, sắp sanh nở, chạy vào bếp, ai oán tỏ ý cầu xin. Nó vẫn bị giết mổ như những con vật khác. Về sau, Văn Lập bị chứng bệnh lạ, tóc rụng, da nứt, dấy lòng hối hận sâu xa, vét sạch nhà cửa, mua đất, dựng chùa Tiểu Trang Nghiêm, bèn lành bệnh. Ông ta liền suốt đời tu hành. Cái tội mổ thai, giết chết con vật còn non lớn tột bậc, nhưng vẫn có cách sửa đổi. Xin hãy nhìn vào câu chuyện này.

Đức Phật dạy: "Nếu kẻ nào bạo ác chẳng tin tội phước, bắt chim non, ăn trứng, khiến cho các loài chim chóc đều bị mất con, khiến cho chúng nó kêu gào đau đớn đứt ruột, tròng mắt chảy máu, sẽ mắc phải báo ứng cô độc, không có con".

Dương Tự mộng thấy thần nói: "Hơn mười ngày nữa, ngươi sẽ chết. Nếu có thể cứu sống ức vạn sanh mạng thì sẽ có thể thoát chết". Dương Tự thưa: "Kỳ hạn cấp bách, chẳng làm kịp!" Vị thần dạy: "Đức Phật bảo, nếu cá con hoặc trứng cá không bị thả vào nước muối, ba năm còn có thể sống sót". Dương Tự tỉnh mộng, hằng ngày mua cá con hoặc trứng cá đem thả. Lại còn viết lời thần dạy bằng chữ to dán ở các ngả đường để người khác biết mà kiêng dè. Hễ thấy người khác giết cá, bèn đem trứng cá thả trong sông. Vài hôm sau, lại mộng thấy thần nói: "Con số ức vạn đã mãn, có thể kéo dài tuổi thọ".

Ghi thêm cách thả cá con của ông Thí Ngu Sơn:

Hễ cá đã chết, bèn nhẹ nhàng gỡ lấy trứng, đừng làm tổn hoại, đừng bỏ vào nước muối, dùng rơm rạ phủ lên trên, chờ vết bọt nước hơi khô, hãy đem vùi trong chỗ bùn cát nơi mé nước để khỏi bị cá khác nuốt mất, chúng sẽ được sống sót toàn bộ, nhưng chỗ chôn trứng chẳng thể rời khỏi nước. Một cách khác là trộn với bùn khô, để cho ánh mặt trời chiếu hơi ấm bèn đem cất, từ cuối đông cho đến ba tháng mùa xuân, cất cho tới sau ngày rằm tháng tư bèn thả xuống bãi sông chỗ có nước cỏ, không khi nào chẳng sống toàn bộ. Những tháng khác thì có thể tùy lúc mà thả, hết sức thuận tiện!

Chu Dự đã có lần nấu lươn, thấy có con lươn uốn

cong mình lên trên, đầu và đuôi thì ở trong nồi canh, ấy là vì trong bụng nó có con. Do đó, ông ta kiêng giết.

Đường Văn Tông thích ăn uống. Kẻ hầu chuẩn bị ngự thiện[100], có món trứng luộc. Trong lúc đang luộc, bỗng nghe trong cái đỉnh có tiếng rì rầm cùng nhau hô Quán Thế Âm Bồ-tát, hết sức thê lương, thảm thiết. Viên giám tể[101] nghe tiếng, tâu lên vua, vua sai kiểm nghiệm thì đúng là như vậy. Vua than: "Ta chẳng biết thần lực trong đạo Phật có thể làm như thế!" Do vậy, nhà vua sắc truyền: "Từ nay đừng dùng trứng gà nữa!" Phàm "cứu khổ, cứu nạn" chính là bổn hạnh của Quán Thế Âm. Trong nồi mà còn có tiếng cùng nhau hô thánh hiệu của ngài, kẻ làm người mà lại chẳng cung kính niệm ư?

Đời Lương có kẻ dùng lòng trắng trứng hòa vào nước để gội tóc, muốn cho tóc bóng mượt dễ coi. Kẻ ấy phá trứng rất nhiều. Khi sắp chết, trong tóc chỉ nghe tiếng mấy ngàn con gà kêu chiêm chiếp!

Hồ Gia Đống nói: "Loài vật bay hay chạy giống như con người hành động. Loài vật ngủ đông giống như con người nằm ngủ. Sào huyệt của loài vật giống như nhà cửa của loài người. Thai, trứng của loài vật giống như con người thai nghén, sanh nở. Há có nên

100 Ngự thiện (禦膳): Bữa ăn, món ăn cho nhà vua.

101 Giám tể (監宰) là vị quan trông coi việc nấu nướng thức ăn cho nhà vua.

tàn hại đủ mọi cách, dứt bặt lòng từ của trời, đất, tạo hóa, trái nghịch lòng nhân "muôn vật có cùng một thể" vậy thay? Nhưng tám tình huống ấy, khắp nơi đều có, chẳng thể nhất loạt mong sao hoàn toàn chẳng có cho được! Chỉ khuyên khắp người đời, hễ có tiền, bèn lấy phóng sanh làm chuyện chánh yếu. Không có tiền thì ngoài chuyện chính mình kiêng giết, còn phải khéo léo khuyên thân thích, xóm giềng, bạn bè, khiến cho họ chẳng còn gây tạo nỗi oan nghiệt ấy nữa! Hãy làm theo cách này, ngõ hầu sẽ có rất ít hành vi sai lầm!"

Trong bài văn Phóng Sanh của Liên Trì đại sư đời Minh có đoạn: "Từng nghe thế gian coi trọng sanh mạng nhất. Điều thê thảm nhất trong thiên hạ là giết hại, tổn thương. Do vậy, động vật hễ sắp bị bắt giữ, ắt rảo chạy; rận, rệp còn biết tránh né cái chết. Trời sắp mưa, sẽ di tản, dế, kiến còn tham sống. Huống chi lưới giăng trong núi, chài quăng nơi vực, kẻ săn bắt lắm cách che giấu hòng bắt lấy. Móc câu cong, mũi tên thẳng, trăm kế vây bủa, khiến cho loài vật vỡ mật, tan hồn, mẹ con ly tán. Hoặc giam cầm trong lồng, trong cạm, giống như ở trong tù. Hoặc bị đao chặt, giống như bị lâm vào cảnh chém giết. Nai thương con, liếm vết thương mà ruột non đứt rời từng khúc[102]. Con vượn sợ

102 Theo Giới Sát Phóng Sanh Văn Đồ Thuyết, Hứa Tôn là người đời Tấn, tên tự là Kính Chi, thích săn bắn. Có một hôm ông ra đồng, bắn chết một con nai bé. Nai mẹ hết sức đau khổ, chạy đến liếm mãi vết thương, nhưng nai con đã chết. Nai mẹ bi thương, lẩn quẩn, hết liếm lại kêu não nuột. Hồi sau, nó ngã

chết, nhìn thấy bóng cây cung từ xa mà tuôn hai hàng nước mắt[103]. Cậy ta mạnh, hiếp đáp kẻ yếu, sợ rằng chẳng đúng lý! Ăn thịt kẻ khác để bồi bổ thân mình, sao lại nỡ lòng? Do vậy, trời cao rủ lòng thương xót, cổ thánh bủa lòng nhân, Thành Thang tháo lưới giăng bẫy, Tử Sản[104] đề xướng nuôi cá. Thánh thay, trưởng giả Lưu Thủy[105], dùng túi đựng nước suối giúp đỡ bọn cá đang bị khô hạn. Từ bi thay đức Thích-ca, lãnh nguy

---

lăn ra chết. Hứa Tôn kinh ngạc, mổ ra xem thấy ruột non của nai mẹ đứt từng khúc. Ông bèn cảm thán, bẻ vụn cung tên, thề không bao giờ săn bắn, rồi bỏ đi tu. Về sau Hứa Tôn được Ngô Mãnh truyền dạy Tam Thanh Pháp Yếu, bèn tu thành tiên, tức là Hứa Chân Quân trong Đạo giáo.

103 Thời Xuân Thu Chiến Quốc, có một tay thiện xạ tên là Dưỡng Do Cơ. Có lần, ông ta theo hầu Sở Vương đi săn, thấy trên cây có một con vượn già. Dưỡng Do Cơ rút cung tên ra toan ngắm bắn, con vượn biết sẽ không tránh khỏi cái chết, nó run lẩy bẩy, khóc ròng.

104 Tử Sản là tên tự của Công Tôn Kiều, sống vào thời Xuân Thu. Ông còn được gọi là Tử Mỹ, làm quan chánh khanh của nước Trịnh, nổi tiếng là người thông minh, cai trị nhân từ, có tài chỉnh đốn kỷ cương, chú trọng giáo dục, phát triển kinh tế, khiến nước Trịnh trở thành hùng mạnh dưới thời Trịnh Giản Công. Ông thường được người khác biếu tặng cá tươi, nhưng chẳng nỡ ăn, sai người hầu đem thả vào ao đào trong vườn. Ông thấy cá bơi lội thung thăng trong đó, bèn cảm thán *"đắc kỳ sở tai"* (cá được yên thân).

105 Theo kinh Kim Quang Minh, quyển bốn, phẩm Trưởng Giả Tử Lưu Thủy, thì trưởng giả Lưu Thủy có hai con là Thủy Không và Thủy Tạng. Ba cha con đi chơi trong lãnh địa của mình, bỗng thấy trong một vùng đầm trũng có một cái ao nước đã cạn khô gần hết, những con cá đang ngoi ngóp trong ấy sắp bị chết khô, hay sẽ làm mồi cho chim, thú. Trưởng giả bẻ cây che cho chúng đỡ nóng, lại sai con về triều mượn đức vua hai mươi thớt voi để chở nước suối đến cứu cá. Lại còn thả đồ ăn cho chúng được no đủ. Lại niệm Phật hiệu cho chúng nghe. Đêm ấy, mười ngàn con cá ấy đồng thời mạng chung, sanh lên trời Đao-lợi. Họ đến nhà trưởng giả chiếu hào quang sáng rực, đảnh lễ trưởng giả Lưu Thủy. Trưởng giả Lưu Thủy chính là tiền thân của Thích-ca Mâu-ni Phật.

vong giùm chim bồ câu bèn tự cắt thịt[106]. Thiên Thai Trí Giả đào ao phóng sanh. Đại Thụ tiên nhân[107] bảo vệ những con chim đậu trên thân. Chuộc những loài có vảy mà đắc độ, lòng yêu thương của Thọ thiền sư (ngài Vĩnh Minh Diên Thọ) còn đó. Do cứu rồng con mà được truyền phương thuốc, phong thái từ bi của Tôn Chân Nhân[108] chẳng mất. Cứu sống kiến, sa-di đổi đoản mạng thành trường thọ, thư sinh đổi hạng kém

106 Khi Phật Thích-ca còn tu nhân, hành Bồ-tát đạo, trông thấy một con chim ưng đuổi bắt bồ câu. Con bồ câu chạy đến núp dưới vạt áo của ngài. Chim ưng bảo Bồ-tát hãy trả lại con bồ câu vì nó đang đói. Bồ-tát bèn cắt thịt của chính mình cho chim ưng ăn, lóc thịt từ bắp tay. Chim ưng cứ đòi ăn mãi, Bồ-tát lóc thịt lộ cả xương, mà chim ưng vẫn cứ kêu đói. Nó hỏi Bồ-tát có hối hận hay không? Bồ-tát nói: "Ta hoàn toàn chẳng hối hận. Nếu lời này chẳng dối, thịt ta sẽ mọc lại như cũ". Quả nhiên thịt trên thân Bồ-tát mọc lại như cũ. Chim ưng bèn hiện lại nguyên hình là Đế Thích Thiên, đảnh lễ, tán thán lòng từ bi của Bồ-tát.

107 Trong quá khứ, có một vị tiên nhân tu Thiền Định rất sâu. Tới khi ngài xuất định, chim đã làm tổ trên đầu. Do vậy, ngài vẫn ngồi yên vì sợ kinh động chim.

108 Tôn Chân Nhân chính là Tôn Tư Mạo. Ông là một vị thầy thuốc nổi danh, Đạo giáo tin là ông đã thành tiên. Tương truyền khi chưa thành tiên, ông thấy một đứa trẻ trong thôn bắt một con rắn, đánh đập để chơi giỡn. Động lòng thương xót, ông bỏ tiền ra chuộc, dùng thuốc trị thương tích cho nó rồi thả vào rừng. Một tháng sau, trong khi đang tĩnh tọa, ông thấy một thiếu niên mặc áo xanh mời đến thủy tinh cung. Tại đó, ông thấy long vương ra nghênh tiếp, cảm tạ đã cứu con trai. Sau khi bày tiệc đãi đằng ba ngày, vua đem kỳ trân dị bảo biếu tặng khi chia tay. Tôn Chân Nhân từ chối, chỉ xin một bài thuốc. Long vương bèn tặng Ngọc Cấp Tam Thập Lục Phương (ba mươi sáu bài thuốc trong tráp ngọc). Từ đó, Tôn Chân Nhân y thuật lừng lẫy trong cõi đời.

thành đỗ bậc thượng[109]. Do thả rùa, Mao Bảo[110] gặp nguy mà thoát nạn, Khổng Du[111] chức kém mà được phong hầu. Khuất Sư thả cá chép tại Nguyên Thôn[112],

109 Đời Tống, Tống Giao và Tống Kỳ là hai anh em. Khi họ còn đang học trong trường Thái học, có một vị cao Tăng xem tướng, bảo Tống Kỳ sẽ đỗ trạng nguyên khoa này, còn Tống Giao tuy cũng đỗ, nhưng thứ hạng rất thấp. Tống Giao ra đồng chơi, thấy có tổ kiến bị gió mưa đánh vỡ, kiến chết đuối vô số; ông động lòng thương, bắc cầu trúc cho kiến bò lên chỗ ráo. Đến lúc thi cử, khi chưa yết bảng, họ gặp lại vị cao Tăng. Vị cao Tăng kinh ngạc bảo Tống Giao: "Lạ quá, tướng mạo của ông thay đổi! Nhất định là có âm đức đã cứu mấy trăm vạn sanh mạng". Nói qua nói lại, mới biết là do đã cứu đàn kiến. Vị Tăng bảo: "Tống Kỳ vẫn là trạng nguyên, nhưng do âm đức ấy, Tống Giao nhất định chẳng thua em trai mình". Hỏi nữa, vị Tăng không trả lời. Kết quả là khi duyệt kết quả thi, Chương Hiến Thái Hậu thấy Tống Giao và Tống Kỳ là anh em, Tống Kỳ được chấm đậu trạng nguyên, liền bảo: "Em chẳng thể ở trên anh được". Vì thế, do Tống Giao đỗ hạng mười, triều đình chiều theo lời Thái hậu đổi Tống Kỳ thành đậu hạng thứ mười một.

110 Theo Tấn Thư quyển sáu mươi mốt, Mao Bảo là người sống vào đời Tây Tấn. Ông đã mua lại một con rùa trắng sắp bị giết rồi nuôi lớn. Sau đó, thả đi. Trong cuộc chiến ở Châu Thành, quân ông bị chiến bại, Mao Bảo bị vây ép, phải nhảy xuống sông, trước sau gì cũng chết. Ông bỗng cảm thấy thân mình nằm trên một tảng đá, từ từ trôi ra xa, tránh được loạn tiễn, thoát nạn. Khi đến bờ, nhìn lại, thì ra tảng đá ấy là lưng con rùa trắng ông đã cứu mạng xưa kia.

111 Khổng Du làm quan chức vị rất nhỏ. Có lần ông đi qua Dư Bất Đình, thấy một con rùa đen bị người khác bắt, động lòng thương xót, bèn mua lại, đem thả xuống sông. Rùa đen nhiều lần nhô đầu nhìn Khổng Du biểu lộ ý cảm tạ, rồi mới lặn xuống. Về sau, Khổng Du được phong làm Đình Hầu của Dư Bất Đình. Ấn quan thuở ấy có khắc đầu rùa. Ấn đúc ra, viên quan trông coi việc đúc ấn lấy làm lạ vì sao đầu rùa trên ấn lại nghểnh cổ nhìn lại. Ông ta cho là ấn đúc sai, bèn phá hủy, đúc lại. Cả hai lần đều là như vậy, khuôn đúc đã đổi thành như vậy. Viên quan đúc ấn bèn kể lại cho Khổng Du nghe. Khổng Du bỗng nhớ lại chuyện cũ, mới nghĩ chức quan này nhất định là quả báo tốt lành của chuyện thả rùa khi trước.

112 Vào đời Tống, có một thôn xóm gọi là thôn Nguyên Sanh, chuyên sống bằng nghề bắt cá. Trong xóm, có một người tên là Khuất Sư, mua một cái ao cá, thả đăng đó, tát ao bắt cá. Ông ta thấy có một cặp cá chép lớn, tung mình nhảy qua tấm đăng, đã thoát ra, rồi lại nhảy vào, rồi lại nhảy ra. Đã thoát ra rồi lại

tăng thọ mười hai năm. Tùy Hầu giúp rắn ở ngoài đồng nước Tề, được báo đáp viên châu ngàn vàng. Cứu con ruồi suýt chết đuối, người thợ làm rượu được miễn án tử hình[113]. Thả con ba ba sắp bị nấu, đứa tớ gái nấu bếp bệnh ngặt được lành[114]. Chuộc mạng con vật sắp bị giết từ nhà đồ tể, Trương Đề Hình hồn siêu thăng thiên giới[115]. Đổi mạng thừa nơi ghe câu cá, Lý Cảnh

---

nhảy vào, rất nhiều lần như thế. Ông ta mò đến gần xem, thì ra trong đó có đến mấy trăm con cá chép mới nở. Cặp cá chép quẫy mình tung đó để có kẽ hở cho cá con thoát ra. Chúng va mình vào đó nhiều lần đến nỗi mình mẩy đẫm máu. Khuất Sư hết sức cảm khái, bèn tháo tấm đăng, thả hết cá con. Vài năm sau, Khuất Sư bị bệnh nặng, hồn đến cõi âm. Diêm vương phán: "Do âm đức cứu cá, tăng thọ một kỷ (mười hai năm)".

113 Có một người thợ làm rượu thấy một con ruồi sa vào vò rượu, sắp chết đuối, bèn vớt nó ra, để nơi khô ráo. Lại rải một ít tro, để làm khô bọt nước trên mình nó. Ông ta cứu rất nhiều con ruồi như vậy. Về sau, người ấy bị kẻ khác vu cáo trộm cướp, oan tình chẳng thể biện giải. Khi viên quan thẩm vấn cất bút viết án từ phán tội tử hình, bỗng ruồi đậu kín ngòi bút, đuổi không được. Bỏ bút xuống thì thôi, chứ cầm bút lên, ruồi lại bu vào, chẳng có cách nào viết bản án. Phán quan cho là ắt có oan tình, bèn xin thượng quan cho phép tái thẩm, mới biết người ấy bị vu cáo, bèn xóa án.

114 Có một bà chủ sai đứa tớ gái chuyên nấu nướng trong bếp làm thịt một con ba ba để nấu canh bổ huyết. Nhận biết chính mình đã ra tay giết hại quá nhiều, cô tớ gái cảm thấy áy náy, bèn lén thả con ba ba đi, cam chịu chủ nhân nổi cáu, đánh đập tàn nhẫn. Về sau, vùng ấy bị bệnh dịch nặng, cô tớ ấy bị nhiễm bệnh, sốt cao, sắp chết. Chủ nhân sợ cô ta chết trong nhà, sai gia nhân vứt cô ta ra cạnh ao nước ngoài nhà. Cô ta nằm thoi thóp tại đó, đến nửa đêm, có một con ba ba từ dưới ao bò lên, mình mẩy lấm lem bùn đất, bò chung quanh, trát bùn khắp thân cô ta. Cơn sốt bèn hạ. Sáng hôm sau, bệnh dịch khỏi hẳn.

115 Có một người họ Trương giữ chức Đề hình, đi ngang qua nhà một gã đồ tể, bèn dùng tiền mua lại con vật sắp bị giết, đem thả. Khi lâm chung, ông ta bảo người nhà: "Ta do phóng sanh, tích đức sâu dày, nay thiên cung đến nghênh tiếp, ta sẽ sanh lên trời".

Văn giải độc bằng đan sa[116]. Tôn Lương Tự giải trừ mối nguy do bị chằng buộc trong bẫy rập, cho nên được loài chim tìm giùm đất an táng tốt đẹp[117]. Huyện lệnh họ Phan lập lệnh cấm giăng lưới bắt cá trên sông hồ, lúc bị đổi đi trấn nhậm nơi khác, thủy tộc khóc gào đau xót[118]. Cụ Đạo Tín cứu con vật sắp bị giết bởi ngu dân để cúng tế, điềm lành ứng hiện, trời tuôn mưa ngọt[119]. Ngài Tào Khê (Huệ Năng) giữ lưới thợ săn, đạo thống vượt trỗi Thần Châu (Trung Hoa). Chim sẻ được giải cứu, bèn ngậm vòng đến báo ân. Cáo có thể vào giếng truyền trao đạo thuật[120]. Cho đến trường hợp thân tàn

116 Lý Cảnh Văn tánh rất từ bi, trông thấy ghe bắt cá bắt được rất nhiều cá, bèn vét hết tiền mua lại đem phóng sanh. Do lòng từ bi ấy, hễ ông gặp cảnh hiểm nạn như bệnh ngặt, hoặc tai nạn bất kỳ đều được thoát khỏi. Đan sa là oxide thủy ngân, thường được dùng làm thuốc với tên gọi là Châu Sa.

117 Nguyên văn là "bốc táng" (卜葬), tức là xem phong thủy, địa lý để tìm huyệt an táng tốt. Tôn Lương Tự nhà nghèo, thường cứu vớt loài chim bị mắc bẫy. Về sau, ông ta chết, do con cháu quá nghèo, không có tiền mai táng, đem vùi tạm ngoài đồng. Bỗng có mấy ngàn con chim bay tới, mỏ ngậm bùn đất, phủ lên thân Lương Tự, chẳng đầy một ngày, đã trở thành một nấm mộ to.

118 Phan Hoa làm huyện lệnh huyện Chư Ky (thuộc tỉnh Chiết Giang), là một Phật tử thuần thành. Khi trấn nhậm huyện ấy, ông ra lệnh cả huyện không được đánh bắt cá trên sông, hồ. Khi ông sắp rời nhiệm sở, trong sông, hồ cả huyện bỗng phát ra âm thanh than khóc ầm ĩ một hồi lâu, giống như tiếng con cái bị mất cha mẹ vậy.

119 Đạo Tín ở đây chính là đệ tứ tổ của Thiền tông Trung Hoa. Trong thời ngài, có lần nơi ngài ở bị hạn hán rất nặng, đói kém dữ dội. Dân chúng hoảng sợ, bàn nhau mua các con vật tính đem giết để tế thần cầu mưa. Tổ bảo họ phải làm phước, đừng tạo nghiệp, khuyên họ hãy tha cho các con vật ấy, ngài sẽ đích thân đứng ra cầu mưa. Tổ bèn triệu tập tăng chúng lập hương án đơn sơ, thanh khiết, tụng kinh Lăng-già và Bát-nhã. Quả nhiên một tuần sau, mưa tuôn như trút.

120 Theo Phóng Sanh Văn Đồ Thuyết, xưa kia có một gã đạo sĩ tâm thuật bất chánh, không lo tu hành, chỉ lo trí trá, dối gạt kiếm lợi. Hắn nghe nói ăn củ

được sống, bám trên vách trắng để nghe kinh; cầu được sống ở nơi hoạn nạn, hiện thân hoàng y báo mộng[121]. Hễ thí đều có báo ứng, chẳng phải là chuyện không có bằng chứng, những chuyện ấy được chép trong sách vở, rạng ngời tai mắt. Xin nguyện khắp mọi người, hễ thấy những con vật, hãy phát tâm từ bi, bỏ ra tiền tài chẳng kiên cố[122], để làm chuyện thuận lợi, hoặc là tạo

hoàng tinh sẽ có thể trường thọ, bèn bỏ thật nhiều hoàng tinh xuống một cái giếng cạn, lừa gạt dụ dỗ để đẩy một người xuống đó, rồi dùng nắp đá đậy kín giếng. Người ấy biết là bị lừa, hết sức hoảng hốt, không biết làm sao. Bỗng có một con cáo xuất hiện, nói nó là hồ tiên, do từng được người ấy cứu mạng trước kia, nay để báo ân, nó sẽ truyền tiên thuật phi thăng. Người ấy nghe theo, tu tập. Sau bốn tuần, quả nhiên người ấy phi thăng, bay thoát khỏi giếng. Gã đạo sĩ mừng quá, mang hoàng tinh vào giếng, dặn người nhà đậy lại thật chặt. Nửa tháng sau, mở ra coi, họ thấy xác gã teo đét vì chết đói!

121 Xưa kia có một vị tăng thấy có người bắt mấy con rết, dùng tre căng uốn thân chúng cong vòng lại như đồ trang sức. Vị xuất gia bèn xin mua hết, đem phóng sanh. Chúng đã chết gần hết, chỉ còn một con sống sót. Về sau, vị xuất gia ấy đang tĩnh tọa cùng với một vị sư khác ở chùa, trên vách vôi trắng, bỗng có con rết bò ra. Sư dùng khối gỗ gõ vào tường đuổi nó đi, nhưng nó vẫn không đi. Cuối cùng, sư nhớ ra hỏi: "Có phải ngươi là con rết đã được thả, muốn đến cảm tạ đó chăng? Nếu phải, hãy nghe ta thuyết pháp: Lắng nghe! Hết thảy hữu tình chỉ do tâm tạo. Nếu tâm tàn ác, sẽ thành hổ lang. Nếu tâm độc địa, sẽ thành độc trùng. Ngươi trừ hết độc, sẽ thoát thân này". Con rết nghe xong, gục gặc đầu, bò đi.

Vào năm Vạn Lịch thứ chín đời Minh Thần Tông, tại Hàng Châu có một người họ Vu. Một hôm, người hàng xóm của người họ Vu bị cướp. Họ Vu có một đứa con gái đã gả chồng. Cô ta nghe tin bèn vội về thăm nhà, tiện tay xách theo mười con lươn để làm lễ vật. Họ Vu đem chúng thả hết vào trong lu nước sau nhà, rồi quên khuấy. Có một hôm, bà Vu mộng thấy mười người mặc áo vàng, đội mũ chóp nhọn, quỳ gối, buồn bã, thống thiết van xin cứu mạng. Tỉnh giấc, bà đi coi bói, thầy bói nói: "Ắt là trong nhà bà có sanh mạng nào xin được phóng sanh". Trở về, bà tìm khắp trong nhà, chỉ thấy trong lu có đúng mười con lươn bụng vàng, chắc là bọn người mặc áo vàng xin cứu mạng trong mộng, bèn đem chúng thả hết trong sông.

122 Trong bản chú giải của Phóng Sanh Văn, có giải thích: Nói tiền tài không

ân giúp đỡ nhiều mạng, tích lũy âm công to tát. Nếu ban ơn cho một con trùng, có lẽ nào cũng chẳng phải là một việc thiện ư? Nếu tháng ngày tích lũy tăng dần, thực hiện rộng rãi, phước sẽ cao vòi vọi, lòng từ đầy ắp nhân gian, tiếng thông thấu cõi trời, dẹp sạch làu oán chướng, nhiều phước đức sẽ tụ tập trong kiếp này, vun bồi, chất chứa thiện căn, những điều may mắn lan sang đời khác! Nếu lại còn giúp những con vật mắc nạn ấy xưng niệm Phật hiệu và tụng kinh văn, vì chúng hồi hướng Tây Phương, khiến cho chúng được vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo. Ôm tấm lòng càng to, gieo bồi đức càng sâu. Đạo nghiệp nhờ đó mà chóng thành, sẽ sanh về phẩm vị thù thắng nơi đài sen!"

Nguyện nhân hữu thất, hủy nhân thành công.

願人有失 。毀人成功 。

Mong cho người khác phạm sai lầm, hủy hoại sự thành công của người khác.

Người khác phạm sai lầm hay thất bại, đó là điều bất hạnh. Chẳng xót thương mà còn ngược ngạo mong cho họ gặp phải, đấy chính là vui sướng khi người khác mắc họa! Những kẻ đã coi tai họa là chuyện đáng vui thích, há tai họa không theo sát họ ư? Như vậy là

---

kiên cố là vì nó sẽ bị nước nhấn chìm, hoặc lửa đốt rụi, bị cướp bóc hay mất mát vì chiến tranh, bị trộm cướp tước đoạt, bị con cháu không ra gì phung phí tan nát, bị quan lại, vua chúa tịch thu.

sự thất bại chẳng giáng xuống người khác, mà đâm ra rơi vào chính mình! Người dẫu chí ngu, cũng sẽ chẳng làm như thế!

Lý Sĩ Hành vâng lệnh đi sứ Cao Ly, Du Anh làm phó, những tiền bạc, vải vóc thu được, Sĩ Hành đều giao cho Du Anh. Du Anh sợ tiền bạc, vải vóc của chính mình do vượt biển sẽ bị ướt, đem hết những đồ vật của Sĩ Hành để dưới đáy thuyền, đem đồ vật của chính mình phủ lên trên. Chẳng ngờ gặp gió to, thủy thủ xin quăng bớt những vật chở theo. Trong lúc bối rối, họ tiện tay nắm được vật gì bèn quăng vật đó. Đến khi gió lặng, kiểm điểm những vật đã ném đi thì toàn là đồ của Du Anh! Những đồ vật của Sĩ Hành đều ở đáy thuyền, chẳng mất một vật nào! Có ý niệm riêng tư giống như vậy, kẻ nào chẳng có? Đều là do chẳng thể bình đẳng vậy! Kinh Niết-bàn dạy: "Các người tu hành hãy nên lấy sáu pháp trí lực bình đẳng để thâu nhiếp, chế ngự tự tâm ắt phải sao cho trong lúc vận dụng bèn bình đẳng đối với hết thảy". Thiệu Khang Tiết có thơ rằng:

Mỗi nhật thanh thần nhất chú hương,
Tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương,
Đản cầu xứ xứ điền hòa thục,
Duy nguyện nhân nhân thọ mạng trường.
Quốc hữu hiền thần an xã tắc,
Gia vô nghịch tử não gia nương,

Tứ phương ninh tĩnh can qua tức,
Ngã nhược bần thời dã bất phương.

(*Mỗi sáng ta đều thắp nén hương,*
Tạ trời, tạ đất, tạ quân vương,
Chỉ mong khắp chốn mùa màng tốt,
Chỉ nguyện người người thảy mạng trường.
Nước có hiền thần yên xã tắc,
Nhà không nghịch tử, mẹ cha vui,
Bốn phương yên ổn, không chinh chiến,
Ta dẫu nghèo hèn, quản ngại chi.)

Do vậy biết tâm của tam giáo đều bình đẳng. Lũ chúng ta phải nên có tâm lượng ấy, khắc chế tư dục, đối trị cái tâm. Chớ vì niệm nào cũng nghĩ đến lẽ riêng tư mà tạo ác tầng tầng!

"Hủy" (毀) có hai nghĩa, một là hủy hoại, hai là hủy trấm (毀譖, vu vạ, miệt thị, phỉ báng). Kẻ muốn lập công, bất luận lớn, bé, ai nấy đều dốc sức mong đạt thành công, nhưng ta ắt ngăn trở, hủy hoại, tâm thuật đúng là như rắn, rết!

Đời Tống, ông Chân Tây Sơn[123] nói: "Nếu ai nghe

123 Chân Tây Sơn tên thật là Chân Đức Tú (1178-1235), tự là Cảnh Nguyên, hiệu Tây Sơn, thụy hiệu Văn Trung, là người xứ Phổ Thành, tỉnh Phước Kiến. Ông là một vị quan nổi danh thời Nam Tống, thuộc trường phái Lý học của Chu Hy. Ông thông minh, học rộng, sách đọc qua một lượt đã ghi nhớ, nắm được điều cốt yếu. Ông từng được bổ làm Thái học Bác sĩ, chuyên giảng sách

một điều thiện của kẻ khác, hãy nên khen ngợi, phụ họa. Nghe các điều ác, ắt dốc sức che giấu, khiến cho kẻ ấy thành công, có như vậy thì mới chẳng đến nỗi sai sót về mặt đức hạnh". Cổ nhân có tấm lòng như thế, huống gì đối với người đã thành công mà còn hủy báng ư?

Đời Minh, Tăng Tiễn là Tổng Đốc Tam Biên[124] muốn chiếm lại vùng Hà Sáo. Nghiêm Tung[125] đố kỵ sự thành

---

cho vua nghe. Về sau, do mâu thuẫn với Sử Di Niên, bị hắn gièm siểm, đổi đi làm An phủ sứ Hồ Nam kiêm Tri phủ Đàm Châu. Đến thời Tống Lý Tông, ông được triệu về kinh giữ chức Trung thư xá nhân, rồi thăng làm Lễ bộ Thị lang. Không chịu nổi sự chuyên quyền của Sử Di Viễn, ông lại từ quan. Sau khi Sử Di Niên thất thế, ông lại được vời ra làm quan, lần lượt làm Hộ bộ Thượng thư, Hàn lâm học sĩ tri cáo chế, Tham tri chánh sự. Khi ông trông coi Tuyền Châu, vùng này bị hạn hán lớn, nghe lời khuyên của thuộc hạ, ông đến cầu mưa tại miếu thờ Thanh Thủy Tổ Sư, quả nhiên mưa to. Do miếu thờ của vị thần ấy đã có biển đề chữ Chân Nhân, ông cho hạ xuống, sửa thành Chân Chân Nhân (vị Chân Nhân thật sự) nhằm cảm tạ thần ân. Ngoài những tác phẩm Tây Sơn Giáp Ất Cảo, Đại Học Diễn Nghĩa, Tây Sơn Tiên Sinh Chân Văn Trung Công Văn Tập, rất nhiều tác phẩm thi từ của ông được người đương thời đánh giá rất cao.

124 Tam biên (三邊) là ba tỉnh thuộc vùng biên cương của Trung Hoa, tức là Thiểm Tây, Cam Túc và Ninh Hạ.

125 Nghiêm Tung là một gã gian thần cùng hung cực ác thời Minh Thế Tông (Gia Tĩnh) nhà Minh. Minh Thế Tông mê man Đạo giáo, chuyên lo tu tiên để cầu trường sanh, không màng đến chánh sự. Việc triều chánh phó mặc cho bọn quyền thần lo liệu. Lúc bấy giờ, Lễ bộ Thượng thư Hạ Ngôn được vua tin cậy, Nghiêm Tung bèn ve vãn nịnh bợ Hạ Ngôn. Có lần Nghiêm Tung (lúc đó đang làm Lại bộ Tả thị lang) mở tiệc mời Hạ Ngôn. Hạ Ngôn từ chối không đến, thế là Nghiêm Tung chạy đến trước cửa nhà Hạ Ngôn, thắt chặt vạt áo, quỳ mọp trước cửa khẩn khoản thỉnh cầu. Hạ Ngôn không tiện từ chối, phải đến dự. Từ đó, Hạ Ngôn coi Nghiêm Tung như tri kỷ, hết sức nâng đỡ Nghiêm Tung. Do hắn khéo ve vãn, đón ý vua, dần dần vua rất mực tin dùng Nghiêm Tung. Do Hạ Ngôn tánh tình tự cao, nhà vua dần dần không ưa Hạ Ngôn. Nghiêm Tung được thăng làm Thái tử Thái phó, thừa cơ nhiều lượt sàm tấu khiến vua nghi kỵ, bãi chức Hạ Ngôn. Về sau, vua lại gọi Hạ Ngôn ra làm quan. Nghiêm Tung vẫn

công của ông, ngược ngạo gièm siểm Tăng Tiễn và Hạ Ngôn tự tiện gây hấn nơi vùng biên cảnh, khiến cho họ đều bị giết tại chợ Tây thành Bắc Kinh. Về sau, Nghiêm Tung chết, con trai hắn là Thế Phiên bị chặt đầu.

Đời Tống, Tuyên Kỳ Anh tánh hiểm độc. Hàng xóm xây nhà sắp xong, gã họ Tuyên đố kỵ, đến đêm bèn qua chặt chân cột. Bỗng kèo nhà rơi xuống đè chết hắn. Than ôi! Hủy người khác là tự hủy đó thôi! Người thời nay đối với mỗi chuyện, mỗi vật, hoặc là cho đến giao dịch, vay mượn v.v… thường nói cho sướng mồm, hủy hoại sự thành công của người khác, là cái tâm như thế nào vậy? Ta biết những kẻ như thế ấy chỉ tự hủy chính mình mà thôi! Phàm là những người lương dân hãy nên răn nhắc lẫn nhau!

---

ngấm ngầm tìm cách làm hại. Năm 1554, quân Thát Đát chiếm vùng Hà Sáo, Tổng Đốc tỉnh Thiểm Tây là Tăng Tiễn phát binh chiếm lại Hà Sáo, dâng sớ xin tái thiết vùng này, tái lập trị an, phát triển thủy lợi. Những biện pháp ấy được Hạ Ngôn tán thành. Nghiêm Tung lập tức cấu kết với biên tướng Cừu Loan vu cáo Tăng Tiễn thất bại mà báo công giả, vu cáo Hạ Ngôn lợi dụng quyền chức kiếm lợi. Tăng Tiễn bị giết, Hạ Ngôn bị tù rồi bị xử tử. Nghiêm Tung độc quyền thao túng triều chánh, trở thành Nội Các Thủ Phụ (Tể tướng), cùng với con trai là Nghiêm Thế Phiên khuynh đảo nhà Minh suốt hai mươi hai năm. Về sau, có một tay đạo sĩ trứ danh là Lam Đạo Hành giỏi cầu cơ, vua rất tin cậy. Một hôm, đang lúc cầu cơ, Lam Đạo Hành nói: "Ngày nay có gian thần phụng sự", nhằm đúng lúc Nghiêm Tung vừa đi qua. Vua âm thầm lập kế tước đoạt vây cánh của hắn, xử tử Nghiêm Thế Phiên, tịch biên gia sản của cha con họ Nghiêm, và đuổi Nghiêm Tung về quê. Trắng tay, không ai chứa chấp, Nghiêm Tung phải ẩn náu nơi gò mả, lượm lặt đồ cúng thừa để sống qua ngày. Hai năm sau, hắn bị bệnh chết, không ai ngó ngàng. Khi chết, hắn không có quan tài để chôn!

Nguy nhân tự an, giảm nhân tự ích.

危人自安。減人自益。

Khiến cho người khác lâm nguy để chính mình an ổn. Giảm trừ lợi ích của người khác để chính mình được lợi.

Ngàn kinh vạn điển chỉ luận định một chữ tâm. Nay cùng kẻ khác ở trong cảnh họa hoạn, rốt cuộc muốn cho kẻ khác đương đầu nguy hiểm, còn ta được yên thân ư? Trước hết là đã chôn vùi bản tâm vậy!

Ông Vu Thiết Tiều nói: "Bỏ nguy, tìm an" là lẽ thường tình, nhưng trời ghét thói ấy, vì sao? Chẳng phải là ghét kẻ tự tìm cách an thân, mà là ghét kẻ khiến cho người khác gặp nguy hiểm. Đối với những tình cảnh phải trải qua trong đời người, có ai mà chẳng biết phán đoán là an hay nguy? Nếu chỉ biết an ổn cho riêng mình, chẳng đoái hoài kẻ khác gặp nguy hiểm, ý niệm giết chóc đã ẩn sẵn trong ấy sẽ có thể là không gì chẳng làm! Nếu mưu kế ấy (mưu kế đùn đẩy người khác hứng chịu hiểm nguy) thực hiện được, ắt kẻ quỷ quyệt sẽ đều gối cao yên giấc không áy náy, mà kẻ thật thà sẽ chẳng có đường nào sống sót được, há có phải là tấm lòng của trời đất hay chăng? Huống hồ, lẽ an nguy như chiếc vòng luôn xoay chuyển, rốt cuộc chẳng để cho kẻ ôm lòng riêng tư mà hòng hiểu biết xuyên suốt được. Vì thế, có khi chỗ hướng đến hòng tránh hiểm nguy lại đâm ra là nơi hiểm địa, còn chỗ mong né tránh đâm ra lại là chỗ bằng phẳng. Nếu bình tâm nơi sự lợi

hại giữa ta và người, đến bất cứ nơi đâu mà chẳng phải là vững vàng như đi trên tảng đá ư?

Đời Tống, Lý Tự được phái về trông coi Vĩnh An quân[126]. Khi ấy, bọn cướp to lớn mới dấy lên, hắn sợ mắc họa, bèn quỷ quyệt tiến cử người bạn là Phạm Hình thay thế. Do vậy, Phạm Hình cai quản Vĩnh An, Lý Tự được rời khỏi chức ấy. Về sau, cả nhà Phạm Hình bị bọn cướp làm hại. Không lâu sau, Lý Tự được điều về trông coi Lâm An, trên đường gặp cướp cũng chết cả nhà. Than ôi! Thấy người khác gặp nguy, bậc quân tử còn nghĩ cách cứu giúp, há nên nhẫn tâm để người khác gặp nguy hiểm hòng ta được an ổn ư? Đấy là hành vi của phường khắc bạc, tiểu nhân, mắc họa to nhất!

Trong thiên hạ, chỉ tạo lợi ích cho người khác thì chính mình mới có thể đạt được lợi ích. Nếu chẳng có ích cho người khác, chỉ kiếm lợi ích cho riêng mình còn chẳng phải là lợi ích thật sự, huống hồ kẻ giảm tổn người khác! Đó gọi là "chỉ cốt sao ta giàu có mà chẳng màng kẻ khác nghèo nàn".

Ông Vu Thiết Tiều nói: "Người thời nay đối với những chuyện tiền bạc, vải vóc, ruộng nương, nhà cửa v.v… thường làm như thế, há có biết đấy chính là đã riêng vay nợ mà chẳng viết bằng khoán. Tiền lời sẽ

126 Quân (軍) là một đơn vị hành chánh đời Tống. Nhà Tống chia cả nước thành mười tám lộ. Mỗi lộ lại chia thành châu, phủ, quân và giám.

ngày càng tăng, sẽ có ngày đến hạn kỳ phải trả nợ, có gì đáng gọi là lợi ích hay chăng?"

Đầu niên hiệu Sùng Trinh đời Minh, có hai người là Giáp và Ất chơi thân với nhau. Gặp khoa thi võ, do mỗi nơi chỉ có thể tiến cử một *võ cử nhân*, Giáp bèn nhờ cậy huyện lệnh, Ất trông cậy quan Tư Lý. [Theo quy định, khi được tuyển, ứng viên] phải biếu xén tạ ơn mỗi chỗ năm mươi lạng. Giáp suy đoán: "Danh vọng của huyện lệnh khá nhẹ, ắt việc chẳng thành; quan Tư Lý danh vọng cao trọng, chuyện ắt thành". Do vậy, hắn muốn bóc rỉa Ất để làm lợi cho mình, lập kế bảo Ất: "Hai người bọn ta đồng tâm, đáng nên đồng cam cộng khổ. Nếu quan trên chỉ tuyển lấy một người trong hai đứa mình, chớ luận ta hay ngươi được tuyển, đều phải chia đôi phần lễ biếu tạ quan của người không được tuyển". Ất đồng ý. Tới khi yết bảng, người nhờ cậy quan Tư Lý không được tuyển, còn người cậy quan huyện được chọn. Do món tiền dành để biếu xén đều ở chỗ Ất, Giáp chẳng thể nuốt lời, chỉ đành uất nghẹn mà thôi! Giáp muốn lợi mình, đâm ra làm lợi cho Ất[127]. Từ chỗ này suy ra, phàm quan lại muốn bóc lột dân, nhà giàu bóc lột lợi tức từ người nghèo, cứ mong căng đẫy túi mình, chẳng có kẻ nào đâm ra không bị tổn hại!

127 Vì Giáp nghĩ mình sẽ không được tuyển mà vẫn phải biếu quan huyện năm mươi lượng, hắn muốn bắt Ất phải bù một nửa, nên nói là "chia đều". Nào ngờ Giáp được tuyển, cho nên ngoài số tiền biếu quan huyện năm mươi lượng, hắn phải bù thêm cho Ất hai mươi lăm lượng để biếu quan Tư Lý.

Dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công.

以恶易好。以私廢公。

Dùng thứ xấu thay cho đồ tốt [trong khi giao dịch]. Vì lòng riêng tư mà phế trừ lẽ công.

"Lấy thứ xấu thay cho đồ tốt": Như dùng sắt thay cho vàng, dùng đá thay cho ngọc, lấy vải thay cho lượt là v.v… Chuyện ấy chẳng đáng cho người thông đạt nhìn vào cười xòa một tiếng, nhưng cái tâm ấy đã gần với cái tâm trộm cắp vậy. Tứ Tổ nói: "Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu từ tâm khởi". Nếu cái tâm chẳng cưỡng chia danh tự (tức là tâm có phân biệt), vọng tình khởi từ chỗ nào? Pháp sư Nguyên Hiểu từ Đông Hải (Đại Hàn) đến đất Đường (Trung Hoa) tìm thầy xin học đạo, ban đêm ngủ nơi mộ hoang. Do khát, muốn uống nước. Sư trông thấy cạnh chỗ ngồi có một dòng nước trong, vốc uống, thấy vị nước rất ngọt. Tới sáng, nhìn lại thì ra là nước chảy từ tử thi vừa chết! Khi ấy, sư ghê tởm ói ra, bèn hoát nhiên đại ngộ, nói: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tốt hay xấu là do mình, liên quan gì đến nước!"

Đời Tống, ông Tô Đông Pha cất giữ, nâng niu một viên ngọc đẹp. Có gã Chương Trì[128] đòi xem, ngầm lấy

128 Chương Trì là con trai thứ hai của Chương Đôn. Chương Đôn là một nhân vật từng nắm quyền Tể tướng thời Tô Đông Pha. Ông ta học rộng, giỏi văn chương, tận lực chủ trương cải cách, nhưng không hợp ý Vương An Thạch. Do đối nghịch với Tư Mã Quang, ông ta tranh cãi với Tuyên Nhân Thái Hậu không nể nang, nên bị đày đi làm Tri phủ Nhữ Châu. Dưới thời Tống Triết Tông, ông ta lại được vua trọng dụng, trở thành Tể tướng, cực lực triệt hạ những người

đá Yên Sơn tráo vào. Đông Pha chẳng biết, khi bị điều tới Hoàng Châu, mở ra xem mới biết là Chương Trì đã đánh tráo, chỉ đành cười khan. Không lâu sau, Chương Trì bị lưu đày chết ở Thai Châu, chẳng biết mỹ ngọc lại về tay ai?

"Tư" (私) là nói theo tâm tình, Công là nói theo Lý. Do sự mừng giận, ân oán trong ý riêng mà phế trừ lẽ đúng sai theo công đạo. Trên là chẳng thể phân biệt trung, nịnh, ắt triều đình mắc họa chia bè kết đảng. Dưới là tà chánh chẳng thẩm định, ắt trong vòng bạn bè, làng nước sẽ có mối trở ngại kéo bè kết cánh công kích những kẻ khác ý ta! Nặng hơn nữa là do yêu ghét chẳng thích đáng, ắt người cùng một nhà như cha với con, cốt nhục chí thân cũng trở thành một lũ oán hận nhau! Thói tệ trong vòng tình cảm giữa con người với nhau, không gì quá đáng hơn chuyện này! Bất luận hiền ngu, sang hèn, ai ấy đều mắc phải căn bệnh này, chỉ là nghiêm trọng hay không mà thôi! Người biết thói tệ này, hãy suy xét lý để tiêu trừ tánh thiên chấp, lắng lòng để hóa giải thành kiến trong tâm. Đó là người có đại học vấn, có đại bản lãnh vậy.

Đời Tống, Triệu Biện và Phạm Trấn do bàn luận sự việc trong triều chánh mà có hiềm khích. Tới khi Vương An Thạch làm Tể tướng, oán hận Phạm Trấn

---

chống đối. Tô Đông Pha bị đày đi Hoàng Châu là do lệnh của Chương Đôn.

trong quá khứ đã tâu trình những lời lẽ công kích hắn, thừa dịp vua hỏi ý kiến của hắn về Phạm Trấn, bèn tâu: "Triệu Biện biết rõ người này!" Vua hỏi Triệu Biện, Triệu Biện thưa: "Phạm Trấn là bậc trung thần!" Vua hỏi: "Vì sao biết là trung?" Triệu Biện tâu: "Khi Nhân Tông bị bệnh, Phạm Trấn là người đầu tiên xin sách lập Hoàng thái tử để yên định xã tắc, đã dâng sớ mười chín lượt đợi mạng lệnh trong suốt một trăm ngày, râu tóc đều bạc phơ. Chẳng phải là trung thần thì là gì?" Khi đã lui ra, Vương An Thạch trách: "Chẳng phải là ông với hắn có hiềm khích hay sao?" Triệu Biện đáp: "Há dám vì hiềm khích riêng mà phế trừ công đạo!"

Huyện lệnh Lạc Dương là Khổng Dực đốt lửa trước sân, hễ có thư từ nào nhờ cậy đều vứt vào lửa, nói: "Quan huyện gần dân nhất. Trên con đường làm quan có khá nhiều kẻ nhờ vả, cứ làm theo, ắt dân sẽ bị hại. Chẳng làm theo, không tránh khỏi chuốc lấy oán cừu. Chỉ có cách là thư gởi tới không mở, ném ngay vào lửa. Ắt là nơi ta chẳng biết là chuyện như thế nào? Mà nơi họ cũng chẳng thấy ta ngỗ nghịch. Đúng hay sai là do dân, phán xử công bằng đúng pháp! Sao đến nỗi vì riêng tư mà phế trừ công đạo ư?" Về sau, một đứa con của ông mười chín tuổi đã đỗ tiến sĩ.

Ngưỡng Tư Trung tinh thông thuật địa lý. Có lần vì một vị quan chức hiển đạt mà chọn được cuộc đất

rất tốt, ông vừa mới điểm huyệt[129] bỗng trời đổ mưa rào, bèn xuống núi. Ban đêm, ông Ngưỡng nằm mộng thấy thần bảo: "Đừng cho hắn cuộc đất này. Hắn làm khảo quan (quan giám khảo trong trường thi), đã ăn của đút để chấm đậu ba sĩ tử, sẽ mắc họa nơi cõi âm. Ông cho hắn cuộc đất này, sợ rằng trái nghịch ý trời". Ông Ngưỡng tỉnh giấc, bèn mượn cớ quay về. Chẳng lâu sau, do tranh chấp cuộc đất tốt, gã quan chức ấy bị dính vào kiện tụng, chưa chôn tổ phụ vào cuộc đất tốt nào cả mà nhà cửa đã nghèo nàn, suy sụp!

Thiết nhân chi năng, tế nhân chi thiện.

竊人之能。蔽人之善。

Trộm cắp tài năng của kẻ khác. Che lấp điều lành của người khác.

"Thiết" (竊, trộm cắp) có nghĩa là chẳng phải là chính mình có mà lấy làm của riêng mình. Như trộm văn của kẻ khác mà coi như chính mình soạn ra; trộm mưu của người ta mà coi như do chính mình hoạch định; cướp công của kẻ khác mà coi như chính mình hoàn thành, trộm cắp những lời dạy bảo của thầy coi như kiến thức của chính mình, đều là những chuyện

129 "Điểm huyệt" ở đây là một thuật ngữ trong địa lý. Sau khi xác định một cuộc đất có thể có huyệt mộ tốt, người xem phong thủy sẽ xét xem long mạch vượng hay suy như thế nào bằng cách cắm kim và ghim những cành cây tươi xuống đó để phân định phương vị. Đến hôm sau, sẽ xem xét mức độ tươi héo của những nhánh cây để đoán định khí của long mạch.

lừa mình dối người, ắt sẽ bị quở phạt.

Đời Chu, Lương Sơn bị lở, vua Tấn (Tấn Cảnh Công) cho vời đại phu Bá Tông. Trên đường vào gặp vua nước Tấn, Bá Tông gặp một người phu đẩy xe, hỏi: "Ngươi có nghe tin gì hay không?" Thưa: "Lương Sơn bị lở, khiến cho nước sông bị nghẽn không chảy được, nhà vua cho vời đại phu Bá Tông vào cung thương lượng". Bá Tông hỏi: "Nên làm như thế nào?" Thưa: "Vua hãy dẫn quần thần đến chỗ núi lở mà khóc lóc, coi như là đã tế bái, nước sông sẽ chảy xuôi được". Bá Tông đem lời ấy tâu với vua, vua thật sự làm theo, nước sông chảy trở lại. Vua Tấn hỏi Bá Tông: "Vì sao ngươi biết?" Bá Tông thưa: "Thần tự biết". Khổng Tử nghe chuyện bảo: "Bá Tông sẽ không có người nối dõi vì đã cướp công của người khác". Về sau, Bá Tông quả nhiên mắc hại, mất hẳn chức khanh đại phu. Hễ ăn trộm một lời của kẻ khác, còn bị quở phạt như thế, như vậy thì cũng có thể biết tội ác lớn hơn sẽ có quả báo như thế nào!

"Tế" (蔽) là che, khiến cho chẳng tỏ lộ. Kinh Phật dạy: "Một chữ thiện có thể thành tựu hết thảy các hạnh nguyện của người thế gian mạnh nhất". Vì thế, đối với người có một lời nói, một hành vi tốt lành, hãy nên biểu dương, chỉ sợ ngôn hạnh tốt đẹp ấy chẳng được tỏa rạng. Làm như thế, không chỉ là tạo thành tiếng thơm cho người ấy, mà còn có thể khơi gợi thiện niệm

của người khác. Những người lan truyền lời khuyên ấy sẽ dấy khởi thật nhiều người khác làm theo, đấy cũng là chuyện đáng vui mừng. Hiềm rằng điều thiện ấy bị che lấp! Kẻ che lấp ắt trong tâm chẳng có mảy may yêu thích điều thiện, lại còn mang ý niệm ganh ghét. Vì thế, chẳng muốn hiển lộ điều tốt lành của người khác, kẻo điều ác của chính mình bị phô bày. Đấy chính là kẻ bất tường trong thiên hạ vậy!

Đời Tấn, Trần Thọ soạn bộ Tam Quốc Chí, bảo Đinh Lương Châu rằng: "Nếu ông cho tôi vay một ngàn hộc gạo, tôi sẽ viết tiểu sử đẹp đẽ về cha của ông". Lương Châu chẳng đáp ứng lời xin của ông ta, Trần Thọ bèn chẳng viết về cha của Lương Châu. Bộ sử hoàn thành, mọi người đều chê trách Trần Thọ có lòng riêng tư. Về sau, Trần Thọ mắc hại.

Có hai người học trò ở Giang Âm tu chỉnh huyện chí. Bỗng thấy trong bản huyện chí cũ có ghi chuyện hai tiết phụ (người đàn bà trinh tiết), cho là tầm thường, chẳng lạ lùng gì, bèn gạt bỏ. Đạo sĩ ở miếu Thành Hoàng ban đêm nghe tiếng hai người đàn bà khóc lóc, tố cáo: "Bọn thiếp suốt đời khắc khổ giữ tiết hạnh, chết rồi được chép tiểu sử trong huyện chí. Nay vô cớ bị người ta gạt bỏ". Thần bảo: "Hai gã học trò ấy lẽ ra sẽ đỗ hoàng giáp[130], do đã che lấp sự tiết nghĩa của người

130 Hoàng giáp là đỗ tiến sĩ cập đệ.

khác nên sẽ bị tước bỏ lộc ấy". Hai người đàn bà khóc lóc bái tạ đi ra. Hai người học trò nghe chuyện, bài xích là đạo sĩ nói dối. Năm sau, quả nhiên do kết quả thi cử quá kém, bị cắt bỏ trợ cấp dành cho lẫm sanh, đều cùng phẫn uất mà chết.

Hình nhân chi xú, kiết nhân chi tư.

形人之醜。訐人之私。

Phô bày những điều xấu của người khác. Rêu rao chuyện riêng tư của người ta.

Đối với hạnh xấu của kẻ khác, đáng gọi là "nói ra sẽ khiến cho người ta bị nhục nhã, chớ nên để người khác nghe thấy", người lại phô bày, bộc lộ, ắt lòng đôn hậu bị tổn thương, âm chất cũng bị tổn hại theo. Bàn Sơn Ngữ Lục[131] có đoạn ghi: "Người tu hành kỵ nhất là nói chuyện đúng sai, tốt xấu của kẻ khác. Thậm chí đối với hết thảy sự đời, nếu chẳng liên can đến chính mình, miệng chớ nên nói, tâm đừng nên nghĩ. Chỉ cần miệng nói, tâm nghĩ tức là chính mình đã bị mê muội. Nếu chuyên luyện tâm, sẽ luôn xét lỗi mình, há có công sức để quản chuyện trong nhà kẻ khác? Nát xương, tan thân, chỉ cốt sao tâm đừng động. Thâu liễm tự tâm,

131 Bàn Sơn Ngữ Lục là tác phẩm do môn nhân của đạo sĩ Vương Chí Cần thuộc Toàn Chân Giáo biên soạn dựa trên những lời dạy của thầy. Những lời dạy của ông Vương chủ yếu nói về cách luyện đan, luyện tâm tu tánh theo Đạo giáo, dựa trên tư tưởng trong bộ Thanh Tịnh Kinh của Đạo giáo và Tâm Tánh Luận của Thiền tông.

thời thời khắc khắc tham cứu, lãnh hội chỗ rốt ráo nhất nơi bổn mạng nguyên thần của chính mình. Vì thế, xét theo đó, con người hãy nên gấp rút đối trị chính mình, niệm nào cũng sợ thân tâm của chính mình phạm lỗi, còn rảnh đâu để quản chuyện người khác ư?"

Trong đêm tân hôn của Lưu Trọng Phụ, có gã trộm vào nhà. Ông hoảng hốt, trông ra, thấy gã trộm chính là kẻ ông nhận biết, bèn nói: "Ngươi nghèo hả?" Lấy hai món trang sức cho nó. Lại hứa: "Ta trọn chẳng nói, ngươi đừng tái phạm", bèn thả cho nó đi. Về sau, bà vợ hỏi tên tuổi của gã đó, ông bảo: "Ta đã hứa không nói, sao cứ hỏi miết?" Ông mất rồi, có một người trước kia là phường vô lại, về sau là người làm lành, mặc tang phục[132], khóc lóc hết sức bi thương. Người nhà nghi kẻ ấy là gã trộm khi trước. Cháu ông là Toại, làm quan đến Thượng thư, thụy hiệu là Trang Tương.

Có thầy xem tướng nói Tịch Khuông sẽ chết vào năm nọ, Tịch Khuông rất lo âu. Ngẫu nhiên gặp người bàn chuyện trong buồng the, đối với người ấy, Tịch Khuông biểu lộ vẻ tức giận, khiến cho người tán chuyện có lòng hổ thẹn mà ngưng nói, chuyện ấy bèn được ẩn đi. Tới năm ấy (năm tiên đoán sẽ bị chết), Tịch

132 Nguyên văn là "thôi điệt" (衰絰). "Thôi" là tấm vải bằng sợi gai hoặc vải sô, dài sáu tấc, rộng bốn tấc, đính nơi ngực áo tang. Vì thế, cái áo tang ấy gọi là Thôi Y. Điệt là cái khăn dùng sợi gai hoặc cỏ vấn thành rế đội lên đầu. Thông thường, kiểu tang phục này dành cho con trai hoặc cháu nội của người đã mất.

Khuông vẫn không sao. Về sau, ông làm quan tới chức Đài Phụ[133]. Cổ nhân nói: "Trong khi tụ tập trò chuyện, ắt có đạn bắn trúng kẻ khác, riêng ta ngồi ngay ngắn, im lặng để tiêu trừ". Đấy chính là lời dạy đừng nói chuyện xấu của kẻ khác vậy. Như ông Tịch có thể coi là gương mẫu!

Nhiếp Tùng Nghi thích chòng ghẹo. Hễ kẻ khác có hành vi gì xấu, ắt rêu rao bằng thơ phú, ca dao, khiến cho chuyện được lan truyền rất rộng, khó thể giấu diếm. Thậm chí phá hoại hôn nhân của người khác, khiến kẻ trong khuê môn bị mang nhục, chia cắt quyến thuộc của kẻ khác. Về sau hắn mắc tội, phải bị đày, chết ở Đăng Châu. Than ôi! Cái tội rêu rao điều xấu, những chuyện khác còn có thể dung thứ, chứ chuyện trong khuê môn, liên lụy càng trọng đại. Gièm chê, cười cợt, đồn đại, sủa hùa theo bóng, ta đã tạo thành cái nhân đọa trong địa ngục Rút Lưỡi. Nhất là họ lại ôm nỗi sỉ nhục mà thác, cốt nhục chia lìa, con cháu lãnh vết nhơ, liên lụy chẳng bé! Oan nghiệt to tát, khó thể siêu được!

Trịnh Tuyên tánh trầm mặc, ít nói. Ông từng nói: "Trong chốn đông người chen chúc, chớ nên lớn tiếng mặc tình nghị luận. Không chỉ là chuốc lấy sự ghen ghét, mà còn có thể tổn thương người khác. Há chẳng có người trót đã làm chuyện xấu trong ấy hay chăng?

133 Đài Phụ là chức vị thuộc bậc Tam công.

Bàn luận đến họ, họ chẳng nói, nhưng trong tâm bực bội. Như đối với quan bèn nói phải thanh bạch, ắt kẻ chẳng thanh bạch sẽ giận. Đối với bạn mà nói thẳng, ắt kẻ chẳng thẳng thắn sẽ ghét. Họ cho là ta cố ý làm như vậy. Chỉ nên ít nói, vẻ mặt hòa nhã, hễ hỏi bèn đáp, như thế thì được". Lời ấy đã đạt được đạo ứng xử sâu xa. Vì thế, chép thêm lời này.

Chỉ trích, công kích người khác thì gọi là Kiết (訐). Tư (私) là chuyện ám muội, chẳng quang minh chánh đại. Con người chẳng phải là thánh hiền, ai mà chẳng có chuyện kín đáo, riêng tư chẳng thể nói ra. Ta vốn không nên soi mói, tìm tòi. Nếu dòm ngó chuyện trong chốn riêng tư, rêu rao rộng khắp, khiến cho kẻ ấy không có chỗ dung thân thì là hiểm độc nhất, người người oán trách, gieo họa chẳng nhỏ, hãy nên kiêng dè!

Tô Tụng làm quan ở Hàng Châu. Có kẻ mách lẻo chuyện riêng tư, ông không nghe. Về sau, kẻ ấy làm ngôn quan (gián quan, quan viên chuyên trách việc đàn hặc, can gián) do ôm hận mà đối trước thượng cấp bêu xấu ông. Có người khuyên ông hãy viết thư trình lên cấp trên chuyện mách lẻo trước kia của gã ấy, ông nói: "Công kích chuyện riêng tư của kẻ khác, há ta nên làm ư?" Hư Tĩnh Chân Nhân[134] nói: "Hễ giấu lỗi, che

134 Hư Tĩnh Chân Nhân tên thật là Trương Kế Tiên (1092-1127), tự là Gia Văn, hiệu là Tiêu Nhiên Tử, là một đạo sĩ lừng danh thời Bắc Tống, giữ chức vị Thiên Sư đời thứ ba mươi của hệ phái Chánh Nhất (con cháu trực hệ của

sai, chính mình chớ nên có; nhưng đối với người khác, chẳng thể không làm như thế. Ấy là vì che giấu lỗi của chính mình thì điều thiện chẳng đạt được; che giấu cho người khác thì là chuyện đức dày".

Vào thời Vũ Tắc Thiên nhà Đường, cấm ngặt giết mổ. Quan Thập Di[135] Trương Đức sanh con trai, lén giết dê, tụ họp đồng liêu nhậu nhẹt. Đỗ Túc giấu một miếng thịt cầm đi tố cáo. Hôm sau, Vũ Hậu (Vũ Tắc Thiên) hỏi Trương Đức: "Nghe nói khanh sanh con trai rất vui?" Trương Đức bái tạ. Vũ Hậu: "Từ đâu mà có thịt vậy?" Trương Đức khấu đầu nhận tội. Vũ Hậu nói: "Trẫm cấm giết mổ, lệnh cấm ấy chẳng áp dụng cho các trường hợp cát (cưới hỏi, ăn mừng), hung (ma chay). Từ nay có mời khách thì cũng cần phải chọn người!" Vũ Hậu đưa tờ biểu tố cáo của Đỗ Túc cho Trương Đức xem. Đỗ Túc hết sức hổ thẹn, cả triều đình muốn nhổ vào mặt hắn! Về sau, Đỗ Túc dần dần bị suy bại.

Trương Đạo Lăng). Ông được Tống Huy Tông ban tặng ngự hiệu Hư Tĩnh tiên sinh, nên Đạo giáo thường gọi ông là Hư Tĩnh Chân Nhân. Ông mất lúc ba mươi sáu tuổi, Đạo giáo coi ông đã đăng tiên. Vì thế, đến đời Nguyên, ông được vua sắc phong tước hiệu Hư Tĩnh Huyền Thông Hoằng Ngộ Chân Quân. Sinh tiền, tuy được nhà Tống hết sức trọng vọng, được ban ấn ngọc khắc Dương Bình Trị Đô Công Ấn, có quyền thống lãnh đạo sĩ toàn quốc, Tông Huy Tông bốn lượt thỉnh ông vào cung làm pháp hội và giảng đạo, nhưng hễ xong việc là ông xin về núi ẩn dật tu hành, không xu phụ, a dua lấy lòng bọn quyền thần,

135 Thập Di là chức gián quan có trách nhiệm vạch ra những thiếu sót trong việc triều chánh. Vũ Tắc Thiên đã đặt ra chức Tả Thập Di để giám sát Môn hạ tỉnh, Hữu Thập Di để giám sát Trung thư tỉnh. Đến đời Bắc Tống, chức vụ này được đổi thành Chánh Tín.

Vào đời Lương, ông nội của Đáo Khái là Đáo Ngạn Chi từng gánh phân để nuôi thân. Đến khi Đáo Khái làm Lại bộ Thượng thư, gã Hà Kính Dung có chuyện nhờ cậy, chẳng được đáp ứng, bèn nói với người khác: "Cho đến đời Khái Thượng thư vẫn còn sót lại mùi thối, nay bèn học đòi làm bậc quý nhân". Đáo Khái nghe nói, hết sức căm hận. Em trai của Đáo Khái là Đáo Hiệp, một hôm hỏi Lưu Hiếu Xước: "Tôi rất muốn mua đất của hàng xóm bên phía Đông, nhưng người chủ làm khó dễ, làm sao đây?" Hiếu Xước nói: "Chỉ cần để mấy xe phân bên cạnh nhà hắn để làm khổ hắn, hắn sẽ dọn đi". Hiệp tức giận, rốt cuộc dùng kế để hại Hiếu Xước. Than ôi! Do một lời nói mà tổn thương hòa khí trong trời đất, do một chuyện mà ươm thành mối họa chung thân. Vì thế, chúng ta sống trong cõi đời chớ nên nói lời kích động, châm biếm khiến cho kẻ khác oán sâu tận cốt tủy. Ngạn ngữ có câu: "Đánh người đừng đánh đầu gối; nói với người khác đừng nói sự thật", có lý lắm!

Hao nhân hóa tài.
耗人貨財 。
Làm cho kẻ khác hao tổn tài vật.

Đấy là nói đến hạng người gian ác, tiểu nhân mê hoặc kẻ ngu si, dụ dỗ họ làm những chuyện chơi gái, cờ bạc, đấu đá, thưa kiện, luyện đan v.v… để mình kiếm lợi từ đó. Hạng con em không nên thân bị hạng

người này làm cho ngu muội, chẳng đoái tưởng cha ông sáng lập cơ nghiệp gian nan. Một mai đến lúc phá sạch gia sản, nhà tan, thân chết, truy cứu nguyên do thì là lỗi của ai? Những kẻ ấy có tránh khỏi ác báo vì dụ dỗ người khác hao tổn tài vật hay chăng?

Văn Kỳ là người đất Thục, cậy vào thuật luyện đan, những người quyền quý đều bị hắn lường gạt. Một thương gia giàu có tên là Lý Thập Ngũ bị mê hoặc bởi thuật luyện đan của Văn Kỳ, ba năm sau, tan nhà nát cửa, thắt cổ chết. Văn Kỳ lại đến Kiếm Châu thuê một căn nhà để luyện thuốc. Ngẫu nhiên bị hỏa hoạn cháy lan một vùng. Văn Kỳ chạy vào núi trốn, bị thú dữ đuổi ra, hắn bị bắt giải lên quan. Quan theo đúng luật xử trảm!

Vào đời Minh, Từ Trì giàu có, tàn bạo, muốn chiếm nhà của Từ Bát, bèn sai người dụ con ông ta ăn chơi phóng đãng, mắc nợ rất nhiều, quả nhiên chiếm được căn nhà ấy. Về sau, hai con và năm cháu của Từ Trì đều nhiễm bệnh. Đồng cốt nói là do âm hồn Từ Bát quậy phá. Từ Trì kinh sợ, làm trai đàn, đến miếu Thành Hoàng cầu giải cứu. Một người ăn mày đón hắn, thưa: "Ông chẳng phải là Từ Trì chứ? Đêm qua, tôi ngủ tại chỗ vắng của miếu. Có người hướng về thần gọi tên ông, tố cáo ông đã hại kẻ ấy, thần cũng hết sức giận dữ". Từ Trì kinh hoảng, trở về rồi chết, con cháu chẳng có ai sống sót.

Thanh lâu là nơi chốn để đền trả nghiệp nhân thiếu nợ. Bọn gái đẹp thật sự là biển oan nghiệt phá nhà! Người thời nay đều biết đạo lý ấy, vừa chung chạ với thể chất nhơ bẩn ấy, ghẻ độc phát ra, ngũ quan đổi chỗ, gây hại tới ba đời. Do vậy, cớ sao người hiểu biết mà lại đem thân mình ra thử, chẳng tránh né?

Có người họ Tiền ở Vô Tích, kết bè lập đảng gồm mười mấy người, dụ dỗ con em nhà giàu. Chúng sử dụng dược đổ (藥骰, xúc xắc (hạt xí ngầu) rỗng ruột, bên trong đổ thủy ngân lỏng để kẻ cờ gian bạc lận có thể khống chế muốn đổ ra mấy điểm tùy ý) để gieo súc sắc, hễ đánh bạc với ai đều thắng. Về sau, bọn chúng so tài đánh bạc với một thiếu niên, thắng tới mấy chục vạn. Bỗng những con xúc xắc văng ra khỏi bồn, họ Tiền ngã lăn đùng ra đất, miệng và mũi đều tuôn máu mà chết. Khi ấy, có một đạo sĩ thỉnh thần tướng, Quan Thánh giáng đàn, chỉ dạy: "Ta đã trừ kẻ hung ác nơi đó, lại còn quăng ba con xúc xắc lên xà nhà hắn". Đạo sĩ liền hỏi thăm tìm tới nhà ấy, kịp lúc thấy mọi người còn đang xúm xít kinh ngạc, bèn bảo họ bắc thang lên xem trên xà nhà, quả nhiên tìm được ba con xúc xắc ấy. Do vậy, đạo sĩ bèn kể tường tận lời Quan Thánh chỉ dạy. Lũ ác hết hồn! Sau đó, chúng nối tiếp nhau mắc bệnh dịch mà chết!

Lại có gã Đinh Thực được thầy tướng số từng đoán sẽ đỗ đầu thiên hạ. Về sau, y gặp lại ông thầy

tướng ấy, ông ta kinh hãi nói: "Ông đã làm chuyện gì vậy, tước lộc đã mất sạch cả rồi!" Đinh Thực suy nghĩ, nhận biết chính mình đã từng giở trò bạc bịp, thắng được sáu trăm vạn, do vậy bèn thật tình kể lại. Thầy tướng số nói: "Là vì lẽ ấy!" Họ Đinh hết sức hối hận, cấp tốc trả lại món tiền đã thắng để chuộc tội. Về sau, hắn đỗ gần chót bảng. Hiện thời, khắp nơi đều có kẻ phạm tội này; nhưng hương thân, sĩ tử đều say sưa chuyện này, thật đáng thống hận! Tục ngữ có câu: "Làm tú tài như gái trinh, phải sợ người. Làm tiến sĩ như nàng dâu, phải nuôi nấng người khác. Ở trong rừng (đã nghỉ hưu), giống như mẹ chồng phải dạy người khác". Bọn họ đã chẳng thể dưỡng người, dạy người thì thôi, lại còn muốn làm hại con em kẻ khác, cái tâm như thế nào vậy?

Đời Minh, ông Mạo Khởi Tông là người huyện Như Cao, tỉnh Giang Tô, từng soạn lời cảnh tỉnh người đời như sau: "Tôi thường thấy con cháu nhà quyền quý và giàu có là hạng chẳng ra gì, dâm đãng, phóng túng, phí phạm. Hoặc là thân chưa chết mà tài sản đã ngầm bán cho nhà khác, hoặc xác thịt chưa lạnh mà kẻ khác đã chia vụn nhà ấy. Người đời trước tiện tặn tích cóp, kẻ đời sau vung vãi như bùn cát. Nhưng những kẻ không ra gì ấy quá nửa lại là người thông minh, là do vì lẽ nào? Ấy là vì thuở ấy, người đời trước đã ra oai, cậy vào mưu mẹo, áp bức, gài bẫy người khác vào

chốn lao lung để hao tán tài sản của họ vô số, để tom góp thành của cải cho nhà mình giàu có. Thoạt đầu là tổn hại người khác, về sau là bị người khác phá tán. Tục ngữ có câu: "Có được bất minh, mất đi vừa khéo" chính là nói về chuyện này! Nhìn từ chuyện này bèn biết người hiện thời bị kẻ khác hao tán tài sản chính là kẻ đã hao tán tài sản của người khác thuở trước! Tức là kẻ hao tán tài sản của người khác trong hiện thời, có kẻ nào chẳng chớp mắt sẽ bị kẻ khác hao tán!"

Phụ lục mười câu răn dè cờ bạc:

1) Tâm thuật bại hoại. Vừa vào sòng bạc, sẽ là nơi tranh đoạt lợi lộc, tính toán trăm kế, luôn là một tấm lòng tham. Đôi bên đều dùng thủ đoạn triệt hạ nhau, chuyển sanh ác niệm chẳng có cùng tận. Tuy là kẻ chí thân mà cờ bạc với nhau ắt đều ngầm giở trò đen tối. Dẫu là bạn tốt mà trên cùng một chiếu bạc cũng nghiễm nhiên coi nhau như cừu địch, chỉ cốt sao chính mình thắng bạc, mặc kệ người khác phá sản. Há chẳng phải là tâm thuật hết sức bại hoại ư?

2) Chôn vùi phẩm hạnh. Phàm là người thì tốt xấu, cao thấp, ai nấy vốn tự khác nhau. Ở trong sòng bạc, chỉ cần biết tiền nhiều hay ít, há quản ai sang, ai hèn? Ngồi hỗn độn, chẳng tuân theo luân lý, thứ bậc, kẻ tôi tớ cũng biến thành bầu bạn, chẳng phân tôn ty. Nô bộc nghiễm nhiên là anh em, mặc sức cười đùa, xưng hô

luông tuồng, há có thể thống gì, thành ra phẩm hạnh gì?

3) Tổn thương tánh mạng. Kẻ thắng tùy hứng tìm đến, chẳng phân biệt ngày đêm. Kẻ thua liều mạng quay lại, chẳng màng đói lạnh. Từ đó trở đi, tinh thần hao tổn, mệt mỏi, ắt đến nỗi tổn hại thân thể, táng mạng. Lỡ mắc nợ khó trả, không mặt mũi nào nhìn nhau, muối mặt, ngậm hờn. Vì thế, dẫn đến lắm chứng bệnh quấn thân, hết cách, cùng đường, đành liều chết cho xong nợ. Đường dẫn đến Uổng Tử Thành là do noi theo sòng bài mà trở về vậy! Há chẳng đáng thương ư?

4) Điếm nhục tổ tông. Tặng tiền bạc cho người khác còn bị chê cười là lãng tử ngớ ngẩn. Phá sạch gia sản, cha mẹ than thở đứa con ngu si làm bậy! Chẳng thể khiến cho tổ tiên rạng mày nở mặt, lại ngược ngạo điếm nhục dòng họ, suy bại gia đình. Xóm giềng đều đổ lỗi cho tổ tông, ắt cha ông đã chết mà còn ngậm oán!

5) Đánh mất sự dạy dỗ trong gia đình. Chuyện cờ bạc dụ dỗ dễ dàng nhất. Trong vòng gia đình, thấy nghe tột bậc thân thiết. Thông thường cha anh giáo huấn con em đều bảo phải học theo gương tốt. Nhưng trộm thấy tại sòng bài, cha anh còn bảo con em hãy theo quy cách của chính mình. Cha con cờ bạc, anh em cờ bạc, tôi tớ cờ bạc, đùa bỡn với pháp tắc như thế thì thành ra gia pháp kiểu nào đây? Ban ngày đánh bạc, đêm thâu đánh bạc. Đánh bạc trong phòng kín, phong

khí bài bạc ươm thành dâm phong, gia giáo bại hoại quá đỗi, đáng nguội lạnh cõi lòng!

6) Phá tan gia sản. Thoạt đầu để biểu lộ hào khí, ắt vung tiền như đất. Rốt cuộc do tình thế cấp bách, ắt bỏ cả sản nghiệp vào trò đen đỏ. Cha ông suốt đời vất vả mới tạo dựng môn hộ, con cháu tiêu xài huy hoắc trong phút chốc, khiến cho danh tiếng gia đình bại hoại. Cầm cố hết sạch xiêm áo, chỉ còn trơ lại cái thân. Thân thích, bạn bè ai tiếc? Ruộng nương, nhà cửa bán sạch, mà còn mắc nợ, còn góc trời nào để lui về? Nghĩ đến tình cảnh ấy, há chẳng đáng thương ư?

7) Nảy sanh tai biến. Suốt ngày cờ bạc, thâu đêm đỏ đen, cửa rả chẳng đóng, đạo tặc thường hay thừa cơ trà trộn. Đèn đuốc chẳng tắt, phòng ốc do vậy dễ bị cháy. Thậm chí lôi cuốn phường lãng tử thừa dịp tính kế, bọn trộm cướp thường tìm dịp giở trò gian. Khi tắt đèn có kẻ gõ cửa, sẽ chẳng phân biệt chủ khách. Dứt đứt giải mũ, cởi áo lót mình trao tặng nhau, nam nữ buông tuồng, mầm họa ẩn sẵn, sao người ta chẳng lo?

8) Cốt nhục chia lìa. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy siêng năng chức nghiệp. Cha, mẹ, vợ, con, vui vẻ với nhau, đấy là niềm vui thiên luân, mà cũng là lẽ thường trong tình người. Từ khi vào sòng bài thì gia đình biến thành bể khổ. Cầm cố, gán nợ bằng thoa, xuyến, vợ nín thinh nuốt hận. Bán tháo ruộng nương nhà cửa, cha mẹ

mòn mắt nhăn mày trông ngóng. Chỉ một kẻ tỏ ra hào sảng, chẳng màng cả nhà oán than!

Lắng lòng tự vấn làm sao yên được?

9) Trái phạm phép nước. Cấm đoán cờ bạc, lệ mới rất nghiêm. Nhẹ thì phạt một trăm trượng, cùm hai tháng, thương tổn tận da thịt. Nặng thì bị đày ba năm, lưu đày xa quê nhà ba ngàn dặm! Hạng thân sĩ thì theo thường lệ sẽ bị bãi truất, còn mặt mũi nào! Đối với kẻ lại dịch thì xử tội gấp bội. Phải nghĩ tới gia đình mình, chứ để chuyện đã lỡ rồi mới hối sao bằng kiêng dè trước?

10) Sẽ bị trời quở trách. Xem khắp những kẻ mở sòng thường gặp nhiều tai họa ngang trái, những kẻ thắng tiền thường rốt cục đến nỗi nghèo đói lạ lùng. Nói chung là do cắn xé huyết nhục của người khác hòng no đẫy ruột gan ta, thâu tóm sự oán sầu của họ để ta được vui cười. Vì thế, quỷ thần ôm lòng giận, sẽ báo thù chẳng chịu khoan nhượng tí nào! Đạo trời báo đáp, sẽ cùng nhau chết sạch.

Nhìn chung, sòng bạc rốt cuộc có ích chi đâu? Mười điều như trên, ngôn từ, dụng ý tột bậc thiết tha. Muôn phần mong mỏi người đời, hãy lắng lòng suy nghĩ, sẽ dũng mãnh đại ngộ. Một đao chặt phăng, thề chẳng còn tay nhúng chàm nữa! Có thể xoay người nhảy khỏi ổ sài lang, may mắn chi hơn! Ôi! Cờ bạc hại

người còn quá nước, lửa, giặc cướp, nhưng người ta cứ mãi chấp mê chẳng ngộ, liều chết theo đuổi, đáng thương quá đỗi! Xót thay, đau thay! Do vậy, tôi đau đớn khóc ròng thưa thốt, những ai trông thấy những lời này mà chẳng quay đầu, há chẳng phải là phường hạ ngu ư?

Ly nhân cốt nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi.
離人骨肉 。侵人所愛 。助人為非 。
Chia lìa cốt nhục của kẻ khác, xâm phạm những thứ yêu thích của người khác, giúp kẻ khác làm quấy.

"Ly" (離) có hai nghĩa. Một là truy bức những kẻ thiếu nợ, và quan lại, nha dịch vơ vét tài sản, khiến cho kẻ khác phải bán chác con cái. Một nghĩa nữa là ôm lòng riêng tư xúc siểm, xúi giục, ly gián khiến cho kẻ khác chia lìa. Những hành vi ấy đều là bất nhân quá mức! Chẳng biết tình cốt nhục thuộc về quan hệ huyết thống, thuộc về thiên tánh, có mối thiên luân trong ấy. Vì thế, người có lòng nhân trông thấy cốt nhục của người khác nghèo khó, quẫn bách, khó sống, bèn dùng tài lực giúp đỡ, khiến cho họ được an toàn. Đối với những kẻ có tình cốt nhục mà ôm niềm oán cừu hiềm khích, bất hòa với nhau, bèn điều đình hóa giải, khiến cho họ hòa thuận tốt đẹp với nhau. Đấy là con đường trọng yếu của kẻ tu chân vậy.

Tông Truyện nghe người đàn bà hàng xóm và con

cái ôm nhau khóc suốt đêm. Hỏi thăm, thì ra người chồng mắc tội, người vợ tính bán mình để chuộc tội cho chồng. Ông kinh ngạc, bỏ tiền giúp đỡ khiến cho vợ chồng, mẹ con họ được như xưa. Khi ấy, ông hiếm muộn con, ngay trong năm đó bèn sanh được một đứa, về sau con cháu ông đông đúc.

An Đình Bách thích ly gián, hắn lại có tài ăn nói. Tuy chí thân mà bị hắn ly gián lập tức biến thành oán cừu, hiềm khích. Anh em Lý Trung Phủ hòa thuận, do Đình Bách xúc xiểm mà đến nỗi đấu đá nhau! Thái Luân và Trương Nghĩa là anh em con cô, con cậu thân thiết với nhau, nghe theo và tin lời Đình Bách đâm bị thóc, chọc bị gạo mà tuyệt giao. Những chuyện khác chẳng thể nêu trọn! Về sau, Đình Bách bị trắc trở, nghèo túng, khốn đốn, hai bên má lở loét, họng và lưỡi rữa nát, chẳng ăn uống được, kêu gào rồi chết.

Tống Anh Tông[136] lên ngôi, gặp phải tình cảnh do

136 Tống Anh Tông tên thật là Triệu Thự, là con trai thứ mười ba của Triệu Doãn Nhượng (Triệu Doãn Nhượng là con thứ tư của Tống Thái Tông Triệu Quang Nghĩa, và là em của Tống Chân Tông Triệu Hằng). Do Tống Nhân Tông (tên thật là Triệu Trinh, con trai của Tống Chân Tông, là em họ của Triệu Doãn Nhượng) đã nhận nuôi Triệu Thự từ lúc bốn tuổi, và các hoàng tử của Tống Nhân Tông đều chết yểu, các phi tần lại chỉ sanh con gái, Tống Nhân Tông bèn lập Triệu Thự làm Thái tử. Khi Tống Nhân Tông mất, Triệu Thự nối ngôi, nhưng vừa lên ngôi nửa tháng đã bị bệnh nặng, triều thần phải thỉnh Tào Thái hậu (vợ vua Tống Nhân Tông) buông rèm thính chánh. Kể từ sau khi lành bệnh, tánh tình Anh Tông thất thường, hay đánh mắng kẻ hầu, hoạn quan Nhậm Thủ Trung thừa cơ gièm xiểm, cho nên giữa vua và Thái hậu thường có xung khắc.

ít ban ân cho bọn nội thị, họ nhiều lượt sàm tấu, ly gián trước mặt Thái hậu, khiến cho hai cung (nhà vua và Thái hậu) trở thành hiềm khích. Một hôm, Hàn Kỳ và Âu Dương Tu tâu trình chánh sự trước rèm, Thái hậu nghẹn ngào rơi lệ, kể lể cặn kẽ nguyên do. Hàn Kỳ tâu: "Đấy là vì Hoàng đế bệnh tật mà thành ra như thế, bệnh lành ắt sẽ chẳng như vậy". Ấy là vì khi đó, Hoàng đế bị kinh nghi mà thành bệnh. Âu Dương Tu tâu rằng: "Thái hậu phụng sự tiên đế mấy chục năm, nhân đức rạng rỡ thiên hạ. Xưa kia Ôn Thành[137] được tiên đế sủng ái, Thái hậu vẫn cư xử hòa dịu, khoan dung. Nay giữa mẹ và con sao lại chẳng thể dung thứ cho nhau ư?" Hàn Kỳ lại tâu: "Thái hậu không có con ruột, Hoàng đế từ bé đã được nuôi nấng trong cung. Hoàng Hậu lại là cháu bên ngoại[138]; đấy là trời đã xếp đặt đứa con trai ấy và con dâu cho Thái hậu, há chẳng

137 Ôn Thành là thụy hiệu của Trương Quý Phi, một sủng phi của Tống Nhân Tông. Bà này là cháu của Trương Nghiêu Tá, thông minh, trí xảo, thường khéo đón ý, khéo lấy lòng, nên rất được Nhân Tông cưng chiều.

138 Hoàng hậu của Tống Anh Tông tên là Cao Thao Thao. Bà là cháu nội của Cao Huân, mẹ của bà là chị của Từ Thánh Quang Hiến Hoàng Hậu Tào Thị, tức Thái hậu của Tống Anh Tông đang được nói ở đây. Vì thế, sách Cảm Ứng Thiên ghi hoàng hậu là "cháu bên ngoại" (ngoại sanh, 外甥), vì bà phải gọi Thái hậu bằng dì. Bà là mẹ ruột của Tống Thần Tông (Triệu Húc), và là bà nội của Tống Triết Tông (Triệu Hú) và Tống Huy Tông (Triệu Cát). Bà can thiệp rất mạnh vào triều chánh dưới thời Tống Thần Tông và Tống Triết Tông, kịch liệt phản đối tân pháp của Vương An Thạch, trọng dụng Tư Mã Quang. Khi Tống Thần Tông mất, bà được tôn làm Thái Hoàng Thái Hậu, được mời nhiếp chánh cho Tống Triết Tông. Bà đã hạ lệnh xóa bỏ toàn bộ tân pháp của Vương An Thạch. Bà được đánh giá là uyên bác, anh minh, tiết kiệm, lễ pháp kỷ cương trọn vẹn. Do vậy, các sử gia tôn xưng bà là Nữ Trung Nghiêu Thuấn.

đáng yêu thương ư?" Tâm Thái hậu mới dịu bớt. Hàn Kỳ lo sẽ có biến, bèn nói thẳng cho Thái hậu động tâm: "Bọn thần ở ngoài, chẳng được gặp quan gia[139], sự bảo vệ trong cung hoàn toàn cậy vào Thái hậu. Nếu quan gia chẳng được chiếu cố và dạy bảo, Thái hậu sẽ chẳng tránh được trách nhiệm ấy!" Thái hậu hoảng sợ, bảo: "Tể tướng! Sao ông lại nói vậy khiến cho tâm ta càng áy náy hơn". Những người cùng hiện diện nghe nói như vậy, không ai chẳng toát mồ hôi!

Hôm khác, Hàn Kỳ một mình gặp vua, tâu: "Bệ hạ lên ngôi đều là do ân của Thái hậu, chẳng thể không báo đáp. Xin hãy càng chú ý hầu hạ thì sẽ vô sự". Vua đáp: "Ta kính cẩn vâng theo lời dạy". Mấy hôm sau, Hàn Kỳ lại vào gặp vua, vua nói: "Thái hậu ít đối xử với ta bằng ân nghĩa". Hàn Kỳ tâu: "Từ xưa, bậc thánh đế hiền vương chẳng thể nói là ít, chỉ riêng vua Thuấn được khen là đại hiếu, chẳng lẽ những vị khác đều bất hiếu ư? Cha mẹ nhân từ mà con hiếu thuận, đấy là chuyện thường, chẳng đáng nói đến. Chỉ có cha mẹ chẳng nhân từ mà con có thể hiếu thì mới đáng ca ngợi, chỉ sợ bệ hạ chưa phụng sự hết mức đó thôi! Cha mẹ há có ai chẳng nhân từ ư?" Vua hết sức cảm ngộ. Thuở ấy, triều đình có lắm biến cố, kẻ tiểu nhân ly gián đủ mọi cách. Rốt cuộc khiến cho hai cung hòa thuận là nhờ sức của Hàn Kỳ và các vị hiền thần vậy.

---

139 Quan gia (官家) là tiếng thời ấy để các đại thần gọi nhà vua.

Con người có điều yêu thích riêng, như ruộng đất, nhà cửa, sách vở, những vật quý lạ, dụng cụ, quần áo, trang sức v.v… ắt muốn lập mưu kế xâm đoạt, như thế thì có khác gì bọn giặc cướp cho mấy? Ông Vu Thiết Tiều nói: "Vật không có đẹp hay xấu, đối với người yêu thích thì sẽ là trân quý. Kẻ khác xâm phạm thứ ta yêu thích, lòng ta sẽ như thế nào?" Lỗ Tử Tấn nói: "Nếu trong lúc ấy, cứ nghĩ vật ta yêu mến bị kẻ khác xâm phạm, chiếm đoạt, sẽ chẳng sợ tham niệm không dứt vậy".

Trương Cai có một tòa nhà to lớn, do thiếu tiền tiêu dùng bèn cầm cố tòa nhà ấy cho Trương Tuấn với giá một ngàn mân[140]. Trương Tuấn yêu thích, muốn chiếm đoạt, bèn biếu xén trọng hậu người môi giới để kẻ ấy sửa văn khế cầm cố thành văn khế bán đứt. Về sau, Trương Cai túng quẫn muốn bán đứt, Trương Tuấn đưa văn khế cho xem, chính là văn khế đã bán đứt. Trương Cai trào nước mắt, nguyền với trời rằng: "Tao nguyền cho con cháu của mày rồi cũng giống như tao!" Về sau, con cháu của Trương Tuấn đều mất tiếng mà chết. Phàm ruộng nương, nhà cửa là vật ngoài thân, vì xâm chiếm, lường gạt mà phải đền trả bằng con cháu yêu thương nhất, còn ngu gì bằng? Kẻ thích chiếm đoạt của người khác hãy nên răn dè!

Giúp người khác làm quấy, và thành tựu điều ác

140 Một mân (緡) là một ngàn đồng.

cho người khác, cũng như chẳng thể hướng dẫn người khác hành thiện đều thuộc phạm vi của lời răn này. Đức Phật dạy: "Thuyết pháp, giáo hóa thì gọi là pháp thí. Có thể khiến cho chúng sanh nghe pháp, do nhân duyên ấy, sẽ đắc vô lượng thiện báo". Công Quá Cách nói: "Dạy người khác làm quấy, cứ mỗi chuyện là một lỗi. Đối với chuyện to lớn thì tùy theo từng chuyện mà luận định tội lỗi, tích tập cái nhân xấu ác ấy sẽ bị vô lượng ác báo". Ngu ý cho rằng: Hướng dẫn người khác làm lành thì điều lành của người khác sẽ đều là điều lành của chính mình, mà điều thiện của chính mình ngày càng thuần. Giúp kẻ khác làm ác, điều ác của kẻ khác sẽ đều là điều ác của chính mình, nhưng điều ác của chính mình ngày càng tăng. Điều thiện, lẽ ác sẽ quy về những quả báo khác biệt vời vợi một trời, một vực! Vì thế, sự báo ứng họa phước rạch ròi như mây và bùn! Người biết lẽ này, sẽ biết bỏ điều ác và theo điều lành như thế nào?

Dương Khai làm huyện lệnh Đan Dương, tánh tình hung bạo, ngang ngược. Dương Tuần là mạc khách[141], khéo suy đoán ý kẻ khác, mong được họ ưa thích, tuy biết rõ người khác sai trái, cũng chẳng dám trái ý. Đối với những chuyện Dương Khai đã làm, Dương Tuần

141 Mạc khách (幕客), hay còn gọi là mạc tân (幕賓), là những nhân viên trọng yếu đóng vai trò cố vấn, tham mưu trong quan phủ. Đời Thanh gọi họ là mạc khách, hoặc mạc tân, thời cổ thường gọi là sư gia (師爷), tức là những thuộc hạ chánh yếu như bí thư, tham mưu v.v…

chỉ khen ngợi mà thôi! Một hôm nắng gắt, Dương Khai phạt trượng bọn nha dịch và giam tù hơn bốn mươi người, hai người bị chết, Dương Tuần vẫn a dua khen ngợi. Đến đêm, Dương Tuần mộng thấy thần quở trách: "Kẻ giúp Dương Khai làm ác thật sự là ngươi, đáng có cùng tội". Chẳng lâu sau, Dương Tuần bị bệnh ngặt mà chết. Nhìn vào việc này, những kẻ làm mạc tân trong hiện thời có thể tỉnh ngộ.

Ông Ngô ở Tô Châu nhà nghèo, không có tài sản, đến chơi nhà người phú quý, thường khuyên những người sang cả làm chuyện phương tiện. Nếu gặp kẻ tánh tình tham lam, tàn bạo, ắt dốc nhiều công sức dùng điều thiện để khuyên bảo họ. Thấy người làm lành ắt khen ngợi, tán thành. Ông có thiện đức cực nhiều, chẳng thể thuật trọn. Con ông là Tùng Châu đỗ đạt trong tuổi thiếu niên, ông hưởng thượng thọ.

Trong mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát, có một điều là "tùy hỷ công đức", tức là thấy người khác làm các công đức, sẽ vì họ tùy hỷ, tán dương. Kinh nói: "Phước của tùy hỷ, như một người bán hương, một người mua hương. Người bên cạnh nhuốm mùi hương, đối với hai người ấy mùi hương chẳng hề giảm bớt". Quả báo của tùy hỷ công đức giống như thế đó. Như vậy thì đối với kẻ giúp người khác làm quấy, quả báo sẽ có thể suy ra được!

Sính chí tác oai, nhục nhân cầu thắng.

逞志作威。辱人求勝。

Phô trương oai thế cho thỏa chí, làm nhục người khác để giành phần thắng.

Bậc quân tử chánh trực kiềm chế bản thân, đối đãi ôn hòa, ân huệ với người khác; người khác tuy sợ nhưng yêu mến. Nếu cứ hở ra bèn phô trương oai thế, dẫu được kẻ khác nín chịu, nhưng người ta chẳng mến mộ đức, làm sao có thể cao hơn kẻ khác cho được?

Đời Minh, Sử Lương Tá ở Nam Kinh làm Ngự Sử ở Tây Thành, nhà ông ta ở Đông Thành. Mỗi lần ông ta ra vào, tức giận vì người làng chẳng đứng lên tỏ vẻ cung kính, bèn bắt mấy người giao cho quan Ngự sử Đông Thành xét xử. Ngự sử Đông Thành cật vấn, họ thưa: "Dân chúng đều bị Nghê Thượng thư làm cho sai lầm!" Hỏi: "Lầm như thế nào?" Thưa: "Thượng thư cũng là người Nam Kinh. Khi ông ta chưởng quản bộ Binh, nếu mọi người chạm mặt ông ta mà tránh đường, ông sẽ liền sai người ngăn lại, bảo: "Ta cùng các vị là người cùng làng quê, ta không thể qua cổng làng bèn xuống xe, há phiền quý vị phải đứng dậy ư?" Lũ dân quá ngu, cứ nghĩ ông Sử cũng giống như ông Nghê cho nên chẳng đứng dậy, chẳng ngờ ông ta nổi giận". Quan Ngự sử Đông Thành cười xòa, tha cho họ. Thượng thư được nói ở đây là nói tới Văn Nghị Công Nghê Nhạc. Ôi! Ông Sử nghe lời ấy cũng sẽ hổ thẹn trong lòng.

Than ôi! Gần đây thói ỷ vào quyền thế của quan lại để ra oai, hống hách với kẻ khác, há chỉ là như vậy mà thôi ư? Có kẻ dùng bản án nặng nề, cực hình ngặt nghèo để đối xử tàn độc với người vô tội. Có kẻ mặc tình thuận theo sự hỷ nộ cá nhân để phán tội kẻ khác nhẹ hay nặng. Có kẻ do ăn hối lộ bèn phán án nặng hay nhẹ. Có kẻ nhờ vào chuyện này để tính kế đền ân hay báo cừu. Có kẻ bao che phường gian tà để chúng nó độc chiếm thị trường, chẹn đường những người buôn bán. Tuy đủ mọi lẽ sai biệt khác nhau, nhưng nói chung đều là những kẻ nhằm thỏa chí mà ra oai, mắc tội với trời! Nhưng phô trương quyền thế một ngày, tức là đã ươm mầm oán nghiệt trong mai sau. Khi quyền thế đã hết, báo ứng sẽ đưa tới, há chẳng khỏi "dẫu hối đã muộn" ư? Chỉ mong hãy vận dụng lòng hối hận ấy sớm hơn đôi chút, ắt sẽ được sự tốt lành to tát.

Khấu Lai Công (Khấu Chuẩn) nói: "Quan làm chuyện riêng tư, cong vạy, khi thất thế sẽ hối hận. Giàu mà chẳng tiêu dùng tiết kiệm, khi nghèo sẽ hối hận. Nghề khéo chẳng học từ bé, thì khi lớn tuổi sẽ hối hận. Khi thấy mà chẳng học, thì lúc cần dùng tới sẽ hối hận. Khi say thốt lời ngông cuồng, khi tỉnh sẽ hối hận. Lúc an nhàn mà chẳng nghỉ ngơi, khi bệnh sẽ hối hận". Bài minh này đúng là pháp tắc to lớn để hối lỗi, mọi người hãy nên luôn đọc.

Dùng lý để chiết phục kẻ khác, vẫn sợ gây nên cái

tâm tranh giành phần thắng nơi kẻ khác; do vậy dẫn đến sự chống trái, chẳng tiếp nhận. Huống hồ trong trường hợp vốn đuối lý mà cứ ương ngạnh ngang ngược lăng nhục để mong thắng ư? Lỗ Tử Tấn nói: "Ai nấy đều có cái tâm sợ bị sỉ nhục, ai chịu cam tâm bị nhục? Kẻ cầu thắng bằng cách ngang ngược lấn hiếp kẻ khác, đạo trời sẽ báo ứng. Làm nhục người khác vẫn là tự nhục mình!"

Thượng thư Lâm Thoái Trai khi sắp mất, đã giáo huấn con cháu: "Các ngươi chỉ cần học chịu đựng thua thiệt". Ôi! Từ xưa, bậc anh hùng chỉ vì chẳng thể hứng chịu thua thiệt mà đã làm hại khá nhiều chuyện! Cũng chỉ vì có thể chịu nhục, chịu thua thiệt mà đã thành tựu nhiều chuyện. Như Hàn Tín chịu nỗi nhục luồn dưới đũng quần gã hàng thịt, chịu thua thiệt cùng cực. Về sau, Hán Vương Lưu Bang đắp đàn bái tướng [phong cho Hàn Tín làm nguyên soái. Dẹp tan quân Sở, Hàn Tín] được phong làm Tam Tề Vương[142]. Những gã thiếu niên ở Hoài Âm từng làm nhục ông ta khi trước trở thành thuộc hạ dưới trướng. Vì thế có thể thấy kẻ an hòa, chịu nhục, ngày sau chẳng phú quý ư? Còn kẻ làm nhục kẻ khác, đâm ra chẳng bị kẻ khác làm nhục ư? Kẻ hiếu thắng hãy suy nghĩ!

---

142 Tam Tề (三齊) tức là phần lớn tỉnh Sơn Đông ngày nay. Khi Sở Vương (Hạng Vũ) diệt nhà Tần, đã chia lãnh thổ đất Tề thành ba phần là Tề Quốc (kinh đô là Lâm Truy), Giao Đông (kinh đô là Tức Mặc), và Tề Bắc (kinh đô là Bác Dương).

Bại nhân miêu giá, phá nhân hôn nhân.

敗人苗稼。破人婚姻。

Hủy hoại mùa màng của người ta, phá hoại hôn nhân của kẻ khác.

Dân coi ngũ cốc như tánh mạng. Huống hồ nông dân Xuân cày Hạ cuốc, bao nhiêu nỗi siêng năng, cần cù. Thuế má, nợ nần riêng tư đều trông cậy vào đấy, há có nên ngăn trở thủy lợi, khiến cho ruộng đồng khô hạn, phá hoại đê đập khiến mùa màng bị ngập, thả rong súc vật giày đạp, ăn hại hoa màu, khiến cho những thứ do trời đất sanh thành chẳng thể thu hoạch, sức người phí uổng chẳng có công lao gì! Sao mà bất nhân quá đáng vậy? Nhưng không chỉ là như vậy, kẻ làm bề trên của dân chúng mà không coi trọng thời vụ, chẳng chú trọng thủy lợi thì cũng thuộc loại phá hoại mùa màng, cũng có thể dùng tội danh này để định tội vậy!

Vào năm Đinh Mùi (1667) đời Khang Hy nhà Thanh, gã hương dân Lý Giáp ở Hồ Quảng[143] làm nghề buôn trâu. Muốn cho trâu mập mạp, hắn thường chờ

143 Hồ Quảng (湖廣) là từ ngữ chỉ hai tỉnh Hồ Bắc và Hồ Nam. Từ ngữ này có ý nghĩa khác với danh xưng Hồ Quảng Hành Tỉnh thời Nguyên và Minh. Hồ Quảng Hành Tỉnh bao gồm phía Nam tỉnh Hồ Bắc, toàn bộ tỉnh Hồ Nam, vùng Đông Nam của Trùng Khánh, vùng Thiều Quan (kể cả đảo Hải Nam) của Quảng Đông, và một phần tỉnh Quảng Tây. Danh xưng Đại Hồ Quảng lại chỉ một khu vực rộng hơn bao gồm năm tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây và Phước Kiến.

đến khi lúa chín, vào lúc canh tư, cưỡi trâu cho nó ăn lúa thỏa thích, đi xa tới mấy dặm, coi đó là chuyện thường. Đất rộng người thưa, người ta không nhận biết. Bỗng có một hôm, hắn bị sét đánh chết, lưng có đề bốn chữ bằng son: *"Túng ngưu hại giá"* (Thả trâu hại mùa màng).

Cao Bân làm tri châu Đường Châu, đất rộng người thưa, đồng ruộng hoang vu. Ông tới trấn nhậm, bèn xem xét tận cùng ruộng đất, biết vùng ấy có thể canh tác, chỉ hiềm thiếu sức người. Do vậy, ông chiêu mộ những lưu dân (người dân lêu bêu) thuộc Lưỡng Hà[144], tính theo nhân khẩu mà cấp ruộng. Số hộ dân tăng thêm là một vạn ba ngàn ba trăm hộ, cấp ruộng hơn ba vạn một ngàn khoảnh. Thậm chí đất đai ở các vùng rừng núi gai góc đều biến thành ruộng tốt.

Hứa Quy làm tri huyện Đan Dương, gặp phải trận hạn hán to, ông bèn trái nghịch lệnh cấm, phá đê ngăn Luyện Hồ[145] để lấy nước cứu ruộng cho dân. Năm ấy, hơn một vạn khoảnh ruộng được mùa lớn.

Vương Tế làm Chủ Bạ ở Long Khê. Huyện có một cái ao chứa nước dài dằng dặc mấy chục dặm. Trước đó đã có gã thổ hào độc chiếm cái ao ấy để chuyên trục lợi. Ông bèn đoạt lấy cho dân dùng, cả huyện chẳng

144 Lưỡng Hà là hai tỉnh Hà Nam và Hà Bắc.

145 Luyện Hồ (練湖) là một cái hồ to thuộc huyện Đan Dương, tỉnh Giang Tô.

còn lo lắng tai nạn hạn hán lâu ngày.

Miêu Thời Trung làm Chủ Bạ ở Ninh Lăng. Trong huyện có con sông cổ bỏ hoang lâu ngày. Ông sai phu phen khai thông, ruộng trong huyện bèn trở thành phì nhiêu. Tấm lòng của mấy vị ấy là làm lợi cho trăm đời; những kẻ có tâm phá hoại mùa màng, và ngồi điềm nhiên nhìn dân chúng nheo nhóc vì hạn hán hay lụt lội, chẳng lập ra phương cách cứu giúp, hãy nên nhìn vào những tấm gương trên đây!

Có vợ chồng rồi mới có cha con, đạo hôn nhân to lớn thay! Phá hoại hôn nhân có mấy loại. Có kẻ dùng trăm phương kế phỉ báng, hủy nhục, hoặc là phá hoại trước khi họ nên duyên, có khi là tìm nhiều cách ngăn trở, quấy nhiễu để phá hoại lúc họ sắp kết hôn. Có khi là vô cớ dấy động sóng gió nhằm phá hoại sau khi họ đã kết hôn. Nào có biết hôn nhân là do trời định, con người làm sao có thể phá hoại cho được? Những cuộc hôn nhân bị kẻ khác phá hoại, thật sự là do rốt cuộc họ chẳng có mối quan hệ hôn nhân. Nhưng ly tán hay kết hợp là do cõi trời, dấy lên cái tâm phá hoại là do nơi con người, cái tội ấy giống như tội sát nhân. Ôi chao! Kẻ tạo ác sao lại táng tận lương tâm, tự chuốc lấy nỗi oan nghiệt to tát vậy? Còn như vợ chồng đã lấy nhau, hoặc là bố vợ chê chàng rể kém hèn mà sanh lòng ly gián, hoặc do bố mẹ chồng thấy con dâu nghèo nàn bèn tin theo lời gièm siểm, sàm báng! Lại nữa, phá

hoại tình yêu thương giống như sát nhân, còn nặng gấp mấy lần cái tội cầm dao gươm đâm chém, chớ nên không răn dè. Nếu như vì ngại dâu rể nghèo nàn mà từ hôn, hoặc cậy mạnh chiếm đoạt người phối ngẫu của kẻ khác càng có hại cho lẽ trời. Nếu như quan lại phán xử cong vạy do thuận theo tình cảm riêng tư, bèn dựa trên những lời cung khai chẳng đúng sự thật mà kết thành án xác quyết, liền cấp giấy ly hôn, âm chất sẽ bị hao tổn to lớn, ắt bị trời đất khiển trách sâu nặng! Kẻ làm quan thông hiểu tình đời, hãy lại nên dè chừng chuyện này!

Tiểu Lý Nhi ở Đức Châu lúc trẻ nghèo nàn, lái thuyền cho người ta, ngẫu nhiên nhặt được mười hốt[146] vàng. Chủ thuyền bảo: "Ta có đứa con gái gả cho ngươi làm vợ", bèn đính ước. Một hôm, chủ thuyền đi vắng, người mất vàng tới hỏi. Lý Nhi hỏi han, biết là đích xác bèn trả lại. Chủ thuyền có gã thân thích, muốn đoạt vợ của Lý Nhi để cưới cho con trai mình, bèn thừa dịp ly gián, phá hoại nói: "Gã ấy là kẻ bạc phước, rốt cuộc sẽ chết đói". Chủ thuyền bèn xua đuổi Lý Nhi. Gã thân thích ấy vừa sắm sửa lễ vật hỏi cưới, bỗng con hắn chết

146 Hốt (笏) có hai cách hiểu:
1. Vàng, bạc đúc thành miếng có hình dạng giống như cái hốt (vật cầm trên tay của các quan khi vào chầu vua). Có thể hiểu đại khái là đúc thành miếng mỏng, giống như kiểu vàng lá (một lượng hay còn gọi là một "cây" vàng).
2. Đúc thành từng thoi thì cũng gọi là Hốt.

đột ngột, phải hủy hôn lễ. Lý Nhi bị đuổi đi, vẫn chở thuyền cho người khác. Tháng nóng, anh ta tắm dưới Lỗ Kiều thấy có vật ngáng chân, chính là mấy chục đĩnh bạc, bèn nhặt lấy đem buôn bán ở chợ. Gặp một người chủ tiệm chính là người đã đánh mất tiền khi trước, ông ta bèn tận tâm giúp đỡ họ Lý đổi thành hàng hóa, được lời gấp mấy lần. Chủ thuyền khi trước biết anh ta giàu có, rốt cuộc gả con cho. Lý Nhi còn sanh được hai đứa con đều quý hiển!

Cát Đảnh Nãi ở Tứ Minh lúc còn làm chư sanh[147], mỗi khi đến trường, ắt đi ngang miếu Thổ Địa. Ông Từ trông miếu mộng thấy thần dạy: "Cát Trạng nguyên đi qua, ta ắt phải đứng dậy. Hãy vì ta dựng tường ngăn để che lại". Ông Từ theo đúng lời, vừa mới nhóm họp thợ, chưa khởi công, lại mộng thấy thần bảo: "Chẳng cần tốn công nữa! Chàng Cát viết thư ly hôn cho kẻ khác, đã bị tước sạch công danh trên đường khoa cử". Ấy là vì có kẻ trong làng bỏ vợ, chẳng thể viết giấy ly hôn, bèn kèo nài chàng Cát viết giùm. Chàng Cát nghe ông Từ kể lại lời thần, hết sức hối hận, tận lực khiến cho vợ chồng họ tái hợp. Anh ta chỉ đỗ khoa thi Hương, làm quan tới chức Phó sứ.

147 "Chư sanh" (諸生) là tiếng gọi những người đã đậu tú tài, được vào học trường huyện, hoặc trường Thái học tại kinh đô (học trò tại trường Thái học sẽ thường được gọi là giám sanh). Do những người này được chia thành nhiều loại như cống sanh, lẫm sanh, phụ sanh, tăng sanh, hướng sanh, lệ sanh, tường sanh, nên gọi chung là "chư sanh".

Tôn Hồng từng viết giấy ly hôn cho người khác. Cha một người bạn nằm mộng thấy Tôn Hồng do chuyện này mà bị tước sạch công danh. Tôn Hồng biết chuyện, hết sức hối hận, vội khuyên nhủ người bạn, tận lực giúp cho họ đoàn tụ. Từ đấy, anh ta chuyên dốc chí giúp cho hôn nhân của người khác được toàn vẹn. Hễ có chuyện ly hôn ắt khéo léo hòa giải, bảo vệ cuộc hôn nhân ấy. Do âm công đó anh ta được làm Thị lang, sanh hai con trai.

Quan lệnh doãn xứ Hoài An là Phạm Dưỡng Ngô thấy có gã học trò là Thí Kỳ Phân do vợ chồng kiện cáo nhau, theo đúng pháp phải nên xử cho họ ly hôn, nhưng ông dốc sức giúp cho họ chẳng bỏ nhau. Đến khi cáo lão hồi hưu ông bị bệnh, cháu nội là Thụy Chi xin tiên giáng cơ. Đến khi vị tiên giáng đàn thì ra là Thí Kỳ Phân, phê rằng: "Nhờ ơn sâu nặng của ông khéo léo giữ vẹn cuộc hôn nhân cho vợ chồng ta, sanh được bốn đứa con, nay chúng đều vào trường huyện, vì thế đặc biệt đến cảm tạ. Hơn nữa, ông là người nhân đức nên sẽ vĩnh viễn hưởng phước lâu dài, chẳng đáng phải lo âu". Về sau, quả nhiên ông Phạm sống thọ, con cháu hết sức hưng thịnh.

Hà Nguyên Ích đã ước định kết thông gia với Triệu Minh Phu, nhưng con gái họ Triệu bị mù, gia sản ít ỏi, Nguyên Ích bèn từ hôn, kết thông gia với nhà Đơn Tử Văn. Năm sau, hai cha con Hà Nguyên Ích đều

chết, con gái họ Triệu lấy chàng học trò Diệp Duy Tiên. Duy Tiên đỗ đạt, chưởng quản tam điển[148] tại một quận lớn. Trịnh Thúc Thông từ bé đã có hôn ước với con gái họ Hạ; đến khi đỗ đạt, con gái họ Hạ bị bệnh trở thành câm. Chú bác khuyên đừng cưới, Thúc Thông kiên quyết nói "chẳng thể", thưa: "Cháu không cưới cô gái ấy, cô ta sẽ đi về đâu? Hơn nữa, khi chưa bị câm bèn đính hôn, đã bị câm bèn bỏ, cái tâm sao mà tàn nhẫn vậy?" Ông vẫn cưới cô ta. Về sau, họ Trịnh làm quan tới chức Thị Tùng[149], con trai lại đỗ đạt.

Dương Hoành giận thằng rể là Diêu Hồng thất học, đuổi hắn đi. Diêu Hồng xin từ biệt vợ, chẳng được chấp thuận. Cô con gái oán hận, phẫn uất thành bệnh mà chết. Dương Hoành sai người đưa quan tài tới quàn ở chùa. Chàng rể tới chỗ quàn quan tài, khóa cửa tự bung ra, cánh cửa cũng tự mở. Mẹ cô Dương nghe chuyện bèn cảm khái bi thương, bèn chết. Mười mấy năm sau, Dương Hoành tới chỗ quàn con gái, cũng chết đột ngột.

---

148 Tam điển (三典) là ba loại pháp điển (luật lệ) của nước nhà, tức khinh điển, trung điển và trọng điển. Cổ nhân quy định: Khi nước nhà mới thành lập (vương triều vừa mới thành lập) dùng khinh điển (luật lệ nhẹ, khoan dung), trong thời kỳ thái bình, dùng trung điển (luật lệ hạng trung). Vào đời loạn, dùng trọng điển (luật lệ nghiêm khắc). Như vậy chưởng quản tam điển chính là chức quan trông coi về tư pháp tại một quận. Theo Hán Thư, một quận có mười hai vạn hộ gia đình trở lên thì gọi là đại quận.

149 Thị Tùng (侍從) là danh xưng chung để gọi các chức quan Hàn lâm học sĩ, Cấp sự trung, các quan Thượng thư hoặc Thị lang.

Tư Mã Ôn Công đời Tống đã huấn thị rằng: "Phàm ước định hôn nhân, trước hết hãy nên xem xét tánh tình, phẩm hạnh của chàng rể và đứa con gái, cũng như gia pháp như thế nào, đừng chỉ hâm mộ phú quý. Nếu chàng rể thật sự là người hiền, nay tuy nó nghèo hèn, biết đâu mai sau nó phú quý không chừng? Nếu như nó là thứ không ra gì, nay tuy phú quý, không chừng mai sau nó nghèo hèn thì sao? Người vợ là cội nguồn khiến cho gia đình hưng thịnh hay suy bại. Nếu chỉ hâm mộ phú quý nhất thời mà cưới về, cô ta sẽ cậy mình phú quý, hiếm có khi chẳng khinh rẻ chồng, hống hách đối với bố mẹ chồng, dưỡng thành tánh kiêu căng, ghen ghét, họa hoạn mai sau há có cùng cực ư? Giả sử do tài sản của vợ mà trở thành giàu có, dựa vào thế lực của nhà vợ để làm quan, nếu là bậc trượng phu có chí khí, há có thể chẳng thẹn ư? Lại nữa, thế tục thích lúc trẻ còn đang ẵm ngửa, non nớt đã dễ dãi hứa hôn, cho đến khi con cái đã lớn, hoặc là phường không ra gì, vô lại, hoặc thân bị bệnh ngặt, hoặc nhà nghèo đói rét, hoặc phải làm quan ở nơi xa. Vì thế đến nỗi chẳng giữ chữ tín, trái nghịch hôn ước, dẫn đến chuyện thưa gởi, kiện cáo khá nhiều! Do vậy, đối với con cái nhà người ta, ắt phải chờ đến khi chúng đã khôn lớn rồi mới bàn định hôn nhân. Đã gởi thư xin cưới, nạp sính lễ, chẳng đầy mấy tháng hôn sự bèn hoàn tất. Do vậy, chuyện chung thân mới chẳng có việc từ hôn thay đổi, đấy chính là cách thức đời sau đáng nên tuân thủ vậy".

Cẩu phú nhi kiêu, cẩu miễn vô sỉ.

苟富而驕。苟免無恥。

Vừa mới giàu có mà đã kiêu căng, tùy tiện trốn thoát không biết hổ thẹn.

"Cẩu" (苟) chính là "cẩu phú" (苟富) như Luận Ngữ đã nói, có nghĩa là chưa chắc đã giàu to, chỉ là giàu có tạm thời, hoặc tạm coi là giàu có mà đã kiêu căng. Rõ ràng là nói đến tình huống vô tri làm xằng của phường tiểu nhân vừa mới giàu có. Bởi lẽ, giàu mà kiêu, kiêu bèn xa xỉ, do xa xỉ bèn phí phạm. Do phí phạm sẽ tham lam đoạt lấy của cải bất nghĩa, bóc lột kẻ khác để béo thân mình, ắt sẽ dẫn đến chuyện ỷ vào của cải rồi hung hăng, ngạo mạn, lấn hiếp xóm giềng, khinh rẻ thân thích, bằng hữu, để tự hưởng thì có thể vung tay ngàn vàng, nhưng đối với người ngoài bèn "một sợi lông chẳng chịu nhổ"! Nhưng sự rực rỡ (phô trương oai thế) dễ hết, đạo trời chẳng ưa sự sung mãn quá lố, thói kiêu ngạo còn chưa kịp ảnh hưởng tới người khác thì họa đã giáng xuống chính mình trước. Chuyện này muôn phần chẳng sai sót một!

Một phú ông ở Dương Khê tánh tham lam, thô bỉ, bạc lụa, tiền tài, thóc gạo ngày càng chất chứa đầy ắp. Ông Trần Đống Đường khuyên nhủ: "Chất chứa tài sản mà chẳng chia ra ắt sẽ có tai ương lạ lùng. Sao không thí xả một, hai phần để làm thiện sự hòng làm kế lâu dài". Hắn chẳng nghe lời. Hai, ba năm sau, ông Đống

Đường nói với kẻ khác: "Họa của gã này đã tới rồi, hắn ta một mực tham lam, keo kiệt đáng khinh. Gần đây, nghe nói hắn càng thêm mặc sức kiêu căng, ngang ngược, ngạo mạn, bóc lột hà khắc, không chuyện gì chẳng làm, chẳng phải là sẽ nhanh chóng gặp họa ư?" Không lâu sau, quả nhiên hắn ta bị giặc giết. Cổ nhân nói: "Cung kính, kiềm chế là nền tảng của phước, còn kẻ kiêu căng, keo kiệt, ngạo mạn, đó là điềm tai họa". Kẻ nương vào nền phước sẽ dần dần được an ổn, kẻ dẫn khởi nguồn họa sẽ bỗng dưng bị đổ nhào. Gương sáng vằng vặc xưa nay, hãy nhớ răn dè!

Đức Phật dạy: "Ta có hai bạch pháp có thể cứu hết thảy chúng sanh. Hai bạch pháp là gì? Một là thẹn, hai là hổ". Phu tử (Khổng Tử) nói: *"Hành kỷ hữu sỉ"* (Lập thân hành xử, biết xấu hổ). Lễ Ký chép: *"Lâm nạn vô cẩu miễn"* (Gặp nạn chẳng tùy tiện trốn tránh). Nay đã cẩu thả trốn tránh, lại còn chẳng biết hổ thẹn, hạng người như vậy thấp kém lắm!

Đời Đường, Ca Thư Hàn và An Lộc Sơn cùng làm tướng của nhà Đường, thường ganh nhau, chẳng ai chịu thua ai. Cho đến khi An Lộc Sơn làm phản, Ca Thư Hàn bị bắt, An Lộc Sơn hỏi: "Ngươi thường khinh ta, nay thì như thế nào?" Ca Thư Hàn quỳ mọp dưới đất, thưa: "Thần là gã mắt thịt, chẳng biết bậc thánh nhân". An Lộc Sơn cười, phong cho Ca Thư Hàn làm Tư Không[150]

150 Tư Không (司空): Chữ không là cách viết giả tá của chữ công. Tư không

của hắn. Về sau, [sau khi loạn An Lộc Sơn bị dẹp tan], những tướng của nhà Đường đã hàng giặc đều bị triều đình giết sạch, Ca Thư Hàn rốt cuộc bị chết.

Đời Tống, Phạm Thuần Nhân đã từng cùng Tư Mã Quang bàn luận chánh sự không hợp ý. Về sau, đến khi triều đình trừng trị phe Tư Mã Quang, do Hàn Duy khi còn nắm quyền đã không hợp ý Tư Mã Quang nên chẳng mắc tội với phe đảng mới. Có người khuyên Thuần Nhân hãy dùng trường hợp của Hàn Duy để làm cớ chạy tội. Thuần Nhân nói: "Xưa kia ta và Quân Thật (tên tự của Tư Mã Quang) làm bạn cùng triều bàn luận chánh sự không hợp ý thì được. Chứ hiện thời, cẩu thả mong được thoát tội thì không thể được. Ôm lòng nhục nhã mà sống, sao bằng chết đi mà cái tâm chẳng xấu hổ ư?" Thuần Nhân bèn bị [phe cầm quyền mới trong triều đình] đày đi xa.

Lỗ Tử Tấn nói: "Chẳng đáng thoát khỏi mà may mắn thoát khỏi thì gọi là "cẩu miễn", hãy nên tự thẹn, tự trách sâu xa! Có một hạng người do nương cậy các mối quan hệ mà mưu toan thoát tội được thành, bèn ngược ngạo cười mũi những người vì trung lương mà bị chém giết, chê bai sâu xa những vị vì tiết nghĩa mà

---

cùng với Tư đồ, Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ gọi là Ngũ quan, địa vị ngang với Lục khanh (thời Chu, Lục khanh là Thái tể, Thái tông, Thái sử, Thái chúc, Thái sĩ, Thái bốc. Từ đời Đường trở đi, Lục khanh là Thượng thư sáu bộ Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Chức vị Tư không chưởng quản các công tác thủy lợi, xây dựng, kiến thiết v.v… Về sau, chức quan Tư không đồng nhất với Công bộ Thượng thư.

bị tử hình. Hạng người ấy tuy do hành xử cẩu thả mà giữ tròn tánh mạng, cái tâm đã chết trước mất rồi, cũng chẳng có mặt mũi nào mà nhìn người khác, chứ chẳng cần nói đến chuyện bị thiên hạ thóa mạ sau lưng! Còn như những kẻ tiểu nhân đầu đường xó chợ, làm xằng, làm quấy, may mắn thoát khỏi tai họa trừng phạt, chẳng biết là trời sẽ giáng họa sâu hơn, vẫn quen thói chẳng hổ thẹn, làm ác chẳng hối cải, rốt cuộc tới lúc chẳng thể tránh khỏi tai họa mà vẫn chẳng tỉnh ngộ, cũng chẳng đáng buồn ư?"

Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác.
認恩推過。嫁禍賣惡。
Mạo nhận ân huệ, chối bay tội lỗi. Giá họa, ác ý.

Ân chẳng phải do mình làm ra mà mạo nhận, bất quá là mưu kế nhất thời hòng mua chuộc hảo cảm của người khác. Xét đến cùng, nhất định là người chịu ân sẽ biết sự thật, họ sẽ chẳng cảm kích, mà đâm ra coi thường sự dối trá ấy. Lỗi thật sự từ chính mình mà ra, nhưng đùn đẩy trách nhiệm, bất quá là mưu kế nhất thời hòng chữa lửa! Xét đến cùng, nhất định kẻ khác sẽ biết sự thật, họ không chỉ chẳng dung thứ, mà càng chán ghét thói gian giảo ấy! Đó gọi là "kẻ tiểu nhân oan uổng tự làm tiểu nhân".

Đời Tống, Vương Tăng làm Tể tướng, có kẻ xin cất nhắc, ông ắt nghiêm mặt từ khước. Hễ cất nhắc,

ông trọn chẳng nói cho kẻ ấy biết. Đệ tử hỏi: "Sao thầy không cho kẻ đó biết?" Ông đáp: "Dùng người hiền là chuyện của Hoàng đế, nếu để cho họ biết sẽ thành chuyện thuận theo tình riêng để ban bố ân huệ riêng tư. Xưa kia có một người muốn tặng khách ngàn vàng, sợ rằng nếu công khai trao tặng sẽ có kẻ khác ganh ghét, bèn bỏ vàng trong vò rượu, niêm kín lại đem biếu. Người ấy phát hiện vàng, bèn hỏi nguyên cớ, người cho bèn đáp: "Tôi không biết! Rượu này mua ngoài chợ, chẳng biết là do ai giấu vàng vào đó! Đấy là vận số đã định, món vàng ấy phải thuộc về anh. Sao lại hỏi tôi?"

Một gã huyện lại (nha lại làm việc ở huyện) tại Hưng Sơn giỏi gạt người. Mỗi khi quan trên ban ân trạch cho người khác, gã huyện lại ấy bèn nói: "Đó là do ta dốc sức đệ trình". Hoặc là người khác bị trách phạt, bèn nói: "Là do công lao duy trì chánh nghĩa của ta". Hễ có chánh lệnh tốt đẹp nào, hắn đều nhận là do ân huệ của chính mình. Mọi người đều ca tụng hắn có sức xoay chuyển càn khôn. Về sau quan huyện phạm lỗi, quan trên cũng bắt hắn luôn, bảo: "Quan huyện nghe lời ngươi, chuyện này do ngươi gây nên, đều là do ngươi chủ trương sai khiến, tội há có thể dung tha, thoái thác ư?" Rốt cuộc hắn bị phạt trượng mà chết.

Đời Minh, Trạng nguyên Vương Hoa lúc làm quan, có kẻ dùng chuyện của kẻ khác để vu cáo ông.

Người ta khuyên ông nên biện bạch, ông đáp: "Đấy là chuyện của người bạn cùng lứa tuổi với ta. Nếu ta biện bạch, sẽ là công kích bạn ta". Rốt cuộc, ông chẳng biện bạch. Về sau, con ông là Thủ Nhân, tức tiên sinh Vương Dương Minh, đang làm quan tại kinh đô, nghe hàng nho sĩ bàn luận tơi bời về chuyện ấy, toan dâng sớ tấu trình Hoàng đế để biện định, ông vội gởi thư ngăn lại, bảo: "Con tính dùng chuyện này để sỉ nhục cha ư? Cha vốn không thể sỉ nhục. Nay con bèn vô cớ công kích, bêu riếu người bạn của cha, tức là đã ngược ngạo khiến cho cha bị sỉ nhục to lớn!" Vương Dương Minh bèn thôi dâng sớ. Ôi! Thà nhận là lỗi của mình, chẳng phô bày sự sai lầm của bạn, há chẳng phải là đã vượt trội hạng tầm thường muôn vạn phần ư? Như thế thì há có thói tệ "mình có lỗi bèn đùn đẩy cho người khác" hay sao?

"Giá họa" (嫁禍) là như gả con gái cho người ta, người ta cũng chịu cưới. "Mại ác" (賣惡) là như bán vật gì cho kẻ khác, người ta cũng bằng lòng mua. Những mưu toan kiểu này quá sâu, ắt phải chịu báo ứng thê thảm, rốt cuộc sẽ là "họa tự đưa đến, ác tự dồn về", cũng có ích gì chăng?

Đời Tống, Quách Hoàng Trung coi Vân An quân[151]. Một hôm, ông đến Thê Hà Cung dâng hương,

151 Quân (軍) là một đơn vị hành chính thời Tống. Nhà Tống chia lãnh thổ Trung Hoa làm mười tám lộ (路, tương đương một tỉnh hiện thời). Mỗi lộ lại chia thành châu, phủ, quân và giám (監).

mộng thấy thần bảo: "Ông rủ lòng chăm sóc nơi này, ai nấy đều chịu ân. Nhưng có chuyện gian dối, chẳng dám không báo cho ông biết. Ngày mai sẽ có những kẻ phạm tội mổ trâu bị giải tới, ngoài chín người ra, hãy nên tra xét". Đến sáng, Tuần Kiểm Ty[152] quả nhiên giải chín người đến. Có một gã lính tự xưng là đã bắt được bọn trộm, xin lãnh thưởng. Con trâu ấy do gã lính ấy giết, giá họa cho chín người kia, lại còn bắt giữ họ để mong được thưởng. Ông vừa cật vấn, hắn bèn chịu tội.

Trình Thất ở Việt Trung[153] vốn là kẻ vô lại. Làng xóm hễ có người đấu đá, hắn ắt nói: "Có thể cho ta uống rượu say, trả tiền công cho ta, ta sẽ dốc hết sức làm thay". Người ta ưng chịu, hắn sẽ thừa cơn say, thay mặt người mướn đến chỗ đối thủ nhục mạ, đánh lộn hăng tiết, không gì chẳng làm! Lại còn có thể lập gian kế thay cho người khác, chỉ cần có lợi thì không gì chẳng làm. Một hôm, hắn được kẻ khác thuê mướn để lên phủ chịu trách phạt thay cho người đó, hắn bị tra khảo trọng thương đến nỗi chết, phơi thây ngoài đường. Người ta trông thấy, không ai chẳng vừa chửi bới vừa cười nhạo: "Điều ác có thể bán được thì tánh mạng cũng có thể bán được luôn!"

---

152 Tuần Kiểm Ty (巡檢司) là một cơ quan hành chánh đời Tống, có trách nhiệm tuần tra châu huyện, bắt giữ đạo tặc.

153 Việt Trung (越中) là vùng Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang. Do vùng này thuộc vào trung tâm của nước Việt thời Xuân Thu, nên gọi là Việt Trung.

Cô mãi hư dự, bao trữ hiểm tâm.
沽買虛譽。包貯險心。
Mua bán danh hão, ôm lòng sâu hiểm.

Mạnh Tử nói: *"Hữu chư nội, tất hình chư ngoại"* (Những ý niệm có ở bên trong, ắt biểu lộ ra ngoài). Trang Tử nói: *"Danh giả, thật chi tân giả"* (Cái danh nhằm biểu lộ thực chất bên trong), làm sao có thể mua bán cho được? Mua bán hư danh thì có kẻ hao tốn tiền của để chuốc vời, bày mưu tính kế để lôi kéo cái danh, có ý tưởng vận dụng những mánh khóe để lung lạc! Thường thấy từ xưa, những bậc tôi trung, con hiếu, phụ nữ tiết hạnh, kẻ sĩ chân chánh, hễ có danh tiếng vẻ vang, ắt sẽ gặp chuyện khốn khó, vùi dập. Vì cớ sao vậy? Danh cũng là phước; tạo vật (tạo hóa) chẳng chịu trao phước vẹn toàn cho con người; được cái này mất cái kia, đó là lẽ tất nhiên. Huống hồ là kẻ không có thực chất, mua danh, sẽ gặp những chuyện vùi dập đến mức nào?

Ông Vu Thiết Tiều nói: "Kẻ sĩ trong hiện thời, văn chương có thể được khắc in, nhưng nhiều lượt thi trượt. Kẻ làm quan cai trị nhân đức được khắp nơi ca tụng, nhưng suốt mười năm chẳng được điều động thăng thưởng, không ai là chẳng phải vì lẽ này!"

Đời Tống, Trần Hy Di đã răn dạy Chủng Phóng[154]:

154 Chủng Phóng (935-1015) là người sống vào đời Tống, quê ở Lạc Dương,

"Danh là món vật đẹp đẽ xưa nay, bị tạo vật đố kỵ sâu nhất. Vì thế, trong vòng trời đất chẳng một ai hưởng tiếng thơm toàn vẹn. Khi danh tiếng của ông dấy lên ắt có những sự vật khiến cho cái danh ấy bị suy bại". Về sau, quả nhiên tiết tháo của Chủng Phóng vào lúc tuổi già do chuyện ngồi xe trang hoàng xa xỉ mà thanh danh bị chôn vùi. Như Chủng Phóng là người hiền, còn vì danh tiếng lừng lẫy mà suy bại. Những kẻ sĩ giả danh, văn chương giả dối, đạo học giả dối, tiết nghĩa giả vờ trong hiện thời cứ đề cao danh tiếng của nhau, gắng sức làm cho tiếng tăm được lưu truyền rộng rãi, khi thực chất bị bại lộ sẽ biết làm như thế nào? Thường thấy bậc danh sĩ mắc họa, thường gặp những cảnh ngộ bi thảm hơn kẻ bình thường. Như thế thì kẻ chú trọng hư danh không chỉ là tổn phước mà thôi, há chẳng đáng răn dè ư? Còn như làm lành mà cũng chú trọng vun đắp công đức ngấm ngầm, ắt trời sẽ báo đền chẳng tầm thường vậy!

Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Hãy nên bình lặng tâm địa, ắt đất trong thế giới hết thảy đều bình". Bởi lẽ, sự gian hiểm trong tâm địa đều được chứa đựng trong

có hiệu là Vân Khê Túy Hầu. Ông bảy tuổi đã có thể viết văn, tinh thông Dịch học, nhưng không đi thi, ẩn cư tại núi Chung Nam, chuyên dạy học. Do Xá Nhân Tống Duy Hàn cực lực tiến cử, Tống Chân Tông vời ông ra làm quan, phong chức Tả tư gián, sai trông coi Chiêu Văn Quán. Ông lại được thăng thành Hữu nghị gián đại phu. Cuối cùng, làm quan đến chức Công bộ Thị lang. Khi đã đắc thế, ông tậu nhiều ruộng tốt, cậy oai thế cưỡng ép người khác phải bán ruộng. Thuộc hạ và thân thuộc cũng cậy thế ông làm nhiều chuyện sai quấy.

ấy, khiến cho con người chẳng giác. Ẩn giấu giáo mâu trong câu nói tiếng cười, đặt bẫy rập liên hoàn, xảo trá kín nhiệm, dẫu núi sông hiểm trở vẫn chẳng đủ trỗi hơn sự hung hiểm trong những mưu kế ấy. "Bao trữ" (包貯) có nghĩa là "kiên cố chẳng thể phá, dày đặc chẳng thể lén nhìn ra được". Tiên sinh Liễu Phàm nói: "Tạo vật ghét nhất không gì hơn kẻ mưu mẹo. Vì thế, trời sẽ báo phục kẻ thâm hiểm đến nỗi có khi người khác phải nghĩ sự báo đền ấy quá đáng, xác thực là như thế!"

Đời Đường, Lý Nghĩa Phủ làm Tham Tri Chánh Sự, dung mạo ôn hòa, cung kính, nói chuyện với kẻ khác ắt sẽ mỉm cười, nhưng lòng dạ giảo trá, thâm hiểm, đố kỵ, khắc bạc, giỏi nghề khuynh đảo, hãm hại. Người thời ấy bảo trong nụ cười của hắn có đao. Hắn lại dùng sự mềm mỏng ấy để hại mọi người, nên lại được gọi là Lý Miêu (李猫, con mèo họ Lý). Về sau, hắn phạm tội, bị lưu đày, chết ở Huề Châu, con cháu suy bại!

Tọa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoản.
挫人所長 。護己所短 。
Ém tài người khác, giấu diếm sự kém cỏi của chính mình.

Quân tử thích nói đến điều lành của người khác, chẳng che giấu sở trường của người ta, vun quén, hun đúc chánh đáng, khiến cho người ta đạt tới chỗ hoàn mỹ, hay khéo tột cùng, hòng tài năng của người

ấy được thi thố trọn hết. Nếu vùi dập, chèn ép, khiến cho họ nhụt chí, ngã lòng, tài năng chẳng được mở rộng; đấy là do cái tâm đố kỵ tạo thành, hết sức hiểm độc nhất!

Đời Tống, Mục Tu nổi tiếng về tài làm thơ, thường sang chơi kinh đô và Lạc Dương. Có lần ông ta đề thơ trên vách tường nơi cung cấm. Tống Chân Tông trông thấy bèn thích thú, khen ngợi, hỏi là thơ của ai. Lại bảo: "Có văn tài như thế, sao hàng công khanh trong đám triều thần chẳng tiến cử?" Đinh Vị gièm báng rằng: "Gã ấy phẩm hạnh chẳng được như văn tài". Do vậy, chúa thượng không hỏi thêm nữa. Do Đinh Vị lập tâm như thế, cho nên về sau hắn chết chẳng có chỗ chôn. Ôi! Kẻ ém tài người khác chỉ biết giấu nhẹm sở trường của kẻ khác, sao chẳng bận tâm đức hạnh của chính mình bị chôn vùi ư?

Kẻ tiểu nhân che lỗi giấu sai, chẳng đoái hoài thiên lý. Cố nhiên bọn chúng tự cho là mưu mẹo thích đáng, nào có biết khó trốn luật trời! "Hộ" (護) có nghĩa là vận dụng nhiều cách để che giấu, kiên quyết sao cho chẳng bị tiết lộ. Người mắc bệnh hết sức cần phải được chữa trị gấp, nếu kiêng nói đến bệnh tật, kỵ thầy thuốc, mà tánh mạng chẳng bị mắc hại thì hiếm lắm. Chu Tại Am nói: "Che giấu khuyết điểm không chỉ là riêng mình! Phàm là con cháu, người nhà, môn khách trót tạo lỗi ác, nếu ta chẳng ngăn ngừa, kiểm soát, cứ dưỡng thành

những thói ấy thì sẽ đều thuộc về phạm vi luận tội của câu này". Còn như cha thường giáo huấn nghiêm ngặt, nhưng mẹ thường mong cho con khỏi bị quở phạt, bèn giấu diếm, lấp liếm, chẳng để cho cha biết. Đấy cũng là căn bệnh giấu diếm khuyết điểm to lớn vậy!

Lý Thúc Khanh giữ chức Công Tào[155] tại quận, liêm khiết, cẩn trọng nhất. Đồng liêu là Tôn Dung, là một gã tiểu nhân âm hiểm, siểm nịnh, sợ ông Lý phát hiện những khuyết điểm của mình bèn ngược ngạo ganh ghét, hủy báng ông. Ông Lý chẳng thể biện minh, bèn uất ức ngã bệnh rồi chết. Vợ ông bi phẫn, thắt cổ chết. Không lâu sau, Tôn Dung bị sét đánh chết, dưới hông có chữ viết rằng: "Giấu diếm khuyết điểm của chính mình, xằng bậy làm hại người lành".

Đời Minh, Văn Trinh Công Từ Giai làm Đốc Học vùng Chiết Trung. Có một chàng tú tài trong bài văn sách cho khóa thi khảo hạch hằng năm tại huyện đã kết luận bằng câu: *"Nhan khổ Khổng chi trác"* (Nỗi khổ của Nhan Hồi chính là sự đào tạo trác việt của Khổng Tử). Ông bèn gạch đi, phê rằng: "Bịa đặt", giáng chàng ta xuống bậc bốn. Chàng sinh viên bị quở trách bèn thưa rằng: "Câu *'Nhan khổ Khổng chi trác'* xuất phát từ sách Dương Tử Pháp Ngôn, thật sự chẳng phải là bịa đặt".

155 Công Tào (工曹) là chức vụ được đặt ra vào thời Tống, có nhiệm vụ trông coi các công trình xây dựng, lao động.

Ông Từ đứng dậy, nói: "Bổn đạo[156] may mắn được làm quan sớm, chưa từng có học vấn, gần như đã trách lầm ông!" Bèn sửa lại, xếp chàng ta vào hạng nhất. Khi ấy, ai cũng phục lòng độ lượng đẹp đẽ của ông. Về sau, ông Từ làm quan tới chức Đại học sĩ. Hễ là người có phước đức, chắc chắn là có thể bao dung, chẳng giấu giếm khuyết điểm của chính mình. Nhìn vào chuyện này, có thể thấy rõ điều đó.

Học Phật thì trước hết là trừ ngã tướng. Luận định về lòng nhân thì trước hết là nói đến khắc chế dục vọng, những điều này đều nhằm phá một chữ hộ (bảo vệ, che giấu) vậy!

Thừa oai bách hiếp, túng bạo sát thương.

乘威迫脅 。縱暴殺傷 。

Cậy oai bức hiếp, phóng túng hung bạo, giết hại, tổn thương [kẻ khác].

"Phô trương oai thế cho thỏa chí" cũng bất quá là hung bạo, tàn nhẫn, phóng túng mà thôi. "Bách hiếp" (迫脅, bức hiếp) là thật sự dùng sức cướp đoạt người khác. Những chuyện như kẻ làm quan thấy nghi can chẳng nhận tội bèn áp bức khiến cho họ phải nhận tội. Họ không dâng tiền tài, bèn ép họ phải dâng. Cho đến khởi sự xây dựng, cần đến phu phen, đề ra kỳ hạn

156 Bổn đạo: Đạo là đạo phủ (道府), tức là một cơ quan hành chánh. Vị quan có chức trách tại khu vực ấy tự xưng là Bổn Đạo.

hoàn tất, thúc giục bắt dân chúng nộp tiền, nộp gạo, gấp rút như sao băng, cũng như những chuyện như kẻ phú quý lấn hiếp, áp bức phụ nữ, dồn ép kẻ khác phải bán ruộng đất, ỷ mạnh đòi nợ, cậy sức thúc giục nộp tô v.v… đều là uy hiếp, khiến cho người oán, trời giận. Những kẻ bức hiếp người khác ấy mà chẳng bị trả báo thì hiếm lắm thay!

Đời Tống, Trương Sĩ Tốn được cử làm Chuyển Vận Sứ ở Giang Tây, tới gặp Vương Đán xin chỉ dạy. Vương Đán nói: "Thực hiện các hoạt động độc quyền buôn bán của triều đình cho nhiều". Sĩ Tốn vâng theo lời dạy ấy, chẳng cầu nhiều lợi tức. Mọi người khen ngợi Sĩ Tốn hiểu biết đại thể. Tiết Khuê được cử đi làm Phát Vận Sứ vùng Giang Hoài, lúc từ tạ ra đi, Vương Đán chẳng nói gì khác, chỉ nói: "Sức dân ở vùng Đông Nam đã cạn kiệt". Tiết Khuê lui ra, than: "Đúng là lời lẽ của bậc Tể tướng". Xem chuyện này, bèn biết người có lòng nhân chẳng ai không khoan dung giúp đỡ sức dân vậy thay! Bởi lẽ, sanh mạng của dân cậy vào quan trên, kẻ làm quan trên, vâng mạng cai trị dân, há có nên chẳng nhân từ, khoan hòa ư? Những kẻ đang làm quan nắm quyền cai trị hãy suy nghĩ.

Hán Thư chép Thái thú quận Tuyên Thành là Thiệu Phong tham lam, tàn nhẫn, bạo ngược. Một hôm, hắn bỗng hóa thành cọp ăn thịt dân trong quận. Hễ dân chúng gọi "Phong sứ quân", cọp bèn cúp đuôi lủi đi.

Vùng ấy có câu ca dao: *"Mạc học Phong sứ quân, sanh bất trị dân, tử thực dân"* (Đừng có học theo Phong sứ quân, sống chẳng cai trị dân chúng, chết rồi lại ăn thịt dân chúng). Chuyện này có thể răn dè những người đang nắm giữ địa vị mà chẳng biết thương xót dân vậy!

Đời Minh, có một hương thân ở vùng Hồ Quảng dùng tiền tài tích cóp được trong khi làm quan là ngàn lạng, sai người đi chuộc lại sản nghiệp của tổ tiên, bảo con:

- Thời giá đã gấp bội giá trị ban đầu, hãy chuộc sao cho rẻ nhất.

Đứa con mười hai tuổi yên lặng chẳng đáp, thong thả hỏi cha:

- Cha đã bán ruộng đất ấy bao nhiêu năm rồi?

Cha đáp:

- Ba mươi năm.

Đứa con hỏi:

- Mấy nhà mua được sản nghiệp ấy?

Cha đáp:

- Hơn hai mươi nhà.

Đứa con nói:

- Những hộ nhỏ mua ruộng phải đóng các khoản lệ phí cỡ nào?

Cha đáp:

- Những kẻ làm trung gian đòi lệ phí và thuế khóa chừng đó.

Đứa con thưa:

- Con xem luật Đại Minh, những tài sản đã bán đi hơn năm năm sẽ chẳng được phép chuộc về! Sao cha chẳng tuân theo phép vua?

Một môn khách nói:

- Chuộc lại sản nghiệp của tổ tiên là chuyện thuộc về phương diện tranh đua.

Đứa con nói:

- Các ông một mực a dua! Chẳng lẽ phụ thân làm quan, ngoài chuyện mua thêm ruộng đất, những chuyện khác chẳng phải là tranh đua ư? Sao cứ nhất định phải muốn những khoảnh ruộng ấy?

Cha nói:

- Ta muốn chuộc, dân làng dám chẳng tuân theo ư?

Đứa con thưa:

- Con sợ là người làng sợ oai thế nên mới miễn cưỡng cho cha chuộc lại, cha sẽ bị hao tổn âm đức.

Cha nói:

- Thằng nhóc biết đến âm đức thì cũng khá đấy, nay ta tính trả cho họ các khoản lệ phí mà họ đã đóng.

Đứa con nói:

- Các khoản lệ phí là chuyện nhỏ! Nhà ta tậu ruộng dễ, những hộ nhỏ tậu ruộng khó! Như một nhà dựa vào mười mẫu ruộng để sống qua ngày; nếu nay ruộng bị chuộc lại, họ bắt buộc phải tậu ruộng khác, chỉ tậu được năm mẫu! Nỡ lòng nào khiến cho một nửa người nhà của họ bị đói? Con khuyên cha đừng chuộc, hãy tích chút âm đức để lại cho con cháu.

Một lúc lâu, cha mới nói:

- Lời con nói quả thật có lý. Chỉ có mười tám mẫu ở cạnh phần mộ tổ tiên ắt phải chuộc lại để làm ruộng hương hỏa.

Đứa con lại xin cha chiếu theo thời giá để lập văn khế mua bằng giá, đừng nói là "chuộc lại". Cha nghe theo, người làng đều cảm đức, thường ở Mãnh Tướng Từ (đền thờ vị mãnh tướng) cầu nguyện cho con ông ta. Về sau, đứa con mười tám tuổi, liên tiếp đỗ đạt, được Bộ ty[157] đề cử làm Thái thú Nghiêm Châu. Một hôm, nó cưỡi ngựa nghênh tiếp chiếu chỉ. Qua cầu, ngựa rơi

157 Bộ ty gọi đầy đủ là Tỷ bộ quan ty (比部官司). Vào đời Đường, Hình bộ được chia làm bốn cơ cấu là Hình bộ, Đô quan, Tỷ bộ và Ty môn. Thông thường, các quan chức thuộc Bộ ty chỉ quản trị hình pháp, xử án, hoặc quản trị nhà giam, không dính vào các sự vụ hành chánh và quân sự.

xuống sông. Bỗng thấy vị mãnh tướng giơ tay đỡ, nó ngồi ngay ngắn bên chân cầu, mới biết là do người làng cầu đảo mà cảm ứng. Về sau, thọ hơn tám mươi tuổi. Ôi! Những chuyện nhà phú quý uy hiếp kẻ khác kể sao cho xiết! Con em họ nào có được tấm lòng như đứa thiếu niên đất Sở[158], mọi chuyện đều can gián mà được phước ư? Nhưng ta biết chuyện này khó lắm, gã hương thân ấy chẳng biết đã gieo âm đức gì mà sanh ra đứa con ấy!

Phóng túng hung bạo thì quan cao chức cả, nha lại, lẫn dân chúng đều có, nhưng không gì quá đáng bằng xua quân mặc tình tàn sát, cướp bóc. Kế đến là những kẻ xử án, lạm dụng quyền uy ép uổng người vô tội. Tàn bạo đã là chớ nên, huống hồ là buông lung mà làm, lỗi ác rõ rệt, to tát không gì hơn được! Nhưng nếu có quyền thế, dẫu có thể phóng túng tàn bạo, nhưng lại có tâm dùng quyền thế ấy để cứu sống người khác, lòng nhân cũng sẽ càng hiển lộ to lớn không chi hơn được!

Đời Nguyên, hai vợ chồng quan Đồng Tri[159] Quảng Châu họ Hoàng đều ngã bệnh, nằm trên hai chiếc giường khác nhau. Người vợ mộng thấy nha lại cầm công văn, dẫn mấy tên lính cầm xiềng gông, vạch màn ra, dáng

158 Do vùng Hồ Quảng (Hồ Nam và Hồ Bắc) thuộc lãnh thổ của nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên vùng ấy thường được gọi là đất Sở.

159 Đồng Tri (同知) là chức phó tướng hoặc phó huyện trưởng. Từ thời Tống, đã lập ra các chức Đồng Tri Các Môn Sự, Đồng Tri Xu Mật Viện Sự. Tại các châu phủ, cũng có chức Đồng Tri Phủ Sự, Đồng Tri Quân Sự, đều là các chức phó của Tri Phủ, Tri Quân.

vẻ giống như muốn bắt người, bảo: "Chẳng phải kẻ này!" Do vậy, đi sang giường đối diện, vạch màn ra, bảo: "Đúng rồi!" Vợ chồng đều giật mình tỉnh giấc. Chồng nói: "Ta hẳn phải chết, khi ta chiêu an đã giết nhiều người vô tội, nay họ đều đến cả rồi". Qua hôm sau bèn chết. Chu Tại Am nói: "Sát thương là nói chung cả người lẫn vật. Bởi lẽ, chính mình và kẻ khác hình hài tuy khác biệt; người và vật tuy lanh lợi hay ngu xuẩn sai khác nhưng mạng chẳng hai, cùng đau xót như nhau! Chỉ thử nhìn lại chính mình, ta có tham sống hay không? Ta có sợ chết hay không? Tâm ta như thế nào thì người khác và loài vật cũng chưa hề khác ta! Há nên chẳng biết xót thương, áy náy, mà lại phóng túng bạo ngược, mặc sức tổn thương loài người, giết chóc loài vật ư?" Ngu ý cho rằng: Câu này có ý nói đến cả người lẫn vật, hết sức phù hợp ý giáo huấn, nhưng ý nghĩa "tổn thương loài vật" đã thấy ghi chép nhiều chỗ trong bộ sách này, do đó chẳng kèm thêm những câu chuyện ấy vào đây!"

Vô cố tiễn tài, phi lễ phanh tể.
無故剪裁，非禮烹宰。
Vô cớ cắt xén, không có lễ lạc mà giết hại gia súc.

Phụ nữ nuôi tằm dệt vải, ngàn muôn sợi tơ, nhọc nhằn siêng gắng vô hạn mới làm thành vải vóc. Nếu chẳng phải là hết sức bất đắc dĩ, há nên nỡ lòng cắt may? Dẫu là do lễ nghi chẳng thể bỏ lễ phục vẫn nên

giảm bớt, huống hồ vô cớ mà tùy tiện cắt may ư? Còn như những loại như the, nhiễu, càng phải nên quý tiếc. Trên bức tranh Tàm Phụ Đồ (蠶婦圖, người phụ nữ nuôi tằm) của Triệu Thái thú có đề thơ như sau:

Tàm vị thành ty, diệp dĩ vô,
Tấn vân liễu loạn phấn ngân khô,
Cung trung la ỷ khinh như bố,
Chẩm đắc vương tôn kiến thử đồ?

Tạm dịch:

Tằm chưa kéo kén, hết dâu rồi,
Tóc bết mang tai, vệt phấn nhòa,
Trong cung the, nhiễu coi như rác,
Há bậc vương tôn thấu nỗi này?

Khấu Lai Công (Khấu Chuẩn) từng dùng lụa bạch có vân bóng để thưởng cho ca kỹ. Có thơ rằng:

Nhất khúc sênh ca, nhất thúc lăng,
Mỹ nhân do tự ý hiềm khinh,
Bất tri chức nữ cơ song hạ,
Kỷ độ phao thoa chức đắc thành.

Tạm dịch:

Một khúc sênh ca, xấp lụa trao,

Mỹ nhân ngúng nguẩy "chẳng ra sao!"
Biết đâu người dệt bên song cửi,
Bao lượt đưa thoi mới dệt thành.

Lại nói:

Phong động y đơn thủ lũ ha,
U song yết yết độ hàn thoa,
Lạp thiên nhật đoản bất doanh xích,
Hà tự yêu cơ nhất khúc ca.

Tạm dịch:

Gió lay áo mỏng, rét tê tay,
Song tối đẩy thoi lách cách đưa,
Tháng Chạp ngắn ngày chưa đủ thước,
Đâu như gái đẹp chỉ đàn ca[160].

Mỗi chữ đều hết sức tha thiết! Suy rộng ra, tự mình hãy tiết kiệm để thí cho người nghèo thì không gì chẳng trọn vẹn vậy!

Chu Vô Diêu nhà hết sức giàu có, thê thiếp đều

160 Do khi dịch sang tiếng Việt, số chữ có hạn, khó thể diễn tả hết ý tứ tha thiết trong bài thơ, chúng tôi xin diễn giải dông dài như sau: Gió lùa qua người phụ nữ dệt cửi chỉ mặc áo mỏng, lạnh đến nỗi cô ta phải nhiều lần xoa hai tay, hít hà cho đỡ rét. Do nhà nghèo, phải dệt vải bên cửa sổ để đỡ tốn dầu thắp đèn, trời đã sẩm tối, vẫn cố đẩy thoi dệt lách cách hòng dệt thêm được chút nào hay chút nấy. Tháng Chạp trời tối mau, nên dù cố hết sức, vẫn không dệt được đủ một thước lụa. Chẳng như cô đào hát, chỉ hát một khúc ca là được thưởng ngay một xấp lụa!

mặc những thứ gấm quý, quần lót, vớ cũng dùng lượt là. Hắn nuôi mấy nàng hầu, hết sức hao tốn. Về sau, hắn gặp tai họa ngang trái, gia cảnh suy bại. Cho đến khi Vô Diêu chết, thê thiếp đều là vớ thủng, giày rách, xin người khác một thước vải để làm khăn liệm cũng không thể được!

Vợ Triệu Sĩ Châu là Vương thị đã chết mấy hôm, bèn dựa vào thân đứa tớ gái tên là Lai Hỷ nói: "Ta lúc còn sống thường ưa xài phung phí vải lụa, và khi gội đầu, rửa chân dùng nước quá lố. Âm ty phạt tội ta, hằng ngày bị đánh đập, mong hãy truyền đạt ý này cho Sĩ Châu". Cả nhà nghe rồi đều cảm khái, bi thương.

Đời Tống, Trung Tuyên Công Phạm Thuần Nhân sắp cưới vợ. Có kẻ nói nhà vợ dùng the, nhiễu làm màn che, ông nói: "The, nhiễu há nên dùng làm màn ư? Nhà ta vốn thanh bần, tiết kiệm, sao dám làm loạn gia pháp của ta? Họ dám mang tới, ta sẽ đốt ngay". Than ôi! Đấy vẫn còn là nhà công khanh đó nhé! Xem khắp đế vương xưa nay, như Tấn Văn Công chẳng mặc áo da hai lớp, vua nhà Lưu Tống[161] thường mặc áo cộc đã

161 Ông này chính là Tống Vũ Đế, tức Lưu Dụ. Lưu Dụ lúc bé nghèo hèn, phải đi bán hài cỏ, cày cấy thuê để kiếm sống. Về sau, trở thành tướng. Do có công dẹp tan quyền thần Hoàn Huyền dưới thời Tấn An Đế, ông ta trở thành nắm nhiều quyền hành, chưởng quản triều chánh. Ông cầm quân diệt nhà Nam Yên, diệt Hậu Tần, được phong là Tống Vương. Đến thời Tấn Cung Đế, ông ép vua nhường ngôi, đổi quốc hiệu là Tống. Sử gọi nhà Tống này là Lưu Tống để phân biệt với nhà Tống do Triệu Khuông Dẫn sáng lập (tức Triệu Tống).

rách, phu nhân sủng ái của Hán Văn Đế vạt áo chẳng dài chấm đất. Hiếu Từ Hoàng Hậu Mã thị của nhà Minh luôn mặc váy bằng lụa trơn[162], Đường Văn Tông từng giơ tay áo cho quần thần xem, bảo: "Cái áo này đã giặt ba lần rồi", Tống Nghệ Tổ (Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn)[163] do thấy công chúa mặc áo, chiếc áo ngắn màu cánh trả[164] mà răn rằng: "Phú quý hãy nên biết tiếc phước". Phàm là đế vương, phi tử, công chúa mà còn tiếc phước như thế, hiềm rằng trong nhà dân chúng hiện thời, tranh nhau tập tành thói xa hoa lãng phí, thích những thứ đẹp đẽ hiếm có, tranh đua y phục hoa lệ. Bọn hầu thiếp là lượt, lũ trẻ nhỏ gấm vóc, thêu thùa! Há có biết một tấm áo là mạng của ngàn con tằm? Nếu mặc tình sử dụng bừa bãi, thả sức phung phí, ắt sẽ là cội nguồn tạo ác, ắt chuốc lấy mối họa vì xa xỉ. Hơn nữa, những kẻ áo quần rách mướp, thô kệch, da thịt rét buốt, nứt nẻ trong hiện thời, có kẻ nào chẳng phải là những đứa con quần áo lụa là, thêu vẽ trong thuở ấy hay chăng?

Lễ Ký chép: "Thiên tử chẳng vô cớ giết trâu. Đại phu chẳng vô cớ giết dê. Kẻ sĩ chẳng vô cớ giết chó

162 Hiếu Từ Hoàng Hậu là vợ của Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ). Váy lụa trơn nguyên văn là "luyện quần" (練裙), "luyện" (練) là một loại lụa vừa dệt xong, đem giặt tẩy cho trắng, rất tầm thường, xoàng xĩnh.

163 Nghệ Tổ (藝祖) có nghĩa gốc là ông tổ về đức hạnh nho nhã, bình dị. Về sau, mỹ từ này thường được dùng để tôn xưng các vị vua khai sáng một triều đại.

164 Màu cánh trả tức là màu xanh (thường gọi là màu phỉ thúy) như lông chim bói cá (chim trả, chim thằng chài).

lợn". Mạnh Tử nói: "Người đã bảy mươi tuổi có thể ăn thịt". Ấy là vì thánh nhân hiếu sanh, chẳng chịu tàn sát bừa bãi sanh mạng loài vật. Tức là có lúc vì tế lễ, vì đãi khách, vì phụng dưỡng người già, mà săn bắt cầm thú, những chuyện ấy vốn là muôn phần bất đắc dĩ, sau đấy mới làm như vậy, chẳng phải là dạy dân chúng giết hại loài vật để sớm chiều cung ứng cho chính mình nhằm tận lực thỏa mãn lòng ham ăn tục uống mà hằng ngày làm chuyện giết mổ! Đức Thái Thượng từ bi đã nói: "Côn trùng, thảo mộc còn chẳng thể tổn thương". Do vì nói với người đời, chẳng thể không hạ thấp xuống một bậc, ngài dạy hai chữ *"phi lễ"* với ngụ ý "nghiêm ngặt đặt ra khuôn phép chẳng thể vượt qua" cho mọi người. Đấy chính là cái tâm bất đắc dĩ của thánh nhân. Kinh Lăng Già dạy: "Nếu hết thảy mọi người chẳng ăn thịt, cũng sẽ chẳng có kẻ sát hại chúng sanh". Người thời nay nếu chưa thể trừ sạch thói ăn thịt, hãy tuân theo phương tiện bỏ ăn thịt dần dần, trừ khử cái tâm giết chóc, học theo điều răn bốn loại thịt không ăn của tiền nhân: Một là thấy giết bèn chẳng ăn, hai là nghe tiếng giết chóc bèn không ăn, ba là người khác vì ta mà giết bèn không ăn, bốn là ta không có chuyện gì mà kẻ khác giết chóc con vật thì không ăn. Vâng giữ bốn điều răn ấy, dẫu luôn ăn thịt mà cũng chẳng phế trừ bốn giới ấy, ngõ hầu chẳng có ý nghĩ sát hại chúng sanh. Còn như chó, trâu có công với đời càng phải nên kiêng ăn. Phàm là như thế sẽ có thể tránh bớt chuyện phạm

lỗi "chẳng phải do lễ lạc" mà vô cớ giết hại các con vật. Các tấm gương của những kẻ mắc họa vì mổ, nấu các loài chim, cá, trâu, chó, dê, lợn… sẽ được nêu đầy đủ sau đây hòng răn nhắc.

Đời Đường, Hà Trạch tánh hung bạo ngang ngược, chỉ thích chú trọng ăn uống. Gà, chó, ngỗng, vịt, thường nuôi cả ngàn, cả trăm con để hằng ngày giết mổ, nấu nướng. Hắn chỉ có một đứa con, hết sức yêu thương. Một hôm nấu gà, canh đang sôi sùng sục, đứa con ấy giống như vì nhặt vật gì mà nhào vào vạc, cấp cứu thì nó đã nát bét cùng với gà rồi.

Người họ Mã ở Hàng Châu bán ngỗng quay, người ta gọi hắn là Mã Lạn Đầu (馬爛頭, ông Mã đầu nát nhừ), nổi tiếng nhất. Về sau, dưới hông hắn bị ghẻ độc, thịt rữa nát tận xương, miệng luôn phát ra tiếng như ngỗng kêu, hai tay đút vào nước sôi sùng sục thì mới dễ chịu, da thịt bị tróc sạch, nghiễm nhiên trông giống như chân ngỗng. Ở Giang Bắc có một người bắn một con nhạn trống, đem giết rồi nấu. Con nhạn mái bay quẩn quanh nhìn, chẳng bỏ đi. Người ấy vừa mở nắp nồi thì nó bèn lao vào, chịu nấu chín chung. Người vùng Giang Bắc xót thương bèn chẳng ăn nhạn. Danh sĩ Nguyên Hảo Vấn đem chôn hai con nhạn, đặt tên nơi ấy là Nhạn Khâu (雁邱, gò nhạn), người bắn nhạn liền chết.

Đời Tống, một người dân ở thành phố Bà Dương tên là Giang Ất, sống bằng nghề bán cá. Ông ta đã từng mua một con rùa lớn, nặng một trăm cân, để ở trong nhà. Ban đêm, ông ta nghe tiếng rên rỉ hết sức bi ai, nhìn xem thì ra là tiếng rên của con rùa, giang Ất tức giận cầm gậy đập nó. Ông cụ hàng xóm khuyên Giang Ất đem thả, hắn không nghe. Hôm sau, ông cụ liền quyên tiền mọi người, muốn mua lại đúng giá trị. Giang Ất kiên quyết không chịu bán, rốt cuộc giết chết nó. Về sau, hắn mắc tội bị tống giam phạt trượng, vợ chồng đều chết đói.

Đời Đường, Hứa Nghiễm sống bằng nghề bán cá, bỗng thân thể đỏ như lửa, đau đớn như bị nung nấu. Ông ta tự nói chỉ thấy xe bốc lửa vây quanh thân, lại còn có cả vạn con cá rỉa khoét thịt ông ta. Có người khuyên ông ta hãy làm công đức. Ông ta bèn tạo hai bức tượng Quán Âm, thề đổi nghề, cả nhà chẳng dùng rượu thịt, bèn lành bệnh.

Hoài Cảnh Nguyên ở Tiền Đường thích nấu ba ba. Trước hết, hắn lấy đao chặt đầu cho nó tuôn máu, nói làm như thế sẽ giữ được vị ngon trọn vẹn. Về sau, hắn nổi lao hạch ở cổ, thịt rữa nát, đứt đầu mà chết.

Phong tục ở đất Ngô hễ ăn lươn đều thả nguyên con lươn sống vào nồi nước sôi, một lúc lâu sau lươn mới chết. Trong niên hiệu Thiên Bảo[165] ở huyện Đương

165 Thiên Bảo (724-756) là niên hiệu thứ ba và là niên hiệu cuối cùng của

Đồ có một người bán hàng, sai con bắt lươn đem nấu. Lươn bỗng biến thành rắn, dài mấy thước. Đứa con xem lại, những con lươn khác cũng đều hóa thành rắn; hóa thành rắn xong, chúng đều bỏ đi. Đứa con ấy mắc bệnh một ngày rồi chết. Cả nhà bảy người, trong vòng một tháng nối tiếp nhau chết sạch.

Lữ Ngũ ở huyện Tiền Đường thích ăn cá chạch, cá chình, nhưng cá chạch rất khó chết, hắn thường bỏ cá chạch vào hộc chứa, ngâm chúng trong muối và dấm, cho đến khi cá ngắc ngoải mới giết mổ đem nướng. Hắn nói làm kiểu đó muối và giấm ngấm tận xương, thịt cá sẽ ngon béo. Về sau, hắn bị bệnh nóng bức, khô khao, luôn mong tưởng được uống dấm pha muối, đòi người nhà đem đến. Khi cho uống, lại nói "nướng vàng rồi, vàng ươm rồi, hãy lật qua xem nào", người nhà bèn lật thân thể hắn lại. Suốt ngày đêm, hắn kêu gào cả trăm lần như thế, thịt rữa, ruột vỡ ra mà chết.

Triệu Bích ở Tứ Châu mộng thấy bà vợ đã mất nói: "Em thuở còn sống giết hại sanh mạng loài vật, thích nhất là món cua ướp rượu, giết cua rất nhiều. Sau khi chết, Diêm vương bắt em chạy qua núi cua, bị lũ cua kẹp mắt, khắp thân tuôn máu, ngày đêm chịu khổ. Xin hãy vì em chép bảy quyển kinh Kim Cang. Nhờ vào công năng của Bát-nhã sẽ dẹp tan nỗi khổ địa ngục".

Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng). Đường Minh Hoàng có ba niên hiệu là Tiên Thiên, Khai Nguyên, và Thiên Bảo.

Triệu Bích ưng thuận. Chép kinh xong, lại mộng thấy vợ nói: "Em đã nhờ vào công đức chép kinh mà được thăng lên cõi trời".

Từ Tăng Bảo sống bằng nghề câu ếch. Khi giết ếch, bèn chặt đầu nó trước. Ếch đã bị chặt làm hai khúc, phần đầu vẫn còn cắn cỏ, động đậy, hồi lâu mới chết. Lúc hai mươi sáu tuổi hắn bỗng chết, khi còn chưa liệm thì thân thể hắn từ thắt lưng trở xuống bỗng dưng đứt làm hai, giống như hình dáng con ếch bị chặt làm hai khúc vậy.

Từ Tùng mua loài ốc nước ngọt, sai tôi tớ đem thả. Gã đầy tớ bèn đem nấu ăn, bỗng khắp thân hắn mọc ghẻ chẳng khác gì mắt ốc, đau đớn chẳng thể chịu đựng nổi. Từ Tùng căn vặn, biết được sự thật, dạy gã ta hãy cầm cố quần áo để mua những con vật đem phóng sanh, sám hối tội lỗi, gã đầy tớ bèn được lành bệnh.

Họ Hàn ở Thái Châu thuở nhỏ giết lợn, bỗng tự nấu cả trăm nồi nước sôi, đổ đầy cái chậu lớn mà hắn chuyên dùng để mổ lợn. Hắn cởi áo nhảy vào đó tắm, vợ ngăn cản không được. Hắn lăn lộn trong bồn, da thịt chín nát ra, chẳng biết đau đớn. Lại còn tự vặt tóc, bảo: "Cái sỏ lợn này hãy còn lông chưa làm sạch, người ta sẽ chẳng mua", rồi chết ngay.

Thời Đường, ở phía Tây của Trường An có một cô dâu mới kết hôn, sanh được một trai vừa mới đầy tháng. Họ hàng tụ họp ăn mừng, mua một con dê về

sắp giết. Dê hướng về gã đồ tể quỳ lạy, gã đồ tể kinh hãi báo với chủ nhà. Họ chẳng nghĩ đó là chuyện lạ, bèn giết chết. Sản phụ ẵm con xem nấu nướng, bỗng cái nồi tự vỡ, nước sôi tung tóe, tro và lửa bắn thẳng vào họ, mẹ lẫn con đều chết.

Trương Dịch Chi muốn ăn món ruột ngựa, bèn sai người khoét hông ngựa lấy ruột, rất lâu sau con ngựa mới chết. Em hắn là Trương Xương Tông đem con lừa sống giam trong một căn phòng nhỏ, đốt lò than giữa phòng, đặt nước pha ngũ vị hương trong phòng. Lừa tránh nóng chạy vòng quanh lò, hễ khát bèn uống nước. Nước hết, lửa cháy mạnh thêm, con lừa trong ngoài đều chín nhừ, rụng lông, đẫm máu mà chết, thê thảm khôn kể xiết! Về sau, hai anh em bọn chúng đều bị giết, dân chúng băm vụn xác chúng, ngay lập tức đều chẳng còn gì nữa!

Có nho sĩ học đã thành tài mà cứ lận đận mãi chẳng đỗ đạt, bèn cầu đảo đức Văn Xương: "Nếu con đỗ khoa thi Hương, sẽ mổ nai cúng tế". Không lâu sau, hắn bèn thi đỗ. Đã hoàn nguyện, lại khấn: "Nếu con đỗ khóa thi do bộ Lễ[166] tổ chức, lại cúng hai con nai". Hắn chưa đỗ đạt mà đã chết! Ôi! Giết nai để cầu lộc cho

166 Nguyên văn "thượng Xuân Quan"(上春官): Đời Đường, dưới thời Vũ Tắc Thiên, bà ta đã đổi bộ Lễ thành Xuân Quan. Do vậy, về sau thường gọi bộ Lễ là Xuân Quan. Trước khi có bộ Học, bộ Lễ tổ chức các kỳ thi Hội và thi Đình; do vậy, dân chúng quen gọi đậu khóa thi Hội do bộ Lễ tổ chức là "thượng Xuân Quan".

chính mình, há ngươi an lòng ư? Những kẻ sát sanh để cầu nguyện, hãy nhìn vào đó mà suy nghĩ!

Một gã học trò ở Tân An vào Hoàng Sơn đọc sách, luôn thích bắt khỉ để ăn. Về sau, vợ gã sanh nở rất khó, rốt cuộc đẻ ra một con khỉ!

Một gã đồ tể ở Trừ Châu thường mổ trâu, bảo con: "Hãy xem cách bố dùng đao", muốn cho con trai nối nghiệp. Một hôm cha nó đang ngủ, đứa con tưởng cha là trâu, cầm đao giết chết, chặt rụng đầu bố. Mọi người kinh hãi hỏi han, đứa con trả lời: "Cháu thấy đó là con trâu, chẳng thấy là bố. Bố thường dạy cháu giết trâu, nay thấy con trâu đang ngủ bèn thử dùng cách mổ xẻ ấy!"

Cha con Hoa Hồi Tử ở Trấn Giang mổ trâu, bỗng ngã lăn đùng ra đất, rống lên như trâu. Họ nằm bệnh hơn một tháng, trên trán mọc ra hai cái sừng bằng thịt dài cỡ cả tấc. Khi họ chết, người ta ngửi thấy mùi như xác trâu chết!

Mao Huệ ở Trấn Giang chết đột ngột. Quan cõi âm nói: "Cha ngươi thích ăn thịt bò, tội ác sâu nặng, sẽ chịu trăm ngàn khổ báo trong địa ngục. Ngươi tuổi thọ chưa hết, đáng nên bị trách phạt trước". Quỷ sứ bèn khoét hai mắt của Mao Huệ, quất mấy chục roi sắt rồi mới thả về. Lúc sắp trở về, quan cõi âm nói: "Đời này ngươi không phạm tội ác lớn, hãy còn hai mươi mốt năm tuổi thọ, nhưng cha ngươi tội nặng, ngươi trở về

hãy nói lại, hãy gấp kiêng thịt trâu bò thì may ra còn sống thêm ít lâu. Nếu ngươi có thể khuyên kẻ khác đừng ăn, sẽ được tăng thêm tuổi thọ". Đến khi Mao Huệ tỉnh lại, hai mắt hết sức đau đớn, hai chân đều sưng phù, từ đó bèn kiêng ăn thịt trâu bò, và đã thuật lại chuyện ấy để khuyên kẻ khác.

Viên quan Tư Lý ở Ngô Quận chết đột ngột rồi sống lại, vội mời Thái thú và các bạn đồng liêu tới. Ông ta ở trên giường, dập đầu thưa: "Tôi tới âm phủ, xin tha mạng hết sức tha thiết, cõi âm hạn định cho tôi trong vòng ba ngày phải khuyên một ngàn người không ăn thịt trâu bò thì mới được sống tiếp. Nay tôi khẩn cầu các vị, hãy vì tôi khuyên khắp dân chúng". Mọi người tưởng là bịa chuyện nên giả vờ ưng thuận. Ba ngày sau, quan Tư Lý lại chết, mọi người mới kinh hãi, cùng nhau kiêng giữ chuyện ấy. Lại tạo một quyển sổ để khuyên dân chúng đều ghi tên họ vào đó, trong một ngày ghi danh được mấy ngàn người, liền ngửa mặt lên trời tấu trình, đốt đi. Bỗng có người báo quan Tư Lý đã sống lại. Đến hỏi, ông ta đáp: "Tôi lại bị sứ giả bắt đi, vị đứng đầu cõi âm giận dữ, quở trách. Bỗng có một vị thần cầm một quyển sổ tới, nói là bản ghi tên họ của những người kiêng ăn thịt trâu bò. Vị chủ cõi âm mở ra xem, hết sức vui mừng, bảo: Không chỉ là được sống lại, mà còn tăng thọ bảy mươi hai năm. Thái thú và mọi người đều hưởng phước vô lượng".

Quản Sư Nhân lúc trẻ vào canh năm ngày Nguyên Đán gặp mấy con quỷ, liền quát hỏi, họ đáp: "Chúng tôi là quỷ làm sai dịch, nay đi công vụ trong nhân gian". Sư Nhân hỏi: "Nhà ta có tên trong danh sách bị cõi âm bắt hay không?" Họ đáp: "Do không ăn thịt trâu bò nên được miễn!"

Trạch Tiết tuổi đã năm mươi mà không có con, cầu đảo Quán Âm hết sức kiền thành. Vợ ông vừa mới cấn thai, mộng thấy Đại Sĩ trao cho một đứa con. Vợ muốn ẵm lấy, nhưng có một con bò ngăn cách, không ẵm được. Con đã sanh ra, nhưng chẳng nuôi được. Trạch Tiết nói: "Ta rất ham ăn thịt bò, cho nên mắc quả báo này". Cả nhà bèn thề kiêng ăn, vợ ông ta lại nằm mộng giống như cũ, nhưng bà vợ ôm được đứa con, con sanh ra bèn nuôi tới khôn lớn.

Từ Thức từ tâm chẳng giết, rất ghét mổ trâu. Ông làm quan, hễ trấn nhậm nơi đâu, ắt cấm ngặt mổ trâu bò, về sau ông làm quan đến chức Thượng thư. Gã đồ tể họ Cố ở Dư Diêu sắp mổ một con trâu, con nghé thừa lúc không có ai bèn ngậm dao giấu trong tro. Họ Cố tìm được dao, biết là do con nghé giấu, tức giận muốn giết luôn nó. Cụ phong quân[167] Thạch Tuyền trông thấy bèn đổi bằng mấy thạch gạo, chúng mới khỏi chết. Năm ấy, con trai cụ đậu cao, làm quan đến

167 Phong quân (封君): Do con cháu đỗ đạt vinh hiển, tổ phụ được vua phong tước thì vị được phong ấy sẽ được gọi là "phong quân".

chức Đại trung thừa[168].

Gã họ Chu nọ ở Dư Diêu sống bằng nghề giết chó. Về sau hắn bị hỏa hoạn, đã chạy thoát ra nhưng lại xông vào, cuối cùng bị lửa thiêu. Người cứu hắn vội thả hắn xuống nước, da nứt cong lên, lòi thịt ra, rốt cuộc trông như một con chó vừa mới bị lột da, đau đớn chạy cuồng lên quanh thành, sủa oăng oẳng, chạy một vòng rồi mới chết, vợ và con dâu đều bị lửa thiêu rụi.

Vùng Tần Lũng có một người dân thích ăn thịt chó. Một hôm, hắn nấu thịt chó sắp chín, thấy trên da chó có chữ giống hệt như những chữ đã xâm trên cánh tay trái của cha hắn. Khi ấy, cha hắn đã chết mười hai năm rồi! Cả nhà đau đớn khóc lóc, bèn kiêng hẳn thịt chó.

Lý Thiệu ở Tây Thục thích ăn thịt chó, giết chóc không thể đếm xiết. Hắn từng nuôi một con chó đen, một hôm Lý Thiệu trở về đang say, chó chạy ra sủa mừng. Lý Thiệu tức giận liền vung búa chém chó, nhằm đúng lúc đứa con từ bên trong chạy ra, trúng phải búa chết tươi, cả nhà khóc òa. Tìm chó, chẳng biết nó đã chạy đâu mất. Lý Thiệu nhiễm bệnh, tru lên như chó mà chết.

Nguyên Đế (Huyền Thiên Thượng Đế) nói: "Trâu

168 Theo nghĩa gốc, chức quan này có nhiệm vụ tiếp nhận các bản tấu trình của hàng công khanh, phân loại để trình báo thượng cấp, kiêm nhiệm vụ đàn hặc. Đến thời Minh - Thanh, danh xưng này dùng để gọi quan Tuần phủ.

chính là nguyên tinh của Huyền Vũ[169] trên trời, là nguyên khí của Thái Lao[170] dưới đất. Nếu chẳng nhằm tế giao[171] sẽ không dám dùng, chẳng phải là thiên thần sẽ chẳng dám hâm hưởng[172]. Hình dáng của nó được liệt vào hình dạng của tinh tú[173] trên bầu trời, sức mạnh của nó khiến cho đất được lợi, có công với đời mà chẳng gây hại cho dân. Kẻ giết nó sẽ bị phép nước trừng phạt, kẻ ăn thịt nó sẽ mắc họa khiên trong cõi âm. Trong chữ lao (牢, nhà tù) có chữ ngưu (牛, trâu hoặc bò). Trong chữ ngục (獄) có chữ khuyển (犬, chó). Chẳng ăn thịt chó, thịt trâu bò ắt sẽ vĩnh viễn tránh khỏi lao ngục.

---

169 Huyền Vũ (玄武) là danh xưng để gọi chung bảy tinh tòa thuộc phương Bắc trong Nhị Thập Bát Tú, bao gồm các tinh tòa Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích. Cổ nhân nói bảy tinh tòa ấy hợp thành hình dáng giống như con rùa đen (Huyền Vũ), nên gọi như thế.

170 Thái Lao (太牢) là đại tế theo điển lễ thời cổ. Trong lễ tế ấy, dùng ba con vật là trâu (hoặc bò), dê, lợn. Có khi chỉ dùng trâu để tế mà cũng gọi là Thái Lao. Sách Đại Đới Lễ Ký chép: *"Chư hầu chi tế, ngưu viết Thái Lao"* (Chư hầu tế lễ, dùng trâu [làm cỗ cúng] thì gọi là Thái Lao).

171 Tế giao (郊祀, giao tự): Là lễ tế trời đất. Nam Giao (phía Nam hoàng thành) là nơi đặt đàn tế trời, Bắc Giao là nơi tế đất.

172 Hâm hưởng (歆饗): Quỷ thần hưởng thụ mùi của đồ cúng tế thì gọi là *"hâm hưởng"*.

173 Tức là tòa sao Ngưu trong Nhị Thập Bát Tú, phần Thiên Văn Chí trong Tống Sử chép: *"Ngưu tú lục tinh, thiên chi quan lương"* (sao Ngưu gồm sáu ngôi, là then chốt trong cõi trời).

Trên núi Thái Ất[174] và Lao Sơn[175] có hình dáng thật sự của trâu. Kẻ ăn thịt trâu bò trong vòng ba ngày sẽ bị ma thần nhiếp tinh, kiêng thịt trâu bò ba ngày thì gọi là "lên đến Ngọc Thanh"[176]. Trâu bò ăn trăm loại cỏ, chẳng gây hại gì cho con người, con người ăn trăm vật hãy nên kiêng thịt chó, thịt trâu!

Trong các tội của đời người thì sát sanh nặng nhất, mà trong các tội sát sanh thì giết trâu tội nặng nhất, tội của người ăn thịt trâu bò bằng với kẻ giết chúng. Tiêu Đông Bạch nói: "Ta khuyên người đời đừng ăn thịt trâu bò, chúng dốc sức phục vụ cày cấy, đâm ra bị giết chóc. Những thứ quý vị ăn do đâu mà có, sao nỡ lòng nấu nướng, buôn bán thịt chúng nó?" Lại nói: "Trâu đã bị lột da, xẻ thịt, hai mắt còn mở trừng trừng, há nó trừng mắt nhìn suông? Nó nhìn quý vị xoay vần, có thể giữ đến khi nào sẽ chẳng biến thành nghé". Đọc lời ấy

---

174 Thái Ất (太乙) chính là núi Chung Nam Sơn, nằm ở phía nam thành phố Tây An (Trường An) tỉnh Thiểm Tây. Đây là quả núi chính của rặng Tần Lãnh, được coi là thánh địa của Đạo giáo. Tương truyền, Chung Ly Quyền, Lữ Động Tân, Lưu Hải Thiềm, và Vương Trùng Dương (sáng tổ của Toàn Chân Giáo) đều tu tập tại núi này.

175 Lao Sơn (牢山) thuộc thành phố Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông. Núi này còn có tên là Phụ Đường hoặc Ngao Sơn, cũng là một ngọn núi nổi danh của Đạo giáo.

176 Theo giáo nghĩa của Đạo giáo, Ngọc Thanh (玉清) là một cảnh trong Tam Thanh của Đạo giáo (Thái Thanh Cảnh Đại Xích Thiên, Thượng Thanh Cảnh Vũ Dư Thiên, và Ngọc Thanh Cảnh Thanh Vi Thiên). Ngọc Thanh là nơi cư ngụ của Nguyên Thỉ Thiên Tôn, Thượng Thanh là nơi cư ngụ của Linh Bảo Thiên Tôn, còn Thái Thanh là nơi cư ngụ của Đạo Đức Thiên Tôn (Thái Thượng Lão Quân, tức Lão Tử).

khiến cho tâm người ta xót xa, kinh sợ buốt xương, ăn vào chẳng nuốt xuống nổi! Huống hồ chuyện báo ứng do giết, ăn, rành rành chẳng sai chạy. Sao lại tham đắm miếng thịt be bé ấy để rồi chuốc lấy phiền lụy?

Còn như chó có công, có nghĩa, chẳng gây hại cho con người, giết chúng để ăn là tội lớn nhất. Nay thì không chỉ hạng bình dân tham ăn thịt chó, ngay những kẻ có học, đỗ đạt, cũng thường coi chuyện này (ăn thịt chó) như một hành động hào sảng, gọi hoa mỹ là "địa dương" (地羊, dê đất). Cớ sao đọc sách hiểu lý mà tăm tối đến mức ấy? Tống Giác nói: "Nay ta chẳng thống thiết trừ bỏ tập khí xấu hèn ấy, đời sau ta cũng có đuôi!" Ngu ý cho rằng chẳng cần chờ đến đời sau. Thử xem những kẻ giết mổ, ăn thịt chúng nó trong hiện thời, hễ họ vào chợ, lũ chó xúm lại sủa là vì lẽ nào? Chắc là hình trạng kẻ ấy đã biến đổi trước rồi! Nhưng bọn ta chỉ kiêng dè nơi một thân, một nhà ta, công sẽ hữu hạn. Sao bằng làm một quyển sổ kết duyên, thường luôn cầm theo, hễ bản thân đến chỗ nào cũng đều mềm mỏng khuyên lơn, giáo hóa, khiến cho người ta vĩnh viễn kiêng dứt, há chẳng phải là hết sức mau chóng ư?

Lại nữa, người mộ duyên xin tài vật của kẻ khác, gặp người có tín tâm họ sẽ phần nhiều thí xả; nay chỉ cầu người ta chẳng giết sanh mạng, chẳng ăn thịt trâu bò, họ chưa từng tốn kém một đồng, một hạt gạo mà đạt được phước đức khó thể so sánh, tính đếm! Phàm

những ai có cùng một tấm lòng với ta, há có ai chẳng thuận theo? Tôi tuy chẳng lanh lợi, dám đứng ra làm tiên phong. Sách Cảm Ứng Lục đã chép: "Kẻ khuyên một trăm người chẳng ăn thịt trâu bò, sẽ tăng thọ một kỷ (mười hai năm)". Chuyện này lại chứng tỏ hiệu nghiệm to lớn [của việc kiêng ăn thịt trâu bò vậy].

Trong lời chú giải này, riêng đối với trâu và chó là đã riêng chú giải tường tận. Tuy những câu chuyện quả báo do giết mổ chim cá, các loài gia súc có ghi đầy đủ, nhưng lời huấn thị, răn nhắc sơ lược. Hãy nên vận dụng tâm từ đối với muôn vật. Tham khảo phần chú thích dành cho câu *"côn trùng, thảo mộc, nhẫn tác tàn hại, xạ phi trục tẩu"* (tàn nhẫn làm hại các loài côn trùng, thảo mộc, bắn loài đang bay, đuổi bắt loài đang chạy) sẽ tự hiểu rõ tường tận vậy!

Tán khí ngũ cốc, lao nhiễu chúng sanh.
散棄五穀。勞擾眾生。
Phung phí ngũ cốc, khiến cho chúng sanh vất vả, ưu phiền.

Từ trước đến nay, những kẻ phung phí ngũ cốc[177]

177 Ngũ Cốc là năm loại hạt dùng để làm lương thực, có nhiều cách giải thích. Ba cách hiểu thông thường nhất là:

1. Ngũ cốc là mè, hạt kê, lúa gạo, lúa mạch và đậu.
2. Gạo, đậu đỏ, lúa mạch, đậu nành, hạt kê.
3. Đại mạch, lúa mì, gạo, đậu nành, hạt mè đen.

Thông thường ngũ cốc được hiểu theo nghĩa rộng là các loại hạt dùng làm lương thực, không chỉ là năm loài.

phần nhiều mắc họa bị sét đánh. Bởi lẽ, đối với người dân, cái ăn to như trời! Khinh rẻ ngũ cốc chính là khinh nhờn trời, do vậy quả báo ấy rất nặng. Thời cổ, thiên tử đích thân đi cày, thánh nhân coi trọng lúa gạo đều là vì hết sức coi trọng các loại hạt lương thực nuôi sống người dân. Hiềm rằng người hiện thời quăng vứt, hoặc là bỏ mặc ngũ cốc vung vãi ở ruộng chẳng thu nhặt, hoặc để cho mục nát trong kho chẳng chịu phát ra, hoặc vứt vào nước lửa, hoặc quăng bỏ mặc cho kẻ khác giẫm đạp, hoặc ăn những thứ tinh túy mà vứt bỏ những thứ thô kệch, hoặc do có ngũ cốc quá nhiều mà đến nỗi dư thừa, hoặc cơm canh đã nấu xong mà bỏ mứa, hoặc là lúa má chưa chín mà đã cắt hái trước, hoặc dùng lương thực để nuôi chim, hoặc dùng đậu và lúa mạch cho gia súc ăn, đều là những chuyện tàn hại vật thực của trời quá đáng! Người nông dân cày cuốc, gieo mạ đang giữa trưa, mồ hôi từng giọt thấm vào nhánh mạ cắm xuống ruộng, ai biết một mâm cơm, từng hạt đều nhọc nhằn? Thử nghĩ năm đói kém, mỗi hạt ngũ cốc quý như châu báu, sao lại nhẫn tâm coi rẻ, phung phí khi dư giả? Giả sử ai nấy đều yêu quý các sản phẩm nông tang như báu vật, ắt sẽ chẳng đến nỗi có năm mất mùa!

Đời Tống, Thượng thư Phong Tắc thường nói: Ta thuở bé đã đích thân gặp ngài Tuyết Đậu[178] dùng

178 Tuyết Đậu Trọng Hiển là một vị cao Tăng hữu danh của tông Vân Môn trong nhà Thiền. Sư họ Lý, tự là Ẩn Chi, người xứ Toại Ninh (huyện Bồng Khê, tỉnh

chuyện tiếc phước để dạy người khác như sau: "Mỗi người chẳng có thọ hay yểu, hễ hết lộc thì chết". Suốt đời này ta tuân theo giáo huấn ấy, đối với mọi việc đều chẳng chịu phung phí chút nào!

Đời Minh, Trương Nghĩa Phương có mấy trăm thửa ruộng. Hằng năm, thóc do tá điền nạp tô bị để mục nát trong kho, thường phải dọn dẹp bỏ đi, đến nỗi dùng mè đen để nuôi lợn, dùng đậu xanh cho trâu ăn. Nếu có người khuyên hắn hãy chu cấp, giúp đỡ kẻ nghèo nàn, túng thiếu thì hắn chẳng nghe. Về sau, vào năm Chánh Đức thứ sáu (1511) đê Hoàng Hà bị vỡ, ruộng đồng bị cuốn trôi ra sông, rốt cuộc hắn đến nỗi bị chết đói.

Một bà lão đã từng nấu cơm cho một nhà quan, nấu nhiều món ăn, hễ dư ra bèn đổ xuống mương rãnh. Một hôm, bà cụ bị bệnh chết đi rồi sống lại, bảo: "Có hai chiếc thuyền chở những thức ăn đã bị vứt bỏ, hôi thối khôn sánh! Một người dùng roi sắt đánh tôi, bảo đó là những thứ tôi đã vứt bỏ khi còn sống, ép tôi ăn. Gượng ăn mấy miếng, bụng đã trướng lên, chẳng biết khi nào mới hết? Biết làm sao đây?" Nói xong lại chết.

Một kẻ làm công gieo mạ cho người khác. Chủ

Tứ Xuyên). Ngài xuất thân từ một gia đình giàu có, nhiều đời học Nho, đã có chí xuất trần từ bé, mong thoát luân hồi. Ngài xin xuất gia với ngài Phổ An Nhân Thẩm để học kinh luận. Về sau, ngài đắc pháp nơi ngài Trí Môn Quang Tộ, theo hầu thầy năm năm, nắm được đạo của thầy, trở thành tổ trung hưng của tông Vân Môn.

ruộng dùng lúa mạch vụn nấu cơm cho ăn. Gã làm công giận chủ ruộng coi thường mình, đổ món ấy vào bãi phân trâu, ngay lập tức sét đánh chết hắn!

Cha của Hy Mẫn Công Trần Dật là người thiện lương, nhân hậu. Ông thấy trong tổ kiến nơi nhà xí có một miếng cơm, bèn nhặt lấy rửa sạch rồi ăn. Đêm mộng thấy thần nói: "Ông chuộng điều thiện như vậy nên sẽ có phước báo". Chẳng lâu sau ông sanh ra Trần Dật, Trần Dật làm quan tới Thượng thư, triều đình phong tặng ông tước quan giống như vậy[179].

"Chúng sanh" là chỉ hết thảy dân chúng. Lòng người có ai mà chẳng mong an lạc. Nếu mong cầu nhà mình an lạc mà nhẫn tâm khiến cho chúng sanh nhọc nhằn, phiền nhiễu; hoặc là nhà mình đã được an lạc, bèn chẳng cần biết chúng sanh đang bị nhọc nhằn, phiền nhiễu, sẽ đều là phường bất nhân quá mức!

Đời Chu, Nhan Uyên bảo Định Công[180] rằng: "Đế

179 Đây là một quy chế thể hiện sự ân thưởng của triều đình bắt nguồn từ đời Tấn, được hoàn bị vào đời Đường. Khi con cái đỗ đạt làm quan to, cha mẹ sẽ được phong tước giống như vậy, tức là chỉ có danh xưng, nhưng không có quyền hạn như người làm quan thật sự. Cha mẹ còn sống thì gọi là phong, cha mẹ đã mất thì gọi là Tặng. Thoạt đầu, chỉ có cha được phong tặng, mẹ sẽ được gọi tương xứng là huyện quân, phu nhân, nhụ nhân v.v… tùy theo tước vị của cha. Đến đời Đường, sự phong tặng này được tính đến ba đời, tức là cha, ông nội và ông cố của người làm quan.

180 Định Công ở đây chính là Lỗ Định Công (Cơ Tống), vua nước Lỗ thuở ấy. Ông này là em trai Lỗ Chiêu Công (Cơ Trù). Trong thời ông, Tề Cảnh Công nhóm hội chư hầu đã ép bức nước Lỗ, toan bắt giam Lỗ Định Công. Khi đó,

Thuấn khéo cai trị dân, chẳng vắt kiệt sức dân. Do vậy, vua Thuấn chẳng khiến cho dân chúng làm loạn, Tạo Phụ[181] chẳng khiến cho ngựa rối loạn. Ôi, chim đến đường cùng sẽ mổ, thú đến đường cùng sẽ về chụp người đuổi bắt nó, người đến đường cùng sẽ dối trá, ngựa đến đường cùng sẽ chạy cuồng. Từ xưa đến nay, chưa hề có loài nào lâm vào đường cùng mà chẳng trở thành nguy hiểm vậy!"

Đời Hán, Vương Khôi muốn có công lao bình định ngoài biên ải, bèn dâng sớ tâu xin: "Thoạt đầu hòa thân[182] với dân Hung Nô có thể dùng lợi để dụ họ

Khổng Tử đang làm quan Đại Tư Khấu, kiêm Tể tướng nước Lỗ. Nhờ khéo léo, mưu trí, Khổng Tử đã ngăn được âm mưu của vua Tề.

181 Tạo Phụ (造父) là cháu chín đời của Bá Ích, rất giỏi huấn luyện ngựa, phục vụ nhà Tây Chu. Ông đã từng bắt tám con ngựa hoang trong rừng đào, huấn luyện chúng thành tuấn mã rồi dâng lên Chu Mục Vương. Do chúng kéo xe rất giỏi, nhà vua thường dùng cỗ xe này để tuần hành, du ngoạn, hay săn bắn.

182 Cho đến hiện nay, các sử gia vẫn tranh cãi về nguồn gốc dân tộc Hung Nô (vì họ không có văn tự, không có sử liệu. Mọi dữ liệu lịch sử về họ hoàn toàn dựa theo sử liệu Trung Hoa), chỉ biết họ là dân du mục sống ở phương Bắc. Những truyền thuyết như người Hung Nô là con cháu của vua Hạ Kiệt, hoặc là hậu duệ của người nước Kỷ, đều không có chứng cứ khả tín. Thời Hán, nhiều bộ tộc Hung Nô thống nhất dưới sự lãnh đạo của Mạo Đốn Thiền Vu (các nhà nghiên cứu cho rằng *"thiền vu"* là phiên âm sanok hay tsanak dựa theo cách phát âm hiện thời của người Mông Cổ. Đây là tước hiệu của vị thủ lãnh tối cao; về sau, tước hiệu này được thay thế bằng danh xưng Khả Hãn (Khan) của người Nhu Nhiên, tức Rouran). Họ trở thành một mối đe dọa thường xuyên cho người Hán, vì người Hung Nô thường xâm lăng đất Hán. Khi Hán Cao Tổ (Lưu Bang) đem ba mươi hai vạn quân chinh phạt phản tướng Hàn Tín, đại quân kéo đến Bình Thành (nay là thành phố Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây), đã bị quân Hung Nô do Mạo Đốn Thiền Vu vây chặt suốt bảy ngày. Về sau, nhờ mưu kế, Hán Cao Tổ thoát khỏi vòng vây, nhưng đại quân bị hao tổn rất lớn. Vua phải xuống nước

rồi phục binh tập kích, ắt sẽ phá tan chúng". Đình thần (廷臣, các quan trong triều) đều nói cách ấy không thể được, nhưng Vương Khôi tận lực giữ nguyên ý kiến. Vua chấp thuận đề nghị ấy, sai hắn làm tướng dẫn ba mươi vạn quân nấp trong hang núi, sai người dụ Mạo Đốn Thiền Vu vào trong ải, mong tập kích hắn. Sự bị tiết lộ, Thiền Vu rút lui, quân Hán chẳng đuổi kịp, lính và ngựa của nhà Hán chết mấy vạn, tiền bạc, lương thực bị hao phí chẳng thể kể xiết. Dân chúng lẫn binh sĩ đều oán hận, vua tức giận hạ lệnh cho Đình úy Vương Khôi tự sát. Từ đó, những vị đại tướng như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh phải dấn mình ra biên cương đổ máu không ngớt. Vương Khôi dẫu chết, vẫn còn phải gánh trách nhiệm vậy.

Đời Minh, quan Tham Chánh tỉnh Phước Kiến là Tống Chương quấy nhiễu, khiến cho dân gian nhọc nhằn, tước đoạt tài sản của dân chúng tính ra mấy vạn lạng vàng. Hắn biếu xén Vương Chấn[183] bèn được thăng làm Bố chánh. Đến nhiệm sở, hắn tính toán lấy lại những phí tổn do đã hối lộ để được thăng chức, bèn xét theo từng hộ mà đánh thuế. Dân nghèo bị nhiễu

---

dùng chánh sách "hòa thân", tức là mỗi năm tiến cống gấm vóc, lụa là, tơ lụa, lương thực, rượu ngon, cũng như dâng một số gái đẹp cho vua chúa Hung Nô. Đổi lại, quân Hung Nô không xâm phạm biên cương Trung Hoa.

183 Vương Chấn là thái giám dưới thời Minh Anh Tông, rất được vua tin cậy. Hắn chưởng quản Tư Lễ Giám, trông coi tấu chương trong ngoài cung, nên dễ dàng thao túng triều chánh.

loạn kinh hoàng, khốn đốn oán than. Do vậy, Đặng Mậu Thất bèn tụ tập bè lũ làm cướp, oai thế chẳng thể ngăn trở được. Tống Chương bị bọn chúng cướp bóc, nhà hắn không còn một người nào sống sót!

Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo, quyết thủy, phóng hỏa, dĩ hại dân cư.

破人之家。取其財寶。決水放火。以害民居。

Phá hoại nhà người khác, chiếm đoạt của cải. Phá hoại đê điều, đốt nhà làm hại dân cư.

Do vô tâm mà tạo ra chuyện khiến cho người khác ngẫu nhiên bị phá hoại, thì chính mình đã bị tổn đức, huống hồ là vì tiền tài, của báu mà khiến cho người khác đến nỗi tan nhà nát cửa ư? Hoặc là công khai cậy vào thế lực, hoặc ngấm ngầm dùng mưu kế; nhưng kẻ công khai bạo ngược chẳng trốn khỏi phép nước, còn kẻ ngấm ngầm mưu toan có thể lọt lưới, tạo tội càng nặng. Nặng như thế nào? Đáp: Xét theo luật pháp trong nhân gian định tội chứa tang vật như thế nào mà tính nặng gấp năm lần. Sự ác khổ do bị trừng phạt trong cõi âm thê thảm hơn sự ác khổ trong dương gian. Vì thế, luật trong cõi âm nặng nề hơn luật trong dương gian.

Tiết Hoằng Nhân ở Khai Phong tánh tham lam, âm hiểm. Nhà hàng xóm có một cái áo trân châu giá trị khôn xiết, hắn bèn dùng nhiều âm mưu chiếm đoạt, nhưng chẳng được. Do vậy, đặt chuyện vu cáo, phá nát

nhà ấy, chiếm được tấm áo ấy vào tay. Chẳng lâu sau, bọn cướp biết được, kéo bè lũ tới cướp đoạt. Hoằng Nhân khoác tấm áo ấy trèo lên thang, chạy lên lầu. Bọn cướp tức giận, phóng hỏa thiêu đốt, hắn bị chết cháy!

Đời Nguyên, tại vùng Chiết Tây có một nhà có thế lực to lớn, hai anh em vì cha đã chết bèn tranh chấp. Mễ Tín Phu bèn xúi giục họ kiện nhau hòng phá nát nhà ấy để chiếm của. Hai anh em nhà ấy đều hối hận, uất ức mà chết. Tín Phu giàu có hai mươi năm. Trong niên hiệu Chí Nguyên[184], do dính líu đến vụ án phản loạn, họ Mễ bị bắt lên huyện, trông thấy quan huyện vẻ mặt nghiễm nhiên giống như người em của kẻ bị hại, trong lòng kinh hoàng sợ hãi. Viên quan ấy ép buộc hắn phải cung khai, thừa nhận tội. Hắn phải tiêu sạch tài sản mới thoát tội. Do vậy, hắn phẫn nộ kiện quan huyện lên phủ, thấy mặt viên quan phủ chính là gương mặt người anh của kẻ đã bị hắn hại thuở trước. Quan phủ dùng khổ hình tàn khốc bức ép hắn nhận tội, cả nhà tám mạng đều chết trong ngục. Ôi! Mưu toan xúi giục hết sức kín đáo, cớ sao bị báo ứng thê thảm dường ấy? Há chẳng phải là trong vòng huynh đệ, đã vận dụng mưu xảo xấu ác năm phần sẽ đáng phải thẳng thừng chuốc lấy quả báo ác mười phần hay sao?

Lửa đốt, nước trôi, bất hạnh ngẫu nhiên gặp phải,

184 Chí Nguyên là niên hiệu của Nguyên Huệ Tông (Thỏa Hoàn Thiếp Mục Nhĩ, Toyan Temur), sử dụng từ năm 1335 đến năm 1340.

đã là khổ sở khó bề chịu đựng, cớ sao nhẫn tâm phá hủy đê điều, phóng hỏa làm hại? Dân cư đã bị hủy hoại, của cải tích cóp cũng chẳng còn. Mạng người, mạng vật phần nhiều chẳng thể giữ được, gây hại to lớn, tội ác sâu xa, trời đất khó dung tội ấy được!

Đời Nguyên, Trường Xuân Chân Nhân Khưu Xứ Cơ nói: "Sửa cầu, đắp đường, cứu người chết đuối, cứu người bị hỏa hạn, đều là những chuyện đại phương tiện. Kẻ phú quý thực hiện sẽ là đức rộng, báo ứng trọng hậu. Kẻ học đạo thực hiện sẽ là công hạnh toàn vẹn, viên mãn. Nếu kẻ kém sức mà thực hiện sẽ càng là chuyện khó có. Chuyện khó mà có thể làm thì công đức gấp mười!"

Ngô Phong Sơn ở Ngô Hưng. Ngẫu nhiên lửa bùng lên cháy lan ra đốt sạch mấy chục nhà, ông Ngô bỏ tiền tìm người dập lửa. Lại còn dập đầu, tuôn lệ, đau xót cầu khẩn trời cao. Bỗng gió đổi hướng, lửa tắt. Ban đêm, ông mộng thấy thần bảo: "Ông từng bỏ ra một món tiền lớn để cứu người chết đuối, nay lại chân tâm cứu hỏa, được cõi trời báo ứng. Thượng đế ban cho ông hai đứa con quý hiển, tăng thọ mười hai năm". Phàm cứu tai nạn nước lửa cho kẻ khác, đạt được báo ứng như thế đó. Nhưng đây vẫn là chuyện nhỏ, làm người bề trên của dân, thật sự có thể tu sửa đê điều sẵn sàng, chú trọng thủy lợi, khiến cho muôn dân chẳng đến nỗi bị khốn khó vì thiên tai, chuẩn bị dự phòng đại

hạn (hạn hán lớn), có nề nếp đề phòng hỏa tai rõ ràng khi nóng bức, khiến cho muôn dân chẳng đến nỗi rơi vào tay Chúc Dung,[185] công đức ấy càng rộng, cảm ứng ắt sẽ nhanh chóng hơn trường hợp đang nói ở đây!

Lương Vũ Đế nghe theo kế của Vương Túc, đắp đê ngăn nước sông Hoài để làm ngập thành Thọ Dương. Vua lấy dân binh từ Từ Châu và Dương Châu hai mươi vạn người để đắp đê. Nhằm tháng mùa hạ, người mắc bệnh dịch chết nằm chồng lên nhau. Đến Thu, nước sông Hoài dâng cao phá vỡ đê ngăn, tiếng vang như sấm rền, vang vọng ba trăm dặm. Các thành thị, làng xã, thôn xóm dọc theo sông Hoài hơn mười vạn gia đình đều bị cuốn trôi ra biển. Về sau Vương Túc mắc tội, cả họ bị tru diệt.

Một người họ Nguyễn ở Giang Đô có hiềm khích với người họ Cát, ban đêm bèn đốt nhà người ấy. Lửa cháy lan sang nhà dân tới mười mấy nhà. Bỗng một hôm, nhà họ Nguyễn vô cớ bị lửa đốt trụi, vợ hắn bị chết cháy, gã họ Nguyễn chạy thoát, bỗng lửa ở đâu bay tới dính vào thân hắn. Trong khoảnh khắc hắn bị

185 Chúc Dung (祝融) là thần lửa. Ông này vốn có tên là Trọng Lê, hiệu là Xích Đế. Theo Sơn Hải Kinh, Chúc Dung thuộc dòng dõi của vua Chuyên Húc, giữ chức Hỏa Chánh (trông coi về lửa) cho Cao Tân Thị (Đế Cốc), nên được hậu nhân tôn là Hỏa Thần. Theo huyền sử Trung Hoa, Toại Nhân dạy dân dùi cây lấy lửa, nhưng dân chúng chỉ biết dùng lửa để nướng động vật; còn Chúc Dung dạy dân dùng lửa để nấu nướng nhiều cách, chế ra các chất để giữ lửa, chứ không cần phải dùi cây.

thiêu phồng lên mà chết.

Ông Vu Thiết Tiều nói: "Đào ao, khơi giòng, khiến cho thế nước chảy xiết, mạnh bạo, lầm lạc phá thủng đê ngăn sông, thắp lửa bắn pháo hoa, pháo theo gió rơi xuống đến nỗi đốt cháy nhà cửa. Dẫu vô tâm phạm lỗi, vẫn mắc tội làm hại mọi người. Hãy nên cực lực răn dè!"

Vặn loạn quy mô, dĩ bại nhân công, tổn nhân khí vật, dĩ cùng nhân dụng.

紊亂規模。以敗人功。損人器物。以窮人用。

Làm loạn phép tắc khiến cho công sức của người khác bị thất bại. Phá hoại vật dụng của người khác khiến cho họ chẳng sử dụng được.

"Quy mô" (規模) là như hết thảy các luật lệ, mạng lệnh thuộc về chánh sách giáo hóa. Những thứ ấy thật sự đều liên quan đến sự được mất, an nguy của thiên hạ. Phường tiểu nhân đố kỵ công lao của kẻ khác, mong cho người khác bị thất bại, hủy hoại, bèn gây rối loạn mà chẳng biết, khiến cho công sức của người khác bị thất bại, thật ra là khiến cho quốc sự bị bại hoại. Đã gây hại to lớn, há tội nhỏ nhặt ư? Còn như đối với chuyện của một thân, một nhà mà gây rối loạn đến nỗi hư hoại thì cũng là kẻ tổn thương thiên lý, chôn vùi lương tâm, tội chẳng khác gì!

Trong chiến dịch Hoàn Sóc, Dương Nghiệp phụng mạng đánh nước Liêu, làm phó tướng cho Phan Mỹ tấn công bọn thảo khấu nước Liêu. Đã đến nơi, do bọn giặc tấn công Hoàn Châu, Dương Nghiệp nói: "Thế giặc đang tinh nhuệ, chẳng thể đánh được. Hãy nên dẫn binh ra Đại Thạch Lộ, trước đó truyền lệnh cho các tướng trấn giữ Vân Châu và Sóc Châu tiếp ứng từ Thạch Kiệt Cốc thì mới là muôn phần vẹn toàn". Giám Quân Vương Sân chê trách Dương Nghiệp sợ chết. Bất đắc dĩ, Dương Nghiệp xin dẫn binh đi, bèn căn dặn Phan Mỹ đóng quân ở cửa cốc, chia thành hai cánh là bộ binh và quân bắn nỏ mạnh. Ước định khi Dương Nghiệp dụ địch đến nơi đây sẽ đổ quân ra đánh xáp lá cà, ắt sẽ toàn thắng. Phan Mỹ bèn đóng quân ở cửa cốc. Vương Sân lại cho rằng giặc sẽ bỏ trốn, muốn đoạt công lao, bèn dẫn lính rời đi. Dương Nghiệp dụ quân giặc đến chỗ phục binh, phát hiện phục binh đã bỏ đi mất, vỗ ngực khóc to, rồi lại liều mình quyết chiến, tự tay đâm mấy trăm người rồi mới chết. Nếu chẳng bị Vương Sân gây trở ngại thì công đã thành rồi. Triều đình nghe tin, hạch tội Vương Sân gây rối luật lệ trong quân. Vương Sân tự sát, bị lính của Dương Nghiệp xẻo thịt ăn, trong khoảnh khắc hết sạch.

Tống Nghệ Tổ (Tống Thái Tổ) kiến tạo thành đô Biện Kinh có chỗ quanh co, khuất khúc, chỗ thẳng chỗ cong, nhằm để các nơi có thể chiếu ứng lẫn nhau,

thật sự là có dụng ý sâu xa. Cho đến khi Thái Kinh chuyên chế nắm quyền bèn tâu với vua, kiến trúc kiểu ấy chẳng phù hợp vẻ mỹ quan, vua bèn chấp nhận cho hắn phá bỏ, xây thành mới vuông vức. Trong niên hiệu Tĩnh Khang, Niêm Hãn và Oát Ly Bất[186] vung roi dưới thành, bảo: "Thành này dễ tấn công". Họ sai đặt hỏa pháo bốn phía, thuận theo phương vị mà bắn. Do thành vuông vức, bắn một phát trúng liền, vách thành phía ấy liền chẳng đứng vững được. Người hiểu biết đều tiếc hận.

"Khí vật" (器物, đồ vật) là như giấy bút của văn, hoặc đao trượng của võ, cày cuốc để canh tác, búa đục của thợ. Trong nhà thì là các vật dụng thường dùng. Trên đường thì là các vật dụng dùng trong di chuyển như dù lọng. Xe thì có trục, có đòn, thuyền thì có sào chống, có mái chèo. Dẫu là vật dụng hết sức nhỏ, trong khi cần dùng nó sẽ có mối quan hệ hết sức thiết yếu. Nếu tổn hại, khiến cho lúc cần dùng sẽ chẳng làm gì được, chẳng có gì hết sức đáng giận hơn! Kẻ làm như vậy có tâm thuật như thế nào?

Hai người họ Từ và Trần ở Hoài Nam đều sống

186 Niêm Hãn (đúng ra phải là Niêm Một Hát, sử Trung Hoa đã chép sai thành Niêm Hãn) là tên húy của Hoàn Nhan Tông Hàn, con trai của tướng quốc Hoàn Nhan Tát Cải, còn Oát Ly Bất (đôi khi còn phiên âm là Oát Lỗ Bổ) chính là Hoàn Nhan Tông Vọng, là con trai của Kim Thái Tổ (Hoàn Nhan A Cốt Đả, Wanyan Aguda). Cả hai đều là đại tướng của người Kim thời ấy. Tĩnh Khang là niên hiệu của Tống Khâm Tông (Triệu Hoàn).

bằng nghề chở thuyền. Họ Trần chèo hơi mau hơn, kiếm tiền nhiều hơn. Họ Từ ganh ghét, thường ngấm ngầm phá hư vật dụng để họ Trần bị khốn đốn. Một tối, hắn ngầm phá gãy mái chèo của họ Trần. Tới lúc bình minh, sợ bị phát giác, hắn bèn nhổ thuyền ra đi. Tới giữa sông, họ Từ bỗng ngã xuống sông, kêu cứu. Họ Trần gấp rút muốn ra cứu, nhưng do mái chèo đã gãy, chẳng thể chèo thuyền ra đó được, đành đứng nhìn họ Từ chết!

Kiến tha vinh quý, nguyện tha lưu biếm. Kiến tha phú hữu, nguyện tha phá tán.

見他榮貴。願他流貶。見他富有。願他破散。

Thấy người khác vinh hiển, sang cả, mong họ bị lưu đày, biếm trích. Thấy người khác giàu có, mong họ tàn mạt.

Phàm những ai được vinh hiển, sang cả đều chẳng phải là ngẫu nhiên, mà đều là do đời trước người ấy đã tích lũy thiện duyên, vun trồng cội đức từ trước, cũng như do tổ tông tích đức mới bèn có thể được như thế. Kẻ trông thấy tình huống như thế hãy nên khởi tâm mong mỏi, hâm mộ. Chẳng phải là hâm mộ sự vinh hiển, sang cả của họ, mà là thật ra là mong mỏi, hâm mộ sự tu tập từ trước của người ấy. Nếu mong cho người ấy bị lưu đày, biếm trích, tức là chẳng từ chỗ chân thật mà phản tỉnh, soi xét bản thân, mà là từ nơi hư huyễn, sanh lòng tàn độc, muốn cho người khác

cũng phải xuống thấp như ta. Sao lại ngu si ôm lòng tiểu nhân, ghen ghét đến nỗi như thế? Thật ra, chẳng hề tổn hại người khác mảy may, chỉ là tự mình tạo ác nghiệp, khiến cho chính mình càng thêm nghèo túng, hèn kém đó thôi!

Đời Đường, Liễu Tử Hậu (Liễu Tông Nguyên) và Lưu Mộng Đắc bị biếm trích, thật ra là do Vũ Nguyên Hành[187] thật sự chủ động gây nên. Nguyên Hành bị giặc giết chết, còn hai ông Lưu và Liễu không sao. Bạch Lạc Thiên (Bạch Cư Dị) bị biếm trích thật sự là do Vương Nhai vu cáo hãm hại. Vương Nhai bị bọn hoạn quan giết chết, Lạc Thiên vẫn chẳng sao! Phàm là kẻ đang nắm quyền, giữ đại quyền sanh sát trong tay, coi những viên quan bị đuổi, bị đày như dế, như kiến, nào có biết trong nháy mắt thân và đầu của chính mình khó giữ, bọn "dế, kiến" kia ngược lại ngồi xem, cười cợt ta vậy! Huống hồ những kẻ bàng quan chỉ mong người khác bị biếm trích, phá tán suông, há có ích gì chăng?

Đời Tống, Vương Bác Văn nắm quyền cai trị công bằng, khoan dung, từng nói: "Ta suốt đời phán quyết tội lưu đày, chưa hề chẳng ngầm chọn lựa nơi có khí hậu tốt". Quan Thái Tể Đồ Dung mỗi lần tuyển chọn quan lại để phái tới nơi có sơn lam chướng khí đều ngừng bút rất lâu, bảo: "Ta đã từng đi qua nơi ấy, quan

187 Vũ Nguyên Hành là chắt thuộc về bên nội của Vũ Tắc Thiên.

lại phần nhiều chết vì chướng khí, ắt phải chọn lựa người phù hợp phong thổ". Do vậy, ông bèn tâu lên vua xin hãy áp dụng theo quy định ấy. Đấy chính là dụng tâm của bậc thật sự nhân từ. Kẻ mong cho người khác bị lưu đày, biếm trích, hãy nên suy nghĩ!

Giàu có cũng là do bản thân gieo trồng đức, do tổ phụ tích lũy công đức mà nên. Nếu đố kỵ sự giàu có ấy, mong cho họ bị tàn mạt thì là cái tâm như thế nào? Dẫu là kẻ chí ngu cũng chẳng nên không hiểu biết như thế. Xin hãy nghĩ lại, nếu ta giàu có mà kẻ khác mong cho ta bị phá tán, lòng ta sẽ ra sao? Nếu lòng ta giận dữ sẽ biết là lòng người khác cũng giận. Lòng người khác cũng giận thì lòng trời há chẳng giận ư? Đối với chuyện này, hãy nên quán ba điều:

1) Một là người đó giàu có, ắt do đời trước lợi người, làm phước mà ra. Chuyện này đáng nên noi theo, chớ nên ganh tỵ.

2) Hai là có thể là do người ấy đã khổ tâm lao lực, chịu đựng đói rét, tích tụ dần dần mà thành dư giả. Tuy vẫn do cái nhân trước, nhưng thật sự chịu đựng các nỗi khổ. Chuyện này đáng thương, chớ nên ganh tỵ.

3) Ba là do vô ý mà đạt được, làm giàu bất nhân, nhưng của cải tụ tán vô thường, nước lửa, đạo tặc, oán gia, con cái bại hoại, bệnh tật, quan lại, thưa kiện đều là những cái nhân gây nên tiêu hao. Trường hợp này sẽ

tự phá tán, suy bại, chẳng cần phải ganh tỵ.

Quán như vậy, cái tâm sẽ tự bình đẳng.

Chu Nghĩa Phu ở Hồng Huyện giàu có, chẳng tiết kiệm, tánh tình phóng túng ngang ngược. Tôn Thức Chi đã từng răn nhắc, Nghĩa Phu tức giận bảo: "Ngươi biết gì mà dám dính vào chuyện của ta?" Do vậy, Thức Chi đố kỵ. Lại nói: "Ta đành chờ xem hắn suy bại vậy". Đến khi Thức Chi đỗ đạt, làm quan trông coi về vận chuyển tại lộ ấy (tỉnh ấy), lần lượt tuần tra tới Hồng Huyện. Đúng lúc ấy, có người tố cáo Nghĩa Phu đánh đập người khác ở chợ, Thức Chi bèn giao họ Chu cho quan Tư Thôi thẩm vấn. Chẳng ngờ người tố cáo chết bất ngờ, Thức Chi bèn viện cớ Nghĩa Phu phạm tội mưu sát để phán án tử hình. Chẳng được mấy năm, Thức Chi được chuyển đi làm tào quan[188] ở Hà Bắc, cả nhà bị bọn giặc giết chết, chẳng khác Nghĩa Phu. Than ôi! Nghĩa Phu do cậy tiền tài mà hoành hành bạo ngược, cố nhiên đáng bị suy bại, nhưng Thức Chi lại ôm lòng cừu hận mà phá nát nhà hắn. Vì thế, trời cũng báo đền bằng cách phá nhà ông ta! "Tạo phương tiện cho người khác là tạo phương tiện cho chính mình", đúng là lời luận định chí lý thay!

188 Tào quan là chức quan trông coi vận chuyển hàng hóa, đánh thuế, cũng như ngăn ngừa chuyện buôn lậu.

Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi.
見他色美 。起心私之 。
Thấy vợ con người ta xinh đẹp, nảy lòng dan díu.

Nghiệp sắc đối với tâm tình của con người là dễ phạm nhất, so với những chuyện như tham lam, giết chóc v.v… còn khó chế ngự gấp trăm lần. Do vậy, vì chuyện này mà suy bại đạo đức, chuốc họa so với những chuyện khác cũng khốc liệt gấp trăm lần! Vì thế, đức Thái Thượng đối với những chuyện tham lam, giết chóc v.v… không chỉ là răn đi nhắc lại, nhưng riêng đối với điều đứng đầu muôn điều ác (dâm dật), ngài chỉ nói một lời. Đấy chẳng phải là nói đại lược, mà là vì những điều ác như tham lam, giết chóc v.v… rõ ràng, nông cạn, có thể nói trọn hết được. Chứ sự ác do dâm thì ẩn kín, sâu xa, khó thể nói trọn! Vì thế, phải dùng lời lẽ diệt trừ từ ngay ý niệm, tức là từ ý niệm ban đầu, nhằm đánh thức kẻ si mê, bèn nói: *"Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi"* (Thấy vẻ đẹp của vợ con người khác, bèn dấy lòng dan díu). Bởi lẽ, con người trong khi sắc đẹp đập vào mắt, tấm lòng vừa động, dấy lên ý niệm "nghĩ tưởng, hâm mộ, tham muốn, mong cầu" kết chặt trong lòng chẳng thể tháo gỡ được! Những ý niệm như thế vừa chớm nảy, chẳng đợi đến khi thân thật sự làm, mà đã thoát khỏi thiên lý, sa vào nhân dục (dục vọng của con người), âm ty đã xếp vào hồ sơ tội ác vô cùng! Do vậy, đức Thái Thượng vô lượng từ bi, chẳng cần phải

rườm lời, chỉ dùng một lời để cảnh tỉnh từ ngay chỗ ấy, nhằm dạy con người: "Khi trông thấy sắc đẹp, dấy lòng, chẳng thể không từ chỗ bắt nguồn mà sớm tự kiềm chế, dứt tuyệt". Ngay trong khi dấy niệm, hãy ngay lập tức phấn chấn, dũng mãnh, một đao chém phăng, chẳng dễ duôi tí nào, chớ dung một mảy tình niệm. Thiên đường và địa ngục, ngay lập tức phân định rành rành. Nếu trong lúc ấy, hơi nhận biết tâm niệm chẳng thật, nhưng chưa nhận biết thấu suốt, chẳng thể chém đinh chặt sắt, kiên quyết đặt vững bước chân thì ngay trong phút chốc nó sẽ dẫn khởi tràn lan, bất tri, bất giác bị trôi giạt vào nước quỷ La-sát mất rồi, tuy nhỏ nhiệm mà nguy hiểm lắm thay! Ý của đức Thái Thượng tinh ròng, tha thiết sâu xa tột bậc, khổ tâm vô lượng vậy!

Bảo Thiện Đường nói: "Tâm ấy (dâm tâm) vừa dấy, ắt sẽ ít liêm khiết, ít hổ thẹn, bại hoại nhân luân, tổn thương phong hóa. Chuyện tổn hại âm đức to lớn, không gì chẳng bắt nguồn từ cái tâm này. Tâm ấy vừa chuyển, ắt có thể bảo toàn danh tiết, gieo đức, tạo phước. Chuyện có thể khiến cho trời, người cảm động, không gì chẳng là do chuyển biến cái tâm này. Cái ải để phán định là người hay thú, hoàn toàn ở chỗ này, há dám chẳng khẩn thiết, dũng mãnh tỉnh ngộ ư?"

Bốn chữ "kiến sắc khởi tâm" (thấy sắc dấy lòng) chính là cái gốc khiến cho người đời mắc bệnh trong cả một đời vậy. Nay muốn đoạn trừ cội gốc ấy, hãy

nên dốc sức nơi chữ "kiến". Phi lễ vật kiến (Điều trái lễ chớ nhìn), thấy mà như không thấy thì là công phu bậc thượng. Bản tâm khó mê muội, lễ pháp khó vượt qua, nghiêm cấm, gắng sức chế ngự thì là bậc kém hơn. Nếu chẳng vậy, thoạt đầu thì là dấy lên trong tâm, rốt cuộc sẽ loạn nơi sự. Một niệm sai lầm, muôn kiếp chẳng chuộc được, buồn thay!

Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: "Xem người già như mẹ, xem người lớn hơn như chị, xem người nhỏ hơn như em gái. Xem đứa bé bỏng như con gái của chính mình". Đấy chính là pháp tối thượng để dưỡng tâm.

Sắc đẹp ai nấy đều yêu thích, nhưng chẳng thể dối gạt hoàng thiên! Ta hành dâm với vợ kẻ khác, kẻ khác sẽ hành dâm với vợ ta. Người xưa đã để lại lời răn ấy. Dương Ấu Thanh viết bài tụng rằng: "Thấy sắc đẹp của kẻ khác, vừa mới dấy niệm toan dan díu, tức là đã khiến cho kẻ khác dấy lên ý tưởng muốn dụ dỗ vợ con ta. Thay đổi vị trí để nhìn, tà tâm sẽ lập tức dứt bặt".

Ngữ lục của cổ đức đã chép: "Vừa mới gặp sắc đẹp, tâm rung động, hãy gấp nghĩ: Vị thần trông coi tội lỗi ở ngay bên cạnh ta. Tam Thai, Bắc Đẩu ở ngay trên đầu ta. Tam Thi trong thân, Táo Quân ở trong nhà. Ba thứ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và tinh tú chiếu soi, thiên chân vạn thánh (ngàn vạn vị tiên thánh) ở trên hư không, có người ghi chép, có người trông thấy mà tức giận, có người giám sát dày đặc muốn gom góp

tội lỗi của ta để công bố, như thế thì sẽ hoảng sợ, run rẩy, tự nhiên tấm lòng nguội lạnh, ý niệm tham dục diệt mất".

Đời Minh có một người mắc chứng háo sắc, hỏi tiên sinh Vương Long Khê[189]. Tiên sinh bảo: "Có chỗ rủ màn treo trướng nơi đây, có người bảo ông trong ấy có một ả kỷ nữ nổi danh. Tới lúc ông vạch màn ra, ả gái làng chơi ấy chính là em gái hay con gái của ông, ngay trong lúc ấy tấm lòng dâm của ông có ngay lập tức dứt bặt hay không?" Thưa: "Dứt liền". Tiên sinh bảo: "Vậy thì dâm vốn là không, ông nhận lầm nó là thật".

Trong mười đoạn Tiêu Song[190] của Văn Đế, đoạn đầu tiên là giới dâm hạnh: "Chưa thấy chớ nên nghĩ, trong khi thấy chớ nên loạn, đã thấy chớ nên nhớ". "Chưa thấy đừng nghĩ" chính là công phu tồn tâm dưỡng tánh lúc tĩnh (lúc chưa có ngoại duyên dẫn dụ). Thường ngày, hễ rảnh rang ở một mình, ắt phải thu thập sao cho mỗi ý niệm đều sạch làu, thời thời cảnh

189 Vương Long Khê tên thật là Vương Kỳ, là một nhà tư tưởng đời Minh. Ông là thành viên chủ yếu trong học phái của Vương Dương Minh, tôn Vương Dương Minh làm thầy. Tuy Vương Kỳ đỗ đạt, nhưng không ra làm quan, mà chuyên tâm cùng với Tiền Đức Hồng dạy dỗ hàng hậu học. Về sau, khi thầy đã mất, ông có ra làm quan một thời gian ngắn. Sau đó, vì tư tưởng, học thuật của ông bị Hạ Ngôn chán ghét, gièm báng, ông bị triều đình bãi chức bèn trở về dạy học hơn bốn mươi năm. Trước tác của ông được tập hợp thành bộ Vương Long Khê Toàn Tập.

190 Văn Đế chính là Văn Xương Đế Quân. "Mười đoạn" là nói về bài Văn Xương Đế Quân Tiêu Song Thánh Huấn.

giác, khắc khắc nhắc nhở. Thiên lý đã hiện diện ắt lòng ham muốn của con người sẽ tự dứt. Phàm những ý tưởng dâm uế, tà vạy đều chẳng để lọt vào tấm lòng quang minh chánh đại. Đấy là học vấn chú trọng lòng kính của bậc quân tử. Tâm ta đã định, tự nhiên lúc sắc đẹp lộng lẫy ở trước mặt, mặc cho kẻ đó dẫn dụ đủ mọi cách, ta trọn chẳng bị nó lay động mảy may thì là định lực thuộc bậc nào? Cảnh giới ấy đều là do thường nhật đã tu luyện phẩm đức nghiêm ngặt, thiết thực, do chánh tâm thành ý mà ra. Đấy chính là đối với chuyện gạn lọc, lắng trong cội nguồn, Đế Quân đã dạy phải kiêng trừ những chuyện thuộc về dục vọng của con người, trước hết ngài dạy ngăn ngừa từ cái tâm. Muốn gìn giữ dâm giới ngay trong khi những ngoại duyên dẫn dụ hiện tiền, trước hết phải tu luyện trong lúc thường ngày. Còn như "trong khi trông thấy mà chẳng loạn, đã thấy bèn chớ nghĩ nhớ" chính là như đức Thái Thượng đã răn mọi người "chớ nên dấy lòng tư tình". Đấy chính là công phu phản tỉnh, soi xét bản thân trong khi tâm niệm dấy động vậy. Vì thế, nếu phân tích chi tiết hơn, ba câu nói của Đế Quân thì mỗi câu là một cảnh giới. "Nghĩ" là nghĩ tới tương lai, "loạn" là loạn trong hiện tại, "nhớ" là nhớ về quá khứ. Người hiện thời dâm ác ngập trời, không ai chẳng phải là do từ trong ba cảnh ấy mà hình thành, xuất hiện. Có thể thật sự trừ hết ba cảnh ấy, dâm hạnh há có chỗ nào để đặt chân nữa ư?

Dâm đứng đầu muôn điều ác, chuyện này được nêu rõ trên bảng sắt trước điện Sâm-la. Bởi lẽ, hễ tâm dâm vừa sanh thì các điều ác lũ lượt tụ tập, tà duyên chưa tụ hợp đã sanh tâm huyễn vọng. Nếu chẳng có cách nào chèo kéo, dẫn dụ người khác, sẽ sanh lòng xảo trá, nếu có đôi chút trở ngại sẽ sanh lòng sân hận. Do dục tình điên đảo bèn sanh lòng tham đắm, do hâm mộ những thứ người khác đang có bèn sanh tâm đố kỵ, tàn độc, tước đoạt thứ yêu mến của người khác, sanh tâm giết hại, chôn vùi hết sạch liêm sỉ, luân lý đều thiếu sót, các thứ ác nghiệp sanh ra từ đấy, các thứ thiện niệm do đấy mà tiêu mất. Hễ dấy động dâm tâm, tuy chẳng thật sự thực hiện mà đã tích ác, tạo tội như thế đó, huống hồ là thực hiện dâm sự hiển nhiên ư?

Pháp luật cõi âm có nói: "Gian dâm vợ người khác sẽ bị quả báo tuyệt tự, gian dâm với gái chưa chồng sẽ bị quả báo con cái dâm dật!"

Ngạn ngữ có câu: *"Khuyến quân mạc tá phong lưu trái, tá đắc khoái lai, hoàn đắc khoái, gia trung tự hữu đại hoàn nhân, nhĩ yếu lại thời, tha bất lại"* (Khuyên đừng gây nợ phong lưu, mượn đã mau rồi trả chóng hơn. Người nhà rồi sẽ đền nợ thế, dẫu ngươi muốn quỵt chẳng tha đâu!)

Sát nhân thì giết một thân, gian dâm với kẻ khác thì giết cả ba đời kẻ bị gian dâm! Bởi lẽ, hành vi gian

dâm ấy không chỉ là phá hoại danh tiết của người ấy, mà còn khiến cho bố mẹ chồng, chồng người ấy và con cái của họ mất hết mặt mũi, đau đớn thấu tâm can. Thậm chí có người vì xấu hổ mà đến nỗi chết, hoặc là chồng giết vợ, hoặc là bố thắt cổ con gái, con không nhận mẹ, khi gặp mặt thân thích khó giữ thái độ đối xử lịch sự, những nhà đàng hoàng chẳng dám kết thông gia với nhà ấy. Vì niềm vui vụng trộm trong chốc lát bèn tạo tội ác ngập trời, quả báo tuyệt tự vẫn chưa đủ xứng với cái tội ấy!

Có vợ chồng rồi mới có cha con, anh em. Gian dâm người khác, không chỉ là rối loạn giềng mối vợ chồng, mà còn rối loạn cả cha con, anh em người ta! Ngũ luân đã bị mất ba. Thậm chí khiến cho tổ tông của kẻ ấy vì bị người khác khinh thường con cháu là "hạng người không ra gì" mà phải nếm trải nỗi đau khổ không người cúng tế. Kẻ gian dâm sẽ bị quỷ thần tru lục, há có thể trốn tránh được ư? Sát nhân thì sẽ tiêu diệt hậu thiên, nhưng kẻ gian dâm người khác sẽ rối loạn tiên thiên của người ấy. Huống hồ sát nhân là vì hận thù người ấy mà làm, còn kẻ gian dâm người khác có hận thù gì với chồng, bố mẹ chồng, bố mẹ ruột của người ta? Lại còn hận thù gì với cô gái đẹp ấy mà cứ muốn ô uế thân thể, chôn vùi tiết hạnh của cô ta?

Dâm niệm nhiều, ắt thiện niệm ít; dâm niệm ít, ắt thiện niệm tự nhiều. Do vậy, dâm niệm hoàn toàn tiêu

mất thì trong năm phước sẽ đạt được ba phước là thọ, khang ninh (mạnh khỏe, yên vui) và khảo chung mạng (chết yên lành). Kẻ thường dấy lên dâm niệm ắt sẽ bị khốn đốn vì bệnh tật, mắc các tai ương hung tàn, đoản mạng, trắc trở.

Dục niệm trong chốc lát dễ tiêu mất. Công danh và tánh mạng cả một đời rất trọng, tội gì đem danh dự, tiết tháo cả trăm năm, tiền trình suốt một đời, âm đức tích lũy của tổ tông, phước lộc của con cháu phí sạch vào nỗi mê hoặc ngắn ngủi? Đúng là chẳng biết kẻ như thế ấy có bụng dạ như thế nào? Cũng có kẻ vì kinh hãi trốn thoát khỏi [sự lùng bắt của gia đình người bị gian dâm] mà thành bệnh, dẫu uống thuốc cũng khó lành, gây liên lụy khiến cho gia đình của chính mình suy bại, cắn rốn chẳng kịp[191]. Thậm chí gian tình bại lộ, đem tánh mạng đổi lấy một khắc hoan lạc! Báo ứng oan nghiệt tuần hoàn, dùng vợ và con gái để trả cái nợ phong lưu, thê thảm càng khó nói nổi, hãy mau cảnh giác!

Ngạn ngữ có câu: "Gian dâm gần giống như là giết chóc". Đúng lắm thay, nhưng nói "gần giống như giết chóc" thì vẫn là lời lẽ nhẹ nhàng. Tôi cho rằng: Hễ gian dâm thì chưa hề chẳng có chuyện giết chóc! Bởi lẽ, chồng người ấy hay biết, giận dữ vung đao giết chết gian phu,

191 Đây là thành ngữ "phệ tễ mạc cập" (噬臍莫及) hàm nghĩa "không thể xoay sở cách nào được nữa", vì một người chẳng thể nào cắn rốn của chính mình.

dâm phụ. Nếu như là hai hay nhiều gã đàn ông cùng gian dâm với một nữ nhân, sẽ do ghen tuông mà đâm chém nhau, trở thành giết chóc. Do gian dâm mà dẫn đến chết chóc sẽ bị phép vua giết chết. Nếu may mắn lọt lưới sẽ bị oán quỷ giết hại. Có mấy kẻ tránh khỏi sẽ mắc bệnh hư nhược, lao sái trầm kha, Biển Thước[192] khó thể trị lành, tức là bị thần Tư Mạng giết. Con người rốt cuộc tự đặt tấm thân "tối linh, tối quý, có thể làm rất nhiều chuyện hữu ích lớn lao" vào chỗ "ắt bị giết chết" thì ngu lắm thay, đau đớn lắm thay!

Sách Nhật Càn Sơ Điệp có nói: "Xưa có bậc hiền nhân, trong khi dâm niệm bộc phát, bèn đút tay vào

192 Biển Thước (扁鵲) là một vị thầy thuốc nổi danh thời cổ. Ông tên thật là Tần Việt Nhân, còn có tên là Hoãn, hiệu là Lô Y. Ông sanh vào năm đầu Đời Chu An Vương (401 trước Công Nguyên), mất vào năm thứ năm Đời Chu Noãn Vương (310 trước Công Nguyên). Cùng với Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh và Lý Thời Trân, ông được xếp vào hàng ngũ "tứ đại danh y" của cổ Trung Hoa. Theo truyền thuyết, Hoàng Đế có một bầy tôi làm nghề thuốc nổi danh có tên gọi là Biển Thước. Do Tần Việt Nhân tài nghệ lẫy lừng, nên người đương thời bèn gọi ông là Biển Thước. Biển Thước được coi là người đã đặt ra cơ sở cho phép bắt mạch, hai tác phẩm Nội Kinh và Ngoại Kinh do ông biên soạn đã thất truyền. Người ta vẫn cho rằng tác phẩm Nạn Kinh chính là do Biển Thước biên soạn. Theo truyền thuyết, mắt ông có thể thấy thấu suốt nội tạng của người khác. Theo sử chép, có lần ông đến nước Tề, khi đến gặp Tề Hoàn Công (Điền Ngọ, không phải là Tề Hoàn Công Khương Tiểu Bạch thời Xuân Thu), Biển Thước nói "nhà vua đã bị bệnh nhẹ, hãy nên chữa trị". Tề Hoàn Công nghĩ ông muốn kiếm chác nên lờ đi. Biển Thước ba lần gặp mặt, đều xin vua hãy chữa bệnh, nhưng vua đều làm lơ. Đến khi vua ngã bệnh, triệu ông vào chẩn trị, ông nói bệnh đã lậm sâu trong tạng phủ, không thể chữa được nữa. Quả nhiên mấy hôm sau, vua Tề chết. Về sau, do Biển Thước trị lành bệnh cho Tần Vũ Vương (Doanh Đãng), quan Thái Y Lệnh nước Tần là Lý Ê ghen tài bèn sai thích khách giết chết Biển Thước tại Ly Sơn.

lửa, đau đớn chẳng chịu nổi, dâm niệm liền dứt. Nếu chẳng dứt, ắt lắng lòng tĩnh tọa, coi như tấm thân đã chết. Lại nghĩ đến mộ phần của cổ nhân, tự nhủ: Người ấy đã sống trên đời như ta, mai sau ta sẽ giống như người ấy, dâm lạc để làm gì đây?"

Ngăn ngừa ý niệm dâm hoàn toàn cậy vào huệ lực. Đời Đường, Địch Lương Công (Địch Nhân Kiệt) đã từng nói: "Người đối diện với sắc đẹp, hãy mau nghĩ người phụ nữ ấy mai sau mắc bệnh chết đi, thi thể rữa nát, giòi trùng xúm lại đục khoét, hôi thối nồng nặc, rất đáng kinh sợ, tà niệm liền tan ngay!"

Trong bài Bì Nang Ca (皮囊歌, bài ca về cái đãy da) của Đạt-ma Tổ Sư đời Lương có đoạn: *"Niệu thỉ cừ, nùng huyết tụ, toán lai hữu thậm phong lưu thú"* (Mương phân tiểu, đống máu mủ, tính ra có gì là thú phong lưu).

Đời Đường, Lữ Tổ nói: "Đừng khoe còn trẻ để thừa dịp phong lưu, làm như thế chính là ép mình đi vào con đường luân hồi buôn bán xương khô. Không tin thì hãy đối trước gương sáng mà xem, dưới lớp da mặt là đầu lâu". Lại nói: "Giai nhân mười sáu như bơ, eo giắt kiếm sắc chặt đầu gã ngu. Dẫu không thấy kẻ rụng đầu, ngấm ngầm giục giã người thành xương khô".

Trong Giới Dâm Pháp có đoạn viết: "Nó (dâm dục) là sự vật dẫn dụ ta giết mình, phá nhà, tổn thọ, giảm phước, thật sự làm hại tánh mạng của ta. Đáng

nên coi nó như lưỡi đao bén giết người, xem như hổ sói, xem như rắn độc, xem như quỷ sứ bắt hồn, xem như oán đối từ đời trước. Nếu có thể quán như vậy sẽ như dùng nước chữa lửa, dâm niệm chẳng hề không dứt vậy!"

Đời Minh, ông Cao Tông Hiến nói: "Thân này như bạch ngọc, hễ sảy chân liền vỡ nát. Chuyện này (dâm dục) như chất độc của chim Trấm, vừa lọt vào miệng bèn chết ngay".

Người thời nay thường bị lầm lẫn bởi một chữ "tình", chẳng biết chữ tình chính là tác dụng do trời ban cho ta để thực hiện trung hiếu, hòa thuận với anh em, nhân từ với dân chúng, yêu thương muôn vật. Sử dụng chánh đáng thì sẽ là thánh hiền. Sử dụng tà vạy thì sẽ là cầm thú, há chẳng sợ ư?

Sách Đạo gia nói: "Tội gian dâm với kẻ khác nặng gấp mấy lần tội sát nhân!" Lại nói: "Phàm là người khổ hạnh tu hành, các tội đều có thể tiêu trừ, chỉ có tội từng phá tấm thân trong trắng của kẻ khác, dẫu mai sau đạo cao, hạnh mãn, vẫn chẳng thể tiêu trừ, ắt phải hứng chịu ác báo thì mới có thể thành tiên được".

Đức Phật dạy: "Người sống trong thế gian, chẳng xâm phạm phụ nữ của kẻ khác, tâm chẳng nghĩ tà vạy, do vậy sẽ được năm điều thiện. Một là chẳng bị tổn thất tiền tài, hai là chẳng sợ bị quan huyện bức bách,

ba là chẳng sợ hãi kẻ khác, bốn là được sanh lên trời, ngọc nữ trên cõi trời làm vợ, năm là từ trên trời giáng hạ, sanh vào nhân gian, phần nhiều là phụ nữ đoan chánh". Nay thấy có bao nhiêu người đoan chánh, xinh đẹp đều là do trong đời quá khứ chẳng xâm phạm phụ nữ của người khác mà ra. "Người sống trong thế gian mà dâm dật, xâm phạm phụ nữ của người khác. Do vậy sẽ mắc năm điều ác. Một là gia đình bất hòa, nhiều lần mất mát tiền bạc. Hai là sợ hãi quan huyện, thường bị đánh đập. Ba là tự dối mình, bản thân thường sợ sệt kẻ khác. Bốn là vào trong địa ngục Thái Sơn, cột sắt đang đỏ rực, thân luôn ôm lấy! Do xâm phạm phụ nữ của người khác, mà mắc họa ương như thế mấy ngàn vạn năm, hình phạt mới xong. Năm là từ địa ngục thoát ra, làm gà, le, chim, vịt, dâm dật chẳng nề hà mẹ con, mà cũng chẳng có chừng mực". Ngựa có lễ, nhạn trinh lương, chúng đều giữ chữ tín, có chừng mực, còn riêng gà, le le dâm dật chẳng biết chừng hạn, đều là vì đời trước dâm dật, xâm phạm phụ nữ của người khác, hứng chịu thân gà, le le, thường bị kẻ khác ăn nuốt. Khổ sở như thế, chẳng thể kể trọn!

Đức Phật nói năm giới, có một giới là "chẳng tà dâm" sẽ cảm quả báo đời này và đời sau, cha mẹ, quyến thuộc sống lâu, mạnh khỏe, hòa thuận, vui vẻ, vợ con trinh lương.

Kinh Báo Ứng[193] chép: Một con quỷ hỏi: "Tôi thọ thân này, tánh hay sợ hãi, thường sợ bị kẻ khác bắt nhốt, trói buộc, còn bị hành hạ khổ sở, tàn độc, chưa hề có tâm vui sướng, do tội gì mà nên nỗi?" Ngài Mục-liên đáp rằng "Khi ngươi làm người thích hành tà dâm, xâm phạm phụ nữ của người khác, luôn lo nghĩ bị phát giác, tâm chẳng tự an. Nay hứng chịu hoa báo, quả báo là trong địa ngục, hoặc là nằm trên giường sắt, hoặc ôm cột đồng, tội lỗi như thế chẳng thể tính kể!"

Sách Văn Xương Đế Quân Thiên Giới Lục chép: "Gian dâm vợ con người ta, điếm nhục khuê môn[194] sẽ chịu khổ năm trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, làm la, làm ngựa năm trăm kiếp nữa, mới lại làm thân người. Làm người thì làm nghề xướng ca, đào kép. Gian dâm gái góa, tăng ni, bại hoại tiết tháo của người ta, sẽ chịu khổ tám trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, lại làm dê, làm lợn để cho người ta giết mổ tám trăm kiếp nữa mới lại được làm người. Khi làm người thì bị mù, bị câm, là kẻ tàn phế, ngũ quan tứ chi chẳng được trọn vẹn, tàn phế! Dùng thân phận ty tiện để dâm loạn bậc tôn quý, dùng thân phận người lớn để dâm loạn trẻ nhỏ, bại hoại cương thường,

193 Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Ngạ Quỷ Báo Ứng Kinh, được phiên dịch vào thời Tây Tấn, ghi chép những lời vấn đáp về nghiệp nhân giữa ngài Đại Mục Kiền Liên và các ngạ quỷ. Bản kinh này còn được ngài An Thế Cao dịch với danh xưng là Quỷ Vấn Mục Liên Kinh.

194 "Điếm nhục khuê môn" là hãm hiếp hay gian dâm gái chưa xuất giá.

sẽ chịu khổ một ngàn năm trăm kiếp trong địa ngục mới được thoát sanh, làm rắn, làm chuột một ngàn năm trăm kiếp nữa, mới được làm thân người, nhưng hoặc là chết khi còn trong thai mẹ, hay là chết trong khi còn ẵm ngửa, rốt cuộc chẳng thể trưởng thành. Tội báo do phạm dâm đáng buồn thay!"

Sách Khuê Châm chép: "Đàn bà mà phạm phải nỗi oan nghiệt dâm dật, suốt đời chẳng thể gột rửa. Dẫu người ấy có con hiếu, cháu hiền cũng chẳng thể gột sạch danh tiếng nhơ nhuốc được. Vì thế, bậc thục nữ khuê các giữ thân như ngọc, chẳng để có nửa điểm tỳ vết nào. Nếu gặp kẻ khinh cuồng cẩu thả, hãy lập tức gieo thoi, quyết liệt cự tuyệt[195], tự nhiên hắn sẽ chẳng dám tái phạm. Đấy là chánh khí trong chốn buồng thơm, sẽ được quỷ thần che chở. Nếu đàn bà dâm loạn, há chẳng có ác báo ư? Luật lệ cõi âm trị tội bằng cách bắt họ đầu thai làm chó, làm lợn, chứ chẳng phải là chỉ bị cõi đời thóa mạ mà thôi! Hãy nên răn dè!"

Phàm con người dễ sảy chân nhất chỉ là khi đối diện với sắc đẹp lộng lẫy. Bỗng dưng trong khoảnh khắc sẽ khó thể chế ngự, khi ấy sẽ có ba loại ma:

1) Mắt nhìn vào mặt người xinh đẹp ấy, tư thái

195 Nguyên văn "đầu thoa tuấn cự" (投梭峻拒). Theo chương Tạ Côn Truyện trong Tấn Thư chép: "Nhà hàng xóm là họ Cao có một người con gái xinh đẹp, Tạ Côn từng trêu ghẹo, cô ta quăng thoi dệt cửi vào mặt khiến hắn gãy mất hai cái răng".

yêu kiều của người ấy đã xoáy vào tâm, xương nóng, tâm thần lơ mơ, như bị bao phủ trong khói mịt mù, lửa cháy hừng hực, đó gọi là hỏa ma.

2) Dục căn chớm nảy, mạch Nhâm Đốc ngầm mở, như đê sắp vỡ, như sông chảy xiết sắp xoáy thủng đê, đó gọi là thủy ma.

3) Thủy hỏa cùng nung nấu, thân thể và thần hồn xung động lẫn nhau, như bánh xe xoay không ngừng, như chiếc vòng không có chỗ khởi đầu, đó gọi là phong ma.

Ba thứ ma ấy là ba cửa ải. Để chém ba thứ ma, vượt ba cửa ải, không có chi khác là có một thanh gươm trí tuệ, thanh huệ kiếm ấy chính là nhẫn mà thôi, là kiên nhẫn mà thôi, là rất nhẫn nại mà thôi! Khi đói đừng ăn món ăn của cọp, khi khát đừng uống rượu ngâm lông chim Trấm, đó là nói đến nhẫn vậy. Khi hai người đấu với nhau, đều muốn đoạt đao của đối phương, dẫu đổ máu vẫn không chịu buông tay. Quân chiến bại đoạt đường tẩu thoát, dẫu trúng tên chẳng quay lại, đó là nói đến sự kiên nhẫn vậy. Bị rắn độc mổ vào tay, tráng sĩ chặt cổ tay; thân trúng phải tên độc, anh hùng khoét xương, đó là nói về chuyện rất nhẫn! Giữ được như thế thì ngay trong lúc quan yếu ấy sẽ giữ được định, nhẫn được ắt sẽ cảm trời đất, động quỷ thần, công hạnh viên mãn.

Nếu có một niệm vấn vương sẽ đến nỗi chẳng thể

giữ vững Định. Những kẻ liễu ngõ hoa tường, phấn trắng mày đen, chớp mắt đã chẳng còn gì, nhưng kẻ đắm đuối chúng sẽ do vậy mà bị giảm thọ, do vậy mà bị giảm lộc. Thậm chí có thể vì vậy mà táng thân, lại còn mạng đáng lẽ phú quý mà trở thành nghèo hèn, số vận đáng lẽ bình an mà thành họa hại biến chuyển, số phận lẽ ra có con mà thành tuyệt tự, mong mỏi con quý, cháu hiền, lại toàn nảy nòi hạ lưu! Lại còn mắc quả báo trong địa ngục, quả báo trong đời sau, quả báo trong đường súc sanh, bị báo ứng vợ con dâm dật, báo ứng con cháu khốn cùng, quả báo là ca kỹ, đào kép hạ tiện. Một niệm thoáng đâm quàng đường rẽ, sẽ thành độc hại vô biên. Than ôi! Dám chẳng nhẫn ư?

Để ngăn dứt tà dâm, trước hết phải do cha anh, thầy bạn thường ngày đổ công giáo huấn, chỉ bày, khiến cho [ý niệm kiên quyết chẳng tà dâm] được tiêm nhiễm dần dần, khiến cho con em, học trò tin tưởng sâu xa: "Trong phòng tối mà có tâm sai trái, mắt thần minh sáng ngời như chớp". Trong tâm luôn ấp ủ lẽ pháp, nhân quả, họa phước báo ứng, chẳng nghi ngờ mảy may, tự nhiên là khi tiếp xúc những cảnh ngộ quyến rũ sẽ dũng mãnh phản tỉnh, ngay lập tức hồi quang, chẳng cẩu thả ngay trong lúc ấy.

Trong trường trăng gió, lắm kẻ sảy chân, nửa đời luân lạc đọa đày, nhìn lại bóng mình mà thẹn thùng kinh hoảng. Ai mà chẳng mong giữ lẽ chánh, chẳng

tiêm nhiễm thói trăng hoa tà vạy, thế mà mấy ai có thể làm được? Suốt ngày răn đừng ôm giữ lòng dâm, nhưng kẻ ấy dâm tâm lừng lẫy. Gặp người khác bèn nói "hãy ít ham muốn", nhưng chính mình chủng tử dục vọng càng nảy nở. Phóng túng tình dục chẳng biết quay đầu sẽ rước lấy tội lỗi không ai hơn! Nếu thật sự có thể là thoạt đầu mê muội, rốt cuộc giác ngộ, họa ương sẽ mất đi, phước sẽ theo đến. Đời Tống, tiên sinh Tạ Thượng Thái đã nói: "Đạo trời giáng họa cho những kẻ dâm đãng, nhưng chẳng phạt người biết hối hận tội lỗi". Lời ấy đúng lắm thay!

Ác báo do dâm đã nặng, vậy thì báo ứng do công phu ngăn ngừa dâm và báo ứng của tội hướng dẫn dâm, đương nhiên là chẳng nhẹ! Nguyện cho khắp mỗi người đều thốt lời thanh tịnh như sen xanh, cất ngọn bút soạn ra những áng văn diễm lệ, nhằm bộc lộ rõ ràng sự cảm ứng, hòng cứu bạt những kẻ đang mê muội nơi dâm. Xoay vần lưu thông, khuyến hóa lẫn nhau. Hoặc tuyên dương rộng rãi những lời chánh đáng, hoặc rát miệng khuyên nhủ nơi phòng kín, chẳng sợ bị chê là cổ hủ, cứ mềm mỏng khuyên dạy ắt sẽ có thể khiến cho người ta nghe lọt tai, tỉnh ngộ sâu xa, đạt được lợi ích vô cùng. Dùng đó để đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn làm hại tâm tánh của bọn mày ngài, là thuốc hay để quay đầu nơi trận địa giăng màn gấm, như vậy thì há chẳng phải là bậc quân tử lấy sự yêu thương người khác làm

phẩm đức, tự cầu nhiều phước ư?

Khẩu nghiệp của người hiện thời không gì quá đáng hơn là thích bàn luận chuyện riêng tư trong buồng the của người khác, thuật chuyện dâm dật, bỉ ổi, lắm cách phỏng đoán, thăm dò. Một kẻ xướng, trăm người họa! Thường là vì kẻ nói hứng thú dạt dào mà đến nỗi kẻ nghe hí hởn. Gian ác, ngấm ngầm dan díu, thật sự liên quan đến danh tiết cả đời. Một lời ngẫu nhiên lỡ miệng, ương lụy vô cùng! Trên là khiến cho trời giận không gì hơn chuyện này! Sao bằng thường nói đến quả báo của trinh và dâm, nâng đỡ danh giáo[196] cương thường, sẽ càng hưởng phước trời nhiều hơn!"

Thiên Giới Lục có nói: "Tạo tác dâm thư, bại hoại tâm thuật của người khác, chết rồi sẽ vào địa ngục Vô Gián mãi cho đến khi sách ấy diệt mất. Khi tội báo của những kẻ vì sách ấy mà làm ác đã đều hết sạch thì kẻ soạn dâm thư mới được thoát sanh".

Đời Minh, ông Viên Liễu Phàm nói: "Kẻ thu nhặt tà thư dâm uế, những thứ hình ảnh xấu xa và những lời báng bổ đem đốt sẽ được quả báo là con cháu trung hiếu, tiết nghĩa. Kẻ thích đọc tiểu thuyết dâm uế và kể nói những câu chuyện trong dâm thư cho người khác nghe, và cất giữ sách dâm, tranh dâm trong nhà sẽ mắc quả báo là con cháu làm ca kỹ, đào kép!"

196 Danh giáo (名教) là lễ giáo chánh danh định phận.

Thiên sách Dục Hải Hồi Cuồng trong An Sĩ Toàn Thư đã chép các lời răn kiêng dâm, phân loại rõ ràng, lớp lang, tùy theo từng việc mà khuyên răn. Ở đây, do khuôn khổ nhỏ hẹp của Cảm Ứng Thiên nên chẳng thể ghi lại toàn bộ, chỉ trích dẫn một vài điều tiêu biểu ghép vào đây.

Gái trinh thuở ở trong khuê phòng đợi dịp cưới gả, đấy chính là lúc khởi đầu danh tiết suốt một đời của cô ta. Nếu có kẻ táng tận lương tâm, phá hoại danh tiết của cô ấy thì cha mẹ, họ hàng sẽ xấu hổ, ngượng ngùng. Dẫu có người cưới về, sẽ thường là bị bại lộ, rốt cuộc bị nhà chồng đuổi về; cô ta sẽ thường đến nỗi phẫn uất, nhục nhã, hổ thẹn mà hủy hoại tánh mạng. Ví như trong chuyện hôn nhân có thể giấu diếm được, cô ta sẽ thường ngấm ngầm ôm lòng hổ thẹn, sợ hãi, danh tiết lớn lao đã khuyết, ngàn đời khó gột rửa. Phàm là những ai có lòng hãy nên thống thiết kiêng dè trước hết.

Bà góa có chí thủ tiết, thần lẫn quỷ đều khâm phục, kính ngưỡng, triều đình biểu dương, tưởng thưởng. Nếu tiết tháo kiên trinh ấy bị bại hoại, kẻ sống chẳng còn mặt mũi nào trên cõi đời, người đã chết (chồng bà ta) sẽ càng đớn đau ôm hận nơi chín suối. Xin hãy thử nhìn lại, thử nghĩ chính mình lâm vào tình cảnh ấy, há chẳng nguội lạnh tấm lòng ư? Đúng là hãy nên khéo léo gìn giữ, khiến cho bà ta được thành danh, giữ trọn

tiết hạnh, gieo đức càng dày, há có phải chỉ là không dâm thì mới có đức dày mà thôi ư?

Tỳ nữ há chẳng phải là gái trinh ư? Ta mong con gái ta trinh tiết, há có thể làm nhơ nhuốc sự trinh tiết của con gái người khác ư? Vợ đầy tớ thì cũng là vợ của người khác. Muốn vợ mình tiết hạnh, há có nên chôn vùi tiết hạnh của vợ kẻ khác ư? Tuy sang hèn khác biệt nhưng danh tiết như nhau, há có nên chôn vùi lương tâm, gây nên sự báo ứng nghiêm trọng trong cõi âm? Huống hồ do chồng lẹo tẹo với tớ gái hoặc vợ kẻ hầu, vợ ta vì ghen tuông sẽ đánh đập, gây thương tổn cho họ, hoặc kẻ tôi tớ hung hãn sẽ quay ngược lại bêu riếu, phản chủ. Cha con do chẳng hay biết mà cùng tằng tịu với một đứa tớ gái, anh em do mê muội mà cùng chung chạ với một người, hoặc là cốt nhục bào thai mà luân lạc trong hàng hạ tiện. Kẻ đời sau (con cháu của chủ nhân) vô tri, do chẳng biết đó là anh chị em ruột thịt của mình, lầm lẫn làm nhục, lấn hiếp, trên danh nghĩa là chủ tớ sai khác, nhưng ngấm ngầm có tình huynh muội! Tổn thương phong hóa, bại hoại mỹ tục, chẳng nỡ nói đến! Người ta sao lại vì thấy tôi tớ dễ gian dâm bèn thản nhiên làm xằng chẳng răn dè vậy?

Vú nuôi được xếp vào bát mẫu[197], ni cô tu hành tĩnh

197 Theo Chu Tử Gia Lễ, bát mẫu (八母) là tám loại người phải coi như mẹ, tức là đích mẫu (嫡母, vợ cả của cha), kế mẫu (继母, mẹ ghẻ), dưỡng mẫu (养母, mẹ nuôi), từ mẫu (慈母, do mang thân phận tiểu thiếp, không sanh nở được,

lặng nơi đất Phật, xâm phạm họ sẽ là tạo ra oan nghiệt nặng nề nhất trong các tội nghiệt. Hiện thời, những kẻ bị quan lại trừng phạt và gặp phải những tai họa riêng tư khác, cố nhiên vẫn là nhẹ hơn ác báo do tội lỗi này.

Cũng thường có chuyện kẻ nữ chưa kết hôn[198] làm chuyện dâm bôn, muốn quyến rũ kẻ khác hành dâm hòng được sủng ái, hãy đừng nghĩ "cô ả tự dâng mình tới tay ta, nếu ta khước từ sẽ quá tuyệt tình". Trong lúc ấy mà vượt được sự thử thách ấy sẽ là đức dày, phẩm lạ, sẽ được trời cao xét soi, chẳng mong kẻ khác biết đến. Đấy là cửa ải giữa thiện và ác, là ranh giới giữa họa và phước, hãy càng nên nỗ lực!

Cặp kè vui chơi với gái ăn sương tợ hồ chẳng có tội lỗi, nhưng đã rơi vào cái bẫy ấy sẽ thường bị táng gia bại sản. Huống hồ vì ta dan díu với gái làng chơi, cha mẹ ghét bỏ, thân hữu lợt lạt, vợ con oán hận, như thế thì kẻ ăn chơi ấy đã hoàn toàn đặt mình ra ngoài luân thường, chôn vùi sự tiết tháo vốn được giữ gìn

---

hoặc không có con trai, phải nuôi con của những thê thiếp khác của chồng làm người thừa kế), giá mẫu (嫁母, bố chết, mẹ đi lấy chồng khác thì gọi là giá mẫu), xuất mẫu (出母, mẹ ruột), thứ mẫu (庶母, vợ lẽ của cha), nhũ mẫu (乳母, vú nuôi). Trong đó, "dưỡng mẫu" có thể hiểu theo hai nghĩa:

1. Một là người nhận nuôi ta trong trường hợp côi cút, hay là người ấy hiếm muộn, xin ta làm con nuôi.
2. Hai là những bà vú em chuyên chăm sóc trẻ cho đến khi ba tuổi. Bà vú này chỉ chăm sóc, chứ không có sữa cho trẻ bú.

198 Nguyên văn là "oán nữ" (怨女). Theo cổ lễ, nữ nhân đã đến tuổi kết hôn, nhưng chưa có đối tượng thích hợp để cưới gả thì gọi là "oán nữ".

như ngọc. Thậm chí có kẻ do ăn chơi mà thân nhiễm các bệnh phong tình, rụng lông mày, khuyết mũi. Có kẻ khắp thân chẳng có miếng da nào lành lặn! Có một người bạn, bộ phận sinh dục thối rữa, tự nói là vì cuồng hứng nhất thời, trở thành giống như kẻ bị thiến suốt đời, tuyệt tự, tổn thương thân thể, khóc lóc hối hận chẳng kịp! Lại có một kẻ ở An Huy, do bệnh hoa liễu truyền nhiễm, con sanh ra lộ thịt đỏ hỏn, không có da, chẳng nuôi được, đều chết. Than ôi! Người ta cứ bảo chơi bời chẳng tổn hại âm chất, ai ngờ chẳng khác gì bị cõi âm khiển trách! Hãy hết sức răn giữ!

Chuyện nam nhân hành dâm với nhau, có sáu điều chẳng nên là:

1) Dâm ô khinh mạn, thể diện bị thương tổn, đã đánh mất lòng cung kính, chẳng có lòng hổ thẹn. Đó là một điều chẳng nên vậy.

2) Ruồng rẫy kẻ đã kết tóc se tơ với mình, sủng ái bọn trai trẻ, khí phận tà ác dẫn đến những điều quái dị, yêu ghét sai lệch. Đó là hai điều chẳng nên.

3) Các ngươi khinh bạc, phóng đãng, có hạnh kiểm gì. Cũng có lúc làm chuyện trộm ngọc, cắp hương, nhuốm bẩn khuê nữ! Đấy là ba điều chẳng nên.

4) Ngẩng đầu trên cao ba thước, chắc chắn có thần minh phẫn nộ vì sự nhơ uế ấy, các ngài sẽ giáng xuống hình phạt chẳng nhẹ. Đấy là bốn điều chẳng nên.

5) Luật lệ chép về hành vi kê gian, phép vua rành rành. Gian dâm lại gần giống như giết chóc, có mối quan hệ to lớn với thân thể. Đấy là năm điều chẳng nên.

6) Chẳng vì cầu có người nối dõi mà tiết tinh bừa bãi, hành vi ấy ngu xuẩn thay, sẽ khiến cho sanh mạng bị hủy hoại mau chóng. Đấy là sáu điều chẳng nên.

Khuyên khắp người đời, kẻ chưa phạm hãy chú trọng dè dặt, cẩn thận vâng giữ hòng "tránh dữ, hướng lành", suốt đời giữ trọn điều răn về sắc dục. Nếu là kẻ đã phạm hãy gấp sửa lỗi, làm chuyện lành rộng rãi, khắc in sách răn dâm để khuyên rộng khắp, hòng chuộc lầm lỗi cũ, ngõ hầu chuyển họa thành phước.

Xưa kia, Diêu Đình Nhược ở Đồng Thành đã in những tờ đơn thề giữ giới như sau: "Trăm hạnh hiếu đứng đầu, vạn ác dâm đứng đầu. Con người khác với cầm thú là do biết suy nghĩ. Nhạn là loài phi điểu còn chẳng loạn bầy, con người nắm giữ tứ đức, sao lại chẳng bằng chim? Do vậy, dùng tờ đơn phát nguyện này để nương tựa hướng về, thề kiêng tà dâm. Nếu manh nha ý niệm ấy, họa sẽ giáng xuống thân. Nếu phạm giới này, sẽ ương hại đến con cháu. Chỉ mong từ bi, thương xót chứng minh, hộ trì, ngầm gia hộ, xin hãy đời đời bảo vệ. Phàm những ai nhận tờ đơn này, hãy tụ tập mấy người cùng chí hướng, viết mười tám câu này lên tờ giấy khác, lại ghi quê quán, mỗi người tự ghi tên,

ký tên, phát thệ đem đốt trước Văn Xương Đế Quân, hoặc trước Quan Thánh, hoặc trước hết thảy chư Phật, vĩnh viễn giữ giới chẳng quên. Mỗi năm đều nghiệm chứng một lần, mấy người cùng chí hướng sau khi đã thề kiêng tà dâm, liền quyên góp để in đơn này thành một vạn tờ thí tặng, ngõ hầu cách thức tốt đẹp được lưu truyền chẳng dứt". Mặt sau tờ đơn có ghi thêm vài câu cách ngôn và vài chuyện quả báo.

Thu thập các lời dạy như trên, khuyên lơn hoặc răn đe đều đầy đủ, pháp tắc, lời răn đều nêu bày. Có những lời lẽ mềm mỏng lẫn những lời lẽ quyết liệt, từ ngữ rõ ràng, ý thiết tha, ai có thể thời thời đọc, khắc khắc nghĩ ắt sẽ được lợi ích. Nhưng những điều vừa dẫn trên đây đều là tiện tay chọn lấy, vẫn thẹn chữ nghĩa, thứ lớp chẳng thỏa đáng, người đọc chỉ cần hiểu ý chỉ là được rồi. Tôi lại đem những câu chuyện về quả báo do trinh lương hay dâm đãng chép tường tận sau đây, hòng giúp cho người đọc dũng mãnh tỉnh ngộ.

Chàng học trò nọ ở Quý Khê, thi nhiều lần chẳng đỗ, xin Trương Chân Nhân dâng sớ, xuất hồn lên xem bảng trời. Thần phê rằng: "Người này số phận đáng lẽ đỗ đạt, nhưng do lén lút với người thím mà bị mất sạch". Chân Nhân hoàn hồn[199], nói với chàng ta lời ấy.

199 Nguyên văn là "phục" (伏) và "khởi" (起), tức là theo Đạo giáo, đạo sĩ có thể lễ bái trước đàn tràng, xuất hồn lên thiên đình, đó gọi là "phục". Khi hồn nhập trở lại xác thì gọi là "khởi".

Chàng học trò bảo là không có, bèn tự soạn sớ để biện luận. Thần lại phê: "Tuy chẳng có chuyện ấy, nhưng thật sự có cái tâm ấy". Chàng học trò hổ thẹn chẳng kịp, ấy là vì thời trẻ thấy người thím xinh đẹp, ngẫu nhiên động một niệm tà vạy vậy!

Trong niên hiệu Chánh Đức[200] nhà Minh, Triệu Vĩnh Trinh thuở bé gặp bậc dị nhân bảo: "Năm ngươi hai mươi ba tuổi, ắt đậu giải nguyên". Đến khi thi Hương, văn hay tột bậc, quan chủ khảo đã định chấm cho Vĩnh Trinh đậu giải nguyên từ mấy hôm trước, chẳng ngờ trong kỳ thi hậu trường, văn bài của Vĩnh Trinh bỗng phạm sai sót, cho nên chẳng thi đỗ. Tâm Vĩnh Trinh hết sức uất ức, do vậy, cầu nguyện mộng thấy Văn Xương Đế Quân để thưa hỏi. Trong giấc mộng Đế Quân nói: "Khoa thi này ngươi vốn đậu giải nguyên, nhưng do gần đây ngươi chòng ghẹo tỳ nữ, dụ dỗ con gái nhà hàng xóm. Tuy đều chưa thành chuyện gian dâm, nhưng đã dấy lòng điên đảo, ý dâm vấn víu! Ruộng tâm ngày một tối tăm, tiếng tăm lẫn địa vị đều tiêu, vì thế bị phạt trừ sạch!" Vĩnh Trinh khóc lóc, sửa lỗi làm lành, cho khắc in những lời răn dâm để cảnh tỉnh cõi đời. Khoa thi sau, anh ta bèn đỗ giải nguyên, làm quan tới chức Phiên hiến[201].

---

200 Chánh Đức là niên hiệu của Minh Vũ Tông (Chu Hậu Chiếu) từ năm 1506 đến năm 1521.

201 Phiên Hiến (藩憲) là tên gọi khác của Bố chánh sứ (ta thường gọi tắt là Bố chánh), là người đứng đầu cơ quan hành chánh của một tỉnh, dưới quyền quan

Lý Đăng năm mười tám, sau khi đỗ đầu kỳ thi Hương Tiến, cho đến lúc năm mươi tuổi vẫn chẳng đỗ đạt, bèn đến chỗ thầy pháp Diệp Tĩnh, cậy thầy dò hỏi thiên đình. Thầy pháp tâu trình với Văn Xương Đế Quân. Đế Quân sai nha lại đem sổ cho Diệp Tĩnh xem, thấy ghi: Lý Đăng lúc sanh ra đã được ban ấn ngọc, mười tám tuổi đậu giải nguyên, mười chín đỗ trạng nguyên, năm mươi hai tuổi đạt tới địa vị Hữu tướng (Phó thừa tướng). Nhưng do sau khi thi đỗ, đã nhìn trộm con gái hàng xóm tắm; do vậy, công danh bị trễ mất mười năm, kết quả thi cử giáng xuống thành nhị giáp tiến sĩ. Do xâm phạm nền nhà của anh là Lý Phong, nên công danh lại trễ mười năm, giáng xuống thành tam giáp tiến sĩ. Do gian dâm một phụ nữ nhà đàng hoàng là Trịnh Thị, công danh lại bị trễ mười năm. Nay lại lén lút tằng tịu với cô gái chưa chồng hàng xóm, làm ác chẳng hối cải, đã bị gạch tên khỏi sổ công danh, suốt đời chẳng đỗ đạt". Thầy pháp kể lại với Lý Đăng, Lý Đăng xấu hổ, ân hận mà chết mất. Ôi, tổ phụ tích đức bao nhiêu năm, con cháu mới được thành trạng nguyên, Tể tướng. Vậy mà để bị tước trừ như thế, cô phụ ân trời, cô phụ cha ông! Hắn coi hoan lạc quan trọng như thế đó, coi đỗ đạt chẳng bằng một phần vạn. Rốt cuộc vì chuyện phóng túng dâm đãng cỏn con mà chôn vùi phước lớn to tát. Buồn thay!

Tuần phủ.

Ông Vu Thiết Tiều nói: "Trạng nguyên, Tể tướng chẳng khó gì một nét bút xóa sạch! Huống hồ những kẻ có âm đức của cha ông thấp hơn Lý Đăng thì sẽ như thế nào? Tôi trộm cho rằng: Sẽ càng nguy ngập khôn cùng vậy!"

Lưu Quán là người xứ Long Thư, có con trai là Nghiêu Cử, tên tự là Đường Khanh lên thuyền đi thi. Chủ thuyền có đứa con gái, Nghiêu Cử bèn tò vè, nhưng chủ thuyền đề phòng, canh chừng rất nghiêm ngặt, chẳng thể thân cận được. Đến hôm thi, chủ thuyền ngỡ trường thi cửa đóng then cài chặt chẽ, chẳng phải lo lắng chuyện gì khác, bèn vào chợ mua bán. Thế nhưng đề thi lại trúng nhằm sở trường của Nghiêu Cử, cho nên hắn ra khỏi trường thi rất sớm. Chủ thuyền chưa về, rốt cuộc hắn lén tằng tịu với cô gái ấy. Vợ chồng Lưu Quán một tối mộng thấy hai người mặc áo vàng dẫn đến chỗ có bảng niêm yết kết quả thi, nói: "Cậu nhà đỗ đầu". Lưu Quán muốn coi tấm bảng ấy, một người bên cạnh bỗng xé đi, nói: "Lưu Nghiêu Cử gần đây đã làm chuyện dối lòng, đã bị trời phạt". Khi các khảo quan ghi danh sách thi đỗ, quả nhiên do bài văn của Nghiêu Cử có tỳ vết đôi chút bèn đánh trượt. Rốt cuộc hắn chẳng đỗ đạt, phiền muộn mà chết!

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, Lục Trọng Tích sanh ra đã có tài lạ. Lúc mười bảy tuổi Trọng Tích theo thầy là Khâu X… đến sống tại kinh đô. Nhà đối

diện có một cô gái rất xinh đẹp, thầy trò nhiều lần lén ngắm nghía, tâm ngứa ngáy. Thầy bảo trò: "Thành Hoàng tại kinh đô thiêng nhất, con thử đến miếu cầu đảo, chắc sẽ được toại nguyện". Trò bèn đến cầu nguyện. Tới đêm, hai người đều mộng thấy bị Thành Hoàng bắt đến, lại còn quở trách nặng nề: "Thằng nhãi ngươi là thứ gì mà lòng dạ ngu tối, khinh nhờn thần thánh đến thế?" Thành Hoàng lại sai thuộc hạ tra sổ tài lộc. Nha lại kiểm sổ sách, thấy dưới tên họ Lục có ghi: "Đậu trạng nguyên năm Giáp Tuất", còn dưới tên họ Khâu hoàn toàn chẳng có gì. Thần phán: "Đối với họ Lục, ta sẽ tâu trình Thượng đế, gạt tên nó khỏi sổ tài lộc, khiến cho nó nghèo hèn suốt đời. Họ Khâu bị rút ruột". Vừa tỉnh mộng, họ Khâu liền bị thổ tả mà chết. Trọng Tích về sau suốt đời nghèo hèn đúng như lời thần nói!

Đời Đường, Ngự sử Lý Nghiễm vâng lệnh đi sứ ngoài vùng Lãnh Nam, bỗng gặp một con hổ xông vào vùng rừng cây, nói tiếng người: "Ta gần như làm tổn thương cố nhân của ta!" Lý Nghiễm nói: "Sao mà giống tiếng của bạn đồng niên Lý Vi Thanh vậy?" Hổ nói: "Giã biệt đã lâu", kể lể những mối giao tình khi xưa rất tường tận. Lý Nghiễm hỏi: "Cớ gì đến tận nơi đây?" Hổ đáp: "Một hôm, tôi đang tĩnh tọa bỗng nghe ngoài cửa có tiếng gọi to, bèn điên cuồng trở thành hình dạng này. Nay thấy cố nhân, há có thể chẳng bi thương ư?"

Lý Nghiễm hỏi: "Đời ông có chuyện gì đáng hối hận hay không?" Đáp: "Ta từng ở ngoại thành Nam Dương gian dâm với một bà góa. Nhà ấy phát hiện, ta ngầm lập mưu làm hại, do say sưa mà giết sạch cả nhà ấy. Đó là chuyện đáng hận!" Hổ rống to, bỏ đi.

Ở Kinh Khê có hai người chơi thân với nhau từ lúc còn để chỏm. Tới khi khôn lớn, một người dư dật, một người túng thiếu. Do vợ chàng nghèo xinh đẹp, gã nhà giàu bày mưu, bảo bạn: "Có nhà giàu nọ có thể đến làm mướn". Chàng nghèo cảm tạ, gã giàu sắm sửa thuyền, lại chở cả vợ chàng nghèo cùng đi. Thuyền đến dưới chân một ngọn núi, gã giàu bảo: "Để vợ anh ở lại giữ thuyền, tôi với anh đi trước". Hắn dẫn bạn vào rừng, rút búa giắt ngang lưng chém chết bạn, giả vờ khóc lóc xuống núi, bảo vợ bạn: "Chồng chị bị cọp vồ chết rồi". Người vợ khóc òa, gã giàu nói: "Ta thử cùng nhau đi tìm". Cùng nhau lên núi, tới chỗ khe suối, rừng sâu vắng vẻ hắn ôm chầm lấy cô ta, đòi hành dâm. Người vợ hét ầm lên, chợt hổ trong rừng rậm xông ra, cắn gã giàu tha đi. Người vợ kinh hãi bỏ chạy, nghĩ chồng quả nhiên đã vùi thây trong miệng cọp, khóc lóc quay về. Thấy đằng xa từ trong núi có một người khóc lóc đi đến, thì ra là chồng mình, cùng ôm nhau khóc ròng. Đôi bên nói chuyện mọi lẽ. Chồng nói: "Nó muốn hiếp dâm em đó! Em chưa bị nó hiếp. Nó toan giết anh, anh chưa chết, anh hận nó chi đâu?" Vợ nói: "Em khổ sở vì

tưởng anh đã chết, anh chưa chết. Em muốn báo thù thằng giặc ấy, nhưng thằng giặc đã tự bị quả báo, em còn hận gì nữa?" Do vậy, chuyển buồn thành vui, trở về làng.

Vương Cần Chánh ở Địch Dương tằng tịu với vợ hàng xóm, ước hẹn cùng nhau bỏ trốn, nhưng ả ta sợ chồng ả đuổi kịp, ả bèn lập kế giết chết chồng. Cần Chánh nghe chuyện hết sức kinh hãi, liền một mình trốn tới huyện Giang Sơn, cách đó bảy mươi dặm, tự cho là đã xa rồi, có thể thoát họa. Do đói bụng, anh ta vào tiệm cơm, chủ tiệm dọn cơm đủ cho hai người ăn. Cần Chánh hỏi nguyên do, chủ tiệm đáp: "Vì có người xõa tóc theo ông đi vào, chẳng phải là hai người ư?" Cần Chánh biết là oán quỷ đi theo, bèn đến quan tự thú, nam lẫn nữ đều đền tội.

Trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh, ở Nghi Hương, có bà góa họ Trần làm chủ tiệm nhuộm, có nhan sắc. Một gã lái buôn gỗ trông thấy, ưa thích, mượn cớ nhuộm lụa đến nhà bà ta dụ dỗ đủ kiểu. Hắn biết chẳng thể khiến cho bà ta thuận theo, bèn lấy mấy súc gỗ quăng vào nhà bà ta, hôm sau thưa quan bà ta ăn trộm gỗ. Hắn lại hối lộ bọn sai nha để bắt bớ, hiếp đáp khiến cho bà ta khốn quẫn, nhục nhã, mong bà ta sẽ thuận theo chịu làm thiếp cho hắn. Bà ta ngày đêm

xót xa cầu đảo thần Huyền Đàn[202], thưa: "Nhà con đã kiền thành thờ thần rất lâu, sao chẳng thể che chở cho con?" Đêm ấy, bà ta mộng thấy thần bảo: "Đã sai hắc hổ rồi". Gã lái buôn gỗ nghe kể lại, còn chửi bà ta là ngu si. Chẳng được mấy bữa, gã lái buôn gỗ và sáu bảy người vào núi mua gỗ, hổ từ trong rừng xông ra, vượt qua mấy người rồi cắn đầu gã lái buôn gỗ tha đi.

Tường sanh[203] họ Quách ở Giang Ninh, năm Kỷ Mão vào trường thi. Khi chưa yết bảng, chàng họ Dương ở trước nhà nói: "Ta gần đây làm phán quan ở âm phủ, biết ông đáng lẽ thi đỗ hạng thứ năm mươi bảy. Nhưng vì ngày đó, tháng đó ông đi thu tô ở Giang Bắc đã cùng vợ một tá điền mây mưa suồng sã dưới trăng sao. Lại còn ép một đứa tớ gái trong nhà ông

202 Huyền Đàn là tên gọi tắt của Kim Long Như Ý Chánh Nhất Long Hổ Huyền Đàn Chân Quân. Vị này tên thật là Triệu Lãng, tự Công Minh, là một trong bốn đại nguyên soái hộ pháp của Đạo giáo, nên còn gọi là Huyền Đàn Nguyên Soái. Tương truyền, Huyền Đàn Chân Quân là người đời Tần, lánh mình vào Chung Nam Sơn tu đạo, được gặp tổ Đạo giáo là Chánh Nhất Thiên Sư Trương Đạo Lăng nhận làm đồ đệ, sai cưỡi hắc hổ, thủ hộ phòng đan dược. Vị này được coi là có nhiều công năng thần dị, nên được dân chúng tôn thờ nhằm cầu tiêu tai, giải nạn. Ông còn được thờ như vị Vũ Tài Thần (Văn Tài Thần là Phạm Lãi), với danh xưng Thiên Quan Trung Lộ Nguyên Soái, có bốn bộ hạ là Chiêu Bảo Thiên Tôn Tiêu Thăng, Nạp Trân Thiên Tôn Tào Bảo, Chiêu Tài Sứ Giả Trần Cửu Công và Lợi Thị Tiên Quan Diêu Thiếu Tư. Ông cùng với bốn bộ hạ được gọi chung là Ngũ Lộ Tài Thần. Người Khách Gia (Hakka) còn gọi ông là Ngân Chủ Vương Công.

203 Trường học thời cổ được gọi là tường (庠). Vì thế, học trò được gọi là tường sanh (庠生). Theo quy chế, đời Minh - Thanh, sinh viên các trường học ở phủ, châu, huyện (thường gọi là ấp tường), sẽ được gọi là tường sanh, tức là những người đã đỗ tú tài (còn gọi là mậu tài).

làm thiếp, do ông giận dữ, khiến cho nó bị chết ngang trái, nó đã nhiều lần đến cáo giác ông dưới cõi âm. Ta đã nhọc lòng khuyên giải, nhưng nỗi uất ức của nó khó thể tiêu tan được. Do vậy, thiên đình đã vì những chuyện này mà trừ bỏ công danh của ông!"

Trương Bảo làm tri phủ Thành Đô. Lý Úy ở Hoa Dương có vợ đẹp nhất xứ Thục Trung, Trương Bảo muốn tằng tịu, nhờ cậy khắp bọn ni cô, nhũ mẫu ngấm ngầm dùng ý ấy khuyên dụ. Lâu ngày, người vợ cũng động lòng. Bỗng gặp chuyện Lý Úy ăn hối lộ bị bại lộ, Trương Bảo thừa dịp tấu trình đàn hặc. Lý Úy bị tống giam, điều tra đến nơi đến chốn. Lý Úy bị đày ra ngoài rặng Ngũ Lãnh[204], chết trên đường đi. Trương Bảo biếu xén mẹ Lý Úy trọng hậu, ép gả vợ Lý Úy cho mình, lấy nhau rồi vui sướng khôn xiết. Không biết vì sao người vợ lâm bệnh, tinh thần hoảng hốt, thấy Lý Úy bên cạnh. Lúc lâm chung, cô ta nói với Trương Bảo: "Thiếp cảm ơn chàng, chẳng dám không nói. Lý Úy đã tố cáo lên cõi trời, sớm tối chàng sẽ bị bắt. Nếu ẩn kín, chưa chắc họ đã có dịp lùng bắt. Nếu khinh thường ra ngoài ắt sẽ bị bắt", nói xong bèn chết. Không lâu sau Trương Bảo cũng ngã bệnh, do nhớ lời vợ dặn, đề phòng hết sức nghiêm ngặt, chẳng dám bước chân ra khỏi nhà. Một chiều đang ngồi

204 Ngũ Lãnh là năm rặng núi ở phía Nam Trung Hoa, nằm dọc theo ranh giới bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam và Giang Tây. Vùng Lãnh Nam (phía Nam rặng Ngũ Lãnh) thuộc địa bàn nước Văn Lang thời cổ. Ngũ Lãnh bao gồm các rặng núi Việt Thành, Đô Bàng, Manh Chử, Kỵ Điền và Đại Dữu.

bỗng thấy xa xa trong đám trúc dưới nhà, có một người giơ tay áo đỏ vẫy nhẹ. Trương Bảo hoảng hốt tưởng là vợ Lý Úy, vội rảo chạy tới, đến gần thì ra là Lý Úy, bị ông ta bắt lấy đánh đấm tơi bời, chửi bới: "Thằng giặc này, nếu tao không dùng áo hồng rộng tay vẫy gọi, mày chịu đến đây ư?" Hồi lâu sau, Trương Bảo tuôn máu mũi, kể nguyên do với người nhà rồi chết.

Đời Đường, Nghiêm Vũ lúc trẻ làm hàng xóm của một vị quân sứ, dụ dỗ con gái ông ta cùng bỏ trốn. Vị quân sứ vào kinh tố giác, vua xuống chiếu truy bắt. Nghiêm Vũ sợ tội nên đã giết cô ta rồi dìm xuống nước. Do vậy, sai nha truy bắt chẳng có chứng cớ gì nên hắn may mắn thoát tội. Tới khi hắn nhiễm bệnh ở đất Thục, thấy cô ta ở trước mặt trách móc: "Thiếp trốn theo chàng cố nhiên là đã đánh mất tiết hạnh, nhưng thiếp thật sự chẳng phụ rẫy chàng. Nếu chàng sợ tội, sao không bỏ thiếp mà đi, lại còn giết chết, đúng là kẻ tàn nhẫn! Thiếp đã tố cáo nơi âm tào, hạn kỳ là ngày mai!" Nghiêm Vũ thẹn thùng xin tha. Sáng hôm sau, hắn quả nhiên chết ngắc. Than ôi! Oai quyền của Tiết độ sứ khi ấy[205] chẳng thể xoay chuyển mảy may! Người hiện thời cứ hở ra là tìm cái chết, nào có biết sau khi đã chết, ân biến thành cừu, oán đối chẳng ngớt!

Đời Minh, Hứa Triệu Hinh ở Tấn Giang, đỗ cử

205 Khi ấy, Nghiêm Vũ đang làm Kiếm Nam Tiết độ sứ, cai quản vùng Tứ Xuyên.

nhân năm Mậu Ngọ, đến châu Phước Ninh để yết kiến vị quan giám khảo chấm thi của mình. Hắn ngẫu nhiên đi qua một am ni cô, ưa thích một ni cô trẻ tuổi, bèn dùng oai thế hiếp đáp, cưỡng bức làm nhục cô ta. Hôm sau, hắn cắn lưỡi đứt đôi mà chết. Lại có gã Vương Vũ ở Tấn Giang nổi tiếng giỏi văn chương, mang rượu đến uống tại chùa Thừa Thiên. Hắn vào Tàng Kinh Đường, thấy một sa-di đang độ tuổi thiếu niên ngồi ngay ngắn xem kinh, bèn cưỡng ép chú tiểu ấy uống rượu. Sa-di chẳng vâng theo, hắn bèn ôm chầm lấy chú ta sờ mó, trêu chọc. Hắn về nhà được ba hôm, bỗng vung tay tát vào miệng, tự chửi bới, cắn đứt lưỡi, máu tuôn đầy đất mà chết. Cái chết của hai gã ấy chỉ là hoa báo, quả báo là trong địa ngục!

Có ông già nọ ở Giang Tây từng ngủ lại nhà vợ, gian dâm với họ hàng bà ta, lén sanh được một đứa con bèn chôn đi. Về sau khá giả lên, hưởng dụng đã lâu. Kẻ biết chuyện nói: "Đạo trời chẳng thể hỏi đến!" Về sau, cháu nội gái của ông ta tằng tịu với đầy tớ. Ông ta biết chuyện hết sức tức giận, lấy một cỗ quan tài rồi đem hai người bỏ vào đó, đóng đinh, đem chôn sống. Ông ta bị thưa kiện dằng dai nhiều năm, tài sản tiêu sạch mà chết.

Gã họ Trầm vốn ỷ sức cường tráng, nhiều lượt gian dâm. Vương Hành Am đã từng răn nhắc: "Ta gian dâm vợ người khác, người khác sẽ gian dâm vợ ta. Báo ứng đáng sợ, anh hãy nên sửa đổi đôi chút". Họ Trầm

cười bảo: "Chẳng lẽ mấy thằng háo sắc đều biến thành lũ bị cắm sừng hết hay sao? Chỉ cần giữ nghiêm khuê môn thì lo gì có chuyện đó!" Một hôm gã từ bên ngoài trở về, chính mắt thấy vợ đang lõa lồ hành dâm với kẻ khác, muốn lấy vật dụng đánh họ nhưng tay chẳng thể giở lên được. Vợ hắn tưởng là chồng không đếm xỉa tới, cứ thong dong tận tình hưởng thú hoan lạc. Họ Trầm tức giận quá đỗi, trừng mắt, giậm chân, hộc lên một tiếng rồi chết luôn!

Một người suốt đời làm ác, có một đêm nghỉ tại nhà thân thích, nghe hai người nói với nhau: "Gã nọ tội ác ngập đầu sẽ phải thọ báo". Người kia đáp: "Phạt hắn tuyệt tự nhé?" Người trước bảo: "Quá nặng". Người kia lại hỏi: "Bị hỏa hoạn nhé?" Người trước nói: "Quá nhẹ!" Người kia lại hỏi: "Vương Tiểu Tiểu nhé?" Đáp: "Ờ, được đấy". Hắn nghe nói kinh ngạc, chẳng hiểu là như thế nào? Mấy năm sau, gã đó mê luyến một kỹ nữ tên là Vương Tiểu Tiểu, cưới cô ả về nhà. Hắn nghe theo những mưu kế của cô ả, khiến cho cốt nhục ly gián, tài sản khánh kiệt mà chết!

Một vị tăng pháp danh là Hành Uẩn thấy hoa sen bỗng động lòng dâm. Đêm ấy, có một nữ nhân gõ cửa. Hành Uẩn bèn mở cửa nhìn xem, thấy có một cô gái dẫn theo một đứa tớ gái, tự xưng là Liên Hoa Nương Tử, dung mạo rạng rỡ động lòng người. Hành Uẩn hết sức vui mừng, bèn chuyện trò huyên thiên không ngớt.

Chốc lát, đuốc tắt, thị giả nghe Hành Uẩn kêu khổ, cô gái cất tiếng hung ác nói: "Sao ngươi xằng bậy dấy lên dâm tâm? Nếu ta là nữ nhân thật sự, há chịu ăn nằm bừa bãi với ngươi ư?" Thị giả vội chạy gọi mọi người trong chùa, phá cửa mà vào, trông thấy hai con quỷ dạ-xoa, còn Hành Uẩn đã thân một nơi, đầu một nẻo rồi!

Nay biên chép, kể ra các tấm gương mắc họa vì dâm, xếp chuyện của gã học trò ở Quý Khê lên đầu, nhằm nêu rõ ý nghĩa răn dạy của đức Thái Thượng về chuyện ý niệm kín nhiệm *"khởi tâm tư"* (dấy lòng muốn gian díu), hòng khuyên mọi người phải dè dặt ngay từ đầu. Trong lúc mắt thấy, tâm động phải dốc hết sức chú ý cẩn thận. Còn chuyện của Hành Uẩn lại chẳng phải là thấy sắc mà khởi tâm, mà là do ông ta thiếu đầu óc, do vọng niệm tạo ra hình tượng, chẳng có ốc mà thành lầu, chẳng có biển mà hiện thành thị[206], tâm địa u mê, tăm tối, nảy sanh sự huyễn hoặc xấu ác, tự gây ra sự hỗn độn đến nỗi bị dạ-xoa nuốt mất mạng, đầu một nơi, thân một nẻo! Chuốc lấy tai họa

206 Thành ngữ có câu "thẩn lâu hải thị" (蜃樓海市, lầu thẩn, phố biển). "Hải thị" (海市) là những huyễn ảnh do ánh sáng khúc xạ phản chiếu những hình ảnh trên bờ (có thể là ở rất xa), khiến cho người đi biển vào lúc nắng gắt trông thấy có thành phố trên mặt biển, đến gần bèn chẳng có. Người xưa giải thích là ngoài biển có một giống ốc lớn gọi là Thẩn (蜃), hơi thở của nó bốc lên mặt biển, tạo thành huyễn ảnh như lầu gác, đình tạ, nên gọi "thẩn lâu". Ở đây có ý nói, chẳng cần nhờ ngoại duyên mà do vọng tưởng trong tâm, cho nên Hành Uẩn tự thấy các huyễn tượng, trông thấy hoa sen bèn tưởng tượng có mỹ nhân đứng trên đó, hoặc tưởng tượng đến gót sen của mỹ nhân mà dấy lên dâm niệm, chiêu cảm quỷ dạ-xoa thừa dịp làm hại.

kỳ lạ từ loài ma hung dữ, thảm khốc dường ấy! Xem đến những câu chuyện ấy, có ai mà tâm chẳng rét run, sợ hãi? Vì thế, dùng câu chuyện này để kết thúc các trường hợp mắc họa vì dâm dật, đúng là có dụng ý sâu xa. Hãy suy nghĩ đi!

Lâm Mậu Tiên ở Tín Châu tài cao, thi đậu kỳ thi Hương. Nhà nghèo, anh ta đóng cửa đọc sách. Người đàn bà hàng xóm chán chồng chẳng học hành, hâm mộ tài danh của Mậu Tiên, ban đêm lén tìm tới. Mậu Tiên quở trách: "Nam nữ khác biệt, lễ pháp chẳng dung. Quỷ thần trong trời đất dày dẫy khắp nơi, cớ sao lại ô nhục ta?" Bà ta hổ thẹn lui ra. Năm sau Mậu Tiên thi đỗ, về sau ba đứa con đều đỗ đạt.

Diêu Tam Cửu vốn có họ là Biện học rộng, giỏi thơ văn. Ông đến làm gia sư tại nhà họ Hoài, có đứa con gái thường đến nhìn trộm. Ông Biện trang nghiêm, chẳng ngó ngàng. Một hôm, ông đem giày phơi ngoài sân, cô ta viết thư bỏ vào giày. Ông Biện thấy thư, bèn mượn cớ có chuyện khác, xin nghỉ dạy rồi trở về nhà. Ông Viên Di Hạnh làm thơ khen ngợi, có câu: *"Nhất điểm trinh tâm kiên phỉ thạch. Xuân phong đào lý mạc tương sai"* (Một tấm lòng trinh bền tựa đá, gió Xuân đào mận chẳng thèm ngờ). Ông Biện chẳng nhận bài thơ, trong thư hồi đáp, cực lực biện bác là không có chuyện ấy. Viên Di Hạnh phong kín lá thư, đề lên đó: *"Đức chí hậu hĩ, tử tôn tất xương"* (Đức sâu đến tột bậc, con cháu ắt

hưng thịnh). Về sau, con ông Biện (Diêu Tam Cửu) là Kham và chắt là Tích đều đậu tiến sĩ.

Đường Cao thuở trẻ đọc sách dưới đèn, có kẻ nữ chọc ghẹo, chọc thủng giấy dán cửa sổ[207]. Ông dán lại, đề thơ rằng: *"Đào phá chỉ song dung dị bổ, tổn nhân âm đức tối nan tu"* (Chọc thủng giấy hãy còn dễ vá, phá đức người khó sửa khôn ngằn). Một tối, có một vị tăng đi qua cửa nhà ấy thấy có tấm biển đề trạng nguyên, hai bên treo hai cái đèn, trên đèn đề hai câu ấy. Vị tăng lấy làm lạ, gạn hỏi. Về sau, quả nhiên Đường Cao đỗ đầu thiên hạ.

Uông Thiên Dữ gặp dị nhân xem tướng bảo: "Tướng của ông giống như La-hán, không có người nối dõi, mà cũng chẳng thọ". Do vậy, ông Uông coi nhẹ tiền tài, chuộng bố thí. Một hôm, ông làm khách ở Thanh Giang Phố, bà chủ còn trẻ lại xinh đẹp, lén đến chỗ ông. Ông Uông đóng cửa không tiếp và bảo: "Tôi há có nên phá hoại danh tiết của bà ư?" Bà ta hổ thẹn, bỏ đi. Lại gặp người xem tướng ấy, người ấy hỏi: "Ông có âm đức gì mà tướng mạo bỗng thay đổi, sẽ sanh quý tử, thọ hơn tám mươi". Về sau, đúng như lời ấy.

Xem khắp các bậc tiền hiền cự tuyệt những kẻ muốn dâm bôn, những vị ấy đắc lực là nhờ chữ thứ

207 Thuở xưa, chưa có kiếng. Cổ nhân dùng loại giấy mỏng phết hồ cho bền chắc dùng dán cửa sổ, vừa chống gió lạnh, vừa lấy ánh sáng từ bên ngoài.

(恕, khoan dung), điều mình chẳng muốn chớ làm cho người khác. Có vị thì sợ tổn hại âm chất, chỉ e giảm phước, đoản thọ. Tuy học vấn có thể khác nhau nhưng đều cùng chánh đáng, phù hợp thiên lý, thuận theo đạo lý "khiến cho người khác an lòng, ta và họ đều được vẹn toàn". Ngay trong lúc ấy, phước chí tâm linh, đã giống như nhanh chóng bước lên mây xanh, chẳng cần đợi hưởng phước báo rồi mới vui sướng. Điều quan trọng là cự tuyệt chuyện dâm bôn có nhiều cách khác nhau, ắt phải biết tường tận sẵn trước đã. Sau đó, khi gặp chuyện sẽ chẳng phạm sai lầm. Bởi lẽ nghiêm mặt quở trách, cự tuyệt, [kẻ muốn rù quến làm chuyện dâm bôn] sẽ bỏ đi cố nhiên là nhiều, nhưng có kẻ bị cự tuyệt vẫn chẳng bỏ đi. Như Lục Dung[208] viện cớ bệnh chưa lành, hẹn ngày khác sẽ gặp, đến hôm sau liền rời đi, chuyển sang chỗ trọ khác, có thể học theo gương ấy.

208 Lục Dung là người huyện Thái Thương, Tô Châu, sống vào đời Minh, làm đến chức Lại bộ Thượng thư. Theo Thọ Khang Bảo Giám, Lục Dung dáng dấp rất đẹp đẽ. Vào năm Thiên Thuận thứ ba (1459), ông đi thi ở Nam Kinh. Trong quán trọ, có nữ nhân nửa đêm đến chỗ ông ngủ, toan tằng tịu. Thoạt đầu, ông viện cớ mắc bệnh, hẹn đêm sau. Cô ta lui ra. Ông bèn làm thơ rằng: *"Phong thanh nguyệt bạch dạ song hư, hữu nữ lai khuy tiếu độc thư, dục bả cầm tâm thông nhất ngữ. Thập niên tiền dĩ bạc Tương Như"* (Song thưa, gió mát, trăng thanh, cô gái ngấp nghé trêu anh học trò, mượn đàn toan những hẹn hò, mười năm trước đã phụ phàng Tương Như). Đợi đến sáng, ông mượn cớ rời khỏi. Mùa thu năm ấy, ông đi thi. Trước đó, cha ông ta nằm mộng thấy quan Quận Thủ tặng cờ và tấm biển [phong tặng], [kèm thêm một đội] trống, kèn. Trên tấm biển ấy, đề bốn chữ "nguyệt bạch phong thanh". Người cha nghĩ là điềm báo con thi đậu, viết thư gởi cho ông. Ông càng thêm dè dặt. Về sau, ông đỗ tiến sĩ, làm quan tới chức Tham Chánh.

Nếu có thể mở tung cửa bỏ đi, như Tào Phân[209] qua chỗ khác trọ cũng là cách ứng phó nhanh nhạy của người giữ tròn đức hạnh vậy. Lại có kẻ dụ dỗ người khác gian dâm chẳng được bèn dùng cái chết để uy hiếp, như ông Mao Lộc Môn cự tuyệt đứa tớ gái rủ rê làm chuyện dâm bôn. Bị cự tuyệt, cô ả nói: "Như thế thì tôi chỉ đành chết mà thôi". Lộc Môn chẳng nao núng. Suốt đêm cự tuyệt mà vẫn giữ vẹn đức hạnh như thầy thuốc họ Trần lặp đi lặp lại "chẳng thể, chẳng thể"[210], đẩy cửa sổ đứng chơ vơ ngoài sân, thề chẳng có hành vi cẩu thả! Lại có người kiên quyết tặng luôn món tiền trăm lạng[211]. Những vị kiên quyết cự tuyệt người khác dụ

209 Trong Thọ Khang Bảo Giám đã chép câu chuyện này như sau: Thư sinh họ Tào ở Tùng Giang đi thi. Ở quán trọ, có người đàn bà tìm đến [dụ dỗ]. Ông Tào kinh hãi, vội chạy sang chỗ khác tá túc. Đi nửa đường, ông thấy có ánh đèn dẫn đường, dẫn vào một tòa cổ miếu. Nghe đánh trống thăng đường, ông Tào phủ phục trước miếu, nghe trong điện thờ xướng danh những người được ghi tên trong bảng tân khoa. Tới người thứ sáu, lại [có nha lại] bẩm rằng: "Ông X… gần đây làm chuyện sai trái, Thượng đế gạch tên, hãy nên bù người nào vào?" Thần nói: "Ông Tào ở Tùng Giang chẳng hành dâm với người đàn bà ở quán trọ, là bậc chánh khí, đáng thêm tên vào". [Nha lại] bèn thêm tên ông Tào vào. Ông Tào [nghe phán bảo như vậy] vừa sợ hãi, vừa vui mừng. Quả nhiên [về sau], Tào Phân đỗ thứ sáu.

210 Chuyện này được chép ngay trong phần sau.

211 Sách Thọ Khang Bảo Giám chép câu chuyện này như sau: Đời Thanh, ông Viên ở Thiểm Tây. Do giặc Sấm (Lý Tự Thành) dấy loạn, cha con thất lạc, trôi nổi, ngụ tại Giang Nam, muốn cưới thiếp sanh con. Vừa mua được vợ, rước về nhà ông Viên, cô ta xoay lưng về ánh đèn, khóc lóc. Ông Viên gạn hỏi, cô ta đáp: "Chẳng có gì khác. Chỉ vì trong nhà đói nghèo, chồng muốn tìm cái chết, cho nên thiếp bán thân để chồng được sống. Thiếp nghĩ tới vợ chồng tình sâu nghĩa nặng trước nay; vì thế, khôn ngăn đau thương vậy". Ông thương xót, xoay lưng ngồi đợi sáng. Ngoài số tiền bán thân ra, còn tặng thêm một trăm

dỗ làm trò chim chuột, đức trong sáng, quyết đoán anh minh như thế đều đáng để học theo. Nếu cửa đã đóng mà có kẻ nữ ở bên ngoài, ắt chẳng thể mở cửa được. Ngày hôm sau mượn cớ từ tạ trở về nhà mà người ta vẫn cứ chèo kéo, vậy chớ nên đến nữa, nhưng cần phải suốt đời chẳng hé môi về chuyện ấy. Dẫu với vợ con cũng không để cho họ biết chuyện ấy[212], đấy là bậc đức dày vậy. Từ đấy trở đi, đỗ trạng nguyên, đạt tới địa vị vinh hiển, rạng mày nở mặt cha ông, con cháu hưởng phước lộc lâu dài, so với những phương cách tích công lũy đức khác, sự khó dễ muôn vàn sai khác một trời một vực!

Tại Chiết Giang, có vị Chỉ huy sứ[213] là X… mời

---

lạng, trả người vợ cho chồng, bảo họ hãy buôn bán. Vợ chồng họ khóc lóc ra đi. Về sau, họ muốn tìm một cô gái chưa chồng, tặng cho ông Viên để sanh con, nhưng tìm đã lâu chẳng được. Ngẫu nhiên tới Dương Châu, họ gặp một người đem một đứa bé khôi ngô muốn bán; do vậy, họ bàn riêng với nhau: "Ta chưa tìm được cô gái nào. Trước hết, hãy mua đứa trẻ này về hầu hạ ông Viên, có gì là không được?" Bèn mua lấy, vượt sông, tặng nó cho ông Viên. Ông Viên nhìn kỹ, thì ra là đứa con đã bị thất lạc.

212 Sách Thọ Khang Bảo Giám chép câu chuyện này như sau: Trầm Đồng ở Quy An, có tên tự là Quán Di, nhà nghèo. Người anh họ là Tốn Châu giới thiệu ông đến nhà sui gia dạy trẻ vỡ lòng. [Nhà ấy] mẹ góa, con thơ. Một đêm, bà góa đến dụ dỗ ông làm chuyện chim chuột, Trầm Đồng nghiêm khắc cự tuyệt. Ngày hôm sau, ông liền từ tạ trở về. Bà góa sợ lộ chuyện, sắm sửa lễ vật van nài [Trầm Đồng trở lại dạy học], lại thúc giục Tốn Châu mời giùm mấy lượt, ông đều chẳng nhận lời. [Tốn Châu] vặn hỏi nhiều lần, ông Đồng trọn chẳng hé môi, chỉ nói "bất tiện" mà thôi! Năm sau, [Trầm Đồng] đỗ đạt, làm quan tới chức Tuần phủ.

213 Đời Minh, nhằm phân tán quyền lực quan lại đứng đầu các tỉnh (tức quan Tuần phủ), triều đình đã lập ra ba chức quan khác biệt dưới Tuần phủ, gồm Đô

thầy đến dạy con. Thầy bị cảm lạnh, cần phải đổ mồ hôi, bảo trò lấy mền. Trò lấy mền vô ý cuốn theo một chiếc hài của mẹ. Bệnh lành, đem trả lại mền, chiếc hài rớt bên chỗ nằm mà thầy lẫn trò đều chẳng biết. Chỉ huy sứ trông thấy, ngờ vợ mình gian díu với thầy. Tra hỏi, vợ chẳng nhận tội, do vậy ông ta sai đứa tớ gái đến giả vâng lệnh bà chủ mời thầy đến gặp mặt riêng. Thầy nổi giận quát mắng đứa tớ gái. Viên Chỉ Huy Sứ lại ép vợ đích thân đến mời mọc thầy, chính mình tuốt sẵn đao bén, chờ thầy mở cửa là chém liền. Cố nhiên thầy cự tuyệt: "Tôi được ông nhà mời đến, há nên ngấm ngầm có hành vi trụy lạc ư?" Thề nhất quyết không mở cửa, sáng hôm sau thầy từ biệt xin đi. Viên Chỉ huy sứ nói: "Tiên sinh thật sự là bậc quân tử", bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện, tạ lỗi, xin thầy ở lại. Khoa thi ấy, thầy đỗ đạt.

Trình Ngạn Tân tấn công Ninh Thành. Hôm thành bị hạ, kẻ tả hữu dâng lên ba cô gái còn trinh, đều thuộc loại hết sức xinh đẹp. Ông vừa mới say, bèn bảo các cô: "Các ngươi như con gái của ta, há dám xâm phạm ư?" Bèn tự khóa kín một gian phòng (giữ ba cô gái trong ấy). Đến sáng, tìm hỏi bố mẹ để trả lại. Về sau, ông làm quan tới chức Thị sát. Khi chín mươi ba tuổi ông từ biệt thân hữu qua đời, các con đều hiển đạt.

---

chỉ huy sứ (gọi tắt là Chỉ huy sứ, trông nom việc quân sự), Bố chánh sứ (coi hành việc hành chánh và tài chánh), và Án sát sứ (coi việc kiện tụng, tư pháp).

Đời Minh, Từ Hy ở Giang Âm, khi làm nha lại thuộc binh phòng[214], có lệnh tuyển tráng đinh đi làm làm lính thú ở vùng biên cương. Có một người bị tuyển lầm, nhưng người ấy chẳng thể giãi bày nỗi oan uổng, muốn cầu Từ Hy giúp cho thoát khỏi. Nhà nghèo, chỉ có cô vợ là có nhan sắc. Anh ta bèn bày tiệc rượu khoản đãi Từ Hy, sai vợ hầu rượu, còn chính mình thì mượn cớ bỏ đi. Từ Hy vội ra khỏi cửa, người vợ sợ Từ Hy bỏ đi sẽ hư chuyện, bèn nắm áo để giữ ông lại, kể lại ý chồng. Từ Hy kiên quyết cự tuyệt, dứt áo bỏ đi. Hôm sau, ông lại trách mắng người chồng thậm tệ. Rốt cuộc, do ông tận lực lo liệu người ấy được miễn. Về sau, Từ Hy làm quan đến chức Binh bộ Thượng thư.

Trương Văn Khải ở Phước Kiến và Châu X… do tránh cướp bèn lánh vào hang núi. Có một cô gái đẹp đã núp sẵn ở đó, thấy đàn ông đến, hốt hoảng toan bỏ đi. Ông Trương nói: "Cô bỏ đi ắt sẽ gặp bọn cướp, chúng tôi là những người thành thật, cẩn trọng, cũng vì lánh giặc mà đến đây, quyết chẳng dám xâm phạm". Tới nửa đêm, họ Chu nhiều lần toan ô nhục cô ta, ông Trương tận lực ngăn cấm. Tới sáng, Trương và Châu rời núi để thăm dò tin tức, ý ông là nhằm tách họ Chu ra để cô ta ở yên nơi đó. Rời núi, họ biết bọn giặc cướp đã bỏ đi, bèn cùng những người già trong thôn tới hang,

214 "Binh phòng" là nha sở trông coi về việc binh bị ở các quận, huyện dưới thời Minh và Thanh.

hỏi han cha mẹ, quê quán và tên họ cô ta. Ông Trương vội nhờ những người lớn tuổi trong thôn đưa cô ta về. Không lâu sau, có người họ Hoàng sắm sửa rất nhiều của hồi môn, nhận ông Trương làm rể, đấy chính là cha mẹ của cô gái tỵ nạn vậy. Cha cô ta cảm ân đức của ông Trương nên nhận ông Trương làm rể. Về sau, hai con trai của ông đều đỗ đạt.

Trần sanh ở Dư Can giỏi nghề y. Có chàng học trò nghèo bệnh tình lâm nguy, ông Trần trị lành bệnh mà cũng chẳng đòi hỏi phải báo đáp. Về sau, lúc trời sẩm tối, ông Trần đi qua chỗ họ, do vậy họ giữ ông ngủ lại. Mẹ chồng bảo con dâu: "Chồng con sống được thật sự là nhờ ông ta, sao không ngủ với ông ta để báo ân?" Con dâu vâng dạ, tới đêm bèn đến chỗ ông Trần. Ông Trần cự tuyệt: "Mẹ chồng cô thì sao?" Cô vợ đáp: "Đây là ý của mẹ chồng". Ông nói: "Ý chồng cô thì sao?" Đáp: "Mạng chồng tôi là do ông ban cho, có gì ngăn cản tôi". Ông Trần nói: "Không thể!" Cô vợ cứ thúc ép, ông Trần liên tiếp bảo: "Không thể", bèn ngồi đợi trời sáng, lấy bút liên tục viết chữ "không thể" trên bàn. Về sau, gần như chẳng thể giữ mình được, ông lại hô to: "Hai chữ Không Thể quá khó", đẩy cửa, đứng chơ vơ ngoài sân, đến sáng ông ra đi. Về sau, con trai ông Trần đi thi, quan chủ khảo loại bỏ bài thi của nó, bỗng nghe có tiếng hô: "Không thể!" Quan đọc lại, vẫn loại bỏ, lại nghe hô liên tiếp: "Không thể!" Cuối cùng, khảo

quan duyệt lại, quyết ý loại bỏ, bỗng nghe có tiếng hô lớn rằng: "Hai chữ Không Thể quá khó", cứ hô liên tiếp chẳng ngừng. Do vậy, quan chủ khảo bèn chấm đậu. Về sau con ông ta đậu tiến sĩ.

Những trường hợp trên đây đều là những chuyện quyết tâm không tằng tịu, nhưng không có chuyện nói về người lâm vào cảnh lý và dục giao tranh, cho nên thuật câu chuyện giữ vững tâm ý vào lúc sắp loạn này để chỉ bày cách thức vậy!

Tề Vượng ở Kim Hoa, đã năm mươi mà không có con. Thầy tướng số nói: "Ông có ác khí, ắt là có chuyện sai trái". Tề Vượng nói: "Lúc trẻ, tôi từng lang chạ với vợ con người khác". Thầy tướng số kinh hãi, nói: "Phạm tội ấy sẽ tuyệt đường con cháu. Dâm ác khó sám hối nhất. Ắt phải có điều lành to lớn thì mới hòng xoay chuyển trời đất", do vậy Tề Vượng hối cải. Năm đầu tiên, hễ có người làm việc thiện thì ông ta đều vui lòng bố thí, chẳng keo tiếc. Thầy tướng nói vẫn chưa được. Năm sau, hễ gặp việc thiện khó làm, ông bèn đứng ra làm đầu, quyên tặng quá nửa. Thầy tướng số bảo vẫn chưa được. Năm thứ ba, ông một mình nỗ lực làm lành, chẳng chịu nhường ai. Thầy tướng số nói: "Vết âm chất đã hiện, lo gì không con!" Quả nhiên, sanh một trai. Năm bảy mươi tuổi, Tề Vượng còn được ẵm cháu.

Lữ Thanh đời Minh thích nói chuyện dâm uế, dòm trộm phụ nữ. Tuổi đã ba mươi mà hết sức nghèo nàn, khốn khổ, hai đứa con theo nhau chết đi. Một hôm, ông ta bỗng chết bất ngờ, thấy ông nội giận dữ mắng: "Hai đời chúng ta tích tập điều thiện, ngươi đáng lẽ hưởng quả báo giàu to. Nào ngờ ngươi ôm lòng mê sắc, miệng mắt đều tạo oan nghiệt, phước sắp trừ sạch. Ta sợ ngươi lại thật sự phạm vào hành vi dâm ác, chẳng mong chi có người nối dõi nữa! Vì thế, xót xa cầu khẩn vua cõi âm, bắt ngươi đến âm phủ cho ngươi trông thấy hòng biết lợi hại". Lữ Thanh thưa: "Cháu nghe nói gian dâm vợ con người ta sẽ bị quả báo tuyệt tự, cháu thật sự sợ chuyện ấy, chưa hề phạm!" Một nha lại bên cạnh bèn bảo: "Há chỉ là tuyệt tự ư? Nếu như kẻ nữ quyến rũ ngươi, ngươi chẳng từ chối thì chỉ bị quả báo tuyệt tự. Nếu là kẻ dụ dỗ, cưỡng bức, và nhiều lần trái phạm, gây hại cho luân thường, hoặc phá thai, giết chồng, sẽ là tội thuộc bậc nào? Há chỉ tuyệt tự mà thôi! Luật dương gian khoan dung với tội dâm ác, nhưng luật cõi âm nghiêm ngặt nhất!

Phàm kẻ nào dấy lên một dục niệm, thần Tam Thi sẽ tự đứng đầu thưa gởi, Táo Quân, Thành Hoàng sẽ tấu trình, ẩn giấu sẽ là lỗi to lớn. Cứ thử nhìn xem những kẻ bị xét xử ngày hôm nay, ngươi sẽ biết".

Trong chốc lát, quỷ tốt dẫn những phạm nhân dâm dục đeo gông quỳ xuống, vua cõi âm lớn tiếng

căn dặn: "Gã X… sẽ biến thành ăn mày, vừa điên vừa câm. Gã Y… biến thành gái điếm, mù mắt. Gã nọ hai đời làm trâu. Gã kia mười đời làm lợn". Họ đều bị quỷ tốt áp giải đi đầu thai. Lữ Thanh rởn da gà run sợ. Nha lại bảo: "Cũng có kẻ còn bị phạt nặng hơn những gã này nữa! Ngươi chớ tham nửa khắc hoan lạc, đánh mất thân người. Hãy nên tránh sắc như tránh tên, khắc in thành văn chương để khuyên đời". Thế rồi, vua cõi âm thả Lữ Thanh về. Lữ Thanh bèn khắc in bài Du Minh Lục (ký sự đến cõi âm), in một vạn tờ để cảnh tỉnh cõi đời, gắng hết sức làm lành. Đến lúc bốn mươi tuổi, ông sanh liên tiếp hai con trai, tạo lập sản nghiệp vạn lạng. Ông ta bèn đoạn tuyệt trần duyên, tới Nam Hải tu đạo. Người cùng làng là Thái Tinh vì ông ta soạn bài ký.

Hai câu chuyện trên đây, thuộc về báo ứng tốt lành do hối cải về lỗi dâm. Kẻ đã sa chân, hãy giữ vững cái tâm hối cải, đấy chính là phương cách để chuyển họa thành phước vậy. Than ôi! Cái tội nghiệt dâm dật chẳng thể viết trọn, nói sao cho cùng! Chỉ hằng ngày mong mỏi những kẻ dù trí hay ngu, chưa lỡ phạm, và kẻ đã trót nhúng chàm, ai nấy đều suy nghĩ sâu xa, ngõ hầu thiên lương sẽ sớm phát hiện.

Phụ tha hóa tài, nguyện tha thân tử. Can cầu bất toại, tiện sanh chú hận.

負他貨財。願他身死。干求不遂。便生咒恨。

Thiếu nợ người khác vật dụng, tiền bạc, bèn mong họ chết đi. Mong cầu chẳng được toại ý, sanh lòng oán hận, chửi rủa.

"Hóa" (貨) là đồ vật. "Tài" (財) là tiền bạc, "phụ" (負) nghĩa là khi thiếu thốn bèn mượn để chi dùng. Lâu ngày vong ân, chẳng trả lại. Trung Giới Kinh[215] nói: "Thiếu nợ của người khác, trước mắt chẳng có gì để đền trả, phải luôn lo nghĩ đến mối nợ ấy, luôn nghĩ cách đền trả". Nếu vì nguyên do chẳng trả được, bèn ngược ngạo mong cho người ấy chết đi để xóa bỏ món nợ ấy, kẻ ôm lòng như thế, đời này là phường sài lang, đời sau khó trốn khỏi thân chó ngựa, cũng là ngu muội quá lắm!

Bạch Nguyên Thông thiếu tiền Dương Quân bốn ngàn năm trăm đồng, nhiều lần bị đòi mà chẳng trả. Dương Quân chết, họ Bạch bèn giấu luôn chuyện ấy. Về sau, trong nhà Dương Quân sanh ra một con lừa bỗng nói tiếng người rằng: "Tôi là Bạch Nguyên Thông vì thiếu tiền các vị bốn ngàn năm trăm đồng, cho nên như thế này. Hiện thời, ở chợ Tây có người bán lừa cũng thiếu tiền tôi vừa đúng số ấy. Hãy mau bán tôi

215 Trung Giới Kinh là bộ Xích Tùng Tử Trung Giới Kinh của Đạo gia.

cho nhà ấy để có tiền trả cho quý vị hòng xong nợ". Con ông Dương làm đúng theo lời, bán xong được hai hôm, con lừa chết mất.

Đời Hán, Diêm Sưởng làm quận duyện[216]. Thái thú là Đệ Ngũ Thường bị triệu về kinh, đem món tiền lương bổng là một trăm ba mươi vạn gởi Diêm Sưởng, Diêm Sưởng đem chôn giấu. Về sau, Đệ Ngũ Thường lúc mất, gọi đứa cháu mồ côi mới chín tuổi đến bảo: "Ta có món tiền ba mươi vạn gởi cho Quận Duyện Diêm Sưởng". Đứa cháu lớn lên, tìm đến Diêm Sưởng xin lại. Diêm Sưởng trông thấy nó, lòng buồn vui lẫn lộn, lấy tiền giao lại. Dấu niêm phong vẫn còn nguyên như cũ. Đứa cháu nói: "Ông nội cháu chỉ bảo là ba mươi vạn, nay là một trăm ba mươi vạn, chẳng dám nhận". Diêm Sưởng nói: "Phủ quân[217] bị bệnh làm khổ cho nên đã nói lầm, thiếu gia đừng ngờ", rốt cuộc trả lại. Về sau, Diêm Sưởng làm quan tới chức Thứ sử.

"Can cầu" (干求) là nói đến hết thảy các chuyện lớn nhỏ, hễ có chuyện cầu cạnh phải nhờ vả người khác thì đều là "can cầu". "Bất toại" (不遂) là chẳng được như ý. "Chú" (咒) là nguyền cho người ấy gặp họa, "hận" (恨) là ôm lòng oán độc. Bậc quân tử thông

216 Duyện (掾) là tiếng để gọi chung phụ tá của các trưởng quan. Quận Duyện (郡掾) tức là người phụ tá của quan Thái thú.

217 Phủ Quân (府君) là tiếng tôn xưng để gọi Thái thú đời Hán, đồng thời cũng là tiếng tôn xưng để cháu gọi ông nội.

đạt lý, an vui với số mạng, há chịu cầu cạnh kẻ khác? Nếu như có chuyện cầu cạnh đã chẳng phải là kẻ đoan chánh. Nếu chẳng toại ý, cũng chỉ nên tự phản tỉnh. Nếu còn nguyền rủa, oán hận, sẽ thành phường tiểu nhân phản phúc vậy.

Đời Tống, Lư X… ban đêm đem trăm lạng vàng biếu Vương Đán, xin được bổ làm chức Phát vận sứ[218] vùng Giang Hoài. Ông Vương từ chối: "Tài sức của ông chẳng kham nổi chức vụ này. Tôi há dám vì tình riêng mà phế lẽ công chánh ư?" Họ Lư hổ thẹn lui ra, suốt đêm đốt phù chú, nguyền cho Vương Đán sớm chết. Hắn mộng thấy thần quát mắng: "Ông Vương lòng trung vì nước, mày muốn cho ông ta mau chết. Thượng đế sẽ giáng tội cho mày!" Quả nhiên mấy hôm sau, hắn chết tươi!

Đời Minh, Lý Canh ở Hàng Châu nhà nghèo vô hạnh. Phàm ai là họ hàng, xóm giềng hắn đều vay mượn hết. Hơi có chút chẳng vừa ý bèn sân hận chẳng ngớt. Một hôm hắn hỏi vay lương thực từ người bạn. Bạn chưa ưng thuận, Lý Canh bèn hướng về thần nguyền rủa, nguyện cho người bạn ấy chóng chết. Trong khoảnh khắc, sấm nổ ầm một tiếng, Lý Canh chết tươi trước tượng thần!

---

218 Đây là chức quan chuyên trông coi đánh thuế hàng hóa chuyên chở bằng đường thủy và đường bộ.

Vu Thiết Tiều nói: Cầu cạnh kẻ khác, tuy tâm tình ta rất bức thiết, nhưng đối với người được cầu cạnh, có khi sức người ấy chẳng thể làm chuyện đó, hoặc lâm vào tình thế bất tiện. Cho nên kẻ chẳng được toại ý là chín phần mười, mà kẻ toại ý chỉ được một phần mười. Đó là lẽ thường xét theo tình lẫn lý! Nếu xằng bậy sanh lòng nguyền rủa, hận thù, há người ấy có vì ta nguyền rủa, oán hận mà sẽ thay đổi thái độ, sẽ giúp đỡ hay sao? Chỉ là tự tăng thêm Phiền Não Chướng đó thôi! Kẻ đó không chỉ là chẳng biết thiên mạng, mà cũng chẳng thông đạt tình đời vậy!

Đời Tống, ông Tạ Lương Tá nói: "Muôn sự thật ra là có số mạng, sức người có so đo cũng chẳng nổi! Tôi suốt đời chưa hề cầu cạnh kẻ khác, cũng chưa hề gởi thư cho người đang nắm quyền bính. Nếu có kẻ khuyên lơn hãy cầu cạnh người có quyền thế, tôi đáp: Người ấy làm sao có thể thăng thưởng, thiên chuyển cho tôi được, toàn là do trong mạng tôi sẵn có".

Đời Tống, ông Phạm Trung Tuyên (Phạm Thuần Nhân) nói: "Người tuy chí ngu mà biết tự trách thì là sáng suốt. Kẻ tuy hết mực sáng suốt, nhưng nếu khoan dung cho chính mình sẽ là kẻ hôn ám! Ai có thể dùng cái tâm trách móc người khác để trách móc chính mình, dùng cái tâm khoan dung chính mình để khoan dung người khác sẽ chẳng lo không đạt đến địa vị thánh hiền".

Phàm những kẻ cầu cạnh người khác rồi trách móc người ta, hãy nên suy đi nghĩ lại lời của hai ông!

Kiến tha thất tiện, tiện thuyết tha quá. Kiến tha thể tướng bất cụ nhi tiếu chi, kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi.

見他失便。便說他過。見他體相不具而笑之。見他才能可稱而抑之。

Thấy người khác sa chân lỡ bước, bèn rêu rao lỗi lầm của họ. Thấy người khác hình hài chẳng vẹn toàn bèn chê cười. Thấy người khác có tài năng đáng ca ngợi bèn chèn ép.

"Thất tiện" (失便) là gặp chuyện chẳng thể làm được, ở trong cảnh bất đắc chí. Sự việc và cảnh duyên trong thiên hạ vốn dễ bại, khó thành, nghịch nhiều, thuận ít. Hoặc là do vận số chông chênh, thời thế ngang trái, việc làm gặp rối ren. Hoặc là đôi khi phạm sai lầm, hối hận, sửa đổi chẳng kịp. Đường đi (hành xử trong cõi đời) gian nan, xưa nay đều cùng than thở. Thế mà có hạng người chẳng biết cảm thông, lúc bình thường bèn giao du tốt đẹp, hễ người khác gặp cảnh khốn khó thường là đặt mình ra ngoài phạm vi ấy, cười cợt, gàn quải người khác rằng: "Vốn là do kẻ ấy tự sai trái". Than ôi! Xin hãy tự nhìn lại đời mình, có phải là bản thân ta thật sự chưa từng làm sai một chuyện nào hay chăng?

Đời Minh, Vương sanh ở Hán Châu ưa chỉ trích lỗi lầm của người khác. Hàng xóm của hắn có người phải

chôn con, Vương sanh bèn chê bai: "Do ngươi cực ác cho nên có quả báo ấy". Chẳng lâu sau, hai đứa con trai của Vương sanh đều bị bệnh chết. Người hàng xóm cười ngược lại: "Tao nghĩ chắc là mày độc ác còn cùng cực hơn tao nữa!" Lại còn một người anh họ của hắn dự khóa thi hằng năm[219], điểm thi bị giảm, lọt xuống bậc bốn. Vương sanh cũng chê trách rằng: "Văn tài của anh đúng là quá tệ hại, làm sao mong đậu cao cho được!" Chưa đầy một năm, Vương sanh tham gia khoa khảo[220], rốt cuộc bị đánh xuống bậc năm. Người anh họ cười chê ngược lại: "Ta nghĩ em ta văn chương càng tệ hại hơn nữa!"

Quản Trọng nói: "Ta thường cùng Bảo Thúc Nha mưu sự, thế mà càng làm càng thêm khốn cùng, Bảo Thúc Nha chẳng chê ta là ngu, vì ông ta biết thời vận của mỗi người có lúc thuận lợi, có lúc bất lợi. Ta từng ba lần ra làm quan, ba lần bị vua xua đuổi, Bảo Thúc Nha chẳng cho ta

---

219 Nguyên văn là "tuế khảo" (歲考). Theo quy chế đời Minh và Thanh, mỗi năm, vị quan trông coi việc giáo dục (tức Đề Học, Học Chánh) tại các châu, huyện, phủ sẽ khảo hạch sinh viên (những người đã được vào trường huyện) để phân định hơn kém. Nhất là các lẫm sanh (sinh viên được nhà nước trợ cấp gạo), nếu kết quả chẳng đạt, lẫm sanh ấy sẽ bị cắt trợ cấp, hoặc cấm đi thi Hội cho đến khi nào kết quả tuế khảo khá hơn. Vào đời Thanh, quy định như sau: Điểm số được xếp vào bậc nhất và bậc nhì thì được khen thưởng, bậc ba thì không khen, không phạt, bậc bốn sẽ bị khiển trách, bậc năm thì tiền trợ cấp giảm bớt một phần, bị cấm thi Hội cho đến khi nào tuế khảo đạt điểm khá hơn, bậc sáu thì tước bỏ hẳn danh hiệu sinh viên, không cho học tại trường huyện nữa, hoàn toàn cắt hẳn các khoản trợ cấp.

220 Khoa khảo (科考) là kỳ thi tại các châu huyện để xét duyệt thí sinh có đủ trình độ để đi thi Hương hay chưa.

là hạng không ra gì, vì biết ta chẳng gặp thời".

Do vậy, có thể thấy là bậc hào kiệt từ xưa cũng thường có khi bị lỡ bước sa chân. Điều đáng quý là kẻ tri kỷ, trong cảnh khốn cùng bèn an ủi, khích lệ. Há có nên vì kẻ khác sảy bước sa chân, bèn thừa cơ quăng đá? Hạng người như vậy đã đánh mất lòng thương cảm, lại còn trái nghịch lòng nhân nâng đỡ người khác, vui sướng vì kẻ khác mang tai, mắc họa, bất nhân, bất trí, tai ương ắt sẽ lập tức bám theo thân!

Tứ chi tàn khuyết, hình tướng xấu xí, thô kệch, nếu chẳng phải là do mầm mống độc ác từ đời trước gây nên, ắt là do họa ương sót lại từ cha mẹ. Hễ gặp hạng người ấy, hãy nên thương xót, bảo vệ cho họ được toàn vẹn, sao lại nhẫn tâm chê cười? Huống chi sự thành tựu của một người là do tâm lượng và kiến thức, chẳng phải do hình tướng nơi thân thể. Chu Bột[221] nói lắp mà làm Tể tướng, Yến Tử (Yến Anh) thân hình loắt choắt mà khiến cho vua Tề Cảnh Công được rạng mặt nở mày! Những chuyện giống như vậy được chép trong sử sách, chẳng thể nêu trọn. Hơn nữa, kẻ có thể

221 Chu Bột là công thần khai quốc nhà Tây Hán, xuất thân nghèo khổ. Thuở trẻ, ông sống đắp đổi bằng nghề đan nong nuôi tằm, cũng như thổi sáo trong đám ma để kiếm cơm. Về sau, ông theo phò Lưu Bang lập nhiều công lao rất to. Vì thế, khi Lưu Bang làm Hoàng đế, đã phong cho Chu Bột làm Giáng hầu. Kế đó, ông được cử làm Thái úy, rồi làm Tướng quốc (Tể tướng). Ông là người hết sức chất phác, ăn nói vụng về, lắp bắp, nhưng chấp chánh hết sức giỏi. Nhà Tây Hán được an định phần lớn nhờ vào chánh sách của ông.

tướng chẳng đầy đủ thường tự hận, do đó cười cợt họ, đã phạm vào điều cấm kỵ! Mẹ của Tề Khoảnh Công do cười Khước Khắc mà bị trừng phạt[222], mỹ nhân của Bình Nguyên Quân do cười người teo chân mà bị giết[223], người một huyện nước Triệu cười giễu Mạnh Thường Quân là một gã đàn ông loắt choắt mà bị giết[224]. Đấy

222 Tề Khoảnh Công (Khương Vô Dã) là cháu nội của Tề Hoàn Công (Khương Tiểu Bạch). Khi Khước Khắc nước Tấn cầm cờ tiết sang sứ nước Tề, do mẹ của Tề Khoảnh Công ở trên lầu nhìn xuống, thấy Khước Khắc thọt chân đi tập tễnh bèn cười nhạo. Khước Khắc ghim mãi nỗi sỉ nhục ấy trong lòng. Về sau, Tề đánh Lỗ và Vệ. Vệ và Lỗ cầu cứu nước Tấn, nước Tấn sai Khước Khắc cầm quân. Khước Khắc đại phá quân Tề, uy hiếp nước Tề. Tề cầu hòa, Khước Khắc đòi phải đem Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin thì mới chịu cho hòa. Tiêu Đồng Thúc Tử chính là mẹ của Tề Khoảnh Công.

223 Bình Nguyên Quân là Triệu Thắng, người nước Triệu, là em trai của Triệu Huệ Văn Vương, thích chiêu đãi tân khách, được coi là một bậc hiền sĩ thuở ấy. Cách vách của Bình Nguyên Quân là nhà một người dân thường. Anh ta bị thọt chân, tập tễnh ra giếng gánh nước. Một nàng thiếp của Bình Nguyên Quân trông thấy bèn cười nhạo. Hôm sau, người ấy đến gõ cửa thưa: "Tôi nghe ngài coi trọng kẻ sĩ, cho nên kẻ sĩ chẳng ngại xa xôi nghìn dặm tìm tới, vì ngài quý kẻ sĩ, mà coi thường mỹ nữ. Tôi bất hạnh bại xụi, bị người thiếp của ngài cười nhạo, tôi xin cái đầu của người đã cười nhạo tôi". Bình Nguyên Quân đáp ứng. Người ấy bỏ đi, Bình Nguyên Quân nói: "Coi cái thằng nhãi đó kìa! Cứ tưởng ta sẽ giết thiếp yêu hay sao?" Rốt cuộc chẳng giết, trong vòng một năm, môn khách bỏ đi hết. Bình Nguyên Quân hỏi han, họ cho biết: "Ngài coi trọng sắc, khinh thường kẻ sĩ, chúng tôi ở lại làm gì?" Bình Nguyên Quân đành cắt đầu người thiếp đã cười nhạo, đưa cho người thọt chân, đích thân xin lỗi. Tân khách mới lục tục quay lại.

224 Mạnh Thường Quân là Điền Văn, con của Điền Anh. Ông tập ấm tước vị của cha nên được phong làm Tiết Công. Ông đối xử với các bậc danh sĩ rất lễ độ, chu đáo. Trong nhà ông có đến mấy ngàn tân khách. Ông là người thấp bé, ốm yếu. Có một hôm, ông sang nước Triệu vì Bình Nguyên Quân mời mọc. Người nước Triệu nghe danh Mạnh Thường Quân là bậc hiền năng, tranh nhau đi xem. Họ cười cợt: "Tưởng sao! Cứ ngỡ Tiết Công khôi ngô, tráng kiện, nay trông thấy, hóa ra là một thằng đàn ông bé choắt cheo". Mạnh Thường Quân

đều là vết xe đổ từ trước, đáng để răn dè sâu xa!

Kinh Phật có nói đến Đẳng Lưu Quả, có ý nói người sống trên cõi đời, tâm thuật chẳng đoan chánh, đời đời về sau, hình thể chẳng toàn vẹn, miệng mắt lệch vẹo, tứ chi tàn khuyết. Đấy là nói do đời trước tạo nghiệp, cho nên dẫn đến kiếp này hình thể chẳng đầy đủ. Như vậy thì người ta trong lúc khởi tâm, trong khoảnh khắc động niệm, há có nên chẳng kiêng dè, cẩn thận, kính sợ để rồi đến nỗi lọt vào chỗ tà vạy ư?

Sách Đạo Tạng Yếu Lược nói: "Những điều cần phải kiêng kỵ khi vợ chồng ăn nằm rất nhiều, nhưng khi khí trời thay đổi thì hậu quả do không kiêng kỵ ăn nằm sẽ nặng nề nhất. Theo thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký, trước khi sấm động ba ngày, người cầm quyền sẽ sai người dùng linh có quả lắc bằng gỗ để truyền lệnh cho dân chúng biết: "Sắp có sấm động, kẻ chẳng kiêng kỵ chuyện ăn nằm trong ngày sấm động sẽ sanh con thân thể chẳng hoàn bị, ắt gặp tai họa hung hiểm. Bởi lẽ, kẻ ấy khinh nhờn oai trời". Đấy là nói do cha mẹ chẳng cẩn thận, cho nên khiến cho đứa con hình thể chẳng trọn vẹn vậy!"

Đời Đường, Lô Kỷ sắc mặt như màu chàm (xanh lè). Quách Tử Nghi bị bệnh, bá quan lũ lượt đến vấn

---

hết sức tức giận, môn khách của ông đều xuống xe, rút kiếm ra, chém chết mấy trăm người. Số người bị giết chừng bằng dân số một huyện.

an. Bọn hầu thiếp đứng đầy ra đó, ông chưa từng bảo họ tránh đi. Tới khi Lô Kỷ đến, Quách Tử Nghi bảo họ đều tránh đi hết. Có người hỏi nguyên cớ, ông bảo: "Ông ta mặt mũi xấu xí, tâm hiểm độc, bọn phụ nữ trông thấy ắt cười cợt. Ngày sau ông ta nắm quyền, gia tộc của ta sẽ chẳng còn ai sống sót!" Về sau, Lô Kỷ làm Tể tướng, những kẻ nào có oán với ông ta ắt đều bị trả thù, chỉ riêng nhà họ Quách rốt cuộc bình yên.

Hầu Nguyên Công (Hầu Mông) hình tướng hết sức xấu xí. Khi đi thi tuyển Hương Tiến, có kẻ thấy ông đã lớn tuổi, lại xấu xí, chẳng biết kính trọng. Có những đứa khinh bạc bèn vẽ hình ông lên diều, căng chỉ thả lên trời. Nguyên Công trông thấy chỉ cười, đề lên đó: *"Vị ngộ hành tàng thùy khẳng tín? Như kim phương biểu danh tung. Vô đoan lương tượng họa hình dung. Đương phong khinh tá lực, nhất cử nhập cao không, tài đắc xuy hư thân tiệm ổn, chỉ nghi hà phó thiểm cung. Vũ dư thời hậu tịch dương hồng, kỷ nhân bình địa thượng, khán ngã tử tiêu trung"*. (Chưa gặp thời cơ ai chịu tin? Nay mới lộ ra chút tiếng tăm. Bỗng dưng thợ khéo vẽ nên hình, mượn cơn gió nhẹ bay cao vút, thoáng chốc lên cao tận thái không. Được gió đỡ nâng thân dần ổn, bay cao xa tít tận cung hằng. Trời hết mưa rồi chiều đỏ ối, kìa ai đứng mãi trên nền đất, ngắm ta bay lượn tận hư không). Năm ấy ông thi đỗ, đạt tới địa vị Tể tướng, những đứa trẻ ở quê cũ đều hổ thẹn, chẳng dám nhìn ông.

Vu Thiết Tiều nói: "Đời người vốn chẳng thể ỷ vào thể tướng được! Già yếu, tàn tật đều là chuyện chẳng thể biết nổi! Mắt đẹp có thể bị đâm thành mù, chân nhanh nhẹn có thể bị gãy thành thọt. *"Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù?"* (Từ nay về sau, ta biết có tránh nổi hay không?) Lời Tăng Tử đã nói đúng lắm thay. Thương thân còn chẳng xuể, nào dám cười ai? Những kẻ đặt hỗn danh, đặt ra bài vè để miêu tả, cười chê hình hài kẻ khác cũng hãy nên nhìn vào gương này để sửa đổi thói xấu ác vậy!"

Thấy tài năng bèn đè nén, khác với "che giấu điều lành, vùi dập sở trường của người khác". "Che giấu" hàm ý ém nhẹm, "vùi dập" thì có nỗi bi thảm hủy hoại. Ở đây (thấy tài năng bèn đè nén) lại cao hơn một mức nữa! Bởi lẽ, đáng ca ngợi mà chẳng ca ngợi, tức là đè nén. So với hai điều trước đó, dường như tội nhẹ hơn, nhưng suy xét kỹ sẽ là càng vi tế hơn!

Vào thời Chiến Quốc đời Chu, Lý Tư và Hàn Phi đều theo học với Tuân Khanh. Lý Tư tự biết tài năng của chính mình chẳng bằng Hàn Phi. Vua Tần thấy bài Thuyết Nạn Thư của Hàn Phi, hận không được gặp. Đến khi vua nước Hàn sai Hàn Phi sang sứ nước Tần, vua Tần nói chuyện với Hàn Phi hết sức vui thích. Lý Tư sợ vua sẽ sủng ái Hàn Phi, bèn gièm báng khiến cho Hàn Phi bị hạ ngục, vua ban độc dược bắt Hàn Phi tự sát. Hàn Phi muốn tự giãi bày, nhưng không được gặp vua Tần, cuối cùng phải chết. Về sau, Lý Tư bị Triệu

Cao sàm tấu với Tần Nhị Thế, cũng muốn trần tình nhưng chẳng được vua tiếp kiến. Người hiểu chuyện biết là đạo trời đền trả!

Đời Tống, Tôn Biện là người xứ My Sơn và Đường Giới, Ngô Trung Phục chưa hề quen biết nhau, nhưng Tôn Biện khâm phục họ cương trực, tận lực tiến cử. Họ được đề bạt làm Ngự sử. Chương Tuân Công (Chương Đắc Dự) và Văn Lộ Công (Văn Ngạn Bác) chưa hề gặp mặt, nhưng ông Chương nghe danh ông Văn là bậc lỗi lạc, vừa gặp gỡ bèn đề cử. Về sau, quả nhiên ông Văn xuất tướng, nhập tướng[225]. Dương Kính Chi yêu mến tài năng, công bằng, chánh trực, được biết danh tiếng của bậc nhân sĩ vùng Giang Biểu (phía Nam của sông Dương Tử) là Hạng Tư, liền đề tặng thơ rằng: *"Xứ xứ kiến thi, thi tổng hảo; cập quán tiêu cách quá ư thi, bình sanh vị giải tàng nhân thiện, đáo xứ phùng nhân thuyết Hạng Tư"* (Đọc khắp thơ ông đều tuyệt diệu, nhìn vào tư cách tuyệt hơn thơ. Suốt đời chẳng biết dìm người khác, khắp chốn gặp người khen Hạng Tư). Mấy vị ấy đều giống nhau, đề cử người khác hòng khích lệ nhân tài. Những kẻ chẳng thể vì nước cầu hiền, không chỉ là chèn ép những người sau, mà còn cắt đứt hạt giống tạo phước cho dân chúng! Than ôi! Biết đề cử người hiền thì là bậc chí nhân, vậy thì kẻ đố kỵ người hiền sẽ là phường đại ác!

225 Xuất tướng, nhập tướng (出將入相). Chữ Tướng thứ nhất là Tướng Quân, chữ Tướng thứ hai là Tể tướng. Câu này có ý nói người ấy luôn nắm giữ quyền cao chức trọng. Ra ngoài sẽ là vị đại tướng cầm quân, vào triều sẽ làm Tể tướng.

Mai cổ yểm[226] nhân, dụng dược sát thụ.
埋蠱厭人。用藥殺樹。
Chôn bùa ếm đối hại người. Dùng thuốc giết chết cây cối.

Theo Huyền Đô Luật[227], kẻ phạm lỗi đủ số hai ngàn bảy trăm chuyện thì tính là một điều hại, trong nhà kẻ ấy sẽ sanh ra thầy mo, bà cốt. Nhưng sanh ra thầy mo, bà cốt đã là do người đời trước tạo tội, nay con cháu lại chôn bùa ếm đối hại người khác, tức là khiến cho quả báo địa ngục của kẻ ấy càng thêm sâu. Nhưng kẻ nào dấy lòng sai khiến người khác làm chuyện ếm đối thì tội càng nặng hơn những tay phù thủy. Nếu có hạng người như vậy, phép vua sẽ xử chém, luật lệ cõi âm càng nghiêm khắc.

Đời Đường, có viên Chủ Bạ ở Vương Ốc là Công Tôn Xước. Khi ông ta đến nhậm chức, bỗng chết đột ngột. Một hôm, ông báo mộng cho quan huyện: "Tôi có nỗi oán hận, cầu trưởng quan giải oan cho tôi. Mạng tôi chưa đáng chết, bị nô tỳ ếm đối để thuận tiện trộm cắp. Nhà tôi ở Hà Âm, nếu trưởng quan có thể chọn bọn nha dịch tráng kiện cầm trát đến bắt chúng, ắt chúng sẽ chẳng lọt lưới. Phía dưới hàng ngói thứ bảy đếm từ phía Đông của mái nhà tôi, có hình dạng của

226 Chữ Yếm (厭) ở đây là cách viết theo lối giả tá của chữ Yểm (魘, ếm đối). "Cổ" (蠱) là một loại độc trùng, hoặc thuốc độc có tác dụng khống chế người khác. Yểm vốn là dùng phù chú để trấn ếm vào đồ vật, hình nhân để gây họa cho người khác.

227 Đây là quyển sách quy định về những luật lệ trong Đạo giáo.

tôi làm bằng gỗ ngô đồng, đinh đóng kín trên ấy. Do thời gian đã lâu, hình tượng ấy đã bị biến đổi". Hôm sau, quan huyện quả nhiên chọn lính khỏe mạnh cầm trát và gởi thư cho quan huyện Hà Âm, bắt hết bọn nô tỳ, và lục soát trên mái nhà tìm được hình người dài hơn một thước, bị đóng đinh khắp thân, chất gỗ đã dần dần biến thành thịt, gõ vào thì có âm thanh đùng đục. Gạo thóc tích trữ trong nhà Công Tôn Xước đều bị trộm sạch, quan huyện bèn báo lên tri phủ, chúng đều bị xử cực hình. Phàm ác thuật yểm mị vốn phần lớn do bọn phụ nữ, tỳ thiếp làm ra. Ấy là vì bọn chúng muốn nhờ vào đó để chuyên quyền, hoặc được sủng ái, so ra còn mạnh mẽ hơn cái tâm tham lợi. Người thời nay hãy nên hết sức giữ cho bản thân chánh đáng, giữ yên gia đình, giữ môn hộ cẩn thận, chớ để bọn thầy bà, đồng cốt, tà giáo có thể ra vào, lui tới. Đấy là phương cách để dứt tuyệt tận nguồn. Những kẻ đang làm quan cũng nên ra lệnh nghiêm ngặt lùng bắt bọn chúng để dứt tuyệt chuyện này, công ấy cũng chẳng nhỏ!

Một nhánh cỏ, một thân cây đều là mầm sống của tạo vật. Ông Cao Sài thấy thảo mộc vừa mới tăng trưởng bèn chẳng bẻ, được Khổng Tử khen ngợi. Đức Phật dạy: "Cây cối lâu năm, phần nhiều có quỷ thần nương gá, chớ nên khinh thường đẵn chặt. Hễ đẵn chặt sẽ thường mắc họa". Đẵn chặt mà còn chẳng nên, huống hồ là dùng thuốc giết chết ư?

Như Vân Cù ở Đào Nguyên tánh âm hiểm, tàn độc, chẳng ưa hàng xóm, ngầm dùng thuốc độc giết chết sạch những cây ăn quả của người hàng xóm đã trồng. Một hôm, Vân Cù ra ngoài trở về, trong lúc nhá nhem thấy ánh đèn lập lòe, binh lính, giáo mác tua tủa. Hắn bị bọn lính trói dẫn tới một khu rừng. Một vị thần trách mắng: "Cỏ cây cũng là sanh mạng do trời cao ban tặng, sao mày lại giận tức giết chết? Phần nhiều là do ngũ tạng bất bình mà ra!" Vị thần sai bọn lính mổ bụng hắn, lôi phổi, gan ra. Như Vân Cù kinh hoảng tỉnh giấc, bị chứng đau tim và đau bụng mà chết.

Trần Thức mời một thầy địa lý xem mộ tổ, thấy trước mộ có một cây to, vốn là cây trồng bên phần mộ người khác. Thầy địa lý nghĩ cây sẽ che lấp "thiên tâm"[228], cần phải chặt cây ấy đi thì mới có hy vọng đỗ đạt. Vì thế, ông ta khuyên ông Trần mua gai cá hổ để ngầm dùng chất độc giết chết cây. Ông Trần không chịu, nói: "Chúng ta đôi bên đều mong tốt lành, thuận lợi, huống chi cội cây to sum xuê sao lại nỡ giết chết?" Chưa đầy một năm, cội cây ấy bị gió to trốc gốc, thiên tâm rộng thênh thang, con ông là Khuê thi đỗ liên tiếp, làm đến Ngự sử.

228 "Thiên tâm" ở đây là thuật ngữ của Phong thủy chỉ phần trung tâm của phần mộ.

Khuể nộ sư phó, để xúc phụ huynh.
恚怒師傅。抵觸父兄。
Oán giận thầy dạy của chính mình, xung đột với cha anh.

Điều này khác với *"mạn tiên sanh"* (khinh mạn thầy giáo) trong phần trước. "Mạn" (慢) là vô cớ mà ngạo mạn, còn ở đây là do thầy dạy bảo, quở trách mà tức giận. Đạo phụng sự thầy của cổ nhân là "chẳng trái phạm, chẳng giấu diếm thầy". Hễ được thầy dạy bảo thảy đều trống lòng dịu ý tiếp nhận, há có nên giận dữ? Kẻ tức giận ắt là phường bạc đức, chẳng có phước vậy!

Đời Minh, Uông Hội Đạo tánh dĩnh ngộ, mắt nhìn qua sách liền thuộc. Tám tuổi đã có thể viết văn, nhưng phụng sự thầy bèn ngạo mạn dị thường. Hễ hơi trái ý, ắt giận dữ chửi bới sau lưng thầy. Một ngày, hắn ngồi một mình trong phòng học, bỗng ngáp to, trong miệng nhảy ra một con quỷ, chỉ Hội Đạo bảo: "Mày vốn là đỗ đầu thiên hạ, do mày tức giận thầy mình, Thượng đế đã gạch tên trong sổ lộc, tao cũng rời khỏi nơi đây", nói xong chẳng thấy nữa. Hắn giở xem những gì đã biên chép trước đó, mờ mịt chẳng biết một chữ nào.

Ngụy Chiếu thời Đông Hán, lúc còn bé gặp Quách Lâm Tông, nghĩ "kinh sư dễ gặp, nhân sư khó gặp"[229], bèn xin được hầu hạ bên cạnh, quét tước, dọn

229 Ý nói: Bậc thầy giảng dạy ý nghĩa kinh điển thì dễ gặp, nhưng bậc thầy có đủ tư cách hướng dẫn ta làm một người hoàn thiện thì khó gặp lắm.

dẹp. Lâm Tông bệnh, sai Ngụy Chiếu nấu cháo. Cháo nấu xong, dâng lên, Lâm Tông quở trách nặng nề: "Vì người bề trên nấu cháo mà chẳng dốc lòng cung kính, khiến cháo nuốt không nổi!" Ngụy Chiếu lại nấu cháo khác dâng lên, lại bị quở trách đến ba lần, Ngụy Chiếu chẳng đổi sắc mặt. Quách Lâm Tông nói: "Ta thoạt đầu thấy mặt ông, từ nay trở đi mới biết tâm ông!"

Đời Tống, Đặng Chí làm thầy dạy tại trường tư thục, khéo khuyên dạy. Miệng không ngớt nói đến chuyện hiếu đễ, gặp người khác bèn dùng lòng thành, tận tâm dạy bảo. Thời Tống Thần Tông, con cả của ông là Oản làm Hàn Lâm Học Sĩ, con thứ là Tích và hai cháu nội đều đậu tiến sĩ một lượt. Mọi người đều nói đó là quả báo do ông đã dốc trọn lòng thành dạy dỗ. Trẻ nhỏ sanh trong nhà no ấm, khí chất của nó có thể biến hóa trong sáng tối, nhưng kẻ đã kiêu căng thành tánh, sẽ dễ mê muội đọa lạc. Chỉ cốt sao người làm thầy, hãy dùng phương tiện khuyên dạy, khiến cho kẻ ấy khai ngộ. Hãy gắng lên!

"Để xúc" (抵觸, xung đột, chống trái, xúc phạm) cũng khác với "ám vũ" (暗侮, ngấm ngầm khinh nhờn). "Ám vũ" thì điều ác ẩn sâu, còn "để xúc" thì tội rành rành. Phàm trong ăn nói, cư xử, làm việc, hễ có chuyện chẳng vừa ý vặt vãnh bèn xung đột. Cha và anh đứng đầu trong ngũ luân, hiếu đễ đứng đầu đạo làm người. Chỉ nên cung kính vâng theo, ăn nói nhỏ nhẹ, sắc mặt dịu

dàng. Dẫu cha có thiên vị, anh có lấn lướt, chỉ nên khéo léo giải thích, khuyên can, tự xét bản thân để tu tập. Vạn nhất cha anh cứ chấp mê chẳng phản tỉnh, cũng nên hòa khí bình tâm. Lâu ngày họ sẽ tự nhiên hòa hảo. Nếu hơi có tức giận sẽ dẫn đến xung đột, tức là trái nghịch luân lý, chẳng có chỗ dung thân trong vũ trụ vậy!

Đời Minh, Phí Hoằng ở Nga Hồ cùng một người bạn đồng niên[230] đấu cờ vây, đùa giỡn tát má người ấy. Người bạn đồng niên không vui, Phí Hoằng hối lỗi, hằng ngày đến thỉnh tội, người bạn ấy trọn chẳng ra tiếp. Cha Phí Hoằng nghe chuyện, tức giận, đóng gói một cái roi cật tre gởi tới kinh đô, truyền Phí Hoằng tự đánh. Phí Hoằng cầm thư và roi cật tre, đến nhà người ấy, tự đánh ba lần, người bạn đồng niên mới ra tiếp, ôm đầu mà khóc. Phí Hoằng thưa: "Tội do tôi tạo, anh khóc làm gì?" Người bạn đồng niên nói: "Anh có cha đốc thúc, quở trách, tôi cầu có người đốc thúc, trách mắng mình mà chẳng thể được!" Đôi bên thân thiết như thuở đầu. Vì thế, ta thấy cha mẹ đã khuất, mà còn có thể gặp chuyện bèn xúc động, bi ai, ắt cũng biết người ấy sẽ chẳng nỡ lòng xúc phạm khi cha mẹ còn sống. Nhưng cha mẹ còn sống cố nhiên là chẳng thể sống lâu mãi được, đau đớn lắm thay!

---

230 Đồng niên có hai cách hiểu:
1. Người có cùng lứa tuổi với mình.
2. Người đỗ đạt cùng khoa thi với mình.

Thôi Hiếu Vỹ đời Hậu Ngụy phụng sự anh là Hiếu Phân cung kính, thuận thảo trọn mọi bề. Ngồi, đứng, tiến, lùi chỉ nghe theo mạng lệnh của anh. Một đồng, một thước vải chẳng cất giấu riêng, các bà vợ cũng thân ái với nhau, cũng là rất khó thấy trong đời hiện thời vậy.

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: "Người hiện thời bất hiếu với cha mẹ, chỉ vì chẳng chịu tự vấn lương tâm. Chỉ cần nghĩ cái thân này do đâu mà có, cha mẹ đi về đâu? Cành mới đã trổ, gốc cũ bèn khô. Dẫu nghèo hèn mà vẫn cung kính phụng dưỡng khiến cho cha mẹ hoan hỷ, làm sao có thể báo đáp? Nghĩ như vậy ắt hiếu tâm tự nhiên đau đáu dấy lên".

Lại nói: "Người hiện thời chẳng tôn kính người bề trên, mà cũng chẳng chịu hồi tâm tự vấn, chỉ cần nghĩ trong cõi thế gian mênh mang này, sống trên đời được mấy chốc, trong cõi nhân gian mịt mờ, được mấy người là ruột thịt? Thuở bé thì cùng nhau giúp đỡ trong cảnh khốn đốn, đến già thì nâng đỡ nhau, ắt tình nghĩa sẽ tự nhiên khắng khít, khẩn thiết!"

Người đời hãy đọc kỹ, suy nghĩ cặn kẽ hai câu chuyện của ông Thôi và ông Phí, cũng như lời nói của ông Nhan ắt sẽ nhất thời nước mắt ràn rụa, chân tánh bèn phơi bày trọn hết, lại cần gì phải kể ra những quả báo vì xung đột, xúc phạm nữa ư?

CẢM ỨNG THIÊN VỰNG BIÊN

Chuyển ngữ: **Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**
Giảo chánh: **Đức Phong - Huệ Trang**

【 PHẦN IV 】

THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN CHÚ GIẢNG CHỨNG ÁN VỰNG BIÊN

【 Phần IV 】

Cưỡng thủ cưỡng cầu, hiếu xâm, hiếu đoạt.
強取強求。好侵好奪。
Đoạt ngang, cướp cạn, thích xâm lấn, thích chiếm đoạt.

Phần số chẳng đáng có mà cứ ắt muốn đạt được thì gọi là Cưỡng (強). Lấy những thứ của người khác để cung cấp cho chính mình là Thủ (取). Do vì chính mình

mà nhờ cậy người khác thì gọi là Cầu (求). Dùng quỷ kế để ngấm ngầm chiếm lấy thì gọi là Xâm (侵). Cậy thế chiếm lấy công khai thì gọi là Đoạt (奪). Đạt được như thế sẽ khó thể tiêu thụ, ắt sẽ là ngay cả những gì vốn có cũng bị mất luôn!

Trịnh Tuyên nói: "Tôi thấy tiền bạc là món vật mọi người đều yêu mến, ắt sẽ tranh giành. Cốt nhục bởi nó mà dẫn đến gây hấn. Hàng quan lại do tiền mà danh tiếng suy bại. Con buôn vì thứ này mà mất mạng. Phố phường do tiền mà đấu đá, chém giết. Nó chợt đến, chợt đi, thoáng sang, thoạt hèn, lung lạc suốt một đời. Nói chung tiền bạc đem lại phước cho con người thì ít, mà dẫn đến họa cho con người thì nhiều. Tôi đã từng nhìn kỹ hình dạng của nó, trong chữ tiền (錢), bên cạnh chữ kim (金) là chữ qua (戈, cái giáo), đúng là vật giết người! Thế mà người ta chẳng tỉnh. Ôi, tiền ơi, tiền hỡi, do ta nghèo túng, cầu ngươi nuôi sống ta mà chẳng thể được! Vì thế, ta đành bó tay với ngươi! Do ta nghèo hèn, ngươi muốn giết ta mà cũng chẳng thể được, há ngươi có thể làm gì được ta ư?"

Vệ công Triệu Hùng lúc còn hàn vi, nghèo khổ nhất. Mẹ còn sống mà không có gì để phụng dưỡng mẹ sống qua ngày, vợ chồng nhìn nhau khóc. Hôm sau, quét đất nhặt được một nén bạc, nặng hai mươi lăm lượng bèn có thể sống tạm. Về sau, ông đạt đến địa vị Tể tướng, theo lệ thì tiền lương là một trăm đĩnh bạc,

khi nhận bạc lại bị thiếu mất một đĩnh. Ông sắp sửa vặn hỏi người giữ kho, thì đêm mộng thấy thần bảo: "Vào ngày tháng năm đó, tướng công đã mượn dùng trước một đĩnh". Ôi, trong mạng có tiền tài, thời vận chưa đến còn chẳng thể ra sức giành giật được, huống hồ trong vận mạng vốn chẳng có mà cứ cưỡng chiếm ư!

Tại Giang Tây, Triệu Thượng thư sống gần nhà ông Thường Tỉnh Nguyên. Ông Thường có một mảnh vườn hết sức tao nhã. Họ Triệu dùng đủ mọi kế cưỡng chiếm, ông Thường bèn lập văn khế tặng cho họ Triệu, đề bài thơ đằng sau tờ văn khế rằng:

Càn khôn đáo xứ thị ngô đình,
Cơ giới tùng lai vị tất chân,
Phúc vũ phiên vân thành để sự,
Thanh phong hạo nguyệt lãnh khan (khán) nhân,
Lan Đình hễ sự kim phi Tấn,
Đào động hoa thần dã tiếu Tần,
Viên thị chủ nhân, thân thị khách,
Vấn quân hoàn hữu kỷ niên xuân?

Tạm dịch:

Đất trời mọi chốn vốn vườn nhà,
Mưu mẹo giành về há thật a?
Đảo lộn mây mưa hòng đoạt lấy,
Trăng trong gió mát vẫn ơ hờ.

Buổi tế Lan Đình thành quá khứ[231],
Thần hoa Đào Động vẫn cười Tần[232],
Vườn là chủ nhân, ta khách trọ,
Hỏi chàng còn được mấy năm xuân?

Ông Triệu nhận được bài thơ liền hối hận tạ ơn, từ chối mà chẳng dám nhận khu vườn ấy, về sau ông Thường đậu cao. Ông Thường dùng đức để khiến cho người khác cảm động, ông Triệu dũng mãnh hối lỗi, hiện thời hiếm có kẻ được như hai vị ấy.

Dương X… ở Côn Sơn một hôm ngồi ở cửa, thấy một phụ nữ đi qua, đánh rơi cái trâm bằng bạc xuống đá lót đường, vang tiếng leng keng. Cụ vội đến xem, thấy là một con giun (con trùn). Do dự một hồi lâu, bỗng có một người đàn ông đi qua nhặt lấy. Cụ Dương lớn tiếng bảo: "Đây là cái trâm do ta đánh rơi". Người

231 Lan Đình (蘭亭) là tên một cái đình nơi Vương Hy Chi cử hành tế lễ; nhân đó, sáng tác bài Lan Đình Thiếp lừng danh. "Hễ sự" (禊事) là một nghi lễ thời cổ, được cử hành vào tháng Ba. Thời cổ, khi tiết trời đã ấm, mọi người tụ họp tế thần, xuống chỗ có nước để vốc nước gột rửa, hàm ý tẩy trừ mọi nỗi xui xẻo, bất hạnh của năm qua. Trong phần đầu bài Lan Đình Tập Tự, Vương Hy Chi đã ghi rõ: *"Vĩnh Hòa cửu niên, tuế tại Quý Sửu, mộ xuân chi sơ, hội ư Cối Kê Sơn Âm chi Lan Đình, tu hễ sự dã"* (năm Vĩnh Hòa thứ chín, nhằm năm Quý Sửu, mới đầu tháng Ba, họp nhau ở huyện Sơn Âm thuộc Cối Kê để cử hành hễ sự). Đây là chuyện thuộc thời Tấn, thiếp Lan Đình nổi tiếng như thế, được ngưỡng mộ như thế, nhưng hiện thời đã chẳng còn là thời Tấn.

232 Theo Đào Nguyên Ký, có người đi lạc vào Đào Nguyên, mới biết cư dân trong ấy là hậu duệ của những người do lánh nạn Tần Thủy Hoàng mà vào đó sống, cách biệt với nhân gian. Họ vẫn chê cười Tần Thủy Hoàng hà khắc, bạc ác, tuy Tần Thủy Hoàng đã chết lâu lắm rồi!

ấy biết là xạo, rảo bước bỏ đi. Cụ Dương cứ quấn lấy không buông, người ấy lấy ra hai phân bạc, dùng một nửa để mua cá, giao cho cụ nửa phân kia, dặn: "Ông già đừng khiến cho tôi vướng bận chân tay nữa, hãy dùng bạc này để mua rượu, nấu cá, nhậu cho đã một tối là được rồi". Cụ Dương quay về, sai con dâu nấu cá. Trong khi đang hâm rượu, con mèo nhà hàng xóm bỗng ngậm cá tha đi. Người con dâu vội lấy gậy phang mèo, do đó rượu bị đổ sạch, mà vật dụng đựng cá cũng vỡ nát. Trâm hóa thành giun, dường như là chuyện đáng nên tỉnh ngộ, thế mà vẫn cứ cưỡng lấy, có thể ăn được hay chăng? Ôi chao, kẻ tham lam! Ôi chao, kẻ bạc mạng! Việc nhỏ mà còn như thế, vậy thì cũng biết chuyện lớn là như thế nào!

Ở huyện Ngân, có gã họ Lục gian trá, giàu có. Do sản nghiệp của họ Trịnh ở gần nhà hắn, họ Lục bèn ngấm ngầm tính kế xâm chiếm. Đã đoạt được, bèn san bằng ngôi nhà của họ Trịnh để kiến tạo thành vườn hoa theo lối cung đình, chỉ chừa lại một cội cây đẹp nhất. Về sau, họ Lục sanh được một trai, nó đã lên năm mà câm bặt chẳng thể nói. Bỗng một hôm, nó chỉ cội cây và nói: "Cây ơi! Nay mày vẫn còn đó à?" Người nhà hết sức kinh hãi, nó nói xong lại câm. Chữa trị đủ kiểu, trọn chẳng thốt ra một tiếng nào. Đến khi khôn lớn, nó hoang dâm, ăn chơi, kiêu ngạo, khi gia sản đã khánh kiệt bèn chết. Người ta nói nó là hậu thân của họ Trịnh.

Đời Minh, Vương sanh ở Nam Đô tánh tham lam, thô bỉ. Người bác họ của hắn đã chết, không có con, nhưng đã có người thừa kế. Vương sanh nhòm ngó gia sản của ông ta, muốn cưỡng chiếm. Thưa kiện suốt mấy năm, gặp phải vị quan xét xử giữ đúng lẽ công bằng, hơi trấn áp hắn, hắn liền nhục mạ hủy báng không ngớt. Năm ấy, khi hắn dự khóa thi mùa thu, khéo sao vị quan từng thẩm vấn hắn lại làm chủ khảo. Các giám khảo đã chấm văn bài của hắn đậu hạng nhất, [niêm phong quyển văn trình lên quan chủ khảo]. Tới khi quan chủ khảo rọc niêm phong ra coi, thấy tên của thí sinh chính là gã đã chiếm đoạt cơ nghiệp của người bác họ khi trước, bèn quăng đi, loại bỏ tên hắn.

Lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên.

擄掠致富，巧詐求遷 。

Cướp bóc để trở nên giàu có. Xảo trá để cầu thăng quan tấn chức.

Nói đến "lỗ lược" (擄掠, cướp bóc), chẳng phải là do áp dụng phương thức chiến tranh để chiếm đoạt thì làm sao quý vị đạt được? Nhưng kẻ làm quan bóc lột dân chúng, lén bòn rút công quỹ, hoặc bọn cường hào ác bá cho vay lãi nặng, đều là "lỗ lược". Dùng kiểu ấy để làm giàu ắt sẽ dẫn đến chuyện nhà tan cửa nát, gia đình chia lìa, vợ gào, con khóc có thừa, há có thể an hưởng? Chẳng nghe nói đến chuyện "heo đất" (撲滿,

phác mãn) ư? Hậu (鈁) như trong Hán Thư đã nói chính là cái "muộn hồ lô" (悶葫蘆, heo đất, ống để dành tiền) trong hiện thời, làm bằng gốm. Phía trên vật ấy có khe hở, chỉ có thể bỏ tiền vào chẳng thể lấy ra. Người ta dùng nó để dành tiền, đợi đến khi nó đã đầy (滿, mãn) bèn đập ra (撲, phác) để lấy tiền. Vì thế, gọi là "phác mãn". Trong khi để dành, chỉ sợ nó chẳng đầy; tới khi nó đã đầy tiền, đập vỡ rồi thôi. Bình vỡ tiền chẳng còn, hai bên đều trở thành hư huyễn! Cất chứa cho lắm, về sau mất đi có khác gì chuyện này?

Đời Tống, Lộ Công Văn Ngạn Bác được cử trông coi Trường An. Một hôm ông đến đập Bôn Ngưu, có một con trâu dùng để chở đất đắp đập nói tiếng người: "Ta và Văn Ngạn Bác làm quan đồng triều hai mươi năm, nay ta còn mặt mũi gì để nhìn ông ta?" Lính canh đập thưa trình chuyện ấy, ông bảo dắt con trâu ấy tới. Con trâu tới nơi liền nằm mọp xuống đất, cúi gằm đầu, tuôn nước mắt như mưa. Ông than dài: "Vị này lúc còn sống đã bòn rút công quỹ, nay mắc phải báo ứng này". Do vậy, ông bảo người giữ kho trong nhà mình bỏ ra hai mươi quan tiền để tăng thêm lượng thức ăn cho con trâu ấy. Phàm công quỹ là do dân đóng góp, viên quan tham ô công quỹ biến thành con trâu chở đất đắp đập để đền trả dân chúng. Kẻ đọc đến chuyện này hãy nên suy nghĩ!

Đới Văn tánh tham lam. Mỗi lần hắn cho kẻ khác

vay tiền đều tính lãi nặng gấp mấy lần để bóc lột. Nếu trả nợ hơi trễ liền đích thân đến chèn ép thúc nợ. Nợ nhiều thì xiết ruộng nương, nhà cửa, con cái, nợ ít thì quần áo, đồ trang sức, gia súc, thảy đều dọn sạch. Tới khi hắn chết sanh làm trâu trong nhà hàng xóm, dưới hông có lông trắng ghi hai chữ Đới Văn. Hàng xóm đều mướn nó để cày ruộng. Có người đã từng bị Đới Văn tước đoạt khi hắn còn sống, cho nên sai khiến, đày đọa con trâu tàn nhẫn!

Một gã bán dầu ở Tô Châu đến một nhà giàu có, trông thấy một đứa bé năm tuổi đội mũ gắn trân châu, đeo vòng vàng, bèn dấy lòng ác, ôm nó tới chỗ vắng vẻ giết chết. Do vậy, hắn bỗng trở nên giàu có. Hắn sanh một đứa con, giống hệt như đứa bé đã bị giết, cho nên trong tâm hắn rất ghét nó. Tới khi đứa con năm tuổi, gã bán dầu trong tháng hè bỗng ngủ gà ngủ gật, đứa bé rút cây trâm bằng bạc trong búi tóc, giỡn hớt chọc vào ngực hắn. Gã đó ngỡ là ruồi bu, giơ tay đập một phát, trâm xuyên thủng ngực mà chết. Xem câu chuyện này phải biết người hiện thời dùng vàng ngọc trang hoàng cho con cái cũng phải nên thận trọng!

Bậc quân tử hễ dự vào hàng quan lại, hãy nên coi "trung trực, công bằng, thanh liêm" là chuyện thuộc về phận sự của chính mình. Nay cũng vì cầu được thiên chuyển, thăng chức mà xảo trá, ắt tâm thuật chẳng đoan chánh đến tột cùng! Đặt kẻ ấy trong triều ắt hắn

sẽ chẳng tận trung, chẳng công bằng; đưa hắn ra cai trị dân, hắn làm sao có thể liêm khiết cho được? Vì thế, đức Thái Thượng đặc biệt răn nhắc. Huống chi trong đời người, công danh và tánh tình nhanh nhẹn hay chậm chạp đã được định sẵn từ lúc mới sanh ra, dẫu lo toan chạy vạy suốt đời chẳng thêm được mảy may nào, chỉ tạo trò cười cho người thông đạt, bị quỷ thần quở trách!

Thời vua Tống Hiếu Vũ nhà Lưu Tống, Đới Pháp Minh, Đới Minh Bảo, và Sào Thượng Chi là ba kẻ nắm trọng quyền thuở ấy. Hễ kẻ nào được họ tiến dẫn, hoặc những điều họ nói ra, không gì chẳng được vua chuẩn tấu thực hiện. Chỉ có mình ông Cố Khải Chi chẳng chịu xu phụ bọn chúng. Ông từng nói: "Vận mạng đã được ấn định sẵn, chẳng phải là do trí lực mà có thể đổi dời được. Chỉ nên cung kính, kiềm chế bản thân, giữ đạo. Nếu do xảo quyệt, hư vọng mà may mắn đạt được, chỉ là chôn vùi tiết tháo đó thôi, liên quan gì đến chuyện được mất? Nếu có kẻ thấy nói kiểu này bèn hỏi tôi: "Thời nay thường có kẻ dùng mưu trí để đạt được quan chức là vì lẽ nào?" Thưa rằng, vẫn là do mạng. Tuy nhiên, dùng phương pháp quỷ quyệt để bắt chim, bậc quân tử ắt chẳng làm!"

Năm Ất Tỵ (1665) đời Khang Hy nhà Thanh, gã họ Kê ở huyện Sơn Âm được cử làm dịch thừa[233] tại

233 Dịch thừa (驛丞): Chức vụ quản lý các dịch trạm, truyền tải văn thư, tấu chương. Đời Minh - Thanh, mỗi phủ, châu, huyện đều có một người đặc trách

Long Giang Kiều tỉnh Vân Nam. Hắn sợ xa xôi, chẳng muốn đi. Có người dân bán rượu họ Chu, gia cảnh thuộc loại đủ ăn, họ Kê từng chủ động đến nhà anh ta, bảo: "Ngươi đưa cho ta hai trăm lạng, ta sẽ trao văn bằng cho ngươi". Họ Chu trong lòng rất cao hứng, liền trao tiền nhận bằng. Người ấy đến nhận chức, khéo sao phủ quân (quan Thái thú) đã quen biết với anh ta từ trước, luôn giao phó cho anh ta những công tác tốt đẹp. Anh ta làm năm năm bèn có được mấy ngàn lạng. Họ Chu đã mãn nguyện, bèn viện cớ bệnh tật để xin về. Gã họ Kê sau khi nhận được vàng, lại đổi tên, vào làm việc ở bộ Lại. Tới khi ông Chu đã xin về, họ Kê lại được phái đảm nhận chức vụ ấy. Trước khi đó, có một đêm nọ hắn đi nhà xí thấy hai người áo xanh nói với nhau: "Gã này là quan gì vậy?" Đáp: "Quan coi dịch trạm tại Long Giang Kiều", nói xong không thấy đâu nữa. Đến khi tới nhậm chức, họ Kê lại được bổ về Long Giang Kiều! Hắn vừa mới nhậm chức, Ngô Tam Quế[234]

quản lý dịch phu chuyển giao công văn, người ấy được gọi là Dịch thừa.

234 Ngô Tam Quế, tự là Trường Bạch, hay Trường Bá, làm Tổng binh nhà Minh. Ngô Tam Quế được giao nhiệm vụ trấn giữ Sơn Hải Quan để chống quân Thanh. Năm Sùng Trinh thứ mười bảy (1644), Sấm Vương Lý Tự Thành làm phản, toan lật đổ nhà Minh, vua Sùng Trinh phong cho Ngô Tam Quế làm Bình Tây Vương, truyền hịch gọi hắn về kinh đô cứu viện. Ngô Tam Quế kéo quân về không kịp, Lý Tự Thành đã chiếm Bắc Kinh, vua Sùng Trinh tự vẫn tại Cảnh Sơn. Lý Tự Thành lên làm vua, đã nhiều lần dụ Tam Quế đầu hàng. Tam Quế do dự, muốn đầu hàng, nhưng khi hay tin Lý Tự Thành chiếm mất ái thiếp Trần Viên Viên, hắn bèn đầu hàng quân Thanh, mở cửa ải dẫn quân Thanh xâm chiếm Trung Hoa. Do công lao bán nước ấy, Ngô Tam Quế được phong làm Bình Tây Vương trấn thủ Vân Nam, cùng với Bình Nam Vương Thượng Khả

làm phản triều đình, chẳng biết họ Kê có kết cục như thế nào!

Đời Thanh, Tiền Bang Khởi ở Đơn Đồ nói: Phàm nhân luôn có tác dụng thông thiên, rốt cuộc thì làm thế nào để có thể tranh đua với số phận đã định? Chỉ có một cách là dùng âm chất, ắt có thể vãn hồi số phận đã định. Hôm qua làm, hôm nay có hiệu nghiệm; buổi sáng làm, buổi tối có hiệu nghiệm. Báo ứng trong cõi âm nhanh chóng nhất, sự giám sát của thần minh tột bậc rõ rệt. Đấy chính là đường lối không gì nhanh chóng bằng! Kẻ có tâm hễ thử sẽ biết ngay!

Thưởng phạt bất bình, dật lạc quá tiết.
賞罰不平。逸樂過節。
Thưởng phạt chẳng công bằng, hưởng lạc quá độ.

[Trừng phạt tội lỗi và tưởng thưởng công lao] quá nhẹ hay quá nặng, chỉ cần hơi phạm sai lầm một phần sẽ là chẳng công bằng. Chẳng giữ công đạo (lẽ công bằng) lòng người chẳng phục. Như thế thì không chỉ là chẳng

---

Hỷ ở Quảng Đông và Tĩnh Nam Vương Cảnh Tinh Trung ở Phước Kiến là ba tên Hán gian làm phên giậu cho nhà Thanh, Thanh Sử thường gọi bọn chúng là Tam Phiên. Do ba người này đều là hàng tướng nhà Minh, đều nắm giữ binh quyền và có thế lực mạnh mẽ, lại thuộc những vùng đất trù phú, cho nên vua Khang Hy nhà Thanh quyết chí dẹp Tam Phiên. E ngại trước những biện pháp quyết liệt của triều đình, Ngô Tam Quế làm phản, chiếm giữ các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Phước Kiến, Hồ Nam, Tứ Xuyên v.v… Với chánh sách khôn ngoan, vua Khang Hy đã dần dần xé lẻ thế lực loạn quân, vây bức Ngô Tam Quế phải rút về Vân Nam cố thủ rồi chết ở đó vì tuổi già.

thể biểu dương công lao, trừng phạt tội lỗi, mà còn đâm ra tạo thành oán hận chất chứa, chuốc lấy tai họa.

Đời Thục Hán, Gia Cát Khổng Minh nói: "Tâm ta như cái cân, chớ nên vì một ai mà thiên vị nặng nhẹ". Trần Thọ khen ngợi Khổng Minh như sau: "Đối với kẻ tận trung, có lợi cho triều chánh, thời thế, dẫu là kẻ oán cừu, Khổng Minh ắt tưởng thưởng. Kẻ phạm pháp, bê trễ trong chức vụ, dẫu là người thân, ông ta ắt trừng phạt. Đối với kẻ đã nhận tội, biểu lộ sự chân thành, dẫu phạm tội nặng, ông ta ắt tha. Kẻ ăn nói khoác lác, xảo trá, màu mè, dẫu phạm tội nhẹ, ắt bị ông ta xử tử. Vì thế, các tướng thuở ấy đều phục vụ quên thân. Dẫu Ngụy Diên là phường phản trắc nhưng vẫn vâng phục Khổng Minh, chẳng nói đôi co. Lý Bình, Liêu Lập bị ông ta bãi truất mà suốt đời chẳng có một câu oán hận". Kẻ nắm giữ trách nhiệm thưởng phạt hãy noi theo gương ấy.

Dật lạc là chuyện ai nấy đều cùng ham muốn. Lễ Ký chép: *"Lạc bất khả cực, dục bất khả túng"* (Lạc chớ nên đạt tới tột cùng, dục chớ nên luông tuồng). Sách Quốc Ngữ[235] chép: *"Dân lao tắc tư thiện, dật tắc tư dâm"* (Dân chúng vất vả sẽ nghĩ đến điều lành, nhàn rỗi sẽ nghĩ đến

235 Sách Quốc Ngữ (國語) còn gọi là Xuân Thu Ngoại Truyện, chép về sự tích, ngôn luận của các nhân vật thuộc tám nước Chu, Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, và Việt thời Xuân Thu. Bộ sách này do Tả Khâu Minh biên soạn, có tác dụng giống như bộ Tả Truyện nhằm giải thích những sự kiện được chép trong kinh Xuân Thu. Khi biên soạn bộ Sử Ký, Tư Mã Thiên đã dùng nhiều dữ liệu từ bộ sách này.

dâm), tức là chẳng mong dân chúng nhàn rỗi. Mạnh Tử nói: *"Nhân sanh ư ưu hoạn, tử ư an lạc"* (Người ta do biết lo âu mà sống, quá lo hưởng yên vui sẽ chết), tức là chẳng mong người ta hưởng an vui suông, huống hồ quá mức ư! Nhưng cội nguồn của sự dật lạc trong thế giới, nói chung chẳng có gì lớn hơn tửu, sắc, tài, khí (氣, buông lung theo ý thích). Người thời nay ham mê rượu sẽ chẳng đoái hoài thân thể! Kẻ háo sắc sẽ chẳng màng bệnh tật. Kẻ tham tài sẽ chẳng đoái hoài thân thuộc. Kẻ xử sự buông lung theo ý thích sẽ chẳng quan tâm đến tánh mạng. Trước khi gặp phải những thứ ấy, ai nấy đều có thể tự hiểu những đạo lý ấy, mà cũng có thể khuyên bảo kẻ khác. Cho đến lúc những cảnh ngộ dụ dỗ, mê hoặc ấy đưa đến trước mặt sẽ mê muội, tự mình phạm phải. Chỉ là tuy thấy thấu suốt, nhưng chẳng thể nhẫn được. Nếu có thể thấu hiểu bốn chữ "dật lạc quá tiết" ắt sẽ có thể sửa đổi những thói hư tật xấu. Kẻ có thể ở trong những cảnh ngộ "tửu, sắc, tài, khí" rất thân thuộc mà quên bẵng, đạt đến mức độ "ít ham muốn, tâm trong lặng" thì sẽ có thể đội trời đạp đất.

Hòa thượng Chí Công bàn luận cùng Lương Vũ Đế về lạc sự. Sư xin nhà vua thả mấy người tử tù để làm thí nghiệm. Người hầu đã đem các tử tù đến, sư liền bảo họ mỗi người bưng một chén nước đầy ắp đi một vòng trong cung, căn dặn: "Nếu chẳng làm sánh nước ra ngoài sẽ tha tội chết cho ngươi". Dặn dò xong,

bèn sai tấu nhạc để động tâm họ. Hồi lâu xem lại, chẳng có giọt nước nào văng ra ngoài. Vua thở dài, hỏi tử tù: "Ngươi có nghe nhạc hay không?" Kẻ đó tâu: "Không nghe ạ!" Sư nói: "Bọn họ chính vì sợ chết, chỉ e nước tràn ra ngoài, làm sao còn nghe nhạc cho nổi!" Người nào có thể luôn giữ lòng kiêng sợ như thế, ắt cái tâm buông lung hưởng lạc sẽ tự nhiên chẳng sanh!

Vu Thiết Tiều nói: "Chuyên ròng siêng gắng như vận chuyển ngói, dè dặt như đi trên vực băng. Hào kiệt, thánh hiền, không ai đều chẳng như thế, ta là hạng người nào mà dám an vui xa xỉ? Kinh Dịch chép: *"Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức"* (Trời vận hành chánh đáng, bậc quân tử hãy nên học tập tinh thần tự cường chẳng ngưng nghỉ ấy)[236]. Chỉ vì con người không dốc chí tự cường, cho nên mới ơ hờ đối với những chuyện liên quan bức thiết đến thân thể, cứ mong nhàn hạ cho qua ngày tháng. Nếu có chí tự cường thì những chuyện bản thân ta đáng nên làm sẽ là vô cùng, vô tận, thật sự chỉ cảm thấy chẳng đủ thời gian, chẳng rảnh đâu để vui sướng, mà cũng chẳng dám buông lung!"

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) nói: "Ta mỗi đêm khi sắp ngủ, ắt tính toán chi phí dành cho ăn uống suốt ngày từ tiền bổng lộc và so sánh với những việc đã làm được trong ngày. Nếu

236 Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của ông Hoàng Bách Lâm.

tương xứng ắt sẽ ngủ sâu, yên giấc, chẳng còn hổ thẹn, nếu như chẳng tương xứng thì suốt đêm sẽ chẳng thể yên giấc".

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công nói: "Lúc cha ta làm quận phán (郡判, quận mục phán quan), khách đến thăm bèn mời rượu, hoặc là mời cạn ly ba lượt, hoặc năm lượt, chẳng hơn bảy lượt. Rượu mua ngoài chợ, quả hạt để nhắm rượu chỉ là lê, hạt dẻ, táo, hồng. Cỗ bàn chỉ là canh rau nấu thịt khô, hoặc thịt muối. Chén bát chỉ dùng loại bằng sành hoặc tre, gỗ. Sĩ phu thuở ấy toàn là như vậy, chẳng có ai phê phán!"

Đời Tống, Cừu Thái Nhiên làm tri huyện Tứ Minh, rất tương đắc với một thuộc quan (屬官, quan lại dưới quyền). Một hôm, ông hỏi người ấy về chi phí tiêu dùng hằng ngày. Người ấy thưa: "Nhà tôi có mười người, mỗi ngày tốn hết một ngàn đồng". Thái Nhiên hỏi: "Sao dùng nhiều thế?" Người ấy thưa: "Bữa sáng có chút thịt, buổi tối thì canh rau". Thái Nhiên kinh hãi, bảo: "Ta làm Thái thú mà thường xuyên ăn rau. Ông bữa nào cũng ăn thịt, chắc chắn không phải là kẻ thanh liêm rồi", bèn lợt lạt với người ấy.

Đời Nguyên, có hai sinh viên trường Thái học, sanh cùng ngày, giờ, tháng, năm, cùng đỗ khoa thi Hương, cùng được chọn làm quan. Một người được bổ làm Giáo thụ ở Ngạc Châu, người kia được bổ làm

Giáo thụ ở Hoàng Châu. Không lâu sau người ở Hoàng Châu chết, người ở Ngạc Châu hết sức sợ hãi, sắp đặt sẵn hậu sự. Vài ngày sau, vẫn chẳng chết, bèn sắp đặt lễ vật đến phúng điếu người ở Hoàng Châu, khóc rằng: "Ông và tôi sanh cùng ngày, giờ, tháng, năm, lại cùng đỗ đạt, ra làm quan. Nay ông qua đời trước tôi, chắc là tôi cũng sắp chết. Nay đã sau bảy ngày rồi, nếu có linh thiêng hãy nên báo mộng cho tôi". Đêm đến, ông ta mộng thấy người ở Hoàng Châu bảo: "Ông đối với mọi việc đều tiết kiệm cho nên sống thọ, tôi hưởng dụng quá lố nên yểu thọ!"

Đời Lương có kẻ giàu có họ Ngu, dựng một tòa lầu cao bên đường lớn, ngày đêm cùng mỹ nhân ca xướng, tiệc tùng, cờ bạc, chơi cờ vây trên đó. Có một lần, trong đám khách khứa, có người thắng bạc đang bưng miệng mà cười, vừa khéo có ba người khách đi qua dưới lầu, có một con chim ưng ngậm chuột chết thối nát bay qua, làm rơi xuống thân mấy người khách đó. Khách ngẩng đầu lên nhằm đúng lúc kẻ đó đang cười, ngỡ kẻ đó ném chuột lên người họ, hết sức giận dữ nói: "Họ Ngu giàu sang, sung sướng đã lâu rồi! Tao không xâm phạm nó, sao nó lại xúi người khác làm nhục tao?" Họ bèn kéo bè đảng đến tiêu diệt nhà ấy.

Cố Tích Trù nói: "Dẫu chẳng dựng lầu cao bên đường lớn cũng sẽ bị tai họa lạ lùng!" Đó gọi là tai ương do thói kiêu căng, xa xỉ mà ra. Nguyên nhân dẫn

đến tai họa chẳng phải chỉ là một thứ, nhưng trong các tai họa do thói kiêu căng, xa hoa gây nên, chỉ có nữ sắc là khốc liệt nhất, là nhanh chóng nhất, càng phải nên ngăn ngừa trước tiên! Vụ Thật Dã Phu nói: "Da bọc xương thịt và ô uế. Gắng sức yêu kiều mê hoặc người. Thiên cổ anh hùng thường mắc họa. Trăm năm rồi cũng hố tro thôi". Nếu ai có thể biết được lý này, và lãnh hội những giáo huấn từ những phần chú giải cho câu "kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi" (thấy sắc đẹp của vợ con người khác bèn dấy lòng toan dan díu) và "dâm dục quá độ", kính cẩn vâng giữ những răn dạy ấy, ắt sắc đẹp nào cũng trở thành rỗng tuếch, mới hòng tránh khỏi họa hoạn do phóng túng hưởng lạc vậy!

Hà ngược kỳ hạ, khủng hách ư tha.
苛虐其下 。恐嚇於他 。
Hà khắc, ngược đãi cấp dưới, đe dọa người khác.

Kẻ ở địa vị trên mà tàn khốc, ngược đãi thuộc hạ và dân chúng; ở trong nhà thì đánh đập tôi tớ quá đáng, đều là *"hà ngược"* (苛虐, hà khắc, ngược đãi). Làm cấp trên mà ngược đãi thuộc hạ, trong các phần trước của tác phẩm này đã nói tường tận. Vì thế, ở đây chỉ nói tường tận về chuyện đối đãi với kẻ dưới trong nhà.

Đức Phật bảo Thi-ca-la-việt[237]: "Hết thảy người

237 Thi-ca-la-việt (Śīgalovāda) là con của một vị trưởng giả, dịch theo nghĩa tiếng Hán, sẽ là Thiện Sanh đồng tử. Thi-ca-la-việt mỗi sáng tuân theo lời cha

đời đối đãi nô bộc, hãy nên có năm sự:

1) Một là trước hết hãy nên biết họ đói khát, lạnh nóng như thế nào rồi mới sai khiến.

2) Hai là đối với kẻ có bệnh hãy nên điều trị.

3) Ba là chẳng được xằng bậy đánh đập. Hãy nên hỏi han để biết rõ thực hư, sau đấy mới trách phạt, trừng trị. Có thể tha thứ thì hãy tha thứ, chẳng thể tha thứ thì mới giáo huấn, trừng phạt.

4) Bốn là nếu họ có đôi chút tài sản riêng chẳng được tước đoạt.

5) Năm là cho họ đồ vật gì hãy giữ sao cho bình đẳng, chớ nên thiên vị, thiếu công bằng".

Sách Viên Thị Thế Phạm[238] viết: "Kẻ tôi đòi, đầy tớ phần nhiều bẩm tánh ngu tối, làm việc hay sai sót, tánh lại dễ quên. Dặn dò công việc, họ chẳng ghi nhớ trọn vẹn. Cá tánh phần nhiều lại hay thiên chấp, nếu chẳng phải là kẻ hay tự cho mình là đúng thì tánh tình lại hay ương bướng, ăn nói bừa bãi, chẳng biết tôn ty. Phàm là

---

dạy mà lễ bái sáu phương, nhưng chẳng hiểu vì sao phải làm như vậy. Đức Phật trông thấy, bèn dạy Thiện Sanh ý nghĩa của việc lễ sáu phương. Chẳng hạn như phương Đông là phải cung kính với cha mẹ… Những lời dạy ấy được chép lại thành bộ Phật Thuyết Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ Kính.

238 Viên Thị Thế Phạm là tác phẩm gồm ba quyển do Viên Thái biên soạn vào đời Nam Tống, thoạt đầu đặt tên là Tục Huấn, về sau đổi thành Thế Phạm (khuôn phép cư xử trong cõi đời). Sách ghi lại những lời dạy về cách đối nhân xử thế đúng lý, đúng tình, phù hợp đạo đức, và thuần phong mỹ tục.

bậc gia trưởng, trong khi sai khiến họ, hãy nên đối xử bằng lòng khoan dung, giáo huấn nhiều phen, chớ nên giận dữ, thì trong tâm của chủ nhân cũng cảm thấy an lạc. Dẫu chuyện phạm lỗi của họ đáng nên trừng trị, chủ nhân cũng nên bình tâm tra hỏi. Đã trừng phạt, quở trách, trong khi kêu gọi, sai khiến, hãy nên giữ vẻ mặt như thường, ngõ hầu chẳng có chuyện khác xảy ra. Còn như phụ nữ bản tánh hẹp hòi, cố chấp, bậc gia trưởng phải thường nên khuyên nhủ, dạy dỗ. Cũng đừng cho phép con em trong nhà tự tiện đánh đập người hầu. Hễ có chuyện, phải trình báo với gia trưởng. Nếu đầy tớ là kẻ ương bướng, hung bạo, bất thiện, hãy nên khéo léo trả kẻ đó về nhà, chớ nên đối xử quá nghiêm khắc, sợ kẻ ấy sẽ ôm lòng oán hận mà làm ác!"

Bài thơ Bán Con có đoạn:

Dưỡng nhữ như phượng sồ,
Niên hoang trị kỷ tiền,
Khổ cần đương tự ái,
Bất tỷ tại nương biên.

(Nuôi con như phượng non,
Năm đói đáng mấy đồng!
Siêng khổ nên bảo trọng,
Chẳng như bên mẹ đâu!)

Lại còn:

Khốc tận nhãn trung huyết,
Sái nhữ thân thượng y,
Nghiệp duyên như vị đoạn,
Do vọng mộng lai quy.

(Mắt tuôn sạch huyết lệ,
Tưới đẫm áo con thơ,
Nghiệp duyên nếu chưa dứt,
Vẫn mơ chuộc con về.)

Vu Thiết Tiều nói: "Cai quản kẻ dưới, cố nhiên chẳng nỡ lòng hà khắc, bạo ngược, mà buông thả cho họ tự tung tự tác lại càng chẳng nên! Thường thấy nhà quan lớn hoặc người sang cả, bọn nô bộc ngang ngược, hung tợn, được tôn sùng như Thượng đế. Hễ ra ngoài chúng bèn cưỡi ngựa khỏe, mặc y phục lộng lẫy, trở về nhà thì cờ bạc, nhậu nhẹt. Hoặc là khách khứa đến cửa, lũ tôi tớ vẫn ngồi ì ra đó chẳng thưa hỏi. Hoặc thân thích đến thăm chủ nhà, bọn chúng bèn cự tuyệt chẳng thông báo, khiến cho kẻ mạnh thì nổi giận bỏ đi, kẻ yếu thế nuốt hận lui ra. Thậm chí chúng nó còn mượn cớ sanh sự, cậy thế lường gạt tiền bạc. Kẻ làm chủ trọn chẳng nghe biết, [do lũ đầy tớ làm càn mà chủ nhân bị] mọi người chống trái, thân thuộc xa lìa, bạn hờn, người oán đã chẳng thể đếm xiết! Hãy nên thận trọng!"

Đời Tấn, ông Đào Uyên Minh răn dạy con: "Công việc sớm tối của con nếu đều tự làm sẽ khó khăn. Nay sai khiến họ (tôi tớ) giúp con lo liệu nỗi nhọc nhằn về củi, nước. Những kẻ ấy cũng là con cái của người khác, hãy nên đối xử đàng hoàng".

Đời Tống, phu nhân của ông Thành Trai Dương Vạn Lý Tống tuổi đã ngoài bảy mươi. Mỗi khi đến tháng đông, cụ sáng sớm thức dậy, xuống bếp, tự tay nấu một nồi cháo cho tất cả tôi tớ ăn rồi mới sai họ làm việc. Con bà cụ là Đông Sơn nói: "Trời lạnh ngắt, mẹ tội gì khổ sở như vậy?" Phu nhân nói: "Tôi tớ cũng là con của người ta, sáng sớm trời rét buốt, cần phải làm cho bụng họ tạm có hơi ấm thì họ mới có thể làm lụng được".

Đời Hán, Lưu Khoan đối xử với người hầu tột bậc khoan dung. Dẫu trong lúc hốt hoảng, ông chưa hề ăn nói cộc cằn, hay lộ vẻ cáu kỉnh. Phu nhân muốn thử làm cho Lưu Khoan tức giận, bèn chờ đến lúc ông sắp vào chầu vua, đã ăn mặc chỉnh tề xong, bèn sai đứa tớ gái bưng canh, giả vờ sẩy tay đổ dơ triều phục của ông. Lưu Khoan thong thả hỏi: "Canh có làm phỏng tay ngươi hay không?" Thần sắc ông bất động.

Mẹ ông Hồ Thái tánh hết sức tàn khốc, thường đánh đập tớ gái khổ sở, tàn độc chẳng thể nói được. Sau khi bà ta chết đã mười năm, cha đã lấy vợ khác.

Một hôm Hồ Thái đi vắng, trong nhà muốn giết một con gà, gà bỗng nói tiếng người rằng: "Đừng có nấu ta, hãy đợi thằng Thái trở về". Trong chốc lát, Hồ Thái trở về, gà chạy quanh chỗ ông ta ngồi, tự nói rì rầm: "Do mẹ ngược đãi tớ gái nên thác sanh làm gà". Lại nói rất tường tận những chuyện trong nhà. Hồ Thái khóc lóc kể với cha. Cha con bèn nuôi con gà ấy, nuôi nó đã lâu, nó bay lên mổ người vợ sau của cha ông Hồ Thái. Khi Hồ Thái đi vắng, kế mẫu bèn ném chết con gà. Ôi, hiện thời gà chó thật nhiều, biết là vợ của nhà nào? Đáng thương thay, đáng sợ thay!

Quan Tư Mã Vương Giản Dịch ở Hồng Châu bị chứng bệnh nghịch khí công tâm. Ông chết đi rồi sống lại, bảo vợ rằng: "Khi xưa, ta sai bảo bọn tớ nhỏ, đôi khi do chẳng cẩn thận mà bó buộc chúng nó quá nghiêm khắc đến nỗi chúng nó chết mất. Vừa rồi ta tới âm ty là do bị đứa đầy tớ nhỏ tố cáo, chẳng thể hòa giải được! Nay ta mắc căn bệnh này chính là vì nó quấy phá". Vợ nói: "Đứa đầy tớ nhỏ bé mà dám làm như vậy hả?" Ông bảo: "Dương gian có sang hèn, chứ trong minh ty (âm ty) nhất loạt như nhau". Ông chết ngay sau đó.

Đe dọa có hai trường hợp:

1) Một là thấy người khác gặp nạn cấp bách, chẳng lo an ủi, mà cố ý phô trương oai thế, khiến cho kẻ ấy sợ hãi.

2) Hai là chỉ mong cầu lợi, hoặc báo đền oán thù từ trước, mà hư trương thanh thế, khiến cho kẻ khác sợ ta, hòng thỏa lòng ham muốn.

Từng nghe Quán Thế Âm Bồ-tát trong chốn nạn gấp, sợ hãi, ngài có thể khiến cho chúng sanh chẳng sợ hãi, chứng đắc viên thông; đấy là bậc nhất. Vì thế, chúng sanh trong cõi Diêm-phù đều gọi ngài là "đấng Thí Vô Úy". Như vậy thì kẻ dọa nạt người khác sẽ trở thành hạng người như thế nào? Do đó, bậc quân tử hễ gặp người khác lâm vào cảnh sợ hãi, không ai chẳng tận lực an ủi. Tiếc là cõi đời chẳng biết, thích làm cho kẻ khác kinh sợ, sau khi chết đi những kẻ dọa nạt người khác sẽ sanh làm nai, làm mễn. Phàm những con nai, con mễn, ban ngày thì né tránh, sợ hãi các con thú khác, hễ có động liền kinh hãi bỏ chạy tán loạn. Đêm thì gác sừng lên cành cây, gò mình mà ngủ. Hễ bị đánh thức, ắt sẽ guồng bốn chân kinh hoảng chạy bừa. Đã hết kinh sợ lại ngủ, đã ngủ rồi lại bị kinh động. Từ sẩm tối cho đến sáng, chẳng có một khắc nào yên! Đấy là quả báo của chúng nó vậy!

Một khách thương nhỏ ở Hồ Châu buôn bán gừng tại Vĩnh Gia. Kẻ nhà giàu là Vương sanh, do tranh cãi về giá gừng nên tức giận đánh vào lưng gã khách thương. Gã ta té lăn ra đất, chết ngất, được cấp cứu bèn tỉnh lại. Vương sanh xin lỗi, biếu một xấp lụa. Khách thương về tới cửa sông, nhà thuyền hỏi do đâu mà có

lụa, khách thương liền kể rành rẽ mọi chuyện. Nhà thuyền bèn mua lại lụa và giỏ gừng. Khách thương đi rồi, chủ thuyền bèn vớt một cái xác chết trôi vô chủ, đem về chỗ mình ở, đến gặp Vương sanh thưa chuyện. Hắn nói: "Buổi chiều có một người khách từ Hồ Châu qua đò nói bị ông đánh sắp chết, cậy tôi báo cho cha mẹ, vợ con người ấy báo quan, để lại lụa và cái giỏ làm chứng. Chẳng mấy chốc, người đó tắt thở mà chết. Tôi chẳng dám không thưa trình". Cả nhà Vương sanh khóc lóc, kinh hãi, đem hai trăm ngàn đồng đút lót cho hắn. Gã nhà thuyền cố ý làm ra vẻ miễn cưỡng nhận lời cầu xin, cùng nhau đem xác chôn trong núi sâu. Có một đứa đầy tớ của Vương sanh lên huyện tố cáo, Vương sanh bị bắt giam, chết trong ngục. Năm sau, gã khách thương buôn gừng lại đến, ghé thăm nhà họ Vương, con ông Vương tưởng là quỷ. Khách thương nói mình chưa chết, nay đem một chút thổ sản đến đáp tạ. Con ông Vương bèn giữ khách lại, bắt gã đầy tớ thưa lên quan. Quan bắt gã nhà thuyền, tên đầy tớ và gã nhà thuyền đều chết trong ngục.

Oán thiên vưu nhân, ha phong mạ vũ.
怨天尤人。呵風罵雨。
Oán trời, hờn người, chửi gió, mắng mưa.

Thế giới Diêm-phù thường được gọi là Khuyết Hãm (缺陷), con người mỗi chuyện làm sao đều được

vừa lòng cho nổi? Kẻ chẳng xứng ý, ắt là vì đã tích lũy phước đức đơn bạc, cho nên được hưởng thụ cũng đơn bạc. Hãy nên giữ đúng bổn phận, suy nghĩ lỗi mình, hòng sửa chữa tước vị đã được trời định sẵn. Đấy là đường lối tốt lành từ ngàn xưa để cư xử trong cảnh khốn cùng, mà cũng là cách tốt lành để hướng lành, tránh dữ. Oán trời ắt trời càng giận, hờn người ắt người càng ghét. Không chỉ là vô ích mà còn hại thêm!

Tiêu Tuấn Minh đã sớm đỗ đạt, nhưng đã lâu mà chẳng được thăng chức, đã nhiều lượt vì vận mạng trắc trở mà oán trời. Anh ta lại còn dâng sớ cầu đảo. Đêm hôm ấy có một bức thư màu trắng rơi xuống trước lư hương. Xem kỹ thì là mười sáu chữ viết theo kiểu chữ Triện từ cõi trời. Tuấn Minh nghe nói Hà Tiên Cô[239] linh ứng, bèn đến hỏi, tiên cô chẳng đáp. Tuấn Minh tha thiết cầu xin, tiên cô bèn bảo: "Nhận năm lượng

239 Hà Tiên Cô (何仙姑) là một vị trong Bát Tiên của Đạo giáo. Cô vốn có tên là Hà Quỳnh (có thuyết nói tên là Hà Tú Cô, hoặc Hà Hương), người xứ Linh Lăng, Vĩnh Châu (nay thuộc tỉnh Quảng Đông) vào đời Đường. Thân thế của vị tiên này có nhiều thuyết. Thuyết phổ biến nhất nói Hà Tiên Cô lúc mười sáu tuổi vào núi hái trà, gặp tiên nhân chỉ điểm (có thuyết nói vị tiên ấy chính là Lữ Động Tân), cho ăn đào tiên và bột vân mẫu. Cô bèn phát thệ không lấy chồng, thường vào ở trong hang núi, tu luyện thành tiên. Tranh Đạo giáo thường vẽ Hà Tiên Cô có hình dạng thiếu nữ xinh đẹp, tay cầm hoa sen, hoặc cầm giỏ đựng hoa ("lam hoa" (籃花) chỉ có nghĩa là đựng hoa. Thế mà có một giáo phái tu tiên tại Việt Nam lại nghiễm nhiên viết trong sách vở của họ là Hà Tiên Cô cầm giỏ đựng loài hoa "lam hoa"). Bát Tiên là Hán Chung Ly, Trương Quả Lão, Lý Thiết Quải, Tào Quốc Cữu, Lữ Động Tân, Hàn Tương Tử, Lam Thái Hòa và Hà Tiên Cô.

vàng hối lộ, bị giảm thọ mười năm. Giết oan uổng một người, sau khi người ấy đã chết, lại còn bị xử lý, ngươi có làm những chuyện ấy hay không?" Tiêu Tuấn Minh cứng họng, chẳng thể đáp được!

Đời Tống, Chương Đôn làm Tể tướng, đã đày hết những vị trọng thần thời Nguyên Hựu[240] xuống Lãnh Nam. Phạm Thuần Nhân thuộc vào số đó. Khi ấy, Thuần Nhân đã bảy mươi tuổi, vâng theo mạng lệnh vui vẻ lên đường, thường căn dặn các con chớ nên bất bình chút nào! Hễ nghe các con có lời oán trách Chương Đôn, ông Phạm bèn tức giận, ngăn cấm. Trên đường đi, thuyền bị lật trên sông, áo của Thuần Nhân bị ướt sạch. Ông quay lại nhìn các con, bảo: "Đây cũng là do Chương Đôn làm ra hay sao?" Qua câu chuyện của ông Phạm, ta biết đạo học "vui theo mạng trời". Ai có thể thấu đạt lý này sẽ an vui hứng chịu, thuận theo, tự nhiên là chẳng có chuyện oán trời, hờn người!

Gió mưa là công năng của tạo hóa, mỗi chuyện đều có thần trông coi, chưởng quản. Khổng Tử hễ gặp sấm rền, gió mạnh, ắt nghiêm túc cầu khẩn thượng thiên. Sách Khúc Lễ chép: *"Nhược hữu tật phong, tấn*

240 Nguyên Hựu (元祐) là niên hiệu thứ nhất của Tống Triết Tông (Triệu Hú) từ năm 1086 đến năm 1094. Trong thời gian này, Triết Tông mới mười tuổi, triều chánh do Cao Thái hậu quyết đoán. Bà quyết liệt bãi trừ tân pháp của Vương An Thạch, trọng dụng Tư Mã Quang, Phạm Thuần Nhân, Tô Thức v.v… Khi Cao Thái hậu qua đời, vua lập tức cải nguyên, ngả theo đường lối tân pháp của Vương An Thạch.

lôi, thậm vũ, tắc tất biến. Tuy dạ tất hưng, y phục quan nhi tọa" (Nếu có gió giật, sấm rền, mưa dữ, ắt thay đổi tư thế. Dẫu ban đêm cũng thức dậy, mặc áo, đội mũ mà ngồi). Trình Tử mỗi khi gặp gió mưa ắt thức dậy, đó là vì kính trọng trời. Dân chúng vô tri, hễ mưa nhiều sẽ oán hận ngập lụt, tạnh ráo nhiều, sẽ oán thán hạn hán, gió mạnh ắt oán bão tố, chẳng nghĩ âm dương mỗi thứ đều có vận số định sẵn. Hoặc là quan lại hà khắc, hung tợn, hoặc là do dân chúng tạo nghiệp, sẽ đều có thể dẫn tới mưa gió chẳng đúng thời; há có nên chửi mắng hay không? Chửi mưa mắng gió chỉ càng làm tăng thêm cái tội nghịch trời!

Tại trường huyện ở Hàm Ninh, xứ Chân Định, có người lao công nhà trường là Dương Khoan. Trong tiệc nhà quan, ông ta lo châm rượu, trông thấy góc tường có hai luồng gió lốc, bèn rưới rượu để đãi họ. Về sau, ông ta theo mọi người tới núi Đông Nhạc (Thái Sơn) thắp hương, gặp hai người lính mời uống rượu, chưa kịp hỏi tên tuổi đã chia tay. Ngày hôm sau lên núi, đến một ngôi miếu thờ thần thấy hình dáng, dung mạo của hai bức tượng lính hầu giống hệt như người đã mời mình uống rượu, lòng hết sức kinh sợ. Đến chỗ trọ, bèn thấy hai người lính nói: "Ông đừng ngờ vực! Hai người bọn ta đều là thuộc hạ của Đông Nhạc Đại Đế. Ngày nọ được sai phái, đi qua quý xứ, được ông ban cho hai bầu rượu. Do vậy, hôm qua dùng chén rượu để đáp

tạ". Nói xong, chẳng thấy đâu nữa!

Đời Tống, có một phụ nữ ở Ngạc Châu cọ rửa một cái chậu bằng sành bên sông. Bỗng mưa dầm khiến đường sá ướt đẫm, mụ ta bèn buông lời tục tằn chửi trời. Ngay lập tức, một cơn gió lạ cuốn mụ ta lọt xuống sông. Chồng mụ vội cứu lên, cái chậu sành đã bị phá thủng, mắc vào cổ mụ ta như đeo gông. Toan gỡ ra, đau thấu cốt tủy. Người đến xem chật cửa. Vài hôm sau, mụ chịu không xiết nỗi khổ ấy, chết ngắc!

Đấu hợp tránh tụng, vọng trục bằng đảng.
鬬合爭訟。妄逐朋黨。
Tranh chấp kiện tụng. Kéo bè kết đảng làm quấy.

Kẻ khác có chuyện tranh chấp, thưa kiện, hãy nên lựa lời khéo léo khuyên giải, khiến cho việc lớn hóa thành nhỏ, việc nhỏ hóa thành chẳng còn gì, ắt đôi bên đều cùng hưởng phước ấy. Nếu thừa dịp đó, xui nguyên giục bị, khiến cho họ đấu đá nhau, hoặc ngấm ngầm đốc xúi, hoặc tự đứng ra làm chứng, hoặc thay họ nhào nặn bằng chứng thưa gởi, hoặc lo hết chuyện kiện tụng nơi nha môn để tiện làm ngư ông hưởng lợi. Hạng người ấy bị thần trách người oán, tạo nên oan nghiệt rất nặng do lòng sai quấy. Khi nghiệp báo xảy đến sẽ chẳng kham nổi nỗi khổ ấy, hối hận chẳng kịp!

Lưu Nguyện Chất lưng nổi nhọt độc, thuốc men

chẳng lành. Thầy lang bảo: "Đã trọn hết sức người rồi, sợ là bị trời hại". Nguyện Chất bèn cậy đạo sĩ cầu khẩn thần Bắc Đẩu. Đêm mộng thấy thần bảo: "Ngươi phạm vào luật trời, dẫu cầu khẩn Bắc Đẩu cũng khó tránh được". Nguyện Chất thưa mình vô tội, thần bảo: "Ngươi ngồi dạy học ở nhà nọ, gây chuyện dẫn đến thưa kiện, khiến cho hai nhà đều bị tan nát". Nguyện Chất thưa: "Đó là do em tôi là Nguyện Lập làm, chẳng phải là Nguyện Chất". Vua sai thuộc hạ xét lại, đúng là như vậy, Nguyện Chất bèn được khỏi bệnh. Năm sau, Nguyện Lập chết. Báo ứng do xui giục kiện tụng từ xưa tới nay luôn luôn là thảm khốc, mắt thấy, tai nghe rành rành chẳng sai! Khuyên khắp người đời, trăm nghề đều có thể kiếm sống, tội gì phải theo đuổi nghề kiện tụng? Gần đây nhất, tôi thấy câu chuyện về một vụ án trong cõi âm xảy ra tại Lâu Đông[241], theo ghi chép, một thầy cãi đã đến cõi âm, Diêm vương bảo: "Ngươi tuy tạo ác nghiệp, nhưng mỗi khi viết án từ, thường khuyên người khác thôi tranh chấp, đừng nên vu cáo kẻ khác. Lại nữa, trong đơn kiện, hồ sơ tranh tụng thường ngấm ngầm giảm nhẹ tội của người bị thưa. Do có thiện niệm ấy, hãy tạm thời tha tội, quyết định cho ngươi được sống". Do vậy, kẻ đã trót theo nghề nghiệp này, trong tình thế chẳng đổi nghề ngay được, hãy nhìn vào tấm gương

241 Lâu Đông (婁東) là một thị trấn thuộc huyện Thái Thương thuộc tỉnh Giang Tô. Do trấn này nằm ở phía Đông sông Lâu Thủy nên có tên như vậy.

này, ngõ hầu có thể giảm thiểu ác nghiệp đấy chăng?

Một thầy giáo dạy võ lòng ở Hưu Ninh, nhà nghèo tận lực học hành, thích đọc luật. Trong thôn, có con của một người giàu có, cha đã mất, hai đứa con tranh giành gia sản. Thằng anh muốn thưa kiện đứa em, đem lễ vật hậu hĩnh đến nhờ thầy viết đơn thưa. Thầy giáo nói: "Tôi học luật để mai sau tránh khỏi bị phán quyết phạt tù, há chịu vì anh dấy khởi chuyện thưa kiện ư?" Sau đó, thầy giáo nói cặn kẽ tình anh em thân thiết như chân tay, cũng như dùng những chuyện cùng nhau suy bại do thưa kiện lẫn nhau để cảnh tỉnh. Đứa anh bị cảm động, hiểu ra. Thằng em tìm đến, thầy cũng khuyên răn, huấn dụ, thằng em cảm phục. Anh em chúng nó bèn vui vẻ, hòa thuận như thuở đầu, đồng tâm làm giàu. Một hôm, họ buôn bán sa bản, bỗng thấy trên tấm sa bản[242] có khắc tên họ vị thầy ấy. Anh em ngộ ra, bảo nhau: "Nhờ ông X… khuyên chấm dứt tranh chấp, kiện tụng, chúng ta may mắn ăn nên làm ra, ân lớn chưa báo. Vì thế, trời viết tên họ ông ấy để chỉ dạy hai đứa chúng ta". Họ hẹn nhau khi trở về sẽ biếu thầy món tiền do bán số sa bản ấy. Họ về đến chợ ở quê nhà, bán được món tiền ba trăm lạng bạc. Khi ấy đã hết năm, thầy không có chỗ ngồi dạy học, cha con

242 Sa bản (沙板) là những phiến gỗ dẹp, thường làm bằng gỗ sam, có tính chịu lực cao. Người xưa chôn "sa bản" xuống nền đất để giữ cho nền nhà hoặc các công trình xây dựng khỏi bị sụp lở do đất dịch chuyển.

đối diện nhau húp cháo lúa mạch cầm hơi. Bỗng có hai người cầm bạc đến thưa chuyện, thuật cặn kẽ nguyên do. Thoạt đầu, thầy cảm tạ từ khước. Hai người nói: "Trời ban cho thầy mà", rốt cuộc biếu tặng thầy.

Vu Thiết Tiều nói: "Kẻ đang làm quan phải thống thiết trừng phạt, ngăn cấm những kẻ xúi giục kiện tụng, thưa quan. Kẻ sống trong làng (những vị quan đã cáo lão hồi hưu) thì dốc lòng khuyên can kẻ đã thưa kiện lẫn người chưa kiện hãy nên thôi đi. Đấy là việc đứng đầu nhằm vun bồi nguyên khí. Người làm như vậy sẽ là đại công thần của nước nhà, mà cũng là đại công thần của trời đất vậy".

Tạ Cầu thích làm thiện sự, tánh chẳng tranh chấp, ghét chuyện thưa gởi kiện cáo. Láng giềng có kẻ xâm lấn đất đai của ông, kẻ khác khuyên ông thưa lên quan, Tạ Cầu giảng giải: "Chiếm được đất, chứ chẳng chiếm được trời!" Mọi chuyện ông đều ôn hòa, nồng hậu như thế đó. Ông thọ tới bảy mươi lăm, con cháu đông đảo, lại có đứa hiển đạt.

Tức Tụng Ca (息訟歌, bài ca chấm dứt thưa kiện) có đoạn như sau: "Chớ nên đi thưa kiện, gia sản bởi đó sẽ tan hoang. Dẫu thắng một vạn binh, mình hao ba ngàn lính. Thầy cãi vung gậy mềm, kẻ làm chứng đòi hậu tạ, há có bọn công sai nào tốt lành, mà cũng chẳng có bọn nha lại giữ văn thư trong sạch! Quan phán quyết

như thế nào còn chưa biết, mà đã nguy ngập, đáng sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng. Nếu gặp lúc sảy chân, mang nhục khó che đậy! Thường nghe có kẻ gia sản tan nát phần nhiều vì tranh chấp đất đai, vườn tược. Thường thấy kẻ kiện cáo vì gia sản, tình anh em bỗng mất sạch. Vì tức khí nhất thời mà đâm đơn thưa kiện, đã kiện rồi càng tức tối hơn. Do tham lợi lôi nhau ra tòa, đâm ra mất cả vốn lẫn lời, biến hôn nhân thành kết mối oán cừu, vứt sạch hàng thân thích. Đưa nhau ra cửa quan còn tệ hơn bị giặc cướp đoạt, phải chịu tốn phí gấp bội. Do trượng nghĩa mà thưa kiện thay người khác, rốt cuộc lâu ngày trở thành phường bất nghĩa. Do người thân ép buộc ta đứng mũi chịu sào, từ đấy tình giao hảo bị cắt đứt. Do kiện tụng mà sĩ tử học hành lỡ làng, thợ thuyền quên cả nghề khéo, nông dân bỏ hoang ruộng nương, thương nhân bỏ buôn bán. Kẻ giàu do thưa kiện mà nghèo nàn, kẻ nghèo do thưa kiện mà chết ngóp. Việc nhỏ chẳng chu toàn, chuyện lớn càng rối ren, phải tránh né, biến chuyện giả thành sự thật, rốt cuộc trở thành khó khăn là vì ban đầu dễ dàng! Mệt sức lại bận lòng, há có thú vị gì? Tuy cao hứng nhất thời, khổ sở về sau ai hứng chịu giùm? Ta khuyên người thế gian, chớ coi thưa kiện như trò con nít đùa bỡn. Nếu chẳng phải là kẻ mang mối thù chẳng đội trời chung, đừng lôi kéo nhau vào vòng kiện tụng. Lời quê mùa tường tận và xác đáng, muôn phần khẩn cầu người đọc hãy nhớ kỹ!"

"Vọng" (妄) có nghĩa là chẳng cần quan tâm là có hay không. "Trục" (逐) là theo đuổi. Lớn thì như kẻ làm bầy tôi của người khác mà chia bè lập đảng, nắm quyền triều chánh, công khai bài xích kẻ khác phe, hoặc người thanh cao không chịu hùa theo, ngấm ngầm khuynh đảo. Nhỏ thì như dân thường lập đoàn thể hoặc kết nghĩa để làm vây cánh. Những hành vi lôi kéo kẻ cùng ý thích kết bè đảng đều là *"vọng trục bằng đảng"* (xằng bậy kéo bè kết đảng), ắt mắc tội lớn, họa sâu! Hàng công khanh cũng như dân chúng, hãy nên cùng nhau hết sức răn tránh vậy!

Đời Đường, Liễu Tông Nguyên và Lưu Vũ Tích, tài cao, tuyệt học, danh trùm một thuở. Gặp lúc Đường Thuận Tông mắc bệnh, câm bặt, chẳng thể nói. Gã tiểu nhân Vương Thúc Văn thừa cơ nắm giữ đại quyền. Hai ông luồn mình phù tá hắn, khinh suất bon chen, hiến kế, tưởng chừng như Y Doãn, Chu Công lại xuất hiện. Họ gấp rút như cuồng, được thăng cấp nhanh chóng lên chức Thị ngự sử. Cả triều đình khinh thường họ. Chẳng lâu sau, Đường Thuận Tông truyền ngôi cho Thái tử, chuyện Vương Thúc Văn chuyên quyền, nhiễu loạn triều chánh bại lộ, những gián quan (quan ngự sử) đua nhau dâng sớ công kích. Bọn họ đều bị đày đi làm Tư mã tại các châu, đều khốn đốn, chết nơi những miền đất xa xôi. Ôi, ông Lưu và ông Liễu nếu chẳng bị hãm vào bè đảng của Vương Thúc Văn, do họ sẵn có

tài năng văn chương, cũng sẽ là bậc đại thần lừng danh một thuở. Sảy chân trong chốc lát, suốt đời chẳng thể ngóc đầu lên được, há có nên chẳng cẩn thận? Nhưng nỗi hại này vẫn còn là nhỏ! Như các biến loạn trong ba triều đại Đường, Tống, Minh đều bắt nguồn từ chuyện này. Vì thế, kẻ làm bầy tôi của người khác mà kéo bè kết đảng, tội lỗi của bọn đó rất lớn!

Một người là con em của một thế gia đã suy sụp, nhà nghèo, vô hạnh. Mấy lần anh ta đã theo một kép hát đi chơi, kép hát nhiều lượt biếu tặng quần áo. Do vậy, đôi bên hết sức tương đắc. Tuy ưa thích, nhưng anh ta biết gã kép hát là phường trộm cắp. Về sau, do anh chàng con em thế gia mặc quần áo do gã kép hát đã trộm được ra phố, người bị mất của liền bắt chàng ta thưa lên quan, còn gã kép hát đã trốn xa. Rốt cuộc, chàng ta chẳng thể biện bác được, chết trong ngục!

Lại có con của một phú ông thích võ thuật, kết nghĩa huynh đệ với mười người. Cha biết được, bảo là có thể khiến cho làng xóm nể sợ, chẳng ngăn cấm. Về sau, trong số đó có một đứa là ăn trộm. Chuyện bại lộ, tên đó cung khai, liên lụy đến con trai phú ông. Quan do thấy nó là nhà giàu, bèn nghĩ nó là đứa oa trữ đồ trộm cắp. Do đó, tan nhà nát cửa. Ôi chao, kết bè đảng chơi với bạn bè phải xem gương này!

Đời Nguyên, Trung Tuyên Công Dư Khuyết nói:

"Nếu ai gần bậc hiền lương ví như một tờ giấy. Dùng tờ giấy ấy bọc hoa lan hay xạ hương, do những thứ ấy thơm tho mà tờ giấy được thơm tho theo. Nếu ai thân cận bạn tà, ví như một cành liễu, dùng cành liễu để xuyên xỏ cá, hoặc ba ba. Do những con vật ấy tanh hôi, cành liễu sẽ tanh hôi theo". Chúng ta lập thân xử thế, hãy nên suy đi nghĩ lại lời ấy!

Dụng thê thiếp ngữ, vi phụ mẫu huấn.
用妻妾語。違父母訓。
Nghe lời thê thiếp, trái nghịch lời cha mẹ dạy răn.

Lời của thê thiếp ngọt nào, dễ lọt tai. Cha mẹ răn dạy, tuy chánh đáng, khó thể vâng theo! Lời thê thiếp chẳng có gì không trái nghịch lời răn dạy của cha mẹ. Sở dĩ lòng hiếu của người đời suy bại là vì vợ vậy. Cha mẹ từng trải đã nhiều, nhìn sự việc ắt thích đáng, lại thương yêu con tha thiết, ắt mưu tính chu đáo cho con. Há có trường hợp nữ nhân ít tuổi nào mà đâm ra lại có cái nhìn vượt trỗi bậc lão thành đã từng trải thông hiểu ư? Lý lẫn sự cũng thế, không chỉ vì khuyên con cái hiếu thuận mà nói như vậy.

Trương Củng Thần nói: "Đối với giáo huấn của cha mẹ, dẫu người ta muôn phần tuân theo, rốt cuộc vẫn chẳng thể hoàn toàn tuân theo. Lời thê thiếp tuy người ta nói là "muôn phần chẳng nghe theo", rốt cuộc đều làm theo trọn vẹn! Lý chẳng thắng nổi dục. Do

quá gần gũi nên bị những lời xui khôn xúi dại của thê thiếp che lấp tâm trí, khó thể nhận biết. Những kẻ bực bội, tự cho mình là hay (tự cho là không nghe theo lời thê thiếp rủ rỉ), đừng thấy chuyện này là dễ dàng! Trừ phi trong tâm có công phu vi tế, nghiêm mật, sẽ không chỉ là chẳng thể làm được, mà còn là cũng chẳng thể biết được!"

Thê thiếp là nội trợ của mỗi người. Nếu họ có những lời tốt lành, chưa chắc không thể nghe theo. Nhưng đàn bà ít kẻ hiền minh, lắm kẻ ngu dốt, tối tăm! Hơn nữa, tánh tình họ phần nhiều hẹp hòi, cố chấp, chẳng nhẫn nại chịu đựng. Họ lại khéo che giấu khuyết điểm, ăn nói tột bậc đúng chỗ yếu hại, khiến kẻ làm chồng dễ bị mê hoặc nhất. Nhưng kẻ đã bị mê muội bởi lời vợ, ắt sẽ đến nỗi chống trái cha mẹ. Vì thế, đức Thái Thượng răn dạy nghiêm ngặt. Ôi, ly gián cốt nhục, khiến cho thân thích lợt lạt, xa lìa, lừa dối, lấn hiếp làng xóm, thiên vị con cái, hiếp đáp ngược đãi tôi tớ, nguyên nhân phần nhiều là do vợ mà ra! Lại hãy nên tùy theo từng việc mà tự phản tỉnh suy xét bản thân, khuyên dụ thê thiếp noi theo đạo nghĩa. Còn như chồng nghe theo lời thiếp mà ngược đãi hoặc bỏ vợ cả, chính là chuyện dễ nghiêng theo, dễ bị mê hoặc nhất trong thói thường của con người, chớ nên không thận trọng. Đối với thê thiếp, đức Thái Thượng đã răn dạy đúng là hết sức hữu lý.

Con cái đối với cha mẹ, hãy nên tận tâm kiệt lực. Bất luận Đông, Tây, Nam, Bắc, đều nên vâng theo, há có nên ứng phó qua quýt cho xong, bề ngoài phục tùng còn trong tâm chống trái, trái nghịch giáo huấn của cha mẹ. Đó là cái tội căn bản, là điều ác chẳng thể tha thứ được! Còn như vì sủng ái thê thiếp mà trái nghịch cha mẹ, cõi đời lại càng chẳng thiếu bọn ấy! Tội ấy lại càng nặng hơn một bậc. Mong sao ai nấy đọc kỹ thiên sách này, tự hối lỗi quấy thuở trước, sớm mong báo đền ân cha nghĩa mẹ, lập thân, cư xử trọn hết lòng hiếu kính, trọn bề phụng dưỡng hòng báo đáp đôi chút một phần vạn vạn nỗi đau cù lao, ngõ hầu chẳng bị trời giáng sét, quỷ thần tru lục, chẳng vướng phải tai họa ngang trái, bất ngờ!

Trình Ngạn Tuân thờ mẹ chí hiếu. Mẹ tánh tình hết sức nghiêm khắc, dữ dằn, do ghét vợ của Ngạn Tuân bèn trục xuất cô ta. Khi ấy, Ngạn Tuân đang độ tuổi tráng niên, vâng theo ý mẹ, suốt đời chẳng cưới vợ khác. Người vợ ấy hiền thục mà bị đuổi, chẳng thốt lời oán hận chút nào. Mỗi Tết đều đến vấn an, ở một mình thủ tiết, chẳng lấy chồng khác. Sĩ phu coi cô ta là người hiền thục, viết thành truyện hiếu thuận, tiết liệt. Ôi! Trường hợp này có thể nói là con hiếu, vợ hiền, không ai tốt đẹp hơn được nữa! Những đứa con và dâu ngỗ nghịch có thể nào chẳng hổ thẹn đến chết ư?

Ở huyện Văn An, có một cư dân cưới vợ. Cô vợ

đẹp nhưng ương bướng, chẳng phụng sự mẹ chồng. Hễ chồng đi đâu trở về, cô ta ắt đều tố cáo mẹ chồng hiếp đáp, ngược đãi. Chồng luôn im lặng. Một tối, chồng lấy ra một con dao sắc đưa cho vợ coi. Vợ hỏi:

- Để làm gì vậy.

Chồng đáp:

- Nàng luôn mách là mẹ chồng ngược đãi, hãy cùng cầm dao này để trừ khử mẹ, nàng nghĩ như thế nào?

Vợ đáp:

- Em chịu ngay!

Chồng nói:

- Nàng hãy khéo phụng sự mẹ một tháng, khiến cho hàng xóm đều biết là nàng siêng năng, còn mẹ chồng bạo ngược. Sau đấy mới ngấm ngầm giết đi.

Vợ theo đúng lời, vẻ mặt tươi vui, ăn nói mềm mỏng, sáng tối hầu hạ mẹ chồng. Gần được một tháng, chồng lại lấy dao ra chơi đùa dưới ánh đèn, hỏi vợ:

- Mẹ chồng đối đãi với nàng ra sao?

Vợ đáp:

- Chẳng thể so với khi trước được.

Lại qua một tháng, chồng lại rút dao ra, hỏi vợ.

Vợ vui vẻ đáp:

- Nay mẹ chồng đối với em rất tốt. Chuyện khi trước, chàng hãy thận trọng, đừng làm nữa!

Chồng thong thả nắm dao, trừng mắt hỏi vợ:

- Nàng có thấy trong đời có chồng giết vợ hay không?

Vợ đáp:

- Có chứ!

Chồng hỏi:

- Có thấy con giết mẹ hay chưa?

Vợ thưa:

- Chưa nghe nói.

Chồng bảo:

- Đời người coi sự hiếu dưỡng to nhất. Ơn cha mẹ dẫu tự giết chính mình vẫn chẳng thể báo đáp được. Đến khi lớn lên cưới vợ, chính là để phụng dưỡng bố mẹ chồng, nối tiếp giòng giống. Ta thường quan sát thấy nàng chẳng thể hiếu thuận với mẹ ta, lại ngược ngạo xúi ta làm chuyện đại nghịch. Đao này ta thật sự muốn chặt đầu nàng để làm vui lòng mẹ. Mẹ cho nàng hoãn lại hai tháng để sửa lỗi, đổi thái độ, trọn hết đạo làm vợ, biểu lộ lòng mẹ ta đối đãi với nàng, để nàng

biết vấn đề không phải do mẹ ta, nàng hãy nhắm mắt mà nhận đao!

Vợ kinh hoảng khóc lóc, lạy lục:

- Mong chàng tha tội chết cho em, em sẽ suốt đời hiếu thuận với mẹ chồng, chẳng dám biếng nhác chút nào!

Hồi lâu sau, chồng mới bằng lòng. Về sau, vợ và mẹ chồng thuận thảo, danh truyền khắp xóm làng. Ôi! Người dân ở Văn An bất quá là một kẻ tầm thường, mà khéo điều phục, biến đổi vợ chuyển từ ác độc thành hiền lương, dẫu là bậc quân tử, sĩ phu cũng chẳng thể làm được! Ngạn ngữ có câu: "Trong thiên hạ chẳng có ai không là cha mẹ". Lại còn nói: "Trong thiên hạ không có cha mẹ nào chẳng thể chuyển hóa được", đúng lắm thay, có lý thay!

Trầm Trạch Chi lúc hai mươi lăm tuổi bèn bỏ học hành, tính buôn bán. Vợ anh ta là Thạch Thị hiền đức, tận lực can gián nhưng chồng không nghe, bèn kể khổ với bố mẹ chồng: "Cô và em dâu của con đều được gả làm vợ của người có học, nay chồng con chẳng chịu học hành. Nếu bố mẹ cho đứa con dâu mới cưới là con về thăm nhà, gặp thân thích sẽ xấu hổ lắm! Con xin tự bỏ ra tiền học, xin bố mẹ hãy chọn thầy, khuyến khích chồng con đến học. Con chẳng dám mong chồng hiển đạt hanh thông, chỉ thành một chàng tú tài tốt đẹp,

chẳng khiến cho gia phong mang nhục, mà cũng là một người chồng hiền năng vậy!" Bố mẹ chồng thuận theo. Năm năm sau, quả nhiên Trạch Chi thi đỗ, làm quan tới chức Chánh lang[243]. Những kẻ hãm chồng vào chỗ ác trong hiện thời, há chẳng nên noi gương người vợ hiền họ Thạch ư?

Vợ Lưu Kiến Đức hung tợn ác độc. Họ Lưu không thể chế ngự được, nhiều lúc phải chiều theo. Nhằm lúc mẹ chồng bị bệnh, vợ bắt chồng gởi mẹ sang am ni cô. Mẹ không muốn đến đó, họ Lưu chỉ nghe lời vợ, chỉ sai một đứa tớ gái lo thuốc thang mà thôi. Mẹ sắp chết, chửi mắng ầm ĩ: "Tao ắt tố cáo mày dưới âm ty". Không đầy mấy hôm, vợ điên cuồng, hô ầm lên: "Ta chẳng ra gì, đuổi mẹ chồng đến am ni cô. Âm ty rút ruột ta, lột da ta". Do vậy, khắp thân mụ ta tím bầm mà chết. Lại hai hôm sau nữa họ Lưu cũng phát cuồng, hô lên: "Ta là Lưu Kiến Đức bị vợ khống chế, ngỗ nghịch với mẹ ruột. Vợ đã bị âm ty rút ruột, lột da, chịu tội trong địa ngục Vô Gián. Nay lại truy ta rất gấp. Người đời hãy nên lấy ta làm gương, đừng bị thê thiếp mê hoặc mà ngỗ nghịch với cha mẹ". Hắn chết đột ngột, khâm liệm vài hôm,

243 Chánh lang (正郎) là danh xưng để gọi các lang trung làm việc trong Thượng thư tỉnh. Lang trung là các quan chức cao cấp phụ tá cho vị Thượng thư và Thị lang. Thượng thư và Thị lang là hai quan chức đứng đầu ba cơ cấu hành chánh cao nhất thời ấy (Thượng thư tỉnh, Môn hạ tỉnh, và Trung thư tỉnh). Thượng thư tương đương với Bộ trưởng và Thị lang tương đương với Thứ trưởng trong hiện thời.

bỗng sét đánh ầm một tiếng, hai cỗ quan tài đều nứt toác, mùi hôi thối bốc xa mấy dặm! Bị chịu hình phạt ngũ hình có ba ngàn tội, mà không tội nào lớn bằng bất hiếu. Vương pháp là như thế đó, ai nấy đều biết. Còn như trời giáng sấm sét tru diệt đều là những đứa con trai và con dâu ngỗ nghịch, có lẽ có kẻ chẳng biết. Do vậy, chép chuyện này để bảo ban khắp thiên hạ.

Đắc tân vong cố, khẩu thị tâm phi.
得新忘故 。口是心非 。
Có mới nới cũ, tâm khẩu chẳng nhất trí.

Nhỏ thì là quần áo, vật dụng, lớn thì là tình nghĩa bạn bè, thân thích. Trong là thê thiếp, dưới là thằng hầu, tớ gái, đều có mới, cũ. Nếu có mới nới cũ, đấy là hạng người bạc tình, thiếu ân nghĩa nhất. Tiên hiền có nói: *"Dữ kỳ kết tân giao, bất như đôn cựu hảo"* (Kết bạn mới chẳng bằng vun đắp tình quen biết cũ), lời ấy đúng lắm thay! Xưa kia, vua Sở (Sở Chiêu Vương) từng hạ chiếu tìm một chiếc giày bị mất như sau: "Ta buồn vì nó cùng ra ngoài với ta, mà nó không cùng về với ta". Từ đấy, người trong nước chẳng dám vứt bỏ những thứ cũ. Đấy thật sự là người có tình nghĩa cả ngàn đời, mà cũng là người hiểu biết trong ngàn đời vậy.

Chị của vua[244] Quang Vũ đời Hán là công chúa

244 Nguyên văn là "đệ" (娣), có nghĩa là em dâu. Một nghĩa khác là khi xưa, nhiều phụ nữ chung một chồng, người lớn tuổi hơn được gọi là tự (姒), còn nhỏ

Hồ Dương vừa mới góa chồng, muốn lấy Tống Hoằng. Vua bảo Tống Hoằng: "Giàu đổi bạn, sang đổi vợ, là lẽ thường tình của con người!" Tống Hoằng tâu: *"Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất khả hạ đường"* (Bạn trong lúc nghèo khó chẳng thể quên, người vợ tấn cám (người vợ chia sẻ hoạn nạn, nghèo khó) chẳng thể ruồng bỏ được). Vua ngó công chúa, bảo: "Chuyện này chẳng thể thành được!" Kẻ ngu này đọc đến đây, thở dài nói: "Chuộng mới nới cũ, cả cõi đời đều là như thế. Đối với thê thiếp càng dễ thay đổi nhất. Thường là do kẻ chung gối nảy sanh hiềm khích mà ươm thành mầm họa trong chốn khuê các, gây hại chẳng thể nói nổi, mọi người há chẳng cẩn thận ư?"

Một phú ông không có con, đã nuôi dưỡng đứa con của người anh mười năm. Bỗng người thiếp sanh một đứa con trai, ông ta bèn bỏ rơi đứa con của người anh, giao hết tài sản cho con người thiếp sở hữu. Về sau, đứa con của người anh do cần kiệm mà thành gia lập nghiệp, lại còn hiếu đễ, cung kính, nhân từ, cả họ đều khen ngợi, nhưng đứa con của người thiếp lớn lên phóng đãng, gái gú, cờ bạc, tiêu sạch gia sản. Ông căm hận chết luôn!

---

hơn gọi là đệ. Hán Thư chép Hồ Dương Công Chúa tên thật là Lưu Hoàng, là chị cả của Hán Quang Vũ (Lưu Tú). Do vậy, chúng tôi nghĩ chữ đệ ở đây là do bị chép lầm. Khi cha mất sớm, Lưu Hoàng phải làm lụng cực khổ để nuôi em, nên đối với Lưu Tú, Lưu Hoàng vừa là chị vừa là mẹ. Đến khi Lưu Tú dựng cờ khởi nghĩa, lật đổ Vương Mãng, tái lập nhà Hán, trở thành Hán Quang Vũ Đế, ông đặc biệt ưu đãi bà, đến nỗi bà có những hành vi coi thường luật pháp.

Cảnh Dương ở huyện Nghi Trưng lúc nghèo khó là bạn thân của Sử Thành ở Dương Châu. Cảnh Dương chết để lại một đứa con côi nghèo khó. Họ hàng, bạn bè thuở trước không ai lui tới, riêng Sử Thành chẳng quên tình bạn, luôn thăm hỏi, cho quà còn hơn xưa kia. Cảnh Dương để lại di cảo gồm mấy chục quyển, Sử Thành bỏ ra ngàn vàng để khắc in, bảo: "Ta chẳng đành lòng thấy tinh hoa của cố nhân bị chôn vùi". Về sau, Sử Thành làm quan lớn.

Đời Tống, Phạm Văn Chánh (Phạm Trọng Yêm) lúc làm Viên ngoại lang của bộ Lại, đứng đầu một quận, có ba đứa tớ gái theo hầu, mãi cho đến khi ông làm quan suốt cả nhị phủ[245] cho tới khi mất, suốt cả mười năm chẳng thêm một người nào, mà cũng chưa hề thay đổi một người nào.

Tâm và miệng đều đúng lẽ như nhau, đó là người thuần thiện. Nếu tâm và miệng đều sai trái, kẻ khác vẫn đề phòng. Chỉ có những kẻ ăn nói như Nghiêu, Thuấn, tâm giống như Kiệt, Trụ, miệng thề non hẹn biển, mà tâm ngầm đặt bẫy rập, là khó dò lường nhất. Kẻ ấy thờ vua ắt chẳng trung, thờ cha mẹ ắt bất hiếu, chơi với bạn bè ắt bất tín, đối xử với thuộc hạ ắt bất nghĩa. Hạng người ấy là phường tiểu nhân nhất. Nếu ai lầm tin lời kẻ ấy sẽ lọt vào mưu mô của hắn, tội lỗi

245 "Nhị phủ" (二府) là hai cơ cấu hành chánh cao cấp đời Tống, gồm Trung thư tỉnh và Xu mật viện.

của kẻ ấy bị cõi âm trừng phạt nặng gấp mấy lần dương gian! Kinh Phật có nói: "Kẻ nói dối, ác khẩu, chết rồi sẽ đọa trong địa ngục kéo lưỡi, nước đồng sôi rót vào miệng, cày lưỡi, chịu khổ rất nhiều kiếp đã xong sẽ sanh trong loài súc sanh, luôn ăn gai góc. Nếu lại được làm người, thiệt căn chẳng trọn vẹn, hơi miệng luôn hôi thối. Dẫu thốt lời tốt lành, kẻ khác chẳng tin nhận". Nghiệp "miệng đúng, tâm sai" mắc quả báo như thế, há chẳng đáng kiêng dè ư?

Đời Minh, ông Tiết Văn Thanh nói: Kinh Dịch chép: *"Dung ngôn tất tín"* (Lời ăn tiếng nói thông thường đều phải giữ chữ tín). Đối với lời ăn tiếng nói bình phàm, người ta cứ ngỡ là chẳng khẩn yếu, cứ tùy tiện, chẳng thận trọng thốt lời. Chẳng biết một lời hư vọng là đã phạm sai lầm trong lời ăn tiếng nói. Vì thế, lời ăn tiếng nói bình phàm ắt phải giữ chữ tín, tức là đức sâu dày vậy!

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) dạy Lưu Khí Chi (Lưu An Thế) về lẽ trọng yếu trong chuyện tận tâm xử thế lập thân: "Chỉ là thành mà thôi!" Công phu ấy trước hết được khởi đầu bằng không nói dối. Tư Mã Ôn Công lại từng nói: "Khí Chi bình sanh chỉ là một chữ thành, do vậy ông ta nói năng rất chánh xác, chẳng ai có thể sửa đổi được". Dân tại thành thị hay nông dân thuở ấy đều nói: "Nếu đã từng đi qua

Nam Kinh, mà không gặp Lưu Thị Chế[246], khác nào qua Tứ Châu[247] mà không gặp bậc đại thánh". Do lẽ nào mà cảm động lòng người như thế ấy? Cũng thưa rằng: "Chỉ là thành mà thôi!" Xét theo chuyện này, há chữ thành có khiến cho người ta bị lầm lạc ư? Cớ sao người ta chẳng dốc sức nơi đây vậy thay?

Nhậm Quốc Tá bị bệnh lâu ngày, lập đàn cúng tế cầu được gia hộ. Trong mộng, ông Nhậm nghe thần

246 Thị Chế (侍制) là từ ngữ viết sai của Đãi Chế (待制), nhưng do thường dùng, cho nên trở thành đúng. Chức vụ Đãi Chế là quan văn có nhiệm vụ "đãi chiếu", tức là từ đời Hán, những vị đại thần có tài văn chương, thông thạo kinh điển trong triều đình phải luân phiên làm người túc trực đợi mệnh lệnh của vua khi vua cần tham khảo ý kiến, giúp vua soạn thảo chiếu chỉ, hoặc nhuận sắc chiếu chỉ, cũng như giám sát việc thi hành chiếu chỉ. Về sau, trong cơ cấu Hàn Lâm Viện đặt ra một chức quan thường trực là Hàn Lâm Đãi Chiếu để đặc trách công tác này. Chức quan này còn chịu trách nhiệm huấn luyện nhân tài mới cho viện Hàn Lâm, cũng như quản thủ văn từ, sớ chương, biểu tấu. Đến đời Tống, do công việc quản trị hành chánh phức tạp, phải lập ra nhiều "các" (閣), tức là các tiểu tổ văn phòng (hoặc các phòng nghiệp vụ theo cách hiểu hiện thời), mỗi các đều có một vị Đãi Chế để đứng đầu trông coi, như Long Đồ Các Đãi Chế, Thiên Chương Các Đãi Chế v.v… Do ông Lưu từng giữ chức Chánh Tự, tức là một chức vụ tương tự như vai trò Đãi Chế, nên người thời ấy vẫn quen gọi ông Lưu An Thế là Lưu Thị Chế.

247 Tứ Châu Đại Thánh (泗州大聖) chính là một vị cao Tăng được tôn xưng là "thần tăng", sống vào đời Đường. Ngài từ Tây Vực sang Trung Hoa, hiệu là Tăng Già đại sư, còn có mỹ hiệu là Tứ Châu Văn Phật. Theo truyền thuyết, trong quá khứ vô lượng kiếp, ngài đã dùng âm thanh làm Phật sự. Vào những năm đầu trong niên hiệu Long Sóc (661-663), ngài đến hoằng hóa tại Lạc Dương và Trường An, trụ tích tại chùa Lâm Hoài ở Tứ Châu. Nhận thấy tứ chúng kính ngưỡng đạo hạnh của ngài, Đường Trung Tông cung thỉnh ngài về trụ trì chùa Tiến Phước ở Trường An. Ngài đã từng vì nhà vua cầu mưa rất linh nghiệm và lưu lại rất nhiều sự linh nghiệm khác. Do vậy, vua ban tặng tấm biển Phổ Quang Vương Tự cho chùa Lâm Hoài.

bảo: "Nhậm Quốc Tá! Ngươi bình sanh làm người tâm và miệng chẳng nhất trí. Từ thuở bé cho tới khi trưởng thành, chẳng có một công hạnh tốt lành nào, tội ác đã định, sẽ chết trong sớm tối". Quả nhiên ông ta chết. Hành thổ không có vị trí nhất định, nhưng nó nắm quyền làm chủ ngũ hành, bốn mùa dựa vào đó để vận hành, vạn vật dựa vào thổ để sanh trưởng. Trong ngũ thường, nó chính là tín. Nếu bốn giềng mối kia mà chẳng có tín, thì cũng sẽ chẳng thành tựu *nhân, nghĩa, lễ, trí.* Vì thế nói: "Thành là khởi đầu và chung cục của muôn vật, chẳng có lòng thành sẽ chẳng có vật gì". Người hiện thời ăn nói hoàn toàn chẳng có chân tâm đối với người khác, chính mình há có thể giúp người khác thành tựu ư? Nếu từ nay trở đi sửa đổi, tỉnh ngộ, lời nói đi đôi với việc làm, trong ngoài tương ứng, ắt gặp chuyện sẽ thản nhiên, thường là thong dong có thừa, ngửa lên chẳng hổ với trời, cúi xuống chẳng thẹn với người, há chẳng sung sướng ư? Nhưng chúng ta dễ phạm chuyện này nhất, khó ngăn ngừa, kiểm điểm nhất. Đừng nên lơi lỏng chút nào, kẻo sẽ tự cắt đứt với quê hương quang minh chánh trực, dấn mình vào cảnh tối tăm gai góc vậy!

Tham mạo ư tài, khi võng kỳ thượng, tạo tác ác ngữ, sàm hủy bình nhân.

貪冒於財。欺罔其上。造作惡語。讒毀平人。

Tham lam, xằng bậy đoạt tiền của, lừa dối bề trên. Nói lời ác độc, gièm chê, hủy báng người lành.

Đòi lấy tiền tài, vật dụng chẳng chán là tham (貪). Tăm tối, chẳng biết hổ thẹn là mạo (冒). Tận trung phụng sự bề trên, giữ mình liêm khiết đó là khí tiết to lớn của người làm bầy tôi cho kẻ khác. Nay cũng vì nguyên do tham lam, xằng đoạt chiếm đoạt mà lừa dối bề trên, tiết tháo của kẻ bầy tôi còn đâu nữa! Dẫu làm như vậy sẽ được phú quý nhất thời, phần nhiều là chẳng mấy chốc sẽ suy bại, con cháu chật vật. Sao bằng vâng giữ lòng trung, liêm khiết, ngõ hầu giữ vẹn tánh mạng và thanh danh ư? Còn như bọn sai nha tại nha môn bòn rút tiền lương, bọn đầy tớ trong các điền trang giấu diếm hòng tránh né nộp thuế, nộp địa tô, đủ mọi tệ đoan chẳng thể nêu trọn! Nói chung, đều là bọn thuộc hạ lấy tiền tài của người trên, dùng mưu kế để che giấu, dùng tài trí để lừa gạt. Nhưng tiền tài họ lấy được vốn là thứ có sẵn trong vận mạng của chính họ, hiềm rằng do đoạt lấy bằng phương cách bất chánh sẽ đến nỗi thân mạng và tài sản đôi đường đều mất mát! Sao bằng chẳng có mảy may cẩu thả đối với chuyện này, ắt sẽ đạt được tiền tài vốn có trong vận mạng bằng những phương cách chánh đáng khác, ta cũng sẽ có

được tiền của, tài sản giống như vậy, nhưng lẽ bình an và nguy hiểm khác xa nhau. Mọi người hãy đừng nên mê muội đối với lý tột cùng này!

Đời Minh, ông Vương giữ chức Đại Trung Thừa[248] tại Quý Châu, làm Tổng Đốc Lưỡng Quảng. Ông thanh tra công khố, thấy tiền dư ra ba mươi bốn vạn lượng. Thẩm tra sổ sách chi tiêu thì đối với bộ Hộ, đã khai báo chi phí hoàn tất, tiền lương cho quân đội cũng đã phát đủ, chẳng biết món tiền ấy thuộc về bộ phận nào! Ấy là vì thái bình lâu ngày, quân đội ít mà lương hướng lại nhiều, năm tháng tích lũy lại, cho nên mới dư ra món tiền ấy, chẳng có cách nào truy ra món tiền ấy do đâu mà có. Triều đình cũng không hay biết, ông tra ra được, muốn dâng sớ tấu trình. Người nhà chẳng dám nói gì, có một vị bạn học cũ thong dong thưa rằng: "Ông chẳng nhiễm mảy trần, trong triều đình, ngoài đồng nội đều cùng biết; nhưng món tiền này, dưới đã chẳng phải do bóc lột máu mỡ của dân, mà trên cũng chẳng phải là xâm phạm thuế khóa nước nhà. Ông có bốn đứa con nối dõi, có thể vì chúng nó tính kế đôi chút hay chăng? Hãy báo lên trên ba mươi vạn lượng, giữ lại bốn vạn lượng để chia cho bốn đứa nó. Làm như vậy cũng chẳng tổn hại lòng trung và phẩm giá của ông". Ông cười bảo: "Anh nói cũng hợp tình hợp lý, nhưng tôi đã

248 Đại trung thừa (大中丞) là danh xưng khác để gọi chức Tuần phủ vào thời Minh - Thanh. Chức Tuần phủ thuở ấy thường trông coi hai hoặc ba tỉnh.

ở góa (giữ vẹn phẩm tiết liêm khiết) ba mươi năm, một mai vì con cháu tính kế, đầu bạc rồi mà thay đổi tiết tháo, không gì chẳng suy bại theo ư!" Rốt cuộc, ông trình báo trọn hết số tiền ấy, chẳng giữ lại mảy may nào. Về sau, ông lần lượt làm đến chức Quận thủ. Các cháu nối tiếp nhau đỗ trạng nguyên, nối tiếp nhau giữ những chức vị trọng yếu, họ chính là anh em của quan Thái sử Tuyết Viên vậy. Than ôi, ông Vương có thể làm chuyện khó có như vậy, có thể nói là bậc quân tử thật sự trong thiên hạ!

Trong niên hiệu Thành Hóa đời Minh, Tống Hoằng làm Tuần phủ tỉnh Thiểm Tây. Bọn kỳ hiệu thuộc Tần phủ[249] mặc sức hoành hành làm khổ cư dân. Tống Hoằng đều bắt giam, trừng trị hết, chẳng khoan nhượng chút nào. Tần Vương tấu trình triều đình, tố cáo Tống Hoằng khi dễ, có ý định diệt trừ các phiên vương. Chúa thượng tức giận, sai tống ông vào nhà

249 Kỳ hiệu (旗校) tức là các quan võ trông coi kỳ quân. Kỳ quân là quân đội của các thân vương dưới đời Minh, kể cả quân đội bảo vệ hoàng thành. Chúng thường cấu kết với các thái giám nên rất lộng hành. Hiệu quan ở dưới cấp tướng, được chia thành ba bậc là thượng hiệu, trung hiệu và thiếu hiệu. Tần phủ là vương phủ của Tần Vương. Sau khi Chu Nguyên Chương lập ra nhà Minh, đã phong cho các con làm phiên vương để làm vây cánh ở những vùng xa. Con thứ hai của Chu Nguyên Chương là Chu Sảng được phong làm Tần Vương, đứng đầu các phiên vương, trông coi tỉnh Thiểm Tây, đặt vương phủ tại Tây An. Quyền hạn của Tần Vương khá lớn, ông ta có thể điều động lính từ các tỉnh Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ. Do Thành Hóa (1465-1487) là niên hiệu của Minh Hiến Tông, cho nên Tần Vương ở đây không phải là Chu Sảng, mà chỉ là cháu chắt của ông ta, vì tước vị Tần Vương được truyền đến mười một đời.

ngục của Cẩm Y Vệ[250]. Vua sai nội thần[251] Thượng Hanh tịch biên gia sản của ông, chỉ kiếm được một xấp lụa vàng, mấy bộ quần áo cũ. Thượng Hanh trở về, tấu trình tình trạng nghèo khó của Tống Hoằng. Vua đích thân tra xét của cải nhà Tống Hoằng, than thở hồi lâu, hạ chiếu tha bổng Tống Hoằng, ban thưởng một vạn đĩnh bạc nhằm tuyên dương sự liêm khiết của ông, điều ông về làm Tuần phủ Hà Nam. Ông đã đến nơi trấn nhậm, thái giám Uông Trực cũng vì có công vụ mà phải đến đó. Thuở ấy, oai thế của Uông Trực lừng lẫy, các vị Tuần phủ khác đều cúi lạy cầu kiến, riêng ông Hoằng vái chào, không lạy. Uông Trực biết ông là bậc trung thần, liêm khiết, càng thêm kính trọng. Tống Hoằng ngầm dâng sớ, đàn hặc Uông Trực mang theo nhiều bọn kỳ hiệu, quấy nhiễu địa phương. Về sau, Uông Trực trở về kinh, chúa thượng hỏi quan Tuần phủ các tỉnh có hiền hay chăng? Uông Trực chỉ khen ngợi Tống Hoằng là bậc liêm khiết, có năng lực. Chúa

250 Cẩm y vệ gọi đầy đủ là Cẩm y vệ chỉ huy sứ ty (錦衣衛指揮使司), là một cơ quan do Minh Thái Tổ đặt ra có chức trách như một cơ cấu an ninh mật vụ riêng do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Cơ quan này có nhiệm vụ trinh sát, dò xét, tìm ra những quan chức bất trung, cũng như phát hiện những âm mưu chống đối triều đình. Cẩm y vệ có quyền bắt người, tra khảo và giam giữ. Những viên mật thám thân tín nhất của nhà vua thuộc Cẩm y vệ được gọi là Kiểm hiệu. Đứng đầu cơ quan này là Tả hữu đô đốc, phụ tá có Đô đốc đồng tri, Đô đốc kiểm sự, Đô chỉ huy sứ và Đô chỉ huy sứ kiểm sự.

251 Nội thần (內臣) là các quan viên trực thuộc quyền sử dụng của Hoàng đế, không do Tể tướng cai quản. Thông thường là các quan viên giữ chức vụ bí thư, thái giám hoặc người đứng đầu, trưởng quan thị vệ v.v…

thượng đưa sớ tấu đàn hặc của Tống Hoằng cho Uông Trực coi, Uông Trực khấu đầu nhận tội, ca ngợi Tống Hoằng hiền đức chẳng ngớt. Chúa thượng tha tội cho hắn. Về sau Tống Hoằng làm Thượng thư.

Đời Minh, Nhan Mậu Do nói: "Phẩm hạnh, tiết tháo đến mức ấy, như trăng sáng ngời, như lửa cháy mạnh, như vàng ròng, như ngọc đẹp, cũng chẳng phải là tốt lành ư? Nếu ông Tần tích trữ tài vật đôi chút, lúc bị hạ chiếu tống giam, há có thể thoát khỏi ngục tù tiêu sái như thế hay chăng? Oai đức liêm khiết đã vang dội, bọn thái giám đều sợ hãi. Bọn Oai Ninh Bá, Doãn Thượng thư đều cúi đầu xin hắn (Uông Trực) thương xót, riêng ông Tần dùng thân phận viễn thần (遠臣, quan ở ngoài các tỉnh, chẳng trực thuộc triều đình) để bẻ gẫy oai phong của hắn. Than ôi! Thân phận sang hay hèn cố nhiên là do chính ta tự đặt mình vào!"

Đời Tống, Đỗ Diễn là người xứ Sơn Âm, ăn uống tại nhà mỗi bữa chỉ một bát mì mà thôi! Có người nói ông quá tiết kiệm. Ông đáp: "Diễn tôi vốn là một gã học trò nghèo túng, danh vị, phước lộc, mũ đai, quần áo, vật dụng đều là những thứ sở hữu của nước nhà. Một khi chúng lìa khỏi thân, lại là một chàng học trò đói nghèo, lấy gì để tự tiêu dùng? Tiết kiệm là phương cách để liêm khiết. Nếu để cho tài vật và quyền thế cùng nhau bức bách, rất mất tự do. Xa hoa, phung phí, mặc tình tiêu xài, những thứ ấy đều là của cải của đất

nước, dẫu mong liêm khiết có được hay chăng? Vì thế, để thanh liêm không gì bằng dùng cách tiết kiệm. Khi cai trị dân chẳng khác gì lúc chính mình đang ở nhà, dùng tiền tài từ công quỹ dè xẻn giống như dùng tiền tài của chính mình! Như thế thì mới được!"

Một viên quan Bố chánh ở phủ Thiệu Hưng giỏi nghề tham ô, chất chứa tài sản đến mấy chục vạn. Tới khi mất chức quan, quay về nhà bèn mua mười vạn mẫu ruộng tốt, giàu có nhất quận. Ông nội của hắn nhiều lần nằm mộng, bảo hắn sắp bị cõi âm trừng phạt, hắn chẳng tin. Hắn chỉ có một thằng con, một đứa cháu nội, quả nhiên chúng nó đều mê đắm gái gú, cờ bạc, chẳng biết hối cải, đều bị chết yểu. Không lâu sau, viên quan Bố chánh bị bệnh, trở thành tê liệt. Con dâu và vợ đứa cháu của gã quan ấy đều mang tiếng xấu! Những kẻ thừa cơ kiếm chác, bu đến như cò. Quan Bố chánh còn chính mắt trông thấy tình trạng tài sản bị xâu xé ấy. Lúc hắn gần chết, gia sản đã khánh kiệt. Lúc hắn lâm chung, trừng mắt hét ầm lên: "Ta làm quan tới chức Bố chánh chẳng nhỏ, ruộng tới mười vạn mẫu không ít, toàn là do tay ta tậu, mất sạch trong tay ta", nói xong thì chết. Chao ôi, đấy chỉ là hoa báo, quả báo là trong địa ngục, lại chẳng biết sẽ đến mức nào! Lành thay ông Dương Bá Khởi đã nói: "Ta tuy chẳng để lại tài sản đồ sộ cho con cháu, nhưng nếu đời sau gọi chúng nó là "con cháu của một viên quan thanh bạch" thì chẳng phải là ta đã để lại rất nhiều ư?"

Con người dẫu có lỗi, cũng sẽ quanh co che giấu! Nếu đối tượng bị hủy báng là người trong sạch, vô tội, ắt kẻ có ác ý sẽ bịa đặt, rao truyền, dựng chuyện ác độc để gièm chê, hủy báng. Chuyện ấy còn tàn độc hơn dao búa, cọp sói. Bởi lẽ người ta vốn vô tội, nhưng do một kẻ đồn thổi, lũ tiểu nhân sủa hùa theo, khiến cho người nghe mờ mịt, chẳng thể biện định đúng sai, đến nỗi người hiền, kẻ gian nháo nhào, đảo lộn chuyện bị giáng chức hay thăng quan. Bậc quân tử quở trách chuyện này rất sâu! Đức Phật dạy: "Do nghiệp ác khẩu, chết rồi sẽ đọa trong địa ngục binh đao rút lưỡi, còn sống thì bị báo ứng rạch mổ, hình thể tàn tật, hủy hoại!"

Cổ thi có câu:

Sàm ngôn thận mạc thính,
Thính chi họa ương kết,
Quân thính, thần đương tru,
Phụ thính, tử đương quyết.
Phu thê thính chi ly,
Huynh đệ thính chi biệt,
Bằng hữu thính chi sơ,
Cốt nhục thính chi tuyệt.
Đường đường thất xích khu,
Mạc thính tam thốn thiệt,
Thiệt thượng hữu long tuyền,
Sát nhân bất kiến huyết.

(Cẩn thận, đừng nghe gièm,
Nghe rồi, họa ương kết,
Vua nghe, sẽ giết quan,
Cha nghe, con ắt chết.
Chồng vợ nghe, chia lìa,
Anh em nghe, cách biệt,
Bạn bè nghe, lợt lạt,
Ruột thịt nghe, đoạn tuyệt.
Đường đường thân bảy thước,
Nghe chi ba tấc lưỡi?
Trên lưỡi có gươm bén,
Giết người chẳng thấy máu.)

Nỗi hại của gièm chê, hủy báng là như thế đó. Kẻ nghe lời người khác nói, há chẳng nên cẩn thận ư?

Trịnh Tuyên nói: "Lời nói thông tục khiến cho người nghe cảm thấy ở gần chợ búa, lời lẽ nhõng nhẽo khiến ta cảm thấy đang gần bọn kỹ nữ ca xướng. Lời nói đùa bỡn khiến ta cảm thấy như đang ở gần bọn đào kép. Quân tử hễ hơi dính dáng đến những thứ ấy, không chỉ là oai đức bị tổn hoại, mà còn bị giảm phước, huống hồ là nói năng độc mồm độc miệng ư?"

Đời Minh, Trần Lương Mô nói: "Ta xưa kia làm Phân thủ[252] tại huyện Công An, có viên Giáo Dụ[253] họ

252 Phân thủ (分守) là danh xưng để gọi chung các chức vụ Án sát sứ và Án sát phân ty (Giám ty) vào thời Minh.

253 Giáo dụ (教諭) là chức quan trông coi về việc học vấn tại một huyện,

Bạch lên kinh đô thi Hội. Vợ ông ta thích làm lành, từng dùng tên của viên Giáo dụ ấy viết vào văn sớ, cúng thí đạo cô một lượng bạc, và làm chiếc phan thêu kết bằng sợi gai dài một trượng. Khéo sao có đồng nghiệp của ông Bạch đến thăm trông thấy, bèn kinh hãi bảo: "Quan nhà Nho lui tới với đạo cô sẽ gây phiền lụy chẳng nhỏ". Vợ ông Bạch bèn tưởng con đường làm quan của chồng từ đây sẽ chấm dứt, trong tâm phiền muộn. Đến khi Bạch giáo dụ thi rớt trở về, lấy vải gai để cắt áo, cắt luôn tấm phan ấy, bà vợ càng thêm bất an, bèn tự treo cổ chết. Tôi vừa mới nghe chuyện, hỏi thăm viên tri huyện, ông ta kể cặn kẽ mọi chuyện, chẳng có ai không thương xót ông Bạch, buồn cho bà vợ. Về sau, Phủ viện[254] Lâm Nhị Sơn thảo luận về danh sách những quan lại có hiền năng hay không, bảo tôi: "Bạch giáo dụ cưỡng gian vợ đồng sự, vợ ông Bạch cắn nhằn. Ông Bạch bèn ép vợ thắt cổ chết, tội chẳng thể dung không giết!" Tôi bèn kể lại những điều đã nghe được. Trong lúc ông ta trầm ngâm, tôi thưa: "Chẳng hiểu những lời ngài đã nghe trước đó xuất phát từ kẻ nào. Nếu kẻ nói những lời nói đó đúng là bậc quân tử thì còn có thể tin tưởng. Chứ nếu kẻ ấy chẳng phải là người đáng trọng như vậy, xin hãy tìm hiểu thêm". Ông ta lập tức vỗ bàn nói: "Đúng lắm! Đúng lắm", lập

đồng thời trông nom việc tế tự tại Văn Miếu.

254 Phủ viện (撫院): Tiếng gọi tôn xưng quan Tuần phủ.

tức vung bút xóa sạch những lời lẽ kết tội ông Bạch. Về sau, ông Bạch được thăng làm Trợ giáo trường Quốc tử giám, tôi chuyển sang làm quan Niết (Án sát sứ) tại đất Mân (Phước Kiến). Tôi gặp ông Nhị Sơn tại đất Phủ (Phủ Điền), ông chỉ nhà hàng xóm bảo tôi: "Gã họ Ngô ấy từng làm Huấn đạo[255] tại huyện Công An. Kẻ sàm báng ông Giáo dụ họ Bạch chính là hắn. Xưa nay, tâm thuật của hắn bất chánh. Tôi nhờ lời ông khuyên can mà vỡ lẽ. Hắn ta về sau được thăng làm Giáo dụ ở Bình Hương, cũng vì bị đồng liêu sàm báng mà bị bãi chức, về nhà. Qua hồ Bà Dương, thuyền lật, chỉ giữ được cái mạng; nay hắn tịch mịch lắm". Tôi thưa: "Thích bàn chuyện buồng the và các thứ khuyết điểm của kẻ khác, ắt sẽ khiến cho quỷ thần tức giận. Nếu chẳng gặp tai họa lạ lùng, ắt sẽ bị khốn cùng quá đỗi!" Xét ra, ông Huấn đạo họ Ngô sàm báng, bôi đen người trong sạch, báo ứng sẽ không chỉ là như vậy! Nhưng phương pháp để nghe lời nói của kẻ khác sẽ là chỉ nên quan sát phẩm hạnh của người nói, chẳng phải là cũng rõ rệt hay sao?"

255 Huấn đạo (訓導) là chức trợ tá của các chức quan trông coi việc học. Theo quy chế thời Minh - Thanh, người trông coi việc học tại một phủ gọi là Giáo thụ (教授), tại cấp châu thì gọi là Học chánh (學正), còn cấp huyện là Giáo dụ (教諭). Mỗi cấp này đều có nhiều trợ tá, các trợ tá đều được gọi chung là Huấn đạo.

Hủy nhân xưng trực, mạ thần xưng chánh.

毀人稱直。罵神稱正。

Hủy báng kẻ khác, tự khoe bản thân chánh trực. Nhục mạ thần linh, tự xưng mình là chánh đáng.

Bậc sĩ quân tử lập thân xử thế, phải nên giữ sao cho hành vi của chính mình ắt đều chánh trực, chẳng tà vạy, đấy là trực (直). Nếu bản thân chưa thể chánh trực, chỉ lo hủy báng người khác để tự khoe mình là bậc chánh trực thì lương tâm đã bị chôn vùi, há đáng gọi là "chánh trực" ư? Hơn nữa, người chánh trực cõi lòng ắt trung hậu, hễ đáng nên nói liền nói, khiến cho người khác biết sửa đổi. Cốt yếu là lòng thành có thừa mà lời lẽ chẳng đủ để diễn tả. Đó gọi là trực vậy! Những kẻ hủy báng, bôi nhọ tiếng tăm của người khác hòng thỏa cơn tức giận của chính mình, mà vẫn tự xưng là "chánh trực", há chẳng đáng thống thiết căm giận ư? Lão Tử nói: "Người thông minh, xét đoán sâu xa mà gần như lâm vào tử địa là vì thích chê bai, bàn tán kẻ khác". Ông Trình Y Xuyên nói: "Bậc quân tử đối xử với người khác, hãy nên từ chỗ lỗi lầm của họ mà tìm ra chỗ không lầm lỗi, chớ nên từ chỗ không lầm lỗi mà bươi móc lầm lỗi, nhưng xét lỗi mình thì phải nên làm ngược lại". Ôi! Người trong thế gian khẩu nghiệp vô cùng. Vì thế, đức Thái Thượng đôi ba lượt nghiêm ngặt răn nhắc.

Đời Minh, Thị lang Vương Vỹ do Thiếu bảo Vu

Khiêm tiến cử mà được thăng chức. Hắn dò tìm lỗi lầm của ông Vu để ngầm tấu trình hủy báng hòng được tiếng là người thẳng thắn. Khi ấy Cảnh Đế[256] tín nhiệm ông Vu, triệu ông vào cung, trao cho ông bản sớ tấu của Vương Vỹ, ông dập đầu nhận tội. Vua bảo: "Ta tự biết khanh, khanh chớ nên lo buồn". Ông lui ra, Vương Vỹ đón đường thưa hỏi: "Hoàng thượng truyền bảo chuyện gì thế?" Ông chẳng nói. Hắn lại hỏi nữa, ông bèn cười bảo: "Lão phu có chuyện gì không đúng, hãy nên nói thẳng ngay mặt, chẳng cần phải hùa theo, sao mà tàn nhẫn đến thế?" Ông bèn lấy tờ sớ tấu của Vương Vỹ đưa cho hắn coi. Vương Vỹ hoảng sợ khúm núm, không biết làm sao, ông cười an ủi hắn.

Đời Nguyên, Dương Thiết Nhai danh vọng cao trọng cả nước. Ở Lâm Giang, có đền thờ người đàn bà tiết hạnh họ Vương, ông Dương đề thơ rằng:

256 Minh Cảnh Đế (Minh Đại Tông Chu Kỳ Ngọc) chính là em trai của Minh Anh Tông (Chu Kỳ Trấn). Lúc Anh Tông lên ngôi, Chu Kỳ Ngọc được phong làm Thành Vương. Năm Chánh Thống 14, Minh Anh Tông thân chinh đánh giặc Mông Cổ Ngõa Lạt (Oirats), bị bắt làm tù binh tại Thổ Mộc Bảo. Hoàng thái hậu bèn lập Chu Kỳ Ngọc lên làm Giám Quốc. Về sau, nghe lời khuyến cáo, Chu Kỳ Ngọc bèn xưng đế, tôn Minh Anh Tông làm Thái Thượng Hoàng. Do trong bảy năm trị vì, Minh Đại Tông chỉ dùng niên hiệu là Cảnh Thái, nên thường được gọi là Cảnh Thái Đế hay gọi tắt là Cảnh Đế. Khi Anh Tông được quân Ngõa Lạt trả về, Anh Tông đã bị Đại Tông quản thúc tại Diên An Cung. Trong thời gian Minh Đại Tông cai trị, dưới sự phù tá của Vu Khiêm, nhà vua đã đặc biệt chú ý phát triển kinh tế, tăng cường quân đội. Khi Minh Đại Tông bệnh nặng, không thể lâm triều, đại thần Thạch Hanh cùng với các ông Từ Hữu Trinh, Dương Thiện và Tào Cát Tường đã cùng nhau mưu sự, đưa Anh Tông lên ngôi trở lại. Đại Tông bị giam lỏng trong Tây Uyển, một tháng sau thì chết.

Giáp mã đà đà bách lý trình,
Thanh Phong hậu dạ huyết thư thành,
Chỉ ưng Lưu Nguyễn đào hoa thủy,
Bất tự Ba Lăng Hán Thủy thanh.

(*Trăm dặm cặp kè lưng ngựa chiến,*
Thanh Phong đêm thẳm huyết thư đề,
Chỉ nên tận hưởng Thiên Thai thú,
Nhạc Dương sông Hán chẳng trong bằng[257].)

Về sau, ông Dương không có con. Ông mộng thấy một phụ nữ bảo: "Ông làm thơ vịnh tiết phụ họ Vương, tuy chẳng thể tổn hại thanh danh của tiết phụ, nhưng do ôm tấm lòng khắc bạc, trời đã khiến cho ông tuyệt tự".

257 Theo Thọ Khang Bảo Giám, vào thời Tống Đoan Tông, quân Nguyên tấn công Thai Châu, vợ một người dân ở Lâm Hải là Vương thị rất đẹp, bị bọn giặc bắt đem vào trong quân doanh. Gã thiên phu trưởng Mông Cổ giết chết bố mẹ chồng và chồng cô ta, muốn ăn nằm với cô. Cô ta thà chết chẳng thuận theo, giả vờ nói: "Xin cho tôi để tang bố mẹ chồng và chồng một tháng rồi mới có thể hầu hạ bậc quân tử". Gã thiên phu trưởng thấy cô không đòi chết nữa, bèn chấp thuận lời thỉnh cầu, nhưng vẫn sai nữ tù nhân canh giữ cô ta. Hôm quân Nguyên rút lui, hắn mang theo cô ta. Khi đi qua rặng Thanh Phong ở huyện Sơ, Vương thị ngửa mặt lên trời than: "Hôm nay, ta đã có chỗ để chết rồi". Liền cắn ngón tay, [lấy máu] viết thơ lên đá, gieo mình vào vách đá mà chết. Chuyện đã cách nay tám, chín mươi năm, máu trên đá vẫn rõ nét như mới, chẳng bị mưa gió xóa nhòa. Bài thơ của ông Dương mang ý nghĩa hủy nhục, khinh bạc rất lớn, chê trách Vương Thị đã chịu để cho viên tướng Mông Cổ kèm cặp trên ngựa dẫn đi cả trăm dặm, đến cuối cùng mới viết huyết thư liều thân, sao không tiếp tục sống để hưởng lạc thú giống như Lưu Nguyễn vào chốn Thiên Thai. Dẫu có liều thân thì thân đã nhơ uế, đâu có trong sạch như nước dòng Hán Thủy ở Ba Lăng (Ba Lăng là tên gọi cũ của Nhạc Dương).

Ông Dương hối hận, lại làm thơ rằng:

Thiên tùy địa lão, thiếp tùy binh,
Thiên địa vô tình, thiếp hữu tình,
Chỉ huyết khiết khai hà kiệu xích,
Đài ngân hóa tác tuyết giang thanh.
Nguyện tùy tương sắt thanh trung tử,
Bất trục hồ già phách lý sanh.
Tam nguyệt tử quy đề đoạn huyết,
Thu phong vô lệ tả ai minh.

Tạm dịch:

Trời già theo đất, thiếp theo quân,
Trời đất vô tình, thiếp hữu tình,
Máu cắn ngón tay như ráng đỏ,
Sông trinh xanh ngắt vết rêu in.
Nguyện chết theo chồng cho trọn nghĩa,
Chẳng ham sống nhục với quân Hồ,
Tháng Ba chim cuốc gào tan huyết,
Gió thu khôn tả nỗi buồn thương.

Lại mộng thấy người đàn bà nói: "Ông đã hối lỗi, sẽ có con". Quả nhiên, ông sanh một trai. Do vậy, tiên sinh Thiết Nhai tấn tu, chứng đắc quả tiên.

Thông minh chánh trực thì gọi là thần, bậc quân tử hãy nên kính sợ. Thế mà có phường tiểu nhân chẳng

biết kiêng nể, tự xưng là "chánh trực, chẳng tà vạy, có thể khuất phục quỷ thần". Chẳng biết tâm thuật vừa mới dấy mảy niệm, quỷ thần đã thấy rành rành, chỉ tự chuốc lấy tội lệ đó thôi!

Đời Hậu Ngụy[258], Thôi Hạo phụng sự Ngụy Thái Tổ (Thác Bạt Khuê) được sủng ái, đãi ngộ đặc biệt trọng hậu, lần lượt làm quan tới chức Tư đồ. Do chuyện tu chỉnh quốc sử đã phô bày những điều ác của đất nước (tức là phô bày những lỗi ác của hoàng tộc đương triều) mà hắn bị giết chết. Trước đó, Thôi Hạo bài xích, hủy báng Phật pháp. Vợ hắn là Quách Thị kính yêu nội điển (kinh Phật), Thôi Hạo tức giận, giật lấy đem đốt hết, vứt tro kinh vào nhà xí! Tới khi Thôi Hạo bị giam kín, nhốt vào trong lồng giam, bọn giám ngục sai quân lính đái tung tóe lên thân hắn. Từ xưa, những kẻ đã từng đứng đầu các quan khi thất thế, không có ai bị giam cầm, lăng nhục rồi mới giết chết như Thôi Hạo!

Tại Trấn Giang, có một người chủ tiệm bánh họ Vu, đứa con thơ của hắn bị chết vì bệnh đậu mùa. Họ Vu bèn viết đơn thưa, toan dâng lên Thành hoàng tố cáo thần đậu mùa. Vợ hắn đoạt lấy, đem đốt dưới bếp lò. Đến đêm, hắn mộng thấy quỷ tốt bắt đi. Thành Hoàng

258 Hậu Ngụy (386-534) còn gọi là Thác Bạt Ngụy, Bắc Ngụy, hay Nguyên Ngụy để phân biệt với nhà Tào Ngụy của Tào Phi (con trai Tào Tháo). Triều đại này do Thác Bạt Khuê người Tiên Ty sáng lập, lãnh thổ gồm trọn miền Bắc Trung Hoa, kinh đô là Lạc Dương và Trường An.

nói: "Táo Quân trong nhà ngươi đã tâu trình chuyện ngươi có đơn tố cáo thần đậu mùa, ông ta mắc tội gì vậy?" Họ Vu thưa: "Thần đậu mùa đòi được cúng tế mà chẳng toại ý, bèn khiến cho con tôi bị chết". Chốc lát, thần đậu mùa đến, thưa: "Mạng con hắn đã hết, liên quan gì đến tiểu thần?" Thành hoàng phán: "Nghĩ tình tiểu dân vô tri, giao cho Dương tri huyện trách phạt hai mươi gậy, bệnh một tháng". Khi ấy, Dương Thục Đình làm huyện lệnh huyện Đơn Đồ. Ngày hôm sau, hắn ở ngoài tiệm, chống cửa lên, vô tình gây trở ngại, phá nát cái tán che kiệu của quan, bị quan trách phạt hai mươi gậy, nằm mọp trên giường bệnh một tháng mới lành! Quỷ thần và phép vua giúp nhau thành tựu. Vì thế, đắc tội với quỷ thần, sẽ thường là đích thân trái phạm phép vua!

Khí thuận hiệu nghịch, bối thân hướng sơ.

棄順效逆 。背親向疏 。

Bỏ thuận theo nghịch. Phản bội người thân thuộc, chạy theo người ngoài.

Thạch Thước là người nước Vệ đời Chu đã nói: "Vua có nghĩa, bầy tôi trung thành, cha nhân từ, con hiếu thảo, anh yêu thương, em kính mến, đó là sáu điều thuận thảo. Kẻ hèn hạ xâm phạm người tôn quý, kẻ trẻ tuổi hiếp đáp người lớn tuổi, kẻ ở xa ly gián người thân cận, kẻ mới ly gián người cũ, kẻ nhỏ lấn lướt người

lớn, dùng sự dâm uế phá hoại nghĩa lý, đó là sáu điều trái nghịch. Do bỏ điều thuận thảo, noi theo điều trái nghịch, cho nên họa sẽ nhanh chóng đưa tới. Kinh Thư chép: *"Huệ địch cát, tùng nghịch hung"* (Thuận theo đạo trời sẽ dẫn đến sự tốt lành, trái nghịch đạo trời sẽ là hung hiểm). Lại chép: *"Thuận thiên giả xương, nghịch thiên giả vong"* (Thuận theo đạo trời sẽ hưng thịnh, trái nghịch đạo trời sẽ bị diệt vong). Thuận theo ắt sẽ là trung, là hiếu, làm thánh, làm hiền. Trái nghịch thì sẽ là điên cuồng, tàn bạo, tâm tình thay đổi xoành xoạch, là kẻ giặc. Có nghĩa là trong vòng một niệm, họa và phước được phán định khác biệt một trời một vực, há chẳng nên thận trọng ư?"

Triệu Phong Tử là người ở huyện Văn An, Bá Châu có sức mạnh, dũng cảm. Hắn cùng với Lưu Lục và Lưu Thất chia nhau làm cướp. Hắn cướp phá Hà Nam, tiến vào Bí Dương, đào tung hết các mộ phần tổ tiên của Tiêu Phương, nói: "Ta phải tận tay giết thằng giặc này để tạ tội với thiên hạ". Hắn bị quan quân đánh bại, phải chuyển sang cướp bóc tại Lục An. Quan quân lại truy kích, Phong Tử đoạt được độ điệp của một vị tăng, bèn cạo tóc giả vờ làm tăng. Hắn bị bộ tướng Triệu Thành bắt được, chém vụn thành từng miếng! Lưu Lục và Lưu Thất chạy tới Lang Sơn ở Thông Châu, bỗng bão lốc nổi lên dữ dội, bọn giặc bị giết sạch. Phàm trái nghịch có hai loại: Một là bầy tôi

hoặc con cái trái nghịch vua cha, hai là đạo tặc quấy nhiễu làm hại xóm làng. Đối với chuyện kẻ bầy tôi hoặc phận làm con mà trái nghịch thì trong phần nói về "bất trung, bất hiếu" thuộc phần trước đã răn bảo tường tận. Vì thế, ở đây chuyên nói về những kẻ dấy loạn, làm giặc, hòng mọi người sẽ an phận, noi theo lý mà giữ vẹn thân mạng vậy!

Phản bội thân thuộc, chạy theo người ngoài, không chỉ là một mối. Như dối lừa, chống trái cha mẹ, hoặc ỷ thế nhà vợ mà đối đãi thân thuộc của cha mẹ không theo lẽ chánh đáng, đối đãi nồng hậu với thân thuộc bên vợ, nhưng so đo từng ly từng tý với anh em. Đặc biệt đối xử khảng khái với bạn bè, người ngoài, chẳng đoái hoài họ hàng của chính mình đói lạnh, bần hàn, mạo nhận bạn bè, người ngoài mới là thân tộc của chính mình. Phàm những kẻ bạc bẽo đối với những người đáng nên đối xử trọng hậu, hậu đãi những người đáng nên đối xử sơ sài, đều thuộc trong phạm vi của lời răn này. Khổng Tử bảo: *"Bất ái kỳ thân nhi ái tha nhân giả, vị chi bột đức. Bất kính kỳ thân, nhi kính tha nhân giả, vị chi bột lễ"* (Chẳng yêu thương cha mẹ mà yêu thương người khác thì gọi là trái nghịch đức. Chẳng kính trọng cha mẹ mà kính trọng người khác thì gọi là trái lễ). Nay những kẻ bội nghịch người thân, thuận theo những kẻ có mối quan hệ chẳng thân thiết, nếu chẳng vì ân oán mà xử sự theo tình cảm riêng tư thì là do thuận theo

tình cảm thường tình nồng ấm hay lạnh nhạt, trái đức, nghịch lễ quá đỗi! Đấy là trọng tội căn bản, sẽ bị báo ứng rất nặng!

Chu Thông do nhiều lần thi cử nhân chẳng đậu, bèn sang Tiếu Quận nhận viên Đô Lại[259] là Chu Cát làm cha, hằng ngày tự xếp mình vào hàng ngũ các đứa con ruột của ông ta. Hết thảy những kiêng kỵ về tên húy của ba đời tổ tiên đều dùng theo nhà họ Chu. Năm sau, nhờ đó mà hắn thi đỗ cử nhân, chẳng trở về nhà. Cha hắn viết bài thơ trách móc, Chu Thông hổ thẹn mà chết.

Đời Minh, Bạch Hy không có con, chẳng nuôi cháu làm kẻ thừa kế, mà nuôi một đứa con của một gã đồ tể. Về sau Bạch Hy chết, có người khách ban đêm ngủ lại nhà ấy. Trong đêm nghe có tiếng chân bước vội, người ấy bèn ngồi dậy, từ khe cửa nhìn ra thấy mấy người đàn ông, đàn bà lẩn quẩn mong ngóng, dường như có vẻ đói khát. Lại thấy một người eo cài con dao mổ, khật khưỡng tiến vào, chốc sau vỗ bụng đi ra. Mấy người đàn ông, đàn bà chùn chân nói: "Khổ quá! Thôi rồi, lại chẳng được ăn", thảm não lui ra. Đến sáng, người

259 Đô lại (都吏) còn gọi là Đốc bưu (督郵), là chức quan Phụ tá Thái thú (người đứng đầu một quận), đặc trách giám sát quan lại có xứng đáng với chức vụ hay không, kiêm nhiệm chưởng quản những vấn đề về dịch trạm (chuyển giao công văn), hình ngục. Về sau, do hành chánh phức tạp, mỗi quận đều có nhiều viên Đô lại để coi một phân khu trong quận. Các chức vị phụ tá của Đô lại bao gồm Đốc bưu duyện, Đốc bưu thư duyện v.v…

khách hỏi đầy tớ, đầy tớ đáp: "Đêm qua chủ nhà cúng bái tổ tiên". Do vậy, người khách vỡ lẽ: "Kẻ cầm con dao mổ chính là cha ruột của chủ nhà. Mấy người đàn ông, đàn bà chính là tổ tiên nhà họ Bạch và vợ chồng Bạch Hy". Người khách ấy than thở, ra đi.

Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoài. Dẫn thần minh nhi giám ổi sự. Thí dữ hậu hối, giả tá bất hoàn.

指天地以證鄙懷。引神明而鑒猥事。施與後悔。假借不還。

Chỉ trời đất thề thốt làm chứng cho lòng dạ xấu xa. Viện dẫn thần minh hòng chứng giám chuyện tồi tệ. Cho rồi lại hối, vay mượn không trả.

Trời đất vô tư, thần minh chánh trực, thuận theo sẽ tốt lành, trái nghịch sẽ hung hiểm. Báo ứng như tiếng vang, đã chú tâm kinh sợ vẫn còn phải dè chừng phạm tội, huống hồ dám chỉ trỏ trời đất, viện dẫn thần minh hòng chứng giám những chuyện bại hoại, bỉ ổi, cũng chẳng phải là khinh nhờn lắm ư? Há lẽ nào trời đất, thần minh chịu giúp con người làm ác ư? Những kẻ hở ra là chỉ trời, vạch đất thề thốt, viện dẫn thần minh làm chứng chỉ là tự nhanh chóng chuốc họa vậy!

Nhà của Trương Trung tụ tập toàn hạng người bất mãn, hung tợn. Cha con, anh em, mẹ chồng và con dâu, chị em dâu hở ra là xô xát, tranh chấp. Họ thường hô trời gọi đất, chỉ trỏ thần minh hòng muốn

biểu lộ bản thân trong sạch. Đến khi mỗi gia đình tách ra riêng, sự tranh chấp càng quá đáng, ai nấy cầu cúng thần, nguyền rủa lẫn nhau. Từ đó, yêu quỷ lộng hành ngày càng nhiều, bệnh tật nhiều lần phát sanh. Trong vòng mấy năm, cả nhà gần như chết sạch!

Đời Minh, Liên Trì đại sư nói: "Thế tục hứa nguyện, như các chuyện cầu có con, cầu thọ, cầu giải nguy, cầu công danh, cầu tài lộc v.v… chớ nên hứa nguyện mổ giết những con vật để đáp tạ. Đó gọi là ác nguyện, tạo oan nghiệt, chẳng có công hiệu gì! Cho đến hứa may áo bào cho thần tượng, hứa may phan, hứa tạo điện phủ, hứa dâng cúng đồ thờ đều chớ nên. Chỉ nên cốt sao giữ tấm lòng trang nghiêm Phật pháp, nguyện cho khắp chúng sanh thu nhiếp cái tâm kính sợ, chớ nên có lòng cầu phước. Ấy là vì đại bi bình đẳng thì gọi là Phật, chánh trực chẳng thiên vị là thần. Nếu ai chỉ có lòng riêng tư cầu phước, há có lẽ nào trời đất quỷ thần vì được hối lộ mà giáng điều cát tường hay chăng? Dựa theo lý để luận định, chỉ cốt yếu là chính mình trọn hết tấm lòng, rộng hành các điều thiện, trung hiếu, hòa thuận, thương người nghèo, mến người già, giúp người gặp tai nạn, giúp đỡ kẻ khổ, kiêng giết phóng sanh, làm các thứ âm chất, mọi điều phương tiện tùy theo khả năng, tận hết sức nỗ lực thực hiện, do công năng của điều thiện cảm vời, tự nhiên phước sẽ giáng xuống. Nếu chẳng làm lành, chỉ sanh lòng cầu nguyện,

mong mỏi, đó chính là hoài bão hèn tệ, là chuyện bỉ ổi, khinh nhờn thần minh". Bảo khắp người đời hãy nên dốc lòng tin tưởng lời này.

Chuyện thí xả là chuyện lập công nhanh chóng nhất, ắt phải ưa thích làm lành chẳng mỏi mệt thì mới có tiến bộ. Dẫu tài lực chẳng đủ không thể tiếp tục thực hiện, vẫn cần phải nên thường giữ tấm lòng ấy. Huống hồ có nên nảy sanh lòng keo kiệt, chôn vùi ý niệm ban đầu ư? Chưa cho đã hối hận, ắt chẳng có kết quả do thí xả. Đã cho rồi hối hận, tức là chẳng còn thí nữa, tàn hại lòng nhân nghĩa là cội gốc của tâm bệnh. Vì thế, đức Thái Thượng chẳng nhắc đến sự tốt lành của thí xả, chỉ nói về lẽ ác của việc "đã cho rồi hối hận". Bởi lẽ, chuyện được thánh nhân khen ngợi nhất chính là "hướng thiện, sửa lỗi", điều bị các ngài ghét nhất không gì bằng "chẳng làm lành đến cùng".

Kẻ đã thí xả rồi sau đó hối hận, xét đến thuở đầu sẽ thấy rốt cuộc là chẳng do chân tâm thích làm lành, bất quá là nhất thời cao hứng cầu danh, mong được phước đó thôi. Chỗ khởi nguồn đã trật, sao không hối hận về sau cho được? Nếu là chân tâm thí xả, ta và người đều không, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi này. Do vậy, người làm lành chẳng thể không dốc sức biện định nơi một niệm vừa mới chớm nảy.

Phù Nhã thích bố thí cho người khác, kẻ ăn mày

bâu đầy trước cửa. Ông thường nói: "Tài vật trong thiên hạ vô định. Hôm nay giàu, mai sau nghèo, giống như chiếc vòng xoay mãi. Nếu một ngày chẳng thí, ắt lòng chẳng vui sướng". Người thuở ấy nói: "Chẳng thèm giàu như Quyền Hưng, thà nghèo như Phù Nhã". Về sau, ông làm quan tới chức Thượng thư lệnh, con cháu càng giàu có hơn.

Lưu Khoan thích thí cho người nghèo túng, khốn khó, vất vả, chẳng mỏi mệt. Về sau, ông được Thái Thượng Lão Quân thu nhận, giữ chức vụ Đồng sơ Phủ Soái Thượng Hầu, chưởng quản những người mới đắc đạo.

Vĩnh Thanh Sử chánh trực. Khi dựng nhà, đào đất tìm được mấy vạn lượng bạc. Ông thở dài nói: "Tiền tài là tánh mạng của con người. Đã do trời ban cho, há nên hưởng riêng?" Phàm những chuyện có thể giúp đỡ, chu cấp kẻ nghèo khổ, túng thiếu, hay đang gặp nguy cấp, không gì ông chẳng làm. Về sau gặp năm mất mùa, ông bỏ ra tám vạn thạch gạo để cứu tế dân đói. Chẳng lâu sau, đạo tặc nổi dậy như ong, ông lại bỏ ra tài sản để bảo vệ xóm làng. Quan viên tâu lên, ông được triều đình ban quan chức, và lập bia biểu dương. Ông thọ chín mươi bốn tuổi, con cháu đông đảo.

Trương Hiến Khả ở Vũ Tấn, tánh nhân từ, thích bố thí. Ông đã từng thí ba ngàn cỗ quan tài xong xuôi,

lại tiếp tục thí. Ông mướn những người ăn xin chôn cất những xác chết vô thừa nhận trên đường, cứ mỗi xác sẽ trả công chừng đó tiền. Kẻ ăn xin mỗi khi thấy có tử thi trên đường đều vui mừng, cho đó là nguồn tiền. Từ ấy, trong huyện chẳng có thi hài bị phơi sương dãi nắng. Ông lại nấu thuốc cao để thí cho người bệnh hoạn. Lúc lạnh thì nấu cháo thí cho người đói ăn. Ông nói: "Đã chôn người chết, há chẳng nên cứu người sống ư?" Hai con trai ông thi đỗ, được phong chức tước. Mất mùa là thiên tai, kẻ cùng khốn là do số mạng. Cứu người gặp tai ương chính là tấm lòng của trời đất; tạo nên số mạng là sở học của thánh hiền. Mấy vị ấy dùng lòng thành để thí xả, cho nên được phước thọ, phú quý, con cái nối dòng. Lại còn được siêu sanh về chốn lành, lý là như vậy đó.

Hề Bách Tam vốn là một người nghèo, ngẫu nhiên gặp một đạo nhân đến xin tại một tiệm buôn. Chủ tiệm buôn không cho. Bách Tam sờ lưng chỉ còn một đồng, bèn cho vị đạo nhân ấy. Đêm hôm đó ông mộng thấy đạo nhân trừ bỏ bướu thịt cho mình. Đến khi tỉnh giấc, cái bướu thịt dưới cằm quả nhiên rụng mất. Thí một đồng mà rốt cuộc được lìa đau khổ. Có thể thấy là bố thí chẳng quan trọng là ít hay nhiều, mà là do tấm lòng. Người đời hãy nên tự mình nhất tâm tận lực thực hiện, khuyên người khác cùng làm, còn e là chậm chạp, huống hồ có nên hối hận ư?

Vay mượn là để chuyển từ người sẵn có cho đến người chẳng có, hòng giúp đỡ trong cơn túng ngặt, vốn là chuyện tốt đẹp. Người vay mượn chịu ân đức của người cho mượn chẳng nhỏ, há nên cậy mạnh, ngoan cố, viện vào mánh khóe giảo hoạt để thoái thác, trốn nợ ư? Nào có biết chưa trả xong nợ cũ, chết rồi sẽ phải đền bồi. Nhẹ thì làm nô tỳ cho họ (chủ nợ), nặng thì sẽ làm lừa, ngựa, trâu, chó để đền bù, cũng đáng sợ thay!

Phàm mượn vật dụng của người ta, phải nên chú ý quý tiếc, giữ gìn. Mượn vật dụng của người khác, nếu chẳng phải là bất đắc dĩ, đừng nên mượn. Mượn rồi dùng xong, hãy ngay lập tức trả lại. Như thế thì không chỉ là người ta chẳng chán ghét, mà chính mình cũng chẳng hổ thẹn. Còn như vay nợ tiền bạc, càng phải nên trả lại người ta sòng phẳng. Đời nay, đa số thường là vay mượn không chịu trả, chẳng nghĩ tiền tài ấy chẳng phải là tiền tài của ta, dẫu có giữ rịt thì rốt cuộc nó cũng mất đi. Tiền tài đã chẳng còn, chỉ còn nợ đọng lại, có lợi ích gì chăng? Xin hãy suy nghĩ!

Mùa thu năm Mậu Ngọ (1678) đời Khang Hy nhà Thanh, một cư dân ở Yên Kinh (Bắc Kinh) là Trương Nguyên nuôi một con lừa, mỗi ngày đi được hai trăm dặm. Nó thích cắn, đá người khác, chỉ có ba người cha con họ Trương cưỡi lên, ắt nó vâng chịu, chứ người khác chẳng thể cưỡi được. Ngẫu nhiên, một người họ Dương bèn thử mượn, rất dễ dàng cưỡi nó, bèn cưỡi đi.

Đã trả lại, ban đêm họ Dương mộng thấy một người áo đen nói: "Tôi là con lừa của họ Trương. Đời trước tôi đã mượn ông ba trăm đồng không trả, nay sẽ bồi thường. Ngày hôm qua, ông cưỡi tôi đi hai trăm tám mươi dặm, xin hãy cưỡi tôi thêm hai mươi dặm nữa cho xong nợ của tôi". Ông Dương hỏi: "Ngươi thiếu họ Trương bao nhiêu tiền?" Người ấy chau mày nói: "Nhiều lắm! Chẳng thể nói". Ông Dương tỉnh giấc, quả nhiên lại mượn lừa cưỡi đi. Đi khá xa, lừa bỗng lồng lên, quăng ông Dương xuống đất. Tính đường đi, quả nhiên là hai mươi dặm, họ Dương càng lấy làm lạ hơn, khuyên nhủ: "Ta biết nguyên do ngươi quăng ta xuống đất rồi, nhưng nay còn cách nhà ta mười dặm nữa. Không cưỡi ngươi thì làm sao có thể về cho được? Ta trở về, sẽ dùng mười đồng mua cỏ cho ngươi ăn được không?" Con lừa đứng đó, nhìn ông ta một lúc lâu, sau đó lại ngoan ngoãn lên đường. Sau đấy, ông Dương cố ý muốn thử, vừa mới tới gần thì lừa liền đá, cắn, hí dài!

Ông Chu Tại Am nói: "Có kẻ do nghèo mà quỵt nợ, có kẻ giàu mà quỵt nợ. Do nghèo mà quỵt nợ là vì không đủ sức. Nếu dựa theo Trung Giới Kinh hãy nên tha thiết nghĩ đền trả, tự nhiên sẽ không phạm lỗi. Còn như có đủ sức trả mà không trả, nếu chẳng phải là phường cậy oai, ỷ thế, chắc chắn là hạng mê muội thiên lý, chôn vùi lương tâm, nào có biết đời đời kiếp

kiếp phải đền trả cho hết nợ mới xong!"

Lái buôn họ Ngô ở An Huy giữ tín nghĩa; lúc lâm chung, dặn hai đứa con: "Một ngàn lượng vàng ta sở hữu trong hiện tại đều là do vay mượn từ họ Phù. Con phải thanh toán từng khoản một, thà chịu đói rét, chớ làm kẻ phụ bạc tấm lòng người khác đã tử tế cho vay". Con ông ta đều vâng lời cha dạy, trả sạch nợ xong, nghèo khổ, không thể trông cậy vào đâu được. Bỗng từ một cái giếng cạn, họ tìm được hai ngàn lạng bạc, trên mỗi nén bạc có khắc niên hiệu đời Đường. Họ đóng cửa, giấu kín, chẳng có ai biết. Hôm sau, bỗng có người từ huyện bên cạnh tới nói: "Các ông có phải là con của ông Ngô hay không?" "Thưa phải!" Người ấy nói: "Các ông phát tài rồi! Hôm trước, tôi do bị bệnh, đến phủ Đông Nhạc, thấy có vị thần giải tiền từ ty Tài Bạch tới, tự xưng là thần giếng và suối". Vị chủ quản bảo: "Đây là số bạc từ trong nội khố (kho tiền trong cung) của nhà Đường. Thượng đế do thấy ông Ngô phân minh đối với chuyện tiền bạc, con ông ta khắc khổ tuân theo chí cha, bèn ban cho họ khoản tiền này, khiến cho họ suốt đời được hưởng sự đại phú". Tôi tỉnh lại lấy làm lạ, vì thế đến thưa hỏi. Anh em họ Ngô kinh ngạc, kể thật mọi chuyện. Hiện thời trong họ Ngô những người giàu to rất nhiều, toàn là con cháu của ông Ngô vậy.

Phận ngoại doanh cầu. Lực thượng thi thiết.
分外营求。力上施設。
Cầu mong quá phận. Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác.

Con người do chẳng nương theo bổn phận, chỉ cho rằng "do toan tính mong cầu sẽ được lợi ích", cũng ngỡ là "phú quý hay bần tiện trong đời người là nhất định, chẳng thay đổi". Tài vận do đã được ghi chép trong cõi âm, cho nên cõi dương có thể hưởng dụng, đều là do túc nghiệp, há có thể toan tính mong cầu quá phận ư? Vọng tâm tham niệm, mong mỏi sẽ do may mắn mà đạt được, không chỉ là vô ích, lại còn sợ rằng do tình chấp hư vọng mà bị giảm phước! Sao chẳng lãnh hội câu nói của Mạnh Tử: *"Cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mạng"* (Có phương cách để cầu, nhưng đạt được hay không là do vận mạng), hoặc ý chỉ *"nhất thiết phước điền bất ly phương thốn"* (hết thảy phước điền chẳng rời khỏi cái tâm) của Lục Tổ vậy?

Đời Đường, vào đầu niên hiệu Trường Khánh[260], huyện úy Tân Bình là Bùi Phác chết. Người anh họ bên ngoại là Hoa Nguyên ở trọ tại Lũng Hữu, trên đường gặp một vị quan võ, các kỵ sĩ theo hầu rất đông. Vị quan ấy chính là Bùi Phác. Hoa Nguyên kinh ngạc, mừng rỡ hỏi: "Huynh lìa cõi đời, làm chức quan võ gì thế?" Bùi Phác nói: "Tôi giữ chức Tây Xuyên Soát

260 Trường Khánh là niên hiệu của Đường Mục Tông (Lý Hựu).

Lược Sứ, chuyên trông coi sự tăng giảm của tiền tài trong thế gian. Một hớp uống, một miếng ăn của người đời, không gì chẳng đã định sẵn, huống hồ tài vật ư? Âm ty ghi chép, hạn định tiền tài của mỗi cá nhân có mức hạn. Nếu vượt quá hạn mức ấy sẽ tước đoạt bớt (刷掠, soát lược) khiến cho kẻ ấy hoặc là tự hao phí, gặp chuyện ngang trái, hoặc buôn bán lỗ vốn, hoặc do bệnh tật mà tiền của tiêu tán, đều là do tôi trông coi về sự tước đoạt vậy. Trong thế gian, nhà nông siêng năng cầu thóc gạo, lái buôn siêng năng bèn phát tài, kẻ sĩ do siêng năng mà có lộc, chỉ đạt được những gì vốn có trong phận mình, không thể tăng thêm những thứ gì chẳng có trong phận mình. Không siêng năng thì ngay cả những thứ vốn nên có trong vận mạng cũng bị mất đi. Ông gặp tôi cũng là tiền định. Ông đáng có hai cân bạch kim. Cho ông quá con số ấy, sẽ lại bị đoạt mất. Vì thế, chẳng dám hậu đãi ông". Nói xong, biến mất.

Lưu Hàng khá giỏi văn chương, tự cho rằng sẽ có thể sớm chiếm địa vị cao trên bảng vàng. Khi ấy, Dực Thánh Chân Quân[261] giáng bút tại núi Chung Nam. Do

261 Dực Thánh Chân Quân có danh hiệu đầy đủ là Dực Thánh Bảo Đức Chân Quân. Theo Đạo giáo, trong niên hiệu Kiến Long đời Tống Thái Tổ, một người dân ở huyện Châu Chí, thuộc phủ Phụng Tường, tên là Trương Thủ Chân vào núi Chung Nam, gặp một vị tiên tự xưng là Cao Thiên Đại Thánh Ngọc Đế Phụ Thần vâng lệnh Ngọc Đế phù tá nhà Tống, xưng danh là Hắc Sát Thần. Vị thần ấy dạy ông ta cách lập đàn cầu khẩn. Sau khi lên ngôi, Tống Thái Tổ đã sai lập Thượng Thanh Thái Bình Cung để thờ vị thần ấy, gia phong tước hiệu là Dực Thánh Chân Quân.

vậy, Lưu Hàng đến thưa hỏi, Chân Quân bảo: "Văn chương của ông tuy hạng khá, nhưng mạng lại cạn cợt, mỏng manh. Nếu an phận, náu mình sẽ có thể bình an trong những năm còn lại. Quá mức mong cầu ắt sẽ dẫn đến tổn thọ". Lưu Hàng chẳng thể nghe theo, rốt cuộc chẳng thành đạt gì mà chết! Phàm là chuyện đỗ đạt, rạng mày nở mặt tổ tông, phước ấm cho con cháu, há có thể dùng trí xảo để toan tính mưu cầu mà đạt được ư? Hãy nỗ lực vun bồi âm chất, sẽ có thể đặt để công danh trong chỗ chẳng thấy, chẳng nghe (cõi âm), há có nên mong cầu quá phận ư? Đối với tiền tài cũng thế.

Trương Thuyết cáo lão hồi hương, đóng cửa chẳng ra ngoài. Từ đấy chuyện công hay tư bên ngoài, ông đều chẳng can dự bất cứ chuyện nào. Ông càng đề cao tiết kiệm, nêu gương tiết kiệm cho con cháu. Ông từng có lời dạy được viết rõ trên tấm bình phong như sau: "Khách đến thăm, giữ lại mời dùng cơm, hãy tiết kiệm, đơn giản sao cho hợp với tình người. Món ăn tùy theo những gì có sẵn trong nhà mà khoản đãi, trái cây tùy theo mùa mà dọn ra. Dẫu là hàng thân thích mới đến, chẳng bày cỗ bàn thịnh soạn, dẫu khách quý cũng chẳng làm thịt các con vật. Không chỉ nhằm răn ngừa thói xa xỉ đã lâu, mà còn nhằm tránh khỏi phiền não hòng sống an vui".

Trương Củng Thần nói: "An vui giữ phận nghèo, tiêu xài tiết kiệm hòng khỏi phải cầu cạnh người khác,

bớt việc cho lòng thanh thản. Mong cầu quá lố chỉ là chuốc khổ, phước được hưởng trong đời người trời đã an bài. Dư dả, nghèo túng, cùng quẫn hay hanh thông đều được định sẵn trong mạng. Dẫu dùng trí xảo có thể đạt được thì cũng là do thời vận đưa đến. Hiểu thấu suốt điều then chốt này, sẽ có thể đạt được bao nhiêu tự tại. Đợi cho đủ thì ai có thể đủ? Để ngưng dứt mong cầu quá lố, hãy buông xuống".

"Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác" có nghĩa là đối với những gì sức mình có thể làm được, bèn tận hết sức ra oai, bày cách nhằm đạt mục đích, chẳng còn chừa lại chút nào, cứ ắt sao cho chẳng đạt đến tận cùng sẽ chẳng thôi. Đó chính là như câu nói "buồm mở hết cỡ căng gió, lại thêm tám mái chèo".

Đời Lưu Tống, Hề Hiển Độ làm quan tới chức Viên ngoại Tán kỵ Thị lang. Tống Hiếu Vũ Đế từng sai hắn đôn đốc những người làm tạp dịch cho chánh quyền, hắn hà khắc bạo ngược, vô đạo. Hở ra là đánh đập, đấm đá, tháng Hạ mưa dầm, trời Đông tuyết đổ, chẳng cho họ nghỉ ngơi chút nào! Người ta chẳng chịu nổi, có kẻ phải tự sát. Về sau, Hiển Độ cũng do mắc tội mà bị giết chết.

Học sĩ Tiền Hạc Than ở Hoa Đình kiến tạo phủ đệ trong vùng rừng rậm. Những phu phen lao dịch phải phục vụ rất vất vả, khổ sở, người làng cũng vì đó mà

ngã bệnh. Một công nhân chẳng thể đi làm lao dịch, ông giận dữ, quở trách. Người công nhân thưa rằng: "Xưa kia quan Đề Hình[262] họ Hoàng kiến tạo phủ đệ, tôi vì phải làm lao dịch mà thành bệnh. Nay nhà ông Hoàng đã dột nát, tường vây sụp đổ, mà bệnh tôi vẫn chưa lành, vì thế tôi không thể đến phục dịch được". Ông Tiền nghe nói, vỡ lẽ, bèn thôi công tác ấy. Những kẻ có chức vị mà bày vẽ, chèn ép dân chúng, kẻ phú quý bày trò bóc lột kẻ nghèo hèn, cố nhiên đã phạm vào điều răn của đức Thái Thượng. Còn như kẻ dùng năng lực của con người để chèn ép, bóc lột súc sanh thì cũng là chuyện chớ nên. Như trâu, lừa trong cày cấy, hoặc ngựa, la để cưỡi, nếu chẳng phải do ta từ trước đã tu phước báo mà có, ắt những con vật ấy là những kẻ đã thiếu nợ ta. Hãy nên yêu thương, chăm sóc, khi sử dụng chúng, đừng vắt kiệt sức chúng, chớ nên nói: "Súc sanh thuộc loài khác so với con người, ta muốn làm gì thì làm" ư?

Dâm dục quá độ.
淫慾過度。
Dâm dục quá độ.

Các tà duyên kết hợp ở bên ngoài (quan hệ trai gái bất chánh ngoài hôn nhân), khiến cho đạo đức diệt

262 Đề hình (提刑) gọi đầy đủ là Đề điểm hình ngục công sự, là chức quan được đặt ra từ thời Bắc Tống, đặc trách tư pháp tại các châu, kiêm nhiệm giám sát và chưởng quản nông nghiệp, tầm tang. Dinh thự của chức quan này thường được gọi là Hiến Ty. Đến đời Minh - Thanh, chức vụ này được đổi thành Đề hình án sát sứ.

tuyệt, lương tâm bị chôn vùi. Vì thế, đức Thái Thượng đã buông lời răn dạy trong phần trước. Còn như đối với chánh sắc (正色, chuyện ăn nằm chánh đáng) giữa vợ chồng càng cần phải có chừng mực. Nếu nói "chánh sắc chẳng phải là dâm", há có tránh khỏi cái họa sát thân do buông lung tình dục? Bởi lẽ, nguyên tinh[263] trong thân người được phân bố trong tam tiêu[264], tươi nhuận trăm mạch. Khi lửa dục vừa dấy động, nguyên tinh bèn tụ hợp lại, lưu chuyển đổ vào thận tạng, đều phát xuất từ mạng môn[265], do vĩ lư[266] chẳng bị ngăn chặn, biển xanh sẽ bị kiệt quệ[267], tột bậc đáng sợ! Phàm

263 Nguyên tinh (元精) theo nghĩa gốc chính là tinh khí của trời đất. Cổ nhân quan niệm: Con người do bẩm thụ nguyên khí ấy mà được sanh thành như Vương Sung đã viết trong bộ Luận Hành: *"Thiên bẩm nguyên khí, nhân thọ nguyên tinh"* (Nguyên khí vốn sẵn có trong trời đất được con người lãnh thọ mà thành nguyên tinh).

264 Tam tiêu (三焦) tuy được xếp vào một trong ngũ tạng, nhưng thật ra nó gồm có ba phần là thượng tiêu, trung tiêu, và hạ tiêu. Thượng tiêu là phần ngực ở phía trên hoành cách mô (thoraci diaphgram), tức là phần bao gồm tim và phổi. Trung tiêu là phần dưới hoành cách mô cho đến phía trên phần eo, bao gồm tỳ (tụy tạng) và bao tử. Hạ tiêu là phần còn lại bao gồm thận, bàng quang, gan, ruột v.v…

265 Mạng môn (命門): Theo Nạn Kinh, chữ "mạng môn" chỉ quả thận bên phải. Trong Nạn Kinh, phần Tam Thập Lục Nạn có chép: *"Tả giả vi thận, hữu giả vi mạng môn. Mạng môn giả chư thần tinh chi sở hàm, nguyên khí chi sở hệ. Cố nam dĩ tàng tinh, nữ tử dĩ hệ bào"* (Bên trái gọi là thận, bên phải là mạng môn. Mạng môn là chỗ chứa đựng thần và tinh, duy trì nguyên khí. Vì thế, đàn ông thì phải chứa tinh (đừng phung phí tinh), đàn bà phải giữ cẩn thận tử cung).

266 Vĩ lư (尾閭, còn có tên gọi là trường cường) là một huyệt đạo nằm ở xương cụt, phía trên hậu môn. Vĩ lư có nghĩa gốc là "chỗ quy tụ của các dòng nước biển". Theo Trung y, huyệt vĩ lư có tác dụng khống chế hai mạch nhâm và đốc.

267 Câu này có nghĩa là mỗi lần hành dâm, tinh, khí, thần đều bị hao tán, tức là nguyên tinh trong hai mạch nhâm và đốc cũng bị hao tổn. Nếu phóng túng

nhân hễ tinh đầy đủ thì thần sanh, tinh và thần đầy đủ thì trí khôn sanh, dẫn đến trí thông minh được tăng cường, củng cố, có chuyện gì mà chẳng làm thành công? Nếu tuổi thiếu niên trác táng, anh khí tiêu mất, sự nghiệp suốt cả một đời cũng bị mất theo!

Người suốt đời bệnh tật luôn luôn là do bắt đầu từ thuở tân hôn. Tuổi trẻ vô tri, thường là dục tình chẳng có chừng mực. Do hành dâm nhiều mà thành chứng lao tổn, suy nhược, thậm chí chết yểu, liên lụy vợ phải chịu nỗi khổ góa bụa. Chẳng nghĩ do hôn nhân mà vợ chồng trở thành quyến thuộc trăm năm, suốt đời bầu bạn. Tội gì buông lung trong vòng một tháng, gieo thành gốc họa suốt đời? Lúc con em sắp kết hôn, cha anh hãy nên ra rả răn nhắc chuyện này!

Tục ngữ có câu: *"Lạc cực sanh bi, túng dục thành hoạn"* (Vui quá hóa buồn, phóng túng lòng dục thành bệnh). Lại có câu: *"Quả dục tất đa nam, tham dâm mỗi vô hậu"* (Ít dục, ắt phần nhiều sanh con trai; tham dâm thường không có con). Khổng Tử bảo: *"Huyết khí vị định, giới chi tại sắc"* (Khi huyết khí còn chưa ổn định (đang trong tuổi phát triển của thanh thiếu niên), phải kiêng dè sắc dục). Lão Bành nói: "Người thuộc bậc thượng thì vợ chồng ngủ khác giường, bậc trung thì đắp khác mền. Uống trăm viên thuốc, chẳng bằng ngủ

trong chuyện ân ái, tinh, khí, thần bị hao tán đến nỗi không kịp sanh ra để bù đắp, giống như nước biển bị cạn kiệt.

một mình". Đức Phật dạy: "Nữ sắc là cội gốc của các nỗi khổ, là cội gốc của chướng ngại, là cội gốc của sát hại, là cội gốc của ưu sầu". Kinh Hoàng Đình[268] chép: "Hãy gấp gìn giữ tinh thất, đừng tiết tinh bừa bãi. Hãy bế tinh hòng bảo đảm có thể sống lâu". Quả thật là vì dâm dục dẫn đến tình cảnh "diệt tánh, vong thân". Có kẻ ngấm ngầm hứng chịu nỗi hại này mà chẳng hay biết. Có kẻ biết rõ nỗi hại này nhưng chẳng đoái hoài! Do vậy, thánh hiền phải khăng khăng răn nhắc. Phàm phu chẳng hay biết, cứ buông lung chẳng kiêng kỵ, mang khí phận dâm uế, chọc giận quỷ thần. Đủ mọi nỗi bất tường do đấy mà ra. Nguyện khắp mọi người, hãy kịp thời rất nhẫn nại chế ngự dâm niệm, ngõ hầu đạt được phép tắc kéo dài mạng sống. Nếu không, cái thân sẽ chết chắc, chẳng thể cứu được!

---

268 Hoàng Đình (黃庭) thật ra là hai bộ kinh trọng yếu của Đạo giáo, tức Thái Thượng Hoàng Đình Nội Cảnh Ngọc Kinh và Thái Thượng Hoàng Đình Ngoại Cảnh Ngọc Kinh. Hai kinh này xuất hiện vào thời Ngụy - Tấn, được xếp vào phần Động Huyền trong Chánh Thống Đạo Tạng. Nội dung chỉ cách tu luyện tinh, khí, thần. Nội Cảnh được phái Thượng Thanh rất coi trọng, tôn xưng kinh này là kinh điển căn bản để tu luyện nội đan. Theo đa số các nhà chú giải, Hoàng Đình có nghĩa là Trung Ương; nếu hiểu theo cơ thể, thì mỗi bộ vị đều có một vị thần cư trú. Hoàng Đình là nơi cư trú của vị thần chủ tể, trung ương, còn Hoàng Đình cụ thể ở đâu thì mỗi nhà có mỗi thuyết khác nhau. Do là kinh điển căn bản của cách tu nội đan, nên kinh Hoàng Đình rất được Đạo gia coi trọng. Thậm chí có người tin tưởng chỉ cần tụng kinh Hoàng Đình thì cũng có thể thành tiên. Do vậy, trong các bộ tiểu thuyết cổ của Trung Hoa, mang nặng tánh chất thần thoại, hay chép những chuyện như cây tre, cây thông, thậm chí những cái mõ gỗ, những cái linh bằng đồng lâu đời, do nghe đạo sĩ tụng kinh Hoàng Đình bao nhiêu năm bèn biến thành yêu quái!

Nhậm Huệ Cung tuổi già càng thêm mạnh khỏe, cứng cáp. Có người hỏi ông về thuật dưỡng sanh, ông đáp: "Tôi đọc bộ Văn Tuyển[269] ngộ một điều: Do đá chứa ngọc mà núi rạng rỡ, do nước chứa châu mà đẹp đẽ", chính là nói đến ý này (tiết chế dâm dục).

Trình Y Xuyên coi chuyện quên thân theo đuổi dục vọng là điều sỉ nhục sâu xa. Đến tuổi bảy mươi, gân sức của ông Trình chẳng kém lúc trẻ tuổi.

Lý Giác đã trăm tuổi, sắc diện như trẻ thơ. Người ta hỏi bí quyết, ông đáp: "Do tôi sớm tuyệt dục".

Lưu Nguyên Thành đã tám mươi mà cứng cáp, mạnh mẽ, tự nói chính mình đã quả dục ba mươi năm, huyết khí lẫn tinh thần vẫn như thuở trẻ.

Vị hòa thượng họ Chu ở Lô Lăng đã chín mươi mấy tuổi, đi đường xa vùn vụt như bay, râu tóc chẳng bạc. Sư nói chẳng có thuật chi khác, chỉ là lúc tuổi trẻ đã có thể tiết dục.

---

269 Văn Tuyển (文選) có tên gọi đầy đủ là Chiêu Minh Văn Tuyển, là một bộ sách tổng tập về thơ văn của Trung Hoa cổ đại. Bộ sách này do Chiêu Minh Thái tử Tiêu Thống (con trai Lương Vũ Đế) đã lãnh đạo các văn nhân hữu danh thuở ấy biên soạn. Tác phẩm này gồm có sáu mươi quyển, bao gồm những tác phẩm nổi tiếng tính từ thời cổ cho đến thuở ấy, bao gồm đủ thể loại phú, thơ, tao (chẳng hạn như Ly Tao), chiếu, sách, lệnh, giáo, văn, biểu, thư, khải v.v… So với Ngũ Kinh, Văn Tuyển được người đọc sách hâm mộ đến nỗi người đời Tống còn nói: *"Văn Tuyển lạn, tú tài bán"* (Văn Tuyển hư nát thì tú tài chỉ còn một nửa). Tác phẩm này được chú giải rất nhiều.

Trương Thúy ở Thái Thương chín mươi mấy tuổi, tai mắt thông tỏ, vẫn còn có thể vẽ vời. Người ta hỏi bí quyết, ông bảo: "Bình thời tôi chỉ mỏng nhẹ lòng dục, có chừng mực về chuyện tình dục".

Người đã già mà cứng cáp mạnh mẽ, chính là chuyện vui bậc nhất trong đời người, nhưng nguyên do dẫn đến tình trạng già cả mà khỏe mạnh ấy bất quá là giảm thiểu, giữ chừng mực về dâm dục đó thôi! Người ta có khó gì mà chẳng tuân theo pháp tắc ấy? Bành Tổ[270] nói: "Mỗi tháng xuất tinh hai lần, một năm xuất tinh hai mươi bốn lần. Đấy là phương cách giữ chừng mực, thận trọng vậy". Tố Nữ[271] nói: "Người sống đến tuổi sáu mươi hãy nên bế tinh, đừng xuất

270 Bành Tổ (彭祖) tên thật là Bành Tiễn, là một người theo truyền thuyết sống rất thọ. Đạo giáo coi ông là hóa thân của Nam Cực Tiên Ông. Tương truyền, ông sống đến tám trăm tuổi. Ông là "lai tôn" (cháu đời thứ năm, ta thường gọi là "chít") của vua Chuyên Húc. Cha ông là Lục Chung, con trưởng của Ngô Hồi, mẹ là Nữ Khoái (em của thủ lãnh bộ tộc Quỷ Phương). Do Bành Tổ khéo nấu canh gà được vua Nghiêu ưa thích, nên Lục Chung được phong ở đất Đại Bành; do vậy, con cháu đều mang họ Bành. Bành Tổ từng làm quan cho các triều đại Hạ, Thương, và Chu.

271 Tố Nữ (素女) tức là Cửu Thiên Tố Nữ, còn gọi là Bạch Thủy Tố Nữ, là một vị nữ thần trong truyền thuyết của Trung Hoa cổ đại, sống cùng thời với Hoàng Đế. Bà giỏi âm nhạc, biết rành về đạo âm dương, tinh thông phòng trung thuật. Bà cùng với Huyền Nữ (Cửu Thiên Huyền Nữ) làm thầy của Hoàng Đế. Tương truyền bộ Tố Nữ Kinh là những lời dạy bảo của bà dành cho Hoàng Đế về phòng trung thuật. Có một truyền thuyết về đàn cầm (cổ cầm) như sau: Vua Thần Nông chế ra đàn cầm có năm dây. Hậu nhân cải tiến dần dần, biến thành đàn cổ cầm có năm mươi dây. Tố Nữ giỏi đàn cầm, nhưng những khúc nhạc của bà quá bi thiết, Hoàng Đế nghe rồi buồn bực, bèn chặt cây cổ cầm của Tố Nữ làm đôi; do vậy, đàn cổ cầm chỉ còn hai mươi lăm dây.

tinh. Đấy là phương pháp để ngăn ngừa nguy cơ. Làm như thế thì chẳng phế nhân đạo, mà cũng chẳng hao tổn nguyên dương". Tôi cho rằng vào thời Bành Tổ và Tố Nữ, bẩm tánh của con người khá thuần hậu, cho nên hai vị nói như thế. Còn như hiện thời, thuần phong mỹ tục đã nhạt nhẽo quá mức, há nên chấp những lời ấy là lẽ thường! Huống chi kẻ nguyên khí yếu ớt, há chẳng càng bội phần thận trọng ư?

Đời Minh, có người họ Từ ở Cù Châu, dung mạo đẹp đẽ, có tiếng là tài năng. Chưa đầy hai mươi tuổi, họ Từ đã đỗ tiến sĩ, được bổ làm Tiết thôi[272] ở phủ Tùng Giang. Thân thích, bạn bè đều hâm mộ. Nhưng anh ta háo sắc, nuôi những cô thiếp yêu tột bậc xinh đẹp đến mười mấy nàng. Do hành dục phóng túng vô độ, anh ta đến nhậm chức hơn một tháng, nguyên tinh hư hao, thất thoát mà chết. Các nàng thiếp đều được gả cho người khác!

Chàng họ Ngu ở huyện Ngân phong thái đẹp đẽ, nhưng ưa dâm dục. Một tối, chàng ta mộng thấy Thành hoàng trách phạt, tính toán những lần chàng ta phạm tội gian dâm, đánh cho mấy chục roi. Đến khi chàng ta tỉnh giấc hai chân đều tím bầm, sau đó rữa nát. Chàng nằm bệnh hơn một năm rồi chết.

Muôn điều ác, dâm đứng đầu. Trăm điều thiện,

272 Tiết thôi (節推) là gọi tắt của chức Tiết độ sứ thôi quan, tức vị quan phụ tá của Tiết độ sứ, chuyên lo về thẩm vấn, tra án, quản trị giam giữ, lao tù.

hiếu đứng đầu. Đấy chính luật lệ sắt đanh nơi điện Sâm-la[273], tức là quỷ thần chuộng hiếu, mà cũng ghét dâm cùng cực. Tuy có thể lọt lưới dương gian, luật lệ trong cõi âm chẳng sai chạy. Con người há có nên cố ý phạm vào điều quỷ thần căm ghét ư? Vì thế, từ xưa những kẻ hoang đàng, đam mê nữ sắc, chẳng có kẻ nào không mất mạng, tan nhà! Còn như kẻ đã có tuổi càng chẳng nên nạp tiểu thiếp, bởi lẽ ta đã chẳng quản họ được, họ càng hận ta đặc biệt sâu! Oán khí tích tụ ắt ta sẽ bị tổn đức, tiêu phước. Hơn nữa, họ trẻ tuổi tánh chất, tình cảm khó uốn nắn theo khuôn khổ, sẽ càng có những chuyện nghiêm trọng hơn, chứ không chỉ là như thế, há chẳng nên kiêng tránh ư? Huống chi bóng mặt trời đã khuất dần sau núi, sáng tối thật sự khó thể giữ mình, lại vội vàng cầu quỷ sứ đến áp giải, ngu chi hơn nữa?

Ghi thêm: Tu thân lập mạng giới kỳ (những ngày nên kiêng hành dâm để tu thân lập mạng) của tiên sinh Tần Chuyết Am

1) Tháng Giêng:

Mùng một tháng giêng được gọi là Thiên Lạp, Ngũ Đế[274] so lường thần khí và lộc mạng của nhân dân.

273 Theo Đạo giáo, cung điện của vua Diêm-la (Diêm Vương) được gọi là Sâm-la điện (森羅殿). Chữ Sâm-la thường bị đọc trại thành Sum-la.

274 Ngũ Đế là năm vị Đại Đế trong Đạo giáo. Những vị này đã được thờ phụng từ Đời Chu. Năm vị ấy chính là Đông Phương Thanh Đế Linh Oai Ngưỡng,

Kẻ phạm sắc dục trong ngày này sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Mồng ba: Vạn thần nhóm họp, lại là ngày Bắc Đẩu Thất Tinh giáng hạ. Kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mồng năm là ngày Ngũ Hư[275]. Mồng sáu: Lục Hao[276]. Mồng bảy: Thượng hội. Mồng chín: Thiên đản[277]. Mười bốn: Tam Nguyên[278] giáng hạ. Mười lăm: Tam Nguyên giáng hạ nhân gian, đồng thời là ngày khánh đản của Thượng Nguyên Thiên Quan. Kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Hai mươi bảy: Bắc Đẩu Thất Tinh giáng hạ. Hai mươi tám: Các vị nhân thần tụ hội tại cõi âm; kẻ phạm dâm sẽ bị bệnh ngặt. Mỗi tháng đều như thế. Ngày ba mươi: Tư Mạng Táo Quân tấu trình thiên đình. Kẻ phạm dâm bị giảm thọ một năm. Mỗi tháng đều như thế. Nếu như gặp tháng thiếu thì là ngày hai mươi chín.

2) Tháng Hai:

Nam Phương Xích Đế Xích Tiêu Nộ, Trung Ương Hoàng Đế Hàm Xu Nữu, Tây Phương Bạch Đế Bạch Chiêu Cự, và Bắc Phương Hắc Đế Diệp Quang Kỷ.

275 Ngũ Hư (五虛) là năm chứng bệnh, thường gọi là năm hư chứng do tinh khí tại ngũ tạng bị hư tổn. Theo sách Tố Vấn, thiên Ngọc Cơ Chân Tạng Luận, mạch nhỏ yếu, da lạnh, thở yếu ớt, tiết tinh dầm dề đồng thời với thổ tả, chẳng ăn uống được thì gọi là Ngũ Hư. Hoặc có thể hiểu đơn giản hơn, Ngũ Hư là tim, phổi, gan, tỳ, thận đều bị hư tổn. Ngũ Hư không chữa trị thì sẽ chết.

276 Lục Hao (六耗) là ngày có thể bị cảm nhiễm bởi sáu thứ bệnh do các yếu tố âm, dương, sáng, tối, gió, mưa theo Đông y.

277 Thiên đản (天誕) là sinh nhật của Ngọc Hoàng Thượng Đế.

278 Tam Nguyên (三元) còn gọi là Tam Nguyên Đại Đế, hoặc Tam Quan Đại Đế, tức Thượng Nguyên Thiên Quan Tứ Phước, Trung Nguyên Địa Quan Xá Tội, và Hạ Nguyên Thủy Quan Giải Ách. Ngày vía của họ tương ứng với ba ngày Rằm lớn trong năm (tháng Giêng, tháng Bảy và tháng Mười).

Mùng Một: Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm, mỗi tháng đều như thế. Lại còn là ngày vía của Lưu Chân Quân[279]. Mồng ba: Vía Văn Xương Đế Quân. Phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Ngày ấy còn là ngày vạn thần nhóm hội, và Bắc Đẩu giáng hạ. Ngày Rằm: Vía Thái Thượng Lão Quân. Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Tám: Ngày mất của Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử. Phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Mười Chín: Khánh đản của Quán Âm Đại Sĩ. Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ngày Hai Mươi Mốt: Khánh đản Phổ Hiền Bồ-tát. Ngày Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám và Ba Mươi: Giống như trong phần trên.

3) Tháng Ba:

Mùng Một: Giống như phần trên. Mồng ba: Vía Nguyên Đế[280], phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm;

---

279 Lưu Chân Quân, còn gọi là Lưu Chân Nhân. Ông họ Lưu, tên Tư Kính. Thuở trẻ, thích uống rượu, chuộng thuật trường sanh. Đến lớn, ông sang chơi Tứ Xuyên, được Linh Bảo Trần Quân truyền dạy bí quyết luyện đan, thực hành phép tu Hỗn Nguyên; sau đấy, vào núi Long Sơn làm đạo sĩ, có đạo hiệu là Chân Không Tử.

280 Nguyên Đế ở đây chính là Huyền Thiên Thượng Đế, tức Huyền Vũ Đại Đế, hoặc gọi đầy đủ sẽ là Bắc Cực Trấn Thiên Chân Vũ Huyền Thiên Thượng Đế Ngọc Hư Tổ Sư Kim Khuyết Hóa Thân Đãng Ma Vĩnh Trấn Chung Kiếp Tế Khổ Thiên Tôn. Vị này còn được gọi là Nguyên Thiên Thượng Đế, Khai Thiên Thượng Đế, hoặc Bắc Cực Hựu Thánh Chân Quân, hoặc Hắc Đế, là thần thống trị phương Bắc theo Đạo giáo, tương ứng với Huyền Vũ trong tứ phương và là hóa thân của Bắc Cực Tinh. Vị này được thờ phụng như thần bảo hộ thành

lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng chín: Ngưu quỷ thần xuất hiện, phạm dâm sẽ sanh ra ác thai[281]. Ngày rằm: Khánh đản của Hạo Thiên Thượng Đế[282]. Lại là ngày vía của Nguyên Đàn[283], phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười sáu: Khánh đản Chuẩn Đề Bồ-tát, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười tám: Vía Trung Nhạc Đại Đế[284]. Mười chín: Vía Nhật Cung Thái Dương Tinh Quân, phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Hai mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai mươi tám: Vía Đông Nhạc Đại Đế[285], phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Lại là thánh đản của Thương Hiệt[286]. Ba mươi: Giống như trên.

Thăng Long (Hà Nội), và nơi thờ ngài được gọi là đền Trấn Vũ, hay gọi nôm na là Quán Thánh, và đã bị đọc trại thành đền Quan Thánh.

281 Theo ông Hoàng Bách Lâm, "ác thai" là thai nhi chết trong bụng mẹ, hoặc bị dị tật nặng nề, có sanh ra cũng khó nuôi sống được.

282 Hạo Thiên Thượng Đế là danh xưng khác của Ngọc Hoàng Thượng Đế (còn gọi là Thiên Hoàng Đại Đế, Thái Nhất, Hạo Thiên Huyền Khung Thượng Đế, Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân Cao Thiên Thượng Thánh Đại Từ Nhân Giả Ngọc Hoàng Xá Tội Tứ Phước Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế), là vị thần tối cao trong tam giới, nhưng vẫn thấp hơn Tam Thanh (Ngọc Thanh, Thái Thanh và Thượng Thanh). Đạo giáo coi vị này là một vị tôn thần do Tam Thanh ứng hóa.

283 Nguyên Đàn (元壇) chính là Triệu Huyền Đàn, là vị Vũ Tài Thần trong Đạo giáo. Ông còn được gọi là Triệu Nguyên Soái (Triệu Công Minh).

284 Vị này là thần cai quản Trung Nhạc tức Tung Sơn, tôn hiệu đầy đủ là Trung Nhạc Tung Sơn Trung Thiên Sùng Thánh Đại Đế, là một vị trong Ngũ Nhạc Đại Đế, chủ trì khảo hạch thiện ác.

285 Vị này có tôn hiệu là Đông Nhạc Thái Sơn Thiên Tề Nhân Thánh Đại Đế, đứng đầu năm vị Ngũ Nhạc Đại Đế, chưởng quản sự sống chết, sang hèn của người trong cõi trần, đồng thời là cấp trên của Thập Điện Diêm Vương.

286 Thương Hiệt (蒼頡) là người được coi là đã sáng tạo ra chữ Hán. Đạo

4) Tháng Tư:

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Bốn: Khánh đản Văn-thù Bồ-tát, lại là ngày vạn thần khuyến hóa điều thiện, kẻ phạm dâm sẽ bị câm. Mồng Tám: Khánh đản Phật Thích-ca, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Lại là ngày Thiện Ác Đồng Tử giáng hạ, kẻ phạm dâm sẽ bị chảy máu đến chết. Mười Bốn: Vía Lữ Tổ. Ngày Rằm: Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mỗi tháng đều như thế. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

5) Tháng Năm:

Mùng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Năm là ngày Địa Lạp[287], là ngày Ngũ Đế khảo hạch quan tước của người đời, kẻ phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Mười Một: Vía Đô Thành Hoàng (thành hoàng cai quản kinh đô). Mười Ba: Vía Quan Đế (Quan Thánh Đế Quân), phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Ngày mồng Năm,

---

giáo tôn xưng ông là Thương Hiệt Tiên Sư, Chế Tự Tiên Sư, Chế Tự Tiên Thánh, hoặc Thương Hiệt Chí Thánh. Tương truyền, ông có đến bốn con mắt. Ông làm quan Hữu Sử của Hoàng Đế.

287 Địa Lạp là một trong năm ngày Lạp của Đạo giáo. Theo sách Vân Cấp Thất Thiêm, Đạo giáo định ra năm ngày cúng tế cầu phước trong một năm, gọi là Ngũ Lạp, bao gồm Thiên Lạp, Địa Lạp, Đạo Đức Lạp, Dân Tuế Lạp và Hầu Vương Lạp. Thiên Lạp là ngày mồng Một tháng Giêng.

mồng Sáu, mồng Bảy, Rằm, Mười Sáu, Mười Bảy, Hai Mươi Lăm, Hai Mươi Sáu, Hai Mươi Bảy trong tháng này được gọi là ngày Cửu Độc, kẻ phạm dâm trong những ngày ấy sẽ bị chết yểu. Nếu hành dâm trong giờ Tý ngày Rằm thì trong vòng ba năm, nam lẫn nữ đều chết. Ngày Mười Sáu lại là thời khắc để vạn vật được sanh thành trong đời nhất, kỵ hành dâm nhất. Ngày Hai Mươi Bảy lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

6) Tháng Sáu:

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Rằm: Giống như trên. Mười Chín: Quán Âm đắc đạo. Hai Mươi Ba: Vía Hỏa Thần. Hai Mươi Bốn; Vía Lôi Tổ[288]. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

7) Tháng Bảy:

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Bảy: Đạo Đức Lạp, lại là ngày Trung Hội. Mười Ba: Khánh đản Đại Thế Chí Bồ-tát. Rằm: Vía

288 Lôi Tổ là cách gọi tắt của dân gian đối với vị thần Cửu Thiên Ứng Nguyên Lôi Thanh Phổ Hóa Thiên Tôn trong Đạo giáo. Vị này chưởng quản Ngũ Lôi (Thiên Lôi, Địa Lôi, Thủy Lôi, Thần Lôi, và Xã Lôi). Thuộc hạ dưới quyền là Cửu Thiên Lôi Môn Sứ Giả. Về nguồn gốc của vị này, có nhiều thuyết, phổ biến nhất là thuyết nói vị này do Trường Sanh Đại Đế hóa thân, thuyết thứ hai nói vị này là hóa thân của Hoàng Đế, nhằm trấn áp yêu ma, chưởng quản sấm sét.

Trung Nguyên Địa Quan, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Chín: Thái Tuế[289]. Hai Mươi Hai: Vía Tăng Phước Tài Thần[290]. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

8) Tháng Tám:

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Vía Tư Mạng Táo Quân, cũng là ngày vía Bắc Đẩu, và là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mồng Mười: Vía Bắc Nhạc Đại Đế[291]. Rằm: Giống như trên, lại là ngày Thái Âm Triều Nguyên (Trung

289 Theo Đạo giáo, có tất cả sáu mươi vị thần lần lượt chưởng quản nhân gian mỗi năm. Sáu mươi vị thần ấy tương ứng với chu kỳ sáu mươi năm của một Hoa Giáp (tức là mười Thiên Can phối hợp với mười hai Địa Chi thành sáu mươi năm). Tùy theo vũ khí hoặc dụng cụ cầm trong tay của mỗi vị thần ấy (thường gọi là Trị Niên Thái Tuế hoặc Tuế Quân) mà người ta có thể dự đoán tình hình trong năm ấy. Chẳng hạn như năm Mậu Thìn, Thái Tuế là Triệu Đạt đại tướng quân, mang hình rồng, hai tay cầm rồng; năm Quý Dậu, Thái Tuế là Khang Chí đại tướng quân, có hình gà, tay cầm cờ lệnh v.v…

290 Tăng Phước Tài Thần còn gọi là Tăng Phước Chân Quân, hoặc Tăng Phước Tướng Công. Theo Đạo giáo, vào thời Bắc Ngụy, tại núi Ngũ Tùng thuộc Truy Châu, quan huyện lệnh Khúc Lương là Lý Quỷ Tổ liêm chánh, đạo đức, yêu dân như con, thường bỏ hết bổng lộc để thí xả nhân dân. Sau khi chết, ông được dân chúng tôn thờ thành thần. Về sau, ông trở thành thủ hạ của Đông Nhạc Đế Quân đặc trách xét đoán công và lỗi của người mới mất. Cho đến đời Đường, ông được sắc phong là Tài Bạch Chân Quân, rồi được phong là Thần Quân Tăng Phước Tướng Công. Đến đời Nguyên lại được phong là Phước Thiện Bình Thí Chân Quân.

291 Vị này có tên gọi đầy đủ là Bắc Nhạc Hằng Sơn An Thiên Huyền Thánh Đại Đế, là thần núi của Hằng Sơn, trông coi sông, ngòi, hồ, suối, biển cả, cũng như các loài hổ, báo, rắn rết, độc thú v.v…

Thu), hãy nên dâng hương, thức đêm. Hai Mươi Bảy: Sinh nhật Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử. Kẻ phạm dâm sẽ bị tước lộc, giảm thọ mười hai năm. Lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

9) Tháng Chín:

Mồng Một: Giống như trên, lại là ngày vía Nam Đẩu. Mồng Ba: Vía Ôn Thần, lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Chín: Vía Đẩu Mẫu. Từ ngày mồng Một tới mồng Chín là ngày cửu hoàng đản (ngày vía của chín vị Hoàng đế)[292], phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Rằm: Giống như trên. Mười Bảy: Vía Kim Long Tứ Đại Vương[293]. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên, lại là ngày khánh đản Phật Dược Sư.

---

292 Phong tục thờ phụng này thịnh hành tại phương Nam Trung Hoa, thường gọi là Cửu Hoàng Thắng Hội. Cửu Hoàng (còn gọi là Cửu Vương Gia, Cửu Vương) là chín vị thần tinh tú. Có nhiều thuyết, phổ biến nhất là thuyết cho rằng: Cửu Hoàng là chín vị tinh quân thuộc về tinh tòa Bắc Đẩu, tức Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân, cộng thêm Tả Phù và Hữu Bật. Thông thường, Đạo giáo tin chín vị tinh quân ấy do Đẩu Mẫu sanh ra.

293 Kim Long Tứ Đại Vương vừa là thần núi Kim Long tại tỉnh Chiết Giang vừa là thủy thần tại khu Tào Vận tỉnh ấy. Tương truyền, ông là ẩn sĩ Tạ Tự sống vào thời Tống. Khi nhà Nam Tống bị diệt, ông đã để lại di huấn: "Sống đã chẳng thể báo đền đất nước, chết sẽ cầu khẩn Thượng đế" rồi nhảy xuống sông tự sát, nên được tôn thờ thành thần. Sau khi chết, thân thể trôi ngược dòng, tấp vào chân núi Kim Long, nên được thờ làm thần núi tại đó. Vì ông là con thứ tư trong gia đình, nên gọi là Kim Long Tứ Đại Vương.

10) Tháng Mười:

Mồng Một: Dân Tuế Lạp. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng năm: Hạ hội, cũng là ngày vía tổ Đạt-ma. Mồng Mười: Tây Thiên Vương giáng hạ. Kẻ phạm dâm sẽ chết trong vòng một năm. Rằm: Vía Hạ Nguyên Thủy Quan, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Hai Mươi Bảy: Vía Bắc Cực Tử Vi Đại Đế, lại là ngày Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

11) Tháng Mười Một:

Mồng Một: Giống như trên. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Mồng Sáu: Vía Tây Nhạc Đại Đế. Mười Một: Vía Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn. Rằm: Giống như trên. Mười Bảy: Khánh đản A-di-đà Phật, phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm. Mười Chín: Vía Nhật Cung Thái Dương Thiên Tôn. Hai Mươi Lăm: Lược Soát Đại Phu giáng hạ. Người phạm dâm trong ngày ấy sẽ gặp hung hiểm. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Giống như trên.

12) Tháng Mười Hai:

Mồng Một: Vương Hầu Lạp. Mồng Ba: Bắc Đẩu giáng hạ. Rằm: Giống như trên. Mười Sáu: Vía Nam

Nhạc Đại Đế[294]. Hai Mươi Mốt: Vía Thiên Do Thượng Đế[295]. Hai Mươi Bốn: Tư Mạng Táo Quân lên trời. Hai Mươi Lăm: Tam Thanh Ngọc Đế đồng giáng hạ. Hai Mươi Bảy: Bắc Đẩu giáng hạ. Hai Mươi Tám: Giống như trên. Ba Mươi: Chư thần giáng hạ, xem xét thiện, ác; kẻ phạm dâm sẽ bị giảm thọ mười hai năm.

Ngày vía của thần thánh rất nhiều, ở đây, chỉ chép những ngày trọng yếu. Nếu có thể đều vâng giữ, ắt sẽ có thể đạt đến thượng thọ. Nếu không thể tuân thủ trọn hết, thì như trong ghi chú trên đây, *"đoạt kỷ"* là giảm thọ mười hai năm. Kẻ vi phạm luật răn cấm đừng hành dâm trong những ngày kiêng kỵ, chắc chắn sẽ bị rút ngắn tuổi thọ. Lại trong những ngày Tứ Lập (Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông), Nhị Phân (Xuân Phân và Thu Phân), Nhị Chí (Hạ Chí và Đông Chí), Xã Nhật (ngày cúng tế thần thổ địa), ngày Tam Phục[296], ngày Giáp Tý, Canh Thân, ngày Bính Tý, Bính Đinh, ngày thượng huyền (trăng non) và hạ huyền (trăng khuyết), sinh nhật của cha mẹ, tổ tiên, ngày giỗ, sinh

294 Nam Nhạc Đại Đế có tên gọi đầy đủ là Nam Nhạc Hành Sơn Tư Thiên Chiêu Thánh Đại Đế, là thần núi Hành Sơn.

295 Thiên Do Thượng Đế là một trong Bắc Cực Tứ Thánh của Đạo giáo, tức là bốn vị chân quân ở phương Bắc. Bắc Cực Tứ Thánh bao gồm Thiên Bồng Đại Nguyên Soái Chân Quân, Thiên Do Phó Nguyên Soái Chân Quân, Dực Thánh Bảo Đức Trừ Khánh Chân Quân, và Chân Vũ Linh Ứng Hựu Thánh Chân Quân. Bốn vị này đều là thuộc hạ của Bắc Đế (Huyền Thiên Thượng Đế).

296 Tam Phục là ba thời kỳ được coi là nóng nhất trong năm. Theo Âm lịch, từ sau tiết Hạ Chí cho đến ngày Canh thứ ba sẽ là Sơ Phục; ngày Canh thứ tư gọi là Trung Phục, từ sau Lập Thu cho đến ngày Canh thứ nhất là Hạ Phục.

nhật của chính mình, ngày bổn mạng của tổ tiên, cha mẹ, bản thân, ngày gió to, mưa lớn, nóng gắt, rét đậm, sấm sét, chớp nhóa, trời đất tối tăm, ngày nhật thực và nguyệt thực, ngày cầu vồng đỏ, động đất v.v… Đối với chỗ có thần linh trong núi, sông, đàn xã tắc, nơi giếng, nơi bếp… dưới đèn đuốc mà có kẻ phạm dâm sự, hoặc có chuyện say sưa, ăn no, mừng, giận, ưu, sầu, bi ai, hoảng sợ, trước khi có thai, sau khi sanh nở, hoặc lúc có kinh nguyệt, những ngày được coi là thiên kỵ, địa kỵ, nhân kỵ, hễ phạm phải, lớn thì là giảm lộc, giảm thọ, hoặc sanh con không nuôi được, hình thể chẳng đầy đủ, nhỏ thì là bệnh tật khốn khó, hung hiểm, thân thể tổn thương, chịu khổ. Hãy nên cẩn thận!

Tâm độc mạo từ, uế thực ủy nhân, tả đạo hoặc chúng.

心毒貌慈。穢食餧人。左道惑眾。

Lòng dạ thâm độc, ra vẻ hiền lành. Cho người khác ăn thực phẩm dơ. Bàng môn tả đạo dối đời.

"Tâm độc" đã khiến cho người khác chẳng chịu đựng nổi, "mạo từ" (貌慈, diện mạo giả vờ hiền lành) lại khiến cho kẻ khác chẳng thể lường được! Không ai chẳng tránh né cọp sói, sợ rắn rết, vì những loài ấy độc địa. Nếu tâm địa độc ác, diện mạo giả vờ nhân từ, vờ vĩnh rất thân thiện với kẻ khác, khiến cho kẻ khác thân cận, hạng người ấy sẽ mặc

sức nhả độc, khiến cho kẻ khác chẳng kịp đề phòng. Hạng người ấy hiểm độc càng quá đáng hơn cọp sói, rắn rết. Họ chết đi sẽ đọa trong tam đồ nhanh chóng như tên bay, đời đời chuốc lấy quả báo, chịu khổ vô cùng, chẳng nên kiêng tránh ư?

Thái Nguyên Độ[297] đối với khách vẻ mặt luôn tươi hơn hớn. Dẫu là kẻ bị hắn căm ghét, vẫn đối xử thân thiết trọng hậu, chẳng sơ sót, người khác chẳng lường được, gọi hắn là Tiếu Diện Dạ Xoa (quỷ dạ-xoa mặt tươi cười). Về sau, hắn mắc tội chết trên đường lưu đày. Hạng người này chỗ nào cũng có, chúng ta hãy cư xử theo đúng nghĩa lý, đối đãi lễ độ đối với họ. Hễ một mực bình đẳng để đối phó, dẫu họ độc hại, làm sao có thể ảnh hưởng đến ta cho được!

Vu Thiết Tiều nói: "Phàm kẻ nào mắt thường nhìn xuống, chẳng nói lời nào, nhưng ở giữa hai mày, trọn chẳng có khí chất đạo đức ngưng tĩnh, nhân từ, an tường, ắt là kẻ tâm địa độc ác. Chọn bạn để chơi thì hãy nên tránh xa hạng người này! Xưa kia có một vị tăng, ngủ giữa ban ngày có vị thần từ mũi thoát ra, hóa thành một con rắn độc đen đúa uốn éo bò đi, ai nấy đều trông thấy. Khi kẻ đó chết, khắp thân nứt

297 Thái Nguyên Độ tên thật là Thái Biện, là em trai của gian thần Thái Kinh (Tể tướng nhà Tống), là con rể của Vương An Thạch. Về sau, hắn bất hòa với Thái Kinh, bị Thái Kinh hủy báng, gièm pha, vu cáo, phải bị biếm làm tri huyện tại Hà Nam. Do giao du thân thiết với yêu đạo Trương Hoài Tố, hắn bị trị tội, giáng chức.

toác, đều biến thành da rắn, đấy chính là hạng người như thế đó. Nếu có thể tự biết sự độc hại ấy, thống thiết gột rửa, như lương y trị liệu ung loét, trừ sạch chất độc ấy mới thôi, chưa hề không thể nhập đạo! Nhưng đối với kẻ chẳng chịu làm như vậy thì biết làm sao được nữa, thật đáng buồn thay!"

Uế thực (穢食, đồ ăn bẩn thỉu) là do nấu nướng chẳng sạch sẽ, hoặc là đã bị trùng bò qua, chuột gặm, hoặc để qua đêm tới sáng, màu sắc và hương vị đã biến đổi. Ăn vào đủ để gây bệnh, khiến cho người khác bị tổn thương. Nếu đem thức ăn ấy cho người ta ăn ắt người ta sẽ nổi cáu, mà thần cũng căm ghét. Còn như kẻ làm tôi tớ cho người khác, lãng phí nước, các thứ tương, nấu món ăn quá nhiều, thức ăn bị hư dơ bèn đổ đầy nhà xí, càng là tạo thành nỗi oan nghiệt to lớn. Tội ấy quá nửa quy về gia chủ, há chẳng nên răn nhắc lẫn nhau ư?

Tại thành phố Hàng Châu, có một con ngỗng quay bị rắn độc bò quanh. Một vị thầy dạy vỡ lòng cho trẻ trông thấy, nghĩ "đem ngỗng cho người ta ăn ắt sẽ bị trúng độc". Ông ta tính mua, nhà hàng nói giá hai trăm đồng. Trong tay thầy chỉ có một trăm đồng, lại vay tiền từ người hàng xóm thân thiết, mua ngỗng xong cùng nhau đi chôn. Lúc đào đất, nhặt được một thỏi vàng tía to lớn. Người hàng xóm quen biết bèn nói: "Vàng này do ta giấu". Chủ tiệm ăn cũng nói: "Là

vàng do ta đánh mất". Khéo sao quan huyện vừa đến, quan hỏi han sự tình, thở dài: "Rõ ràng đĩnh vàng ấy là do thiện niệm cảm vời, các ngươi muốn tranh đoạt mối lợi ấy, đều là hết sức trái nghịch lòng trời". Do vậy, phạt hai gã ấy bị đánh trượng, giao vàng cho vị thầy dạy trẻ vỡ lòng.

Gã X… ở Hoài An gian hiểm xảo trá, thích đùa bỡn, từ trong nhà bắt được chuột con chưa mọc lông, bèn nghiền nát, ướp bã rượu (hèm) để gạt khách ăn, bảo là "đồ biển". Những chuyện giống như vậy chẳng phải chỉ một. Về sau hắn bị kẻ thù bắt giữ, trói vào thân cây, bắt ăn phân của người, thú, chim chóc. Chẳng ăn bèn đánh đập tàn nhẫn, ép ăn trọn hết mới thôi! Làm ác mắc quả báo đều là giống như thế.

Viên nha lại ở Kiền Châu tên là Lý Cơ cho vay nặng lãi. Hắn có một đứa đầy tớ chuyên đi đòi nợ. Hễ đòi không được thì sẽ trói người thiếu tiền vào thân cây, dùng nước phân rưới lên. Do làm như vậy nên thu được một ngàn đồng. Bỗng sấm sét đánh gã đầy tớ ấy ngay trước chùa Phổ An, tiền hắn giắt ở thắt lưng đều khảm vào thịt, da phủ lên trên. Câu chuyện này không chỉ cảnh cáo kẻ xấu, mà cũng nhằm cảnh cáo những gã đầy tớ ác độc. Bởi lẽ, bọn tôi tớ của người có thế lực, ỷ thế đòi nợ, có khi xông thẳng vào buồng thêu, chẳng đếm xỉa thể diện của người khác, thường là dẫn đến đại họa, lẽ nào lưỡi búa sấm sét

chẳng thường lơ lửng ở trên đỉnh đầu bọn chúng?

Vu Ngọc Bệ nói: "Đạo là con đường chánh đáng để mọi người cùng noi theo. Đạo của thánh nhân trong tam giáo, tuy xét về hình tích thì bất đồng, nhưng bậc thượng thì khiến cho con người minh tâm kiến tánh. Kém hơn là khiến cho người ta hướng thiện, sửa ác. Đạo của thánh nhân trong tam giáo như thốt ra từ cùng một miệng, chưa hề chuộng dùng những chuyện quỷ dị để mê hoặc người khác. Những thứ xuất phát từ sự bất chánh, mê hoặc lòng người thì đều là "tả đạo". Như Trương Giác[298] đời Hán, Tôn Ân và Lô Tuần[299] đời Tấn, Hồng Cân và Lưu Phước Thông cuối

298 Trương Giác (?-184) là người ở quận Cự Lộc (nay là huyện Ninh Tấn, tỉnh Hà Nam), thủ lãnh của Thái Bình Đạo đời Đông Hán, và là chủ soái của giặc Hoàng Cân. Hắn tự xưng là vào núi hái thuốc, được Nam Hoa Lão Tiên truyền trao thiên thư Thái Bình Yếu Thuật. Thật ra sách này chỉ là bộ sách Thái Bình Thanh Lãnh Thư do Can Cát biên soạn, trá xưng được thần tiên trao tặng, chủ yếu là dùng phù chú để chữa bệnh. Đệ tử của Can Cát là Cung Sùng và Tương Khải đã từng dâng sách này lên Hoàng đế, nhưng không được coi trọng. Khi sách lọt vào tay Trương Giác, hắn bèn khéo léo tuyên truyền để sáng lập Thái Bình Đạo, tự xưng là Đại Hiền Lương Sư. Nhân dịp một căn bệnh dịch lớn nổ ra vào tháng Giêng năm Trung Bình nguyên niên (184), Trương Giác chữa nhiều người lành bệnh, nên dân chúng tin theo, gọi hắn là *"thần tiên sống"*. Do đó, Thái Bình Đạo truyền khắp các vùng Thanh Châu, Từ Châu, Ký Châu, Kinh Châu v.v… tín chúng lên tới mấy chục vạn người. Hắn chia tín đồ thành ba mươi sáu phương, mỗi phương lập ra một thủ lãnh, tuyên bố "trời xanh đã chết, trời vàng đang thành lập, vào năm Giáp Tý, thiên hạ đại cát". Lại truyền tín đồ dùng đất sét trắng viết hai chữ Giáp Tý lên cửa. Sau đó, cùng năm ấy, Trương Giác cùng với em là Trương Bảo, Trương Lương dựng cờ khởi nghĩa. Do loạn quân quấn khăn vàng nên Sử gọi là giặc Hoàng Cân. Không lâu sau, Trương Giác bị bệnh chết, Trương Bảo và Trương Lương chiến bại, đều tử trận. Loạn Hoàng Cân nhanh chóng tan rã.

299 Tôn Ân tự là Linh Tú, quê ở quận Lang Gia, đệ tử của Ngũ Đấu Mễ Đạo,

đời Nguyên, cận đại thì là những pháp như Vô Vi Hoàng Thiên, Bạch Liên v.v… đều là tả đạo. Chúng nó lập tâm chẳng đoan chánh, xuẩn hoặc dân chúng ngu muội, phản vua, trái nghịch cha mẹ, tạo họa gieo ác. Đó là hành vi của lũ loạn thần tặc tử, phép nước ắt tru diệt, lại càng chẳng thoát khỏi báo ứng trong cõi âm! Còn như bọn thầy bà, đồng cốt tà thuật, giả mượn lời thần, nói họa phước quàng xiên, gạt gẫm lừa phỉnh dân chúng, cũng sẽ mắc tội giống như vậy".

Đời Tùy, Tống Tử Hiền có lắm huyễn thuật như phóng quang trên lầu, biến hóa hình tượng Phật. Hắn tự xưng là Di-lặc xuất thế. Hắn lại treo gương trong nhà, hễ có người yết kiến, bèn bảo họ soi vào đó để biết đời sau, trong gương hiện ra hình rắn hoặc thú. Hắn bảo họ lễ bái, bèn hiện hình người. Do vậy, tụ tập mấy ngàn người, xướng suất làm loạn. Quan quân vây bắt, trông thấy chung quanh chỗ hắn ở đều là hầm lửa, mọi

---

tôn Đỗ Tử Cung làm thầy, về sau kế vị thành giáo chủ của Ngũ Đấu Mễ Đạo. Hắn cùng chú là Tôn Thái dấy binh phản Tấn, ba lần tấn công vùng Tam Ngô, nhưng đều bị triều đình đánh bại phải chạy ra hải đảo ẩn náu. Năm Long An thứ năm (401), hắn lại kéo quân về tấn công Hải Diêm, nhưng bị Lưu Dụ đánh bại. Hắn chuyển hướng tấn công vùng Hỗ Độc, thừa cơ uy hiếp kinh đô Kiến Khang. Quân Đông Tấn dưới sự chỉ huy của Tư Mã Nguyên Hiển phản công mạnh mẽ, lại thêm bị Lưu Dụ tấn công, Tôn Ân dần dần thất thế, phải rút chạy về hải đảo. Đến năm Nguyên Hưng nguyên niên (402), do quyền thần Hoàn Huyền giết cha con Tư Mã Đạo Tử, giành được quyền hành tuyệt đối trong triều, Tôn Ân cho là thời cơ đã đến, bèn trở về đất liền, lại thất bại, thế cùng phải nhảy xuống biển tự trầm. Dư đảng tôn em rể của hắn là Lô Tuần lên làm thủ lĩnh, đánh nhau dây dưa mãi cho đến khi bị Lưu Dụ dẹp yên vào năm 411. Lô Tuần phải tự sát.

người không dám tiến vào. Vị chủ soái bảo: "Nơi này thật sự không có hầm hố, chỉ là yêu thuật lừa dối đó thôi!" Đến khi quân sĩ tiến lên, quả thật chẳng có lửa, bèn bắt được hắn, bằm hắn nát bét!

Đạo sĩ ở núi Thanh Thành có huyễn thuật, dẫn con em nhà phú quý đi chơi, đến một ngôi đình viện xa vắng, dâng hương, giăng màn, thi thố pháp thuật. Vu Sơn thần nữ và các vị tiên cô đều ứng theo lời triệu thỉnh mà tới đó nhậu nhẹt, chung chạ chẳng khác gì người bình thường. Hoan lạc, cười nói xong xuôi, họ bèn cưỡi mây bay đi. Hắn để cho những người "học đạo" lén nhìn qua kẽ màn. Thiếu chủ nước Thục vây bắt, chẳng bắt được hắn, bèn đem máu lợn, máu chó theo, phá được tà pháp mới đuổi kịp. Triều đình tống giam hắn, tra khảo. Hắn khai: "Hằng năm bắt trộm gái trinh trong dân gian, mặc sức hành dâm với họ". Do vậy, vô số người bị chết. Vua bèn ra lệnh phanh thây hắn.

Đời Minh, ông Nhan Mậu Do nói: "Có được yêu thuật có thể lừa dối cõi đời mà chẳng truyền bá, phước ấy cực lớn. Cổ nhân nói: "Người có được thuật ẩn thân mà suốt ba năm chẳng thử dùng, ắt thành tiên". Lại nói: "Ông có thuật Hoàng Bạch[300] mà không dùng, ắt

300 Hoàng Bạch là từ ngữ chỉ thuật luyện đan dược, điểm hóa sắt thành vàng bạc v.v… Theo Nhị Khắc Phách Án Kinh Kỳ quyển mười tám: "Vì sao gọi là thuật Hoàng Bạch? Bọn phương sĩ luyện đan dụ người khác [bỏ tiền mua vật

có thể nhập đạo". Bởi lẽ, bậc tu chân giấu diếm tung tích, ẩn giấu bản lãnh, coi chuyện độ người, cứu đời là chánh yếu. Nếu cậy vào một chút tài nghệ để huyễn hoặc người khác, đó là cội gốc danh lợi chưa thoát, hãy còn cách đạo xa lắm! Huống hồ kẻ làm càn, gian trá, giả mạo ư? Thanh thiên bạch nhật, há dung bọn lỵ mị ấy hiện hình ư?"

Tam quy trong Phật giáo là "quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng". Trong ấy, khẩn yếu nhất chính là Phật pháp. Thuở đức Phật tại thế, ngài dùng pháp ấy để dạy dỗ, hóa độ chúng sanh. Sau khi đức Phật diệt độ, lưu lại giáo pháp để độ chúng sanh. Đức Phật thuyết pháp, tăng truyền pháp. Nếu chẳng quy y Tăng, nghe pháp từ chỗ nào? Nếu chẳng có pháp, nhờ vào đâu để tu hành? Nhưng nương vào Phật pháp để tự tu, nương vào Phật pháp để dạy người khác, lấy "liễu sanh tử, chứng Bồ-đề làm bản hoài" thì chính là tăng. Nếu chính mình chẳng nương theo Phật pháp tu hành, chỉ lo buôn bán Như Lai hòng cầu lợi dưỡng, tiếng tăm, khiến cho người khác lầm lạc, dẫu là hạng đầu tròn áo vuông, nghiễm nhiên giống như tăng, nhưng thật ra là con cháu của ma! Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Đã được làm thân người, càng phải nên

---

liệu cho họ] luyện đan, nói là chúng đã dưỡng thành Hoàng Nha, lại sanh ra Bạch Tuyết, dùng loại đan dược ấy để điểm hóa thì những loại như thủy ngân, chì sẽ biến thành hoàng kim, bạch ngân. Vì thế, thuật luyện đan được gọi là thuật Hoàng Bạch".

quy y Phật. Thời xưa thì cầu pháp từ tăng, ngày nay thì trước hết, cần phải dùng pháp để khảo nghiệm tăng. Đã biết người xuất gia ấy là tăng chân chánh thì hãy khăng khăng một dạ thọ giáo tu hành. Pháp ở nơi đâu? Pháp ở trong kinh. Xin trước hết hãy xem từ bộ Vân Thê Pháp Vựng của Liên Trì đại sư.

Đoản xích, hiệp độ, khinh xứng, tiểu thăng, dĩ ngụy tạp chân, thải thủ gian lợi.

短尺狹度。輕秤小升。以偽雜真。採取姦利。

Thước non, thước thiếu, cân nhẹ, thưng non. Đồ giả xen lẫn hàng thật. Dùng thủ đoạn để kiếm lợi gian trá.

Bốn câu đều nói về chuyện của phường tiểu nhân tham lợi. Thước, đồ đo lường, thưng, cân vv… là những thứ dùng để lượng định giá trị của mọi vật được mọi người cùng đồng ý. Người đời có hai cách thức: Nhập vào thì gắng làm sao cho to, xuất ra thì gắng sức cho nhỏ; nhập vào thì chú trọng sao cho nặng, xuất ra thì cố ý giảm nhẹ. Lập tâm như vậy, chỉ mong chiếm tiện nghi cho bản thân ta. Nào có biết: Chiếm nửa phần tiện nghi, sẽ tổn một phần phước đức! Huống hồ ích ta, tổn người ắt bị tai ương, thiêu đốt bởi lửa sét cõi trời. Tuy nhiên, chưa chắc đều là như thế cả, cũng có khi chủ nhân chẳng biết, mà chắc là do con em hoặc tôi tớ trông coi việc thu vào, xuất ra đã ngấm ngầm làm như thế, tội ấy rốt cuộc quy về chủ nhân, chớ nên không xem

xét tường tận.

Đời Nguyên, Phí Vinh Mẫn Công (Phí Dung) tiết kiệm, chánh trực, thích điều lành, chuộng thí. Dụng cụ đo lường trong nhà đều theo đúng tiêu chuẩn. Ông thường khắc trên các dụng cụ đo lường như sau: "Xuất như thế nào, phải nhập đúng như thế ấy. Con cháu vĩnh viễn làm như vậy". Về sau, con cháu của ông nghiêm ngặt tuân thủ pháp thế gian, đời đời quý hiển.

Tại Quảng Lăng, có bà lão họ Vương dùng thước hụt để bán vải vóc. Sau khi chết báo mộng cho con: "Ta lúc sống dùng thước hụt để lừa dối người khác. Âm ty phạt ta làm trâu ở nhà họ Hạo tại Tây Khê[301], dưới bụng có chữ Vương". Con bà ta tìm tới nhà họ Hạo, quả nhiên trâu nhà ấy vừa sanh một con nghé, dưới bụng có lông trắng thành hình chữ Vương. Đứa con mua lại, đem về. Cho con nghé ăn đồ mềm mịn, nó không ăn, cho cỏ rơm thì ăn. Bắt nó chở nặng hoặc cày ruộng thì trâu yên tĩnh, nuôi nấng an nhàn thì nó nhảy lồng lên, húc chuồng đủ mọi cách, dường như chẳng thể yên ổn nổi. Kẻ tâm địa mê muội kiếm lợi có biết nghiệp báo này hay chăng?

Trong niên hiệu Vạn Lịch nhà Minh, tại Dương

301 Quảng Lăng nay là thành phố Dương Châu thuộc tỉnh Giang Tô, còn Tây Khê thuộc phía Đông thành phố Đông Đài tỉnh Giang Tô.

Châu có một tiệm bán hàng tạp hóa lớn[302]. Chủ tiệm lúc sắp chết dặn con: "Ta bình sanh lập nghiệp là nhờ cái cân này. Cái cân này làm bằng ô mộc[303], chính giữa rỗng, chứa thủy ngân. Khi cân hàng để bán ra, nghiêng cân cho thủy ngân chảy vào đầu cân. Khi cân hàng để mua vào, bèn dốc cân cho thủy ngân chảy vào phần đuôi cân. Do vậy, thu vào thì nặng hơn số lượng thật sự, xuất ra thì nhẹ hơn số lượng cần bán, vì thế làm giàu". Đứa con trong lòng lấy lạ, nhưng chẳng dám nói. Cha chết, con liền đốt cháy cái cân, khói hóa thành một con rồng bay lên trời. Chẳng lâu sau, hai đứa con trai của người con đều chết. Do vậy, anh ta oán hận nói: "Cha dụng tâm bất bình, đâm ra được bình an. Nay tôi mua vào, bán ra công bằng, chẳng dám dối trá, lại trớ trêu chôn hai con! Đạo trời há như thế chăng?" Bỗng dưng anh ta mơ màng thấy mình tới một dinh thự của quan lại, vị chủ nhân của dinh thự ấy phủ dụ: "Cha ngươi thường ngày bán ra thì nhẹ, mua vào thì nặng, gạt gẫm người khác để mình được béo bở. Tuy nhiều tiền lắm của, vẫn là cố nhiên vốn sẵn có trong số phận.

---

302 Nguyên văn "nam hóa điếm", ta thường gọi là tiệm chạp phô (tức chữ "tạp hóa" mô phỏng cách phát âm trong tiếng Quảng Đông). Sở dĩ gọi là Nam Hóa vì thoạt đầu các sản phẩm bán trong các tiệm ấy đa số là sản phẩm của những vùng phía Nam Trường Giang. Về sau, hễ tiệm nào bán đủ thứ mặt hàng linh tinh đều gọi là Nam Hóa Điếm, hoặc Tạp Hóa Điếm.

303 Ô mộc (Ebony) là một loại cứng, lõi đen bóng, thuộc họ Thị (Diospyros). Loại gỗ này rất nặng và bền, thả xuống nước sẽ chìm lỉm, nên đôi khi còn gọi là Trầm Mộc. Gỗ mun của ta thuộc loại này.

Chỉ vì dùng cái tâm dối lừa tạo nghiệp mà mắc tội với trời. Do đó, Thượng đế sai hai tinh tú phá tán, tiêu tan đến làm con của ngươi. Khi chúng trưởng thành sẽ xài phung phí tài sản của ngươi, kế đó là bị hỏa hoạn, khiến cho ngươi hết sạch tài sản, con cháu tuyệt diệt, hòng hiển thị sự báo ứng [của cõi trời đối với kẻ cam tâm lừa dối thủ lợi]. Nay ngươi có thể sửa đổi ác báo, tu hành. Hơn nữa, mọi chuyện đều công bằng, hòa hoãn, tốt lành, do vậy Thượng đế gọi hai ngôi sao ấy về. Không lâu sau, sẽ đổi cho ngươi hai đứa con tốt lành, khiến cho gia đình ngươi được rạng rỡ. Ngươi hãy nên gắng sức làm lành, đừng oán hờn xằng bậy". Người ấy tỉnh lại, nhất nhất ghi nhớ, càng thêm nỗ lực làm lành. Trong vòng ba năm, sanh được hai đứa con, chúng đều đậu tiến sĩ, con cháu đông đảo. Ông Trương Củng Thần nói: "Khi tôi ở Hàn Quan, chơi thân với con cháu của ông ấy. Vì thế, biết chuyện rất tường tận, nhưng giấu tên người ấy, kẻo người thân thiết sẽ biết lỗi lầm cũ của tổ tiên họ".

Tạ Tú Lâm ở Uất Lâm, đối với thước đo, đấu, cân đều luôn dùng những phương cách gian trá để xuất ra nhẹ hơn hòng ngang ngược kiếm lợi. Một hôm gã ấy bị sét đánh chết, nhiều lần chôn thì nhiều lượt bị sét đánh xuống quật tung mồ, thịt tan nát, bị đốt cháy, trong bụng có một lưỡi tầm sét.

Đời Tống, Vương Lương Nhụ chết đi sống lại, nói

mình đã tới âm phủ. Thấy trên tường treo đấu, hộc, cân, thước. Hỏi những thứ ấy dùng để làm gì, nha lại cõi âm bảo: "Do tăng giảm trọng lượng nặng nhẹ, mang lòng lừa dối kiếm lợi, mà mắc phải tội này". Sau khi Lương Nhụ sống lại mười ngày, phàm là những vật dụng như đấu, cân v.v… sai trái, không đúng tiêu chuẩn, đều bị cháy rụi!

Đời Tống, Lý Giác ở Quảng Lăng buôn bán kiếm sống. Ông thấy những người cùng nghề xuất ít, thu nhiều, bỏ ra nhỏ nhoi, thu vào to lớn, tâm chán ghét, bèn khuyên bảo những kẻ ấy hãy thôi đi! Lý Giác thu vào bán ra như nhau, kiếm đôi chút tiền lời để có cái sinh sống, lâu ngày gia cảnh cũng giàu có. Về sau có một vị Chế Trí Sứ[304] tại Giang Hoài có tên họ giống như ông. Người ấy ban đêm nằm mộng, thấy vào động phủ, xem trong sổ tiên có ghi tên họ Lý Giác, bèn rất mừng rỡ, tưởng mai sau sẽ được lên cõi tiên. Bỗng có hai đồng tử bảo: "Lý Giác này chẳng phải là ông đâu, mà là một người dân ở huyện Quảng Lăng". Ông ta tỉnh giấc, bèn dò tìm người ấy, hỏi ông ta đã tu những chuyện gì? Đáp: "Chẳng có gì khác, chỉ là tâm đối đãi công bằng với muôn vật mà thôi". Về sau, Lý Giác thọ tới một trăm tuổi, bỏ xác phàm thành tiên. Chu Trinh nói: "Cõi đời nói chẳng lừa dối thần minh. Tôi

304 Chế trí sứ (制置使) là chức quan trông coi việc binh bị tại các lộ (tỉnh) thời Tống, đa số thường kiêm thêm chức An phủ sứ.

nói "thần minh" trong lời ấy không phải là tất cả các vị thần trong trời đất, mà là chẳng lừa dối vị thần trong tâm ta thì chính là chẳng lừa dối thần minh". Than ôi! Người có thể hiểu điều này có được mấy người vậy?

Người đất Thục (Tứ Xuyên) là Lê Vĩnh Chánh khéo tạo đấu và cân tăng giảm nặng nhẹ. Chỉ cần có người thuê làm, trả giá gấp bội, hắn sẽ không gì chẳng làm. Kẻ tiểu nhân chẳng đoái hoài đạo trời, thường đến nhờ hắn làm. Hắn bị thần tư sát (vị thần có chức trách tra xét) tấu lên thượng thiên, Vĩnh Chánh và hai con đều mù, năm ngón tay đều thương tổn, tàn phế, các khớp tay rơi rụng mà chết. Ôi, chế tạo giùm người khác mà bị quả báo như thế, chính là vì trừng trị tận gốc. Phàm hết thảy những kẻ sống bằng nghề buôn bán, có kẻ nào chẳng muốn tự nuôi thân, nuôi gia đình, thế mà cứ thường chọc giận cõi trời, là vì lẽ nào vậy? Sao bằng xem xét tường tận câu chuyện này, dũng mãnh sửa đổi thì may mắn lắm thay!

Gần đây, những vật được buôn bán ngoài chợ búa, gần như là đồ giả nhiều hơn đồ thật, đấy cũng là vì thế đạo nhân tâm bị biến đổi. Phàm những món thực phẩm cần thiết, những món thuốc men cần dùng, những thứ như vàng, lụa, vật dụng v.v… nếu là đồ giả, hoặc kém phẩm chất đôi chút, kẻ buôn bán những thứ ấy sẽ là phường chôn vùi lương tâm, hại người không chi hơn nổi! Còn như kẻ sử dụng bạc giả, tội ác càng

sâu, trời sẽ tru diệt càng nhanh chóng hơn.

Năm Canh Tuất (1670) đời Khang Hy nhà Thanh, có người họ Cố từ đất Mân (Phước Kiến), ngụ cư tại Giang Âm ngầm buôn bán bạc giả. Hắn mang bạc ra chợ, không ai có thể nhận biết là bạc giả hay thật, nhưng chẳng quá mười ngày. Hễ quá thời hạn ấy, thoi bạc giả lại hiện nguyên bản chất. Có gã tên Giáp nọ dùng sáu lượng bạc thật để đổi lấy hai mươi lượng bạc giả, tới Xương Môn mua sa, đoạn. Quay thuyền trở về, đêm qua Hoa Đãng, gió mạnh lật thuyền, chẳng còn một tấc lụa là nào. Gã đó may nhờ bơi lội giỏi nên thoát chết, lõa lồ quay về. Cũng trong ngày hôm ấy, gã họ Cố bị sét đánh chết. Lò nung, búa rèn để chế bạc giả đều nát như bột. Than ôi, ngu dại thay! Họ Cố vì gian trá mà bị giết là lẽ đương nhiên. Còn gã Giáp do một niệm tham lam, mất bay sáu lượng tiền vốn, chẳng biết áo mền, hành lý đem theo giá trị bao nhiêu tiền nữa? Buôn bán đến mức này có thể nói là lỗ vốn! May mà tánh mạng chẳng chôn vùi trong sóng cuồn cuộn, nguy ngập thay! Kẻ tiểu nhân vô tri đáng thương đến mức ấy. Ngu tôi có một lời cảnh tỉnh mọi người rằng: "Ta buôn bán là muốn cầu sống còn. Ta muốn sống còn, người khác chẳng mong sống sót ư? Ta muốn nuôi gia đình, người khác trọn chẳng muốn nuôi nấng gia đình họ ư? Huống hồ kẻ mang tâm lừa dối nghịch thiên, báo ứng vằng vặc, chẳng có kẻ nào không bị mất mạng rồi

mà lại còn gây hại khiến cho gia đình bị diệt môn, đó có phải là ý muốn kẻ buôn bán hay chăng?"

Ông nội của Thượng thư Tôn Thẩn Xuyên một hôm buôn bán thu vào hai lượng bạc. Cụ đưa cho người khác xem, thì ra là bạc giả. Cụ nghĩ: "Bạc này chẳng thể dùng, há nên giữ lại khiến cho người khác bị lầm lạc ư?" Tới bãi sông Đông Hà, ông lại lội xuống nước đi mấy chục bước, quăng bạc xuống chỗ sâu. Con trai cụ thi đỗ, làm Phó sứ. Cháu nội của cụ chính là Thẩn Xuyên. Cụ Tôn thu được bạc giả bèn quăng xuống hồ, tấm lòng ấy hợp với tâm Lữ Tổ. Con cháu hiển vinh, sang quý, vẫn là báo ứng nhỏ nhặt vậy!

Đời Tống, Lô Thường ở Lư Sơn bán dầu và nến, bỏ lẫn mỡ cá trong ấy để làm nến. Còn Hoàng Vũ tại Kiến Long Quán dùng mỡ bò pha vào dầu để làm nến. Hai gã đều bị thiên lôi đánh chết. Ôi, nay thì có kẻ bán muối lẫn cát, bán rượu pha nước, những kẻ ấy cũng nên nhìn vào gương này!

Gã họ Nghê ở Hải Diêm dùng các loại vụn gỗ nghiền nát làm hương để buôn bán. Một đêm, đám mạt hương bỗng bốc cháy, tỏa khói. Họ Nghê muốn chạy ra khỏi cửa, nhưng bị khói làm cho mê muội không chạy ra được, người lẫn nhà đều cháy tiêu.

Đời Minh, Trương An Quốc khi làm tri phủ, do thấy ngoài chợ có nhiều kẻ bán thuốc giả, bèn yết bảng

răn cấm: "Do Đào Ẩn Cư (Đào Hoằng Cảnh) trước tác bộ Thảo Mộc Kinh Tập Chú Yếu, Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) trước tác Thiên Kim Phương Nhân giúp vật lợi sanh, tích chứa nhiều âm đức, cho nên được lưu danh trong các vị tiên. Từ đó tới nay, người làm nghề y, bán thuốc thành tâm cứu người, đạt được phước báo rất đông. Nếu chẳng bàn đến những điều được sách vở ghi chép, chỉ xét trong thời gần đây thì sự ứng nghiệm càng nhiều. Có kẻ chỉ bán thuốc thật, tài sản to lớn cả vạn, hoặc là bản thân an nhàn, vinh hiển, hưởng cao thọ. Hoặc là con cháu đỗ đạt, thay đổi môn hộ, báo ứng như bóng theo hình chẳng có sai sót. Lại từng thấy kẻ buôn bán thuốc giả, thoạt đầu tích tụ đôi chút tài sản, tự cho là ổn thỏa, chẳng biết trong cõi ngấm ngầm, tài lộc đáng lẽ nên có của chính mình đã bị tước giảm. Hoặc bản thân gặp nhiều tai họa ngang trái, hoặc con cháu phi lý phá tán sạch sành sanh. Đến nỗi có kẻ bị lửa trời thiêu đốt, hoặc bị sét đánh. Bởi lẽ, người mua thuốc phần nhiều là do bệnh tật cấp bách, do vậy họ đem tiền cầu tìm. Con cháu hiếu thuận chỉ mong cha mẹ, ông bà uống thuốc vào sẽ thấy ngay hiệu quả, kiến hiệu, nhưng mua nhầm thuốc giả, không chỉ là vô ích, mà còn đâm ra bị tổn thương. Bình thường giết một con vật thuộc loại phi cầm, tẩu thú còn có nhân quả, huống hồ trong muôn vật, mạng người trọng nhất. Vô tội mà mắc họa, đau đớn kể sao cho trọn, há chẳng nên kiêng dè ư?"

Đoạt lấy (thủ) mà dùng chữ thải (採) để nói nhằm hình dung phương cách chiếm đoạt chẳng đơn giản, do gian trá mà đắc lợi tức là dụng tâm tàn nhẫn, hà khắc, không gì chẳng làm! Hiện thời, hết thảy những chủ thuyền gian trá cậy thế quan phủ, hoặc những kẻ đứng làm trung gian giao dịch đều thuộc loại này, không nhất thiết phải là những kẻ lén đúc tiền riêng hay buôn bán muối riêng tư mới gọi là *"thải thủ gian lợi"*. Vì thế, trong giới áo mũ (quan lại) cũng có chuyện ác này, há có nên chỉ chê trách bọn tiểu dân nơi phố chợ mà thôi!

Cổ nhân có thơ rằng:

Việt gian, việt xảo, việt bần cùng,
Gian xảo nguyên lai thiên bất dung,
Phú quý nhược tùng gian xảo đắc,
Thế gian ngốc hán hấp tây phong!

(*Càng thêm gian xảo, càng nghèo khó,*
Trời vốn chẳng dung kẻ dối gian,
Nếu nhờ gian xảo mà giàu có,
Thế gian kẻ ngốc đói bò càng.)

Trương Phụng thông hiểu chuyện thưa kiện, biết rõ thuế ruộng của từng nhà trong vùng. Hắn có thể khiến cho kẻ có ruộng liên tiếp nối bờ (rất nhiều ruộng đất)

biến thành sạch túi, không có tấc đất cắm dùi. Do vậy, sổ bộ ghi tên hắn là chủ ruộng rất nhiều. Cả vùng khổ sở vì sự tàn độc của hắn mà không dám nói. Buổi sáng mà nói động chạm tới hắn, buổi chiều thuế má đã ập tới. Hắn rất thông thạo cách bóc lột dân chúng. Hễ có quan trên tới trấn nhậm, liền gọi hắn hỏi han, trong chốc lát đã nắm tay vui vẻ. Rốt cuộc quan trên nhìn theo sắc mặt của hắn mà hành xử. Hắn hằng ngày chỉ dạy trưởng quan phương cách bóc lột tận cùng tiền tài của dân chúng. Quan trên được hai phần, còn bảy phần giao về Trương Phụng. Quan Tuần phủ là ông Đường dò xét, nắm rõ tình trạng ấy, sai thuộc hạ võ công cao cường bắt trói hắn. Trên đường bị đóng gông giải đi, hắn hối lộ người áp giải trọng hậu nhưng không được, bèn giở mưu kế trốn thoát, người áp tải hắn đuổi theo chẳng kịp. Khi ấy, bốn phía đồng hoang không có mây, đột nhiên sét đánh đằng Đông mà Trương Phụng chết ngắc ở đằng Tây. Bụng hắn toang hoác như bị mổ tung ra, ngũ tạng như bị khoét mất. Dân chúng chán ghét, ngay cả chó, lợn cũng chán ghét chẳng thèm ăn thịt thối của hắn.

Áp lương vi tiện. Mạn mạch ngu nhân.

壓良為賤。謾蔂愚人。

Chèn ép người lành khiến họ trở thành ty tiện. Dối gạt kẻ ngu.

Những kẻ hiện thời làm nô tỳ cho người khác là

do đời trước tạo nghiệp, tích ác, những lỗi ác đã tích tụ cho đến con số một ngàn tám trăm điều. Trong số ấy, có những kẻ chẳng phải thật sự là nô tỳ, mà vốn là con cái nhà đàng hoàng, nhưng do ta dùng thế lực cưỡng chế, ép buộc họ làm nô tỳ, tức là "chèn ép người lành, khiến cho họ trở thành hàng ty tiện". Còn như mua con gái nhà lành về làm kỹ nữ xướng ca, sẽ thuộc về tội "thập ác bất xá" (十惡不赦, mười điều ác chẳng thể ân xá), lại càng chẳng cần phải nói nữa!

Chu Tường ở Chương Châu làm bạn với Tiết Thuần. Tiết Thuần nghèo nàn, chỉ có một đứa con. Tiết Thuần chết, đứa con được gởi cho Chu Tường nuôi. Rốt cuộc, Chu Tường coi nó như tôi đòi, hễ có chút gì chẳng bằng lòng liền đánh đập tơi bời. Một ngày, Chu Tường gặp Tiết Thuần trên đường, kinh hãi hỏi: "Anh đã qua đời, sao lại đến nhân gian?" Đáp: "Đến thăm con tôi và bắt anh đi theo". Chu Tường tuôn mồ hôi như mưa, trở về nhà chết đột ngột. Từng thấy trong nhà phú quý, những kẻ thân tộc khốn khổ không nơi nương tựa, gởi thân vào nhà ấy, mong có được miếng cơm, manh áo, thường bị sai khiến như kẻ tôi đòi! Thậm chí còn bị chửi mắng, quát tháo. Đấy là những trường hợp bị đức Thái Thượng răn cấm. Nhưng hạng người như thế ấy thoạt đầu là có lòng giúp đỡ chăm sóc, về sau lại làm chuyện vùi dập đày đọa, không chỉ là chẳng có công lao gì, mà còn tổn đức, há chẳng đáng tiếc ư?

Tại kho Quảng Tế[305] của tỉnh Chiết Giang, quan lại địa phương mỗi năm thường sai những người có tiền trong thành Hàng Châu đảm nhiệm công tác khố dịch[306] để trông coi chuyện thu vào, phát ra. Có kẻ vì bòn rút công khố quá nhiều chẳng thể bù đắp được, viên Phủ phán[307] là Vương X… bèn bắt thê thiếp, con cái của người ấy lên quan. Rốt cuộc người ấy chẳng đền được, ông Vương bèn sai cấp dưới dùng thuyền nhỏ, chở họ ra Tây Hồ làm người hầu cho các du khách để lấy tiền nạp cho quan phủ. Về sau, con cháu của họ Vương có đứa làm kỹ nữ ca xướng!

Có một hạng cha mẹ, do bất đắc dĩ, phải làm chuyện táng tận lương tâm vô sỉ là bán con cái làm nô bộc cho kẻ khác, nhưng ta có nỡ lòng đứng nhìn cảnh

---

305 Quảng Tế (廣濟) là kho chứa thóc của triều đình để dự trữ khi mất mùa sẽ bán ra với giá rẻ hoặc phát chẩn cho người nghèo.

306 Khố dịch (庫役) là những người trông coi kho, chia thành các cấp bậc khố tử, thương tử, đấu tử, xứng tử. Họ trông coi việc nhập và xuất kho sao cho đúng số lượng, ghi chép hóa đơn, phiếu nhập xuất, biên lai thu thuế (thường gọi là "hộ sao", 户鈔).

307 Phủ phán ở đây là chức Thông phán (通判) ở cấp phủ. Từ thời Bắc Tống trở đi, nhằm tăng cường sự kiểm soát, khống chế các quan chức địa phương, bên cạnh các quan đứng đầu các châu, nhà Tống đặt ra chức Thông phán Mỗ Châu Quân Châu Sự, trong đó Mỗ là tên gọi của một địa danh nào đó. Chẳng hạn, Thông phán Hàng Châu Quân Châu Sự. Thế tục thường gọi tắt chức vụ này là Thông phán, Thông châu, Giám quận, Quận tá, Châu tá, Trị trung, Biệt hạ, Quận thừa v.v… có nhiệm vụ giám sát các quan trên, cũng như trông coi về lương thực, vận chuyển gạo, muối, khai thác mỏ v.v… cũng như giám sát một phần quân sự. Từ thời Nguyên trở đi, triều đình đặt thêm chức Thông phán tại các phủ. Đến đời Minh, dưới quyền trưởng quan mỗi quận, huyện đều có chức Thông phán.

ấy hay chăng? Người chuộng nghĩa, do có sức bèn bỏ ra tiền bạc để giúp đỡ người ấy trong cơn túng ngặt, hòng bảo vệ con cái của nhà đàng hoàng ấy, đó là đức dày. Nếu như chẳng thể, ta đừng làm nhục chúng. Tuy chẳng tránh khỏi phải bán chúng cho người khác, vẫn chẳng đánh mất sự tận tâm của ta!

Hạng trung lưu và bần tiện vốn chẳng có nhất định. Bất quá con cái của kẻ nghèo bán cho người giàu có thì gọi là "tiện" (賤, bần tiện, hèn kém), thật ra đều là "lương" (良, đàng hoàng, không phải là thân phận tôi tớ, nông nô). Người thời nay yêu quý con cái của chính mình như châu báu. Cao lương mỹ vị ngon béo, lụa là thêu thùa đều dành cho con mình, nhưng đối với con nuôi trai gái thì coi như bụi rác, đòn roi, đối xử thô ác, chẳng quan tâm chúng nó đói khát, rách rưới rét buốt! Những đứa trẻ ấy cũng do cha mẹ sanh ra, sao mà bị đối xử chẳng công bằng như thế ấy? Sao chẳng nghĩ kẻ giàu có thể trở thành nghèo nàn, người nghèo nàn có thể trở thành giàu có? Đạo trời thật sự chưa thể biết được, có thể bảo đảm hạng trung lưu chẳng đâm ra trở thành nghèo hèn, kẻ nghèo hèn chẳng đâm ra trở thành trung lưu ư?

Đối đãi người ngoài, xử sự với người dưới, cần phải là "ở vào địa vị phú quý, thấu hiểu nỗi đau đớn của kẻ nghèo hèn". Đang lúc trẻ trung, khoẻ mạnh, hãy nghĩ tưởng nỗi niềm cay cực, chua xót của người già cả.

Ở trong hoàn cảnh an lạc, hãy thấu hiểu, thương xót hoàn cảnh trạng huống của người hoạn nạn. Ở trong cảnh bàng quan, hãy thông cảm nỗi khổ tâm của người trong cuộc.

"Mạn" (謾) là lừa dối kẻ không biết, không thấy. "Mạch" (驀) là dáng vẻ nhanh nhảu, lanh lợi. Hễ dùng quỷ kế để bày cách lừa đảo, khiến cho kẻ khác bị vướng vào mưu mô ấy thì gọi là "mạn mạch" (謾驀). "Mạn mạch" đều chớ nên dùng; áp dụng những mánh khóe ấy vào kẻ ngu lại càng đáng thương hơn! Dẫu kẻ ngu chẳng thể trả đũa, trong cõi ngấm ngầm sẽ tự có kẻ báo đền thay cho họ. Kẻ ngu chẳng bị tổn hại mà ta đã bị tổn hại trước!

Sách Viên Thị Thế Phạm chép: "Nghèo, giàu chẳng hề là chuyện nhất định. Ruộng nương, nhà cửa chẳng có chủ cố định. Có tiền bèn mua, không tiền thì bán. Kẻ mua sản nghiệp hãy nên biết lý này. Huống hồ người ta bán tài sản là vì thiếu cái ăn, hoặc do mắc nợ, hoặc vì bệnh tật, tử vong, kết hôn, thưa kiện. Do có trăm ngàn thứ phải chi tiêu mà bán trăm ngàn sản nghiệp. Kẻ mua sản nghiệp, hãy chú trọng khoan dung, đôn hậu, trả cho đúng giá trị, ngõ hầu người bán sau khi đã chuyển giao sản nghiệp, tuy chẳng còn lại gì nhưng món tiền người ấy nhận được vẫn đủ để giải quyết xong xuôi chuyện ấy. Kẻ làm giàu bất nhân, chuyên chú trọng lừa dối, lươn lẹo, biết người bán có chuyện gấp phải cần dùng,

bèn bề ngoài cự tuyệt còn bên trong ngấm ngầm dẫn dụ để dìm giá thật sâu. Đã lập xong văn khế lại dằng dai chẳng lập tức thanh toán trọn số, hoặc dùng gạo thóc, hay những món vật khác tính cao giá lên để khấu trừ món tiền phải thanh toán, hoặc ước hẹn kỳ hạn để trả lẻ tẻ. Kẻ đã bán sản nghiệp sẽ vì đó mà tiêu hao hết tiền nhưng chẳng thể giải quyết xong xuôi chuyện ấy, phải qua lại đòi nợ, chi phí và công sức lại chiếm mất nửa. Kẻ giàu có kia lén lút vui sướng, ngỡ là mưu mô hay khéo, chẳng biết đạo trời sẽ báo đền. Có trường hợp báo ứng ngay trên thân người ấy, có khi rơi vào thân con cháu. Lắm kẻ mê muội chẳng tỉnh, vì lẽ gì vậy?"

Tham lam vô yếm, chú trớ cầu trực.

貪婪無厭。呪詛求直。

Tham lam chẳng chán, thề thốt để người khác tin là mình chánh trực.

Dùng miệng nuốt chửng đồ vật thì gọi là lam (婪), ý nói lòng tham của con người giống như cái miệng ăn nuốt thực phẩm chẳng chán, chẳng ngừng, chẳng có cùng cực. Lão Tử nói: *"Tội mạc đại ư đa dục, họa mạc đại ư bất tri túc"* (Tội không gì lớn bằng lắm dục vọng, họa không gì lớn bằng chẳng biết đủ). Kẻ biết đủ dẫu nghèo hèn vẫn vui sướng. Kẻ chẳng biết đủ, dẫu phú quý vẫn lo rầu. Người đời tham cầu quá nhiều, rốt cuộc đều hao tán! Vì thế, chẳng cần phải nói nữa, lại

còn gieo mầm tai họa, càng khó kết liễu!

Chân Bân là người có phẩm hạnh, đạo đức cao thượng. Ông từng đem một bó sợi gai đến tiệm cầm đồ để cầm lấy tiền. Về sau, ông chuộc bó gai về thấy trong ấy có năm lượng vàng. Chân Bân đem vàng giao trả, chủ tiệm cho Chân Bân một nửa. Chân Bân chẳng nhận, bảo: "Kẻ tháng Năm mặc áo dày, đội củi[308], há chịu nhận vàng ư?"

Vào thời Đường Đại Tông, Trung thư Thị lang Nguyên Tải[309] qua trung gian của các con mà móc nối

308 Đây là một thành ngữ xuất phát từ một điển tích trong chương Thư Hư sách Luận Hành của Vương Sung đời Hán. Theo đó, Quý Tử ở Diên Lăng đi chơi, thấy trên đường có một túi vàng. Lúc ấy, đang tiết tháng Năm, khí trời nóng bức oi nồng, trên đường có một người mặc áo rất dày, đội củi, chắc là tiều phu. Quý Tử bèn gọi người ấy lại, bảo hãy nhặt vàng ở dưới đất lên đem về mà dùng. Người ấy trừng mắt, phẩy tay nói: "Ngươi sao dám coi mình là bậc cao khiết, coi rẻ người khác? Tướng mạo của ngươi trông đàng hoàng, cớ sao ăn nói tục tằn làm vậy? Ta đang trong tháng Năm mùa hạ mặc áo dày, đội củi, há có phải là hạng người nhận lấy vàng ư?" Về sau, cổ nhân dùng thành ngữ "phi cừu phụ tân" (披裘負薪, mặc áo dày, đội củi) để hình dung bậc chí hướng cao cả, thanh khiết, ẩn dật, bần cư.

309 Nguyên Tải quê ở huyện Kỳ Sơn, thuộc huyện Phụng Tường. Không rõ cha ruột là ai, mẹ tái giá với Cảnh Thăng. Cảnh Thăng vốn là gia nô của Nguyên Thị, Nguyên Thị là nguyên phi (vợ chánh) của Tào Vương Lý Minh (con trai Đường Thái Tông). Do thâu tô đắc lực, Cảnh Thăng rất được nhà họ Nguyên tin dùng; hắn bèn xin được mang họ Nguyên. Do vậy, Nguyên Tải cũng theo cha dượng đổi thành họ Nguyên. Nguyên Tải thông minh, nhạy bén, đọc nhiều sách vở, tinh thông sách vở của Đạo gia. Sau khi đậu tiến sĩ, nhờ Thái phỏng sứ Lý Sát Ngôn tiến cử, hắn được cử làm Phó quan, con đường hoạn lộ rộng mở, cuối cùng ngoi lên chức Chi độ lang trung. Do tài ăn nói, Đường Trung Tông rất coi trọng hắn. Hắn trở thành Trung thư Thị lang Đồng bình chương sự (Tể tướng) đời Đường Đại Tông. Do trước sau đã bày mưu tính kế giúp Đường Đại

ăn hối lộ. Ở kinh đô và các nơi, hắn đều dẹp trừ bậc trung lương, cất nhắc bọn tham lam, bỉ ổi. Hắn giàu có, xa xỉ, hằng ngày đều ca xướng, hoan lạc, ngay cả hoàng cung cũng chẳng bằng. Vua đã từng răn nhắc, hắn chẳng thay đổi. Về sau vua giận, bắt giam Nguyên Tải, hạ chiếu ban chết. Vợ con hắn cũng được ban chết, tịch biên gia sản, tịch thu năm trăm lượng chung nhũ[310]. Vua hạ lệnh chia cho các quan thuộc các cơ cấu Trung thư, Môn hạ, và Đài tỉnh, còn có hồ tiêu đến tám trăm thạch. Những món vật khác cũng nhiều ngần ấy. Trịnh Tuyên nói: "Từ xưa, những kẻ ở vào địa vị Tể tướng có bao giờ chết vì đói rét, mà thường là chết vì của cải, vật chất, cũng đáng nực cười thay!"

Tông tiêu diệt hoạn quan Lý Quốc Phụ (tuy trước đó, khi còn là Hộ bộ Thị lang, hắn đã từng xun xoe, xu nịnh Lý Quốc Phụ) và hoạn quan Ngư Triều Ân, hắn càng được Đường Đại Tông tín nhiệm. Do khéo đón ý vua, vua tin tưởng hắn tuyệt đối, khiến quyền hành của hắn ngày càng lớn, tự tung tự tác, thậm chí loại bỏ những người trung trực chẳng về hùa với hắn. Vua bèn sử dụng Lý Tế Quân làm người đứng đầu bộ Lại, dần dần chặn đứt vây cánh của Nguyên Tải. Cuối cùng, nhà vua thành công kết tội hắn tham ô và bắt giam Nguyên Tải. Sau khi hắn và các con bị xử tử, lăng mộ của tổ tiên hắn còn bị khai quật, lại còn bị đặt thụy hiệu là Hứa Xương Hoang Tử (kẻ ngang ngược, lộng quyền ở Hứa Xương). Một người con gái của hắn là Nguyên Chân Nhất do làm đạo cô nên được miễn tội chết, nhưng bị đuổi khỏi đạo quán, sung làm nô tỳ. Mãi cho đến đời Đường Đức Tông, do nhớ ơn hắn đã ủng hộ mình trở thành Thái tử, vua hạ chiếu cải táng, khôi phục chức vụ cho hắn, đổi thụy hiệu của hắn từ chữ Hoang thành Thành Tổng (nghĩa là có tài năng, nhưng thiếu đức hạnh).

310 Chung nhũ (鐘乳) ở đây là các nhũ thạch (Stalactite) lấy từ các thạch động. Người Hoa dùng nó làm thuốc, hoặc chế thành rượu ngâm nhũ thạch. Theo Đông Y, chung nhũ thạch được coi là tánh ôn, vị ngọt, đi vào các kinh Phế và Thận, có tác dụng khiến cho nguyên dương tráng kiện, trị bệnh lao suyễn, ho hen vì lạnh, tay chân tê lạnh v.v…

Đời Minh, trong niên hiệu Thiên Thuận (đời Minh Anh Tông), Lý Minh ở Gia Hưng có một chiếc bình báu. Kẻ nhà giàu là Tào Viện muốn đổi bằng hai mươi thạch gạo, nhưng ông Lý không đồng ý. Về sau, Lý Minh lại gạ gẫm Hoài Duyệt, Hoài Duyệt trả gấp bội, Lý Minh vẫn không bán. Lại giao cho Ngô Nhữ Huy xem, Nhữ Huy trả giá một trăm thạch gạo. Đã đồng ý bán, có gã Lưu Chúc bảo Lý Minh: "Tôi có một kế, khiến cho ông thu lợi to lớn. Nếu ông dâng cái bình ấy cho quan Trấn Thủ Trương Thái Giám để đổi lấy giấy phép vận chuyển và tiêu thụ muối trong cả quận Gia Hưng thì sẽ được lợi gấp trăm lần", Lý Minh liền đồng ý. Lưu Chúc đi chạy chọt thay, quả nhiên đạt được đúng mưu đồ, tính ra sẽ được lợi hơn ba ngàn lượng. Họ Lưu được chia một phần ba số phiếu lãnh muối. Lý Minh lãnh về, lúc qua sông thuyền bị lật, các tấm phiếu lãnh muối đều bị ướt nhẹp, hư nát. Thái thú quận Gia Hưng là Dương Kế Tông thúc bách đòi nộp số lượng muối đúng với những giấy phép đã cấp ấy, Lý Minh bị giam cầm chết trong ngục. Lưu Chúc bán sạch gia sản để bồi thường!

Cổ nhân nói: "Cõi đời chẳng có người trăm tuổi, oan uổng bày mưu tính kế ngàn năm". Mong cầu chẳng chán để làm gì? Có phải là vì muốn tính toán cho con cháu đó chăng? Chẳng biết tục ngữ có câu: "Nếu con cháu chẳng được như ta, chúng nó cần tiền để làm gì? Con cháu mạnh mẽ như ta, chúng nó cần

tiền để làm gì?"

Đời Hán, Sớ Quảng nói: "Há có phải là ta già cả, hồ đồ, chẳng nghĩ tới con cháu ư? Ta có ruộng đất, nhà cửa cũ, con cháu siêng năng cày bừa sẽ đủ để cung cấp áo cơm. Nếu tăng thêm hòng được dư dả hơn chính là dạy con ôm lòng lười nhác. Kẻ hiền mà có lắm tiền của ắt ý chí hao tổn, đứa ngu mà có lắm tiền của sẽ càng tăng thêm lỗi lầm. Hơn nữa, kẻ giàu bị nhiều người oán hận. Ta đã chẳng có gì để dạy con cháu, chẳng muốn chúng nó tăng thêm lỗi để sanh oán". Do vậy, ta thấy Tư Mã Ôn Công đã giáo huấn: "Chứa vàng chẳng bằng tích đức". Sao chúng ta không đọc tụng nằm lòng câu nói ấy hòng nỗ lực thực hiện vậy thay!

"Chú trớ" (呪詛) là thề với thần. "Cầu trực" (求直) là cầu thần báo ứng nhanh chóng. Chuyện này chẳng phải đợi đến khi dùng hình thức sớ tấu để thề thốt với thần, mà hễ tức giận trong khi tranh chấp, xằng bậy kêu gọi quỷ thần thì đều thuộc vào phạm vi của lời răn này. Xét ra, Chú Thệ Chương có nói: "Hễ có thề thốt, ắt bốn phương tám hướng đều tiếp nhận lời thề thốt của kẻ ấy, hết thảy loài quỷ hung ác sẽ đều thừa cơ kiếm sơ hở để đột nhập, gây nên họa hại. Nếu chẳng sám hối, thỉnh thiên thần giáng hạ hóa giải sẽ chẳng dễ đoạn trừ". Vậy thì có nên thề thốt hay chăng?

Đầu thời Vạn Lịch nhà Minh, một gã lý dịch là

Vương Trứ ở Tây Hoa, do đôi co với người nạp thuế về chuyện thiếu thuế, đã thề thốt ở miếu Thành hoàng. Ban đêm, hắn ngủ lại chùa Dương Thiện, bỗng nghe tiếng quát tháo. Hắn thức dậy xem, thấy một vị quan đứng dưới ánh đuốc, đội phốc đầu[311], áo đỏ, người theo hộ vệ rất đông. Vị ấy quát bảo hai tráng sĩ vung đao hướng về phía Vương Trứ. Vương Trứ cầm nghiên mực trên án quăng họ, rốt cuộc vẫn bị đâm trúng, miệng và má đều bị đổ máu. Tăng chúng trong chùa bị kinh động thức dậy, chẳng thấy một ai. Vương Trứ mới biết là thần Thành hoàng. Sáng hôm sau, hắn mặc áo tù nhân, đến miếu tạ tội, thấy thần tượng trong miếu nghiễm nhiên như giống như trong mộng. Tượng thị vệ đứng bên phải thì cầm đao, trên thân có vết mực. Hơn một tháng, vết thương nơi miệng mới lành, giống hệt như vết đao chém. Phàm Lý và Sự vốn có đúng hay sai, vốn là đúng thì công luận khó thể dẹp trừ được, lâu ngày sự thật sẽ tự tỏa rạng, tội gì phải so đo? Nếu là sai thì hãy tự phản tỉnh, hối lỗi, há dám đối trước thần mà hờn oán người khác ư? Huống hồ mọi chuyện chỉ nên xét theo đúng lý mà an phận. Hễ thề thốt, sẽ bị quỷ thần chán ghét, ắt bị trời phạt, há chẳng nên kiêng tránh ư?

311 "Phốc đầu" (幞頭) là một loại mão. Loại mão này thường dùng dây mây bện thành sườn mũ, bên ngoài phủ một lớp sa. Tùy theo chức quan mà phốc đầu có nhiều loại, nhưng loại "triển giác phốc đầu" thì giống như mũ cánh chuồn. Loại "dực thiện quan" không có cánh chuồn, thường được dành riêng cho nhà vua đội vào thời Minh.

Thị tửu bột loạn.
嗜酒悖亂。
Ham nhậu nhẹt, quậy phá.

Rượu có thể làm loạn tánh. Nếu quá mức mê rượu sẽ bị tổn thất cực lớn. Xem bài Tửu Cáo[312] bèn biết cổ nhân đã lo lắng sâu xa. Xem bài Tửu Tụng[313] sẽ biết cổ nhân gởi gắm niềm hứng thú sâu xa. Như trong cổ lễ đã nói, hễ kính nhau một lượt rượu[314], chủ và khách vái chào lẫn nhau nhằm ngăn ngừa do rượu mà thất lễ! Người đời ham thích rượu chè vô độ, do vậy dẫn đến chuyện thân thể chệnh choạng, lễ pháp bị chôn vùi, rối loạn, chửi bới người cùng ngồi trong bàn rượu, nằm lăn ra đường phố, trái pháp, phạm thượng. Lâu ngày, do say sưa sẽ bị chôn vùi cái tâm, mất hết phẩm đức, có thể khiến cho kẻ sĩ bại hoại danh tiết, quan lại bị mất chức, nhà nông bỏ mặc ruộng nương, lái buôn cụt sạch vốn. Thậm chí mất mạng, tan nhà, há chẳng đau xót ư?

Đời Tống, Lỗ Công Phạm Chất răn con rằng:

---

312 Tửu Cáo (酒誥) là bài văn khuyên răn nhắc nhở những họa hoạn về rượu do Chu Công soạn. Bài này được chép trong phần Chu Thư của sách Thượng Thư.

313 Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Tửu Đức Tụng do Lưu Linh soạn dưới đời Tây Tấn.

314 Nguyên văn "nhất tước chi hiến". Tước (爵) là dụng cụ để đựng rượu có hình dạng giống như con chim sẻ, chỉ chứa được một thưng rượu. Dụng cụ này cũng có thể dùng để uống rượu. Trong khi cúng tế, nói "hiến tước" (獻爵) tức là dâng rượu vậy. Ở đây, nói "nhất tước chi hiến" hàm ý chủ và khách mời nhau uống một lượt rượu, có chừng mực, trang trọng, cung kính như đang hiến rượu trong khi cúng tế.

"Cha răn các con đừng ham uống rượu. Rượu là loại thuốc gây cuồng, chẳng phải mỹ vị. Nó có thể khiến cho người tánh tình cẩn trọng, nồng hậu hóa thành hung hăng, ương bướng". Tào Nguyệt Xuyên nói: "Để dưỡng tánh, chớ tham đắm loại nước khiến cho tánh bị hôn ám. Đã lập gia đình, phải kiêng loại "canh phá nhà". Hơn nữa, cội nguồn của hết thảy các chuyện dâm loạn phần nhiều bắt nguồn từ rượu". Vì thế, trong bốn điều răn, lấy rượu làm điều răn đầu tiên.

Kẻ say ắt mất sạch thiện niệm, ác niệm dấy lên lừng lẫy. Khi tỉnh, ắt chẳng dám làm, ắt chẳng dám nói, hễ say sẽ làm luông tuồng, sẽ nói bừa bãi. Vì thế, người uống rượu mà biết giữ chừng mực, thì rượu sẽ được gọi là Thái Hòa Thang (太和湯, canh Thái Hòa), hoặc gọi là Vong Tình Hữu (忘情友, người bạn giúp mình quên buồn). Kẻ uống rượu mà chẳng thể giữ chừng mực thì rượu được gọi là Nhu Ma (柔魔, con ma dịu dàng), gọi là Cam Độc (甘毒, chất độc ngọt ngào).

Rượu là củi để đốt lên lòng dâm. Phóng túng rượu chè mà chẳng phóng túng dâm dật thì hiếm lắm! Bởi lẽ, nội hỏa vừa bừng bừng bốc lên, dâm dục hừng hực phừng lên, đã là khó ngăn ngừa, huống hồ rượu chè phóng túng khiến cho ngọn lửa ấy càng thêm mạnh mẽ ư? Nhậu say rồi ăn nằm, ngũ tạng đảo lộn, sẽ mắc bệnh chẳng nhẹ, càng phải nên đau đáu kiêng dè! Lại có kẻ do say sưa mà nói huỵch toẹt những chuyện dâm uế,

đến nỗi phải chịu nhục, táng mạng, hối hận sao kịp?

Chuyện đáng nực cười nhất trong thế gian không gì bằng tranh đua thắng thua trong tiệc rượu. Xử sự trong cõi đời, mỗi chuyện đều nên lùi bước, nhân nhượng. Huống chi đôi khi cùng nhau tụ tập vui chơi, hành tửu lệnh[315] so quyền, bất quá là để cao hứng trong chốc lát, thắng chẳng đáng để vinh, thua chẳng đáng nhục! Thua thì chẳng bị mất mát gì, thắng chẳng đạt được gì. Đúng như người chơi cờ vây đã nói: "Thắng thì cố nhiên là vui thú, thua thì cũng vui vẻ". Những kẻ đã hôn ám chẳng biết, cứ ắt phải thắng mới được, đến nỗi chẳng say chẳng nghỉ! Sao mà ngu si quá mức vậy? Lại có kẻ tự khoe tửu lượng cao, coi chuyện không ai có tửu lượng bằng mình là hành vi hào hùng. Chẳng biết đạo đức, văn chương, đỗ đạt, công danh của chính mình đúng là nhiều phần chẳng sánh bằng kẻ khác, thế mà cứ khăng khăng khoe khoang tửu lượng cao, há cũng chẳng lầm lạc ư? Lại có một hạng người, khoe khoang coi chuyện tửu lệnh nghiêm minh là điều đáng đắc ý, chẳng nghĩ rượu dùng để chung vui với nhau, hãy nên thuận theo tửu lượng của từng người, tội gì

315 "Tửu lệnh" (酒令) tức là trong khi uống rượu, người "cầm đầu" sẽ đặt ra một quy tắc, chẳng hạn như dùng chén rượu, hay thẻ rút thăm, chuyền đến phiên ai, người đó phải làm gì đó, như giải đáp câu đố, hoặc ngâm thơ, ca hát, làm trò, hay gồng tay (so quyền). Kẻ thắng thì được thưởng rượu, người thua thì cũng bị phạt uống rượu. Mục đích chỉ là làm trò vui, gây náo nhiệt trong tiệc rượu mà thôi.

cưỡng ép kẻ khác uống cho nhiều đến nỗi tổn thương thân thể! Tục ngữ có câu: "Chánh trị hà khắc còn tệ hơn cọp dữ". Tôi nói: Tửu lệnh hà khắc thì cũng giống như vậy. Trong tiệc rượu, nếu có hạng người ấy hãy nên gấp viện cớ để tránh đi.

Trong Đại Trí Độ Luận đã ra nêu các lầm lỗi do uống rượu như sau:

1) Tâm không tiết chế, chẳng có chừng hạn.

2) Tài vật hư hao, kiệt quệ.

3) Cửa ngõ dẫn đến các thứ bệnh.

4) Cội rễ của sự đấu tranh.

5) Lõa lồ chẳng hổ thẹn, giống như trâu ngựa.

6) Do ta làm nhục, khinh miệt, chửi bới những người cùng uống, mà bị người ta ghét bỏ.

7) Chẳng đạt được vật đáng lẽ đạt được.

8) Bỏ mất vật đã đạt được.

9) Trong khi say, phun ra hết những chuyện giấu diếm; khi tỉnh rượu bèn hối tiếc.

10) Khi say có nhiều hành vi sai trái, khi tỉnh sẽ hổ thẹn.

11) Sức lực suy yếu.

12) Sắc mặt biến đổi.

13) Tâm chí mê hoặc.

14) Trí tuệ bị che lấp.

15) Chẳng biết tôn kính cha mẹ.

16) Chẳng biết tôn kính quỷ thần.

17) Chẳng biết sợ lời nói của người khác.

18) Chẳng biết sợ phép vua.

19) Kéo bè kết đảng làm chuyện cuồng vọng, bạo ngược.

20) Lợt lạt, xa lánh bậc hiền thiện.

21) Chẳng hổ thẹn.

22) Dễ nổi giận đùng đùng.

23) Chẳng kiềm chế lục tình (mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét).

24) Phóng túng sắc dục vô độ.

25) Bị người đã từng cung kính ta bài xích, xua đuổi.

26) Chẳng cẩn thận, kiêng sợ.

27) Coi ngày là đêm, sự nghiệp đều bỏ bê.

28) Phạm lỗi về luân thường, đạo đức.

29) Vứt bỏ thiện pháp.

30) Xa lìa Niết-bàn.

31) Gieo cái nhân ngu si, cuồng vọng.

32) Khi thân hoại, mạng chung sẽ đọa trong ác đạo. Nếu được làm người, tâm luôn cuồng loạn, hết thảy những vật bên ngoài cần dùng cho cuộc sống thảy đều bị bại hoại.

Một kẻ sĩ ở đất Mân (Phước Kiến) là Lưu X… bình thời phẩm hạnh đoan nghiêm, học trò rất đông. Hằng ngày ông ta thường răn dạy học trò kiêng dè sắc dục. Một hôm, ngẫu nhiên say sưa tranh giành gái điếm với bạn. Khi tỉnh, hết sức hối hận, xấu hổ chẳng muốn gặp các học trò, đóng cửa suốt ba ngày, biên tập các chuyện xưa nay mắc hại vì rượu để tự cảnh tỉnh chính mình, đặt tên là Bách Hối Kinh.

Lại có kẻ sĩ ở đất Ngô (Giang Tô) là Diệp X… bẩm tánh vốn hiếu thảo, hòa thuận với anh em. Một hôm, sau khi say sưa đã tranh chấp, chửi bới em trai. Cha dùng lý để khuyên, chàng ta phun ra một, hai câu bất kính. Canh năm tỉnh rượu, vợ kể lại tình trạng khi say sưa, chàng ta hối hận muốn chết phứt, vội đến phòng cha, khấu đầu, khóc lóc, quỳ xin tạ tội, cơn giận của cha mới nguôi.

Ôi, hai ông bẩm tánh thuần hậu, nghiêm cẩn còn

chẳng khỏi ngang ngược, phóng túng khi say. Nếu là hạng người phóng túng, tà vạy, xa xỉ sẽ càng tệ hại đến mức nào? Rượu được gọi là họa tuyền (禍泉, suối họa), đúng lắm thay!

Đời Tống, Ngô Dục làm Xu Mật Sứ. Khi ấy, Trần Chấp Trung bị bãi chức Tể tướng, tiến cử Ngô Dục thay thế. Do Ngô Dục hầu vua dự yến tiệc, say sưa ngủ vùi, bỗng vỗ giường gọi tùy tùng, vua tức giận bãi truất ông ta làm Tây Kinh Lưu Đài. Lại nữa, Quách Chí làm Tham chánh (Tham tri chánh sự, tức Phó Tể tướng) vào cung tâu trình, mùi rượu xông sực tòa ngự, ông bị giáng chức, đổi đi Nam Kinh.

Say rồi lỡ lời, thường gặp đại họa. Một danh sĩ ở huyện Vô Tích tuổi trẻ đa tài. Uống say rồi phê phán chuyện xấu trong buồng the của người khác ngay trước mặt kẻ đó. Kẻ đó thản nhiên cười bảo: "Ông X… say nên nói vậy", dường như chẳng có mảy may nào so đo. Những người đang ngồi cùng bàn đều cảm phục độ lượng của ông ta. Một người từng trải chờ cho người ấy đi khỏi, bảo những người cùng ngồi: "Bị làm nhục mà tức giận là chuyện thường, chứ kẻ cười xòa khó thể dò lường được". Nửa năm sau, chàng ta rốt cuộc bị người khác mưu hại. Ai nấy đều nghi người ra tay hãm hại chính là kẻ đã chịu nhục khi trước. Than ôi, rượu gây tai họa đến mức ấy. Còn như do say sưa mà lọt sông, sụp hố, ngã toác đầu vỡ mặt, đánh mất tiền của, tiết lộ chuyện cơ mật, xúc phạm

quỷ thần, đủ mọi nỗi tai ương và lỗi họa ắt đều do rượu gây họa, cớ sao chẳng kiêng tránh?

Đời Tống, Tô Dịch Giản làm Học Sĩ (Hàn Lâm Đại Học Sĩ), do uống quá chén mà lỗ mũi tóe máu, bị bệnh rồi chết. Lại còn Vương Toàn làm Điện Trung Thừa, do quá mức say sưa, nứt rốn mà chết. Ôi! Thuốc gây cuồng loạn thấm đẫm người, hiếm khi chẳng phát sanh bệnh tật. Bệnh phát ra sớm thì nhẹ, phát chậm sẽ là bệnh nặng, chẳng có trường hợp nào không dẫn đến chết chóc. Vì thế, xem xét khắp những vị cao thọ đều là những vị chẳng ham mê rượu. Người ta cớ sao lại để di thể của tổ tiên rơi vào vòng "sống say chết mộng" vậy thay!

Trần Hạo tánh thích uống rượu, làm Đề Học[316] ở Sơn Đông. Cha ông ta gởi thư răn nhắc, ông bèn sai thợ làm ra một cái chén nhỏ, trên đó có khắc chữ như sau: "Cha dạy kiêng rượu", chỉ uống mười chén.

Gia quy của họ Trịnh ở Phố Giang như sau: "Con cháu chưa đến ba mươi tuổi, rượu không được nhấp

316 Đề học (提學) còn gọi là Học chánh sứ, là chức quan quản trị hành chánh về việc học, có trách nhiệm trông coi các cấp trường học và ấn định các nội dung thi cử, tổ chức các khóa thi tại địa phương theo mệnh lệnh của bộ Lễ. Từ đời Tống, triều đình đặt ra Đề cử học sự ty để quản lý các trường học trong mỗi quận huyện. Đến đời Thanh, trưởng quan của ty này được gọi là Đề đốc học chánh, gọi tắt là Đề học, Học đài, hoặc Học đạo, chưởng quản hành chánh về phương diện giáo dục trong một tỉnh, tức là tương đương với trưởng ty giáo dục hiện thời.

môi. Kẻ đã tráng niên tuy cho phép uống đôi chút, nhưng kẻ mê đắm, gây huyên náo vì rượu ắt sẽ bị đòn. Đãi đằng khách khứa, chỉ chú trọng chân thành, chẳng bắt buộc dùng rượu, phụ nữ không được cùng uống. Nếu tuổi đã quá năm mươi chỉ đành để cho họ được thuận tiện". Gia quy này có thể dùng làm pháp tắc để giữ yên gia đình vậy!

Cổ nhân nói: "Rượu là tựu tập, tựu tập với người chánh đáng thì chính mình sẽ là chánh đáng, tựu tập với kẻ sai trái thì chính mình sẽ sai trái. Rượu là "tạo", tạo điều lành thì là thiện, tạo điều ác thì là ác. Rượu chẳng thể khiến cho con người đúng sai, thiện ác, mà do con người vốn tự tạo cho mình trở thành đúng, sai, thiện, ác. Hai chữ "tiết tỉnh" (節省, giữ chừng mực, phản tỉnh) cố nhiên có thể thiếu được ư?"

Cốt nhục phẫn tranh, nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận.

骨肉忿爭。男不忠良。女不柔順。

Là ruột thịt [với nhau mà] giận dữ, tranh chấp. Trai không trung lương. Gái chẳng nhu thuận.

Đời Đường, gia tộc của ông Trương Công Nghệ chín đời sống chung với nhau, chỉ do một chữ "nhẫn". Phẫn hận tranh chấp là vì chẳng thể nhẫn. Trong vòng cốt nhục hễ chấp lý bèn tổn thương tình cảm, hễ tình cảm bị tổn thương tức là chẳng đúng lý, há có nên

xằng bậy phẫn nộ tranh chấp ư? Nhưng cội nguồn của chuyện này phần nhiều là do bị lời lẽ của phụ nữ xúi bẩy tạo thành hiềm khích. Bởi lẽ, lòng dạ phụ nữ chẳng công bằng, luôn ôm lòng ghen tỵ. Hơn nữa, những người được gọi là bố mẹ chồng, chú bác, chị em dâu, cũng như những người cùng hàng đều là duyên giả hợp, tức là gượng xưng hô như thế, vốn chẳng phải là quyến thuộc tự nhiên. Vì thế, dễ cắt đứt tình thân ái, dễ phẫn nộ tranh chấp. Lời nói được truyền qua hai lượt, ý nghĩa ban đầu sẽ bị sai lệch, chất chứa thành oán hận. Trong một nhà, những chuyện chống trái, biến hóa cứ nảy sanh đầy dẫy là do nhiều đầu mối (nguyên nhân, nguyên do), chẳng thể nói khái lược được. Chỉ có những người dốc lòng coi trọng thiên luân, hiểu biết sâu xa, đuốc sáng soi tỏ, chẳng nghe lời gièm siểm, tự nhiên sẽ là một niềm hòa khí ấm áp, đối xử với nhau bằng tình nghĩa vui vẻ, hòa hợp, làm sao có chuyện phẫn hận, tranh chấp cho được?

Đời Minh, nhà Trịnh Liêm ở Phố Giang suốt hai trăm năm mỗi tiểu gia đình trong dòng họ chẳng tách ra sống riêng. Mọi người gọi xóm ấy là Nghĩa Môn. Quan Thái thú trao tặng tấm biển đề "Thiên Hạ Đệ Nhất Gia". Minh Thái Tổ lên ngôi, triệu ông Trịnh vào kinh, hỏi:

- Nhà ông có bao nhiêu người cùng nhau ăn cơm?

Ông Trịnh tâu:

- Hơn một ngàn người.

Chúa thượng nói:

- Đúng là thiên hạ đệ nhất gia.

Khi đó, Mã hậu ở sau vách nghe tiếng, nói với Thái Tổ:

- Bệ hạ có thiên hạ là do một mình cử sự, nay cả nhà họ Trịnh hơn một ngàn người, há chẳng cử sự dễ dàng ư?

Chúa thượng kinh hãi, lại hỏi ông ta:

- Cả gia tộc của khanh được giữ vẹn cũng là do có phương cách nào?

Trịnh Liêm thưa rằng:

- Chẳng có gì khác, chỉ là không nghe lời vợ mà thôi!

Chúa thượng bất giác cười to. Khi ấy, nhằm lúc vùng Hà Nam tiến cống lê thơm, do vậy vua ban cho ông hai trái. Trịnh Liêm hai tay nâng lê đặt trên đầu, lui ra. Chúa thượng bèn sai người theo dò xét. Về tới nhà, Trịnh Liêm triệu tập người trong họ, hướng về cửa khuyết dập đầu tạ ơn, đặt hai chum nước lớn, nghiền nát lê bỏ vào đó, chia nhau uống. Thái Tổ nghe chuyện, vui mừng. Về sau, có kẻ vu cáo nhà ông Trịnh thông

đồng với bọn quyền thần. Thái Tổ bảo:

- Họ Trịnh không phải là như vậy, đó là vu cáo.

Về sau, vua hạ lệnh cho ông chọn ba mươi người từ đám con em đưa tới kinh đô, đều cho họ làm quan. Trưởng họ là Trịnh Anh tới cửa khuyết tạ ơn. Chúa thượng ngự giá tới cửa Phụng Thiên, đích thân viết ba chữ to "Hiếu Nghĩa Gia" ban tặng, còn dùng ấn ngọc đóng lên đó.

Trung (忠) có nghĩa là tận hết sức mình. Lương (良) là ngay thẳng, chánh đáng. Trong muôn vật chỉ có loài người là tối linh, con người lại coi đàn ông là quý. Đã có được cái thể linh và quý ấy, lại gian trá, bất trung, hiểm ác, tà vạy, bất lương, không chỉ là tự phụ bạc chính mình, mà cũng là cô phụ tạo vật quá đỗi!

Đời Tống, Phạm Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yêm) vừa hai tuổi đã mồ côi. Đến khi hơi lớn, bèn đích thân tự lập, ngày đêm học tập, ngồi lặng lẽ thầm suy nghĩ. Trong sáu năm bèn tinh thông lục kinh. Ông đỗ tiến sĩ lúc hai mươi tuổi, được bổ về làm chức phán[317] ở Hà Trung, trung nghĩa, yêu dân, hợp lòng người. Ông lần lượt trải qua các chức vụ, làm tới Thị lang. Làm

317 Phán (判) là chức phó quan phụ tá người đứng đầu một địa phương, có địa vị thấp hơn Tri phủ và Đồng tri, cũng có thể là người đứng đầu một sảnh (cơ quan hành chánh) tại địa phương. Chức vụ này có nhiều cấp bậc như Châu phán, Thông phán…

quan trong triều cũng như quản trị gia đình, ân lẫn uy đều dùng, trung quân, ái quốc, lưu lại những hành vi tốt đẹp rạng ngời. Ông dạy con noi theo điều nghĩa, giúp người nghèo, chu cấp kẻ khổ, thanh danh vang rền một thuở, được trăm đời kính ngưỡng, đúng là chẳng thẹn với hai chữ "nam tử".

Sách Lễ Ký chép: *"Nam soái nữ, nữ tùng nam"* (Nam lãnh đạo nữ, nữ tuân theo nam). Lại chép: *"Ấu tùng phụ huynh, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử"* (Lúc bé thì nghe theo lời cha anh, lấy chồng thì thuận theo chồng, chồng chết thì nghe theo con). Sách Nhan Thị Gia Huấn chép: "Phụ nữ chủ yếu trông coi về ẩm thực, chuyên trông coi về rượu, thức ăn, quần áo trong lễ nghi. Nếu là người có thông minh tài trí, chỉ nên phụ tá bậc quân tử, giúp chồng bù đắp khuyết điểm. Nếu lấn hiếp, chế ngự chồng, can dự vào chánh sự bên ngoài, đó là gà mái gáy sáng, là bọn cú diều lưỡi dài. Gia đạo không thể hưng thịnh nổi bắt nguồn từ chuyện này!"

Đời Hán, Viên Ngỗi lấy con gái của Mã Quý Lương, vợ đem theo của hồi môn rất nhiều. Viên Ngỗi nói: "Vợ chăm nom nhà cửa mà thôi, cần gì phải đem theo quá nhiều đồ quý báu, đẹp đẽ vậy!" Vợ thưa: "Mẹ thiếp có lòng thương tưởng, chẳng dám trái mạng. Nếu chàng hâm mộ phong thái cao cả của Bào Tuyên,

Lương Hồng[318], thiếp cũng có thể học đòi gương tiết nghĩa của Thiếu Quân, Mạnh Quang".

Đời Tống, phu nhân của Trình Hướng là Hầu Thị khiêm cung, thuận thảo, nhu hòa. Dẫu là việc nhỏ nhặt, ắt trình với chồng rồi mới đi. Bà trị gia đúng pháp tắc, chẳng đánh đập nô tỳ. Nếu con cái quở mắng đầy tớ, bà ắt răn dạy: "Tuy sang hèn khác nhau, nhưng đều là người như nhau". Hễ Trình Hướng có gì tức giận, bà ắt khoan thai vuốt giận. Chỉ có điều các con phạm lỗi, bà chẳng giấu diếm. Thường nói: "Con cái không ra gì là do mẹ giấu lỗi, cha không biết đến". Về sau, hai con bà là Trình Di và Trình Hạo đều trở thành bậc đại nho, địa vị quý hiển, được thờ phối hưởng trong Khổng Miếu.

---

318 Bào Tuyên sống vào thời Tây Hán, là người xứ Bột Hải, học vấn lỗi lạc, thông thạo kinh điển. Ông làm Gián Nghị Đại Phu dưới thời Hán Ai Đế, thường dâng thư can gián vua chăm lo triều chánh, gạt bỏ gian thần, chủ trương cải cách những tệ nạn thời ấy. Về sau, ông bị kết tội, bãi quan. Ông bị ép tự sát khi Vương Mãng nắm giữ quyền hành.

Lương Hồng sống vào thời Đông Hán, gia cảnh hết sức nghèo nàn, khí tiết cao thượng. Ông học rộng, thông đạt, nhưng không thích theo đuổi văn chương. Sau khi từ quan trở về, ông lấy Mạnh Quang làm vợ. Mạnh Quang diện mạo hơi xấu, nhưng rất hiền thục, đảm đang. Về sau, hai vợ chồng vào núi Bá Lăng ẩn cư, chồng cày ruộng, vợ dệt cửi, luôn đối đãi kính trọng nhau rất mực.

Thiếu Quân tên thật là Hoàn Thiếu Quân, vợ của Bào Tuyên. Bào Tuyên theo học với cha của Thiếu Quân. Do nhà Bào Tuyên nghèo khổ, còn họ Hoàn rất giàu, nên của hồi môn mang theo rất nhiều. Bào Tuyên không vui, bảo vợ: "Thiếu Quân sống trong cảnh phú quý, quen trang điểm đẹp đẽ, ta rất nghèo hèn, chẳng dám nhận lễ vật". Thiếu Quân nói: "Cha thiếp do biết tiên sinh là người tu đức, giữ cương thường, bèn sai tiện thiếp nâng khăn, sửa túi. Đã theo bậc quân tử, thiếp chỉ vâng mạng". Bào Tuyên cười đáp: "Được như thế, chính là chí hướng của ta".

Gã cư dân X… ở Hòa Châu nuôi hơn một trăm con ngỗng. Một hôm, bọn ngỗng ăn lúa của hàng xóm, gã hàng xóm đánh chết hơn năm mươi con. Vợ gã X… trông thấy đùng đùng nổi giận, nhưng lại nghĩ: "Nếu thưa kiện hắn, ắt cũng phải tốn kém. Hơn nữa, chồng ta đang say rượu nằm ngủ. Nếu biết chuyện mà đánh lộn với hắn thì càng bất tiện". Bèn nhặt nhạnh ngỗng chết đem chôn. Sáng hôm sau, bỗng gã hàng xóm chết đột ngột. Chồng biết chuyện ngày hôm qua, bèn hết sức cảm khái, nói: "Nếu hôm qua bà kể lể với tôi, tôi đang say đánh lộn với hắn, không chừng đã thành án giết người rồi!"

Tử Hà Tạo Phước Quyết (bí quyết tạo phước của Tử Hà Chân Quân) có đoạn: "Phàm nữ nhân tu thiện thì chẳng khác nam tử, nhưng nữ nhân chẳng có chuyện gì khác, tam tòng là tốt đẹp. Nếu có hạnh lành, chẳng bằng khuyên song thân và chồng thực hiện thì càng tuyệt diệu hơn. Bởi lẽ, cha mẹ có ba phần thiện thì con gái được một phần. Chồng có hai phần thiện, vợ sẽ được một phần. Nếu vợ dự phần suy nghĩ, cân nhắc phương cách làm lành cho chồng thì công sẽ giống hệt như chồng. Nếu khuyến hóa phụ nữ khác làm lành, công đức ấy so với công đức do chính người phụ nữ ấy tự làm lành sẽ khó có gấp bội, tốt lành gấp bội. Trong vòng chị em dâu, chị em ruột, nếu người nào có thiện sự, mà khen ngợi lẫn nhau, công khen ngợi tùy hỷ ấy

cũng có thể bằng nhau. Điều đáng quý là hoan hỷ, có cùng chí hướng, chẳng có lòng ghen ghét. Nếu có thể hiếu kính, hòa thuận, giúp chồng dạy con hòng trọn hết bổn phận, lại còn tin sâu nhân quả, ăn chay, niệm Phật, ắt trong đời hiện tại sẽ tự nhiên thân tâm an lạc, con cháu hưng thịnh, lâm chung chắc chắn được đức Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Chỉ nên tiềm tu tại nhà, đừng nên rong ruổi bên ngoài. Một là chẳng phí uổng thời gian, hai là khỏi phải chuốc lấy tiếng dị nghị của kẻ khác. Lại nữa, nếu như con cháu mắc bệnh, lạy thần cầu cúng tốn kém tiền bạc, sao bằng thường ngày làm lành, phóng sanh, sẽ tự được thần gia hộ ư? Trong chốn khuê môn, luôn có chốn động thiên phước địa[319], hãy gắng thực hiện!"

Bất hòa kỳ thất, bất kính kỳ phu.
不和其室。不敬其夫。
Bất hòa với vợ. Chẳng kính trọng chồng.

Vợ chồng hòa thuận, sau đó gia đạo sẽ hưng thịnh. Phụ nữ chưa từng đọc sách, hiểu lý, nếu có điều gì không đúng thì chồng cũng phải nên giảng giải, khuyên bảo rõ ràng. Cố nhiên là chớ nên mặc kệ cho cô ta tự tung tự tác, mà cũng chớ nên lập tức sanh lòng giận dữ, ghét bỏ. Nhưng người đời gặp phải vợ tánh hung tợn, mạnh mẽ, đành để cho vợ khinh rẻ, lấn

319 Động thiên phước địa (洞天福地) là chốn tiên cảnh trong nhân gian.

hiếp; gặp vợ nhu nhược chất phác, ắt chồng lấn hiếp, ngược đãi. Khinh rẻ người lành, sợ kẻ ác, kẻ làm chồng há có nên như thế hay chăng? Cũng có kẻ ngu đần hơn nữa, sủng ái vợ lẽ, khinh nhục vợ cả, mê luyến gái điếm, khinh rẻ vợ, thậm chí đánh đập chửi bới, giận dữ quở trách. Hạng người ấy càng chẳng được hưởng hết tuổi trời!

Nhan Quang Trung nói: "Sanh làm người đừng làm thân phụ nữ! Trăm nỗi sướng khổ đều do người khác quyết định. Họ phải lìa cha mẹ để yêu thương người khác, sống chết tùy tay người đó. Chủ nhân duy nhất là chồng, đói không thể ăn một mình, lạnh không thể mặc ấm cho riêng mình. Họ xả thân mình để lo cho thân ta, bỏ cha mẹ mình để phụng sự cha mẹ ta. Lỡ gặp cảnh chồng buôn bán phương xa, hoặc là nho sĩ đi học xa, ngủ trơ trọi trong căn phòng đơn côi, đêm rét buốt, mền lạnh ngắt như sắt, há dễ chịu đựng ư? Ta là kẻ bạc tình, có nhân tình bên ngoài, dồn hết tình cảm cho hoa, cho liễu, mê luyến như cuồng. Nếu như ngày nào đó quý hiển, chồng sẽ thu nạp hầu non đầy dẫy, nào có nghĩ đến tình nghĩa kết tóc se tơ? Chỉ riêng nàng gánh phần sợ hãi, dành cho ta nỗi an lạc. Ôi chao, sao mà đối xử với người khác chẳng khoan dung như thế? Nếu vợ là mụ đàn bà lưỡi dài, mặc sức cậy thế hiếp đáp thằng chồng nhu nhược, hoặc vợ là hạng phụ nữ đánh mất đức hạnh, chẳng hề tự kiểm điểm, luông tuồng, chua

ngoa thì thôi rồi! Nếu vợ có thể phụng sự bố mẹ chồng, hòa thuận với chị em dâu, hòa hảo với các cô, các mợ thì may mắn lắm thay! Trong vòng vợ cả, vợ lẽ, dòng đích, dòng thứ, ai nấy đều có lòng riêng tư, ai nấy đều mong nắm lấy quyền hành, xoay vần trong cảnh ưu phiền ấy, phải nhẫn nhục nín chịu, đúng là chẳng thể diễn tả được. Nếu gặp phải nhà chồng lâm vào cảnh khốn cùng, lao đao, sáng tối phải lo nghĩ vì cái ăn, phải thêu thùa may vá thuê cho người khác để kiếm sống, cũng chẳng thể nào nói trọn hết nỗi khổ sở nhọc nhằn cho được! Há lẽ nào vợ đã mong cùng ta chung sống suốt đời, ta lại nửa chừng ruồng rẫy, về tình lẫn lý phải nói như thế nào đây? Đấy chính ý nghĩa của bài thơ Quyển Nhĩ (卷耳, trong phần Chu Nam của Kinh Thi), tác giả của bài thơ ấy đã dùng tình cảm nhu hòa, vận điệu uyển chuyển để miêu tả nỗi lòng của người chồng khi Đông chinh. Ý nghĩa bậc nhất trong sự giáo hóa chánh đáng của quốc gia là chồng khiến cho vợ yên vui, gia đình êm ấm, hiếu thuận với cha mẹ, đấy chính là thiện sự cát tường vậy!"

Cố Khải đối xử với vợ đúng lễ. Ông thường sáng ra ngoài, tối về, ít khi gặp mặt. Ông bị bệnh nặng, vợ đến thăm hỏi, Cố Khải sai tả hữu đỡ dậy, buộc tóc đội mũ đàng hoàng rồi mới cho vợ gặp mặt. Thăm hỏi, trò chuyện xong, liền bảo vợ trở về. Nhìn từ đây ta biết giữa vợ chồng với nhau, há có nên vô lễ một khắc nào,

để rồi dẫn đến chuyện do quá thân cận mà thất lễ ư? Nhưng lễ có gì khác đâu? Bất quá là "hòa hợp mà có chừng mực, thương yêu nhưng kính trọng" đó thôi!

Vương Bát Lang ở thành Lạc Dương tánh tình hung tợn, thích đánh vợ. Hắn bao một cô gái điếm, phá sạch gia sản. Vợ hắn đã khốn khổ vì nỗi đói rét, lại bị chồng đánh đập dữ dội hơn. Vợ bất đắc dĩ phải cậy thân thích, hàng xóm phân xử. Bát Lang bắt vợ sống ở chỗ khác, để hắn ở chung nhà với cô gái điếm. Không lâu sau hắn bệnh tật, gia sản hết sạch, cô gái điếm tỉnh bơ bỏ đi. Hắn lại đến nương cậy vợ, vợ tránh né. Bát Lang chết đột ngột, vợ hắn cũng chết. Thân thích, hàng xóm đặt xác hai người cùng một chỗ. Đến đêm, bỗng nghe có tiếng cãi cọ, chửi bới, mọi người mở cửa xem, thấy hai cái xác đứng đâu lưng với nhau.

Chồng là trời của vợ, là chỗ nương tựa suốt đời, làm sao có thể bất kính cho được? Kẻ bất kính nếu chẳng phải là hạng đàn bà hung tợn, thì sẽ là hạng phụ nữ phóng đãng, hoặc là nói năng thô ác, xúc phạm, hoặc là trù ếm, trấn yểm, chẳng biết: "Hễ mang thân nữ là do nhiều cái nhân trong đời trước sai sử. Nếu càng khinh miệt chồng sẽ càng đọa trong ác đạo". Thậm chí có kẻ chồng vừa chết, xương thịt chưa lạnh, đã nghĩ tới chuyện cải giá, coi con cái do mình đẻ ra như kẻ qua đường. Chồng đã chết mà chẳng thể buồn thương, thì khi sống làm sao kính trọng cho nổi?

Đỗ Xí làm người khiếp nhược. Vợ hắn là Trương Thị luôn khinh rẻ chồng. Đỗ Xí tuổi già càng lắm bệnh, Trương Thị chẳng đoái hoài. Không lâu sau, Trương Thị chết trước Đỗ Xí. Mụ ta đã được tẩn liệm, quan tài bị vỡ tung, Trương Thị hóa thành mãng xà, bò vội vào rừng. Ôi, kẻ làm chồng là trời của vợ, khinh mạn chồng tức là khinh mạn trời, có thể khinh mạn chồng ư? Xin hãy tự nghĩ!

Đời Hậu Hán, Lương Hồng cưới con gái nhà họ Mạnh, tên là Quang. Thoạt đầu, Mạnh Quang đem đồ trang sức về nhà chồng, trang điểm lộng lẫy. Suốt bảy ngày Lương Hồng chẳng ngó ngàng đến cô ta. Vợ liền búi tóc trần, mặc áo vải, làm việc nhà như trước. Lương Hồng vui vẻ bảo: "Đây mới thật sự là vợ của Lương Hồng". Bèn cùng nhau ẩn cư trong núi Bá Lăng. Về sau, do tỵ nạn họ sang đất Ngô, ở nhờ nơi chái nhà của Tạo Bá Thông, Lương Hồng giã gạo thuê cho người ta. Mỗi khi trở về, vợ dọn sẵn cơm nước, chẳng dám ngước lên nhìn trước mặt Lương Hồng, nâng án ngang mày. Bá Thông nói: "Gã làm thuê ấy có thể khiến cho vợ kính trọng như thế, chẳng phải là hạng người tầm thường", bèn tặng nhà cho họ.

Đỗ Khuê mắt mù, vợ ông ta ngày đêm hướng về sao Bắc Cực cầu khẩn. Mỗi lần lễ bái, ắt lạy đủ bảy lần bảy bốn mươi chín lượt, rốt cuộc có thể cảm Chân Vũ (Huyền Thiên Bắc Đế) hóa thân giáng hạ trị liệu. Đỗ

Khuê lại thấy rõ như thuở đầu.

Vợ của Vũ Văn Bang Ngạn là Lê Thị khắc khổ chăm lo gia đình. Bà thích xem sách, hiểu đại lược đại ý, bèn tự tay biên chép để giúp chồng, lại còn nghiêm ngặt đốc thúc các con học theo. Con cái bà anh em dìu dắt nhau, quả nhiên thi đậu, trải từ chức quan Từ Viên[320], vào Hàn Lâm, đạt tới chức Hữu hạt (右轄, Hữu thừa tướng). Làng xóm đều ca ngợi, tôn kính. Đến nay hãy còn bộ Chế Cáo Luân Ngôn Tập do chính bà Lê chép.

Đời Minh, Hoàng Quán là người xứ An Khánh. Vào thời Kiến Văn (Minh Huệ Đế), do đậu Tam nguyên, ông làm quan tới chức Học sĩ thừa chỉ. Khi gặp cơn binh biến Tĩnh Nạn[321], Hoàng Quán chết. Vợ là Ông Thị và hai đứa con gái đều bị bắt. Có chiếu chỉ truyền gả Ông Thị cho người giữ voi. Ông Thị giả vờ nói khi tỵ nạn, có chừng đó vàng gởi gắm ở nhà thân thích ngoài thành: "Mẹ con tôi đến thì lấy được, nếu không ắt họ sẽ

320 Từ viên (詞垣) là danh xưng khác của Hàn lâm viện học sĩ. Từ đời Nguyên trở đi, hễ được bổ vào Hàn lâm viện đều gọi là Từ viên.

321 Tĩnh Nạn (靖難) là cuộc nội loạn đầu thời Minh, do Yên Vương Chu Đệ khởi xướng nhằm cướp ngôi của cháu là Chu Doãn Văn (Minh Huệ Đế). Cuộc chiến này kéo dài suốt ba năm, kết thúc khi Yên Vương chiến thắng, trở thành Minh Thành Tổ (Hoàng đế Vĩnh Lạc). Thái tử Chu Tiêu (con trai Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương) chết trẻ, ngôi vua được truyền cho con trai của Chu Tiêu là Chu Doãn Văn. E ngại trước các phiên vương có thế lực quân sự mạnh mẽ, Huệ Đế tính đến chuyện triệt giảm các phiên vương. Do Chu Đệ là kẻ có quyền lực lớn nhất, ông đã trở thành cái gai trong mắt nhà vua. Trước các vụ án xử tử Chu Vương, Tề Vương, Hằng Vương, Mẫn Vương, Đại Vương liên tiếp, Chu Đệ quyết định mưu phản.

giấu diếm". Gã trông voi muốn chiếm mối lợi ấy, cùng đi theo ra ngoài thành. Vợ ông Hoàng Quán nói: "Hai đứa con gái hãy nên buộc vạt áo với nhau, sợ bị lạc mất trong đám đông". Gã trông voi bằng lòng, hai đứa con gái cũng chẳng hiểu ý mẹ. Vừa đến bến sông, bà ta liền ôm hai con cùng nhau trầm mình tự vẫn. Đến nay vẫn còn miếu thờ họ bên bờ sông Tần Hoài.

Đời Tống, Sùng Quốc Trịnh phu nhân là mẹ của Âu Dương Tu. Sùng công đậu tiến sĩ, đến nhậm chức Thôi quan bèn mất, Âu Dương Tu khi đó mới bốn tuổi. Nhà nghèo, mẹ tận lực lo toan cơm áo để nuôi Âu Dương Tu tận lực học hành. Mẹ dạy con học, đã từng vào đêm tuyết đổ dày, mẹ san phẳng tro lạnh trong lò để viết chữ dạy con. Mẹ luôn khóc, bảo Âu Dương Tu: "Cha con liêm khiết, thích bố thí, ta chẳng được phụng sự bố mẹ chồng, nhưng biết cha con có thể phụng dưỡng họ. Mẹ chẳng thể biết con sẽ thành tựu như thế nào, nhưng biết cha con sẽ có hậu duệ tốt lành. Mẹ về với cha con, cha con đã đoạn tang ông bà nội hơn một năm rồi, mỗi lần cúng tế ắt khóc lóc. Hoặc mỗi khi có rượu thịt, ắt khóc lóc vì tiếc hận chẳng thể phụng dưỡng cha mẹ nữa. Thoạt đầu, mẹ tưởng là vừa mới đoạn tang, nên lẽ đương nhiên là như thế. Về sau mới biết cha con luôn là như vậy, cho đến hết đời vẫn chẳng không khi nào như vậy. Do vậy mẹ biết cha con có thể phụng dưỡng ông bà nội. Cha con làm quan, từng có đêm xem hồ sơ

phán án mà nhiều lượt than thở: "Ta muốn kiếm cách cho tội nhân này được sống mà không thể, đáng buồn thay!" Quay đầu nhìn nhũ mẫu đang bế con đứng bên cạnh, cha con chỉ con bảo: "Mạng ta sẽ chết sớm, chỉ sợ không kịp thấy con thành tài, nàng hãy nên bảo cho con biết những điều ta đã nói". Cha con dạy bọn con em cũng đều là như thế. Vì thế, mẹ biết cha con ắt sẽ có hậu duệ tốt đẹp".

Do vậy, Âu Dương Tu cảm động, khóc lóc, siêng gắng học hành. Tới lúc ông đậu tiến sĩ, tôn quý hiển đạt mà vẫn tiết kiệm, đơn sơ như cũ. Đến khi Âu Dương Tu vì can gián thẳng thừng mà bị biếm trích, phu nhân cười nói thản nhiên bảo: "Nhà ta vốn sẵn nghèo khó nên quen rồi, con ắt nên an lòng". Rốt cuộc, do trung trực nên Âu Dương Tu trở thành bậc Tể tướng hiền năng, mẹ được sắc phong làm Việt Quốc Thái Phu Nhân. Đạo kính trọng chồng có gì hơn được hai chuyện trọn hết tiết hạnh và dạy con? Vì thế, thuật hai câu chuyện này để làm khuôn mẫu tột bậc cho đạo kính chồng. Những kẻ làm vợ hãy nên gắng sức!

Mỗi hiếu căng khoa, thường hành đố kỵ.
每好矜誇。常行妒忌。
Thường thích khoác lác, kiêu căng; thường hay ganh tỵ.

Lão Tử nói: *"Bất tự thị cố chương, bất tự phạt cố hữu công, bất tự căng cố trưởng"* (Chẳng tự cho là đúng

mà sự thật đúng sai được phơi bày rõ rệt. Chẳng tự cho là mình đã bỏ công tốn sức mà tự nhiên là có công lao. Chẳng tự kiêu căng tự đại mà sẽ được kẻ khác coi trọng). Kinh Dịch chép: *"Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phước khiêm"* (Đạo trời khiến cho những gì quá tràn đầy sẽ bị hao hụt, để bù đắp cho sự khiêm tốn. Đạo đất khiến cho những gì viên mãn sẽ được chuyển sang chỗ khiêm hạ. Quỷ thần phá hoại sự kiêu căng tràn đầy hòng tạo phước cho người khiêm tốn). Do khiêm tốn mà được mọi người tôn kính, thanh danh, phẩm đức tỏa rạng. Người giữ phận nhún nhường, không ai có thể vượt hơn được! Bậc quân tử luôn giữ trọn phẩm đức khiêm tốn, nhún nhường. Đại Vũ chẳng kiêu căng, chẳng kể công, luôn nói "hàng ngu phu ngu phụ ai nấy đều có một điểm tài năng tốt đẹp hơn ta". Vua đục đẽo Long Môn[322], dẹp trừ Y Khuyết[323], đất đai được sửa sang tề chỉnh, ứng hợp theo lẽ trời, công lao phủ trùm muôn đời. Chu Công chẳng kiêu căng, chẳng tiếc tài năng, nhọc lòng khiêm hư tiếp đãi bậc hiền sĩ, búa mẻ

322 Long Môn là một địa danh ở giáp ranh vùng Tây Bắc huyện Hà Tân của tỉnh Hà Nam và miền Đông Bắc của thành phố Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây. Hoàng Hà chảy đến chỗ này nước xiết, hai bên đều là vách đá cao hiểm trở, trông giống như một cửa thành. Vì thế, gọi là Long Môn. Theo truyền thuyết, Đại Vũ đã đục thủng vách núi này để khơi dòng chảy cho Hoàng Hà.

323 Y Khuyết (伊闕) là vùng đất ở phía Nam thành phố Lạc Dương. Theo truyền thuyết, thuở trước vách núi hiểm trở, châu vào nhau, nhìn xa như vòm cửa. Nước sông Y Thủy chảy qua hẻm núi này để tiến lên Bắc. Vì thế, nơi này được gọi là Y Khuyết.

Đông chinh[324], rốt cuộc giữ yên nhà Chu. Vì thế nói: "Bậc đại thánh đại hiền chân chánh luôn dè dặt, kiêng sợ như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng, dốc trọn hết tinh thần để thực hiện". Như Đại Vũ, Chu Công là thánh nhân, thế mà chưa hề khoe khoang đạo đức với ai. Như vậy thì người đời nay có kẻ khoe khoang xằng bậy, có ý nghĩa chi đâu? Phần nhiều là phường chẳng biết lượng sức vậy!

Đời Hán, Cố Ung được phong tước hầu đã ba ngày mà người nhà chẳng hay biết. Tạ An đời Tấn cùng khách chơi cờ vây, thư báo tiệp (thư báo tin thắng trận Phì Thủy) đưa tới, khách trọn chẳng biết. Đời Tống, Tào Vũ Huệ (Tào Bân) đánh hạ Giang Nam thành công, căn dặn viên quan hầu cận dâng biểu về triều, chỉ nói là "phụng chỉ xuống Giang Nam, lo xong công việc" để báo tiệp. Văn Lộ Công (Văn Ngạn Bác) trong niên hiệu Chí Hòa, cầm đầu các quan đề nghị lập Tống Anh Tông làm người nối ngôi cho Tống Nhân Tông. Cho tới khi Tống Thần Tông[325] tức vị, ông (Văn Ngạn Bác) vẫn nói là

324 Nguyên văn "Đông chinh phá phủ" (東征破斧) là nói đến công lao của Chu Công đánh dẹp loạn chư hầu, giúp bốn nước kiến thiết, dốc sức xây dựng đến nỗi búa bị mẻ. Vì thế, người thời ấy làm bài thơ Phá Phủ (búa mẻ) để ca ngợi Chu Công. Xin trích dẫn khổ thơ đầu của bài thơ ấy như sau: *"Ký phá ngã phủ, hựu khuyết ngã trạng, Chu Công đông chinh, tứ quốc thị hoàng, ai ngã nhân tư, diệc khổng chi tướng"* (Búa của ta đã mẻ, rìu của ta lại khuyết, ông Chu Công đông chinh, bốn nước được hưng vượng, thương xót dân nước ta, cũng giúp xây to lớn).

325 Chí Hòa (至和) là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1054 đến 1056. Tống Nhân Tông có ba con trai, nhưng đều chết sớm, còn lại toàn là con gái. Nhân Tông đã nuôi Triệu Thự là con của Triệu Doãn Nhượng

công của Hàn Kỳ. Do vậy, vua biết ông là người chẳng khoe khoang công lao. Các vị ấy đều là những bậc nhân phẩm tột bậc cao thượng, sự nghiệp công huân tột bậc to tát, mà còn khiêm tốn nhún nhường, chẳng kiêu căng ngần ấy, sao mọi người chẳng biết học theo?

Người độ lượng lớn ắt phước trạch sâu dày, kẻ độ lượng cạn cợt ắt phước trạch mỏng tanh! Khiêm hư hoặc là vênh vang tự mãn, họa hay phước rạch ròi, há chẳng nên thận trọng ư? Hơn nữa, những chuyện như phú quý, tài năng có gì đáng để ỷ vào đó mà kiêu ngạo với kẻ khác? Vì thế, chẳng bàn đến chuyện kiêu căng ắt chuốc họa, trước hết kẻ hợm hĩnh đã chôn vùi lương tâm mà chẳng biết sỉ nhục vậy!

Đời Tấn, Thạch Sùng và Vương Khải[326] tranh giàu

(anh họ của Nhân Tông. Doãn Nhượng là hậu duệ của Triệu Nguyên Phận. Nguyên Phận là con thứ tư của Tống Thái Tổ) từ bé; do vậy, các quan (đứng đầu là Văn Ngạn Bác) thuyết phục Tống Nhân Tông lập Triệu Thự làm hoàng tử kế nghiệp, tức Tống Anh Tông. Tống Anh Tông làm vua bốn năm thì mất, hưởng dương ba mươi bốn tuổi. Con trai ông là Dĩnh Vương Triệu Húc nối ngôi, tức Tống Thần Tông.

326 Thạch Sùng tên tự là Quý Luân, là Thái thú quận Thành Âm. Do có công đánh hạ Đông Ngô, cho nên được phong làm An Dương Hương Hầu, làm đến chức Thứ sử Kinh Châu. Do tư thông với giặc cướp, cướp bóc những khách buôn, hắn trở thành giàu có. Sẵn tiền bạc, lại khéo kinh doanh, Thạch Sùng trở thành bậc cự phú, nhất là các mối lợi do vận tải hàng hóa bằng tàu bè khiến cho hắn giàu nhất thuở ấy. Vương Khải là em trai của Vương Nguyên Cơ (chánh thất của Tư Mã Chiêu. Về sau, Vương Nguyên Cơ được phong làm Văn Minh Hoàng Hậu). Do vậy, Vương Khải là cậu của Tấn Vũ Đế và cũng là một tay giàu có cực kỳ xa xỉ thời ấy. Hai bên đấu giàu đến mức hoang đường như Vương Khải dùng nước đường để chùi rửa nồi (đường thuở ấy rất mắc), Thạch Sùng

với nhau. Vương Khải làm một bức màn che bằng tơ tía dài bốn mươi dặm. Thạch Sùng làm bức màn bằng gấm dài năm mươi dặm để giành phần hơn. Vương Khải lại từng đem khối san hô được ban tặng từ trong cung có đường kính cả thước để khoe với Thạch Sùng. Thạch Sùng lấy thiết như ý đập vỡ nát, Vương Khải nổi nóng. Thạch Sùng bèn đem ra những thứ cất giữ trong nhà, đều là những cây san hô loại to hai đến ba thước, lấy ra một cành san hô để đền cho. Những vật trân quý, hiếm lạ khác, không ai tranh thắng được! Về sau, Thạch Sùng do mắc tội bị hành hình, bèn thở dài: "Lũ tôi tớ tụi bay chỉ vì muốn chiếm tài sản của tao". Ôi, một lời khi sắp chết của Thạch Sùng còn gì rõ ràng hơn? Nhưng nếu như sớm biết ắt sẽ chẳng khoe khoang! Nỗi họa do kiêu căng, khoe khoang khốc liệt đến mức ấy, người thời nay trong mỗi câu nói, mỗi hành động, há chẳng nên cẩn thận vậy thay!

Đố kỵ thì nam lẫn nữ đều có. Nam nhân thấy người khác có công danh bèn ganh tỵ, thấy người khác phú quý bèn ganh tỵ, thấy người khác có địa vị cao hơn

---

sai gia nhân dùng nến đốt lò thay cho củi! Đến khi Tấn Huệ Đế lên ngôi, Thạch Sùng cùng Tướng Quốc là Triệu Vương Tư Mã Luân tranh giành kỹ nữ Lục Châu. Khi ấy, Thạch Sùng được phong làm chức Thái phỏng ở đất Giao Chỉ. Tại đó, có một kỹ nữ lừng danh là Lục Châu, Thạch Sùng mua về, dựng một biệt thự đặt tên là Kim Cốc cho nàng ở. Tư Mã Luân mê đắm, tìm cách chiếm đoạt nên đã lập kế gán tội cho Thạch Sùng, khiến cho Thạch Sùng bị tử hình. Trong dân gian, tương truyền Thạch Sùng vì tiếc của, hóa thành một loài bò sát hay chắt lưỡi, tức con thạch sùng.

mình bèn đố kỵ, thấy kẻ khác tài năng vượt trỗi mình bèn đố kỵ, đều là do lòng dạ nông cạn hẹp hòi mà ra. Còn như phụ nữ do tranh giành sự sủng ái kết thành oán cừu, thường là dẫn đến gieo họa cho gia đình, tuyệt tự! Tội ấy càng chẳng thể kể xiết! Sống thì bị ai nấy đều nghiến răng, thống hận, chết sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ngõ hầu bù đắp tội ấy. Giữ cho bản thân chánh đáng hòng làm gương mẫu chính là chức trách của nam tử vậy!

Đời Chu, tướng nước Ngụy là Bàng Quyên đố kỵ tài năng của Tôn Tẫn[327] bèn chặt chân ông ta, về sau Bàng Quyên bị Tôn Tẫn giết. Đời Đường, Ngư Triều Ân và Trình Nguyên Chấn đố kỵ Quách Tử Nghi công

327 Tôn Tẫn không rõ tên thật là gì, do bị chặt chân (Tẫn, 臏), nên gọi là Tôn Tẫn. Chỉ biết ông là hậu duệ của danh tướng Tôn Vũ. Tổ tiên của Tôn Tẫn vốn họ Trần, là hậu duệ của công tử Trần Hoàn nước Trần. Đến đời Trần Thư, do giúp vua Tề đánh nước Cử lập đại công, nên được ban họ là Tôn, đất phong tại Lạc An. Trần Thư trở thành thỉ tổ họ Tôn. Đến đời cháu của Tôn Thư là Tôn Vũ do tránh nội loạn nước Tề, chạy sang Ngô, trở thành danh tướng tại đó. Tôn Tẫn là cháu năm đời của Tôn Vũ. Khi Bàng Quyên trở thành đại tướng tại nước Ngụy, tự biết tài năng không bằng Tôn Tẫn, bèn sai người thỉnh Tôn Tẫn đến nước Ngụy. Bàng Quyên trọng đãi hòng học lóm binh pháp của Tôn Tẫn, lại ngấm ngầm vu tội đến nỗi vua Ngụy tức giận hạ lệnh chặt chân Tôn Tẫn, thích chữ lên mặt. Khi sứ giả nước Tề sang sứ nước Ngụy, Tôn Tẫn bí mật dùng thân phận tù nhân bái kiến sứ giả, dùng lời lẽ thuyết phục khiến cho ông ta đồng ý lén giấu Tôn Tẫn đem về nước Tề. Khi về Tề, ông được tướng Điền Kỵ coi trọng. Tôn Tẫn bày kế khiến cho Điền Kỵ luôn thắng cuộc, thắng Tề Oai Vương cả ngàn lạng vàng. Do vậy, Tề Oai Vương biết tiếng, mời ông dạy binh pháp. Ông đã khiến cho quân nước Tề hùng mạnh, luôn chiến thắng, đánh bại nước Ngụy, giết sạch quân Ngụy và Bàng Quyên trong trận Mã Lăng. Trong dân gian, Tôn Tẫn được tôn là tổ của các nghề làm hài cỏ, thuộc da, đốt than, làm đậu hủ và đắp tượng.

cao, chức cả, thường mưu hại, gièm báng, rốt cuộc chúng nó đều mắc tội, họ Ngư bị giết, họ Trình bị đi đày. Đời Tống, Hàn Thác Trụ đố kỵ Văn Công Chu Hy đang giữ chức Hoán Chương Các Đãi Chế, bèn kéo bè lập đảng bài xích Chu Hy là ngụy học. Nhất thời, các bậc quân tử đều bị bài xích, chèn ép. Về sau, Hàn Thác Trụ bị Sử Di Viễn giết chết. Đời Bắc Tề, Thích Minh Sâm bình sanh hễ thấy người tài đức cao hơn mình, luôn đố kỵ sâu xa. Về sau, hắn biến thành mãng xà trong chốn rừng rậm, chui vào hang hốc. Xét ra, bài thuốc trị đố kỵ của Lương Vũ Đế do tả hữu tâu trình: "Xin bệ hạ hãy rộng ban thưởng cho quần thần, khiến cho kẻ bất tài chẳng đố kỵ người có tài, kẻ ham tự lợi chẳng đố kỵ người giữ lẽ công chánh, kẻ ô trược chẳng đố kỵ người thanh cao, kẻ tham lam chẳng đố kỵ bậc liêm khiết", cũng là một đầu mối để khuyến hóa. Vua cho là đúng, như vậy thì đố kỵ há chỉ có phụ nữ là như vậy mà thôi ư!

Vào đời Chu, vợ Tô Bào ở nước Tống là Nữ Tông (女宗, tấm gương cho nữ giới) phụng sự mẹ chồng hết sức hiếu thảo. Tô Bào làm quan ở nước Vệ ba năm, lấy vợ ở ngoài. Chị dâu nói cho vợ ông ta biết, Nữ Tông đáp: "Phụ nữ coi chuyên nhất là trinh, coi khéo vâng lời là thuận, há chuyên coi chuyện được chồng sủng ái là tốt lành ư? Theo lễ, đại phu có thể lấy ba vợ, kẻ sĩ có thể lấy hai vợ. Chồng em là kẻ sĩ có hai vợ thì

cũng chẳng hợp lý hay sao? Vả nữa, phụ nữ có thất xuất[328] thì ganh tỵ đứng đầu. Chị chẳng đem lễ nghĩa cư xử sao cho gia đình trong ấm ngoài êm để bảo ban em, lại ngược ngạo muốn em làm theo hành vi khiến cho chồng ruồng bỏ ư?" Vua Tống nghe chuyện, biểu dương bà ta trong vùng ấy, phong hiệu là Nữ Tông.

Bác của Lô Biện làm huyện lệnh Hồ Thành. Lô Biện đến thăm ông ta, mộng thấy đến một nơi có mười chiếc cối xay lớn. Bên cối xay có vô số phụ nữ, cối xay luôn tự xoay chuyển. Lính đầu trâu dùng cái ky lớn xúc phụ nữ đổ vào miệng cối, xay rồi nhả ra, xương thịt nát bét, tiếng kêu than đau đớn khó thể chịu đựng nổi. Từ trong đám người ấy, Lô Biện thấy bác gái tức vợ của quan huyện Hồ Thành. Trông thấy nhau, đôi bên buồn vui xen lẫn, Lô Biện hỏi những người ấy vì sao phải chịu tội? Bà ta đáp: "Do phạm tội đố kỵ mà phải đến nơi đây!" Ôi, quả báo của sự ghen tỵ trong địa ngục là như thế đó, đáng sợ lắm thay!

Lương Nhân Dụ sủng ái một tỳ nữ, vợ là Lý Thị ghen tuông, ngược đãi cô ta, trói cô tỳ nữ, đánh vào đầu. Tỳ nữ gào thét: "Tôi là hạng đầy tớ kém hèn, bị ràng buộc, chẳng tự do, nương tử gô cổ tôi, đau khổ,

328 Theo thiên Bổn Mạng trong sách Lễ Ký, nếu phụ nữ phạm vào một trong bảy điều thì sẽ bị chồng bỏ, gọi chung là thất xuất (七出), tức là: 1. Chẳng hiếu thuận với cha mẹ chồng; 2. Không có con; 3. Phạm tội tà dâm; 4. Đố kỵ; 5. Có ác tật; 6. Nói quá nhiều, thèo lẻo, đâm thọc, dựng chuyện v.v… 7. Trộm cắp.

tàn độc còn gì hơn?" Cô tỳ nữ chết hơn một tháng, Lý Thị ngã bệnh, luôn bị oan hồn của cô tỳ nữ làm khổ, trên đầu bốn phía đều mọc ung nhọt, gào khóc rên xiết, thối rữa não mà chết.

Đời Tấn, vợ của Giả Sung là Quách Thị tánh hay ghen tuông. Bà ta từng sanh con. Nhũ mẫu ẵm đứa bé, Giả Sung thừa cơ giả vờ ôm con để ôm lấy nhũ mẫu. Quách Thị bèn giết chết nhũ mẫu, đứa bé nhớ nhũ mẫu, khóc lóc mà chết. Giả Sung rốt cuộc tuyệt tự. Giả Sung là tay đại gian hùng gây hại cho nước nhà, vì thế hắn lấy phải bà vợ ghen tuông để rồi dòng họ tuyệt diệt[329].

329 Giả Sung, tên tự là Công Lư, người huyện Tương Lăng, quận Bình Dương. Hắn làm Thượng thư lang dưới đời Tào Ngụy. Về sau làm Tham quân cho Đại tướng quân Tư Mã Sư, lập chiến công, được con của Tư Mã Sư là Tư Mã Chiêu rất tán thưởng. Hắn dốc hết tâm lực phục vụ Tư Mã Chiêu. Khi vua Tào Ngụy là Tào Mao đánh Tư Mã Chiêu để giành lại quyền bính, đội quân cấm vệ của Tư Mã Do (em trai Tư Mã Chiêu) thất thế, Giả Sung đã cầm quân chống lại, xúi vệ binh Thành Tế đâm chết Tào Mao rồi đổ tội giết vua lên đầu Thành Tế. Khi con Tư Mã Chiêu là Tư Mã Viêm ép vua Ngụy là Tào Hoán nhường ngôi, Giả Sung được phong làm Thượng thư lệnh, thị trung (tức vai trò Thừa tướng thời ấy). Trước khi lấy Quách Thị (tức Quách Hòe, con gái của Quách Phối), Giả Sung đã lấy Lý Phu Nhân. Vì cha của Lý Phu Nhân chống lại Tư Mã Sư, bị kết tội, Giả Sung bèn bỏ Lý Phu Nhân nhằm tỏ lòng trung thành với giòng họ Tư Mã. Quách Hòe sanh được hai con gái là Giả Nam Phong và Giả Ngọ, một trai là Giả Lê Dân (tức là đứa bé bị chết đang nói ở đây). Thoạt đầu, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Chiêu) muốn cưới Giả Ngọ cho Thái tử Tư Mã Trung, nhưng Giả Ngọ còn quá bé, cho nên Giả Sung đã lấy Giả Nam Phong thay vào. Tuy Giả Nam Phong xấu xí, đen đúa, Tư Mã Trung lại mê mệt Giả Nam Phong, không thiết tha học tập chánh sự. Một vị đại thần là Vệ Quán đã khuyên vua Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) hãy phế Thái tử vì Thái tử trí tuệ chậm lụt, kém phát triển. Tấn Vũ Đế bèn sai người đem các tấu chương cho Thái tử phê trình để xem Tư Mã Trung có quá đần độn như lời Vệ Quán nói hay không. Giả Nam Phong đã khéo léo

Đó là đạo trời vậy, nhưng trong cõi đời, vẫn còn không ít kẻ do ghen tuông mà tuyệt tự! Những người đàn bà ghen tuông dẫu chẳng nghĩ tội sâu ác lớn, khó trốn quả báo trong địa ngục, sao chẳng nghĩ nỗi niềm tuyệt tự trước mắt, mộ hoang, hài cốt lưu lạc, hồn phách vơ vẩn nơi chốn mộ phần trong đêm mưa dầm gió buốt thê lương, chỗ chôn cất trở thành nơi chăn dắt, trâu dê giày xéo? Các tiết Hàn Thực, Thanh Minh, ai dâng chén nước? Chốn đồng hoang cỏ phủ, khói sương, quỷ khóc tỉ tê là vì lẽ nào vậy? Buồn bã thay! Tôi nói đến đây cũng khôn ngăn động lòng xót xa đau đớn cho những hạng người ấy mà gào khóc, thở dài sườn sượt. Phàm làm thân phụ nữ, hãy sớm kịp suy nghĩ, nhưng tôi lại ngẫm nghĩ: Trường hợp của Giả Sung bị tuyệt tự vốn là do đạo trời báo ứng, khiến cho mụ vợ ghen tuông xuất hiện trong nhà ấy, cũng là sự xảo diệu của

---

nhờ người tài giỏi phê các tấu chương, rồi bảo Tư Mã Trung chép lại, cho nên Tấn Vũ Đế vẫn tưởng Tư Mã Trung có năng lực. Giả Sung biết chuyện, xúi Giả Nam Phong ton hót với Tư Mã Trung nói khéo với Tấn Vũ Đế hòng lung lạc nhà vua, hại chết Vệ Quán. Cuối thời Tấn Vũ Đế, ba tên gian thần là Giả Sung, Bùi Tú và Vương Nhung đã lũng đoạn triều chánh. Khi Tấn Huệ Đế (Tư Mã Trung) lên ngôi, do quá nhu nhược, quyền hành hoàn toàn nằm trong tay các đại thần. Giả Hậu (Giả Nam Phong) thừa cơ cấu kết với Tư Mã Lượng lập mưu giết chết Dương Tuấn (ông ngoại của Huệ Đế) đang nắm quyền Thái phó, giết chết cả Dương Thái hậu (mẹ của Huệ Đế) và vợ Dương Tuấn (bà ngoại của Huệ Đế), Huệ Đế chỉ biết ngơ ngác nhìn họ bị hành hình. Sau đó, Giả Hậu mặc sức dâm loạn, công khai bắt thanh niên trai tráng vào cung hành lạc mỗi đêm, Huế Đệ chỉ biết câm lặng nín chịu cho đến khi chú vua là Tư Mã Luân khởi binh, giết chết Giả Hậu, tận diệt dòng họ Giả Sung. Sau đó, Tư Mã Luân cướp ngôi Tấn Huệ Đế. Về sau, nhờ Tư Mã Quýnh đánh bại Tư Mã Luân, Huệ Đế lại làm vua.

ác báo vậy. Người đàn ông làm chồng há chẳng nên nghĩ tích đức hòng xoay chuyển lòng trời, chỉ lo trách móc đàn bà ghen tuông ư?

Đời Hậu Ngụy, vợ của Đỗ Xương là Liễu Thị hết sức ghen tuông. Có đứa tớ gái tên là Kim Kinh. Đỗ Xương tắm, sai nó cắt tóc, Liễu Thị bèn chặt đứt hai ngón tay của nó. Không lâu sau, Liễu Thị bị hồ ly cào cắn rụng mất hai ngón tay. Lại có một tỳ nữ tên là Ngọc Liên có thể ca xướng, Đỗ Xương yêu thích, Liễu Thị bèn cắt lưỡi nó. Về sau, lưỡi của Liễu Thị lở loét, thối rữa. Sự tình cấp bách, bà ta liền đến chỗ Trù thiền sư sám hối. Sư dạy: "Phu nhân đã cắt ngón tay của đứa tớ gái, đã bị rụng ngón tay. Bà cắt lưỡi đứa tớ gái, lại bị đứt lưỡi. Chí tâm hối lỗi sẽ có thể thoát khỏi". Liễu Thị đảnh lễ, xót xa cầu khẩn. Trải qua bảy ngày, thiền sư bảo bà ta há to miệng, chú nguyện, có hai con rắn từ miệng chui ra, dài hơn cả thước. Sư gấp rút chú nguyện, rắn bèn rơi xuống đất, lưỡi Liễu Thị cũng được bình phục. Từ đấy, bà ta chẳng còn ghen tuông nữa. Phàm người hối lỗi, sửa ác, thần và người đều cùng hoan hỷ. Nếu quý vị đã tạo tác vô biên tội nghiệp, chỉ cần từ nay trở đi hối cải, chẳng tái phạm thì tội trước sẽ nhất thời tiêu tan. Câu chuyện này là một chứng cớ rõ rệt. Nhìn vào chuyện này mà hối cải thì đúng là may mắn to lớn vậy!

Than ôi! Sự oán hận của phụ nữ chẳng cùng tận, tánh tình của phụ nữ dễ kết oán hận nhất. Vì thế, phụ

nữ đích thân làm những chuyện độc địa thê thảm, hãm hại ngấm ngầm chẳng thể ngờ được! Chỉ có cách là khi người nữ còn chưa gả đi, cha mẹ, anh em trong gia đình đã khuyên bảo sẵn. Nếu đã gả đi thì hãy khéo léo kiềm chế cô ta, đừng giúp sức thổi bùng thêm ngọn lửa ghen tuông, ngõ hầu lòng ghen tuông sẽ ngưng dứt bớt. Từ đó, chuyện điều đình, cảm hóa lại cậy vào chồng của người ấy. Nếu chồng đắm sắc, công khai dâm uế, đến nỗi vợ nổi cơn sư tử Hà Đông gầm rống, bậc quân tử chỉ kết tội người chồng dâm dật, đấy cũng là đặc biệt tiện nghi cho người vợ đó thôi!

Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô.

無行於妻子。失禮於舅姑。

Đối xử với vợ con không ra gì, chẳng lễ phép đối với bố mẹ chồng.

Đối đãi với vợ hãy nên hòa hoãn, kính trọng. Đối đãi với con cái hãy nên nghiêm nghị, chánh đáng. Chẳng đối đãi với vợ bằng lễ nghĩa ắt sẽ đánh mất tình nghĩa "phu xướng phụ tùy". Chẳng dùng đạo để dạy con ắt sẽ tổn thương ân nghĩa sanh thành, dưỡng dục. Bất nghĩa, chẳng có lòng từ đều gọi là "vô hạnh". Nay người ta thường là đối đãi với vợ nếu không khắc bạc, thiếu ân huệ ắt sẽ suồng sã, không chừng mực; đối đãi với con nếu không quá mức nuông chiều ắt sẽ nghiệt ngã, quở trách quá đáng. Chính mình đã thật sự vô

hạnh còn trách móc vợ con nỗi gì?

Đời Hậu Hán, Trương Trạm trang trọng nghiêm cẩn, chuộng lễ, cư xử ắt cung kính. Mỗi khi gặp vợ con ắt giảng nói những giáo huấn về lễ, cũng như dùng những lời lẽ tốt lành, hạnh đẹp đẽ để giáo huấn, giống như bậc quân vương trang nghiêm ngự giữa bầy tôi. Vì thế, vợ ông ta đối với người trong nhà cũng có thể khuyến khích, đốc thúc lẫn nhau. Do đó, gia đình Trương Trạm được tiếng thơm trong làng nước. Tấm gương này thật đáng dùng làm phương pháp tốt đẹp để dạy bảo vợ con.

Sử Đường khi còn hàn vi đã cưới vợ. Đến khi đỗ đạt, hắn tiếc hận không thể cưới con gái nhà giàu làm vợ. Do hối tiếc, hắn ngày càng xa lánh vợ, chẳng còn ngủ chung nữa. Bà vợ uất ức thành bệnh. Đã mấy năm Sử Đường chẳng ngó ngàng tới, vợ cũng nuốt hận. Lâm chung, vợ ở cách vách gọi Sử Đường: "Nay tôi sắp chết, ông nhẫn tâm không ngó ngàng ư?" Sử Đường trọn chẳng đoái hoài. Tới khi vợ đã chết được một năm, cõi âm trách hắn tội bạc ác, bất lương, tước giảm thọ lộc của hắn. Hắn bị bệnh đột ngột mà chết.

Vương Dao ở Trác Châu nuông chiều hai đứa con trai quá lố, dưỡng chúng thành tánh ác, không thể kiềm chế được, đành phải thưa lên quan. Hai đứa con trai đều chết, hắn bèn bị tuyệt hậu. Tới khi Vương Dao

chết, vào đêm ngày Rằm tháng Hai năm sau, ông Từ giữ miếu Thành hoàng xứ ấy là Lưu Tiến ngó thấy một người cầm đơn xin được cúng tế vào tiết Thanh Minh. Thành hoàng giận dữ phán: "Ngươi có con mà chẳng thể dạy, tự chấm dứt giòng dõi, ai có thể cúng bái cho ngươi?" Thành hoàng sai quỷ tốt đuổi đi, người ấy khóc to rời đi. Ngày hôm sau, miếu chủ dò hỏi mới biết là Vương Dao đã chết hơn một năm. Cổ nhân có nói: "Con cái nhà Khổng Tử chẳng biết chửi, con nhà Tăng Tử không biết đấu đá", đó là do đã huân tập thành tánh. Lại nói: "Nuôi con em như dưỡng cỏ chi, cỏ lan". Đã dùng học vấn tích lũy để vun bồi, lại còn nhuần thấm chúng bằng những điều thiện đã tích tập. Trong vòng cha con, chẳng thể nuông chiều những đứa còn nhỏ. Từ bé, đã đưa con vào khuôn khổ chặt chẽ, ràng buộc bằng pháp tắc, ắt khi nó lớn lên sẽ chẳng trở thành hạng không ra gì! Lại nói: "Người có mấy đứa con, đối với chuyện ăn uống, quần áo, chớ nên không chia sẻ đồng đều. Chớ nên không giữ nghiêm vai vế và tôn ty giữa người lớn và trẻ nhỏ. Hiền ngu, đúng sai khác biệt, chẳng thể không biện định. Từ bé, đã thể hiện sự đồng đều, ắt chẳng lo chúng lớn lên sẽ tranh chấp tài sản. Từ bé đã bị trách phạt nghiêm ngặt, ắt chẳng lo lớn lên, con sẽ trái nghịch, khinh mạn. Từ bé đã dạy con phân biệt thiện ác, đúng sai, hiền ngu, ắt chẳng lo lớn lên con sẽ thành phường trộm cướp". Gộp chung những điều vừa nói trên đây, mọi người cũng sẽ biết

pháp tắc nuôi dạy con!

Vợ phụng sự bố mẹ chồng giống hệt như con cái phụng sự bố mẹ ruột. Mềm mỏng, vẻ mặt tươi vui, ăn nói nhẹ nhàng. Thông cảm nỗi lạnh nóng, quan tâm bệnh tật, đau ngứa của bố mẹ chồng. Họ ra vào ta đều đến nâng đỡ, nếu thất lễ đôi chút sẽ là bất hiếu, tội ác ngập trời, lửa sét sẽ lập tức tru diệt! Ôi, tôi còn nói cao hơn nữa, vợ đối với bố mẹ chồng là sự kết hợp do mối quan hệ giữa con người với nhau, con cái đối với cha mẹ là sự kết hợp bởi tình thiên luân. Trước nay, con bất hiếu với cha mẹ, mà vợ lại riêng một niềm hiếu thảo với bố mẹ chồng, tôi trộm sợ rằng chẳng hề có lẽ ấy! Vì thế, kẻ làm vợ mà thất lễ đều là do kẻ làm con chẳng hiếu thảo với bố mẹ mà ra vậy. Thần tru diệt, quỷ quở trách, há chuyên trách phạt kẻ làm vợ mà thôi ư? Mong trọn khắp những kẻ làm con hãy suy nghĩ!

Ngày hai mươi hai tháng ba năm Sùng Trinh thứ năm (1632) đời Minh, tại huyện Sơn Dương ở Hoài An, vợ của Mao Kế Tông là Phùng Thị bẩm tánh chí hiếu. Mẹ chồng tuổi cao, bệnh tình nguy ngập, ông Mao lại phải vận lương vào kinh thành. Vợ bèn tắm rửa, thay quần áo, trong đêm tối thỉnh cầu trời cao cho mình chết thay. Vợ cầm đao đâm vào hông, đầu gan ló ra. Bỗng nghe con gọi, cô ta sợ con làm kinh động mẹ chồng tỉnh giấc, bèn lấy chiếc khăn che vết thương, vào vỗ về đứa con. Lại lo một chút gan không đủ chữa lành, bèn

kiền thành cầu nguyện để mổ lần nữa. Khi ấy, trăng còn chưa mọc, trời bỗng sáng sạch, các ngôi sao đều chói ngời, chiếu vào thân người vợ, sáng trưng như ban ngày. Vợ rạch bụng lấy được một miếng gan, liền tức thời nấu canh dâng cho mẹ chồng ăn. Mẹ chồng vừa mới nếm canh, liền cảm thấy canh thơm ngọt dị thường, bèn hỏi là vật gì? Vợ nói trại đi là nhà hàng xóm bắt được con nai, đây là gan nai. Mẹ chồng ăn hết, bệnh theo đó được khỏi hẳn. Khi ấy, cô ta do lòng chí thành cảm vời, vết thương không đau, nhưng khó giấu vết máu, bị cô em chồng phát hiện, cả nhà kinh hãi, truyền tụng. Mẹ chồng mới biết con dâu cứu mình, khóc rống, cảm kích tấm lòng thương yêu của con dâu. Nhất thời, các sĩ phu trong làng hợp sức viết sớ tâu lên triều đình, nhưng do bị bọn quan nha đòi hỏi tiền lót tay, chẳng thể tâu lên thiên tử. May mà có chư sanh Giang Thiên Nhất ở Huy Châu viết thành bộ Kỳ Hiếu Kinh Thiên Tập để truyền tụng chuyện này!

Đời Tống, Giả Đam làm Tiết độ sứ ở Hoạt Châu. Khi ấy, có một người đàn bà dân dã, phụng sự mẹ chồng bất hiếu. Mẹ chồng tuổi già, mắt lòa, mụ ta cho mẹ chồng ăn thức ăn bẩn. Mẹ chồng thấy đồ ăn có vị lạ, nhằm lúc con trai từ bên ngoài trở về, mẹ chồng đem thức ăn hỏi con. Đứa con trông thấy, ngửa mặt lên trời khóc lớn. Bỗng sấm sét ầm ầm giáng xuống, chặt phăng đầu mụ vợ, gắn đầu chó vào đấy. Giả Đam biết chuyện, sai dắt mụ ta đi khắp trong vùng nhằm cảnh tỉnh phường bất

hiếu. Than ôi, người thời nay cứ hở ra là bảo "tánh phụ nữ như nước, chẳng thể lập tức dạy được". Nói kiểu ấy sao mà vô lý quá đáng vậy? Những kẻ đang còn là con gái chưa chồng trong hiện thời, cha mẹ đã đánh mất phương cách nuôi dạy, đến khi những người nữ ấy làm vợ, chồng lại ngu đần chẳng biết sự lợi ích của việc nêu gương mẫu tốt đẹp cho vợ học theo, sẽ liền cảm thấy vợ mang thói ác ngỗ nghịch, dâm đãng, đố kỵ chẳng thể khống chế. Nếu như người làm cha mẹ, đối với con gái từ thuở bé cho đến tuổi cài trâm, thường luôn dùng sự hiếu kính, nhu thuận để chỉ bảo, hướng dẫn cái tâm của con thì mai sau con gái mình dẫu được gả làm vợ một thằng chồng bất tài, con cũng có thể tự biết cách thành gia lập nghiệp. Huống hồ là được gả cho người thông hiểu lễ pháp, lại còn là bậc quân tử hiếu đễ, thiện lương ư? Dạy con gái cũng như dạy con trai đều phải coi trọng, cố nhiên phải bảo ban lời này trọn khắp thiên hạ!

Khinh mạn tiên linh, vi nghịch thượng mạng.

輕慢先靈。違逆上命。

Khinh rẻ hương linh tổ tiên. Vi phạm mạng lệnh của bề trên.

"Tiên linh" (先靈) là hương linh tổ tiên. Phàm tẫn liệm vô lễ, cư tang không theo chế định của lễ nghi, chẳng nhanh chóng an táng, trai giới, cúng quải chẳng có lòng thành, chẳng siêng năng thăm viếng, quét dọn mộ phần, miếu thờ (chỗ thờ phụng) không ngăn nắp,

hương đèn khi có khi không, đều là khinh mạn! Ôi, nguồn nước, cội cây, há dám quên bẵng? Nếu kẻ nào phạm sai sót đối với chuyện này, tôi chẳng biết nên gọi hạng người ấy là gì nữa?

Đời Lương, Thái tử Chiêu Minh (Tiêu Thống) bẩm tánh nhân từ, hiếu thảo. Mẹ ruột của ông là bà quý tần họ Đinh (Đinh Lệnh Quang) mất, Thái tử chẳng uống nước hay canh, thường khóc ngất đi. Lương Vũ Đế khuyên nhủ: "[Người đã mất, thân thể] hủy hoại, nhưng bản tánh bất diệt. Có ta còn đây, con há có nên như thế". Thái tử mới miễn cưỡng uống mấy hớp. Từ ngày ấy cho đến khi an táng mẹ, mỗi ngày chỉ dùng một thưng cháo mạch. Thân thể Thái tử vốn tráng kiện, vòng eo to lớn, cho đến khi ấy (an táng xong xuôi) giảm mất quá nửa. Mỗi khi vào triều, các quan và dân chúng trông thấy, không ai chẳng ứa lệ.

Trần Cảo do đã đậu cống sanh bèn tới kinh đô. Anh ta đến miếu thờ thần cầu xin thần giáng mộng, mộng thấy thần nói: "Quan tài của cha ngươi chưa hạ táng, chẳng thể hỏi đến chuyện đỗ đạt được!" Trần Cảo chưa tin. Năm sau, anh ta thi trượt khóa thi Hội, bèn trở về vội vã lo an táng xong xuôi. Lại đi thi, mới thi đỗ. Công Quá Cách chép: "Cha mẹ mất mà ba năm chưa chôn, cứ tính mỗi tháng chậm trễ là mười lỗi. Chôn cất mà không trọn hết tâm lực, hoặc là đến nỗi để cho di thể của cha mẹ bị hư hoại, phạm một trăm lỗi. Sau khi

đã nhận biết mà không sửa đổi, cứ tính mỗi ngày chậm trễ là mười lỗi". Sách còn chép: "Bỏ sót chuyện cúng giỗ tổ tiên, bất kính thì tính là một lỗi. Nếu do vui chơi mà bỏ sót ngày giỗ thì tính lỗi gấp năm lần".

Đặng Tả Danh mỗi lần tảo mộ ắt sẽ lưu lại đó cho đến ngày hôm sau mới về. Ông nói: "Trong vòng một năm, đến đây được mấy ngày, tôi không nỡ lòng bỏ đi ngay". Lời nói chí tình thay! Thế tục hiện thời mỗi năm vào dịp tết nhất hoặc tiết Thanh Minh mới đến nơi phần mộ một lần, ngoài ra để mặc cho người thân nơi gò hoang chẳng hỏi tới! Lúc cúng tế thì đại khái là cùng với anh em, thân hữu tận tình vui chơi, ngắm cảnh vui sướng hết mình rồi về. Vào dịp tết nhất, chẳng phải nhằm quét dọn lá tùng phủ đầy trên mộ, mà chỉ là thưởng thức hoa mai. Thanh Minh chẳng phải là đến thăm mộ, chỉ là dự hội Đạp Thanh[330]. Chao ơi, chẳng dùng bổng lộc phụng dưỡng song thân, mà cứ ôm vợ con thì có lợi ích gì? Lúc sống chẳng dâng chén cơm bát nước đơn sơ, mất rồi bày cỗ bàn la liệt để làm gì?

330 Đạp Thanh (踏青) là đi ra ngoại thành chơi xuân. Do tản bộ du ngoạn, bước lên cỏ xanh, nên gọi là Đạp Thanh. Thuở xưa lấy ngày Thanh Minh làm hội Đạp Thanh, vừa đi tảo mộ, vừa đi chơi dã ngoại. Thoạt đầu, Đạp Thanh chỉ là dịp để du ngoạn chơi xuân sau những tháng tù túng vì mùa đông, dần dần kết hợp với tảo mộ. Ngày này cũng là dịp để nam thanh nữ tú thừa cơ gặp gỡ, mắt đi mày lại, ngấm nghé chọn người phối ngẫu, cho nên sách Cảm Ứng Thiên mới chê trách chuyện mang tiếng tảo mộ, nhưng thật ra là diện quần áo xênh xang, ngoạn cảnh, ăn uống, trai gái ngắm nghía, tò vè nhau, trọn chẳng có lòng tưởng nhớ tổ tiên.

Bầy tôi nghe theo lệnh vua, con nghe theo lệnh cha mẹ, đệ tử nghe theo lời thầy. Phàm hết thảy những kẻ thuộc phận dưới, nghe theo lệnh của người trên đều gọi là "thượng mạng". Nếu xét theo đạo nghĩa, chẳng thể thi hành mạng lệnh ấy cũng nên uyển chuyển thưa bày khiến cho người bề trên bị cảm động. Trước hết, xin hãy dâng lời can ngăn, thưa trình nguyên do chẳng dám vâng theo lệnh ấy. Nếu xét theo đạo nghĩa là chuyện đáng nên làm mà chẳng dốc hết sức vâng làm đã là có tội, huống là trái nghịch ư? Kẻ trái nghịch chính là khởi nguồn của phường loạn thần tặc tử vậy!

Đời Minh, Đào An là người huyện Đương Đồ. Minh Thái Tổ sai ông ta trông coi Hoàng Châu, phủ dụ rằng: "Ngươi hãy khéo vỗ về dân chúng". Đào An kính cẩn vâng theo lệnh trên. Khi tới quận, ông miễn trừ thuế khóa, giảm nhẹ những việc lao dịch rườm rà, siêng năng giáo huấn các quan cấp dưới, giảm nhẹ trừng phạt, dân chúng đều vui vẻ khâm phục. Ông lại được triệu về kinh làm Học sĩ, đổi sang làm chức Giang Tây Hành tỉnh, Tham tri chánh sự. Không chuyện gì chẳng tận tâm kiệt lực chu toàn lệnh trên. Đào An mất, vua đích thân soạn bài văn tế, tặng thụy hiệu, cho con ông ta được tập ấm. Con cháu ông đều đỗ đạt, đạt tới địa vị khanh tá (卿佐, địa vị chấp chánh phù tá đại thần). Những kẻ nay được làm người chăm nom dân đen đều là cậy vào mạng lệnh của Hoàng đế, thế mà họ bạo ngược tàn khốc đối với sanh linh, tàn hại dân

chúng, trọn chẳng thấu hiểu tấm lòng nuôi dạy của đức vua ta. Cái tội trái nghịch không chi hơn được tội này! Cố nhiên là dân chúng chẳng thể làm gì được họ, nào có biết trời cao soi thấu chẳng xa. Chẳng thể ngược đãi dân, chẳng thể dối lừa trời cao đâu nhé!

Tác vi vô ích, hoài hiệp ngoại tâm.
作為無益。懷挾外心。
Làm chuyện vô ích. Ngầm đổi lòng thay dạ.

Vạn sự trong thế gian, chớp mắt đã thành rỗng không. Chỉ có những chuyện như tích đức, hành thiện, dấy điều lợi, trừ điều hại v.v… là đời đời kiếp kiếp thân luôn được thọ dụng, chẳng có cùng tận. Những thứ khác như dinh thự, nhà cửa, đài ao, áo cơm, xe ngựa, cùng với hết thảy những thứ thơ họa, những món đồ trân ngoạn đều đủ khiến cho người ta suy sụp chí hướng, thân thể phiền lụy, có ích lợi gì đâu? Còn như treo đèn diễn tuồng, hát hò, uống rượu, chơi xu bồ[331], đánh bạc, cờ vây… há chỉ là vô ích, mà còn gây

331 Xu bồ (樗蒲), còn gọi là sư bồ, ngũ mộc, trịch lô, hoặc hô lô, là một món cờ bạc, giải trí, từ ngoại quốc truyền vào Trung Hoa dưới thời Hán. Có người nói món cờ này có nguồn gốc từ trò chơi chaupar của Ấn Độ. Bộ cờ này gồm có năm loại con cờ, nên gọi là ngũ mộc, tức là bôi, mã, mộc, trù, thỉ, chia thành bốn màu đen, trắng, trĩ và độc (thật ra chỉ có hai màu là trắng và đen. Trĩ là quân cờ toàn màu đen, kèm thêm hai con cờ màu trắng có viết chữ trĩ và độc màu đen. Còn độc là quân cờ toàn trắng, kèm thêm hai con cờ đen viết chữ trĩ và mộc màu trắng). Trò chơi này bị ngăn cấm dưới thời Tống, biến tướng thành cờ đả mã (gần giống trò lắc xí ngầu chơi cá ngựa hiện thời, nhưng phức tạp hơn rất nhiều).

hại to tát, hãy cật lực răn dè!

Đời Tống, Trương Vịnh trấn thủ Thành Đô. Ông lo dân chúng vì khó kiếm ăn sẽ trộm cướp, cho nên mỗi năm trích từ tiền thuế ruộng thu từ các huyện để mua sáu vạn hộc gạo. Tới mùa xuân, dựa theo sổ sách ghi chép cặn kẽ về dân chúng, tính theo số người trong mỗi nhà để cấp phiếu mua gạo, nhà kho của chánh quyền sẽ chiếu theo giá gốc để bán ra. Do vậy, dẫu gặp năm mất mùa, cũng chẳng đến nỗi quá đói.

Trần Nghiêu Tá làm Tào Vận tại Quảng Nam. Phong tục xứ ấy là không uống thuốc. Hễ bị bệnh bèn cầu khẩn quỷ, đa số là bị chết. Ông sưu tập những bài thuốc có hiệu nghiệm gia truyền cho khắc lên đá nơi dịch trạm, quán xá, do vậy thổ dân (dân chúng nơi ấy) được nhờ.

Vương Địch làm tri phủ Thành Đô, dân chúng phần nhiều hỏa táng, ông tận lực ngăn cấm, dùng đất công để lập nghĩa địa thí, chôn cất những người chưa được an táng. Nơi ấy chẳng còn lệ hỏa táng nữa.

Tô Thức làm tri phủ Hàng Châu, đã cho vét sâu hai con sông, sửa chữa sáu cái giếng, đắp đê dài trồng liễu để ngăn lũ lụt. Do vậy, dân chúng đặt tên cho cái đê ấy là Tô Công Đề (蘇公堤, đê ông Tô).

Dụ Trọng Khoan làm tri phủ Thuận Xương. Tục lệ

xứ ấy hay dìm chết con gái. Ông soạn bài văn khuyên răn, triệu tập phụ lão tới dinh tri phủ, ân cần thăm hỏi, lại lấy bài văn ấy để khuyên lơn, hủ tục ấy bèn được biến đổi.

Trên đây, đều là những tấm gương tạo lợi ích cho người khác. Do vậy, ta biết bậc quân tử xử thế cốt sao hữu ích cho người, cho vật, há chỉ bàn suông chuyện cao xa, chẳng hề thực tế ư? Còn như chúng ta tu thân, giữ mình chánh đáng, bớt lỗi, trừ sai, thật sự là chẳng đủ thời gian mà sự việc vẫn ê hề ra đó, há có các thứ hành vi vô ích xằng bậy ư? Chẳng biết huyễn thân huyễn cảnh bỗng dưng lâm vào cảnh tan diệt, chỉ có tánh viên minh là thường còn muôn kiếp, vốn chẳng có sanh diệt. Người thời nay tiêu phí thời gian vã nước cho ướt bùn (làm chuyện vô ích), sao chẳng hướng vào đây để dụng công dốc sức đôi chút vậy thay?

Bầy tôi lừa dối vua, con ngỗ nghịch cha mẹ, vợ phản bội chồng, anh em xâm phạm lẫn nhau, bạn bè khuynh đảo lẫn nhau, đều là do cái tâm rong ruổi theo ngoại cảnh sai khiến. Nhưng chẳng đợi đến khi cái tâm ấy thể hiện ra hành động, hễ có mảy may ý niệm chớm động, người chưa biết mà quỷ thần đã biết rành rành cái tâm ấy!

Đời Tống, Tần Cối âm mưu thông đồng với người Kim, tận lực chủ trương hòa nghị. Các tướng hễ chiến trận hơi thắng thế, ngay lập tức, hắn hạ lệnh giục giã

họ rút quân; những thành thị, quận huyện vừa đoạt lại từ tay quân Kim lập tức bị vây hãm, thất thủ. Hắn lại giết chết Nhạc Phi trong ngục. Về sau, có người vào cõi âm, thấy Tần Cối ở trong địa ngục Vô Gián. Nay ở trước mộ phần Nhạc Vương ở Hàng Châu, có tượng sắt của vợ chồng Tần Cối quỳ trước đó. Người đến viếng thường đánh đập tượng đó và vẩy nước tiểu lên tượng để trút bớt nỗi hận!

Đời Minh, có gã dân tên X… ở Việt Trung đối với vợ tình cảm rất thắm thiết. Thế mà vợ hắn lại hâm mộ đứa thiếu niên hàng xóm, luôn mắt đi mày lại với nó. Dẫu ở cùng nhà với chồng mà lòng cô ả luôn tơ tưởng đứa thiếu niên ấy. Về sau, người chồng bị bệnh mất. Chưa mãn tang mà ả ta đã tái giá. Đến đêm, ả liền mộng thấy chồng đến bảo: "Ta chết mà nàng tái giá, ta chẳng trách móc gì. Ta hãy còn sống mà nàng đã mang tâm tơ tưởng người ngoài, chuyện này thật đáng hận". Bèn cầm chùy sắt đập vào lưng vợ, ả ta ngay lập tức ói máu mà chết.

Tự chú, chú tha, thiên tăng, thiên ái.
自咒咒他。偏憎偏愛。
Rủa mình, rủa người. Yêu ghét thiên vị.

Câu này nhằm nói đến chuyện nguyền rủa mà chẳng tìm được lý do chánh đáng nào! "Hễ giận dữ mà tự nguyền rủa chính mình, lại còn nguyền rủa người

khác" sẽ thuộc vào phạm vi của lời răn này. Đấy chính là điềm báo trước kẻ tiểu nhân hoặc phụ nữ sẽ chuốc họa, thường là chẳng đợi đến chết, mà là ngay lập tức đúng như lời nguyền, há chẳng nên kiêng dè ư?

Vợ của Yển Điển từng lén tằng tịu với kẻ khác, lại ăn trộm một chiếc khăn tay từ nhà hàng xóm. Hàng xóm chửi bới, Yển Điển bèn tự nguyền rủa, rủa người khác như sau: "Nếu vợ tao thật sự tằng tịu với thằng khác, và ăn trộm khăn tay của mày, tao sẽ bị sét đánh. Nếu không, ắt mày sẽ bị gánh lấy!" Không lâu sau, Yển Điển chết dưới lưỡi búa của thiên lôi. Dưới hông có chữ viết: "Gã si che chở cho vợ". Vợ hắn cũng bị sét đánh chết. Dưới hông cũng có chữ ghi rằng: "Hành gian, trộm cắp".

Đời Chu, Tử Hãn[332] nước Trịnh nói: "Hễ có nguyền

332 Tử Hãn là tên tự của công tử Hỷ (Cơ Hỷ), con trai của Trịnh Mục Công (Cơ Tử Lan). Trịnh là một nước chư hầu thời Chu, nay thuộc địa phận tỉnh Sơn Tây. Nước Trịnh được thành lập khi Chu Tuyên Vương (Cơ Tĩnh) phong cho em trai là Cơ Hữu đất Trịnh Yển. Cơ Hữu trở thành vua đầu tiên của nước Trịnh, tức Trịnh Hoàn Công. Khi Chu U Vương say mê Bao Tự, phế Thân Hậu và Thái tử Nghi Cữu, cha Thân Hậu là Thân Hầu đã mượn quân Khuyển Nhung tấn công nhà Chu, giết chết Chu U Vương. Trịnh Hoàn Công do cứu giá, cũng chết trong cuộc chiến này. Trịnh Mục Công là vị vua thứ mười của nước Trịnh, có mười ba người con trai. Ngoại trừ hai người làm vua (tức công tử Di trở thành Trịnh Linh Công, công tử Kiên thành Trịnh Tương Công), Tử Khổng bị sát hại, Tử Nhiên lưu vong, con cháu Tử Vũ và Tử Chí không được làm quan Khanh, quyền hành nước Trịnh lọt vào tay con cháu của bảy vị công tử còn lại. Họ tranh giành quyền lực đấu đá nhau, sử gọi là Trịnh Quốc Thất Mục, tức con cháu của Tử Tứ, Tử Hãn, Tử Quốc, Tử Lương, Tử Ấn, Tử Du, và Tử Phong. Sử thường gọi họ là Tứ Thị, Hãn Thị v.v…

rủa thì chính là căn bản của sự rối loạn. Sanh tử có số mạng định sẵn, chẳng phải là do yêu mà có thể sống, há có lẽ nào do ghét mà chết được ư? Nay có kẻ tự rủa mình, rủa người, mê hoặc quá đỗi, ngu muội quá đỗi!"

Phạm vi của "thiên tăng, thiên ái" (yêu ghét thiên vị) rất rộng. Phàm vua đối với bầy tôi, cha đối với con, chồng đối với thê thiếp, chủ đối với tôi tớ, đều có chuyện yêu ghét thiên vị; nhưng chỉ có trong vòng vợ trước, vợ sau, vợ cả, vợ lẽ nơi phụ nữ là nặng nề nhất. Do vậy, xưa kia Tăng Tử sau khi chôn vợ, suốt đời chẳng cưới vợ mới. Ông nói: "Cao Tông[333] vì vợ sau mà giết con ruột mình là Hiếu Kỷ. Quan lệnh doãn Cát Phủ[334] vì vợ sau mà giết con ruột là Bá Kỳ. Ta trên là chẳng sánh bằng Cao Tông, giữa là chẳng thể sánh bằng Cát Phủ, sao có thể chẳng phạm sai lầm cho được?" Lành thay! Đấy là vì sợ có lòng yêu ghét thiên vị mà giữ vẹn

333 Cao Tông tức là vua Vũ Đinh nhà Thương, còn gọi là Ân Vũ, tên thật là Tử Chiêu, là vua thứ hai mươi ba của nhà Thương. Hiếu Kỷ là con trai vua Vũ Đinh, hết sức hiếu thuận, nhưng do bị mẹ kế gièm siểm, nên bị cha xua đuổi, giết chết. Thi Tử đã chép về Hiếu Kỷ như sau: *"Hiếu Kỷ sự thân, nhất dạ nhi ngũ khởi, thị y hậu bạc, chẩm chi cao hạ dã"* (Hiếu Kỷ phụng sự cha mẹ, mỗi đêm thức dậy năm lần để nhìn xem cha mẹ mặc áo dày hay mỏng, gối kê đầu cao hay thấp).

334 Cát Phủ là đại thần thời Chu Tuyên Vương, ông được nhà Chu hết sức coi trọng, có thi tài, khéo làm thơ, phù tá Chu Tuyên Vương trung hưng nhà Chu, tu chỉnh đại nghiệp cả văn lẫn võ, từng đánh tan quân rợ Hiểm Doãn khi chúng tấn công kinh thành nhà Chu. Bá Kỳ là con của Cát Phủ. Do vợ đã chết, Cát Phủ bèn tục huyền. Vợ sau sợ Bá Kỳ sẽ được nối chức cha, bèn gièm siểm, khiến cho Bá Kỳ bị đuổi khỏi nhà, phải lang thang bẻ lá sen che thân, vớt bèo ăn cho đỡ đói.

ân tình của người làm cha vậy. Thế nhưng, vợ đã chết chẳng tục huyền, xét về mặt tình người khó khăn lắm. Chỉ mong sao sau khi tục huyền, luôn có thể lãnh hội thâm ý trong lời nói của Tăng Tử, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm sai lầm to tát vậy! Vợ trước của Từ Giáp ở Đông Hải là Hứa Thị sanh được một con trai, đặt tên là Thiết Cữu (鐵臼, cối sắt). Hứa Thị chết, Từ Giáp lại lấy Trần Thị. Mụ ta tánh hung dữ đố kỵ, muốn giết con của vợ trước. Trần Thị sanh một đứa con trai, do vậy đặt tên là Thiết Xử (鐵杵, chày sắt), hàm ý muốn giã nát cối. Thiết Cữu luôn bị đánh đập, chết vì đói rét. Khi đó Thiết Cữu mười sáu tuổi. Sau khi chết được hơn mười ngày, quỷ hồn bỗng trở về nhà bảo: "Ta là Thiết Cữu. Mẹ ta đã kêu oan trên trời, đã được thiên tào ban lệnh phù rửa sạch nỗi hận, muốn làm cho Thiết Xử bệnh tật mà chết, giống hệt như ta khi phải chịu đựng nỗi khổ vậy". Trần Thị trăm kế cầu đảo, cúng bái hòng thoát nạn, hồn Thiết Cữu chẳng rời đi. Khi ấy, Thiết Xử mới sáu tuổi, bỗng bụng trương phềnh, thân thể đau đớn, khắp thân tím bầm rồi chết!

Vào đời Chu, từ mẫu (người mẹ hiền từ) nước Ngụy vốn là con gái của Mạnh Dương, là vợ sau của Mang Mão, sanh ba đứa con. Vợ trước có năm đứa con, chúng nó đều chẳng yêu mến mẹ kế, nhưng mẹ kế đối xử hết sức nồng hậu. Năm đứa con ấy vẫn không yêu mến mẹ kế. Từ mẫu bèn giữ cho ba đứa con ruột

của mình không bằng con vợ trước: Quần áo, thức ăn, sanh hoạt đều thua kém rất xa. Năm đứa con của vợ trước vẫn chẳng yêu mến mẹ kế. Chẳng lâu sau, có một đứa con của vợ trước vi phạm lệnh cấm của vua nước Ngụy, mắc tội sắp bị xử tử. Từ mẫu buồn rầu đau xót, sớm chiều chịu đựng nhọc nhằn tìm cách cứu nó.

Có người bảo: "Con chẳng yêu thương mẹ quá đáng. Việc gì phải vất vả lo sợ như thế?" Từ mẫu đáp: "Con ruột của thiếp tuy chẳng yêu mến thiếp, thiếp ắt cứu vãn tai họa, trừ tội cho nó. Nay đối với con vợ trước, nếu không làm như vậy thì chúng nó có khác gì không có mẹ? Cha chúng nó vì thấy chúng nó côi cút, chọn thiếp làm mẹ kế. Mẹ kế là mẹ của người ta, mà chẳng yêu thương con chồng, có thể gọi là nhân từ hay chăng? Thân thiết với con ruột, lơ là con vợ trước, có thể nói là nghĩa hay chăng? Bất từ, bất nghĩa thì làm sao đứng trong cõi đời được nữa? Tuy chúng nó chẳng yêu thương thiếp, thiếp há có nên quên nghĩa ư?" Bà bèn đến thuyết phục vua Ngụy, vua coi trọng lời nghị luận của bà, bèn xá tội, cho đứa con ấy trở về nhà. Từ đó, năm đứa con thân thiết, kề cận từ mẫu, hòa thuận với các em như con cùng một mẹ. Do vậy, bà dùng lễ nghĩa dạy bảo tám đứa con, chúng đều trở thành hạng đại phu hoặc khanh sĩ của nước Ngụy.

Việt tỉnh, việt táo, khiêu thực, khiêu nhân.

越井越灶。跳食跳人。

Nhảy qua giếng và bếp lò. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua người khác.

"Việt" (越) là nhảy qua. Giếng giúp đỡ, có lợi cho con người rất rộng, có thần suối trông coi tên là Quán (觀), hình dạng như mỹ nữ. Hơn nữa, nước trong giếng đã lợi lạc, nhuần thấm quần sanh, nước giếng lại còn dùng để cúng thần, cúng Phật, há có nên khinh nhờn? Táo Quân là một trong năm vị thần[335] trong nhà. Ông ta là Thái Ất Hỏa Thần, họ Trương, tên Trác, tự là Tử Quách, chưởng quản vận mạng tốt xấu của cả một nhà, chuyên xem xét thiện ác, hay dở của mỗi thành viên trong một gia đình, báo trước cát hung, họa phước. Nhảy qua giếng hoặc bếp lò chính là khinh mạn, lăng nhục thần linh, tội ấy rất lớn! Không chỉ là nhảy vượt qua, mà ngồi trên bờ giếng, giẫm đạp miệng lò, thiêu

335 Năm vị thần (ngũ tự) trong nhà theo truyền thống xưa của Trung Hoa là môn thần (thần giữ cửa chánh), hộ thần (còn gọi là song thần, tức thần cửa sổ, hoặc hiểu theo nghĩa rộng là thần trông coi các cửa phụ), trung lựu (thần đất, còn gọi là địa chủ cơ, tức là người chủ của nền đất, nhỏ hơn thần thổ địa. Thần thổ địa tức thổ công cai quản cả một làng, một xã), táo thần (thần bếp) và hành thần (thần trông coi đường nẻo trong nhà. Do nhà xưa thường có nhiều gian, giữa các gian nhà thường có hành lang thông nhau, hoặc những khoảng sân rộng ngăn cách). Theo Bạch Hổ Thông Đức Luận, năm vị thần ấy lại là môn thần, hộ thần, tỉnh thần (thần giếng), táo thần và trung lựu. Theo Lễ Ký, thuở xưa chỉ hàng sĩ đại phu trở lên mới được thờ thần đất, như Khúc Lễ đã chép: *"Thiên tử tế thiên địa, khanh, đại phu tế ngũ tự, sĩ tế kỳ tổ"* (Thiên tử cúng trời đất, hàng khanh đại phu cúng tế năm vị thần, còn dân chúng chỉ thờ cúng tổ tiên).

đốt những vật dơ bẩn trong lò sẽ đều là xúc phạm, ô uế thần linh vậy!

Trương Hiếu Tiên mỗi lúc say rượu thích cùng kẻ khác nhảy qua giếng để đùa giỡn. Một hôm, trong giếng có một vị thần kim giáp cầm mâu đâm hắn. Bụng Hiếu Tiên hết sức đau đớn, luôn như bị mũi thương đâm trúng. Hắn kiền thành cầu đảo mới lành bệnh.

Đời Thanh, Ngô Trạm làm nha lại ở huyện, nhà ở gần Kinh Khê. Kinh Khê có một con suối, nước hết sức trong, mọi người đều nhờ vào con suối ấy mà có nước để dùng. Ngô Trạm dựng hàng rào trúc để bảo vệ, không cho những thứ bẩn thỉu rớt xuống suối. Bỗng ở bên cạnh suối, ông nhặt được một con ốc trắng, bèn bỏ nó trong vò. Mỗi lần ông ra ngoài, khi trở về thấy trong bếp cơm nước đã chuẩn bị sẵn, tâm hết sức lấy làm lạ. Một ngày lén rình, thì ra là một cô gái từ trong con ốc chui ra, ra tay dọn dẹp, nấu nướng. Ngô Trạm vội chạy tới, cô gái hết sức lúng túng, bị ông ngăn cản chẳng cho trở vào vỏ ốc, bèn nói thật với Ngô Trạm: "Tôi là thần suối, Thượng đế vì thấy ông kính trọng, bảo vệ nguồn nước, lại biết ông ở góa, sai tôi lo liệu cơm nước cho ông. Ông ăn cơm do tôi nấu sẽ đắc đạo". Nói xong, chẳng thấy đâu nữa!

Đời Hán, Âm Tử Phương là người chí hiếu, lại rất nhân từ, nồng hậu. Nhằm ngày mồng Tám tháng

Chạp, đang nấu bữa sáng, bỗng thấy Táo Quân hiện ra trước mặt, Tử Phương vội lạy. Từ đó, mỗi dịp mồng Tám tháng Chạp, ông đều cúng bái. Kể từ đó, giàu to ngang ngửa với vua. Tới đời cháu là Âm Thức, có đứa con gái được chọn làm Hoàng Hậu, Âm Thức bèn được phong tước hầu. Do vậy, con cháu họ Âm đời đời thờ phụng ông Táo.

Hướng Lẫm tánh tình giống như cuồng. Một hôm, hắn ngồi trên nóc của căn nhà gỗ ở phía Bắc bếp lò, mộng thấy Táo Quân quở trách, nhà hắn lập tức phá tán.

Thức ăn là thứ để nuôi nấng tánh mạng, con người là một trong *tam tài*, há có nên khinh rẻ, coi thường ư? Nếu nhảy vượt qua sẽ là tội lỗi, há chẳng kiêng tránh ư?

Đời Đường, có một viên quan vào núi, đến chỗ hoang vắng thấy một tửu điếm, bèn mua rượu uống. Một người đàn bà thu tiền trước rồi mới vào trong, hồi lâu sau mới đem rượu ra. Rượu sắc đỏ như máu, uống vào hết sức ngọt ngào, viên quan muốn uống nữa. Người đàn bà khóc, thưa rằng: "Thiếp chẳng phải là người sống, do lúc còn sống tiêu dùng xa xỉ vô độ, uống rượu chẳng biết giữ chừng mực, thường giẫm đạp canh thừa, thịt dư rồi cho người khác ăn, vì thế hứng chịu quả báo này. Mỗi lần có người mua rượu liền lấy máu trên thân thiếp dâng ra". Vị quan ấy hết sức kinh hãi quay về. Trên núi cao làm sao có quán

rượu cho được? Tôi cho rằng vị quan ấy vốn sẵn thói khinh rẻ đồ ăn thức uống, cho nên âm ty mượn cảnh ấy để điểm hóa vậy!

Đời Tống, Trạch Lâm từng đưa tiễn tiên sinh Chánh Thúc (Trình Di) dời sang phía Tây. Trên đường, ngủ lại ở tăng xá, chỗ ngồi ngẫu nhiên xoay lưng vào thánh tượng. Tiên sinh bảo: "Ông hãy chuyển ghế, đừng ngồi xoay lưng vào tượng!" Trạch Lâm nói: "Há có nên vì tín đồ của họ cung kính mà chúng ta cũng nên cung kính ư?" Tiên sinh đáp: "Phàm những gì có hình mạo con người đầy đủ, đều chớ nên khinh mạn". Tiên sinh Quy Sơn (Dương Thời) nghe chuyện, hết sức tán thưởng lời ấy, vui mừng nói: "Thấy giống như người mà còn chẳng dám khinh thường, ắt sẽ có thể thấy đối với người sẽ là như thế nào!" Phàm là xoay lưng vào mà còn chẳng nên, huống hồ là nhảy qua ư?

Tổn tử đọa thai, hành đa ẩn tịch.
損子墮胎。行多隱僻。
Tổn hại con cái, phá thai. Làm nhiều chuyện ám muội.

Thân người quý nhất, được làm thân người khó nhất. Đức Phật bảo khi con người sắp sanh ra, có cửu thiên tư mã hiện diện, cửu thiên đều chúc mừng, Thái Ất cầm phù mạng, Đế Quân phẩm định mạng vận, vị quan coi sổ sách ghi chép vào sổ. Vị thần Tư Mạng tính toán thọ mạng, Ngũ Đế giám sát sanh mạng, thánh

mẫu bảo vệ, che chở sản phụ trong phòng sanh. Các vị thiên chân, địa kỳ phòng thủ cẩn mật tam giới, đã canh giữ nghiêm mật như thế rồi mới được sanh vào nhân đạo, được phô thân hình dưới ánh mặt trời, đúng là chuyện kinh trời động đất, quý khôn kể xiết! Sanh mạng nhỏ bé ấy có phụ bạc quý vị nỗi gì, sao lại dám giết hại chúng? Kẻ nữ dâm bôn đã mang thai bèn phá thai, chẳng bằng cầm thú, không có cách nào khuyên nhủ được! Còn như có kẻ nhà nghèo, chán ngán con cái đông đúc, hoặc là con đã sanh ra bèn gây thương tổn cho nó chết đi, hoặc là con chưa sanh ra bèn phá thai, tội nghiệp giết người chẳng thể sám hối, chuộc lỗi được! Đối với sanh mạng của loài vật bé nhỏ nhất còn mong phóng sanh, kiêng giết, huống hồ con cái ư? Nay những kẻ suốt đời không có con, hoặc sanh con mà chẳng nuôi được, hoặc đến tuổi già, đâm ra con chết trước đều là quả báo do đời trước đã tạo ra các ác nghiệp ấy mà chuốc phải.

Huyện lệnh Quý Khê là Tiền Bang Vỹ do thấy dân chúng trong vùng quen thói hễ sanh con gái phần nhiều chẳng nuôi, ông bèn dạy họ đạo nghĩa chánh đáng, lại còn thưởng phạt nghiêm ngặt: "Kẻ giết con gái sẽ khiến cho năm nhà hàng xóm bị liên lụy". Do vậy, cứu sống chẳng kể xiết những bé gái sơ sanh. Về sau, Bang Vỹ làm Thái thú ở Đinh Châu, hưởng thượng thọ, con cháu đều hưng thịnh. Phàm nghiêm

cấm tổn hại con cái và phá thai đạt được báo ứng như thế, người thời nay hãy nên luôn khuyên nhủ, công ấy cũng chẳng hề nhỏ nhặt!

Quách Ấn có đứa con gái tên là Dẫn Phượng bị hai con quỷ truy bắt, dẫn qua khắp mười tám ngục. Trong ngục cuối cùng có một vị vương giả ngồi trên điện, phía dưới là mấy trăm người đàn bà, ai nấy đều có trẻ nhỏ đang ôm chân họ gào khóc đòi mạng. Có kẻ vì sanh nhiều con gái mà dìm chết trẻ gái mới sanh. Có kẻ vì nhà nghèo sanh ra con gái bèn chẳng nuôi. Có kẻ vì vợ cả ghen tuông vợ lẽ sẽ sanh con mà đánh đập đến nỗi vợ lẽ bị sẩy thai. Có kẻ vì chửa hoang bèn tự dùng thuốc độc giết chết thai nhi. Có kẻ vì đấu đá, bị va chạm mà tổn hại thai. Có kẻ vì giận con khóc nhè mà đánh, mà quăng đến nỗi làm chết con. Có kẻ vì trông trẻ không cẩn thận, khiến cho con chẳng do yểu mạng mà bị chết oan. Vị vương giả cật vấn từng người một, không ai chẳng mang gông đeo cùm trên thân, thân hình quắt queo đáng thương. Dẫn Phượng đã trở về bèn kể đầy đủ với cha. Do đó, ông bèn cho viết lại chữ to trên vách chùa Thiên Ninh để răn đời.

Người đàn bà tên Dương A Thặng từ bé đã nghèo nàn, bệnh tật. Đến tuổi già càng chật vật. Lâm chung tự nói: "Đời trước, ta vốn là một thầy thuốc. Do không tra hỏi tường tận, có một phụ nữ tự nói bị bệnh do trúng cổ độc, ta chẳng biết là cô ta có thai, liền cho uống rượu

Nguyên Hoa[336]. Cô ta và hai đứa con trong bụng đều chết, tức là ta đã giết chết ba người một lượt. Quan cõi âm bắt tội ta, chịu khổ đã mãn, lại bị phạt làm thân nữ, đến nay đã là ba lần. Đời đời luôn luôn là kẻ tôi tớ hèn hạ, luôn bị khốn khổ vì đói khát, lắm bệnh, ít được an vui. Khuyên những người làm nghề y trong cõi đời, hãy lấy ta làm gương". Nói xong bèn chết.

Văn Xương Đế Quân nói: "Kẻ làm con bất hiếu, ắt có luật trời tru lục. Vô tội giết con chính là giết nhân dân trong thiên hạ. Hơn nữa, người ta muốn giết con, sao chẳng tiết dục, mà lại dám giết người chẳng màng! Trong đời này, hạng người như vậy há có thể bảo đảm là không có! Ta thấy những kẻ chịu tội trong chốn Phong Đô phạm lỗi này thật đông! Hãy gấp cùng nhau tỉnh ngộ, để khỏi nhanh chóng bị trời phạt".

Bài Giới Nịch Nữ Ca (戒溺女歌, bài ca khuyên kiêng dìm chết con gái) của Hà Long Đồ có nói:

Cọp sói tánh ác nhất,
Vẫn biết có cha con.
Người linh nhất muôn vật,

336 Theo Đạo giáo, vị này được gọi là Vệ Phòng Thánh Mẫu, tên thật là Trần Tĩnh Cô, còn gọi là Lâm Thủy Phu Nhân, hoặc Thuận Thiên Thánh Mẫu, sống vào đời Đường, quê ở làng Lâm Thủy, huyện Cổ Điền, tỉnh Phước Kiến. Tương truyền, bà từ một giọt máu của Quán Âm Bồ-tát mà hóa thân, theo học đạo với Hứa Chân Nhân. Có nhiều sự tích linh dị về vị nữ thần này. Lời chú giải ở đây chắc là do một vị đạo sĩ hoặc người theo Đạo giáo viết ra.

Hiềm rằng chẳng bằng chúng!
Sanh trai cùng sanh gái,
Bồng ẵm đều như nhau.
Tôi nghe giết trẻ gái,
Khốn khổ khôn sánh bằng,
Bào thai còn đẫm máu,
Có miệng chẳng thể nói,
Khóc ọ ẹ trong bồn,
Hồi lâu mới chết hẳn.
Chao ôi, lòng cha mẹ,
Tàn nhẫn đến ngần ấy!
Do vậy tôi khuyên dân,
Đừng nên giết con gái,
Thoa gai cùng váy vải,
Chưa chắc khiến ngươi nghèo.
Nữ tánh hiền dịu nhất,
Yêu cha mẹ hơn trai.
Con trai hay ra ngoài,
Gái thường quấn mẹ cha.
Trai phần nhiều ương bướng,
Gái luôn thuận cha mẹ.
Trai hay thích chơi xa,
Gái luôn gần cha mẹ.
Trai thường ít bi ai,
Gái luôn khóc cha mẹ.
Gái có tâm hiếu thuận,
Thường cứu giúp mẹ cha.

Nữ có chồng con tốt,
Thường rạng danh cha mẹ.
Chẳng thấy cô Đề Oanh[337]*,*
Giúp cha thoát nhục hình.
Chẳng thấy cô Đường Hương[338]*,*
Cứu cha bèn chặn hổ.
Đàm Thị mười tám tuổi,
Lo ma chay cho cha.
Tào Nga[339] *mười bốn tuổi,*
Trầm mình kiếm xác cha.
Thúc Tiên[340] *cha chết đuối,*

337 Nguyên Hoa (芫花) là một loại cây có chất độc, có tên khoa học là Daphne Genkwa. Hoa của nó có thể dùng làm thuốc độc, còn gọi là Ngư Độc, có tánh chất tương tự như dây Thuốc Cá ở Việt Nam. Hễ nghiền nát hoa này vứt xuống nước, cá sẽ bị ngấm chất độc, chết nổi phình bụng lên mặt nước.

338 Vào thời Hán Văn Đế, có một danh y là Thuần Vu Ý, do phạm tội bị áp giải đến Trường An. Ông chỉ có năm đứa con gái, không có con trai. Năm cô gái khóc lóc muốn theo cha đến Trường An. Ông thất vọng nói: "Chỉ toàn con gái, chẳng có nửa mống con trai nào. Khi hữu sự, cũng chẳng có ai giúp đỡ". Đứa con gái út là Đề Oanh nghe cha nói vậy, hết sức đau lòng, một mực theo cha đến Trường An. Cô viết thư cho vua, xin vua tha tội cho cha, cô sẽ vào hoàng cung làm nô lệ suốt đời để cho cha có cơ hội sửa chữa sai lầm. Hán Văn Đế bị tấm lòng hiếu thảo của Đề Oanh cảm động, tha cho Thuần Vu Ý. "Nhục hình" (肉刑) là các hình phạt nặng nề, bao gồm Mặc (墨, xăm chữ kể tội vào mặt), Tỵ (劓, cắt mũi), Phí (刖, chặt chân), Cung (宮, thiến), và Đại Tịch (大辟, tử hình).

339 Đường Hương là một tấm gương trong Nhị Thập Tứ Hiếu, mười bốn tuổi, cô thường theo cha mót lúa. Khi hai cha con bị cọp tấn công, cô không có tấc sắt trong tay, chẳng đoái hoài tánh mạng, chỉ lo cho tánh mạng của cha, bèn xông tới, kẹp chặt cổ cọp. Cọp hoảng sợ, lủi mất.

340 Tào Nga là người huyện Thượng Ngu, quận Cối Kê, sống vào thời Đông Hán. Cha cô ta là Tào Hu sống bằng nghề thầy cúng. Một hôm, Tào Hu đi cúng, ngồi thuyền đi tế thần sông ở Thuấn Giang. Vô ý, té xuống nước, chết mất xác. Tào Nga đi dọc theo sông khóc lóc suốt mười bảy ngày. Cuối cùng, cô nhảy

Đau xót ôm thây cha,
Lập lờ trôi theo giòng.
Mẹ nàng Viên tê bại,
Hỏa hoạn chẳng dậy được,
Nàng khóc chẳng nỡ lìa,
Cam chịu thiêu cùng mẹ.
Đời Tống, cô Trần Tam,
Cha mẹ nghèo kiết xác,
Ba chị em húp cháo,
Chuyên hái ấu đổi gạo.
Mẹ chết chẳng lấy chồng,
Dựng lều sống bên mộ,
Cho đến hết một đời.
Đời Đường, Ngọc Hòa Tử,
Cha anh đều chết trận.
Hòa Tử mới mười bảy,
Lặn lội tận biên cương,
Ăn xin đưa xương về,
Bọc lụa là chôn cất,
Cắt tóc hủy diện mạo.
Rồi dựng lều bên mộ.
Tiết lớn vua nghe biết.
Xuống chiếu khen ngợi nàng.
Hiếu thay nàng Tiêu Cơ!

---

xuống sông trầm mình. Vài ngày sau, xác cô nổi lên còn cõng xác cha trên lưng. Dân chúng thương xót lập đền thờ.

Cha mẹ chết đất khách,
Nàng mới mười sáu tuổi,
Đưa hòm về quê nhà.
Nhà thuyền khinh con côi,
Giữa đường bỏ quan tài,
Giong thuyền đi mất hút.
Nàng cùng một tỳ nữ,
Khoét đất đào thành huyệt,
Hòng chôn tạm song thân.
Nàng hủy hoại dung mạo,
Ngày đêm luôn buồn bã,
Dựng chòi bên mé nước.
Hết tang chẳng chịu rời.
Cầu hôn chẳng chịu gả,
Đưa ra điều kiện rằng:
"Ai đưa hòm về quê,
Sẽ chịu theo làm vợ".
Quả nhiên lấy một người,
Đưa hòm về quê cũ,
Là lão úy[341] họ Dương,

341 Theo Liệt Nữ Truyện trong Đông Hán Thư, cô này có tên gọi đầy đủ là Thúc Tiên Hùng. Cha cô là Thúc Tiên Nê Hòa sống vào thời Hán Thuận Đế, từng giữ chức Công Tào tại huyện. Ông vâng lệnh quan trên đến gặp Thái thú Ba Quận. Ngồi thuyền ra đi, do nước xiết, thuyền lật, bị chết đuối. Con gái ông là Thúc Tiên Hùng thương xót, khóc lóc không ngừng, muốn tự trầm theo cha. Người nhà canh giữ nghiêm ngặt, nên cô không làm gì được. Hơn một trăm ngày sau, thừa lúc người nhà lơi lỏng, Thúc Tiên Hùng chèo thuyền đến chỗ cha chết đuối, khóc lóc đau xót, rồi gieo mình tự tử. Em trai cô được chị báo mộng sáu ngày sau sẽ đem xác cha nổi lên. Đến hẹn, quả nhiên xác hai cha con cùng nổi lên

Vốn là người Dương Xá.
Cô Đồ ở Đông Ô,
Cha mù tay chân vẹo,
Cơm ăn lo từng bữa,
Người thân với xóm giềng,
Đều cùng chẳng thèm ngó.
Cô bèn dời song thân,
Đến sống trong phường dệt,
Ở một chốn xa xôi.
Ngày đẫn củi đổi gạo,
Đêm se gai thành sợi.
Song thân hết tuổi thọ,
Đắp đất thành mộ phần,
Giữ mộ chẳng lấy chồng,
Chỉ vì không anh em.
Gương xưa gái hiếu hiền,
Nhiều khó thể chép xuể.
Quan lại hoặc tặng vàng,
Hoặc triều đình khâm thưởng.
Có người làm phi tần,
Hoặc thành bậc phu nhân.
Nếu giữ mạng con gái,
Con sẽ biết báo đền,
Chẳng hề thành ngỗ nghịch.
Kính khuyên người thế gian,

---

mặt nước ngay chỗ cô tự trầm. Huyện lệnh sai dựng bia kỷ niệm, lập đền thờ.

Đạo trời sẽ báo đền,
Chớ bảo trẻ gái ngốc,
Oán hận chẳng biết báo.
Chẳng xót mạng trẻ gái,
Mẹ cha sao dám chắc,
Giữ nổi mạng chính mình?
Tuyệt tự giảm tuổi thọ.
Luật âm ty rành rành,
Đến khi bị đòi mạng,
Cắn rốn chẳng thể kịp!
Sao chẳng tròn mạng con,
Cốt nhục đều vui sướng!

"Ẩn tịch" (隱僻, ám muội) chẳng phải chỉ là một chuyện. Như gian trá, trộm cắp, tà dâm v.v… phàm những gì không thể cho trời biết, chẳng thể nói với người khác thì đều là "ẩn tịch". Nhưng chuyện lớn nhất, ắt thuộc loại chuyện dâm uế, do vậy đức Thái Thượng viết điều này vào sau lời răn về chuyện tổn hại con cái, phá thai là vì có lý do vậy.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nói: "Tại phía Bắc huyện Phù Lương, có Trương Minh Tam theo cha đến lỵ sở trấn nhậm tại Quỳnh Nhai. Dinh quan gần nhà Lý Chỉ Huy. Hai cô con gái họ Lý đều xinh đẹp, Minh Tam đều tằng tịu với họ. Đến khi trở về, Minh Tam ngầm đem cả hai cô giấu trong thuyền. Thuyền sắp ra biển,

ông Lý đuổi theo rất gấp. Minh Tam túng kế, vội đẩy hai cô gái xuống nước. Mười năm sau, Minh Tam thắt lưng đau buốt, đón thầy thuốc họ Tôn chữa trị. Thầy cắt thuốc vừa mới đỡ đau, đêm ấy ông Tôn mộng thấy ở chỗ đánh cá nơi rặng mai trong làng có hai người con gái lõa lồ từ trong nước biển ngoi lên, nắm áo họ Tôn nói: "Bọn thiếp là người Quỳnh Nhai. Ông đến chữa bệnh cho thằng Trương, sao ông cố ý đoạt công của bọn thiếp?" Do đó, họ lôi ông Tôn vào nước. Ông Tôn kinh hoảng tỉnh giấc, mồ hôi tuôn đẫm lưng. Đến sáng, ông Tôn kể với Minh Tam, Minh Tam đấm ngực than thở: "Nghiệp đã đến, ta đã tới số rồi". Quả nhiên hơn một tháng sau hắn bèn chết. Đấy chính là chuyện *"hành đa ẩn tịch"* (làm nhiều chuyện ám muội) giữa nam và nữ, dẫn đến tình trạng hứng chịu báo ứng lẫn nhau vậy. Như Minh Tam và hai cô gái, thoạt đầu ngấm ngầm chung chạ, lại cùng nhau ngầm trốn đi. Rốt cuộc hai cô gái chết bởi tay Minh Tam, mà Minh Tam lại chết bởi vong linh hai cô. Có thể nói là báo ứng tột bậc xảo diệu, chẳng sơ sót. Đại để là gian dâm vợ và con gái kẻ khác, gây tổn hại cho công danh của kẻ khác, hai chuyện ấy thuộc về hành vi ám muội nhiều nhất, tổn thương tình người và lý trời nhiều nhất. Vì thế, kẻ gian dâm vợ và con cái kẻ khác, vợ và con gái của chính hắn sẽ bị người khác dâm loạn. Kẻ tổn hại công danh của người khác, công danh của chính hắn ắt sẽ bị người khác làm hại! Tục ngữ có câu: *"Ám thất khuy tâm, thần mục như điện"*

(Làm chuyện thiếu lương tâm trong phòng tối, mắt thần thánh sáng ngời như chớp), há chẳng nên răn dè ư?"

Hối lạp ca vũ, sóc đán hào nộ, đối Bắc thế thóa cập nịch, đối táo ngâm vịnh cập khốc.

晦臘歌舞，朔旦號怒。對北涕唾及溺，對竈吟咏及哭。

Ca múa vào cuối tháng, ngày lạp. Gào hét, giận dữ vào ngày đầu tháng hoặc sáng sớm. Quay về hướng Bắc hỉ mũi, khạc nhổ, và tiểu tiện. Đối trước bếp lò ca hát, khóc lóc.

"Hối" (晦) là nguyệt hối (月晦, ngày cuối tháng), chính là ngày Tư Mạng Táo Quân tấu trình công và lỗi của người đời. "Lạp" (臘) là năm ngày lạp, chính là ngày Ngũ Khí Thiên Quân[342] tụ họp để thẩm tra điều thiện lẽ ác của chúng sanh. Trong những ngày ấy, các vị thiên quân tụ về huyền đô[343], suất lãnh ba vạn sáu

342 Úy (尉) là một chức quan. Lão úy ở đây là một người làm quan đến chức úy đã già. Không rõ úy ở đây chỉ chức vụ nào, vì thời cổ, trong thời đại Xuân Thu, đã có các chức quan Quân úy, Dư úy. Từ đời Tần - Hán trở đi, có Thái úy, Đình úy, Đô úy, Huyện úy, Vệ úy, Hiệu úy v.v… đều gọi tắt là úy. Nói chung đây là một chức quan võ; trong đó, Thái úy lớn nhất, tương đương với Bộ trưởng Quốc phòng hiện thời.

343 Theo Đạo giáo, Ngũ Khí Thiên Quân còn gọi là Ngũ Phương Ngũ Lão Thiên Quân. Năm vị này được coi là thần linh tối cổ, do thiên địa tự nhiên sanh thành, địa vị dưới Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh, và Ngọc Thanh), bao gồm Đông Phương Thanh Đế Thanh Linh Thỉ Lão Cửu Khí Thiên Quân, Nam Phương Xích Đế Đan Linh Chân Lão Tam Khí Thiên Quân, Trung Ương Hoàng Đế Huyền Linh Hoàng Lão Nhất Khí Thiên Quân, Tây Phương Bạch Đế Hạo Linh Hoàng Lão Thất Khí Thiên Quân, và Bắc Phương Hắc Đế Ngũ Linh Huyền Lão Ngũ Khí Thiên Quân.

ngàn vị thần trong cõi âm và dương trần thuộc nhân gian, địa phủ, ngũ nhạc để so sánh, quyết định những chuyện thiện ác, tội phước, vinh diệu, tài lộc, tuổi thọ, cát hung, sanh tử v.v… của chúng sanh. Mỗi điều đều được ghi chép vào trong sổ sách. Ngày mồng Một tháng Giêng gọi Thiên Lạp, mồng Năm tháng Năm là Địa Lạp (tiết Đoan Ngọ), mồng Bảy tháng Bảy là Đạo Đức Lạp, mồng Một tháng Mười là Tuế Lạp (Dân Tuế Lạp), mồng Tám tháng Chạp là Hầu Vương (Vương Hầu) Lạp. Phàm gặp những ngày ấy, vạn nhất phạm lỗi, một khi bị ghi vào sổ đen, há có thể chuộc tội ư? Huống chi Phong Đô Bắc Đế[344], Thái Âm Thiên Quân[345] cũng vào những ngày ấy dẫn dắt tổ tiên, cha mẹ, quyến thuộc lâu đời của chúng sanh, cho đến các quỷ hồn bị giam kín trong ngục, tra hỏi họ đã ở trong âm ty thời gian bao lâu, cũng như tra hỏi nguyên do dẫn đến tích lũy tội lỗi, phần mộ đặt ở nơi nào, con cháu tên họ là gì. Đã có tên họ của con cháu, anh em, thân nhân, sui gia trong cửu tộc, các vị thần tiên sẽ liền nhóm họp lại để giảo định, dùng những điều ấy để định đoạt tội trạng của chúng sanh. Nếu đã trải qua nhiều kiếp mà con

344 Huyền Đô (玄都) là cõi thần tiên, thường được gọi là Vô Thượng Huyễn Cảnh. Theo Đạo giáo, đó là nơi ở của Thái Thượng Lão Quân. Do vậy, có truyền thuyết cho rằng đệ tử đích truyền duy nhất của Thái Thượng Lão Quân được gọi là Huyền Đô Đại Pháp Sư. Có thuyết nói Vương Thiền Lão Tổ (Quỷ Cốc Tử) chính là Huyền Đô Đại Pháp Sư.

345 Vị này có danh xưng đầy đủ Bắc Âm Phong Đô Đại Đế, là vị thần chủ quản cõi địa ngục theo Đạo giáo.

cháu chẳng hề cầu siêu, chuộc tội, chắc chắn sẽ liên lụy đến thân nhân còn sống trong nhân gian. Huống hồ trong những ngày ấy, tiên linh quyến thuộc đều được phóng thích, ai nấy trở về nhà mình để thọ lãnh con cháu cúng quải. Kẻ làm con cháu hãy nên nương cậy đạo pháp để cúng quải, cầu siêu, cứu chuộc. Nếu mặc tình ca múa sẽ mắc tội với trời đất, tổ tông. Như vậy thì trong các ngày hối, ngày lạp hãy nên truy tiến (追薦, cúng bái, cầu siêu, tưởng niệm), hay nên ca múa đây?

Ông Vu Ngọc Bệ nói: "Hối" là ngày cuối của một tháng. "Lạp" là tận cùng của một năm. Trong những ngày ấy, mọi người hãy nên so lường công đức, gắng chí tấn tu. Do đó, tổ sư đã khuyên mọi người như sau: *"Nếu chẳng chuẩn bị thấu triệt sẵn sàng, ngày 30 tháng Chạp xảy đến, chắc chắn sẽ là một hồi náo nhiệt"* (Ý nói người mất tay chân luống cuống hoang mang, họ hàng quyến thuộc bàng hoàng, nháo nhào càng khiến cho vong linh mê loạn hơn).

Lại nói: "Hỡi các vị ơi! Hãy thử kiểm điểm chính mình, xét xem từ trẻ đến già, từ sống đến chết, tâm ta đã hòa lẫn cùng trần lao nghiệp thức thành một khối, biến thành một bầu hỗn loạn. Rốt cuộc là kết quả như thế nào? Có ai quay đầu suy nghĩ hay chăng? Bỗng dưng ba tấc khí đứt đoạn, mắt nhắm tịt lại, chỉ là một thần hồn vẩn vơ theo nghiệp chịu báo! Há chẳng phải là sống uổng chết phí ư?"

Trong Cảnh Lão Nghi Thức (nghi thức cảnh tỉnh về tuổi già) của ngài Vân Thê (Liên Trì đại sư) đối với mỗi ngày cuối tháng ngài đã dạy đại chúng: "Mạng người vô thường, ngắn ngủi trong hơi thở. Ví như cá bơi trong nồi, khoảnh khắc bỗng bị nấu chín nhừ. Đèn ở trước gió, sát-na tắt phụt. Huống hồ thân này chẳng lâu dài, ắt đến cửa tử. Nẻo đường phía trước mịt mờ, chẳng biết về đâu? Há chẳng nên dũng mãnh tỉnh ngộ vô thường, dè dặt, kinh sợ, gắng sức buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật". Tổ sư rát miệng khuyên người như thế, há có nên làm chuyện ca múa trong ngày cuối tháng ư?

Có một nhà giàu sụ ở Hoài Âm, bình sanh giữ mình cẩn thận, giao tiếp khiêm tốn, nhu hòa. Mỗi dịp mồng Một, ngày Rằm, ngày Lạp đều đọc tụng phạm kinh (kinh Phật), lễ bái thần kỳ, từ đầu tới cuối chẳng bỏ sót. Khi ấy gặp đúng ngày Thiên Lạp vào hôm Nguyên Đán (mồng Một Tết) có một đứa tiểu nhân cậy men rượu để nhục mạ, người nhà giàu đóng cửa, không màng tới. Người nhà và hàng xóm chung quanh đều chẳng nhịn nổi. Phú ông nói: "Đang trong lúc lễ Tết có ai mà chẳng uống rượu. Say sưa rồi phát cuồng là thói thường của con người. Nếu so đo với kẻ ấy, lẽ nào chẳng phải là thiếu độ lượng ư?" Do một lời ấy, cảm động thần kỳ. Đêm hôm ấy, ông nằm ngủ, mộng thấy đến một chỗ, gặp một người đội mão vàng áo tía,

bảo: "Trong ngày Thiên Lạp ngươi có thể nhẫn điều người khác chẳng thể nhẫn. Thượng đế khen ngợi, ban cho ngươi phước thọ, con cháu của ngươi đời đời có mũ áo (làm quan)". Ông bỗng bị người nhà đánh thức. Về sau, quả nhiên hưởng thọ ngoài tám mươi, hai con trai và một cháu đều do thi đậu Minh Kinh mà được bổ làm quan. Đến nay, lớp chắt chút đều không ngớt nổi danh học rộng, đỗ đạt. Đấy chính là phước báo đạt được do biết phản tỉnh bản thân trong ngày Hối, ngày Lạp vậy. Những kẻ trong những ngày ấy cuồng vọng kêu gào, ca múa, mặc sức rượu chè phóng đãng, đã mạo phạm giới luật của cõi trời, ắt đã đánh mất cái tâm tu tỉnh, thật sự đáng bị tiêu ma phước lộc, giảm bớt tuổi thọ. Hãy nên răn dè!

Cơ sở để tính một tháng là ngày mồng Một. Cơ sở để tính mỗi ngày là buổi sáng. Nhằm lúc ấy đúng là lúc hãy nên lắng đọng tâm tư, thanh tĩnh hòng phù hợp với chân lý trong thiên đạo. Nếu gào thét tức giận thì trược khí sẽ từ gan bốc lên, chân khí sẽ theo tiếng hét mà tan mất. Do vậy, tâm thần hôn ám, khí ô trược, thiện niệm tiêu diệt. Có bài thơ cổ như sau: *"Nhất thiết chư phiền não, giai tùng bất nhẫn sanh. Lâm cơ như đối kính. Diệu xử tại quang minh. Phật ngữ cầu vô tránh. Nho thư quý bất tranh. Hảo điều khoái hoạt lộ. Thế thượng thiểu nhân hành"* (Hết thảy các phiền não, do chẳng nhẫn mà sanh, gặp chuyện như soi kiếng, quang minh khéo ở

yên. Phật dạy đừng cãi cọ, sách Nho trọng đừng tranh, một nẻo đường vui sướng, cõi đời ít kẻ theo). Kinh Phật dạy: "Sân là căn bản khiến cho các pháp lành bị mất đi, là nhân duyên khiến đọa vào các ác đạo". Trong khi tức khí, đừng để cho cơn giận tăng trưởng, bởi lẽ gào thét, tức giận đã tạo phiền lụy quá đỗi cho con người, trong ngày thường vẫn phải nên cẩn thận, huống hồ là ngày mồng Một hay sáng sớm ư?

Vợ của Trần Anh là Triệu Thị tánh hung tợn, thích tranh chấp, gặp ngày mồng Một mụ ta càng quá quắt hơn nữa. Những ai lui tới nhà ấy, chỉ nghe tiếng gào thét, giận dữ chửi bới không ngớt. Bỗng có một đạo nhân tìm tới. Mụ ta hỏi: "Ngươi tới làm chi vậy?" Đáp: "Bán linh đan, uống vào sẽ trường sanh". Mụ ta thích lắm, mua rồi nuốt ngay, thế là câm luôn!

Đời Hán, mẹ của quan Tư Không Đệ Ngũ Luân do già cả không thể theo ông đến nhiệm sở làm quan. Mỗi dịp cuối tháng, ngày Lạp, mồng Một, ngày Rằm, ông Luân thường buồn nhớ tuôn lệ, lạy trời cầu thọ cho mẹ. Ôi, bậc quân tử thuở xưa cảm khái trước thời tiết, tưởng nhớ mẹ dường ấy. Những kẻ ca múa, gào thét giận dữ cũng chẳng biết họ nghĩ gì? Huống chi trong phần trước đã nói hết sức tường tận về chuyện tưởng nhớ, cúng bái siêu độ tổ tiên, há chẳng tỉnh ngộ đôi chút ư?

Phương Bắc là chỗ ngự của Bắc Đẩu Tinh Quân. Bắc

Cực là chỗ then chốt của cõi trời. Vạn linh, các vị thiên chân (thần tiên) trong tam giới mười phương đều thuộc quyền quản hạt của ngài. Do vậy, Trung Thiên Đẩu Cực được xưng là Chí Tôn. Thế thì chỗ cư ngụ của đấng tôn quý há có nên xúc phạm, ô uế ư? Xét theo lễ, con trai, con dâu chẳng được khạc nhổ, phun nước miếng bên cạnh cha mẹ, bố mẹ chồng, vì làm như vậy là bất kính, huống hồ đối với phương Bắc là chỗ cư trụ của thần ư! Hỉ mũi, khạc nhổ còn chẳng được, há có thể tiểu tiện ư?

Ở đất Ngô có kẻ ban đêm thức dậy, trần truồng hướng về phương Bắc tiểu tiện. Bỗng thấy cờ đen rợp trời, đức Chân Vũ hiện thân, kẻ ấy hoảng hốt bò vào cửa, nằm bệnh suốt mấy tháng, sám hối mới lành bệnh. Kinh Trường Sanh nói: "Mùa xuân ở phương Đông, mùa hạ tại phương Nam, mùa thu tại phương Tây, mùa đông tại phương Bắc. Đối với những phương hướng như sách Nguyệt Lệnh đã chỉ ra mà xúc phạm, ô uế sẽ đều là phạm tới chuôi sao Bắc Đẩu, sẽ bị giảm thọ nhanh chóng nhất". Nhìn từ chỗ này, các phương vị đều có răn cấm, không chỉ là phương vị Chánh Bắc!

Họ Tiền ở Thường Thục là một họ lớn. Trong niên hiệu Chánh Đức (thời Minh Vũ Tông) bị hỏa hoạn lớn, ba ngày mới tắt. Trong đám tro tàn, chỉ riêng ba gian tiểu lâu còn nguyên. Đấy chính là nhà của Tiền Tiểu Tứ. Mẹ chồng và con dâu là hai bà góa, cùng ở trên đó. Gặp lúc lửa hừng hực thiêu đốt bốn phía, hai

người quẫn bách, không có cách nào trốn thoát được, do thường ngày thờ phụng Bắc Đẩu, họ chỉ biết khấu đầu cầu cứu. Bỗng dưng thấy bảy người mặc áo đỏ, đứng dưới mái hiên vung tay áo xua lửa, lửa theo tay họ tản ra. Do vậy, mẹ chồng và con dâu không sao, nhưng bốn phía chẳng còn sót lại một cái rùi kèo nhà nào. Do chuyện này cả một vùng được cảm hóa, đều thờ phụng Bắc Đẩu. Phàm những ai tôn sùng Bắc Đẩu đều được kéo dài tuổi thọ, trừ bệnh, mạng vận bình yên, thoát tai nạn, được hưởng phước, giòng dõi tiếp nối dài lâu. Nước lửa, trộm cướp, yêu ma quỷ quái, ôn dịch, các thứ ấy đều chẳng xâm hại, những điều lợi ích chẳng thể gập ngón tay để tính đếm trọn hết. Ở đây chỉ nêu một trường hợp để suy ra những điều còn lại. Điều trọng yếu là làm lành thì mới có thể cảm ứng cõi trời. Người có thể biết như thế, há có chuyện hướng về phương Bắc mà khạc nhổ, tiểu tiện ư?

Hoàng Đế Táo Kinh chép: "Không được đối trước cửa lò mà ca hát, ngâm vịnh, khóc lóc, chửi rủa, quát tháo. Phàm ngâm vịnh và khóc lóc, tuy buồn vui khác nhau nhưng đều là khinh mạn thần, ắt bị giảm lộc, giảm thọ". Vả nữa, người thời nay ở trước mặt quan phủ, còn chẳng dám lớn tiếng nói bừa, sao lại riêng đối với thần bèn chẳng kiêng dè vậy thay? Bọn ngu phu ngu phụ hãy nên hết sức răn dè, còn như do kính trọng mà được phước, do khinh nhờn mà mắc họa thì trong

phần trước đã nói rõ ràng rồi!

Hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực, dạ khởi lõa lộ, bát tiết hành hình.

又以灶火燒香。穢柴作食。夜起裸露。八節行刑。

Lại còn dùng lửa từ bếp lò để châm hương. Nấu thức ăn bằng củi dơ. Ban đêm thức dậy, thân thể lõa lồ. Hành hình nhằm tám ngày Tiết.

Theo Thiên Sư Môn Hạ Khoa Lệnh, lửa vùi dưới tro nơi đáy bếp lò được gọi là Phục Long Thỉ (伏龍屎, phân của rồng nằm ẩn), do vậy chẳng thể dùng để thắp hương. Tôi từng trộm đọc giáo điển, biết những điều kiêng kỵ trong nhang đèn lại không chỉ là một chuyện này. Như chẳng thể dùng giấy bổi xoắn lại thấm cặn dầu để làm mồi lửa đốt giấy tiền vàng bạc. Giấy tiền vàng bạc đốt kiểu đó gọi là *"uổng tích lạp tiền"* (tiền sáp bị chất chứa oan uổng). Tại Đông Nhạc, loại tiền vô dụng ấy chất chứa như núi, các ty sở âm dương trong trời đất đều chẳng tiếp nhận. Lại như cúng dường Chân Vũ (Huyền Thiên Đại Đế, Huyền Vũ Đại Đế), vào tháng mùa hạ không thể dùng quả mận, tháng mùa đông chẳng thể dùng thạch lựu. Thỉnh cầu bậc thượng chân (chân tiên) giáng hạ, không thể đốt nhũ đầu hương[346]. Đàn hương được gọi là dục hương (浴香,

346 Nhũ Đầu Hương, còn gọi là Nhũ Hương (frankincense), Ma Lặc Hương,

hương để tắm), hoa nguyệt quý[347] được gọi là Bất Thời Hoa (hoa chẳng đúng thời), hoa kim đồng (金桐) được gọi là Quỷ Hoa. Những thứ ấy đều nên tránh dùng. So với chuyện chẳng tránh né để rồi tự mạo phạm mà chuốc lấy tội lỗi, sao bằng tuân theo, kính trọng giáo pháp ấy?

Chư Kinh Yếu Tập[348] nói: "Do Sự mà ngộ Lý, ắt phải nhờ vào tướng để dẫn đến lẽ chân thật. Chiêm ngưỡng thánh dung, cậy vào hương hoa để cúng dường, phụng trì". Đức Phật dạy: "Sau khi Như Lai diệt độ, nếu lại có người dùng một đóa hoa, một nén hương để cúng dường, lấy một vốc nước, trừ bỏ những thứ bất tịnh, nhấc chân một bước, đến trước chư Phật, xưng Nam-mô Phật một tiếng, nếu người ấy đọa trong ba ác đạo thì chẳng thể có chuyện ấy". Tịnh Danh Sớ

Mã Vĩ Hương, Tháp Hương, Tây Hương, Thiên Trạch Hương… Loại hương này chính là chất nhựa trích từ các loài cây thuộc họ Boswellia.

347 Nguyệt Quý (月季) ở đây là một loại hoa hồng, có tên khoa học là Rosa Chinensis, có màu từ hồng cho tới đỏ đậm. Loại hoa này mọc nhiều ở Quý Châu, Hồ Bắc và Tứ Xuyên. Tùy theo vùng mà hoa này còn được gọi là Nguyệt Nguyệt Hồng, Nguyệt Nguyệt Hoa, Trường Xuân Hoa, Canh Thân Tường Vi v.v… Loài hoa này có nhiều chủng loại, nổi tiếng nhất là Mai Khôi (Rosa Rugosa), Hoàng Thứ Khôi (Rosa Xanthira), Thu Thủy Nguyệt Quý (Rosa Odorata). Cánh hoa dùng làm thuốc, chế tinh dầu, nhất là chi hoa Mộc Hương Hoa (Rosa Banksiae). Loài hoa này hoàn toàn không phải là hoa Nguyệt Quới như thường thấy ở Việt Nam.

348 Chư Kinh Yếu Tập, còn gọi là Thiện Ác Nghiệp Báo Luận, do ngài Đạo Thế vào đời Đường biên soạn, trích lục những phần trọng yếu trong Tam Tạng về vấn đề thiện, ác nghiệp báo. Bộ sách này mang tánh chất tự điển Bách Khoa giống như bộ Kinh Luật Dị Tướng do ngài Bảo Xướng biên soạn vào đời Lương.

chép: "Hương là danh xưng lìa uế, có tác dụng thơm ngát lan tỏa". Cảm Thông Truyện[349] chép: "Mùi hôi thối trong nhân gian, xông lên hư không bốn mươi vạn dặm. Chư thiên thanh tịnh, không vị nào chẳng chán ghét, nhưng do tiếp nhận lời phó chúc của đức Phật mà hộ trì Phật pháp. Đức Phật còn ở chung với con người, chư thiên chẳng dám không đến. Vì thế, trong Phật pháp dùng hương làm Phật sự, đáng gọi là bậc nhất". Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Trong Thiện Pháp Thiên, có loại hương tên là Tịnh Trang Nghiêm. Nếu đốt một hoàn để xông sẽ khiến cho khắp các chư thiên đều dốc lòng niệm Phật". Như vậy thì dùng lửa bếp để thắp hương chẳng đáng kiêng tránh ư?

Đời Tống, Chu Khai Sơn tụng kinh Hoa Nghiêm, lại có một vị tăng có thể tụng Kim Cang. Hai người chết đột ngột cùng một lúc, vua cõi âm mời Khai Sơn tụng kinh, hết sức lễ kính. Lại mời vị tăng tụng kinh Kim Cang, tâm chẳng hết sức cung kính. Tụng xong vua nói: "Do công đức tụng kinh, hai vị tăng đều được tăng thọ hai mươi bốn năm. Vị trì kinh Hoa Nghiêm càng hết sức đáng nên kính trọng, mai sau sẽ chẳng đến chỗ ta!" Khi ấy, vị tăng tụng kinh Kim Cang tâm hết sức hổ thẹn. Do

349 Cảm Thông Truyện còn gọi là Đạo Tuyên Luật Sư Cảm Ứng Lục, hoặc Luật Tướng Cảm Thông Truyện do ngài Đạo Tuyên biên soạn vào đời Đường. Do ngài Đạo Tuyên hành trì giới luật tinh nghiêm, cảm được một vị trời giáng xuống, phụng sự, cùng ngài vấn đáp về giới luật. Những vấn đề hỏi đáp ấy được tập hợp thành bộ sách này.

vậy, hỏi chỗ ở của Khai Sơn, nguyện sẽ đến bái phỏng. Tỉnh lại, vị tăng liền đến Lộ Châu, tìm đến thăm Khai Sơn. Hỏi nguyên do, Khai Sơn đáp: "Mỗi lần tụng kinh, ắt y phục tinh khiết, dùng nước thơm rửa dọn tịnh thất. Sau đó, lấy lửa xẹt từ đá lửa, hoặc lửa do dùi gỗ mà có để đốt hương, tâm nghiêm túc chú nguyện, mở miệng tụng niệm với thái độ cung kính giống hệt như đối trước Phật, chưa hề dám biếng nhác, ơ hờ! Nếu chẳng có loại lửa thanh tịnh ấy, quyết chẳng dám khinh thị dùng loại lửa khác để thắp hương". Vị tăng tụng kinh Kim Cang cảm tạ, nói: "Tôi có tội, mỗi lần tôi tụng kinh liền dùng lửa bếp để thiêu hương, do chuyện này tôi đã bất kính nhiều lắm". Bởi lẽ, thắp hương nhằm biểu lộ tâm cung kính, ắt phải thanh khiết, ắt phải thanh tịnh thì mới có thể thiêu hương. Vạn nhất bếp lò đốt củi dơ bẩn, dùng lửa ấy để đốt hương, tức là cái tâm kính trọng ngược ngạo biến thành khinh nhờn, vì vậy đức Thái Thượng răn dạy.

Củi tuy đốt dưới đáy nồi hay vạc để nấu thức ăn, nhưng hơi khói thật sự bốc lên, huân ướp thức ăn. Củi bẩn bất tịnh, có mùi hôi bẩn, đáng chán ghét, xúc phạm ông Táo, đó là một điều chớ nên. Đã dùng củi bẩn để nấu thức ăn, chẳng tránh khỏi dùng những món ấy để cúng tế, đó là hai điều chớ nên. Hơi khói xông lên tận hư không, dễ khiến cho thần thánh tức giận, đó là ba điều chớ nên. Người nấu thức ăn phải nên hết sức kiêng tránh!

Năm Chánh Hòa thứ bảy (1117) nhà Tống, Lý Bát bị bệnh cùi đã ba năm, trăm loại thuốc chẳng chữa lành. Thoạt đầu, chàng Lý chưa bị bệnh đã tụng kinh Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát đủ ba tạng[350]. Một hôm, bỗng có một vị tăng đến cho một hoàn thuốc bảo uống, họ Lý chần chừ giữ lại chẳng chịu uống ngay. Đêm ấy, mộng thấy vị tăng đã cho thuốc bảo: "Ta chính là Quán Thế Âm, do ngươi thường ngày dùng củi bẩn để nấu ăn, xúc phạm quỷ thần, vì thế mắc chứng bịnh phong này. Lại do ngươi từng tụng kinh đến ba tạng, đặc biệt ban cho ngươi một viên thuốc cứu khổ, sao ngươi không uống?" Chàng Lý đã tỉnh giấc, liền lấy thuốc uống. Sau bảy ngày da nơi toàn thân tróc hết, râu và tóc mọc lại. Củi bẩn xúc phạm thần thánh, cố nhiên đáng nên kiêng tránh. Còn như sử dụng thân hoặc cành cây đào, cây liễu để làm củi thổi nấu thì cũng xúc phạm đến Táo Quân. Đối với những điều cấm kỵ trong kinh Đạo giáo, cũng phải nên biết.

Bậc chánh nhân quân tử, ở chỗ sáng thì sợ người, ở chỗ tối tăm thì sợ thần. Vì thế, dẫu ở trong nhà tối, hoặc chỗ kín đáo không ai thấy, nghiễm nhiên như đối

350 Theo lệ xưa, một tạng là 5.048 bộ. Cứ tụng hết toàn bộ một bản kinh, bất luận kinh dài hay ngắn đều gọi là một bộ. Chẳng hạn tụng trọn bản kinh Kim Cang thì gọi là tụng một bộ Kim Cang. Tụng hết mười ba phẩm của kinh Địa Tạng thì cũng gọi là tụng một bộ Địa Tạng, tụng hết hai mươi tám phẩm kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì gọi là tụng một bộ Pháp Hoa. Khi nào tụng đủ số 5.048 bộ như thế thì gọi là tụng được một tạng. Như vậy, ông Lý Bát đã tụng 3x5.048=15.144 bộ Đại Bi Quán Âm Kinh.

trước thần minh. Hơn nữa, thần minh ngự tại chỗ tối tăm, kín đáo, vốn chẳng có chỗ nào không đến, mà đêm thuộc về âm, lại là lúc chư thần tụ hội xét soi, há nên không cẩn thận để rồi tự chuốc lấy tội lỗi hung họa ư?

Ở Bành Thành có một cô gái con quan, lấy chồng chưa đầy một tháng, vô duyên vô cớ phát cuồng, trần truồng chạy cuồng lên, trọn chẳng biết hổ thẹn. Thuốc men, cầu khấn đều chẳng thể chữa lành. Khéo sao, Trương Chân Nhân[351] trở về kinh đô, chủ nhân dâng thư thưa trình. Chân Nhân sai đệ tử dùng bùa để trị. Người ấy vừa tác pháp liền lảo đảo lùi bước, còn cô gái cứ cuồng dại lõa lồ như không! Chân Nhân bèn tự đến làm pháp, triệu thỉnh thần tướng hiện hình trong đàn. Huyền Đế (Huyền Thiên Thượng đế) vừa giáng hạ, cô gái ấy mới thay đổi nét mặt nói: "Ả đàn bà thường dân này nửa đêm trần truồng, phạm đến thần tướng của ta, đáng bị giết chết, còn làm phiền bậc thượng chân ngự tới, nên đã tha cho nó". Cô ta nói xong, đột ngột ngã nhào xuống đất, bèn lành bệnh.

Lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí là tám tiết. Trong những ngày ấy, chư thiên, các vị thần tiên, chân tiên chia nhau hóa độ trọn khắp, dạy bảo, cứu độ quần sanh, ghi chép rành

351 Trương Chân Nhân ở đây là Trương Khôn Hạc, sống vào thời Đạo Quang nhà Thanh. Năm hai mươi ba tuổi, ông quy y với Đoàn Chân Nhân ở Văn Xương Các, tu tập Đạo giáo, đạt thành tựu to lớn.

rẽ từng điều tội phước. Mọi người hãy nên thanh tịnh, hòa bình, giữ lòng phản tỉnh, xem xét chính mình hòng tăng thêm điều lành, trừ bỏ điều ác, noi theo đường chánh, từ bỏ lẽ tà, ngõ hầu ứng hợp với tấm lòng khai thị, độ thoát của đức Thái Thượng và các vị chân tiên. Kẻ hành hình sao không kiêng dè mà dám làm như thế ư? Tổn thương hòa khí trong trời đất, tổn phước của chính mình và gia đình không gì quá đáng hơn nữa! Chớ nên không kiêng tránh!

Năm Vũ Đức thứ ba (620), Đường Cao Tổ xuống chiếu quy định: "Trong các tháng giêng, tháng năm, tháng chín và trong mười ngày trai, không được hành hình". Lại nữa, theo quy định chung của triều đại trước, vào ngày mồng một mỗi tháng, cấm hành hình tội nhân, giết mổ súc vật. Trong mỗi ngày tiết, thì giảm bớt hình phạt. Đấy cũng là một điều thuộc về lòng nhân của Hoàng đế vậy. Nay những kẻ cai trị dân có từng thấu hiểu tấm lòng ấy hay chăng?

Đời Đường, Đậu Quỹ là anh họ của Thái Mục Hoàng Hậu[352], làm Đô đốc tại Lạc Châu, tánh tình cứng

352 Thái Mục Hoàng Hậu (569-613) họ Đậu, sử không chép rõ tên, chỉ ghi bà là con gái của Thượng Trụ Quốc Đậu Nghị nhà Bắc Chu và Tương Dương Công Chúa (con gái của Vũ Văn Thái, tức con gái của Bắc Chu Thái Tổ Văn Hoàng Đế). Bà là vợ của Lý Uyên (Đường Cao Tổ). Bà xinh đẹp, thông minh, thông thạo binh thư. Ngay từ lúc bốn tuổi, bà đã khiến cho cậu là Bắc Chu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) kinh ngạc khi khuyên cậu phải sủng ái công chúa A Sử Na người Đột Quyết, hãy nên tấn phong A Sử Na làm Hoàng Hậu, vì nhà Chu còn có hai địch

cỏi nghiêm khắc, ưa giết chóc, đã hành hình nhiều nho sĩ và thường dân. Hễ gặp những vụ án đã phán quyết tử hình, dẫu gặp tháng triều đình hạ lệnh thu nhặt chôn cất tử thi, hoặc lúc vua xuống chiếu giảm nhẹ tù đày, bỏ gông cùm (giảm án), ông ta đều chẳng ngưng hay giảm bớt sự hành hình. Ông ta còn hại chết Thượng thư Vi Vân Khởi. Năm Trinh Quán thứ hai (628), ông ta bị bệnh nguy ngập, bỗng tự nói có người cho ông ta ăn dưa. Kẻ hầu chung quanh thưa "chẳng có". Đậu Quỹ nói: "Một mâm dưa ngon, sao lại bảo chẳng có?" Chốc lát, ông ta kinh hãi nhìn chòng chọc, kêu lên: "Chẳng phải là dưa, toàn là đầu người đến đòi mạng ta". Lại kêu: "Mau đỡ ta dậy để gặp Vi Thượng thư", nói xong chết ngắc. Hành hình trong tám ngày tiết, không chỉ là nói về chuyện giết chóc, dẫu là đánh đập cũng chớ nên! Khoan từ nhân hậu hay tàn nhẫn chỉ cậy vào một niệm chuyển dời, kết quả là tai biến hay cát tường khác biệt vời vợi một trời một vực. Kẻ làm quan hay người chủ trì gia đình đều phải nên kiêng dè cẩn thận!

---

thủ đáng gờm là Bắc Tề và Nam Trần. Nếu sủng ái A Sử Na, nhà Chu sẽ có một lực lượng hùng mạnh là Đột Quyết làm hậu thuẫn. Bắc Chu Vũ Đế hết sức tán thưởng sự phân tích sáng suốt của cô cháu gái, hết sức khâm phục trí thông minh của cô. Khi bà mười tám tuổi, cha bà là Đậu Nghị kiên quyết chỉ gả bà cho người xứng đáng. Đậu Nghị cho vẽ hai con chim Khổng Tước lên bình phong, ai đến cầu hôn thì phải bắn trúng hai con chim ấy trong một phát tên, chỉ có Lý Uyên là thành công. Do vậy, bà lấy Lý Uyên. Bà qua đời trước khi Lý Uyên lên ngôi Hoàng đế. Về sau, dù Lý Uyên có nhiều phi tần, không bao giờ lập người khác làm Hoàng Hậu. Bà là mẹ đẻ của Lý Kiến Thành, Lý Thế Dân (Đường Thái Tông), Lý Huyền Bá, Lý Nguyên Cát và Bình Dương Chiêu Công Chúa.

Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ tam quang, cửu thị nhật nguyệt.

唾流星 。指虹霓 。輒指三光 。久視日月 。

Hướng về sao băng khạc nhổ, chỉ trỏ cầu vồng, bộp chộp chỉ trỏ tam quang, nhìn mặt trời, mặt trăng thật lâu.

Tinh tú ở trên trời xoay chuyển qua các cung hoàng đạo, liên quan gì đến con người mà khạc nhổ để làm gì? Có kẻ ngu còn xằng bậy nói tinh tú vận chuyển là yêu quái, hướng về chúng phun nước bọt nhằm biểu lộ sự hết sức chán ghét! Những lời lẽ ấy đúng là xuất phát từ những lời bịa đặt vô căn cứ. Nếu dân chúng thất đức, trời ắt hiện bày sự chuyển biến. Sao chổi bay xẹt quả thật là do chính mình chuốc vời, chính mình hãy nên kinh sợ, tu tỉnh, tạo lập đức hạnh để giải trừ tai nạn, há có nên phỉ nhổ tinh tú hay chăng? Do Tống Cảnh Công nói ba câu tốt lành mà tai tinh Huỳnh Hoặc[353] lui mất.

353 Huỳnh Hoặc (荧惑) chính là Hỏa Tinh. Theo Lã Thị Xuân Thu, phần Quý Hạ Kỷ, vào thời Tống Cảnh Công (Tử Đầu Loan), Hỏa Tinh xâm phạm sao Tâm, đấy là điềm bất tường. Vua sợ hãi, triệu quan Thái Sử Tử Vi vào thương nghị. Tử Vi nói: "Huỳnh Hoặc là hình phạt của cõi trời, sao Tâm thuộc phận dã nước Tống. Vua sẽ mắc họa, nhưng có thể dời hiểm họa ấy sang Tể tướng". Vua đáp: "Tể tướng là người giúp ta cai trị đất nước, ông ta bị chết, sẽ là điềm bất tường". Tử Vi lại nói: "Có thể chuyển họa sang dân chúng". Vua nói: "Dân chết thì trẫm làm vua với ai? Thà là một mình ta chết". Tử Vi lại nói: "Có thể chuyển thành mất mùa". Vua lắc đầu: "Mất mùa thì dân đói. Dân bị đói ắt chết, làm vua của dân mà giết dân để chính mình được sống, ai còn coi ta là vua? Mạng quả nhân cố nhiên đã tận rồi, ngươi chẳng cần phải nói nữa!" Tử Vi sắp rời đi, lại lạy vua, thưa: "Thần dám chúc mừng bệ hạ, trời ở trên cao, nhưng nghe thấu dưới thấp. Do ba lời đức hạnh cao tột của bệ hạ, trời cao ắt sẽ ban thưởng bệ hạ ba điều. Tối nay, sao Huỳnh Hoặc sẽ lùi lại ba cung. Vua sống thọ thêm hai

Sự cảm ứng do tu đức vằng vặc chẳng dối vậy!

Trắng lẫn đỏ là Hồng (虹, cầu vồng), trắng lẫn xanh là Nghê (霓)[354]. Đấy chính là khí âm và dương giao tiếp. Kinh Thi nói: *"Đế Đông tại Đông, mạc chi cảm chỉ"* (Cầu vồng mọc ở phương Đông, không ai dám chỉ trỏ). Sách Xuân Thu Vận Đẩu Xu[355] chép: "Tinh tú tản mát là Hồng. Hãy nên biết cầu vồng thật sự là khí thừa của sao Bắc Đẩu được biểu hiện rất rõ rệt bằng hình sắc". Vì thế, xưa kia Khổng Tử biên soạn xong kinh Xuân Thu và Hiếu Kinh, bèn tấu trình Bắc Đẩu. Ngay khi ấy, có cầu vồng màu đỏ giáng hạ và hoàng ngọc khắc văn[356]. Ai nói cầu vồng chẳng phải là khí thừa của sao

---

mươi mốt năm". Về sau, quả nhiên đúng như vậy.

354 Tuy gọi tên khác nhau, nhưng đều là cầu vồng. Ánh sáng chiếu qua một viên nước nhỏ, bị khúc xạ thành bảy màu là đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh dương, chàm (indigo) và tím, phản chiếu lên bầu trời, tạo thành hình vòng cung. Khi màu đỏ ở ngoài, màu tím ở trong cùng thì gọi là Hồng, hoặc Hùng Hồng (cầu vồng đực). Khi màu đỏ nằm ở phía trong cầu vồng, màu tím ở ngoài cùng, thì gọi là Nghê, hoặc Thư Hồng (cầu vồng cái). Lời chú giải nói "trắng lẫn đỏ" là nói tới rìa ngoài của cầu vồng in trên nền trời màu trắng.

355 Xuân Thu Vận Đẩu Xu là một bộ sách bói toán có tên gọi chính xác là Xuân Thu Vỹ Vận Đẩu Xu do các nhà Dịch học thời Hán viết về thuật bói toán, chiêm tinh, chiêm nghiệm thiên tượng (những biểu hiện trên bầu trời) dựa theo các ý nghĩa trong kinh sách của Nho gia, thường gọi chung là Vỹ Thư. Nội dung của Vỹ Thư bao gồm kiến thức về thiên văn, lịch pháp, địa lý v.v… kể cả những thần thoại.

356 Theo Tống Thư, phần Phù Thụy Chí, sau khi soạn xong Xuân Thu và Hiếu Kinh, Khổng Tử cùng học trò làm lễ bẩm cáo với cõi trời. Trời kéo mây dày đặc, sương phủ trắng đất, cầu vồng đỏ giáng xuống, hóa hiện thành một miếng ngọc màu vàng, dài ba thước, trên đó có khắc chữ. Khổng Tử quỳ nhận, đọc: "Bảo văn xuất, Lưu Quý ác, mão kim đao, tại Chẩn bắc, tự hòa tử, thiên hạ phục". Các nhà chú giải giảng câu này là dự ngôn (lời tiên đoán) Tần Thủy Hoàng thống trị Trung Nguyên một thời gian ngắn, cuối cùng Lưu Bang sẽ

Bắc Đẩu? Nếu chỉ trỏ, làm sao vô tội cho được?

Mặt trời, mặt trăng và tinh tú là "tam quang", còn gọi là "tam thần" (三辰). Tam quang được phân bố trên bầu trời nhằm chiếu soi thiên hạ, hòng nêu dạy pháp tắc. Đức Thái Thượng nói: "Nếu thấy mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, Bắc Đẩu, Nam Đẩu, ắt trịnh trọng dập đầu, cầu xin che chở ắt sẽ được dung thứ tội khiên. Chớ nên khinh mạn kẻo chuốc lấy ương lụy". Trong Đạo tạng (Đại Tạng Kinh của Đạo giáo), dạy mọi người hiến tế mặt trời, mặt trăng. Ngày mồng Một tháng Hai mỗi năm chính là ngày tế mặt trời, ngày Rằm tháng Tám tế mặt trăng. Hãy nên sắm sửa hương hoa, cỗ chay, lễ bái, cầu đảo để báo ân, làm như vậy sẽ khiến cho con người tăng phước, kéo dài tuổi thọ. Như vậy thì có nên bộp chộp chỉ trỏ mặt trời, mặt trăng, tinh tú, có nên tùy tiện nhìn lâu hay chăng?

Chu Hồng nói trong huyện của ông ta, nhằm lúc mọi người đang cùng nhau chè chén, thấy trên bầu trời, rìa ngoài mặt trời có ánh sáng lạ, mọi người cùng chỉ trỏ. Bỗng gió mưa sầm sập tràn tới, từ trên trời giáng xuống một vật giống như con khỉ, hai mắt sáng ngời. Mọi người kinh sợ, nằm mọp dưới đất, khoảnh khắc nó

---

thống nhất sơn hà. Chẳng hạn ba chữ Mão Kim Đao (卯金刀) ghép lại thành chữ Lưu (劉). "Tại chẩn bắc" là ngồi ở phương Bắc, ngoảnh mặt về phương Nam, tức là làm vua. Tự Hòa Tử là chữ Hòa (禾) và Tử (子) ghép thành chữ Quý (季), tức là dự báo Lưu Bang sẽ làm vua. Theo Sử Ký, Lưu Bang có tên tự là Quý; do đó, nhiều sách chép Hán Cao Tổ là Lưu Quý, thay vì chép tên ông là Lưu Bang.

biến mất. Tai mọi người lấp đầy bùn, ai nấy đều thành bệnh hoảng sợ.

Đời Tống, Thái Kinh có thể nhìn mặt trời khá lâu mà chẳng hoa mắt. Có người nói đó là điềm quý hiển, nhưng ỷ vào thị lực dám chống lại thái dương, người thông hiểu liền biết hắn ta chẳng có lòng nghĩ đến vua. Rốt cuộc, hắn chuyên quyền, khiến cho đất nước lầm than, hắn bị biếm trích mà chết.

Đời Nguyên, Tôn Cẩn tang cha hết sức đau buồn. Trời mùa đông rét buốt, ông đi chân trần. Quan tài còn quàn đó chưa chôn, ông chẳng tháo đai áo. Ông đưa quan tài qua sông, trời đất tối mù, Tôn Cẩn kiền thành cầu đảo tam quang, tức thời gió yên, sóng lặng, lại trông thấy mặt trời. Ông phụng sự mẹ kế là Đường Thị rất có hiếu. Mẹ kế từng bị ung nhọt, Tôn Cẩn đích thân hút mủ. Mẹ lại bị mù, Tôn Cẩn cầu khẩn tam quang, liếm mí mắt, mắt mẹ được sáng lại. Đường Thị mất đã mười ngày, sắp sửa an táng; khi ấy, nhằm đúng tiết Xuân, khổ sở vì mưa dầm dề. Tôn Cẩn ban đêm khóc lóc, trời bèn tạnh mưa, mây quang đãng, mặt trời chiếu sáng. Đưa tới huyệt, đã là lúc đêm tối không có ánh sáng, Tôn Cẩn lại buồn bã gào khóc, ánh sao sáng ngời, mặt trăng chẳng nhằm ngày trăng tròn mà bỗng chiếu sáng ngời như ban ngày. Nhìn từ chuyện này, ta thấy tam quang ở trên cao, không chỉ là có ân chiếu soi, mà còn có thể ứng theo lời mong cầu, há có nên coi thường

chỉ trỏ để rồi tự phạm lấy oan khiên, tai họa nặng nề ư?

Xuân nguyệt liệu liệp, đối Bắc ác mạ, vô cố sát quy, đả xà.

春月燎獵。對北惡罵。無故殺龜打蛇。

Trong các tháng mùa xuân, đốt rừng để săn bắn. Hướng về phương Bắc chửi rủa độc địa. Vô duyên vô cớ, đánh giết rắn rùa.

Đốt rừng để săn bắn thì gọi là "liệu liệp" (燎獵). Đối với chuyện bắn chim, đuổi thú, đức Thái Thượng đã có lời răn rõ ràng. Huống hồ do đốt rừng săn bắn mà giết chóc chẳng cùng tận! Nhưng dùng "xuân nguyệt" (các tháng trong mùa xuân) để nói, vì đấy là lúc tăng trưởng, sanh nở của muôn vật, nếu làm chuyện này (săn bắn, đốt rừng), trên là trái nghịch sự vận hành của trời, dưới là giết chóc sanh mạng loài vật, càng là bất nhân quá đỗi! Chẳng phải là trong những tháng khác thì không cần phải kiêng tránh đâu nhé!

Đời Đường, Lưu Ma Nhi một hôm và con trai cùng chết. Hàng xóm có người họ Kỳ, bị bệnh chết đi rồi sống lại. Do vậy, ông ta kể chính mình đã tới cõi âm, thấy cha con Ma Nhi đang ở trong vạc sôi sùng sục, da thịt đều rã hết, chỉ thấy xương trắng. Hồi lâu sau khôi phục thân hình, đã khôi phục rồi lại bị nấu chín rã. Một hồi lâu sau lại khôi phục, lại bị nấu nhừ, chẳng có lúc nào ngừng. Diêm vương phán: "Gã này

chuyên thích phóng hỏa để săn bắn, cho nên hứng chịu quả báo này". Chúng sanh đều có Phật Tánh, há có nên coi thường mà sát hại. Săn bắn đã là chớ nên, huống hồ còn thiêu đốt núi rừng ư! Vạn vật đều bị cháy khô, các loài sâu đang ngủ vùi đều cháy rụi. Nỗi hại ấy chẳng nỡ lòng nói nữa! Thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký đã chép những cấm đoán liên quan đến thời tiết và thời vụ rất tường tận; còn đức Thái Thượng lại răn cấm thêm, vì chuyện này liên quan đến sanh mạng. Vì thế, ngài không chỉ dăm ba lượt ngăn cấm, giảng giải vậy!

Phun nước miếng, hỉ mũi là chuyện nhỏ nhặt, hướng về phương Bắc mà làm thì còn là tội lỗi, huống hồ chửi bới hung tợn ư? Kẻ ngu bị cái tâm phẫn nộ sai khiến, chẳng màng cố kỵ, chẳng nghĩ: Ta giận bèn muốn xả giận, thần giận thì sẽ như thế nào?

Khẩu nghiệp của người đời có bốn thứ, chửi rủa độc địa là nghiệp nặng nhất. Kinh dạy: "Phàm phu do tam độc hừng hực, lửa giận thường bùng cháy, gặp cảnh bèn sanh lòng sân, gặp duyên gây chướng. Vì thế thốt lời giận dữ, buột miệng phun ra, lửa giận thiêu đốt cái tâm, tổn hại người trước mặt ta, khiến họ đau đớn như dao cắt, phần nhiều bị tổn thương, khổ não vô lượng. Giả sử chúng sanh tuy thân chẳng có tội lỗi, nhưng do không cẩn thận mà tạo khẩu nghiệp thì cũng đọa trong ác đạo".

Một người đàn bà ở Tân An tánh tình hung tợn, không có con, ghen ghét đứa con do người thiếp sanh ra. Mỗi lúc hoàng hôn đều hướng về phía Bắc nguyền rủa, chửi bới độc địa. Một hôm, mụ ta lại hướng về đó rủa xả, bỗng thấy một ngôi sao rơi xuống đất, hình thể to như cái đấu, tiếng rền vang như sấm. Mụ ta kinh hãi thành bệnh, bụng dần dần to phè như mang thai. Đến lúc sanh nở, bảy ngày chẳng sanh nổi. Thật ra, trong bụng chẳng có gì hết! Sám hối mới lành bệnh. Thần minh hiển hách, không đâu chẳng tồn tại, Cảm Ứng Thiên chỉ riêng nêu lên phương Bắc nhằm nhấn mạnh chỗ trọng yếu nhất. Vậy thì mọi người có nên chẳng nghĩ quỷ thần đông đảo, dày đặc ở quanh ta hòng kinh sợ, tu tỉnh ư?

Ứng Thế Chân Nhân nói: "Chớ nên giết sanh mạng của hết thảy muôn vật, mà âm tinh của rắn và rùa lại thuộc về ngôi sao Chân Vũ ở phương Bắc, càng chẳng thể giết. Vô cớ giết hại, ắt chuốc lấy báo ứng thê thảm. Do vậy, người có lòng nhân thường lập cách cứu giúp, che chở".

Một thôn dân ở Nhạc Châu tát ao bắt cá. Do bắt được rất nhiều rùa, bèn mổ rùa làm thịt, chở yếm rùa sang bán ở Giang Lăng, được lời to. Đến khi trở về, khắp thân bị ghẻ lở, đau đớn kêu gào. Người khác chẳng nỡ lòng nghe tiếng! Ắt phải đổ nước vào một cái bồn lớn, ngâm kẻ ấy vào đó, người khác dùng tay xoa

nắn mới hơi êm được. Về sau, da tróc lòi xương, biến thành hình rùa, nứt nẻ mà chết.

Bên cạnh nhà một phú ông có một cái cây khô. Ông ta sắp chặt bỏ, mộng thấy một người dắt nhiều người đến cầu xin hãy thong thả, chờ cho họ dọn đi xong rồi hãy tùy ý chặt. Ông tỉnh giấc, sai người trèo lên cây xem, thấy trong bộng cây có rắn cuộn tròn vô số, ông liền sai nổi lửa đốt rụi. Chẳng lâu sau, nhà ấy vào nửa đêm bỗng thấy lửa bay vào nhà; hễ thức dậy chữa lửa, bèn chẳng có động tĩnh gì. Nhiều lượt như thế, người nhà ấy chẳng thấy lạ nữa. Một tối, có đứa tớ gái làm rớt một đốm lửa vào đống củi, lửa cháy lan ra cánh đồng. Nhà ấy cứ tưởng lửa sẽ tự tắt như cũ, đều ngủ ngon lành, chẳng trở dậy. Do vậy, tới khi lửa cháy bừng bừng, muốn trốn tránh nhưng chẳng kịp, cả nhà đều chết sạch.

Cha của ông Lưu Ngạn Hồi làm Thứ sử ở Hồ Châu. Có người từ Bạch Ngân Hàng (thuộc Toại Huyện, tỉnh Giang Tây) đến biếu một con rùa to, bảo: "Ăn con rùa này, có thể sống một ngàn năm". Cha Ngạn Hồi liền ngầm thả nó về chỗ cũ. Cha mất, Ngạn Hồi làm Tư Sĩ[357] ở Phòng Châu, bỗng nước lũ từ trên núi tràn về, đất bằng ngập dưới mấy thước nước, cả nhà không

357 Tư sĩ (司士) là một chức quan được đặt ra từ thời Tây Chu. Chức quan này cùng với Tư mã, Tư không, Tư đồ, và Tư khấu được gọi là Ngũ quan, chịu trách nhiệm giám sát các quan. Về sau, chức vụ này được thay thế bằng chức Ngự sử đại phu, nhưng người ta vẫn quen gọi Ngự sử đại phu là Tư sĩ. Thậm chí các quan Gián nghị tại các cấp châu, huyện, phủ cũng đều được gọi là Tư sĩ.

có đường nào né tránh. Bỗng có một con rùa lớn dẫn đường, họ đều tới được chỗ cạn, thoát khỏi tai nạn ấy. Đến đêm, Ngạn Hồi mộng thấy một người áo trắng nói: "Tôi là con rùa được cha ông thả lại Bạch Ngân Hàng, vì thế đến báo đáp".

Đời Đường, Tôn Chân Nhân (Tôn Tư Mạo) đi đường núi, thấy thôn dân đang đập một con rắn xanh, ông bèn mua lại rồi đem thả. Chẳng lâu sau, một thiếu niên đón Chân Nhân tới một vương cung. Có một người mặc áo đỏ bước ra thưa: "Trước kia đứa con út gặp nạn, may được tiên sinh cứu giúp, vì thế tôi sai đứa con cả đón ngài đến đây, hòng biểu lộ phần nào tấm lòng cảm tạ". Người ấy dẫn ông Tôn vào trong thâm cung. Một phi tần dẫn một đứa bé áo xanh ra lạy chào, cảm ơn nhiều lần. Họ mời ông ở chơi ba ngày, các món ăn ngon quý, dâng biếu các món lụa là, châu ngọc chẳng thiếu thứ gì. Chân Nhân đều khước từ chẳng nhận, chỉ đem về ba mươi toa thuốc tiên do Thượng đế ban tặng cho long cung, nhờ những toa thuốc ấy mà cứu sống vô số người. Sách Thiên Kim Phương hiện thời chính là do có được ba mươi toa thuốc ấy mà Tôn Tư Mạo nghiên cứu, biên soạn ra các bài thuốc mới.

Như thị đẳng tội, Tư Mạng tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỷ toán, toán tận tắc tử, tử hữu dư trách, nãi ương cập tử tôn.

如是等罪。司命隨其輕重。奪其紀算。算盡則死。死有餘責。乃殃及子孫。

Đối với các tội như thế, thần Tư Mạng tùy theo tội nặng hay nhẹ mà trừ bớt tuổi thọ của người gây tội. Tuổi thọ đã hết, sẽ phải chết. Đã chết mà còn chưa hết nợ thì con cháu phải gánh tai ương.

Câu *"như thị đẳng tội"* (những tội như thế) nhằm tổng kết đoạn văn trước đó. "Tội" chính là những chuyện đã nêu ngay sau câu *"phi nghĩa nhi động"* (làm chuyện trái nghịch đạo nghĩa). Từ chữ "Tư Mạng" trở đi nhằm nêu rõ chuyện tùy theo nghiệp mà chịu báo. Kinh dạy: *"Nghiệp tùng tâm khởi, tâm vi nghiệp dụng, nghiệp dẫn tâm nhi thọ hình. Tâm tùy nghiệp nhi hiện cảnh, như ảnh tùy hình, nhi khúc trực du phân, do hưởng ứng thanh, nhi đại tiểu các dị, hào ly bất sảng, báo ứng vô sai"* (Nghiệp bắt nguồn từ tâm, tâm lại do nghiệp tác động mà dấy lên tác dụng, nghiệp dẫn dắt cái tâm đi đầu thai, nhận lấy hình thể. Tâm thuận theo nghiệp mà hiện ra cảnh, như bóng theo hình, nhưng đúng sai khác biệt, ví như tiếng vọng thuận theo âm thanh mà có lớn nhỏ mỗi thứ khác nhau, trọn chẳng sai sót mảy may, báo ứng không sai chạy). Còn như nói "ương cập tử tôn" (hại đến con cháu) cũng là luận định khắp ba đời. Nói

chung, sự báo ứng xa là con cháu, gần thì ở nơi chính mình, tức là báo ứng rạng ngời chẳng sai chạy. Chính vì người đời tích tập điều ác, làm chuyện trá ngụy, tổn thương tấm lòng hiếu sanh của Thượng đế, trái nghịch ý định bảo vệ, che chở của tổ tông. Do đó dẫn đến tình cảnh con cháu gian nan, giòng dõi đoạn tuyệt. Thế mà con người chẳng tự hiểu biết, cứ đổ thừa cho số mạng, hoặc đổ thừa là do khí chất bẩm sanh. Ôi, đức to lớn của trời đất là sanh thành, đối với cỏ cây, chim cá còn chẳng nỡ tuyệt diệt chúng, huống hồ con người là "vạn vật chi linh" mà nỡ lòng dứt tuyệt con cháu của họ ư? Vì thế, nếu ai chẳng phải là hạng cực ác sẽ chẳng tuyệt tự, ác báo chẳng hết sẽ lan đến con cháu lại chính là sự lý thường hằng vậy!

Đời Tùy, Dương Tố[358] khuyên vua (Tùy Văn Đế)

358 Dương Tố là đại thần thời Tùy Văn Đế (Dương Kiên). Ông ta thông minh, tài hoa, học rộng, nghe nhiều, nhưng rất xảo trá. Do khéo dùng binh, Dương Tố lập nhiều chiến công. Vì vậy, ông ta được phong làm Thượng thư tả bộc xạ, nắm quyền ngang ngửa với Tể tướng thời ấy. Tùy Văn Đế có ba đứa con trai, con trưởng là Dương Dũng. Tùy Văn Đế đã lập Dương Dũng làm Thái tử, nhưng dần dần do thấy Dương Dũng thiếu tài trí, ham chơi, bèn phế đi, lập Dương Quảng làm thái tử (tức là Tùy Dượng Đế sau này) theo lời khuyên của Dương Tố. Dần dần, Tùy Văn Đế phát hiện Dương Quảng là người tàn nhẫn, hẹp hòi. Trong khi vua nằm bệnh, Dương Tố đến chầu hầu hằng ngày. Ông ta nghe vua muốn tái lập Dương Dũng, bèn hạ lệnh thay đổi quân túc vệ, khiến cho ý định của vua không thể thực hiện được. Do vậy, khi Tùy Văn Đế chết, Dương Quảng lên ngôi vua không trở ngại. Dương Tố ỷ vào công lao phù tá, kiêu ngạo, tự tung tự tác. Dượng Đế ngày càng ghét Dương Tố. Em út của Dượng Đế là Dương Lượng mượn cớ trừ khử Dương Tố, dấy binh làm loạn ở Tinh Châu. Dương Tố đem quân đi đánh dẹp, bắt được Dương Lượng. Về sau,

lập Dượng Đế làm Thái tử khiến cho nhà Tùy bị nguy ngập. Con ông ta là Nguyên Cảm rốt cuộc bị Dượng Đế diệt tộc. Lý Tích[359] khuyên vua lập Vũ Hậu, khiến mạng vận nhà Đường bị cách trở. Cháu ông ta là Lý Kính Nghiệp cũng bị Vũ Hậu giết chết. Đấy chính hại đến con cháu! Ngạn ngữ có câu: "Ngươi do chuyện này bắt đầu thì cũng sẽ do chuyện này mà chấm dứt". Sự báo ứng do ngươi tạo ra sẽ hại ngược trở lại ngươi, cố nhiên là chẳng thể dối trá được! Người hiện thời căn cứ vào chuyện gần gũi trước mắt, thấy kẻ nào đó làm ác mà không hề hấn gì bèn nói: "Trời không có mắt". Thấy kẻ nào đó làm ác mà hưng vượng lừng lẫy bèn nói: "Làm ác được phước". Tích chứa điều thiện thì điều vui mừng có thừa, tích chứa điều ác thì tai hại có

---

do Dượng Đế ngày càng nghi kỵ, chèn ép giòng họ Dương Tố, con Dương Tố là Dương Nguyên Cảm sợ bị bức hại bèn dấy binh phản Tùy. Sau nhiều lần bị đánh bại, Dương Nguyên Cảm bị Dượng Đế sai người đánh thuốc độc giết chết, và tru di tông tộc của Dương Tố.

359 Lý Tích là một danh tướng đời Đường, vốn tên là Từ Thế Tích. Do theo Đường Thái Tông lập nhiều công lao, nên được ban họ Lý. Vì sợ phạm húy Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), Lý Thế Tích bỏ chữ Thế trong tên của chính mình. Ông làm đến chức Binh bộ Thượng thư dưới triều Đường Thái Tông. Ông ta là kẻ rất giảo hoạt, khéo luồn lách, khéo gió chiều nào che chiều ấy. Về sau, Đường Cao Tông (Lý Trị) muốn lập Vũ Chiêu Nghi (Vũ Tắc Thiên) làm Hoàng Hậu, đa số các đại thần phản đối. Vua bực bội, hỏi ý Lý Tích, Lý Tích đáp ngay: "Đó là chuyện riêng trong nhà bệ hạ, cần gì phải hỏi ý người ngoài!" Do vậy, Vũ Tắc Thiên rất coi trọng ông ta. Cháu nội ông ta là Từ Kính Nghiệp là danh tướng, do phù tá Đường Trung Tông chống lại sự chuyên quyền của Vũ Tắc Thiên, nên đã chiếm cứ Dương Châu dựng cờ khởi nghĩa. Vũ Hậu sai Lý Hiếu Dật cầm quân đánh dẹp. Kính Nghiệp bị đánh bại tại mặt trận Cao Bưu. Anh em Kính Nghiệp đều bị quân Đường truy bức, giết chết.

thừa. Nói "có thừa" thì phạm vi bao quát hết sức rộng. Suy luận từ bản thân, chính là nói họa phước có thừa sẽ ứng vào con cháu, há có phải là nói "sáng tạo nghiệp, tối phải đền trả" ư? Nhưng Thượng đế hiếu sanh, "họa ương còn sót lại sẽ hại đến con cháu" cũng là nhằm để trừng ác, khuyến thiện. Nếu như con hiếu, cháu hiền, tu tâm, tu thân, tích lũy điều thiện và công đức để cứu chuộc những nỗi oan khiên của tiền nhân, nghiêm ngặt chẳng khoan dung đối với chính mình thì lại chính là điều mong mỏi sâu xa của đức Thái Thượng vậy!

Xét theo thuyết nhân quả thọ sanh trong kinh Phật, thì một là thiên đạo, hai là tiên đạo, ba là a-tu-la đạo, bốn là nhân đạo, năm là súc sanh đạo, sáu là ngạ quỷ đạo, bảy là địa ngục đạo. Trời, tiên và tu-la cố nhiên là do tích tập các nhân cảm vời mà có, còn bốn đường như người, súc sanh v.v… càng là quả báo nhất định do nghiệp duyên cảm vời. Do vậy, khảo sát cặn kẽ theo đó, nói đến nhân đạo (人道, loài người) thì nhân (人) là nhẫn (忍), nghĩa là trong tình cảnh thuận hay nghịch, ắt đều có thể an nhẫn (yên phận chịu đựng). Đó là do xưa kia trong lúc tu nhân, tâm luôn vui sướng, tu tập ngũ thường, ngũ giới, hành trung phẩm thập thiện, mà cảm vời thân thể trong đường ấy.

Kinh dạy: "Làm người có thế lực, sang cả, hoặc làm quốc vương, hoặc làm trưởng giả là do lễ bái, phụng sự Tam bảo mà ra. Làm người đoan chánh, dáng vẻ trắng

trẻo sạch sẽ, dung mạo bậc nhất là do nhẫn nhục mà ra. Làm người tinh tấn, chẳng hề lười nhác, thích làm chuyện phước đức, là từ tinh tấn mà ra. Làm người an tường, lời nói và việc làm luôn cân nhắc kỹ lưỡng, chắc thật là do từ thiền định sanh ra. Làm người có tài, sáng suốt, liễu đạt pháp sâu, giảng nói diệu nghĩa để khai ngộ kẻ ngu muội. Kẻ nghe nói những lời ấy, tin tưởng chúng là trân bảo, người như vậy là do từ trí tuệ mà ra. Tiếng nói trong trẻo, thấu triệt, là do ca vịnh Tam bảo mà ra. Làm người sạch sẽ, chẳng bị bệnh tật là do tâm từ bi sanh ra. Làm người mà có nhiều nỗi sợ hãi, âm thanh rè đục, rạn vỡ là do từ địa ngục mà ra. Làm người tối tăm, chậm lụt, lười nhác, ăn nhiều, nói năng chẳng rõ ràng, lại còn khiếp nhược, thích bầu bạn với người si dại, rất thích chỗ tối tăm là do từ súc sanh mà ra. Làm người bẩn thỉu là từ loài lợn mà ra. Làm người hung ác là do từ loài rắn rết mà ra. Tâm chẳng liêm khiết, do từ loài chó mà ra. Tánh luôn hung tợn là từ loài dê mà ra. Thích đồ ăn ngon, mặc tình giết hại sanh mạng loài vật, chẳng có từ tâm là do từ sói, lang, cáo, chim ưng mà ra. Chẳng thể an tường, chẳng thể nhẫn nại mọi sự là từ loài khỉ mà ra".

Lại nói: "Làm người mà cao lớn là vì cung kính người khác. Làm người lùn xủn, nhỏ bé là vì khinh mạn kẻ khác. Làm người xấu xí là do thích nóng giận. Cả đời chẳng hiểu biết gì là vì không có học vấn. Làm người

ngu đần là vì không dạy người khác. Yểu mạng, lắm bệnh là vì thích sát sanh. Chẳng có đồ dùng cần thiết cho cuộc sống, luôn khổ sở, nghèo nàn, túng quẫn là vì thích trộm cắp. Chẳng có con cái, con dâu là vì dâm loạn với vợ người khác. Con cái dâm loạn là vì loạn dâm với con gái chưa chồng của người khác. Góa bụa, mồ côi, trơ trọi là vì ngược đãi con cái. Làm người đói khát là vì thích ăn một mình không chia sẻ với người khác. Làm nô tỳ của kẻ khác là vì thiếu nợ không trả, chẳng lễ kính Tam tôn (Tam bảo). Làm người xấu ác là vì che đèn cúng Phật. Sanh làm loài trâu cày là do làm quan tàn khốc, đối xử khắc bạc với bọn dân đen. Sanh trong loài nai, mễn là vì làm cho người khác kinh sợ. Sanh trong các loài rồng là vì thích chọc ghẹo, ép bức phụ nữ. Thân thể sanh ghẻ độc, chữa trị không có hiệu quả là vì đánh đập người khác. Người khác trông thấy ta bèn hoan hỷ, là vì ta đối xử vui vẻ với người khác. Người khác trông thấy ta chẳng vui vẻ là vì ta chẳng đối xử vui vẻ với người khác. Bị quan lại bỏ tù, trói buộc, thân mang gông cùm là vì đã bắt nhốt chúng sanh. Làm người sứt miệng là vì thích câu cá. Sanh trong xứ sở trần truồng là vì mặc áo mỏng đường đột vào tinh xá của đức Phật. Sanh trong xứ chân có móng guốc như ngựa là vì mang giày dép dẫm đạp đất Phật. Sanh trong xứ bị đâm thủng ngực là vì bố thí, làm phước, bèn sanh lòng hối hận. Những điều ấy đều là do đã tích tập từ trước, đền trả xong rồi mới lại được sanh làm người, đều là từ vô thỉ đến nay do nghiệp lực

và những toan tính điên đảo mà sanh ra nhau, giết chóc lẫn nhau. Chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao vốn sẵn luân chuyển như thế ấy. Hạng người ấy chính là hạng người đáng thương xót vậy!"

Nói đến súc sanh đạo thì bẩm tánh ngu si, chẳng thể tự lập, được con người nuôi nấng, vì thế gọi là "súc sanh". Do xưa kia trong lúc tu nhân đã ngu mê, tham dục, tạo hạ phẩm thập ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: "Nghiệp làm quỷ đã hết, mới sanh trong thế gian, sẽ gặp gỡ kẻ ta vốn đã thiếu nợ và kẻ oán thù, đối đầu, chính mình làm thân súc sanh để đền món nợ cũ". Những hạng chúng sanh này đều do cái nghiệp hư vọng chiêu cảm, dẫn dắt. Nếu ngộ Bồ-đề thì sẽ liễu giải vọng duyên ấy vốn vô sở hữu.

Nói đến ngạ quỷ đạo thì loài quỷ này gầy còm, xấu ác, luôn tham cầu được no lòng một bữa, luôn bị đánh đập, phải làm những việc nặng nề như lấp sông, ngăn biển, chịu khổ vô lượng. Đấy là do xưa kia trong khi tu nhân đã tham lam, keo kiệt thành tánh, ôm lòng nịnh bợ, dối gạt, hành trung phẩm thập ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: "Các chúng sanh ấy đều vì thuần tình mà đọa lạc, lửa nghiệp thiêu rụi, cho nên hiện ra hình hài loài quỷ. Những chúng sanh này đều do cái nghiệp vọng tưởng chuốc vời, dẫn dắt. Nếu ngộ Bồ-đề sẽ diệu chứng viên minh vốn vô sở hữu".

Nói đến địa ngục đạo là nói đến tù ngục ở dưới đất, nhưng các địa ngục ấy to nhỏ khác nhau, tuổi thọ trong ấy cũng là dài ngắn mỗi ngục mỗi khác. Kẻ chịu khổ trong ấy sẽ tùy theo nghiệp đã tạo, ai nấy có kiếp số nặng nhẹ khác nhau. Kẻ nặng nhất sẽ là trong một ngày muôn lần sống, muôn lần chết, trải qua vô lượng kiếp. Do khi trước lúc còn đang tu nhân, mỗi niệm trong tâm đều là tham, sân, si, tạo nghiệp cực ác, hành thượng phẩm thập ác, cho nên cảm thân trong đường này. Kinh dạy: "Những chúng sanh ấy đều là do tự nghiệp (nghiệp của chính mình) cảm vời, tạo mười tập nhân, hứng chịu sáu thứ giao báo".

Mười thứ tập nhân:

1) Một là dâm tập (婬習, tập khí dâm dục) giao tiếp, phát khởi thành tướng chà xát, nghiền mài chẳng ngừng. Do như vậy bèn có ánh lửa sáng rực phát động trong ấy. Như người dùng hai tay tự chà xát vào nhau, tướng ấm nóng sẽ hiện tiền. Do hai thứ tập khí[360] cùng thiêu đốt, cho nên có những chuyện như giường sắt, cột đồng. Mười phương Như Lai đều đích thân trông thấy hình tướng họa hại của sự hành dâm, cùng gọi những nỗi họa hại ấy là "dục hỏa" (lửa dục). Bồ-tát

360 Nhị tập (hai thứ tập khí) ở đây chính là chủng tập và hiện tập. "Chủng tập" là những chủng tử có sẵn do những thói quen từ trước hoặc do kinh nghiệm từng trải từ trước kết thành, khi gặp đúng duyên, chúng sẽ dấy lên hiện hành. Sự hiện hành ấy được gọi là "hiện tập".

trông thấy dục liền lìa tránh như né tránh hầm lửa.

2) Hai là do tham tập (貪習, tập khí tham lam) ảnh hưởng lẫn nhau, phát khởi thành sự thu hút lẫn nhau để thu hút, lôi kéo không ngừng. Do như vậy mà tích tụ khí lạnh tạo thành băng cứng, lạnh buốt trong ấy. Như người dùng miệng hút lấy hơi gió sẽ cảm thấy lạnh. Hai thứ tập khí lấn át nhau, vì thế có những chuyện như địa ngục Trá Trá, Ba Ba, La La, Thanh, Xích, Bạch Liên, Hàn Băng v.v… Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của sự nhiều ham muốn, mong cầu nên cùng gọi là Tham Thủy (nước tham). Bồ-tát thấy tham bèn tránh né như tránh né nơi dày đặc chướng khí.

3) Ba là mạn tập (慢習, tập khí khinh mạn) lấn lướt lẫn nhau, phát khởi thành sự ỷ vào lẫn nhau, tuôn chảy không ngừng. Do như vậy mà có sóng cuộn tung lên, cuồn cuộn, sóng tích tụ thành nước, như người đưa đẩy cái lưỡi trong miệng sẽ tự cảm thấy có mùi vị, vì thế có nước sanh ra (nước miếng). Hai thứ tập khí thôi thúc lẫn nhau, cho nên có những địa ngục như Huyết Hà (sông máu), Hôi Hà (sông tro), Nhiệt Sa (cát nóng), Độc Hải (biển độc), Dương Đồng (烊銅, nước đồng nung chảy), Quán Thốn (灌吞, rót nước đồng nung chảy, bắt nuốt hoàn sắt nóng) v.v… Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của nỗi họa hại do ngã mạn gây ra, nên gọi là Ẩm Si Thủy (uống nước si mê). Bồ-

tát thấy khinh mạn bèn tránh né như tránh né chỗ chết đuối to lớn.

4) Bốn là do sân tập (瞋習, tập khí sân hận) xung động lẫn nhau, phát khởi thành sự chống trái lẫn nhau, xung đột không ngớt. Tâm nhiệt bốc lửa, nung đúc chất khí thành kim loại. Do như vậy mà có các địa ngục Đao Sơn (núi đao), Thiết Quyết (鐵橛, gậy sắt), Kiếm Thụ (cây có cành nhánh toàn là gươm sắc), Kiếm Luân (vòng kiếm xoay tròn), búa, rìu, thương, cưa. Như người ôm nỗi oán hận, sát khí bốc lên ngùn ngụt. Hai thứ tập khí công kích lẫn nhau, vì thế có chuyện thiến, cắt, chặt, chém, giã, đâm, đập, quất v.v… Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của sự sân hận, gọi nó là Lợi Đao Kiếm (đao, gươm sắc bén). Bồ-tát thấy sân, như tránh né tru lục.

5) Năm là trá tập (詐習, tập khí gian trá) cùng dụ dỗ, phát khởi thành sự dẫn dụ chẳng ngừng. Do như vậy mà có dây và gỗ chằng buộc, bó chặt, như nước đẫm ruộng, cỏ cây sanh trưởng. Hai thứ tập khí duyên lẫn nhau, vì thế có những chuyện như gông cùm, xiềng xích, roi gậy, phang quất v.v… Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng gian ngụy, cùng gọi nó là Sàm Tặc (讒賊, tên giặc gièm siểm). Bồ-tát thấy sự dối trá như sợ sài lang.

6) Sáu là cuống tập (誑習, tập khí lừa dối) lường

gạt lẫn nhau, phát khởi thành sự lừa đảo lẫn nhau. Dối gạt chẳng ngừng, mặc tình gian dối. Do như vậy mà có bụi đất, phân tiểu ô uế bất tịnh như bụi tung theo gió, mỗi thứ đều chẳng thấy. Do hai tập khí dồn ép, cho nên có các sự chìm đắm, vọt lên, quăng ném, tung bay, rơi xuống, nổi trôi. Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng dối gạt, đều gọi là Kiếp Sát. Bồ-tát thấy dối gạt như đạp phải rắn rết.

7) Bảy là oán tập (怨習, tập khí oán hận) hiềm nghi lẫn nhau, phát khởi thành sự ngậm hờn. Do như vậy mà có đá bay, ngói rớt, nhồi nhét trong chỗ hẹp, bị giam cầm trong xe tù, chứa trong vò, quăng vào túi, như kẻ âm độc nghĩ tưởng, chất chứa điều ác. Do hai tập khí cùng nuốt, cho nên có những sự ném, quăng, bắt giữ, đập, bắn, liệng, túm v.v… Mười phương Như Lai mắt thấy các hình tướng oán gia, gọi chúng là Vi Hại Quỷ (loài quỷ làm hại, trái nghịch). Bồ-tát thấy sự oán hận như uống rượu ngâm lông chim Trấm.

8) Tám là kiến tập (見習, tập khí về kiến giải) soi rọi lẫn nhau, như Tát-già-da (Satkāya-dṛṣṭi, các kiến chấp), kiến giới cấm thủ, hoặc các nghiệp do ngộ giải sai lầm, phát khởi từ sự chống trái, sanh ra sự tương phản. Do như vậy mà có vương sứ, chủ lại[361] thẩm tra, quản trị sổ sách, như người đi đường qua lại trông thấy

361 Theo ông Hoàng Bách Lâm, "vương sứ" là sứ giả của Diêm Vương. "Chủ lại" là những viên quan chủ quản sổ sách trong cõi âm.

nhau. Do hai thứ tập khí giao nhau, cho nên có những sự thẩm vấn, khám nghiệm, quyền biến trí trá để tra khảo, hạch hỏi, xem xét, tìm tòi, vạch trần đến cùng hòng làm sáng tỏ v.v… Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của ác kiến, cùng gọi tên Kiến Khanh (見坑, hầm bẫy kiến giải). Bồ-tát thấy những điều thiên chấp (chấp chặt một bề) hư vọng như vào nơi hang hốc có khí độc.

9) Chín là uổng tập (枉習, tập khí gây nên sự oan uổng cho người khác) vây bủa, phát khởi thành sự vu cáo, báng bổ. Do như vậy mà có núi ép lại, đá hợp lại, nghiền, xay, cày, mài. Như gã giặc sàm báng, ép bức, oan uổng người lương thiện. Hai thứ tập khí cùng an bài, vì thế có các sự như đè, nén, nện, ấn, ép, lọc, đo lường v.v… Mười phương Như Lai trông thấy hình tướng của sự gièm báng oán thù, cùng gọi là Sàm Hổ (con cọp gièm siểm). Bồ-tát thấy sự oan uổng như gặp sấm sét.

10) Mười là tụng tập (訟習, tập khí thưa kiện) cùng tuyên nói, phát khởi nơi che giấu. Do như vậy mà có sự xét soi, chiếu tỏ. Như lúc giữa trưa, chẳng thể giấu diếm hình bóng. Do hai tập khí phô bày lẫn nhau, cho nên có những sự như bạn ác, nghiệp kính, hỏa châu, bộc lộ, túc nghiệp, đối chứng v.v… Mười phương Như Lai trông thấy sắc tướng của sự giấu diếm, cùng gọi tên là Âm Tặc. Bồ-tát thấy "che giấu" giống như đội hòn

núi cao để đi vào biển rộng!

Sáu giao báo (交報) là gì? Hết thảy chúng sanh do sáu thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, lưu xuất từ sáu căn.

1) Một là kiến báo (見報, quả báo của cái thấy), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đấy là do nghiệp thấy giao cảm, do vậy khi lâm chung, trước hết thấy lửa mạnh đầy tràn các cõi trong mười phương. Thần thức của người chết bay lên, đọa lạc theo khói mà vào địa ngục Vô Gián.

2) Hai là văn báo (聞報, quả báo của cái nghe) chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Do nghiệp của cái nghe giao cảm, khi lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn nhấn chìm trời đất. Thần thức của người chết giáng xuống, tuôn chảy, nương theo sự tuôn chảy ấy mà vào địa ngục Vô Gián.

3) Ba là khứu báo (齅報, quả báo của cái ngửi), chiêu cảm dẫn khởi ác quả. Đấy là do nghiệp của cái ngửi giao cảm, khi lâm chung, trước hết thấy độc khí phủ kín xa gần. Thần thức của người chết từ dưới đất vọt lên, vào trong địa ngục Vô Gián.

3) Bốn là vị báo (味報, quả báo của cái nếm), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đấy là do nghiệp nếm giao cảm, khi lâm chung, trước hết trông thấy lưới sắt, lửa mạnh

cháy hừng hực, chói ngời phủ trùm trọn khắp thế giới. Thần thức của người chết lọt xuống, xuyên mắc vào lưới, treo ngược đầu xuống dưới, vào trong địa ngục Vô Gián.

5) Năm là xúc báo (觸報, quả báo của sự đụng chạm), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đấy là cái nghiệp do sự đụng chạm giao cảm, khi lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía ép lại, chẳng còn nẻo thoát ra. Thần thức của người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, tay cầm thương, giáo, xua đuổi tội nhân chạy vào cửa thành, hướng tới địa ngục Vô Gián.

6) Sáu là tư báo (思報, quả báo của sự suy nghĩ), chiêu cảm, dẫn khởi ác quả. Đấy là do cái nghiệp suy tư giao cảm, khi lâm chung, trước hết thấy gió ác thổi tan nát cõi nước. Thần thức của người chết bị thổi vất vưởng xoay tròn trên không, rơi xuống, nương theo gió mà đọa vào địa ngục Vô Gián.

Đấy gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục, đều do sự mê vọng của chúng sanh tạo ra. Do các thứ nhân quả khó thể nói trọn hết, nay chỉ trích dẫn những phần thiết yếu thuộc về sự báo ứng trong ba đời, ghép vào đây nhằm nói rõ lý "nặng nhẹ, giảm bớt, tước đoạt", ngõ hầu người đời nhìn vào điều răn rõ ràng này sẽ biết tỉnh ngộ, kiêng dè vậy!

Hựu chư hoạnh thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đáng chi, tiệm chí tử táng. Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy, hỏa, đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đáng vọng thủ chi trực.

又諸橫取人財者。乃計其妻子家口以當之。漸至死喪。若不死喪。則有水火盜賊。遺亡器物。疾病口舌諸事。以當妄取之直。

Lại còn những kẻ cướp ngang tài vật của người khác thì vợ con, cả gia đình của hắn phải hứng chịu dần dần cho đến chết mất, tang tóc. Nếu không chết chóc, tang tóc, sẽ bị những chuyện như tai họa nước, lửa, trộm cướp, mất mát vật dụng, bệnh tật, khẩu thiệt để đền trả cái giá cướp càn.

Câu trước đã nói rõ sự chịu báo theo từng sự, còn đoạn này lại nói về chuyện "ngang ngược đoạt lấy", tức là nói về kẻ có thế lực. Chuyện này bất nhân bất nghĩa tột cùng, nhưng người đời lại khó thể tránh khỏi nhất. Vì thế, lại đặc biệt nêu ra để dạy mọi người. "Hoạnh" (橫) là tàn bạo, ngang ngược mà làm, dùng oai thế lấn lướt để uy hiếp. "Trực" (直) có nghĩa là "nguyên số" (原數, đúng với con số ban đầu). "Đáng trực" (當直) là phù hợp với số lượng vốn đã đoạt lấy. Những kẻ cướp ngang tài vật của người khác, phần nhiều vì mưu tính cho vợ con, người nhà, chẳng biết thần Tư Mạng cũng tính toán đòi nợ ngay từ vợ con, người nhà của họ để báo trả sự tham ác. Như vậy thì cứ tưởng khiến cho vợ

con, người nhà được lợi mà chính là làm hại họ vậy. Dùng tình cốt nhục hữu tình, đổi lấy kim tiền vô tình, cũng quá đáng tiếc lắm thay! Hơn nữa, do điều ác tích tập, tuổi thọ đã tận, thân ta cũng chẳng tránh khỏi chết chóc, chôn vùi, vậy thì muốn có món kim tiền ấy có ích gì đâu? Nếu toan hối lộ nhằm nhờ cậy bậc quyền thế trong chốn âm ty, chỉ sợ âm phủ chưa chắc đã khoan dung. Cho tới khi ấy, có ai còn chẳng đành chịu thấy hết thảy đều rỗng tuếch, nay chưa trông thấy quả báo thảm khốc chỉ là do sự báo ứng chậm trễ đó thôi! Sao bằng ngay trong lúc này, khi báo ứng còn chưa xảy đến, hãy sớm nghĩ đặt mình vào tình cảnh đó, may mà điều ác còn hơi nhẹ, chưa đến nỗi chết chóc, tang tóc; nhưng các tai nạn về nước lửa, trộm cướp, mất mát đồ đạc, bệnh tật, khẩu thiệt, con cháu không ra gì, những cách thức khiến cho tài vật của ta bị hao hụt rất nhiều. Đối với những kẻ ngang ngược đoạt lấy tài vật của kẻ khác, người gảy bàn tính to lớn để tính toán trong chốn âm thầm cũng ngang ngược đoạt lấy tiền tài của bọn họ. Rốt cuộc tiền tài chẳng còn gì mà nỗi kinh sợ do nước lửa, trộm cướp, nỗi áo não, căm hận do bị mất mát đồ đạc, nỗi đau đớn, khổ sở do bệnh tật, niềm phẫn hận, nỗi nhục nhã do khẩu thiệt, nỗi xấu hổ, điếm nhục do con cháu không ra gì đã sờ sờ ra đó, rành rành là chính mình bị thua thiệt, đã chẳng có cách nào bồi thường, lại còn thiếu nợ bao nhiêu tội lỗi oan nghiệt, chẳng được tự tại, bù đắp chẳng hết, biết làm thế nào đây? Kẻ đoạt

lấy ngang ngược, hễ nghĩ đến chỗ này sẽ không chỉ là tê buốt tấm lòng, mà cái tâm cũng sẽ nguội lạnh!

Hình Thụ đi sứ Tân-la[362] trở về, đi qua Thán Sơn thấy có hơn một trăm khách buôn chở theo mấy thuyền hàng hóa, giá trị mấy chục vạn mân[363]. Hình Thụ bèn tập kích giết chết họ, đoạt lấy số hàng hóa ấy. Cho đến khi con hắn là Hình Tể cùng với Vương Hồng mưu phản, hắn bèn bị giết chết. Vợ con, người nhà đều chết sạch chẳng còn gì!

Vi Công Cán làm châu mục Quỳnh Châu hay ngang ngược chiếm đoạt tài vật. Tới khi hắn mãn nhiệm, khi trở về thuyền lật trên sông, vật dụng tài sản mất sạch, chỉ thoát được cái thân.

Lữ Sư Tạo làm Thứ Sử Trì Châu xâm phạm, chiếm đoạt tài sản của dân chúng, chở khẳm thuyền trở về, bỗng lửa đốt rụi những món tài vật ấy! Chỉ có thuyền và người là chẳng bị thương tổn.

---

362 Tân-la (Silla) là một vương quốc cổ nằm ở phía Nam và một phần miền Trung bán đảo Triều Tiên (Joseon, Chosŏn), tồn tại từ năm 57 đến năm 935. Tân-la cùng với Bách Tế (Baekje) và Cao Câu Ly (Goguryeo) hợp thành Tam Quốc trong cổ sử Đại Hàn. Vương triều này do Phác Hách Cư Thế Cư Tây Can (Bak Hyeokgeose Geoseogan) sáng lập. Cuối cùng, vương triều này thôn tính Bách Tế và Cao Câu Ly. Sau gần một ngàn năm thịnh trị, Tân-la lại rơi vào tình trạng tam phân, tức là Hậu Tân-la, Hậu Bạch Tế, và Thái Phong (Taebong). Sau đó, Tân-la bị vương quốc Cao Ly (Goryeo) tiêu diệt.

363 Mân (緡) là một ngàn đồng.

Đinh Vị[364] bị đày đi Châu Nhai, bị đạo tặc cướp bóc, mất sạch những thứ sở hữu. Không lâu sau, hắn chết ngắc.

Mã Tương tánh tham lam, làm Tào Ty[365] ở Tây Xuyên. Gặp loạn Lưu Hu, Mã Tương bỏ vàng xuống giếng để giấu. Sau khi cuộc biến loạn được dẹp yên, chẳng thể tìm thấy đâu nữa, mất sạch tất cả.

Hai gã Hồ Ứng Quế và Lục Nhất Kỳ kết bè đảng dụ dỗ một đứa con quan cờ bạc để chiếm gia tài của nó. Bỗng họ Hồ bị mù một mắt, còn gã họ Lục bị xụi một chân. Chúng nó tàn phế, nghèo nàn túng quẫn suốt đời.

Cường Hoài Nhân tham lam, do ngang ngược chiếm đoạt mà trở thành giàu có. Con cái hắn không ra gì, thích cờ bạc, gái gú, phóng đãng, không bữa nào chẳng có chuyện dính líu khẩu thiệt, thưa kiện, tù ngục. Chẳng đầy mười năm, gia sản khánh kiệt, lênh đênh khốn khổ, con cháu không ngóc đầu lên nổi.

---

364 Đinh Vị (966-1037) là một gã đại gian thần thời Bắc Tống. Hắn quê ở Trường Châu thuộc Tô Châu, có tài ăn nói, giỏi thơ, họa, tinh thông sách vở và cờ vây. Hắn xuất thân là môn hạ của Khấu Chuẩn. Nhờ khéo luồn lách, hắn làm đến Hộ bộ Thị lang, kiêm Tham tri chánh sự. Khi đã nắm quyền, hắn tận lực hạ bệ, bài xích Khấu Chuẩn, khiến ông Khấu bị đày đi Lôi Châu. Đinh Vị cùng với Vương Khâm Nhược, Lâm Đặc, Trần Bành Niên và Lưu Thừa Khuê kéo bè kết đảng khuynh loát triều chánh, sử thường gọi bọn chúng là Ngũ Quỷ. Về sau, do đồng đảng là Lôi Doãn Cung phạm tội xâm phạm lăng tẩm của Hoàng đế, hắn bị liên lụy, bị giáng chức làm Thái tử Thái bảo, rồi bị đày đi Nhai Châu (Châu Nhai).

365 Tào ty (漕司) là chức quan quản trị vận chuyển theo đường thủy.

Những trường hợp vừa nêu trên đây đều là những chuyện về những kẻ ngang ngược chiếm đoạt tài sản của người khác, tùy theo từng sự việc mà thể hiện sự báo ứng xứng đáng với tội lỗi của bọn chúng, nhưng nặng nề nhất chính là sự chết chóc, tang tóc của bản thân Hình Thụ và người nhà của hắn. Trong cõi đời có chuyện bất minh, chứ cõi trời chẳng có chuyện gì không báo ứng; con người có thể vận dụng cơ mưu xảo quyệt, cõi trời báo ứng càng hay khéo hơn. Ôi, đáng sợ thay!

Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã.

又枉殺人者。是易刀兵而相殺也。

Lại còn những kẻ giết oan người khác, sẽ đổi lại bị giết trong chiến tranh.

Phần trước nói về chuyện ngang ngược chiếm đoạt, kế đó nói về chuyện giết chóc oan uổng. Chuyện giết chóc oan uổng thường là do khởi nguồn từ yêu mến tài sản, tiếc nuối tài sản mà ra. So với chuyện "chẳng phải là do chính mình mà giết chóc có khác gì đâu?" Như Mạnh Tử đã nói[366] thì ngữ ý giống nhau,

366 Đây là nói đến một đoạn trong thiên Tận Tâm Hạ sách Mạnh Tử: *"Ngô kim nhi hậu tri sát nhân thân chi trọng dã. Sát nhân chi phụ, nhân diệc sát kỳ phụ. Sát nhân chi huynh, nhân diệc sát kỳ huynh. Nhiên tắc phi tự sát chi dã, nhất gián nhĩ"* (Từ nay trở đi ta biết giết người thân của kẻ khác là nặng nề. Giết cha của người ta, người ta cũng giết cha mình. Giết anh của người ta, người ta cũng giết anh của chính mình. Tuy chẳng phải do chính mình tự giết, nhưng xét đến nguồn cội, có khác gì đâu?)

một mực thẳng thừng, nhanh chóng, thống khoái nhất. Nói đại lược về nguyên do của chuyện giết chóc oan uổng thì có bảy điều:

1) Một là xử án, do ăn hối lộ mà khiến cho kẻ khác bị oan khuất, bị vu hãm, mặc tình hành hạ thảm khốc.

2) Hai là dẫn quân đội, viện cớ tác chiến để tàn sát, bắt bớ, cướp bóc tài vật, ngụy tạo lý do để chặt đầu người khác hòng mạo nhận chiến công.

3) Ba là dùng thuốc, do mong cầu tài vật nhưng không thông thạo dược tánh, bèn cắt thuốc sai lầm, mê muội thiên lý mà công phạt chứng bệnh khiến cho bệnh nhân bị tàn phế hay mất mạng.

4) Bốn là phá thai, hoặc do tiếc nuối những khoản tiền tốn kém để nuôi con thơ mà dìm chết con gái. Do dục vọng phóng túng mà phá thai.

5) Năm là bọn sâu mọt trong nha môn, lường gạt tài sản, hãm hại, giấu diếm cấp trên, hoành hành ngược đãi.

6) Sáu là Phong Thủy, chuyển dời phần mộ hại người khiến cho người ta lâm vào cảnh tuyệt địa, vướng mắc tai họa.

7) Bảy là thầy dốt khiến cho người khác lỡ làng suốt đời, làm hại con em của người ta.

Tuy chẳng giống như sát nhân, nhưng khiến cho người ta bị oan uổng, trắc trở giống hệt. Những tội lỗi ấy luật lệ sẽ chẳng tha thứ. Nếu không mắc phải họa người ắt sẽ bị trời trừng phạt. Tuy nói là giết người khác, rốt cuộc sẽ là giết mình vậy!

Vào đời Tống, thiền sư X… lúc trẻ say rượu, cùng người khác tranh đoạt tài vật, dùng hết sức đánh người khác, kẻ đó chết ngay lập tức. Sư sợ tội nên đã trốn xa, xuất gia tu hành siêng khổ, bèn triệt ngộ, trở thành đại thiền sư, khai đường thuyết pháp, học trò tới mấy trăm người. Lúc Sư bảy mươi mấy tuổi, bỗng một hôm sư tắm gội, thăng tòa bảo đại chúng rằng: "Các vị đừng hành động, đừng nói gì, để xem một tầng công án của lão tăng từ hơn bốn mươi năm trước!" Sư ngồi tới giờ Ngọ, có một viên doanh biện (营弁, quan võ cấp thấp) đột ngột tìm tới, giương cung tên chực bắn. Sư chắp tay bảo: "Lão tăng kính chờ đã lâu!" Viên doanh biện kinh hãi bảo: "Ta và hòa thượng chẳng biết nhau, vừa trông thấy liền muốn giết, chính mình cũng chẳng hiểu duyên cớ!" Sư đáp: "Thiếu nợ phải trả tiền, giao dịch công bằng, chỉ xin ngài ra tay, chẳng cần phải chần chừ, ngờ vực". Sư ngoái lại, bảo đại chúng: "Sau khi ta chết, các vị hãy mời vị cư sĩ này dùng cơm, đưa tiễn. Nếu có nửa câu sân hận, hoặc kết tội sẽ là nghịch trời, trái đạo, chẳng phải là đệ tử của ta". Viên doanh biện càng nghi, kiên quyết vặn hỏi nguyên do của lời nói ấy. Sư

đáp: "Ông là người đã trải qua hai đời, cho nên quên bẵng. Tôi là kẻ chỉ mới sống một đời cho nên chẳng quên". Do vậy, Sư kể lại chuyện cũ, viên doanh biện vốn chẳng biết chữ, bỗng ngâm lớn rằng:

Oan oan tương báo hà thời liễu,
Kiếp kiếp tương triền khởi ngẫu nhiên,
Bất nhược dữ Sư câu giải thích,
Như kim lập địa vãng Tây Thiên".

(*Oan oan tương báo bao giờ hết,*
Kiếp kiếp buộc ràng há ngẫu nhiên!
Sao bằng cùng sư trừ oán hận,
Nay ta lập tức tới Tây Thiên.)

Nói xong, tay cầm cung tên, đứng sừng sững qua đời. Sư từ tòa bước xuống, xuống tóc, đặt pháp danh cho viên quan doanh biện ấy, thay quần áo, nhập liệm cho người ấy rồi cũng ngồi xếp bằng, từ biệt đại chúng mà hóa. Sát nhân từ bốn mươi năm trước, đền mạng vào bốn mươi năm sau, đòi nợ tuy chậm nhưng trả nợ như nhau. May mắn là cả hai vị đều là người có bản lãnh to lớn, vì thế oan gia trên đường, đúng lúc chạm mặt nhau, đối đầu ác liệt, đâm ra trở thành nhân duyên tốt đẹp. Cái chết của người ấy (tiền thân của viên quan doanh biện) đã ép người mắc nợ (vị hòa thượng) tu hành chứng đạo. Cách đối đãi của thiền sư

đã thôi thúc chủ nợ cởi gỡ oán kết, sanh thiên. Đấy là duyên thù thắng, chuyện lạ lùng khó gặp gỡ trong ngàn đời vậy! Nếu chẳng phải là vị thiền sư thật sự đắc đạo, hoặc viên quan doanh biện không có bản lãnh ấy, ắt sẽ chẳng chịu xóa nợ không đòi. Vì thế, "giết người chẳng khác giết chính mình" cũng rõ rệt thay. Đối với bảy thứ giết chóc oan uổng đã được nêu bày trên đây, mọi người hãy tùy theo từng việc để tự xét mình mà răn ngừa, chớ nên vay mượn bừa bãi những món nợ rất nghiêm trọng vậy!

Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bô cứu cơ, trấm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.

取非義之財者。譬如漏脯救饑。鴆酒止渴。非不暫飽。死亦及之。

Kẻ chiếm giữ tài sản phi nghĩa, ví như dùng thịt nhiễm độc[367] để cứu đói, dùng rượu ngâm lông chim Trấm để khỏi khát, không chỉ là chẳng tạm no mà còn phải chết.

Đoạn này lại nói rõ sự tai hại do tham lợi. Do cái tâm ham lợi của người đời nặng nề, cho nên đức Thái Thượng chẳng kiêng nể dùng lời lẽ nặng nề, nhắc đi nhắc lại. Đức Thái Thượng lòng đau đáu, căn dặn nhiều lượt, tấm lòng tha thiết ấy đã đạt tới tột bậc. Những

367 Nguyên văn "lậu bô" (漏脯) nghĩa là thịt khô để nơi dột nát, hoặc bị ngấm nước, sẽ sanh ra nấm mốc rất độc.

tội như dâm, giết, hung ác, phản nghịch v.v… người đời chẳng dễ làm, mà hạng người như vậy (hạng người phạm những tội ấy) cũng chẳng thấy nhiều. Chỉ riêng phương cách để chiếm đoạt tài sản của người khác là thiên biến vạn hóa, chẳng thể nói trọn hết được. Trong thiên hạ không có ngày nào chẳng dùng đến tiền tài, cho nên trong thiên hạ chẳng có ai không lấy tiền tài. Trong thiên hạ đã là không có ai chẳng lấy tiền tài, nhưng phương pháp để đạt được tiền tài đúng đạo nghĩa thì ít ỏi, bất nghĩa thì nhiều, chẳng cần phải hỏi cũng biết. "Nghĩa" là gì vậy? Tình và lý đó thôi. Lấy mà người khác vui vẻ cho ta thì gọi là đúng tình, gọi là "nghĩa". Người khác chẳng vui vẻ cho ta thì sẽ chẳng hợp tình, mà cũng là phi nghĩa. Đã lấy rồi mà ta có thể nói với người khác thì gọi là "hợp lý", gọi là "nghĩa". Nếu chẳng thể nói cho ai biết tức là bất hợp lý và phi nghĩa. Bất luận là ít hay nhiều, nếu có được tài vật ấy phi nghĩa mà vẫn có thể an nhiên sử dụng, vậy thì cũng chẳng ngại thuận theo lòng người mà cho phép làm như vậy. Thế nhưng, đức Thái Thượng ra rả răn dạy như vậy, là vì biết trong cõi đời, có kẻ lấy tiền tài bằng cách phi nghĩa tức là có kẻ sẽ bị mất mát tiền tài một cách phi nghĩa. Một đằng thì vui sướng, một đằng thì đau lòng, hoặc một kẻ khoái trá, mười người đau lòng, hoặc trăm người đau lòng, hoặc ngàn vạn người đau lòng. Đạo trời khéo báo đền, có lẽ nào hậu đãi kẻ vui sướng mà đối xử bạc bẽo với kẻ đau lòng ư? Trong ngấm ngầm,

đối với những nỗi bất bình, thần minh suy nghĩ bù đắp cho chuyện ấy, ắt đều xắn tay áo mà thực hiện.

Đức Thái Thượng biết nguyên do này, bèn nghiêm mặt răn dạy họ rằng: "Chớ đoạt lấy tiền tài của người khác", người ta chẳng nghe theo! Dùng lời lẽ dịu dàng khuyên nhủ người ta mà chẳng thể được, họ chẳng tin bèn dùng lời lẽ khiến cho họ kinh sợ để khuyên họ rằng: "Kẻ có được tài sản bằng cách chiếm đoạt sẽ gặp chuyện bất tường", thế mà người ta vẫn cứ tham cầu những thứ trước mắt, chẳng rảnh đâu để suy nghĩ sâu xa. Không gì bằng đánh thức họ: "Đạt được và chẳng đạt được là như nhau", như vậy thì lòng tham của con người may ra cũng giảm bớt đôi chút! Vì thế, dùng thịt ngấm nước, rượu ngâm lông chim Trấm làm thí dụ. Thịt ngấm nước, rượu ngâm lông chim Trấm hễ lọt vào miệng sẽ chết ngay lập tức. Vì thế, kẻ tuy ngu cuồng chưa có ai nếu đã biết là thịt ngấm nước bị mốc, rượu ngâm lông chim Trấm mà vẫn cứ tham lam ăn uống, nhấc đũa, ngậm chén! Biết tài vật phi nghĩa là thịt ngấm nước, rượu ngâm lông chim Trấm, dẫu ngàn vạn lọt vào tay cũng sẽ thấy là vật vô dụng, chẳng dùng đến, há chẳng phải là "đạt được" và "không đạt được" đều như nhau ư? Có được mà chẳng dùng được sẽ là vật đáng bỏ đi, vô ích trong cõi đời. Trọn hết tâm thuật bại hoại, sử dụng trọn hết mưu mẹo hòng cầu vật bỏ đi, vô ích trong thiên hạ để làm gì cơ chứ? Nhưng thịt bị

ngấm nước thơm tho như chả nướng, rượu ngâm lông chim Trấm ngon ngọt chẳng kém Đề Hồ.

Người ta thấy mùi thơm tho, vị ngon ngọt lại dấy lên tâm niệm cầu may: "Chưa chắc đã thật sự có chất độc!" Do vậy, dẫn đến tình trạng hiếm có kẻ nào không uống tít cung thang! Tới khi phun ra chẳng nổi, nuốt xuống chẳng thể, đứt ruột, nứt da, chết chẳng kịp trở tay rồi mới than thở: "Chẳng trông thấy sớm hơn, chớ nên ăn uống là được rồi!" Canh rau, cơm lúa mạch, rượu quê, rau núi, lọt vào miệng tuy chẳng có mùi vị gì cho mấy, hơi say lâng lâng, chưa trọn hết hứng thú, nhưng an bình no dạ, xoa bụng tự đắc. Sự khổ sở và niềm vui sướng ấy khác biệt như thế nào? Những câu chuyện nhằm chứng tỏ lời răn dạy này có thể thấy rải rác trong những đoạn văn trước đã vừa tường tận, rõ ràng, vừa lại trọn hết, do vậy ở đây chẳng cần phải ghi thêm nữa!

Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi cát thần dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung thần dĩ tùy chi.

夫心起於善。善雖未為。而吉神已隨之。或心起於惡。惡雖未為。而凶神已隨之。

Hễ dấy thiện niệm, tuy chưa làm lành, cát thần đã đi theo. Tâm móng niệm ác, tuy chưa làm ác, hung thần đã theo.

Nêu ra chữ Tâm (心) nhằm dạy mọi người mầm

mống thiện ác, ngõ hầu mọi người sẽ biết cẩn thận từ chỗ khởi nguồn. Hãy nghiền ngẫm chữ phù (夫) và chữ hoặc (或) trong lời răn trên đây sẽ ngộ ra trong ấy có ý nghĩa "hễ rời khỏi thiện liền đọa vào ác". Hãy nên xem lời răn này, kèm thêm chương *"kê minh nhi khởi"* (gà gáy liền thức dậy)[368] trong sách Mạnh Tử nhiều lượt. Kinh Phật dạy: *"Tam giới vô biệt pháp, duy thị nhất tâm tác"* (Tam giới chẳng có pháp nào khác, chỉ do một tâm tạo ra). Lại nói: *"Năng tùy duyên nhiễm tịnh, biến tạo thập pháp giới"* (Có thể tùy theo duyên nhiễm hay tịnh mà tạo ra trọn khắp mười pháp giới). Thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài tứ thánh lục phàm pháp giới. Mười pháp giới như thế vốn chẳng có tự tánh, đều do nhất tâm tạo ra. Vốn dĩ cái tâm này tuy nói là "bất biến", nhưng nó thật sự tùy duyên. Do nó tùy duyên nên nói là "năng tạo" (có thể tạo). Vì thế, tâm có thể làm Phật, mà tâm cũng có thể làm chúng sanh, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục. "Tâm khởi" tức là một niệm chớm nảy. Một niệm tuy nhỏ bé, có thể cảm động trời đất, thông thấu quỷ thần. Ai có thể dấy lên một thiện tâm, chỉ một niệm ấy là lá bùa thiêng liêng để phá địa

368 Đây là một đoạn trong thiên Tận Tâm Hạ của sách Mạnh Tử: *"Kê minh nhi khởi, tư tư vi thiện giả, Thuấn chi đồ dã. Kê minh nhi khởi, tư tư vi lợi giả, Chích chi đồ dã. Dục tri Thuấn dữ Chích chi phân, vô tha, lợi dữ thiện chi gian dã"* (Gà gáy bèn thức dậy, siêng gắng làm lành, đó là hạng người giống như vua Thuấn. Gà gáy bèn thức dậy, chăm chú làm lợi cho [bản thân], đó là hạng người giống như Đạo Chích. Muốn biết rõ để phân biệt giữa hạng người giống như vua Thuấn hay như Đạo Chích, chẳng có gì khác, chỉ là [sự khác biệt] giữa lợi và thiện).

ngục, là gươm trí tuệ để chém sạch các thứ tà, là thuyền từ để vượt biển khổ, là đèn sáng soi tan tăm tối. Nếu dấy lên một ác tâm, ắt tam đồ hiện tiền, trầm luân chẳng dứt. Vì thế, cát thần hay hung thần tùy thuộc ý niệm mà đến, chẳng cần phải chờ đợi mảy may nào! Đời Minh, Hám Sơn đại sư nói: "Cần phải thấy thấu suốt từ chỗ niệm dấy lên, khi sự chưa xảy đến thì đừng lầm lạc sanh khởi. Khi ác niệm dấy lên, một đao chặt đứt phăng ắt nghiệp căn lập tức tiêu trừ, vọng niệm có chỗ nào để an trụ? Đầu mối để siêu phàm nhập thánh hoàn toàn ở chỗ này".

Xưa kia, Nguyên Tự Thật hận gã họ Mâu phụ bạc ân nghĩa, canh năm muốn đến giết hắn. Trên đường, ông ta đi qua một cái am, am chủ là ông Hiên Viên, sáng sớm tụng kinh, thấy có mấy trăm con quỷ hình thù kỳ quặc, bộ dạng lạ lùng, con nào con nấy đều cầm đao hoặc búa theo Nguyên Tự Thật mà đi, khí thế hết sức hung ác. Chẳng mấy chốc chúng nó lại lui về. Những người tùy tùng của Tự Thật đều đội mão vàng, giắt ngọc, đông đảo cỡ cả trăm người, cầm theo hương hoa, tràng phan, dáng điệu và vẻ mặt hòa hoãn, vui tươi. Ông Hiên Viên gọi Tư Thật lại hỏi, Tư Thật bèn nói: "Họ Mâu phụ ân tôi, tôi muốn đến giết nó. Đến cửa nhà ông, tôi lại nghĩ tuy họ Mâu phụ bạc tôi, nhưng vợ con nó tội tình gì? Nó lại còn có mẹ già, giết một mình nó thật ra là giết chết cả nhà nó, sao nỡ nhẫn tâm! Bèn

thay đổi ý niệm trở về". Ông Hiên Viên kể lại những gì đã thấy, lại còn chúc mừng: "Chuyện ông đã làm thần minh đã biết, ắt sẽ hưởng lộc sâu dày". Tự Thật bèn dũng mãnh hướng lành, gắng sức chẳng ngơi. Về sau, quả nhiên đỗ đạt, đạt tới địa vị khanh tướng.

Lão Tử nói: "Thiện và ác khác biệt đến cỡ nào!" Tôi đã từng trộm nghiền ngẫm lời ấy, hiểu rằng: Nói chung, hai nẻo thiện ác, thoạt đầu chẳng cách xa nhau, đặc biệt là bắt nguồn từ một niệm trong cuộc sống hằng ngày có đúng và có sai. Có thể hiểu lý này, luôn thiết tha tu tỉnh, tự nhiên toàn thể sẽ là thiện, phước đức không gì chẳng tăng, họa hoạn không gì chẳng lui mất. Nhìn vào một niệm của ông Nguyên là thiện, bèn chuyển họa thành phước, nhanh chóng như thế đó. Nói "tâm dấy lên thiện hay ác, cát thần hay hung thần bèn thuận theo" đã được chứng minh ở đây, cũng chẳng đáng tin rành rành ư?

Kỳ hữu tằng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cửu cửu tất hoạch cát khánh. Sở vị chuyển họa vi phước dã.

其有曾行惡事。後自改悔。諸惡莫作。眾善奉行。久久必獲吉慶。所謂轉禍為福也。

Nếu kẻ đã từng làm chuyện ác, về sau sửa đổi, hối hận, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, lâu ngày chầy tháng, ắt được cát khánh, đó gọi là chuyển họa thành phước vậy.

Đoạn này nêu ra hai chữ Cải Hối (改悔), dạy mọi người phương pháp để hướng thiện, sửa lỗi, là then chốt để xoay họa, chuyển phước. "Cải" (改) là sửa lỗi. "Hối" (悔) là sám hối. Trong thiên hạ, người thuần thiện thì ít, kẻ đã từng làm ác thì nhiều, nhưng kẻ bất thiện đều có thể trở lại thành người chí thiện. Vì thế, đức Thái Thượng rát miệng rườm lời, trong phần kết thúc thiên sách này, ngài bèn nói ra ý chỉ cội gốc của sự cải hối, hét to để đánh thức kẻ vẫn lẩn quẩn nơi cửa ải mê muội, khiến cho họ quay đầu là bờ. Kế đó, ngài lại sợ người ta sẽ hiểu lầm hai câu "buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật" mà vọng tưởng dùng một chén nước để cứu cả xe củi đang cháy. Vì thế nói "đừng làm ác điều ác", để mong khoét bỏ hết sạch vọng tưởng ấy. Lại nói "vâng làm các điều thiện" để mong mọi người sẽ tích lũy viên mãn thiện hạnh, hành lâu ngày chầy tháng sẽ có thể trừ khử những nỗi oan khiên trước kia, những mối họa còn thừa sót mới tiêu. Sau đấy, hành thiện ngày càng viên mãn, phước mới tự đưa đến. Những kẻ ngu trong hiện tại tự biết chính mình đã làm những điều bất thiện, hoặc là do lương tâm phát hiện, toan nhờ vào tăng nhân, đạo sĩ tuyên đọc, lễ bái sám văn hòng được tiêu tội, đúng là muốn dùng một chén nước để cứu xe củi đang cháy vậy! Há chẳng phải là lầm lạc to tát ư? Huống hồ thường là thoạt đầu hối hận, về sau lỗi lại tăng thêm! Vì thế, rốt cuộc đến nỗi chìm lỉm trong biển khổ, táng thân, diệt

tánh, buồn thay! Nếu kẻ nào hối cải kiểu đó, há chẳng phải là đã hết sức cô phụ ý ra rả bảo ban, răn dạy của đức Thái Thượng ư?

Than ôi! Đức Thái Thượng dạy người ta phương pháp sửa lỗi, phương pháp sám hối, mấy lời ấy hết sức trọng yếu, khẩn thiết, đối với tội lỗi của con người, đúng là đâm mũi kim nào cũng thấy máu. Đó gọi là một viên thần đan điểm sắt thành vàng, là một lời chí lý chuyển phàm thành thánh. Ai nấy hãy nên quyết chí thề nỗ lực thực hiện, ngõ hầu ứng hợp lòng từ rộng lớn. Nay trước hết nói rõ phương pháp sám hối, kế đó nói rõ phương cách sửa lỗi. Sám hối là "cải vãng tu lai" (sửa đổi những sai lầm trong quá khứ, từ nay tu tập), là đạo trọng yếu để sanh ra điều thiện, diệt trừ điều ác. Vì thế, hãy nên vun bồi thiện căn, ngõ hầu các điều thiện đều sanh. Tội căn hãy nên phát lộ thì các tội đều diệt.

1) Một là chánh tín nhân quả, chẳng mê, chẳng lầm lạc, biết rõ "làm thiện được phước, làm ác mắc họa". Tuy các nghiệp nhân chẳng có tác giả, nhưng quả báo chẳng mất. Tuy niệm niệm đều diệt, nghiệp chẳng bại vong. Tín là cội nguồn của đạo, do trí mà có thể nhập. Đấy là căn bản của các điều thiện, dùng sự chánh tín này để phá trừ cái tâm Nhất-xiển-đề.

2) Hai là sám hối tội ác, hổ thẹn làm gốc: Thẹn vì ta phạm tội này, chẳng được dự vào loài người, xấu

hổ "ta do tội này ắt bị trời phạt". Đấy gọi là bạch pháp nhằm phá trừ pháp "không biết thẹn".

3) Ba là sợ hãi vô thường. Một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, mạng liền theo đó mà diệt, sẽ theo nghiệp chịu báo, luân chuyển vô cùng. Đã ngộ vô thường, đấy là cơ sở để phá dẹp cái tâm chẳng sợ ác đạo.

4) Bốn là phát lộ, tức là hướng về người khác bộc bạch tội lỗi nặng nhẹ. Do phát lộ nên tội liền cháy khô, như chặt rễ cây, cành nhánh bèn xơ xác, rơi rụng. Đấy là phá trừ cái tâm che giấu vậy.

5) Năm là đoạn cái tâm tương tục, rốt cuộc xả ác, quyết tâm dũng mãnh như đao thép chặt đứt mọi vật, hễ chặt xuống thảy đều đứt rời. Đấy chính là phá trừ cái tâm tương tục vậy.

6) Sáu là phát Bồ-đề tâm, dẹp trừ khắp hết thảy các nỗi khổ, ban trọn khắp hết thảy các niềm vui. Do cái tâm rộng lớn ấy, phá trừ cái tâm duyên trọn khắp hết thảy ác nghiệp.

7) Bảy là tu công để bù lỗi, siêng năng sách tấn ba nghiệp, tinh tấn chẳng ngơi. Đấy là tu công lập đức để phá trừ cái ác tâm "chẳng tu ba nghiệp", chẳng dấy khởi tội lỗi.

8) Tám là thủ hộ chánh pháp, chẳng nghĩ tới tà sư ngoại đạo phá hoại Phật pháp. Đấy là phương cách để

thay đổi cái tâm "phá diệt hết thảy các thiện sự".

9) Chín là nghĩ tới vô lượng công đức, thần thông, trí tuệ của mười phương Phật xót thương gia hộ, trừ tội cho ta, đấy chính là thanh lương diệu dược. Đấy là phương cách thay đổi phá trừ cái tâm "nghĩ tới ác tri thức".

10) Mười là quán tánh của tội là không. Tội từ tâm sanh, lại từ tâm diệt. Vì thế nói: "Nếu tâm diệt thì tội cũng mất". Nếu biết tội phước vô chủ, tâm thể (bản thể của cái tâm) tự là không, trở về nguồn cội, rốt ráo thanh tịnh. Đấy là phương pháp để thay đổi, phá trừ cái tâm vô minh điên đảo chấp trước. Kinh dạy: "Biển hết thảy các nghiệp chướng đều sanh từ vọng tưởng. Nếu muốn sám hối, hãy ngồi ngay ngắn niệm thật tướng, các tội như sương móc, huệ nhật (vầng mặt trời trí tuệ) có thể tiêu trừ, do vậy hãy nên chí tâm sám hối. Như cái áo dơ bẩn suốt trăm năm có thể giặt sạch sẽ trong một ngày. Như tấm gương cổ ngàn năm, có thể trong một lúc lau chùi đến mức tỏa sáng, có thể giải trừ oan khiên ngàn đời muôn kiếp, có thể diệt tội *tứ trọng, ngũ nghịch*". Sám hối như thế thì có ác nào chẳng diệt, thiện nào chẳng sanh?

Ngài A-na-luật trong đời xưa kia vốn là một tên giặc cướp. Ban đêm tới chùa Phật thấy ngọn đèn thờ Phật sắp tắt, bèn rút mũi tên khêu bấc đèn, đèn bỗng sáng bừng, chói ngời lóa mắt. A-na-luật sợ hãi, lập tức

bỏ ác theo thiện, các điều ác dần dần tiêu diệt, muôn điều thiện đều tròn đầy, bèn được chứng quả.

Đời Tống, Dương Trọng Hòa vốn giữ chức Thôi Tư ở Hứa Châu, trong niên hiệu Thiên Thánh[369] bị sai tới Thái Châu để xét duyệt các vụ án. Do phán quyết oan uổng, ông bị Bắc Cực (Tử Vi Đại Đế) tấu trình Thượng đế, sắp bị thiên đình phạt nặng. Trọng Hòa hối hận sợ hãi, lập tức bỏ chức quan xử án, thề tu một trăm điều thiện để chuộc lỗi. Mỗi lần gặp tăng đạo qua lại, người nghèo cùng thiếu thốn, góa bụa, mồ côi, trơ trọi, tang ma hoặc bệnh tật ngặt nghèo, ông không gì chẳng giúp đỡ, chu cấp. Chẳng đầy mấy năm, gia sản trống rỗng. Sớm chiều ông chỉ thờ phụng, dâng hương, thắp đèn cho Chân Vũ Chân Quân. Rốt cuộc, do ông dũng mãnh sửa lỗi, được Chân Quân thương xót, hóa thành đạo nhân, trao cho mười hai cây xăm thiêng của Chân Quân để giúp cho ông tu đạo. Kế đó, ông được Đông Nhạc thu nhận, trọng dụng, bổ làm người ghi chép, trông coi sổ sách ở Ma Khê. Triều đình truy phong ông là Ngộ Bổn Chân Nhân.

Đời Minh, Mạo Khởi Tông nói: "Trong phần chú giải kinh Dịch về sáu hào của quẻ Càn, sau cùng là nói cát tường, trước hết là nói "vô cữu" (không phạm lỗi). Có hối hận, có thể hối thì sẽ có thể bù đắp lỗi, sẽ là tốt

369 Thiên Thánh là niên hiệu của Tống Nhân Tông (Triệu Trinh) từ năm 1023 tới năm 1032.

lành. Lớn lao thay ý nghĩa của chữ Hối".

Đời Minh, ông Trần Lương Mô lại nói: "Nghèo giàu, sang hèn, thọ yểu của con người cho đến một hớp uống, một miếng ăn, mỗi hành vi, đều có vận số nhất định, chẳng thể trái nghịch được. Nhưng điều then chốt để chuyển dời họa phước lại ở nơi con người, mạng số chẳng thể hạn cuộc được. Bởi lẽ, số mạng đã định là mạng trời, cảm ứng là lòng trời. Trời lấy "sanh thành muôn vật" làm tâm, tột bậc chân thành, không hư vọng. Nếu ai có một niệm "giúp người lợi vật" xuất phát tự đáy lòng, thoạt đầu chẳng phải là do vì hữu vi mà làm, tuy là một chuyện nhất thời, nhưng do lòng tinh thành tột bậc sẽ có thể cảm cách lòng trời, như tiếng vang ứng theo âm thanh. Đấy lại là lẽ tất nhiên. "Số" là số trời, lòng trời đã cảm cách thì số (vận số) cũng sẽ chuyển theo, làm sao có thể hạn cuộc cho được! Ví như pháp chế trừng phạt hay ban thưởng của nước nhà, nhất định là chẳng thay đổi. Nếu bầy tôi thật sự có thể dùng lòng trung thành khiến cho tâm vua cảm động, ắt là tuy đã bị biếm trích mà vua có thể gọi trở về, sắp bị hành hình mà được ân xá. Trong khoảnh khắc mừng giận khác hẳn, làm sao chẳng thể thay đổi cho được? Do vậy biết thiên lý và vận số ảnh hưởng lẫn nhau xưa nay chính là chuyện âm đức cảm ứng rất rõ rệt, chẳng hư dối vậy!"

Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phước. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hữu tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa, hồ bất miễn nhi hành chi?

故吉人語善。視善。行善。一日有三善。三年天必降之福。凶人語惡。視惡。行惡。一日有三惡。三年天必降之禍。胡不勉而行之。

Do vậy, người cát tường nói lời lành, xem điều lành, làm điều lành, mỗi ngày có ba điều lành thì ba năm trời ắt ban phước cho. Còn kẻ ác nói lời ác, xem điều ác, làm điều ác, mỗi ngày có ba điều ác, ba năm trời ắt sẽ giáng họa. Sao không cố gắng thi hành vậy thay?

Đoạn này tổng kết toàn bộ thiên sách, chân thật dạy mọi người con đường "thuận theo điều thiện, trừ khử điều ác". Chữ Cố (故) nhằm liên kết với hết thảy những câu văn trước đó. "Cát nhân" (吉人) là người do làm lành mà có thể được phước. "Hung nhân" (凶人) là kẻ do làm ác mà có thể mắc họa. Các điều ác, các điều thiện chẳng thể kể trọn hết, nói tổng quát sẽ là ba loại "ngữ, thị, hạnh" (lời nói, cách nhìn, việc làm). Đấy chính là chỗ thiết thực để đổ công dốc sức.

1) "Ngữ thiện" (語善) là như lời phi lễ chớ nói, thích nói điều tốt lành của người khác, khơi gợi thiện tâm của người ta.

2) "Thị thiện" (視善) là như phi lễ chớ nhìn, thích thấy người lành, thích xem thiện thư, luôn thấy lỗi ác của chính mình, chẳng thấy người khác sai trái.

3) "Hạnh thiện" (行善) là như chuyện phi lễ chớ làm, chuyện phi pháp chớ dính dáng, dũng mãnh làm lành, luôn tạo thuận lợi cho người khác, làm đủ mọi thứ âm công, xướng suất, hướng dẫn một phương, cho đến thấu đạt bốn phương, khiến cho ai nấy đều được cảm hóa mà có cùng chí hướng.

Thiện nhân và những người giống như họ đều là ngữ thiện, thị thiện, hạnh thiện như thế, kẻ làm ác thì ngược lại (tức là ngữ ác, thị ác, hạnh ác). "Ba năm" là một ngàn ngày. Đấy là phương pháp từ thời Đường Ngu (Nghiêu, Thuấn) dùng để khảo hạch thành tích, là kỳ hạn để viên mãn. Với thời hạn đó, thiện sẽ tích tập, mà ác cũng sẽ chứa đầy. Lòng người hết sức linh động, biến hóa bất thường. Nếu suốt ba năm mà cái tâm không thay đổi tức là thiện và ác cũng đã thuần. Nêu ra chữ thiên, đấy chính là vị đại chủ tể hưởng thiện phạt ác, ban phước, giáng họa, là chỗ quy kết trọng yếu của toàn thể thiên sách này, nhưng ở đây phải hiểu "thiên" (天) chính là cái tâm của ta. Mạnh Tử nói: *"Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tánh, sở dĩ sự thiên dã"* (Giữ tấm lòng này, dưỡng tánh này, đó chính là thờ phụng trời). Hai chữ tất (必) không nhất định là nói trời xanh thăm thẳm, không tiếng động, không mùi vị ắt sẽ làm

như thế, mà là nói cái tâm ta đã phát khởi ngữ, thị, hạnh trong suốt ba năm thì sẽ sanh ra tác dụng ấy. Do vậy nói "không gì chẳng cầu từ chính mình" chính là nói về lý này. Bậc chí nhân vui với đạo, vốn chẳng phải là cầu phước. Do cầu phước mà làm lành, cái tâm đã dính dáng lẽ riêng tư. Vì thế, chỉ nên trọn hết sức mình, vâng thuận theo trời, chớ nên có một mảy tâm niệm mong mỏi, đón chờ. Bởi lẽ, họa hay phước chỉ là do cái tâm tự cảm vời, mà đạo trời khéo đáp đền. Lý họa phước vốn mênh mông tràn đầy trời đất, chẳng sai sót mảy may. Người đời nếu coi chuyện "làm lành, trừ ác" là chuyện thuộc về bổn phận của chính mình, cố nhiên là thuộc về bậc thượng thượng; nhưng trên cõi đời đại đa số là kẻ bình phàm, làm sao có thể trọn hết đều là bậc thượng căn cho được? Vì thế, do sợ tai họa, do cầu phước mà trừ bỏ điều ác, làm lành thì cũng ứng hợp với lòng mong mỏi của đức Thái Thượng, chỉ sợ con người chẳng cầu phước! Nói *"cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mạng"* (có phương cách để cầu, nhưng đạt được hay không là do vận mạng) tức là cầu phước thì cũng có ích cho việc được phước. Cầu như thế, cố nhiên chẳng gây hại cho điều đang cầu mong. "Giáng phước" là như bản thân được hưởng phước lộc, con cháu thiện lương, vinh hiển, thịnh vượng, tăng thêm tuổi thọ, gia đạo hưng thịnh, vạn sự thuận hòa. Thậm chí làm thánh, làm hiền, thành tiên, thành Phật, triệt ngộ tự tánh, chứng thẳng vào Vô Sanh, độ người độ

vật, tạo thành chuẩn tắc tối cao cho muôn đời. "Giáng họa" (降禍) là như đích thân gặp phải những tai họa rõ rệt, con cháu nham hiểm, ác độc, thường bị dồn vào cảnh bại vong, tuổi thọ ngắn ngủi, gia đạo chìm đắm, mọi sự đều bị trở ngại, thậm chí chết rồi sẽ vào địa ngục Vô Gián, luân hồi trong dị loại, vĩnh viễn chịu tội, điều ác lan sang đời sau, muôn năm bị thóa mạ. Than ôi, do vậy mà luận định, đạo họa phước to lớn thay, đúng là chẳng thể nghĩ bàn được.

Câu cuối cùng nêu ra hai chữ "miễn hành" (勉行) chỉ nhằm nói đến ý "chúng thiện phụng hành" (vâng làm các điều thiện) trong phần trước, đó là điểm then chốt chung của toàn bộ Cảm Ứng Thiên. Chữ Miễn (勉) chính là bí quyết trọng yếu nhất để "hướng thiện sửa lỗi", há chẳng phải là từ ngữ trách móc, cảm thán ư? "Hành" (行) là bản thân nỗ lực thực hiện. "Miễn hành" là gắng hết sức nỗ lực thực hiện, thà chết chẳng lùi! Kinh Thư chép: *"Phi tri chi nan, duy hành chi nan"* (Biết chẳng phải là khó, chỉ có hành là khó). Ngạn ngữ có câu: *"Thuyết đắc nhất xích, bất như hành đắc nhất thốn"* (Nói cả thước, chẳng bằng làm được một tấc). Nếu biết mà chẳng hành, chắc chắn chẳng có thọ dụng gì! Đã chẳng được thọ dụng, chẳng tránh khỏi hướng vào biển sanh tử, tự làm tự chịu. Người đời mong cầu một sanh lộ, cần phải bỏ ra tử công (死功, công phu dẫu chết không lùi bước). Chu Tử nói: "Khi khí dương phát

khởi, vàng đá cũng bị xuyên qua". Tinh thần đạt đến khắp mọi nơi, có chuyện gì mà chẳng thành! Ai có thể như thế thì công hạnh sẽ viên mãn, thành chân (thành tiên), chứng thánh, há lẽ nào chẳng phải là chuyện tất yếu ư?

Chẳng có điều thiện sẽ không có phước, chẳng có điều ác sẽ không có họa. Đấy là lẽ thường hằng trong đạo trời, nhưng báo ứng thiện ác có khi rơi vào bản thân người ấy, có khi rơi vào con cháu. Có kẻ là người ác trong đời hiện tại, nhưng do phước trong đời trước chín muồi, đáng phải chịu họa mà chuyển thành hưởng phước. Có người là thiện nhân trong đời hiện tại, do tội trong đời trước chín muồi, đáng hưởng phước mà chuyển thành chịu họa. Đợi cho tới khi đã hưởng phước hay chịu họa trong đời trước xong xuôi, thiện báo hay ác báo trong đời này mới sẽ mỗi mỗi đều tiếp nhận. Chuyện này chẳng qua là sớm hay muộn, trước hay sau đó thôi! Chẳng phải là báo ứng thiện ác bị mất đi. Vì thế nói: "Pháp luật dương gian nhanh chóng, có thể trốn thoát. Pháp luật cõi âm chậm chạp, nhưng chẳng bỏ sót!" Lưới dương gian thưa dễ lọt, lưới cõi âm kín kẽ, khó trốn. Người thời nay ngẫu nhiên làm một điều thiện, bèn mong được báo ứng; hễ hơi có điều gì chẳng vừa ý liền bảo: "Đạo trời khó biết". Nào có biết người không bị đói, chẳng bị rét, không tai, không họa, kẻ sĩ được đọc sách, nông dân được

cày cấy, thợ thuyền được làm lụng, lái buôn được buôn bán, luôn toét miệng cười, hằng ngày ít phải chau mày, há chẳng phải là cái phước bình an đấy ư? Nếu không, nguyện vọng trong cõi đời không ngằn mé, thế giới khuyết hãm, há ai nấy đều có thể phú quý, thuận lợi, hiển đạt ư? Người đời chỉ nên tôn kính, tin tưởng Cảm Ứng Thiên, vâng làm theo từng chuyện, tự nhiên sẽ là phước lộc vô lượng, con cháu vinh hiển, hưng thịnh. Hành suốt một năm, muôn tội tiêu diệt. Hành suốt bốn năm, trăm phước đều nhóm họp. Hành suốt bảy năm, con cháu đỗ đạt. Hành cả mười năm, thọ mạng kéo dài. Hành mười lăm năm, vạn sự như ý. Hành hai mươi hoặc ba mươi năm, được ghi tên vào sổ tiên. Hành năm mươi năm, thiên thần cung kính, được xếp vào ngôi vị nơi thượng giới. Đấy là lời chân thật chẳng dối gạt của đức Thái Thượng, sợ người đời chẳng thể thật sự thực hiện đó thôi! Đại khái, bậc dốc chí nơi đại đạo, khi mới phát nguyện liền chú trọng tự độ và độ người. Để tự độ và độ người khác, trước hết là phải phước huệ song tu. Tu huệ ắt phải kiến tánh minh tông. Tu phước ắt phải chú trọng nơi ngũ thường, bách hạnh. Hai thứ phước và huệ bổ trợ nhau, Thượng đế ắt hạ chiếu thư cõi trời đối đãi, chư Phật nhất định dùng Tịnh độ để nhiếp thọ. Không chỉ là siêu sanh thượng giới, mà thật ra còn là mau chóng chứng Vô Sanh, bất sanh bất diệt, sau đấy mới có thể nhập thế độ sanh. Liễu ngộ đại sự nhân duyên này, nếu khăng khăng mong cầu trường

sanh, tu tánh mạng, đó chính là "chẳng tu tam-muội"; khi báo hết sẽ trở lại, liền sanh vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, thọ tới tám vạn bốn ngàn đại kiếp. Rốt cuộc, lại vào trong các nẻo của lục đạo chẳng thể xuất thế, nhưng ở trong các đường ấy đều là do chẳng liễu ngộ diệu minh chân tâm, những thứ hư vọng đã tích tập sẽ phát sanh, bèn hư vọng có tam giới, lầm lạc chìm đắm nơi bảy đường trong ấy! Do vọng nghiệp chiêu cảm, dẫn khởi tùy theo từng loài mà sanh vào trong các đường. Chỉ có triệt ngộ Bồ-đề thì các vọng duyên ấy vốn là vô sở hữu, hạnh lực Phổ Môn lại đủ để duy trì. Do vậy, người có thể liễu ngộ đại sự nhân duyên ắt sẽ nương về chư vị Phước Huệ Lưỡng Túc Tôn vậy!

Trong Bàn Sơn Ngữ Lục[370] của Thê Vân Chân Nhân Vương Chí Cẩn có chép:

Nếu hỏi: "Làm thế nào để thoát khỏi tội phước nhân quả?" Thầy (Vương đạo sĩ) đáp: "Tội phước nhân quả là cái vỏ của âm dương. Nếu ông thoát khỏi cái vỏ âm dương sẽ không có tội phước nhân quả. Cái vỏ âm dương là như thế nào? Phàm là trong tâm có một

370 Bàn Sơn Ngữ Lục là tác phẩm do đệ tử của đạo sĩ Vương Chí Cẩn biên soạn vào cuối đời Kim, đầu đời Nguyên. Vương Chí Cẩn là đạo sĩ của Toàn Chân Giáo, đạo hiệu là Thê Vân Tử. Sách này ghi chép những lời dạy của Vương đạo sĩ về cách tu luyện trong Đạo giáo dựa trên những luận giải về Thanh Tịnh Kinh. Do ông Vương tham khảo bộ Thiền tông Tâm Tánh Luận, nên trong tác phẩm này có rất nhiều yếu tố Thiền.

mảy ý niệm tư dục tự lợi sẽ thuộc vào cái vỏ âm. Hễ có một mảy niệm thích làm thiện sự sẽ thuộc vào cái vỏ dương. Nơi âm bèn có ác báo, nơi dương thì có thiện báo. Nếu có thể luyện sao cho tâm thể như hư không, chẳng thiện chẳng ác, chẳng có mảy may vướng mắc, tự làm chủ được, ắt họa phước sẽ chẳng thể dính mắc người ấy, nhân quả chẳng thể ràng buộc người ấy được. Đó là bậc chân nhân thoát khỏi cái vỏ âm dương".

Đời Tống, ông Chu Hối Am nỗ lực thực hiện quy củ rất nghiêm, tạo thành sự bất tiện cho kẻ hậu học, nào có biết trong khi chưa thấu hiểu rõ ràng Lý học, khi mô phỏng, học tập tâm tánh [theo khuôn khổ của thánh hiền Nho gia] trong cõi đời mà nếu bỏ sót, chán ghét điểm then chốt trọng yếu này, Lý học sẽ bị ẩn mất ngay trong thuở đó. Nếu không do ông Chu một phen chống đỡ duy trì, ắt Lý học đã bị băng hoại, biến mất từ lâu rồi. Thuở ấy, Đạo học bị cấm đoán, bị quy kết là ngụy học, bị chỉ trích là tà khí (mang hơi hướng tà vạy). Trong những kẻ gây chuyện ồn ào, có gã hề Hàn Thác Trụ, có Lâm Lật Chi đánh phá những kẻ có ý kiến khác mình, có Vương Hoài, Trần Cổ báo thù oán xưa, khiến cho sáu kinh của Khổng Mạnh trở thành thứ bị cấm ngặt trong cõi đời, thuyết "chánh tâm, thành ý" bị những người ở địa vị cao chán ghét, chẳng muốn nghe. Những kẻ sĩ tuân theo quy củ đều nín hơi, lặng câm, còn bọn học trò xu thời phụ thế thì mạo danh thầy của bọn họ làm ra vẻ mình là kẻ ưu thời mẫn thế. Chỉ riêng

mình Chu Hy gánh vác đạo thống, chẳng lo sầu, chẳng run sợ, cứ dâng biểu lên hoàng thượng phơi bày mọi lẽ chẳng sót, tiến cử, tiếp dẫn bậc hiền tài không bỏ lỡ ngày nào. Trong những tờ biểu tâu trình lên vua, ông đã khoét tủy, rỗng lòng phơi bày nhiệt tâm thành ý, đề nghị các biện pháp như lập kho chứa thóc tại các châu huyện để phòng ngừa năm mất mùa, cứu người bị hỏa hoạn, cứu vớt người bị chết đuối. Ứng xử tiến thoái, chẳng cẩu thả bước nào! Ông bị kẻ khác sàm báng, đối với trăm nỗi vùi dập vẫn ung dung, tích cực dạy dỗ kẻ hậu học, cho nên có nhiều kẻ hiền tài đua nhau xuất hiện. Ông nghiêm cẩn kềm giữ chính mình, chẳng hề vi phạm Tứ Vật[371] của Nhan Hồi. Do vậy, cái học Trâu Lỗ Liêm Lạc[372] như mặt trời giữa trưa chính là hiệu quả do Chu Tử đã dốc sức thực hiện vậy!

---

371 Tứ Vật (四勿) là "bốn điều đừng nên", trích từ thiên Nhan Uyên trong sách Luận Ngữ. Sách chép: *"Tử viết: "Khắc kỷ phục lễ vi nhân, nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên, vi nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai?" Nhan Uyên viết: "Thỉnh vấn kỳ mục". Tử viết: "Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động"* (Khổng Tử nói: "Khắc chế sự ham muốn của chính mình, khôi phục lễ nghĩa, đó là nội dung của nhân. Ngày nào mọi người đều khắc chế tư dục, tuân thủ lễ nghĩa, [ngày ấy] khắp thiên hạ đều là người có lòng nhân. Thực hiện lòng nhân phải từ chính mình, chứ [chờ đợi] người khác thực hiện lòng nhân thì làm sao được?" Nhan Uyên thưa: "Xin thầy dạy cho biết các điều mục [để thực hiện lòng nhân]". Khổng Tử bảo: "Việc phi lễ chớ nhìn, điều phi lễ chớ nghe, chuyện phi lễ chớ nói, hành vi phi lễ chớ làm").

372 Trâu là quê hương của Mạnh Tử, nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử, Liêm là nói đến Chu Đôn Di vì ông sống tại Liêm Khê thuộc Đạo Châu, Lạc là nói đến anh em Trình Di, Trình Hạo vì họ sống ở Lạc Dương. "Trâu Khê Liêm Lạc" là nói đến Tống nho (Trâu Lỗ là học thuyết Khổng Mạnh, còn Liêm Lạc là nói về Lý học).

Đời Tống, Phạm Nghiễm là người xứ Nhân Hòa, tuổi tráng niên thi đỗ tiến sĩ, làm quan tại các quận, huyện rồi đạt đến chức khanh tá (卿佐, chấp chánh đại thần), làm quan suốt hai mươi mấy năm. Mỗi ngày ông ắt suy nghĩ đạo "trung với vua, tạo ân trạch cho dân". Thấy nghe, nói năng, hành động, không dám cẩu thả mảy may. Tuy ở trong nhà tối, phòng kín, luôn luôn giữ mình dè dặt, kinh sợ, cảnh tỉnh. Đến khi con ông trưởng thành, ông liền từ quan quy ẩn, áo vải cơm rau, chẳng dính dáng đến duyên trong cõi đời, thanh tâm nhập đạo. Hằng ngày, niệm trì các kinh Pháp Hoa, Kim Cang, hễ rảnh rỗi thì thiền định quán tưởng. Hết thảy cõi đời chẳng có mảy may dính mắc. Đạo đức và tánh mạng cũng đều quy về tự nhiên. Trong niên hiệu Đại Quán thời Tống Huy Tông, ông đã chín mươi mấy tuổi bỗng nhiên liễu ngộ, dặn dò người hầu: "Con người sống trong cõi đời, giống như một vở tuồng. Khi trống, phèng la vang rền, kép, đào, hề, kép râu[373]… ai nấy đều

373 Nguyên văn "sanh, đán, sửu, mạt" (生旦丑末) là thuật ngữ dùng để phân loại các diễn viên tuồng:

1. Sanh (生) là vai diễn viên nam (kép), thường vẽ mặt thanh tú, trắng trẻo, không vằn vện, chia thành tiểu sanh (các vai nam trẻ tuổi), lão sanh (vai nam già), vũ sanh (vai võ tướng đẹp trai như Tiết Nhân Quý, Tiết Đinh San, La Thông v.v…), oa oa sanh (kép nhí, tức các vai bé trai)...
2. Đán (旦) là đào, chia thành chánh đán (thanh y) tức các vai đào chánh, hoặc đào thương, giữ các vai trò đoan trang, trang trọng, tiết liệt, chủ yếu là đòi hỏi giọng hát, không cần vũ đạo nhiều, hoa đán (đào mùi hoặc đào lẳng, tùy theo vở tuồng), vũ đán (nữ tướng), lão đán (đào mụ), thái đán (đào độc, chuyên đóng các vai gian trá, hung ác, ty tiện, hoặc những vai nữ tỳ hay bình dân tinh nghịch, có tánh cách chọc cười, ăn

phô bày tài nghệ cho đến khi đuốc rụi, đèn tàn, thành ra hứng thú nỗi gì? Như ta đến thế gian, chín mươi năm như huyễn, như hóa, như sương, như chớp, may mà ngộ được điều ấy. Điều ấy chẳng có bờ mé, cũng chẳng vuông tròn, lớn nhỏ, cũng chẳng phải là đỏ trắng, xanh vàng, cũng chẳng phải là dài ngắn, trên dưới, chẳng sân, chẳng hỷ, không đúng, không sai, chẳng thiện, chẳng ác. Đó gọi là "chẳng có một vật mà muôn hình tượng thảy đều được bao gồm". Điều này là chân thật nhất, cao tột nhất, là diệu đế chẳng đến chẳng đi, chỉ tại do lòng người chí thành tinh tấn, tâm tâm tiếp nối, niệm niệm chẳng đoạn. Tam thế chư Phật đều từ lý này mà xuất hiện. Đó gọi là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, phi cuống ngữ (lời lẽ chẳng dối gạt), phi dị ngữ (lời nói chẳng khác lạ). Các ngươi ai nấy hãy nên gắng hành".

Nói xong, ông ngồi yên chắp tay mà hóa. Nhất thời, mùi hương lạ đầy nhà, mây lành phủ khắp không trung, các thứ quang minh chiếu rọi thế giới mấy ngày chẳng an. Muôn mắt đều cùng nhìn vào, ngưỡng mộ.

Những điều vừa nêu trên đây chính là đường lối để gắng sức thực hiện tam giáo từ hạ học cho tới

---

nói sắc sảo, hoạt kê).

3. Tịnh (còn gọi là hoa kiểm) là các vai vẽ mặt vằn vện, thường là nam; đa số là vai vũ tướng, rậm râu như Hạng Vũ, Trương Phi v.v...

4. Sửu (丑) là các vai hề.

5. Mạt (末) là những vai nam đeo râu dài, nhưng không vẽ mặt vằn vện, thường đóng vai quan văn, ẩn sĩ, đạo sĩ…

thượng đạt, đều quy về "cùng lý, tận tánh, là chỗ cao tột nhất của bản tánh". Tôi sao chép vào đây để mong làm khuôn phép tột bậc cho các hành giả trong tam giáo, người có chí hãy nên nghĩ tưởng!

Trương Củng Thần nói: "Hết thảy các hành động, không gì là chẳng bắt đầu từ nhỏ cho đến lớn. Vì thế, phàm thuộc loài có huyết khí đều có thể chứng thẳng vào Vô Thượng Bồ-đề. Nhưng Vô Thượng Bồ-đề chỉ ở chỗ cẩn trọng đối với những ý niệm nhỏ nhặt vừa nảy sanh, thận trọng ngay khi chỉ ở một mình, mở rộng ra cho đến trọn hết mới thôi. Ông Viên Liễu Phàm chẳng nói rồi đấy sao? Những thứ trót gây tạo trước kia, ví như ngày hôm qua đã chết. Những thứ từ nay trở đi, ví như sanh từ hôm nay, há nên tự đành lòng ruồng rẫy chính mình, để rồi phó mặc hết thảy họa phước cho mạng trời, chần chờ, cẩu thả cho xong một đời này vậy thay? Tôi đã gởi lòng nơi cửa Thích, đối với phần cuối của thiên sách này, chẳng e ngại đôi ba lượt múa lưỡi, mong sao những người đã có thiện căn sẽ đều nhờ vào đây mà tự mở rộng đức hạnh của chính mình.

Thiên hạ lớn tột cùng, muôn đời xa tột cùng. Dẫu dùng vạn tay, vạn mắt để cứu tế cõi đời này, vẫn chẳng thể đủ. Vì thế, chuyện cấp bách nhất chỉ là dạy dỗ người khác, há bắt buộc phải đều là thánh hiền rồi mới có thể dạy dỗ người khác ư? Nếu ai có thể thật sự nghe điều thiện mà hoan hỷ, thấy điều thiện bèn vui lòng, lúc nào

cũng nói lời thiện, bàn bạc việc thiện, nói đến thiện báo, phân phát thiện thư, tức là đã giáo hóa khá nhiều. Còn trong quá trình giáo hóa ấy sẽ chuyển đổi linh hoạt khéo léo, ứng dụng những mẹo vặt hay ho sống động, đều là càng ngày càng tinh tấn, càng tinh vi hơn, đạt đến tột bậc biến hóa, khế hợp mà chính mình chẳng tự biết. Dạy kẻ vụng về, tầm thường, lại chẳng bằng dạy bậc hào kiệt. Dạy được một người sẽ xoay chuyển càn khôn, tiếp nối người trước, lưu truyền cho người sau, khiến cho người ấy lại dạy bảo người khác, ắt sẽ là dạy một người mà thành dạy trọn khắp. Bậc thánh hiền thuở trước, truyền lại kinh thư cho cõi đời, đều là vì một nhân duyên đại sự này. Nay thiên sách này chính là lời huyền diệu độ đời của đức Thái Thượng, là mật đế (chân lý bí mật) cứu độ chúng sanh của chư Phật, đúng là trước tác mầu nhiệm nhân từ đời đời chẳng cùng tận. Những ai tụng thiên sách này mà hành theo, ấn loát, lưu truyền, cũng đều là do có một đại sự nhân duyên trong ấy. Giác ngộ cõi đời, yên dân, bồi đắp nguyên khí, tạo phước, khiến cho mọi người cùng làm lành, trời đất trong lặng, yên ổn. Tâm lượng ức kiếp thường tròn đầy, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!"

CẢM ỨNG THIÊN VỰNG BIÊN TRỌN BỘ

THAY LỜI KẾT & HỒI HƯỚNG

Có lẽ không có bộ thiện thư nào được chú giải, truyền bá rộng rãi bằng Cảm Ứng Thiên. Trong các tác phẩm chú giải Cảm Ứng Thiên, tổ Ấn Quang đặc biệt tán thán và ấn hành Cảm Ứng Thiên Vựng Biên với một số lượng khá lớn. Mỗi khi dạy người khác về nhân quả, ngài luôn biếu tặng sách này và An Sĩ Toàn Thư. Tuy thế, mạt nhân vẫn không quan tâm lắm, cho đến khi có cơ duyên lui tới Tịnh Tông Học Hội Dallas, mạt nhân rất ngạc nhiên khi thấy trong các sách vở được cơ quan Hoa Tạng và Phật-đà Giáo Dục ấn hành thường xuyên có Cảm Ứng Thiên Vựng Biên và Cảm Ứng Thiên Đồ Thuyết. Tiếc rằng khi ấy, do thiếu tài liệu tham khảo, đối với những lời chú giải của các bậc túc nho do quá cô đọng, quá nhiều điển tích, dẫu

có chú tâm đọc, mạt nhân vẫn không hiểu rõ cho lắm. Khi xem đến quyển Cảm Ứng Thiên Vựng Biên Bạch Thoại Tiết Bổn thì thấy đối với mỗi điều, sách chỉ trích yếu vài đoạn, không đủ giúp cho một kẻ học trộm, chữ nghĩa nhấp nhem như mạt nhân hiểu được phần nào các lời chú giải. Đến nay, như một duyên lành, trước là pháp sư Định Hoằng giảng đoạn mở đầu, sau là ông Hoàng Bách Lâm giảng trọn bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên; những điển cố, những thành ngữ khó tìm, khó tra cứu đều được ông Hoàng giảng rất tường tận; do đó, những phần phải tự tra cứu đã giảm bớt rất nhiều. Càng đọc, mạt nhân càng hiểu phần nào lý do vì sao các vị tổ sư như Liên Trì, Ấn Quang đều đề xướng Cảm Ứng Thiên, Công Quá Cách, và Phật môn Trung Hoa coi trọng Cảm Ứng Thiên đến thế. Đến nay, cảo bản tiếng Việt đã hoàn thành, có người đọc những phần dịch đã chê "toàn là chuyện thần tiên hoang đường, toàn là tín ngưỡng Đạo giáo, phí công dịch để làm gì", nhưng chúng tôi dốc lòng tin tưởng lời Tổ đã dạy: "Hết thảy do tâm tạo". Nếu chúng ta lãnh hội bằng cái tâm học Phật, sẽ thấy dẫu là pháp thế gian, vẫn là Phật pháp. Các vị thần, thánh, tiên, quỷ v.v… như sách này đã nói biết đâu đều là hóa thân của Phật, Bồ-tát, chư vị thánh hiền, nhằm ứng hợp với tâm tư tình cảm của người thuở ấy mà hiện thân dưới các hình tướng quen thuộc trong tâm khảm của đại chúng để dẫn dắt họ về nẻo giác. Hơn nữa, bàng bạc trong tác phẩm này, tư tưởng Phật

giáo vẫn là chủ đạo. Có những điều thoạt nhìn thuần là Đạo giáo, nhưng trong lời chú giải, đã được diễn giải theo cách nhìn duyên khởi của Phật giáo. Chúng tôi tin rằng, ngoại trừ những bậc thượng căn đại trí, dẫu chẳng chú trọng nhân quả mà vẫn bất muội nhân quả, chứ hàng phàm phu lè tè sát đất như mạt nhân, nếu chẳng do sợ quả báo, sợ địa ngục, ắt sẽ khó thể chẳng phạm những lỗi sai trái, khó thể làm tròn nhân đạo để mong tấn tu trên đường Phật đạo được. Chúng tôi trộm nghĩ, thường đọc Cảm Ứng Thiên, luôn giữ lòng dè dặt, kinh sợ, cẩn thận nơi từng tâm niệm nhỏ nhặt, phản tỉnh suy xét chính mình, chúng ta sẽ có thể thực hiện phần nào giáo huấn "nhàn tà tồn thành, đôn luân tận phận, tín nguyện niệm Phật, vãng sanh Tịnh độ" như tổ Ấn Quang đã dạy. Tuy đã có sẵn một số tài liệu, nhưng do tâm trí chậm chạp, tối tăm, cũng như do những bận rộn vụn vặt trong cuộc sống thường ngày và việc làm, chúng tôi khởi sự chuyển ngữ từ ngày mười bốn tháng giêng năm 2017 nhưng mãi cho đến ngày mồng chín tháng ba năm 2018 mới tạm xong cảo bản. Xin trân trọng cảm tạ ân đức giảng giải của pháp sư Định Hoằng và cư sĩ Hoàng Bách Lâm, cơ quan phát hành kinh sách Hoa Tạng, các vị đạo hữu Đức Phong, Huệ Trang, Hồ Xuân Trường, Trịnh Văn Lộc đã góp ý sửa chữa, luôn khuyên nhủ, sách tấn trong suốt quá trình chuyển ngữ. Chỉ sợ tâm huyết đau đáu thương đời, vệ đạo của bao thế hệ tiền nhân, nay được chuyển

ngữ sang tiếng Việt qua cái nhìn hạn hẹp, ngu ám và trình độ Hán Việt nhấp nhem của mạt nhân đã bị sai lạc, biến tướng, tạo thành duyên chê cười, phỉ báng, gai mắt người đọc. Nếu việc làm liều lĩnh này có chút công đức hay phước đức nào, đều xin hồi hướng cho lịch đại tổ tiên, sư trưởng, phụ mẫu hiện thế, đa sanh phụ mẫu, các huynh đệ Đức Phong, Minh Tiến, Huệ Trang, Xuân Trường, Văn Lộc cùng các vị liên hữu và những ai tin tưởng nhân quả, tin kính Phật Di-đà, sẽ đều được nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm khang thái, nhất tâm nhất ý phát nguyện vãng sanh, cùng nhau hội ngộ nơi đài sen của đấng Từ Phụ Di-đà.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa ngưỡng bạch.

"Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng"

MỤC LỤC

7. **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Chú Giảng Chứng Án Vựng Biên - Phần III**

7. Khinh miệt thiên dân, nhiễu loạn quốc chánh (*Khinh miệt dân chúng, nhiễu loạn nền chánh trị trong nước*)

13. Thưởng cập phi nghĩa, hình cập vô cô (*Khen thưởng kẻ phi nghĩa, trừng phạt người vô tội*)

19. Sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ vị (*Giết người cướp của, lật đổ người khác để chiếm đoạt địa vị*)

26. Tru hàng lục phục, biếm chánh bài hiền (*Giết hại kẻ đã đầu hàng, lưu đày người ngay, gạt bỏ người hiền*)

34. Lăng cô bức quả (*Lấn hiếp con côi, bức hại bà góa*)

36. Khí pháp thọ lộ (*Coi thường pháp luật, tiếp nhận hối lộ*)

53. Dĩ trực vi khúc, dĩ khúc vi trực (*Coi đúng là sai, coi sai là đúng*)

55. Nhập khinh vi trọng (*[Kẻ đáng phán] tội nhẹ mà phán định nặng hơn*)

65. Kiến sát gia nộ (*Thấy [người khác mắc tội] đã bị giết chết mà vẫn còn giận dữ*)

71. Kiến quá bất cải, tri thiện bất vi (*Thấy lỗi mà chẳng sửa, biết điều lành mà chẳng làm*)

81. Tự tội dẫn tha, ung tắc phương thuật (*Tự mình có tội, khiến cho kẻ khác liên lụy. Cản trở nghề nghiệp của kẻ khác*)

85. San báng thánh hiền (*Chê bai, báng bổ thánh hiền*)

96. Xâm lăng đạo đức (*Xâm phạm, lăng nhục bậc đạo đức*)

98. Xạ phi trục tẩu, phát trập kinh thê, điền huyệt phúc sào, thương thai phá noãn (*Săn bắn chim thú, phá tổ côn trùng, kinh động nơi chim đậu, lấp hang, lật tổ, phá thai, hại trứng*)

122. Nguyện nhân hữu thất, hủy nhân thành công. (*Mong cho người khác phạm sai lầm, hủy hoại sự thành công của người khác)*

127. Nguy nhân tự an, giảm nhân tự ích (*Khiến cho người khác lâm nguy để chính mình an ổn. Giảm trừ lợi ích của người khác để chính mình được lợi*)

130. Dĩ ác dịch hảo, dĩ tư phế công (*Dùng thứ xấu thay cho đồ tốt [trong khi giao dịch]. Vì lòng riêng tư mà phế trừ lẽ công*)

133. Thiết nhân chi năng, tế nhân chi thiện (*Trộm cắp tài năng của kẻ khác. Che lấp điều lành của người khác*)

136. Hình nhân chi xú, kiết nhân chi tư (*Phô bày những điều xấu của người khác. Rêu rao chuyện riêng tư của người ta*)

141. Hao nhân hóa tài (*Làm cho kẻ khác hao tổn tài vật*)

149. Ly nhân cốt nhục, xâm nhân sở ái, trợ nhân vi phi (*Chia lìa cốt nhục của kẻ khác, xâm phạm những thứ yêu thích của người khác, giúp kẻ khác làm quấy*)

156. Sính chí tác oai, nhục nhân cầu thắng (*Phô trương oai thế cho thỏa chí, làm nhục người khác để giành phần thắng*)

159. Bại nhân miêu giá, phá nhân hôn nhân (*Hủy hoại mùa màng của người ta, phá hoại hôn nhân của kẻ khác*)

167. Cẩu phú nhi kiêu, cẩu miễn vô sỉ (*Vừa mới giàu có mà đã kiêu căng, tùy tiện trốn thoát không biết hổ thẹn*)

170. Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác (*Mạo nhận ân huệ, chối bay tội lỗi. Giá họa, ác ý*)

174. Cô mãi hư dự, bao trữ hiểm tâm (*Mua bán danh hão, ôm lòng sâu hiểm*)

176. Tọa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoản (*Ém tài người khác, giấu diếm sự kém cỏi của chính mình*)

179. Thừa oai bách hiếp, túng bạo sát thương (*Cậy oai bức hiếp, phóng túng hung bạo, giết hại, tổn thương [kẻ khác]*)

185. Vô cố tiễn tài, phi lễ phanh tể (*Vô cớ cắt xén, không có lễ lạc mà giết hại gia súc*)

203. Tán khí ngũ cốc, lao nhiễu chúng sanh (*Phung phí ngũ cốc, khiến cho chúng sanh vất vả, ưu phiền*)

209. Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo, quyết thủy, phóng hỏa, dĩ hại dân cư (*Phá hoại nhà người khác, chiếm đoạt của cải. Phá hoại đê điều, đốt nhà làm hại dân cư*)

213. Vặn loạn quy mô, dĩ bại nhân công, tổn nhân khí vật, dĩ cùng nhân dụng (*Làm loạn phép tắc khiến cho công sức của người khác bị thất bại. Phá hoại vật dụng của người khác khiến cho họ chẳng sử dụng được*)

216. Kiến tha vinh quý, nguyện tha lưu biếm. Kiến tha phú hữu, nguyện tha phá tán (*Thấy người khác vinh hiển, sang cả, mong họ bị lưu đày, biếm trích. Thấy người khác giàu có, mong họ tàn mạt*)

220. Kiến tha sắc mỹ, khởi tâm tư chi (*Thấy vợ con người ta xinh đẹp, nảy lòng dan díu*)

267. Phụ tha hóa tài, nguyện tha thân tử. Can cầu bất toại, tiện sanh chú hận (*Thiếu nợ người khác vật*

dụng, tiền bạc, bèn mong họ chết đi. Mong cầu chẳng được toại ý, sanh lòng oán hận, chửi rủa)

271. Kiến tha thất tiện, tiện thuyết tha quá. Kiến tha thể tướng bất cụ nhi tiếu chi, kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi (*Thấy người khác sa chân lỡ bước, bèn rêu rao lỗi lầm của họ. Thấy người khác hình hài chẳng vẹn toàn bèn chê cười. Thấy người khác có tài năng đáng ca ngợi bèn chèn ép*)

279. Mai cổ yểm nhân, dụng dược sát thụ (*Chôn bùa ếm đối hại người. Dùng thuốc giết chết cây cối*)

282. Khuể nộ sư phó, để xúc phụ huynh (*Oán giận thầy dạy của chính mình, xung đột với cha anh*)

289. **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Chú Giảng Chứng Án Vựng Biên - Phần IV**

289. Cưỡng thủ cưỡng cầu, hiếu xâm, hiếu đoạt (*Đoạt ngang, cướp cạn, thích xâm lấn, thích chiếm đoạt*)

294. Lỗ lược trí phú, xảo trá cầu thiên (*Cướp bóc để trở nên giàu có. Xảo trá để cầu thăng quan tấn chức*)

299. Thưởng phạt bất bình, dật lạc quá tiết (*Thưởng phạt chẳng công bằng, hưởng lạc quá độ*)

305. Hà ngược kỳ hạ, khủng hách ư tha (*Hà khắc, ngược đãi cấp dưới, đe dọa người khác*)

312. Oán thiên vưu nhân, ha phong mạ vũ (*Oán trời, hờn người, chửi gió, mắng mưa*)

316. Đấu hợp tránh tụng, vọng trục bằng đảng (*Tranh chấp kiện tụng. Kéo bè kết đảng làm quấy*)

323. Dụng thê thiếp ngữ, vi phụ mẫu huấn (*Nghe lời thê thiếp, trái nghịch lời cha mẹ dạy răn*)

330. Đắc tân vong cố, khẩu thị tâm phi (*Có mới nới cũ, tâm khẩu chẳng nhất trí*)

336. Tham mạo ư tài, khi võng kỳ thượng, tạo tác ác ngữ, sàm hủy bình nhân (*Tham lam, xằng bậy đoạt tiền của, lừa dối bề trên. Nói lời ác độc, gièm chê, hủy báng người lành*)

346. Hủy nhân xưng trực, mạ thần xưng chánh (*Hủy báng kẻ khác, tự khoe bản thân chánh trực. Nhục mạ thần linh, tự xưng mình là chánh đáng*)

351. Khí thuận hiệu nghịch, bối thân hướng sơ (*Bỏ thuận theo nghịch. Phản bội người thân thuộc, chạy theo người ngoài*)

355. Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoài. Dẫn thần minh nhi giám ổi sự. Thí dữ hậu hối, giả tá bất hoàn (*Chỉ trời đất thề thốt làm chứng cho lòng dạ xấu xa. Viện dẫn thần minh hòng chứng giám chuyện tồi tệ. Cho rồi lại hối, vay mượn không trả*)

363. Phận ngoại doanh cầu. Lực thượng thi thiết (*Cầu mong quá phận. Dốc hết sức bày vẽ, tạo tác*)

367. Dâm dục quá độ (*Dâm dục quá độ*)

384. Tâm độc mạo từ, uế thực ủy nhân, tả đạo hoặc chúng (*Lòng dạ thâm độc, ra vẻ hiền lành. Cho người khác ăn thực phẩm dơ. Bàng môn tả đạo dối đời*)

392. Đoản xích, hiệp độ, khinh xứng, tiểu thăng, dĩ ngụy tạp chân, thải thủ gian lợi (*Thước non, thước thiếu, cân nhẹ, thưng non. Đồ giả xen lẫn hàng thật. Dùng thủ đoạn để kiếm lợi gian trá*)

402. Áp lương vi tiện. Mạn mạch ngu nhân (*Chèn ép người lành khiến họ trở thành ty tiện. Dối gạt kẻ ngu*)

407. Tham lam vô yếm, chú trớ cầu trực (*Tham lam chẳng chán, thề thốt để người khác tin là mình chánh trực*)

413. Thị tửu bột loạn (*Ham nhậu nhẹt, quậy phá*)

421. Cốt nhục phẫn tranh, nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận (*Là ruột thịt [với nhau mà] giận dữ, tranh chấp. Trai không trung lương. Gái chẳng nhu thuận*)

428. Bất hòa kỳ thất, bất kính kỳ phu (*Bất hòa với vợ. Chẳng kính trọng chồng*)

435. Mỗi hiếu căng khoa, thường hành đố kỵ (*Thường thích khoác lác, kiêu căng; thường hay ganh tỵ*)

446. Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô (*Đối xử với vợ con không ra gì, chẳng lễ phép đối với bố mẹ chồng*)

451. Khinh mạn tiên linh, vi nghịch thượng mạng (*Khinh rẻ hương linh tổ tiên. Vi phạm mạng lệnh của bề trên*)

455. Tác vi vô ích, hoài hiệp ngoại tâm (*Làm chuyện vô ích. Ngầm đổi lòng thay dạ*)

458. Tự chú, chú tha, thiên tăng, thiên ái (*Rủa mình, rủa người. Yêu ghét thiên vị*)

463. Việt tỉnh, việt táo, khiêu thực, khiêu nhân (*Nhảy qua giếng và bếp lò. Nhảy qua thức ăn, nhảy qua người khác*)

466. Tổn tử đọa thai, hành đa ẩn tịch (*Tổn hại con cái, phá thai. Làm nhiều chuyện ám muội*)

477. Hối lạp ca vũ, sóc đán hào nộ, đối Bắc thế thóa cập nịch, đối táo ngâm vịnh cập khốc (*Ca múa vào cuối tháng, ngày lạp. Gào hét, giận dữ vào ngày đầu tháng hoặc sáng sớm. Quay về hướng Bắc hỉ mũi, khạc nhổ, và tiểu tiện. Đối trước bếp lò ca hát, khóc lóc*)

485. Hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực, dạ khởi lõa lộ, bát tiết hành hình (*Lại còn dùng lửa từ bếp lò để châm hương. Nấu thức ăn bằng củi dơ. Ban đêm thức dậy, thân thể lõa lồ. Hành hình nhằm tám ngày Tiết*)

493. Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ tam quang, cửu thị nhật nguyệt (*Hướng về sao băng khạc nhổ, chỉ trỏ cầu vồng, bộp chộp chỉ trỏ tam quang, nhìn mặt trời, mặt trăng thật lâu*)

497. Xuân nguyệt liệu liệp, đối Bắc ác mạ, vô cố sát quy, đả xà (*Trong các tháng mùa xuân, đốt rừng để săn bắn. Hướng về phương Bắc chửi rủa độc địa. Vô duyên vô cớ, đánh giết rắn rùa*)

502. Như thị đẳng tội, Tư Mạng tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỷ toán, toán tận tắc tử, tử hữu dư trách, nãi ương cập tử tôn (*Đối với các tội như thế, thần Tư Mạng tùy theo tội nặng hay nhẹ mà trừ bớt tuổi thọ của người gây tội. Tuổi thọ đã hết, sẽ phải chết. Đã chết mà còn chưa hết nợ thì con cháu phải gánh tai ương*)

516. Hựu chư hoạnh thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đáng chi, tiệm chí tử táng. Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy, hỏa, đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đáng vọng thủ chi trực. (*Lại còn những kẻ cướp ngang tài vật của người khác thì vợ con, cả gia đình của hắn phải hứng chịu dần dần cho đến chết mất, tang tóc. Nếu không chết chóc, tang tóc, sẽ bị những chuyện như tai họa nước, lửa, trộm cướp, mất mát vật dụng, bệnh tật, khẩu thiệt để đền trả cái giá cướp càn*)

520. Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi

tương sát dã (*Lại còn những kẻ giết oan người khác, sẽ đổi lại bị giết trong chiến tranh*)

524. Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bô cứu cơ, trấm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi (*Kẻ chiếm giữ tài sản phi nghĩa, ví như dùng thịt nhiễm độc để cứu đói, dùng rượu ngâm lông chim Trấm để khỏi khát, không chỉ là chẳng tạm no mà còn phải chết*)

527. Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi, nhi cát thần dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi, nhi hung thần dĩ tùy chi (*Hễ dấy thiện niệm, tuy chưa làm lành, cát thần đã đi theo. Tâm móng niệm ác, tuy chưa làm ác, hung thần đã theo*)

530. Kỳ hữu tằng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cửu cửu tất hoạch cát khánh. Sở vị chuyển họa vi phước dã (*Nếu kẻ đã từng làm chuyện ác, về sau sửa đổi, hối hận, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, lâu ngày chầy tháng, ắt được cát khánh, đó gọi là chuyển họa thành phước vậy*)

537. Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phước. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hữu tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa, hồ bất miễn nhi hành chi? (*Do vậy, người cát tường nói lời lành, xem điều lành, làm điều lành, mỗi ngày có*

ba điều lành thì ba năm trời ắt ban phước cho. Còn kẻ ác nói lời ác, xem điều ác, làm điều ác, mỗi ngày có ba điều ác, ba năm trời ắt sẽ giáng họa. Sao không cố gắng thi hành vậy thay?)

550. **Thay lời kết & Hồi hướng**

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Bìa và mỹ thuật: Nguyên Hải - 0989100421. Sửa bản in: Nguyên Sơn

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông NIB

*

In 1.200 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Xí nghiệp in FAHASA, số 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình, TP.HCM. Số XNKHXB: 2365-2021/CXBIPH/20-48/HĐ, QĐXB: 363/QĐ-NXBHĐ. Cấp ngày: 02/07/2021. In xong và nộp lưu chiểu: 2021

ISBN:978-604-338-191-7

Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.
Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn

Ngoài ra có thể nghe pháp âm, đọc pháp ngữ tại:
Kênh Youtube: Pháp Âm Tuyên Lưu
Website: phapamtuyenluu.com